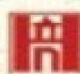
THE INTERNATIONAL BESTSELLER

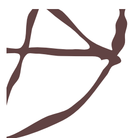
JO NESBØ

Ngôi sao của quỷ

MATRYOSHKA *dịch*









PHẦN MỘT



THỨ SÁU



trứng

Ngôi nhà được xây dựng vào năm 1898 trên nền đất sét và kể từ đó đến nay, mé nhà phía Tây đã lún xuống đôi chút, khiến nước mưa cứ thế chảy qua ngưỡng cửa gỗ nơi cánh cửa vẫn đang còn ngự trị. Nước chảy ngang qua phòng ngủ, để lại một vệt ướt trên mặt sàn gỗ sồi, hướng về phía Tây. Nó chững lại một giây ở chỗ sàn trũng trước khi bị dòng nước phía sau xô đi và, hệt như một con chuột hoảng hốt, cun cút chạy về phía len tường. Từ đây, nước rẽ sang hai hướng, lần mò rồi chẳng hiểu thế nào lại luồn qua dưới len tường cho tới khi tìm thấy khe hở giữa đầu ván ốp sàn bằng gỗ và bức tường. Nằm lọt trong khe hở ấy là một đồng xu năm krone khắc họa chân dung bán diện của Vua Olav cùng con số 1987, năm trước khi đồng xu rơi ra khỏi túi của người thợ mộc. Giai đoạn đó đang là thời kỳ hoàng kim, nhu cầu xây dựng những căn hộ áp mái nhiều không xuể ập xuống đầu khiến người thợ mộc không buồn nhặt nó lại.

Chẳng mấy chốc dòng nước đã tìm được đường đi xuyên qua sàn nhà bên dưới lớp ván gỗ. Ngoài cái lần bị dột vào năm 1968 - cũng là năm mái

nhà được lợp lại - ván sàn bằng gỗ vẫn vẹn nguyên như cũ, khô lại và co ngót đến nỗi khe hở giữa hai tấm ván gỗ thông trong cùng giờ đã rộng ra đến gần nửa xentimet. Nước rỏ xuống thanh xà bên dưới khe hở rồi tiếp tục chảy theo hướng Tây tới bức tường bên ngoài. Tại đó, nó ngấm vào lớp thạch cao và lớp vữa được nhào trộn từ một trăm năm trước, cũng là giữa mùa hè như thế này, dưới bàn tay của Jacob Andersen, người thợ hồ lành nghề và là bố của năm đứa con. Giống như bao thợ hồ ở Oslo thời ấy, Andersen đã tự tạo ra hỗn hợp vữa và thạch cao trát tường của riêng mình. Không chỉ có cách trộn vôi, cát và nước theo công thức độc đáo mà ông ta còn sử dụng hai nguyên liệu hết sức đặc biệt: lông ngựa và máu lợn. Jacob Andersen cho rằng lông và máu sẽ gắn kết thạch cao, giúp chúng thêm kiên cố. Trước những cái lắc đầu ngán ngẩm của đồng nghiệp trong nghề khi nghe kể về công thức ấy, Andersen phân bua rằng cách này không phải do mình tự nghĩ ra mà chính bố và ông nội ông ta ở Scotland ngày xưa cũng đã từng dùng lông và máu cừu để trộn. Dẫu không còn mang họ gốc Scotland mà thay bằng tên giao dịch, ông ta vẫn chẳng thấy có lý do gì để quay lưng lại với bí quyết được lưu truyền suốt sáu trăm năm qua của tổ tiên mình. Một số người trong nghề coi đó là việc làm vô đạo đức, số khác lại cho rằng Andersen đã liên minh với quỷ dữ, song phần lớn chỉ xem ông ta là trò cười. Có lẽ chính một trong những kẻ thuộc loại thứ ba ấy đã truyền đi câu chuyện bắt nguồn từ trong lòng thành phố Kristiania đang lớn lên từng ngày.

Có một người xà ích sống ở Grünerløkka kết hôn với cô em họ quê ở Värmland, sau đó hai vợ chồng chuyển đến căn hộ một phòng ngủ kèm phòng bếp trong một khu nhà tập thể ở Seilduksgata, công trình Andersen đã tham gia thi công. Bất hạnh thay, đứa con đầu lòng của hai người lại

chào đời với mái tóc xoăn sẫm màu cùng cặp mắt nâu. Do cả hai vợ chồng đều tóc vàng, mắt xanh - và ông chồng trời sinh lại sẵn tính hay ghen - nên một đêm khuya nọ, ông ta đã trói chặt hai tay vợ sau lưng, lôi cô ta xuống hầm và dùng gạch chặn lối thoát. Tiếng kêu gào của cô vợ hoàn toàn bị nhấn chìm bởi những bức tường dày cộp quây kín lấy người phụ nữ bị trói, đứng đó ép chặt giữa hai mặt tường gạch. Có lẽ ông chồng cứ tưởng rằng cô ta rồi sẽ thiếu dưỡng khí mà chết, nhưng những người thợ hồ vẫn để lại lỗ hổng thông gió. Rốt cuộc, người đàn bà tội nghiệp đã dùng chính hàm răng của mình để phá tường. Cách này có thể đúng là hiệu quả thật, bởi lẽ người thợ hồ gốc Scotland kia đã dùng máu và lông, nghĩ rằng mình có thể tiết kiệm nguyên liệu vôi đắt đỏ trong hỗn hợp vữa, kết quả thu được chính là một bức tường rỗ tổ ong và chẳng mấy chốc đã sụp đổ dưới sức mạnh của hàm răng Värmland chắc khỏe. Thế nhưng tiếc thay, khát vọng sống mãnh liệt lại thôi thúc người đàn bà không ngừng cắn gặm những miệng đầy gạch vữa. Cuối cùng, cô ta không thể nhai, nuốt hoặc nhổ ra được nữa và rồi cát, sỏi cùng những mảnh đất sét rơi vào đã làm tắc khí quản của cô ta. Mặt cô ta tím tái, tim đập chậm dần, rồi cô ta ngừng thở.

Nói theo cách thông thường là cô ta đã chết.

Vậy nhưng truyền thuyết kể lại rằng, vị máu lợn còn vương trong miệng khiến người đàn bà bất hạnh ấy tin rằng mình vẫn còn đang sống. Sau đó cô ta lập tức giật đứt những sợi thừng đang trói chặt lấy mình, lao qua tường và lại bắt đầu bước đi như xưa. Trong số những cụ già sống ở Grünerløkka có vài người vẫn còn nhớ câu chuyện từ thuở ấu thơ kể về người đàn bà có cái đầu lợn đi lang thang với con dao trong tay để lấy đầu những đứa trẻ nào dám ra khỏi nhà lúc đêm khuya. Cô ta nhất định phải nếm thấy vị máu trong miệng mình để khỏi tan biến vào hư không. Hồi ấy

chẳng mấy ai biết được tên người thợ hồ kia, còn Andersen thì vẫn ngày qua ngày miệt mài tạo nên hỗn hợp vữa đặc biệt của riêng mình. Ba năm sau, trong khi xây dựng tòa nhà mà lúc này dòng nước bị rỉ đang không ngừng tuôn chảy, Andersen đã sảy chân ngã từ trên giàn giáo xuống - để lại một gia tài vỏn vẹn có hai trăm krone và một cây đàn guitar. Mãi đến một trăm năm sau đó, những người thợ hồ mới bắt đầu sử dụng loại sợi nhân tạo giống như lông để trộn thêm vào hỗn hợp xi măng và các kỹ thuật viên tại một phòng thí nghiệm ở thành phố Milan mới phát hiện ra rằng những bức tường thành Jericho đã được gia cố cho thêm phần vững chãi bằng máu và lông lạc đà.

Tuy nhiên, phần lớn nước chảy ra đều không dồn về phía bức tường, mà lại chảy xuống dưới, vì nước, cũng giống như thói hèn nhát và tà dục, luôn tìm đến những nơi hạ đẳng nhất để trú ngụ. Mới đầu, nó bị hút trọn bởi tầng cách nhiệt gợn sóng chia thành từng mảng nhỏ chèn giữa các thanh dầm, nhưng nước không ngừng đổ về và chẳng mấy chốc, tầng cách nhiệt cũng ướt sũng. Nước rỉ qua đúng chỗ đó và thấm ướt tờ báo ra ngày 11 tháng Bảy năm 1898 với nhận định cho rằng giai đoạn nở rộ của ngành xây dựng có lẽ đã đạt tới đỉnh điểm, giới đầu cơ nhà đất bất chính chắc chắn sẽ phải đối mặt với thời kỳ khó khăn sắp tới. Bài viết trên trang ba nói rằng cảnh sát vẫn chưa thu thập được manh mối nào trong vụ án xảy ra vào tuần trước, một nữ y tá trẻ được tìm thấy đã chết trong phòng tắm do bị đâm nhiều nhát. Hồi tháng Năm, thi thể một cô gái khác bị sát hại theo thủ pháp tương tự cũng được phát hiện ở gần sông Akerselva, nhưng cảnh sát không cho biết giữa hai vụ án có mối liên hệ nào hay không.

Nước tràn qua tờ báo, len lỏi giữa những mảnh ván sàn và chảy men theo mặt trong của tấm vải sơn phủ trần phòng bên dưới. Vì tấm vải này

vốn đã bị hư hại trong thời gian sửa nhà sau trận dột năm 1968, nên nước rỉ qua những lỗ thủng, tụ lại thành từng giọt lơ lửng cho tới khi trọng lượng của giọt nước khiến sức căng bề mặt không sao thắng nổi lực hấp dẫn nữa, và rồi chúng buông rơi từ độ cao 3,08 mét. Ở đó những giọt nước đáp xuống và kết thúc chặng đường quăng mình vào không trung. Hòa vào cùng những giọt nước khác.

Vibeke Knutsen rít mạnh điếu thuốc lá rồi phả khói qua ô cửa sổ để ngỏ trên tầng bốn của ngôi nhà tập thể. Đó là một buổi chiều ấm áp, không khí bốc lên từ lớp nhựa đường được mặt trời hun nóng ở sân sau, đưa làn khói tỏa về phía mặt tiền ngôi nhà sơn màu xanh lơ cho tới khi tan biến vào không trung. Phía bên kia mái nhà có tiếng ô tô chạy qua con phố Ullevålsveien vốn thường náo nhiệt. Nhưng giờ người ta đã kéo nhau đi nghỉ hết, khiến cả khu phố gần như vắng lặng hẳn. Một con ruồi đang nằm phơi bụng trên bậu cửa sổ, sáu chân nó giơ cả trong không khí. Nó nào đủ khôn ngoan để biết đi tránh nóng cơ chứ. Đầu kia căn hộ trông ra phố Ullevålsveien mát hơn ở bên này, nhưng Vibeke không thích quang cảnh nhìn từ bên ấy. Nghĩa trang Our Saviour. Chốn tụ hội của những người nổi tiếng. Nổi tiếng và đã chết. Ở tầng trệt có cửa hiệu bán "bia tưởng niệm", giống như biển quảng cáo có viết, hay nói cách khác là bia mộ. Đây đích thị là "nhất cự ly, nhì tốc độ".

Vibeke tựa trán lên ô kính cửa sổ mát rượi.

Cô đã từng vui mừng khi tiết trời chuyển ấm, nhưng niềm vui ngắn chẳng tày gang. Lúc này đây cô chỉ mong đến những đêm mát mẻ hơn bây giờ và phố xá cũng đông đúc trở lại. Từ sáng đến trưa hôm nay có đúng

năm khách ghé thăm phòng tranh và sau giờ ăn trưa cũng chỉ thêm được mỗi ba người. Cô đã hút hết một bao rưỡi thuốc để giải sầu. Tim cô đập nhanh, họng đau rát, thực tế là Vibeke còn gần như mất giọng lúc sếp cô gọi điện hỏi han tình hình công việc. Ấy thế mà cô vừa về đến nhà và bỏ khoai tây vào nồi thì cơn thèm thuốc đã lại nhộn nhạo nơi dạ dày.

Vibeke cai thuốc lá từ hồi quen Anders hai năm trước. Anh ta không bắt cô làm thế. Ngược lại là đằng khác. Trong lần đầu gặp gỡ ở Gran Canaria, thậm chí anh ta còn hỏi xin cô một điếu. Để cho vui. Ngày hai người dọn về sống chung, chỉ một tháng sau khi trở lại Oslo, một trong những điều đầu tiên anh ta nói với cô là mối quan hệ này có lẽ sẽ chịu được việc phải hít chút khói thuốc thụ động, và rằng các chuyên gia nghiên cứu ung thư chắc chắn đã phóng đại nguy cơ mắc bệnh. Chẳng mấy chốc anh ta chắc sẽ quen với mùi khói thuốc ám trên quần áo họ. Và buổi sáng kế tiếp, cô đã đưa ra quyết định. Mấy ngày sau đó, trong lúc ăn trưa, khi anh ta bảo đã lâu rồi không thấy cô đụng đến thuốc lá, cô đáp rằng thực ra xưa nay mình cũng không quen hút thuốc. Anders mỉm cười rướn người qua bàn và vuốt má cô.

“Em biết sao không, Vibeke? Anh cũng luôn cho là thế đấy.”

Cô nghe thấy chiếc nồi sau lưng sôi sùng sục và đưa mắt nhìn điếu thuốc. Còn ba lần rít nữa. Cô rít hơi thứ nhất. Chẳng có vị gì cả.

Vibeke hầu như không thể nào nhớ nổi mình bắt đầu tái nghiện từ khi nào. Chắc là từ năm ngoái, khoảng thời gian anh ta bắt đầu xa nhà để đi công tác dài ngày. Hay là hồi bước sang năm mới nhỉ, khi cô bắt đầu phải làm thêm giờ hầu hết các buổi tối? Phải chăng cô hút để quên đi nỗi buồn? Cô có buồn không nhỉ? Họ chẳng bao giờ cãi cọ cả. Chuyện chăn gối gần như cũng bằng không, nhưng là vì Anders đã làm việc quá sức, anh ta nói

với cô như thế, đặt dấu chấm hết cho bất kỳ cuộc đối thoại nào xoay quanh đề tài này. Nhưng cũng không hẳn là cô nhung nhớ gì chuyện ấy. Trong những lần hiếm hoi hai người cố quan hệ một cách đầy hời hợt, anh ta dường như thật sự chẳng để tâm. Vậy là cô hiểu ra mình cũng không cần thật sự để tâm làm gì.

Nhưng thực tế, họ không hề cãi nhau. Anders không thích to tiếng.

Vibeke nhìn đồng hồ: năm giờ mười lăm phút. Có chuyện gì với anh ta thế nhỉ? Thường thì những hôm nào phải về muộn, anh ta đều sẽ báo với cô. Cô dụi điếu thuốc, vứt ra ngoài sân sau rồi đi kiểm tra nồi khoai tây trên bếp. Cô lấy dĩa xiên vào củ to nhất. Sắp chín rồi. Có mấy mẩu nhỏ màu đen cứ bập bềnh chìm nổi trong nồi nước sôi sùng sục. Lạ thật. Thứ này là từ khoai tây hay từ nồi ra nhỉ?

Cô đang vắt óc cố nhớ xem lần gần đây nhất mình dùng cái nồi này để nấu món gì thì bỗng có tiếng cửa trước mở. Từ ngoài hành lang vọng vào tiếng ai đó thở hổn hển cùng tiếng hất giày ra khỏi chân. Anders đi vào bếp và mở tủ lạnh.

“Tối ăn gì?” anh ta hỏi.

“Rissole.”

“OK…?” Anh ta lên giọng ở cuối câu nghe như là chất vấn. Cô lờ mờ hiểu ra được ý anh ta muốn nói. Lại thịt nữa ư? Ăn cá thường xuyên hơn một chút không được sao?

“Thôi được,” anh ta nói bằng giọng đều đều, nghiêng người ngó cái nồi.

“Anh đã làm gì vậy hả? Người mồ hôi mồ kê nhễ nhại hết rồi kìa.”

“Tối nay không có buổi tập, nên anh đã đạp xe tới Sognsvann rồi vòng

về. Trong nồi có cục gì thế này? ”

“Em không biết,” Vibeke đáp. “Em cũng chỉ vừa phát hiện ra thôi.”

“Em không biết ư? Chẳng phải ngày xưa em từng làm đầu bếp hay gì sao?”

Bằng một động tác nhanh nhẹn, anh ta nhón lấy một mẩu và bỏ vào miệng. Cô nhìn xoáy vào sau đầu anh ta. Nhìn mái tóc nâu thưa thớt từng quyến rũ biết mấy trong mắt cô. Nó được cắt tỉa rất gọn gàng với độ dài vừa phải. Cùng một đường rẽ ngôi. Ngày ấy trông anh ta mới bảnh bao làm sao. Giống diện mạo của một người đàn ông có tiền đồ. Tiền đồ đủ cho cả hai.

“Vị thế nào?” cô hỏi.

“Chẳng thế nào cả,” anh ta nói, vẫn cúi người phía trên cái nồi. “Vị trứng.”

“Trứng ư? Nhưng em đã rửa nồi…”

Cô đột ngột im bặt.

Anders ngoái lại nhìn. “Sao thế?”

“Có… một giọt nước vừa rơi.” Cô chỉ vào đầu anh ta.

Anh ta cau mày, đưa tay lên sờ phía sau đầu mình. Rồi cả hai đồng loạt ngả người, ngửa cổ nhìn lên trần. Có hai giọt nước nhỏ đang đọng lại lơ lửng trên tấm vải trắng trên đó. Vốn bị cận nhẹ nên Vibeke chẳng thể nhìn ra hai giọt nước ấy có long lanh hay không. Nhưng thực tế chúng không hề như vậy.

“Chắc là phòng Camilla bị ngập rồi,” Anders nói. “Em lên trên đó gọi cô ta đi, để anh báo với người quản lý nhà.”

Vibeke căng mắt nhìn lên trần. Rồi lại cúi nhìn những mẩu nhỏ trong nồi.

“Lạy Chúa tôi,” cô khẽ thì thào, cảm thấy tim mình lại đang đập dồn trong lồng ngực.

“Giờ là gì nữa thế?” Anders hỏi.

“Anh đi gọi quản lý đến đây rồi cùng ông ta lên phòng Camilla đi. Em sẽ báo cảnh sát.”

THỨ SÁU



nghỉ phép

Sở Cảnh sát Oslo ở Grønland tọa lạc trên đỉnh con dốc nằm giữa hai khu Grønland và Tøyen, nhìn ra khu vực phía Đông của trung tâm thành phố. Công trình có kết cấu bằng kính và thép, được hoàn tất vào năm 1978. Cả tòa nhà không có bề mặt nào nghiêng dốc mà cân xứng tuyệt đối, nhờ đó nó đã giúp ba kiến trúc sư Telje, Torp và Aasen giành được giải thưởng. Người thợ điện đi dây cho hai dãy văn phòng dài dằng dặc ở tầng bảy và tầng chín cũng đã nhận được tiền trợ cấp xã hội cùng một bài nhiếc móc thậm tệ từ ông bố khi anh ta ngã từ trên giàn giáo xuống và bị gãy lưng.

"Nhà này đã có truyền thống bảy đời làm thợ hồ, chịu cảnh chơi vơi giữa không trung trước khi bị rơi xuống mặt đất. Ông nội tao đã tìm cách trốn chạy khỏi lời nguyền ấy, thế mà có chạy tuốt qua Biển Bắc cũng không thoát. Vậy nên, ngay từ khi đẻ mày ra, tao đã thề sẽ không để mày phải chịu chung số phận. Và tao cứ tưởng tâm nguyện của tao thế là đã thành. Một thằng thợ điện… Tao không hiểu thợ điện thì làm cái quái gì ở độ cao sáu mét cơ chứ?"

Tín hiệu phát đi từ phòng điều phối trung tâm, truyền qua lõi đồng bên trong chính những sợi dây cáp mà anh con trai kia đã đặt, đi xuyên vách ngăn giữa các sàn nhà được đúc bằng bê tông công nghiệp, tới tận phòng làm việc của sếp Đội Hình sự, Chánh thanh tra Bjarne Møller, nằm trên tầng sáu. Lúc này Møller đang ngồi đó băn khoăn tự hỏi mình có đang ngóng đợi hay hãi hùng trước viễn cảnh phải trải qua kỳ nghỉ cùng gia đình tại căn nhà gỗ trên núi ở Os, ngoại vi thành phố Bergen không. Thời tiết tháng Bảy ở Os chắc chắn là rất tệ. Thực ra Bjame Møller chẳng mảy may phật ý khi phải thay thế đợt nắng nóng đã được dự báo ở Oslo bằng những cơn mưa phùn nho nhỏ, mà việc khiến ông đau đầu là làm sao để hai cậu nhóc siêu quậy chịu ngồi yên khi trong tay chỉ có mỗi bộ bài tây thiếu mất quân J cơ.

Bjarne Møller duỗi đôi chân dài và gãi gãi vành tai trong lúc nghe thông báo.

“Họ phát hiện ra như thế nào?” ông hỏi.

“Căn hộ tầng dưới bị dột,” giọng nói từ phòng điều phối đáp. “Nhân viên quản lý nhà và người đàn ông sống ở tầng dưới lên bấm chuông cửa nhưng mãi mà không có ai nghe. Thấy cửa không khóa nên họ vào xem thử.”

“Được. Tôi sẽ cử hai sĩ quan tới hiện trường.”

Møller cúp máy rồi thở dài và lướt ngón tay trên bảng phân công công tác bằng nhựa đặt trên bàn làm việc. Có đến một nửa số sĩ quan trong đội đang nghỉ phép. Đó là chuyện thường xảy ra vào khoảng thời gian này mỗi năm. Song điều đó không có nghĩa người dân Oslo sẽ phải đối diện với nguy cơ thường trực, vì lũ tội phạm trong thành phố dường như cũng thích được nghỉ ngơi ít ngày vào tháng Bảy. Xét về tính chất công việc của Đội

Hình sự mà nói thì đây chắc chắn đang là mùa thấp điểm về tội phạm.

Ngón tay Møller dừng lại ở cái tên Beate Lønn. Ông quay số của *Krimteknisk,* tức Phòng Giám định Pháp y ở Kjølberggata. Không ai nhấc máy. Ông chờ cuộc gọi được chuyển hướng đến tổng đài.

"Beate Lønn đang ở phòng thí nghiệm," một giọng vui vẻ cất lên.

"Møller bên Đội Hình sự đây. Anh nối máy cho cô ấy giúp tôi được không?"

Ông kiên nhẫn đợi. Người vừa nghe máy là Karl Weber, sếp của *Krimteknisk* mới về hưu cách đây chưa lâu, ông ta cũng chính là người đã đưa Beate Lønn từ Đội Hình sự về làm. Møller coi đó là một bằng chứng nữa củng cố cho học thuyết tân Darwin rằng ông sếp kia làm thế chỉ với một mục đích duy nhất là để bảo tồn bộ gen của chính mình. Rõ ràng Weber tin ông ta và Beate Lønn sở hữu một cơ số gen giống nhau. Thoạt nhìn, Karl Weber và Beate Lønn có thể có khá nhiều điểm khác biệt. Weber bẳn tính và hay cằn nhằn, còn Lønn là cô nàng nhỏ thó nhút nhát mà hồi mới ra trường, cứ nói chuyện với người khác là y như rằng sẽ đỏ mặt. Nhưng gen cảnh sát của họ thì đúng là giống hệt. Cả hai đều là tip người tràn đầy nhiệt huyết, một khi đã đánh hơi thấy con mồi, họ có khả năng quên đi hết thảy mọi thứ khác và chỉ tập trung nghiên cứu một manh mối pháp y hoặc bằng chứng gián tiếp nào đó, cuốn băng ghi hình hay một lời mô tả mơ hồ, cho đến tận khi chân tướng cuối cùng cũng bắt đầu lờ mờ sáng tỏ. Những kẻ ác khẩu còn mỉa mai rằng chỗ của Weber và Lønn là ở phòng thí nghiệm chứ không phải ngoài hiện trường, nơi những hiểu biết của một điều tra viên về hành vi con người vẫn còn được xem trọng hơn một dấu chân để lại hoặc sợi vải rơi ra từ chiếc áo khoác nào đó.

Có thể Weber và Lønn sẽ đồng tình với nhận xét về phòng thí nghiệm

kia, nhưng chuyện dấu chân và sợi vải thì không.

"Lønn nghe."

"Chào Beate. Bjarne Møller đây. Tôi có đang làm phiền cô không?"

"Tất nhiên là không rồi. Có chuyện gì vậy sếp?"

Møller giải thích qua tình hình và đọc địa chỉ cho cô.

"Tôi sẽ cử hai cậu bên này đi cùng cô," ông nói.

"Ai ạ?"

"Tôi phải xem lại lịch mới biết được. Cô biết đấy, đang kỳ nghỉ hè mà."

Møller cúp máy, lướt ngón tay xuống thấp hơn nữa trên bảng danh sách phân công.

Và dừng lại ở cái tên Tom Waaler.

Ô vuông bên cạnh những ngày nghỉ đều để trống. Điều đó chẳng khiến Bjarne Møller thấy ngạc nhiên. Có đôi lúc ông tự hỏi có bao giờ Tom Waaler dành thời gian nghỉ ngơi hay thậm chí là ngủ không. Anh ta là một trong hai điều tra viên xuất sắc nhất của Sở. Luôn có mặt, luôn xông xáo và gần như luôn hoàn thành nhiệm vụ. Khác hẳn với vị thanh tra còn lại kia, Tom Waaler là người đáng tin cậy, hồ sơ không tì vết, ai nấy đều ngưỡng mộ. Nói ngắn gọn là một sĩ quan cấp dưới đáng mơ ước. Với khả năng lãnh đạo không ai có thể bàn cãi, anh ta đã được nhắm sẵn cho cái ghế Chánh thanh tra của Møller khi ông về hưu sau này.

Điện thoại của Møller phát ra tiếng lẹt xẹt qua những vách ngăn mỏng.

"Waaler nghe," một giọng nói thâm trầm cất lên.

"Møller đây. Chúng ta…"

"Đợi tôi một lát, Bjarne. Tôi đang dở một cuộc điện thoại khác."

Bjarne Møller nhịp nhịp ngón tay trên bàn trong lúc chờ đợi. Tom Waaler có tiềm năng trở thành Chánh thanh tra trẻ nhất của Đội Hình sự. Phải chăng tuổi đời non trẻ là điều khiến Bjarne Møller đôi lúc cảm thấy có chút lo lắng khi nghĩ đến việc giao lại trọng trách của mình cho Tom? Hay có lẽ là vì hai vụ nổ súng kia? Anh chàng điều tra viên ấy đã hai lần buộc phải nổ súng trong lúc tiến hành bắt giữ và vốn là một trong những tay súng thiện xạ của ngành nên cả hai lần nhắm bắn mục tiêu đó đều gây ra sát thương. Ngược đời thay, Møller cũng biết rằng một trong hai vụ ấy hoàn toàn có thể đem lại lợi thế trong việc bổ nhiệm chức vụ Chánh thanh tra cho Waaler. SEFO, cơ quan điều tra độc lập của ngành, chẳng hề phát hiện được bất cứ điều gì cho thấy Tom nổ súng ngoài mục đích tự vệ. Thậm chí họ còn kết luận là ở cả hai trường hợp, anh ta đều đã chứng tỏ được khả năng phán đoán đầy chuẩn xác cùng những phản ứng nhanh nhạy trong tình huống cấp bách. Trên đời liệu còn bảo chứng nào đáng giá hơn đối với một ứng viên tiềm năng cho chức Chánh thanh tra tương lai chứ?

"Xin lỗi nhé, Bjarne. Vừa có người gọi vào di động của tôi. Sếp có gì dặn dò?"

"Chúng ta có việc rồi."

"Cuối cùng cũng được nghe câu này."

Cuộc nói chuyện kết thúc trong vòng đúng mười giây. Giờ ông chỉ cần tìm thêm một người nữa thôi.

Møller đã nghĩ đến Halvorsen, nhưng theo danh sách phân công thì cậu ta đang xin nghỉ về thăm nhà ở Steinkjer. Ngón tay ông tiếp tục di xuống dưới. Nghỉ phép, nghỉ phép, nghỉ ốm. Ngài Chánh thanh tra thở dài đánh thượt khi ngón tay dừng lại ở cái tên ông đã hy vọng mình có thể tránh được.

Harry Hole.

Con sói độc hành, gã bợm rượu, đứa con bất trị của Sở, và cũng là điều tra viên xuất sắc nhất tầng sáu, ngoài Tom Waaler ra. Nếu không vì lý do trên và cả thực tế là sau từng ấy năm trong nghề, ở Bjarne Møller đã hình thành một kiểu thiên hướng hơi tai quái là giơ đầu chịu báng thay cho tay cảnh sát nát rượu này, Harry Hole chắc đã bị đuổi khỏi ngành lâu rồi. Thường thì Harry sẽ là người đầu tiên ông gọi điện giao việc, nhưng mọi chuyện không giống bình thường nữa.

Hay nói cách khác: chúng còn khuya mới được như bình thường.

Tình hình đã lên tới đỉnh điểm từ tháng trước, sau khi Hole miệt mài dành cả mùa đông để lật lại một vụ án cũ, vụ sát hại đồng nghiệp thân thiết nhất của anh, Ellen Gjelten, người đã bị giết hại tại khu vực gần sông Akerselva. Trong suốt thời gian đó, anh hoàn toàn không để tâm đến những vụ án khác. Dù vụ Ellen Gjelten đã được làm sáng tỏ từ lâu, nhưng Harry vẫn ngày càng bị ám ảnh, và thành thực mà nói thì Møller đang bắt đầu cảm thấy lo lắng về tình trạng sức khỏe tâm thần của anh. Thời khắc quyết định xảy đến cách đây bốn tuần trước, khi Harry đến gặp ông ở văn phòng để trình bày về thuyết âm mưu ghê rợn mà anh vẽ nên. Nói ngắn gọn là, anh đã đổ lên đầu Tom Waaler một đống tội danh ảo tưởng dù không nắm trong tay bằng chứng xác thực nào.

Thế rồi Harry cứ thế lặn mất tăm. Mấy ngày sau Møller gọi điện đến nhà hàng Schrøder và nhận được hung tin đúng như ông lo ngại: Harry đã lại đắm chìm vào một đợt say không bến bờ. Để bao che cho sự vắng mặt của Harry, Møller đã xếp anh vào diện nghỉ phép. Một lần nữa. Thường thì sau khoảng một tuần Harry sẽ tái xuất, nhưng giờ đã bốn tuần trôi qua. Đợt nghỉ phép kết thúc rồi.

Møller liếc nhìn cái ống nghe điện thoại, sau đó ông đứng dậy và bước tới bên cửa sổ. Mới có năm rưỡi chiều mà công viên trước trụ sở đã gần như vắng tanh. Chỉ những kẻ kỳ quái tôn sùng mặt trời mới có gan chịu được cái nóng này. Trên phố Grønlandsleiret có mấy người bán hàng đang ngồi dưới mái che bên cạnh sạp rau củ. Dù không gặp cảnh tắc nghẽn giờ cao điểm nhưng thậm chí dòng xe cộ di chuyển càng lúc càng chậm chạp. Møller đưa hai tay vuốt tóc ra sau, đó là thói quen đã ăn sâu vào máu mà bà xã vẫn khuyên ông nên bỏ đi là vừa, kẻo người ta trông thấy lại tưởng ông làm thế để che chỗ đầu hói. Thực sự giờ không còn ai khác ngoài Harry sao? Møller nhìn theo một gã say đang chân đăm đá chân chiêu trên phố Grønlandsleiret. Ông đoán gã đang định đến quán Raven, nhưng ở đây không bán rượu. Chắc rốt cuộc gã cũng dạt về quán Boxer thôi. Đó chính là nơi vụ án Ellen Gjelten được khép lại dứt điểm. Và có lẽ là cả sự nghiệp trong ngành cảnh sát của Harry Hole nữa. Møller đang phải gánh chịu nhiều áp lực, ông sẽ sớm phải đưa ra quyết định xử lý rắc rối mang tên Harry kia. Nhưng đó là chuyện lâu dài, việc quan trọng bây giờ là xử lý vụ án mới này đã.

Møller nhấc ống nghe điện thoại lên và thoáng cân nhắc về việc mình sắp làm: cho Harry Hole và Tom Waaler cùng điều tra một vụ án. Những kỳ nghỉ kiểu này thật đáng ghét. Xung điện xuất phát từ công trình kỷ niệm của Telje, Torp và Aasen, vượt qua chặng đường dài để đến với một xã hội có trật tự và kỷ cương, rồi bắt đầu đổ chuông ở nơi đang chìm trong hỗn loạn, chính là căn hộ trên phố Sofies.

THỨ SÁU



thức tỉnh

Tiếng thét của cô lại cất lên và Harry Hole bừng mở mắt.

Ánh nắng yếu ớt len lỏi qua tấm rèm đang nhè nhẹ đung đưa khi âm thanh chói tai của đoàn tàu điện chầm chậm chạy trên phố Pilestredet dần lùi xa. Harry gắng gượng xác định lại vị trí của bản thân ngay lúc này. Anh đang nằm trên sàn phòng khách chính nhà mình. Quần áo vẫn còn nguyên, dù không chỉn chu lắm. Vẫn ở miền đất sống, dù không thực sự còn sức sống.

Mồ hôi xăm xắp trên mặt anh hệt như lớp trang điểm dính dớp, cảm giác tim nhẹ tênh nhưng thân thể nặng trịch, chẳng khác gì trái bóng bàn trên sàn bê tông. Đầu anh còn tệ hơn thế nhiều.

Harry do dự trong giây lát trước khi quyết định tiếp tục hít thở. Trần nhà và bốn bức tường quay mòng mòng, cả căn hộ không có tranh ảnh hay chiếc đèn trần nào để mắt anh có thể lấy đó làm điểm tựa. Những thứ phụ kiện duy nhất đang quay cuồng trong tầm mắt của anh chính là cái giá sách

hiệu IKEA, lưng một chiếc ghế và cái bàn uống nước màu xanh lục mua ở Elevator. Nhưng ít nhất anh đã thoát được khỏi cơn mơ.

Vẫn là cơn ác mộng cũ. Chịu cảnh chôn chân tại chỗ, không sao nhúc nhích nổi, anh đã cố nhắm mắt trong tuyệt vọng để khỏi phải trông thấy miệng cô, cái miệng méo mó đang mở lớn trong tiếng thét câm lặng. Cặp mắt trợn tròn vô cảm đầy vẻ oán trách không lời. Khi anh còn trẻ, cô gái trong cơn ác mộng là hiện thân của Sis, em gái anh. Còn bây giờ người đó là Ellen Gjelten. Lúc đầu chỉ có những tiếng thét câm lặng, nay chúng lại hóa thành âm thanh như tiếng phanh xe bằng thép rít lên the thé. Anh không biết trường hợp nào mới là tồi tệ hơn.

Harry bất động nằm đó, đăm đăm nhìn qua khe hở ở giữa những tấm rèm, hướng ánh mắt về phía mặt trời tỏa nắng lung linh trên những con phố và sân sau những ngôi nhà trên đường Bislett. Chỉ còn tiếng tàu điện là âm thanh duy nhất phá vỡ sự tĩnh lặng của ngày hè. Thậm chí anh chẳng thèm chớp mắt. Cứ nhìn chằm chằm vầng mặt trời cho tới khi nó hóa thành một trái tim bằng vàng rung lên từng nhịp đập, được bọc trong lớp màng mỏng màu xanh dương nhạt, đưa hơi nóng lan tỏa đi muôn nơi. Hồi anh còn nhỏ, mẹ anh từng bảo rằng trẻ con nhìn thẳng vào mặt trời là mắt sẽ bị thiêu cháy ngay, trong đầu chỉ toàn ánh nắng và sẽ mãi như thế cho đến cuối ngày lẫn cuối đời. Ánh nắng trong đầu ấy sẽ lấn át tất cả những thứ khác trong tâm trí. Giống như hình ảnh sọ của Ellen bị đập vỡ trên nền tuyết gần sông Akerselva với một hình bóng thấp thoáng đứng bên trên. Đã ba năm nay anh miệt mài săn tìm cái bóng ấy. Nhưng đến giờ vẫn chưa bắt được nó.

Rakel…

Harry thận trọng nhỏm đầu dậy, nhìn con mắt đen ngòm vô hồn của máy trả lời tự động. Cái máy không còn sự sống chẳng rõ đã bao nhiêu tuần

nay, kể từ sau buổi gặp mặt ở quán Boxer giữa anh và người đứng đầu *Kripos,* cơ quan điều tra tội phạm của Na Uy. Mà có thể nó cũng đã bị mặt trời thiêu cháy rồi.

Chết tiệt, trong này nóng thế không biết!

Rakel…

Giờ anh nhớ ra rồi. Trong mơ, đã có lúc khuôn mặt đó hóa thành mặt Rakel. Sis, Ellen, mẹ anh, Rakel. Những khuôn mặt phụ nữ. Cứ như chỉ trong một nhịp đập không ngừng, chúng có thể biến đổi rồi hòa vào nhau như cũ vậy.

Harry rên lên một tiếng và lại ngả đầu xuống sàn. Anh nhác thấy cái chai đặt chênh vênh ở mép bàn phía trên. Jim Beam, sản xuất ở Clermont, tiểu bang Kentucky. Rượu trong chai đã hết. Tan biến, bốc hơi cả rồi. Rakel. Anh nhắm mắt. Chẳng còn lại gì nữa.

Anh không rõ lúc này là mấy giờ, chỉ biết là đã muộn. Hoặc vẫn còn sớm. Bất luận thế nào, thật sai lầm khi chọn lúc này để thức dậy. Hay nói chính xác hơn là, đi ngủ. Thời điểm này trong ngày nên dành để làm việc khác. Uống rượu chẳng hạn.

Harry ngồi dậy ở tư thế quỳ.

Có thứ gì đó đang rung lên trong túi quần anh. Giờ anh mới biết hóa ra chính nó đã đánh thức mình dậy. Một con ngài mắc kẹt và đang đập cánh trong tuyệt vọng. Anh thọc tay vào túi và lôi ra chiếc điện thoại di động.

Harry chậm rãi đi về phía phố St Hanshaugen. Cơn đau đầu đang dậy lên

nhức nhối sau hai hốc mắt anh. Địa chỉ Møller cho anh chỉ cần đi bộ một đoạn ngắn là tới. Anh đã vã chút nước lên mặt, tìm thấy một giọt whisky trong tủ đồ bên dưới bồn rửa, sau đó rời khỏi nhà với hy vọng chuyến tản bộ sẽ giúp đầu óc mình tỉnh táo lại. Harry đi qua quán Underwater: mở cửa từ bốn giờ chiều tới ba giờ sáng, riêng thứ Hai là từ bốn giờ chiều tới một giờ sáng và nghỉ Chủ nhật. Nơi này không phải chốn anh thường xuyên lui tới, vì quán quen của anh, Schrøder, nằm ngay phố bên cạnh, nhưng cũng như phần lớn những tay bợm nhậu khác, Harry luôn dành một chỗ trong đầu để tự động lưu giữ giờ mở cửa của các quán rượu.

Anh mỉm cười với hình ảnh phản chiếu của mình trong những ô cửa sổ đầy bụi bẩn. Hẹn lúc khác nhé.

Đến góc đường, anh rẽ phải, xuôi theo phố Ullevålsveien. Harry không thích đi bộ ở Ullevålsveien. Con phố này toàn xe cộ, không dành cho khách bộ hành. Điều tốt đẹp nhất ở Ullevålsveien đối với anh là vỉa hè phía bên phải mang đến chút bóng râm trong những ngày như thế này.

Harry dừng chân trước số nhà được bảo, liếc nhanh tổng thể ngôi nhà một lượt.

Tầng trệt là tiệm giặt với những cái máy giặt màu đỏ. Tờ giấy dán ở cửa sổ có ghi giờ mở cửa là từ tám đến hai mươi mốt giờ hằng ngày và có dịch vụ giặt khô trong vòng hai mươi phút với giá ưu đãi ba mươi krone. Một người phụ nữ quàng khăn với nước da sẫm màu đang ngồi bên cạnh cái lồng giặt quay tròn, mắt nhìn xa xăm. Cạnh tiệm giặt có cửa hiệu bán bia mộ, sâu bên trong là tấm biển neon màu xanh lục đề chữ QUÁN KEBAB treo trên cửa hàng ăn uống kiêm cửa hàng tạp hóa. Harry nhìn lướt qua mặt tiền nhếch nhác của ngôi nhà. Lớp sơn trên ô cửa sổ cũ đã rạn nhưng cửa sổ ở mái cho thấy tầng áp mái mới được chuyển đổi thành phòng ở phía trên

bốn tầng nhà nguyên bản. Một chiếc camera gắn trên hệ thống điện thoại nội bộ mới lắp bên cạnh cánh cổng sắt han gỉ. Dòng tiền của khu Tây Oslo đang chảy về khu Đông theo kiểu chậm mà chắc. Harry nhấn chuông cửa trên cùng, cạnh cái tên Camilla Loen.

"Ai đấy?" tiếng nói trong loa vang lên.

Dẫu đã được Møller báo trước mà anh vẫn cứ sửng sốt như thường khi nghe thấy giọng của Tom Waaler.

Harry gắng gượng đáp, nhưng không thể vắt ra được một thanh âm nào từ dây thanh quản của mình. Sau khi ho hắng, anh thử lại lần nữa.

"Hole đây. Mở cửa đi."

Tiếng rung rì rì vang lên và anh cầm lấy cái tay nắm cửa bằng sắt đen sì, thô lạnh.

"Chào anh."

Harry ngoái lại.

"Chào Beate."

Beate Lønn chỉ cao dưới trung bình một chút, với mái tóc vàng sậm và đôi mắt xanh dương, trông không hẳn ưa nhìn nhưng chẳng đến nỗi xấu. Nói tóm lại, ở Beate Lønn không có điểm nào nổi bật, ngoại trừ trang phục. Cô đang mặc bộ đồ bảo hộ màu trắng trông hơi giống trang phục của phi hành gia.

Harry giữ cửa mở để cô mang hai chiếc hộp kim loại cỡ lớn vào trong.

"Cô vừa đến à?"

Anh cố gắng không phả hơi thở vào cô khi cô đi ngang qua.

"Không. Tôi xuống lấy nốt đồ trong xe thôi. Bọn tôi đến được nửa tiếng rồi. Anh va vào đâu à?"

Harry xoa ngón tay lên vết máu đóng vảy trên mũi.

“Chắc vậy.”

Anh theo cô đi qua cánh cửa thứ hai, dẫn lên cầu thang.

“Trên ấy thế nào?”

Beate đặt hai cái hộp trước cửa thang máy màu xanh lục, mắt vẫn ngước nhìn anh.

“Tôi tưởng một trong những nguyên tắc của anh là quan sát trước rồi mới đặt câu hỏi,” cô nói và nhấn nút thang máy.

Harry gật. Beate Lønn nằm trong nhóm người có khả năng ghi nhớ mọi thứ trên đời. Cô có thể kể vanh vách chi tiết trong hồ sơ những vụ án mà anh đã quên từ lâu, những vụ xảy ra từ trước cả khi cô vào Học viện Cảnh sát. Ngoài ra, cô còn sở hữu hồi hình thoi đặc biệt phát triển, đó là bộ phận của não có chức năng ghi nhớ khuôn mặt. Cô đã đi kiểm tra và khiến các bác sĩ tâm lý vô cùng kinh ngạc. Thật xui cho anh khi cô vẫn nhớ những kỹ năng nhỏ mà anh từng chỉ dạy cho cô hồi hai người cộng tác điều tra một loạt vụ cướp ngân hàng càn quét khắp Oslo năm ngoái.

“Tôi muốn giữ đầu óc công minh nhất có thể trong lần đầu tiên có mặt tại hiện trường, đúng vậy,” Harry nói và giật bắn mình khi thang máy đột ngột chạy. Anh bắt đầu lục các túi để tìm thuốc lá. “Nhưng chắc tôi sẽ không nhận vụ này đâu.”

“Sao thế?”

Harry không trả lời. Anh rút từ trong túi quần bên trái ra bao Camel nhàu nát và rút ra một điếu thuốc nhăn nhúm.

“À phải, giờ tôi nhớ ra rồi,” Beate mỉm cười. “Hồi mùa xuân anh có kể là anh định đi nghỉ một chuyến. Đến Normandy đúng không nhỉ? Nhất

anh đấy…”

Harry đưa điếu thuốc lên môi. Nó có vị thật kinh khủng. Đã vậy còn gần như vô dụng với cơn đau đầu của anh. Chỉ có một thứ giúp được anh thôi. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Các ngày thứ Hai, từ bốn giờ chiều đến một giờ sáng.

“Sẽ chẳng có Normandy nào cả,” anh đáp.

“Ồ?”

“Đúng vậy, thế nên đó không phải lý do. Mà lý do là vì *hắn* phụ trách vụ này.”

Harry rít một hơi thuốc dài và hất đầu lên tầng trên.

Cô nhìn anh thật lâu, cái nhìn đầy nghiêm khắc. “Cẩn thận, đừng để anh ta trở thành nỗi ám ảnh. Bỏ qua đi.”

“Bỏ qua ư?” Harry phả ra một bụm khói. “Hắn là kẻ hại người, Beate ạ. Cô biết mà.”

Mặt cô đỏ ửng lên. “Giữa Tom và tôi chẳng qua chỉ là cuộc tình gió thoảng thôi, Harry.”

“Chẳng phải có lần cô xuất hiện với cái cổ bầm tím đó sao?”

“Harry! Tom không bao giờ…”

Beate im bặt khi nhận ra mình đang cao giọng. Tiếng nói vọng lên lồng cầu thang nhưng bị nhấn chìm lúc thang máy dừng lại trước mặt họ với một tiếng thình trầm đục và đanh gọn.

“Anh không ưa anh ta,” cô nói. “Vì thế anh mới tưởng tượng ra đủ thứ chuyện. Thực sự thì Tom cũng có một số ưu điểm mà anh chưa biết đây thôi.”

“Ừmm.”

Harry dụi điếu thuốc lên tường trong lúc Beate mở cửa thang máy và bước vào.

“Anh không định lên à?” cô hỏi, nhìn Harry vẫn đứng ì ra ở bên ngoài, mắt dán vào thứ gì đó. Cái thang máy. Bên trong thang có một cánh cửa trượt, loại cửa mắt cáo bằng sắt đơn giản mà người dùng phải kéo ra rồi đóng lại để thang máy vận hành. Lại là tiếng thét ấy. Tiếng thét không lời. Harry cảm thấy mồ hôi đang túa ra khắp người. Một ngụm whisky thôi không đủ. Còn khuya mới đủ.

“Có vấn đề gì sao?” Beate hỏi.

“Không có,” Harry trả lời bằng giọng khàn đặc. “Chỉ là tôi không thích dùng loại thang máy cổ lỗ sĩ này thôi. Tôi sẽ đi cầu thang bộ.”

THỨ SÁU



số liệu

Ngôi nhà quả nhiên có đến hai căn hộ ở trên tầng áp mái. Cửa ra vào một căn đang để ngỏ nhưng bị hạn chế ra vào bởi dải băng màu vàng của cảnh sát. Harry cúi người để thân hình cao 1m92 của anh chui lọt qua dải băng, sau đó anh vội tiến thêm một bước để lấy lại thăng bằng khi sang đến bên kia. Anh đang đứng ở chính giữa căn phòng có sàn ốp gỗ sồi, trần phòng dốc và mấy ô cửa sổ đầu hồi. Trong này ấm áp như thể phòng tắm vậy. Căn hộ có diện tích nhỏ và được bài trí theo phong cách tối giản, tương tự như nhà anh, nhưng nét tương đồng giữa chúng chỉ dừng lại ở đó. Căn hộ này có một bộ sofa hiệu Hilmers Hus đời mới nhất, bàn uống nước của r.o.o.m. và chiếc ti vi Philips cỡ nhỏ khoảng mười lăm inch với lớp vỏ nhựa trong suốt màu xanh dương nhạt rất ăn nhập với hệ thống loa stereo. Harry đứng ở cửa ngó qua phòng bếp và phòng ngủ. Tất cả chỉ có bấy nhiêu thôi. Nơi đây yên ắng đến lạ kỳ. Một sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục đang đứng khoanh tay ở cửa bếp, nhấp nhỉnh gót chân. Người nhễ nhại mồ hôi, anh ta nhìn Harry bằng cặp mắt dò xét dưới hai hàng lông mày đang nhướn lên. Viên sĩ quan

lắc lắc đầu và nhếch miệng cười khẩy khi Harry chìa thẻ cảnh sát cho anh ta.

Hóa ra con khỉ này ai cũng biết, Harry thầm nghĩ. Còn con khỉ kia thì chẳng biết ai cả. Anh đưa tay xoa mặt.

“Đội Khám nghiệm Hiện trường đâu?”

“Trong phòng tắm,” viên sĩ quan đáp và hất hàm về phía đó. “Có Lønn và Weber.”

“Weber ư? Giờ cả người về hưu cũng bị gọi đi làm à?”

Viên cảnh sát nhún vai. “Thì đang kỳ nghỉ mà.”

Harry đưa mắt nhìn quanh một vòng.

“Được rồi, ừm, anh đi phong tỏa cổng chính và cửa ra vào đi. Nơi này kẻ ra người vào khá tùy tiện.”

“Nhưng…”

“Nghe này. Tất cả những chỗ đó đều là hiện trường án mạng. Hiểu chứ?”

“Tôi hiểu,” anh ta đáp bằng giọng hơi đanh lại, vậy là Harry nhận ra rằng chỉ bằng hai câu ngắn ngủi, anh đã kịp kết nạp thêm cho mình một kẻ thù nữa trong số các đồng nghiệp. Dòng người ấy bây giờ đã dài đến mấy dặm rồi.

“Nhưng tôi đã được giao chỉ thị rất rõ…” viên cảnh sát nói tiếp.

“… là phải để mắt đến mọi việc xảy ra tại đây,” một giọng nói khác cất lên từ trong phòng ngủ.

Tom Waaler xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Dù anh ta đang khoác trên mình một bộ vét tối màu, nhưng chẳng có lấy giọt mồ hôi nào rịn ra ở đường chân tóc đen dày của anh ta cả. Tom

Waaler là một gã ưa nhìn. Có lẽ không phải típ người quyến rũ, nhưng các đường nét cơ thể của anh ta đều cân đối và hài hòa. Anh ta không cao bằng Harry, song nhiều người lại không thấy vậy. Có lẽ là vì dáng người Waaler luôn thẳng tắp. Hoặc là nhờ thần thái tự tin toát ra từ anh ta dù chẳng tốn chút công sức nào. Phần lớn đồng nghiệp không chỉ bị ấn tượng mà còn cảm thấy sự điềm tĩnh của Waaler đã ảnh hưởng tới mình, khiến họ trở nên thoải mái và cư xử tự nhiên hơn. Ấn tượng ưa nhìn cũng toát lên từ vóc dáng hình thể của anh ta - chẳng bộ vét nào có thể che giấu được thành quả của việc luyện tập karate và nâng tạ năm ngày mỗi tuần cả.

“Và anh ta vẫn sẽ tiếp tục để mắt đến mọi việc,” Waaler nói. “Tôi vừa cử người đi thang máy xuống dưới nhà để phong tỏa nốt những vị trí cần thiết rồi. Mọi việc đã đâu vào đó, Hole ạ.”

Câu cuối được thốt ra bằng ngữ điệu đều đều đến nỗi chẳng rõ đó là câu hỏi hay trần thuật. Harry hắng giọng.

“Cô ta đâu?”

“Trong này.”

Waaler vờ tỏ ra lo lắng khi anh ta dịch sang một bên để nhường lối cho Harry.

“Va vào đâu à, Hole?”

Phòng ngủ được bài trí đơn giản song vẫn toát lên sự tinh tế xen lẫn chút lãng mạn. Chiếc giường chăn đơn gối chiếc - nhưng đủ rộng cho hai người nằm - được đẩy sát vào cây cột chống có khắc hình thù gì đó giống như hình tam giác lồng trong một trái tim. Chắc là dấu ấn của tình nhân, Harry nghĩ thầm. Trên đầu giường có treo ba khung ảnh đàn ông khỏa thân, trong tư thế khêu gợi một cách có chừng mực, thuộc loại trung gian giữa khiêu dâm dạng nhẹ và nghệ thuật tế nhị. Theo như những gì anh thấy thì

căn phòng này chẳng có ảnh hoặc vật dụng riêng tư gì cả.

Phòng tắm được tích hợp ngay trong phòng ngủ. Nó chỉ đủ rộng để chứa được chậu rửa, bồn cầu, vòi hoa sen không có rèm che và Camilla Loen. Cô ta nằm trên sàn lát gạch vuông, mặt quay về phía cửa và ngước lên nhìn vòi sen như thể đang chờ nước chảy tiếp.

Thi thể lõa lồ bên dưới chiếc áo choàng tắm màu trắng ướt nhẹp, mở toang và che lấp cả miệng phễu thoát nước. Beate đang đứng chụp ảnh ở ngưỡng cửa.

"Đã ai kiểm tra xem cô ta chết được bao lâu chưa?"

"Chuyên gia pháp y đang trên đường tới đây," Beate đáp. "Nhưng thi thể vẫn chưa bị co cứng và lạnh hẳn. Tôi đoán cùng lắm mới chỉ vài giờ thôi."

"Vòi sen vẫn đang mở lúc anh chàng hàng xóm và người quản lý nhà tìm thấy cô ta đúng không?"

"Đúng."

"Có lẽ nước nóng đã duy trì thân nhiệt của cô ta và làm chậm quá trình co cứng tử thi."

Harry xem đồng hồ đeo tay: sáu giờ mười lăm phút.

"Cứ cho rằng cô ta chết vào lúc năm giờ đi."

Giọng nói đó là của Waaler.

"Tại sao?" Harry hỏi mà không buồn ngoái lại.

"Không có dấu hiệu nào cho thấy thi thể bị dịch chuyển, bởi vậy có thể phỏng đoán là cô ta bị giết lúc đang tắm. Như anh có thể thấy đấy, xác cô ta và chiếc áo choàng đã chặn mất miệng phễu thoát nước, vì thế căn phòng mới bị ngập. Chính người quản lý đã tắt vòi sen và cho biết lúc ông

ta đến thì vòi đang mở hết cỡ, tôi cũng đã kiểm tra áp lực nước rồi. Khá mạnh cho một căn hộ áp mái thế này đấy. Phòng tắm quá nhỏ nên cùng lắm chỉ vài phút sau là nước đã có thể tràn qua ngưỡng cửa và lan vào phòng ngủ. Và rồi chẳng mấy chốc, nước sẽ chảy xuống căn hộ tầng dưới. Người phụ nữ sống dưới đó nói rằng cô ta phát hiện nhà mình bị dột đúng vào lúc năm giờ hai mươi phút."

"Vậy là mới một tiếng đồng hồ trước," Harry nói. "Và anh đã ở đây được nửa tiếng rồi kia đấy. Xem ra mọi người có mặt nhanh chóng đến bất thường."

"Ừm, không phải mọi người đều thế đâu," Waaler nói.

Harry im lặng không đáp.

"Ý tôi muốn nói đến chuyên gia pháp y kia," Waaler mỉm cười. "Đáng lẽ giờ này ông ta phải đến rồi chứ."

Beate đã hoàn tất việc chụp ảnh và trao đổi ánh mắt với Harry.

Waaler chạm vào cánh tay cô.

"Có vấn đề gì thì gọi tôi nhé. Tôi xuống tầng hai nói chuyện với người quản lý."

"Được thôi."

Harry chờ cho đến khi Waaler đi khuất rồi mới nói.

"Tôi xin phép nhé…?"

Beate gật đầu và tránh sang một bên.

Đôi giày của anh lội bì bõm trên sàn phòng ướt sũng. Hơi nước ngưng tụ phủ khắp các bề mặt trong phòng và đang chảy thành dòng. Tấm gương trông như đang khóc than. Harry ngồi thụp xuống và phải vịn vào tường cho khỏi ngã. Anh hít một hơi qua đằng mũi nhưng chỉ ngửi thấy mùi xà

phòng, ngoài ra không phát hiện được bất cứ mùi gì khác mà anh biết chắc chắn đang hiện diện ở đây. Theo như những gì đọc được trong cuốn sách mượn của Aune, chuyên gia tâm lý thực tập thuộc Đội Hình sự, thì anh mắc chứng rối loạn khứu giác. Một hội chứng mà não bộ từ chối nhận biết một số mùi, sách viết vậy; thường là kết quả của sang chấn tâm lý. Harry không chắc lắm về điều đó. Anh chỉ biết là mình không thể ngửi thấy mùi tử thi mà thôi.

Camilla Loen vẫn còn trẻ. Harry áng chừng cô ta chỉ khoảng hai mươi bảy đến ba mươi tuổi. Ưa nhìn. Thân hình đầy đặn. Cô ta có làn da rám nắng và mịn màng nhưng bên dưới nước da ấy đã bắt đầu hiện lên sắc nhợt nhạt vốn xuất hiện rất nhanh ở người chết. Tóc cô ta sẫm màu nhưng dĩ nhiên sẽ sáng hơn khi khô lại, cái lỗ nhỏ trên trán rồi sẽ chẳng mấy chốc mà biến mất khi người trang điểm tử thi hoàn tất phần việc của mình. Và công việc đó chắc cũng không vất vả cho lắm, chỉ cần hóa trang đôi chút để che đi thứ trông như vết sưng ở mắt phải của cô ta thôi.

Harry tập trung quan sát cái lỗ tròn màu đen trên trán nạn nhân. Nó chẳng to hơn lỗ trên đồng xu một krone là mấy. Anh luôn cảm thấy thật khó tin khi những cái lỗ nhỏ xíu nhường ấy lại có thể cướp đi sinh mạng của một người. Đôi khi chúng còn dễ bị nhầm lẫn vì da trên miệng vết thương dần khép lại. Harry cho rằng với trường hợp này, viên đạn có kích thước lớn hơn cái lỗ nó để lại.

"Tiếc là xác bị ngâm trong nước," Beate nói. "Chứ nếu không, biết đâu chúng ta có thể tìm được dấu vân tay, vài sợi vải hoặc ADN hung thủ để lại trên người cô ta."

"Ừm. Nhưng dù sao trán cô ta cũng ở vị trí cao hơn so với mặt nước, và không bị dính quá nhiều nước trong lúc tắm."

“Vậy sao?”

“Chỗ đầu đạn đi vào có máu đen khô lại. Trên da cũng có những vết bỏng do súng bắn. Có lẽ cái lỗ nhỏ kia sẽ tiết lộ cho chúng ta đôi điều ngay lúc này luôn đấy. Cô có kính lúp không?”

Mắt vẫn không rời Camilla Loen, Harry chìa tay ra, cảm thấy sức nặng rắn chắc từ dụng cụ quang học của Đức trên tay mình và bắt đầu quan sát vùng da quanh vết thương.

“Anh phát hiện được gì rồi?”

Giọng Beate khe khẽ vang lên sát bên tai anh. Cô vốn luôn là người ham học hỏi. Harry biết rằng không lâu nữa, anh sẽ chẳng còn gì để chỉ dạy cho cô.

“Từ màu xám của vết bỏng có thể suy đoán viên đạn được bắn ra từ khoảng cách gần, nhưng không phải phát bắn thẳng,” anh nói. “Tôi đoán cự li bắn là khoảng nửa mét.”

“Phải rồi.”

“Vết bỏng không cân xứng cho thấy hung thủ cao hơn nạn nhân, và hắn đã chúc họng súng xuống khi bắn.”

Harry thận trọng xoay đầu người chết lại. Trán cô ta vẫn chưa lạnh hẳn.

“Không có vết thương đầu ra,” anh nói. “Điều đó củng cố cho giả thuyết đường đạn bắn xiên từ trên xuống. Có thể lúc ấy cô ta đang quỳ gối trước mặt hung thủ.”

“Anh có xác định được là loại súng nào không?”

Harry lắc đầu. “Việc đó thì phải hỏi chuyên gia pháp y, và mấy cậu bên đạn đạo. Nhưng màu sắc của những vết bỏng biến đổi từ đậm sang

nhạt, có thể là do một loại vũ khí nòng ngắn gây ra, như súng ngắn chẳng hạn."

Harry chăm chú quan sát thi thể một lượt; dù anh cố gắng nắm bắt được tất cả, nhưng cảm giác váng vất cơn say để lại đang tước mất những chi tiết hữu ích anh có thể dùng đến. Không, là *bọn họ* có thể dùng đến mới đúng. Đây đâu phải vụ án của anh. Khi nhìn đến bàn tay, anh chợt phát hiện ở đó đang khuyết mất một phần.

"Vịt Donald," anh khẽ lẩm nhẩm và cúi thấp hơn.

Beate nhìn anh ngơ ngác.

"Các họa sĩ truyện tranh hay vẽ theo kiểu này," Harry nói. "Bàn tay bốn ngón."

"Tôi có đọc truyện tranh đâu."

Ngón tay trỏ đã bị chặt mất. Tất cả những gì còn lại chỉ là những sợi máu đông đen sì và đầu gân óng ánh. Vết cắt có vẻ bằng phẳng và rất ngọt. Harry dè dặt chạm đầu ngón tay lên vùng màu trắng sáng bóng nằm giữa lớp thịt hồng hào. Đoạn xương bị chặt đứt có bề mặt nhẵn nhụi và thẳng thớm.

"Hẳn là do kìm," anh nói. "Hoặc lưỡi dao cực sắc. Đã tìm thấy ngón tay chưa?"

"Chưa."

Cảm giác nôn nao bất chợt dậy lên, Harry nhắm mắt lại. Anh hít thở sâu vài lần. Sau đó anh mở mắt ra. Ngón tay nạn nhân có thể bị lấy mất vì rất nhiều nguyên nhân. Không có lý do gì để suy luận theo những chiều hướng mà anh vừa có cả.

"Có thể là kẻ tống tiền," Beate nói. "Bọn này hay dùng kìm."

“Ừ, cũng có thể,” Harry lẩm bẩm, khi đứng dậy anh phát hiện ra hai khoảng trắng dưới đế giày của chính mình trên mặt sàn gạch mà anh cứ ngỡ là màu hồng. Beate cúi xuống nhìn kỹ khuôn mặt người chết.

“Cô ta chảy nhiều máu quá.”

“Vì bàn tay cô ta bị ngâm trong nước mà,” Harry nói. “Nước khiến máu không đông lại được.”

“Mất ngần ấy máu chỉ vì một ngón tay bị chặt ư?”

“Phải. Và cô biết chi tiết đó nói lên điều gì không?”

“Không, nhưng tôi có cảm giác mình sẽ biết ngay thôi.”

“Điều đó có nghĩa, ngón tay Camilla Loen có thể đã bị chặt trong khi tim vẫn đang còn đập. Nói cách khác là trước khi cô ta bị bắn chết.”

Beate nhăn mặt.

“Tôi xuống nói chuyện với mấy người ở tầng dưới đây,” Harry nói.

“Camilla sống ở đây từ trước khi chúng tôi chuyển đến,” Vibeke Knutsen nói, mắt liếc nhanh về phía bạn trai. “Chúng tôi không mấy khi qua lại với cô ta.”

Bọn họ ngồi cùng Harry trong phòng khách ở tầng bốn, ngay dưới căn hộ áp mái. Người ngoài nhìn vào dễ tưởng Harry mới là chủ nhân của nó mất. Đôi nam nữ ngồi ngay ngắn trên mép sofa, trong khi cả người Harry lún sâu trên một trong mấy chiếc ghế bành.

Harry nhận thấy cặp đôi này có gì đó thật lạ lùng. Cả hai đều đã đâu đó ngoài ba mươi, nhưng Anders Nygård có dáng người thon gọn, săn chắc

như vận động viên marathon. Anh ta mặc chiếc sơ mi xanh dương nhạt mới ủi, mái tóc cắt ngắn gọn gàng. Cặp môi mỏng, ngôn ngữ cử chỉ lộ vẻ bất an. Dẫu khuôn mặt có vẻ thành thật và trẻ con, thậm chí gần như ngây thơ, thì ở anh ta vẫn toát ra phong thái của một con người khổ hạnh, khắc kỷ. Cô nàng Vibeke Knutsen tóc đỏ có hai lúm đồng tiền lõm sâu, thân hình với những đường cong bốc lửa được tôn lên nhờ chiếc áo bó sát in họa tiết da báo. Diện mạo của cô ta mang lại ấn tượng về một người phụ nữ ít nhiều đã nếm trải mùi đời. Những nếp nhăn quanh môi có lẽ là kết quả của việc hút thuốc triền miên, còn vết chân chim trên đôi mắt là dấu ấn của những cuộc vui bất tận.

"Cô ta làm nghề gì?" Harry hỏi.

Vibeke đưa mắt liếc bạn trai, nhưng khi thấy anh ta không nói gì, cô ta bèn đáp, "Theo tôi biết thì cô ta làm cho một công ty quảng cáo. Hoặc thiết kế. Hay đại loại thế."

"Hay đại loại thế," Harry nói, viết bừa vài dòng vào cuốn sổ tay trước mặt.

Đó là mánh khóe anh dùng khi thẩm vấn. Nếu không bị ai nhìn, đối tượng sẽ cư xử tự nhiên hơn. Còn nếu người thẩm vấn tạo ấn tượng cho thấy thông tin đối tượng cung cấp không thú vị cho lắm, họ sẽ cố nghĩ ra thông tin nào đó gây chú ý. Đáng lẽ anh nên làm nhà báo mới phải. Anh cảm thấy người đời thường dễ cảm thông hơn với những tay nhà báo vác bộ dạng say xỉn đi làm.

"Bạn trai thì sao?"

Vibeke lắc đầu.

"Người tình?"

Vibeke bật ra tiếng cười gượng gạo và quay mặt đi.

"Chúng tôi đâu rảnh mà đi hóng chuyện thiên hạ," Anders Nygård nói. "Anh cho rằng thủ phạm là người tình ư?"

"Tôi không biết," Harry đáp.

"Tôi có thể thấy là anh không *biết* thật."

Harry nghe ra hàm ý bực bội trong giọng anh ta.

"Nhưng những người sống ở đây như chúng tôi đều muốn biết vụ việc này xuất phát từ ân oán cá nhân hay là liệu có kẻ sát nhân hàng loạt điên khùng nào đó đang lởn vởn quanh khu vực này không."

"Có thể có kẻ sát nhân hàng loạt điên khùng nào đó đang lởn vởn quanh khu vực này đây," Harry đáp, đặt bút xuống và chờ đợi.

Thấy Vibeke Knutsen giật mình thảng thốt, nhưng anh tập trung quan sát Anders Nygård.

Những người hoảng sợ thường dễ mất bình tĩnh hơn. Đó là điều anh học được hồi năm nhất ở Học viện Cảnh sát. Các sĩ quan tân binh cũng được dặn là không nên khiến đối tượng đang sợ hãi bị kích động một cách không cần thiết, nhưng Harry phát hiện ra rằng đi ngược lại lời khuyên đó sẽ cho hiệu quả tốt hơn nhiều. Cứ việc khiêu khích bọn họ. Khi nổi giận, người ta thường thốt ra những điều không chủ ý, hay nói đúng hơn là, những điều đáng lẽ không nên nói.

Anders Nygård chỉ nhìn anh bằng ánh mắt vô cảm.

"Nhưng nhiều khả năng hung thủ là người tình của nạn nhân," Harry nói. "Người tình hoặc ai đó có quan hệ tình cảm với cô ta hoặc bị cô ta cự tuyệt."

"Tại sao?" Anders Nygård quàng tay lên vai Vibeke.

Cử chỉ đó trông thật khôi hài vì tay anh ta ngắn tũn trong khi vai cô

bạn gái thì rõ to.

Harry ngả người ra sau.

“Số liệu thống kê cho thấy thế. Tôi hút thuốc ở đây được chứ?”

“Chúng tôi đang cố gắng duy trì một môi trường không khói thuốc,” Anders Nygård đáp với một nụ cười nhạt.

Harry nhận thấy Vibeke cụp mắt xuống nhìn đúng lúc anh nhét lại bao thuốc vào túi quần.

“Anh nói số liệu thống kê cho thấy thế nghĩa là sao?” Anders Nygård hỏi. “Điều gì khiến anh nghĩ rằng những con số đó có thể áp dụng trong vụ này?”

“Ừm, trước khi trả lời hai thắc mắc của anh, xin hỏi anh có biết gì về thống kê không, anh Nygård? Chẳng hạn như phân phối Gauss, ý nghĩa thống kê, hay độ lệch chuẩn?”

“Không, nhưng tôi…”

“Cũng chẳng sao,” Harry ngắt lời. “Vì với vụ này, anh không cần phải biết gì cả. Những số liệu thống kê tội phạm thu thập được trên toàn thế giới trong hàng trăm năm qua đã chỉ ra một điều hết sức căn bản. Camilla là hình mẫu nạn nhân điển hình. Hoặc nếu không phải như vậy thì hung thủ là típ cho rằng cô ta nằm trong nhóm điển hình. Đó là đáp án cho câu hỏi thứ nhất. Câu thứ hai…”

Anders Nygård hừ mũi và buông vai Vibeke ra.

“Những lý luận của anh rõ là thiếu khoa học. Anh có biết gì về Camilla Loen đâu.”

“Đúng vậy,” Harry nói.

“Thế sao anh còn phát ngôn bừa?”

“Tại anh hỏi đấy chứ. Và nếu anh không còn thắc mắc nào nữa thì tôi xin phép được tiếp tục phần việc của mình?”

Nygård có vẻ muốn đáp lại câu gì đó, nhưng rồi anh ta lại đổi ý và cau có nhìn xuống bàn uống nước. Chẳng biết có nhầm không nhưng hình như Harry vừa thoáng thấy nụ cười bé xíu vẽ lên giữa hai bên lúm đồng tiền của Vibeke.

“Hai người có cho rằng Camilla Loen sử dụng ma túy không?” Harry nói.

Đầu Nygård ngẩng phắt lên. “Sao anh lại nghĩ thế?”

Harry nhắm mắt và chờ đợi.

“Không,” Vibeke đáp. Giọng nói dịu dàng và khe khẽ. “Chúng tôi không nghĩ vậy.”

Harry mở mắt ra và trao cho Vibeke nụ cười hàm ơn. Anders Nygård liếc cô ta bằng ánh nhìn có phần ngỡ ngàng.

“Cửa ra vào nhà cô ta không khóa, phải không?”

Anders Nygård gật đầu.

“Hai người không thấy điều đó thật lạ sao?” Harry hỏi.

“Không hẳn thế. Dù gì cô ta cũng đang ở nhà mà.”

“Ừm. Cửa căn hộ này có lắp một loại khóa đơn giản, và tôi nhận thấy cô” - anh hất đầu về phía Vibeke - “đã khóa lại sau khi tôi vào phòng.”

“Lúc này cô ấy đang có chút lo lắng,” Nygård nói và vỗ nhẹ lên đầu gối bạn gái.

“Oslo bây giờ không còn như xưa nữa,” Vibeke nói.

Ánh mắt cô ta và Harry giao nhau trong giây lát.

“Cô nói phải,” Harry nói. “Và xem ra Camilla Loen cũng nghĩ giống

cô. Căn hộ của cô ta có lắp khóa đôi và xích an toàn ở mặt trong. Tôi cảm thấy cô ta không phải típ phụ nữ đi tắm mà không khóa cửa.”

Nygård nhún vai. “Biết đâu hung thủ đã phá khóa.”

Harry lắc đầu. “Trò đó chỉ có trên phim thôi.”

“Có thể có người đã rình sẵn ở trong nhà cô ta rồi,” Vibeke nói.

“Ai cơ?”

Harry im lặng chờ đợi. Sau khi cho rằng chẳng ai muốn phá vỡ bầu không khí im lặng này, anh đứng dậy.

“Chúng tôi sẽ cho mời hai người đến Sở để thẩm vấn. Còn tạm thời, xin cảm ơn hai người đã giúp đỡ.”

Khi ra đến hành lang, Harry bỗng ngoái lại.

“Nhân tiện cho tôi hỏi, ai là người đã báo cảnh sát?”

“Là tôi,” Vibeke nói. “Tôi gọi cho cảnh sát trong lúc Anders đi tìm người quản lý nhà.”

“Trước cả khi tìm thấy nạn nhân ư? Sao cô biết mà gọi…?”

“Có máu rơi vào trong nồi.”

“Ồ? Làm thế nào cô biết hay vậy?”

Anders Nygård thở hắt ra một cái rõ to vẻ cường điệu và áp tay lên cổ Vibeke: “Nó có màu đỏ chứ sao nữa.”

“Ừm,” Harry nói, “còn nhiều thứ khác cũng có màu đỏ chứ đâu riêng gì máu.”

“Đúng vậy,” Vibeke nói. “Nhưng tôi không chỉ căn cứ vào màu sắc.”

Anders Nygård ném cho cô ta ánh nhìn đầy sửng sốt. Vibeke mỉm cười, có điều Harry nhận thấy cô ta đã né người khỏi bàn tay bạn trai mình.

“Trước đây tôi sống cùng nhà với một đầu bếp, bọn tôi đã chung tay mở một quán ăn nhỏ. Nhờ vậy tôi học được đôi điều về thực phẩm. Một trong số đó là trong máu có chứa albumin, và nếu cho máu vào nồi nước nóng từ sáu mươi lăm độ trở lên, máu sẽ vón thành cục. Cũng giống như quả trứng luộc bị nứt vỏ vậy. Lúc Anders nếm thử mấy cục nhỏ nhỏ trong nồi nước và bảo chúng có vị như trứng, tôi biết ngay rằng đó là máu. Và có chuyện chẳng lành đã xảy ra.”

Miệng Anders Nygård há hốc. Sắc mặt anh ta đột nhiên tái nhợt dưới nước da rám nắng.

“Chúc ngon miệng,” Harry khẽ lẩm bẩm rồi quay người rời đi.

THỨ SÁU



underwater

Harry vốn ghét những quán rượu theo chủ đề nào đó, chẳng hạn như: quán mang phong vị Ireland, quán "đã vào thì đừng mặc áo", quán độc và lạ, nhưng tệ hại hơn hết thảy là kiểu quán "người nổi tiếng" với những bức tường treo đầy ảnh chân dung của khách quen là những nhân vật tiếng tăm nào đó. Quán Underwater là sự pha trộn mang hơi thở đại dương không mấy nổi bật của những món đồ lặn và vẻ lãng mạn của những con tàu gỗ cũ kỹ. Nhưng tới một lúc nào đó, sau khi đã nốc đến cốc bia thứ tư thì Harry chẳng buồn để tâm đến đám bể thủy sinh chứa thứ nước xanh biếc róc rách chảy, mấy cái mũ thợ lặn và phong cách bài trí mộc mạc với những vật dụng bằng gỗ kẽo cà kẽo kẹt ấy nữa. Nhưng thế này đã là gì. Lần trước đến đây, dân tình trong quán còn tự nhiên hò nhau hát ông ổng một tràng những ca khúc opera nổi tiếng; trong giây phút ngắn ngủi, anh cứ tưởng thể loại nhạc kịch cuối cùng cũng bắt kịp với thực tại. Anh đưa mắt nhìn quanh và thở phào nhận ra không ai trong bốn vị khách ở đây có vẻ gì là sắp cất giọng oanh vàng đến nơi.

“Mọi người đi nghỉ hết rồi à?” anh hỏi cô gái phục vụ quầy bar khi cô ta đặt cốc bia trước mặt anh.

“Mới bảy giờ thôi mà.” Cô ta trả lại anh tiền thừa của tờ một trăm krone dù trước đấy anh đưa cho cô ta tờ hai trăm.

Nếu được thì anh đã đến quán Schrøder rồi, nhưng theo như trí nhớ mơ hồ của mình thì hình như anh đã bị cấm cửa ở đó, mà anh lại chẳng có gan đến tận nơi xem có đúng vậy không. Không phải hôm nay. Trong anh chỉ là những mảnh ký ức rời rạc của sự việc nào đó xảy ra hôm thứ Ba. Hay là thứ Tư nhỉ? Có kẻ đã đào bới lại cái lần anh lên truyền hình và được tôn vinh là “Người hùng Cảnh sát Na Uy” vì bắn chết gã tội phạm có súng ở Sydney. Rồi gã nào đó xỉa xói anh mấy câu, gọi anh bằng những từ ngữ chẳng mấy tốt đẹp. Vài điều hắn nói cũng đúng lắm chứ bộ. Hai bên lời qua tiếng lại rồi kết thúc bằng nắm đấm chăng? Cũng không phải là không có khả năng, nhưng biết đâu vết thương trên đốt ngón tay và mũi mà anh phát hiện ra lúc tỉnh dậy rất có thể chỉ là do anh vấp ngã trên vỉa hè đá cuội ở phố Dovregata thôi.

Di động của Harry bỗng réo vang. Anh nhìn số máy chằm chằm và nhận thấy lần này người gọi vẫn không phải Rakel.

“Chào sếp.”

“Harry? Cậu đang ở đâu vậy?” Giọng Bjarne Møller có phần lo lắng.

“UnderwaterỞ dưới nước. Có chuyện gì thế sếp?”

“Nước ư?”

“Nước. Nước ngọt. Nước mặn. Nước tonic. Nghe giọng sếp có vẻ… Nói thế nào nhỉ? Có vẻ rệu rã quá.”

“Cậu say rượu đấy à?”

"Say thế chưa đủ đâu."

"Cái gì?"

"Không có gì. Máy sắp hết pin rồi sếp ơi."

"Một sĩ quan ở hiện trường đã đe dọa tố cáo cậu. Anh ta nói lúc đến nơi, trông cậu xỉn quắc cần câu."

"Sao lại là *'đã'* mà không phải là 'đang'?"

"Tôi đã phải nói khéo để cậu ta thôi đấy. Có đúng là lúc đó cậu đang say rượu không, Harry?"

"Tất nhiên là không rồi, sếp."

"Cậu thực sự chắc chắn mình đang nói sự thật chứ, Harry?"

"Sếp thực sự chắc chắn muốn biết chứ?"

Harry nghe thấy Møller rên lên một tiếng ở đầu dây bên kia.

"Không thể cứ như thế mãi được, Harry. Rồi tôi sẽ bị ép phải ngăn chuyện này tiếp diễn thôi."

"Được. Vậy sếp bắt đầu bằng cách loại tôi ra khỏi vụ này đi."

"Cái gì?"

"Sếp nghe rồi đấy. Tôi không muốn làm việc với tên khốn đó. Sếp cử người khác đi mà làm."

"Bây giờ chúng ta không có đủ nhân sự…"

"Thế thì sếp cứ việc sa thải tôi. Tôi cóc quan tâm."

Harry cất điện thoại vào túi áo trong. Anh nghe thấy giọng Møller khẽ rung lên nơi ngực mình. Thực ra, cảm giác ấy cũng khá dễ chịu. Anh uống cạn cốc bia rồi đứng dậy, lảo đảo bước ra ngoài không gian ấm áp của buổi tối mùa hè. Vẫy đến lần thứ ba mới có chiếc taxi trên phố Ullevålsveien chịu dừng lại đón anh.

“Đến Holmenkollveien,” anh nói, tựa cái gáy nhễ nhại mồ hôi lên lớp da bọc ghế mát rượi phía sau. Trong lúc xe chạy, anh đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm bầy chim én phá tan bầu trời xanh nhàn nhạt để bay đi tìm mồi. Lúc này lũ côn trùng đã bắt đầu bò ra khỏi tổ. Cánh cửa cơ hội đã mở ra với bầy én, cơ hội để chúng sinh tồn. Kể từ giờ cho tới lúc mặt trời lặn[3].

Chiếc taxi đỗ lại dưới chân một ngôi nhà đồ sộ ốp gỗ tối màu.

“Tôi đánh xe lên nhà nhé?” người lái xe taxi nói.

“Đừng, cứ chờ ở đây một lát đi,” Harry đáp.

Anh ngước nhìn ngôi nhà. Hình như anh nhác thấy bóng Rakel ở cửa sổ. Chắc cũng sắp đến giờ Oleg đi ngủ rồi. Có lẽ lúc này nó đang nằng nặc đòi mẹ cho thức khuya hơn chút vì hôm nay là…

“Hôm nay là thứ Sáu đúng không nhỉ?”

Người tài xế taxi nghi hoặc liếc vào gương một cái rồi khẽ gật đầu.

Đã bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần trôi qua. Trời ạ, mấy cậu nhóc lớn nhanh quá đi mất. Harry xoa mặt, cố gắng mát xa để truyền chút sinh khí vào cái mặt nạ người chết nhờn nhợt một màu được anh tha đi muôn nơi. Mùa đông năm ngoái đâu đến nỗi nào. Anh không chỉ phá được vài vụ án tương đối tầm cỡ, xuất hiện với tư cách nhân chứng trong vụ sát hại Ellen Gjelten, mà còn tuyệt giao được với con ma men, mối quan hệ giữa anh và Rakel cũng chuyển từ mới yêu sang giai đoạn gắn bó như một gia đình. Và anh thích điều đó, thích những chuyến đi nghỉ cuối tuần với lũ trẻ bên cạnh. Harry là người phụ trách màn tiệc nướng. Anh thích mời bố anh và Sis ghé nhà dùng bữa vào Chủ nhật, thích nhìn cô em gái mắc hội chứng Down và

cậu nhóc Oleg mới lên chín cùng nhau vui đùa. Điều tuyệt vời hơn cả là: tình yêu của họ đang độ thắm thiết nhất. Rakel thậm chí còn bắt đầu bóng gió về việc Harry có thể xem xét việc chuyển đến sống cùng hai mẹ con. Lý do cô đưa ra là ngôi nhà quá rộng mà lại chỉ có mỗi cô và Oleg ở. Harry chẳng tội gì mất công phản đối.

"Để anh giải quyết xong vụ Ellen Gjelten rồi mình tính tiếp nhé," anh đã nói với cô như vậy. Chuyến du lịch Normandy mà họ đã đặt trước - ba tuần nghỉ ngơi ở một nông trại xưa và một tuần chu du sông nước - sẽ giống như phép thử để xem họ đã sẵn sàng cho việc đó hay chưa.

Nhưng rồi mọi chuyện xảy ra.

Harry đã dành trọn mấy tháng mùa đông để điều tra vụ án Ellen Gjelten. Anh làm việc cật lực, quá mức cật lực, nhưng đó là cách làm việc duy nhất anh từng biết. Ellen Gjelten không chỉ là cộng sự, mà còn là một người bạn thân thiết và tâm giao của anh. Đã ba năm trôi qua kể từ khi hai người sát cánh truy tìm tay buôn lậu vũ khí có mật danh Hoàng Tử, kể từ khi mạng sống của cô bị tước đoạt bởi một cây gậy bóng chày. Những bằng chứng thu thập được ở hiện trường gần sông Akerselva đều buộc tội Sverre Olsen, kẻ theo chủ nghĩa Quốc xã mới mà cảnh sát đã nhẵn mặt. Nhưng thật không may, họ không có cơ hội nghe lời khai của Olsen vì hắn đã bị bắn thủng sọ do được cho là đã nổ súng vào Tom Waaler trong quá trình bắt giữ. Bất luận thế nào, Harry vẫn tin rằng kẻ thực sự đứng sau vụ giết người là tên Hoàng Tử kia, và anh đã cố thuyết phục Møller cho phép mình được độc lập điều tra. Vì mang tính chất cá nhân, nên chuyện này đi ngược với mọi nguyên tắc của Đội Hình sự, nhưng Møller vẫn đồng ý để anh điều tra trong thời gian ngắn, coi như một phần thưởng cho những thành tích Harry đã đạt được trong những vụ án khác. Mùa đông vừa qua, cuối cùng tình

hình cũng đã có tiến triển. Vào đêm xảy ra án mạng, có người đã trông thấy Sverre Olsen ngồi trong chiếc xe hơi màu đỏ cùng với một người nữa ở Grünerløkka, chỉ cách hiện trường vụ án vài trăm mét. Nhân chứng đó là Roy Kvinsvik, một cựu thành viên của chủ nghĩa Quốc xã mới đã có tiền án, gần đây từ giáo phái Tin Lành Ngũ tuần chuyển sang theo giáo phái Tin Lành Philadelphia. Kvinsvik không hẳn là một nhân chứng mẫu mực, tuy nhiên hắn đã xem rất lâu, rất kỹ tấm ảnh Harry đưa và nói, Đúng, đây chính là người hắn nhìn thấy ngồi cùng với Sverre trong xe. Người trong ảnh là Tom Waaler.

Dẫu đã nghi ngờ Waaler từ lâu mà Harry vẫn bị sốc khi nghe lời xác nhận. Chủ yếu vì điều đó đồng nghĩa với việc chắc chắn hắn còn nhiều chân rết ngầm trong nội bộ Sở. Hoàng Tử không thể hoạt động trên một mạng lưới rộng đến thế nếu không được giúp sức. Và ngược lại, như vậy cũng có nghĩa Harry không thể tin tưởng bất kỳ ai. Vậy là anh giữ kín những lời Roy Kvinsvik nói, vì anh biết mình sẽ chỉ có một cơ hội duy nhất, toàn bộ sự thật đen tối này phải được phanh phui một lần và mãi mãi. Và bằng mọi giá phải diệt cỏ tận gốc, nếu không làm được thì coi như anh chết chắc.

Đó là lý do bấy lâu nay Harry bắt đầu âm thầm thu thập những bằng chứng không thể chối cãi nhằm chống lại Waaler. Tuy nhiên, anh không biết có thể tin cậy ai để hỏi, vì thế việc điều tra thành ra khó khăn hơn nhiều so với dự tính. Anh bắt đầu lục lọi kho hồ sơ lưu trữ sau khi ai nấy đã ra về, khai thác mạng máy tính nội bộ, in ra những e-mail cùng danh sách các cuộc gọi đi và đến của những người anh biết là có mối liên hệ với Waaler. Chiều chiều anh đỗ xe gần đường Youngstorget và ngồi quan sát động tĩnh ở quán pizza Herbert. Giả thuyết Harry đưa ra là những phần tử Quốc xã mới thường xuyên ghé quán cũng tham gia vào đường dây buôn lậu vũ khí.

Khi giả thuyết này không mang lại được manh mối nào, anh bắt đầu chuyển sang theo dõi Waaler cùng một số cộng sự của hắn. Harry tập trung vào những người mà anh biết là thường xuyên tiếp xúc với súng ở trường bắn tại Økern. Anh bám theo họ ở khoảng cách hợp lý, đỗ xe bên ngoài nhà họ, ngồi đó run rẩy vì lạnh trong khi họ đang ngon giấc trên giường, để rồi tận sáng tinh mơ hôm sau mới lết thân xác về nhà với Rakel, hoàn toàn rã rời. Sau khi chợp mắt được vài tiếng, anh lại dậy đi làm. Được một thời gian thì Rakel bảo anh về căn hộ của anh mà ngủ nếu hôm nào phải làm hai ca. Anh đã giấu cô việc mình làm đêm là không chính thức, không công, không thượng cấp nào biết, nói chung gần như cái gì cũng "không".

Sau đó anh bắt đầu đổi sang chiến thuật "tay ngang".

Đầu tiên, anh ghé quán pizza Herbert vào một buổi tối nọ, rồi hôm khác anh lại đến, tán gẫu với mấy gã, đãi họ vài chầu bia. Dĩ nhiên bọn họ thừa biết anh là ai, nhưng của trời cho tội gì không hưởng, họ uống bia, cười đùa và khóa kín miệng. Dần dần anh nhận ra những người này chẳng biết điều gì cả, nhưng anh vẫn tiếp tục quay lại quán, vì sao thì anh không rõ lắm, có lẽ là vì nó mang lại cho anh cảm giác mình đang từng bước đến gần với một thứ gì đó, như hang rắn chẳng hạn. Tất cả những gì cần làm là kiên nhẫn, cứ chờ rồi thế nào rắn cũng bò ra. Ấy vậy mà chờ mãi cũng chẳng thấy Waaler hay tên đồng bọn nào lộ diện. Thế là anh lại quay về tiếp tục theo dõi bên ngoài tòa nhà Waaler ở.

Một đêm nọ, nhiệt độ xuống tới âm hai mươi độ, phố xá vắng tanh, có một người đàn ông mặc chiếc áo khoác mỏng dáng ngắn đi về hướng anh đỗ xe với bộ dạng lảo đảo đặc trưng của con nghiện. Gã dừng lại trước cổng chính tòa chung cư của Waaler, nhìn trái nhìn phải một lượt rồi dùng xà beng phá khóa. Harry ngồi đó quan sát, biết rõ mình mà can thiệp thì thể

nào cũng bị lộ. Gã nghiện chắc là đang phê nặng nên không đặt nổi xà beng đúng vị trí, lúc gã ấn xuống thì một miếng gỗ lớn trên cửa bật tung ra với tiếng vỡ đánh rắc. Và rồi, gã ngã ngửa ra sau, đè lên đống tuyết trước tòa nhà. Và gã cứ nằm ngay đơ ở đó. Vài ô cửa sổ chợt sáng đèn. Tấm rèm ở căn hộ của Waaler lay động. Harry âm thầm chờ đợi. Chẳng có gì xảy ra. Âm hai mươi độ. Đèn nhà Waaler vẫn sáng. Gã nghiện không động đậy. Sau này nghĩ lại, Harry thường tự hỏi lúc đó mình nên làm cái quái gì mới phải. Pin điện thoại di động không hoạt động được ở nhiệt độ quá thấp, vì thế anh không thể gọi cứu thương. Anh tiếp tục đợi. Thời gian chậm chạp trôi đi. Tên nghiện chết tiệt. Âm hai mươi mốt độ. Tên nghiện khốn kiếp. Dĩ nhiên Harry có thể lái xe đến phòng cứu thương để thông báo tình trạng của anh ta. Bỗng có động tĩnh ở cổng. Thì ra là Waaler. Trông bộ dạng anh ta thật khôi hài trong bộ áo choàng ngủ, chân đi bốt, đầu đội mũ, tay đeo găng. Anh ta ôm hai cái chăn len. Harry không sao tin nổi vào mắt mình khi thấy Waaler kiểm tra mạch và đồng tử của gã nghiện rồi đắp chăn tử tế cho gã. Waaler đứng đó không ngừng khua khoắng hai cánh tay để giữ ấm và nheo mắt nhìn về phía chiếc xe của Harry. Mấy phút sau, xe cứu thương đỗ xịch trước tòa chung cư.

Đêm hôm ấy, Harry trở về nhà, thả mình xuống ghế bành có tựa lưng cao, châm một điếu thuốc và nghe nhạc của Raga Rockers cùng Duke Ellington. Sau đó anh đến Sở làm, mặc dù vẫn không thèm cởi bỏ bộ quần áo đã mặc suốt hai ngày qua.

Rakel và Harry cãi nhau lần đầu vào một buổi tối tháng Tư nọ. Anh đã hủy một chuyến du lịch cuối tuần vào phút chót, và cô chỉ ra rằng đây là lần thứ ba anh thất hứa chỉ trong một thời gian rất ngắn. Lời hứa với Oleg, cô nói vậy. Anh trách cô lợi dụng Oleg làm cớ để gây chuyện, và điều cô thực

sự muốn là anh đặt những nguyện vọng của cô lên hàng đầu, hơn cả việc tìm ra hung thủ sát hại Ellen. Cô nói rằng Ellen chỉ là một bóng ma, rằng anh đã tự thu mình vào vỏ bọc vì một xác chết, việc đó thật không bình thường, anh đang dựa vào bi kịch ấy để sống, đó là hội chứng ái tử thi, động lực thôi thúc anh không phải Ellen mà là khao khát báo thù của chính anh.

"Anh đã bị tổn thương," cô nói. "Vì thế anh vứt bỏ mọi thứ mình có để có thể báo thù."

Khi Harry hầm hầm lao ra khỏi nhà, anh nhác thấy bóng dáng bộ đồ ngủ cùng cặp mắt hoe đỏ của Oleg lấp ló sau tay vịn cầu thang.

Sau lần ấy, anh đã dẹp tất cả những gì không trực tiếp liên quan đến việc săn lùng những kẻ gây ra cái chết của Ellen. Anh miệt mài đọc e-mail dưới ánh đèn bàn tù mù, đăm đăm nhìn những ô cửa sổ tối đen ở những dãy nhà biệt lập và những tòa chung cư, đợi những kẻ chẳng bao giờ chịu bước chân ra ngoài, tranh thủ từng giờ đồng hồ để chợp mắt tại căn hộ trên phố Sofies của mình.

Mỗi ngày trôi qua lại dài thêm và sáng hơn, nhưng tình hình thì vẫn chẳng tiến triển được chút nào. Thế rồi một đêm nọ, cơn ác mộng từ thời thơ ấu bỗng bất chợt ùa về: anh mơ thấy Sis, mái tóc dài của con bé bị mắc kẹt, khuôn mặt hằn in vẻ hãi hùng. Nỗi sợ khiến toàn thân anh cứng đờ. Đến đêm hôm sau, cơn ác mộng lại tiếp tục tái hiện. Và cả hôm sau nữa.

Øystein Eikeland, gã bạn nối khố của anh, người vẫn hay nhậu ở quán Malik những lúc không chạy taxi, bảo anh rằng trông anh thảm hại hết sức và rủ rê anh dùng thử ít speed rẻ tiền, nhưng Harry gạt đi. Anh vẫn tiếp tục công cuộc tìm kiếm không có hồi kết dẫu đã kiệt quệ và bức bối.

Chẳng sớm thì muộn, mọi chuyện rồi cũng đến lúc không thể vãn hồi được. Chỉ cần một việc hết sức vụn vặt như tờ hóa đơn chưa thanh toán là

đủ để châm ngòi chiến tranh. Chuyện xảy ra vào cuối tháng Năm, khi ấy anh và Rakel đã không nói với nhau câu gì suốt mấy ngày. Tiếng chuông điện thoại réo vang khiến anh giật mình tỉnh giấc trên chiếc ghế trong phòng làm việc. Rakel nói công ty du lịch đã nhắc nhở cô về việc chưa thanh toán chi phí thuê nông trại ở Normandy. Họ gia hạn cho cô thêm một tuần, quá thời gian đó, họ sẽ cho người khác thuê.

"Thứ Sáu là hạn chót," đó là lời cuối cùng Rakel nói với anh trước khi cô cúp máy.

Harry đi vào nhà tắm, vã chút nước lạnh lên mặt và nhìn thẳng vào hình ảnh phản chiếu của chính mình trong gương. Bên dưới mái tóc húi cua ướt nhẹp là cặp mắt vằn tia máu với hai bọng thâm và đôi gò má buồn rầu, hốc hác. Anh gượng mỉm cười. Hàm răng vàng khè nhăn nhở đáp lại anh. Anh không còn nhận ra chính mình nữa. Và anh biết Rakel nói đúng, đó là hạn chót. Cho anh và Ellen. Cho anh và Tom Waaler.

Ngày hôm ấy, anh đến tìm thượng cấp thân thiết nhất của mình, Bjarne Møller, người duy nhất ở Sở anh có thể tin tưởng tuyệt đối. Møller cứ gật gù rồi lại lắc đầu trong lúc lắng nghe Harry trình bày nguyện vọng. Ông nói, may là việc này không thuộc thẩm quyền của ông, Harry phải trực tiếp đệ trình lên Giám đốc Sở để giải quyết. Dù thế nào đi nữa, ông vẫn khuyên Harry nên cân nhắc kỹ trước khi làm. Rời khỏi căn phòng vuông vắn của Møller, Harry tới thẳng phòng làm việc hình bầu dục của người đứng đầu *Kripos.* Anh gõ cửa, bước vào và trình bày những gì phải nói, về nhân chứng đã trông thấy Tom Waaler đi cùng Sverre Olsen, và chính Tom Waaler chứ không phải ai khác đã bắn chết Olsen trong lúc tiến hành bắt giữ hắn. Tất cả chỉ có thế. Đó là tất cả thành quả anh thu lượm được sau năm tháng trời ròng rã điều tra, năm tháng âm thầm theo dõi, năm tháng

đứng trước bờ vực của sự điên loạn.

Vị sếp *Kripos* hỏi Harry rằng anh nghĩ động cơ nào có thể khiến Tom Waaler ra tay giết hại Ellen Gjelten.

Harry đáp rằng Ellen nắm trong tay một thông tin vô cùng hệ trọng. Vào buổi tối hôm cô bị giết, cô đã để lại lời nhắn trong máy trả lời tự động của Harry và nói cô biết Hoàng Tử thật sự là ai. Cô biết danh tính kẻ đầu sỏ của tổ chức nhập lậu vũ khí và người chịu trách nhiệm vũ trang tới tận răng cho đám tội phạm ở Oslo bằng loại súng ngắn công vụ của cảnh sát.

"Chỉ tiếc là lúc tôi gọi lại thì đã quá muộn màng," Harry nói, cố thăm dò nét mặt Giám đốc Sở.

"Thế còn Sverre Olsen thì sao?" Giám đốc Sở hỏi.

"Khi chúng ta lần ra manh mối về Sverre Olsen, Hoàng Tử đã giết hắn để không cho hắn khai ra tên của kẻ sát hại Ellen."

"Và tên Hoàng Tử mà cậu nói đến ở đây là…?"

Harry nhắc lại cái tên Tom Waaler và vị sếp *Kripos* im lặng gật đầu rồi nói, "Vậy là người trong nội bộ. Một trong những điều tra viên được kính trọng nhất Sở."

Trong vòng mười giây sau đó, Harry tưởng như mình đang ngồi trong căn phòng chân không, chẳng còn âm thanh và dưỡng khí. Anh biết sự nghiệp cảnh sát của mình rất có thể kết thúc ngay tại đây, ngay lúc này.

"Được rồi, Hole. Tôi cần nói chuyện với nhân chứng của cậu trước khi quyết định bước tiếp theo chúng ta nên làm gì."

Giám đốc Sở đứng dậy.

"Và tôi cho rằng có lẽ cậu cũng hiểu, từ giờ cho tới khi có thông báo mới, chuyện này sẽ chỉ có tôi và cậu biết thôi."

"Chúng ta còn định ngồi đây đến bao giờ nữa?"

Harry giật mình khi nghe thấy giọng nói của người tài xế taxi. Hóa ra nãy giờ anh ngủ gật.

"Quay về thôi," anh nói, đưa mắt nhìn ngôi nhà gỗ một lần cuối.

Khi xe về tới Kirkeveien thì di động của Harry đổ chuông. Là Beate gọi.

"Xem ra chúng tôi xác định được vũ khí gây án rồi," cô nói. "Anh nói đúng. Hung thủ đã dùng súng ngắn."

"Vậy thì, chúc mừng cả hai ta."

"À thì, thực ra cũng không quá khó để tìm ra. Khẩu súng bị vứt trong thùng rác dưới bồn rửa."

"Loại gì, số series bao nhiêu?"

"Glock 23. Số series đã bị giũa mòn."

"Vết giũa thế nào?"

"Nếu ý anh muốn hỏi dấu vết đó có giống với dấu vết tìm được trên phần lớn những vũ khí cỡ nhỏ mà chúng ta tịch thu được ở Oslo trong thời gian gần đây hay không, thì câu trả lời là, giống."

"Rõ rồi." Harry chuyển máy sang tay trái. "Nhưng vẫn còn một điều nữa tôi chưa hiểu, đó là cô gọi điện báo tin cho tôi để làm gì. Đây có phải là vụ của tôi đâu."

"Điều đó thì chưa chắc, Harry ạ. Møller bảo…"

"Mặc xác Møller lẫn cái Sở Cảnh sát Oslo khốn kiếp!"

Ngay cả Harry cũng sững sờ khi nghe thấy giọng nói the thé phát ra từ miệng mình. Qua gương chiếu hậu, anh trông thấy hàng lông mày hình chữ V của người tài xế taxi nhướn lên.

"Xin lỗi cô, Beate. Tôi… Cô vẫn nghe đấy chứ?"

"À, ừ."

"Lúc này đầu óc tôi đang không được tỉnh táo cho lắm."

"Vậy thì để sau cũng được."

"Để sau cái gì cơ?"

"Không vội đâu mà."

"Cứ nói đi."

Cô thở dài.

"Anh có để ý vết sưng trên mí mắt trái của Camilla Loen không?"

"Có chứ."

"Lúc trước tôi cho rằng có thể hung thủ đã đánh cô ta, hoặc do cô ta ngã xuống sàn nên mới thế, nhưng hóa ra nó lại chẳng phải là vết sưng."

"Vậy sao?"

"Chuyên gia pháp y đã thử ấn lên đó và thấy cứng như đá. Vì thế ông ấy lật mí mắt nạn nhân lên, anh có biết ông ấy tìm thấy gì trên nhãn cầu không?"

"Ờ… không," Harry đáp.

"Một viên đá quý cỡ nhỏ có màu đỏ nhạt, được cắt thành hình ngôi sao. Bọn tôi cho rằng nó là kim cương. Còn anh, anh nghĩ sao?"

Harry hít một hơi và xem đồng hồ. Còn ba tiếng nữa hàng quán trên phố Sofies mới đóng cửa.

“Rằng đây không phải vụ của tôi,” anh đáp, rồi tắt luôn di động.

THỨ SÁU



nước

Dẫu khô hạn là thế, tôi lại trông thấy gã cảnh sát từ vũng nước mà bước ra. Nước cho kẻ khát. Nước mưa, nước sông, nước ối.

Gã không thấy tôi. Gã lảo đảo bước ra phố Ullevålsveien, cố gắng vẫy taxi. Chẳng xe nào muốn cho gã lên. Gã giống như một linh hồn bất an cứ mãi vật vờ bên bờ sông mà không có người đưa đò muốn chở. Ít nhiều tôi đã từng trải qua cảm giác ấy. Cảm giác bị phản bội bởi chính những kẻ mình phụng sự. Bị ruồng bỏ khi lần đầu tiên mình cần một bàn tay nâng đỡ. Nhận ra rằng mình bị người đời phỉ nhổ mà chẳng thể đáp trả được ai. Âm thầm suy tính xem mình phải làm gì. Dĩ nhiên, oái oăm là ở chỗ, người lái taxi đã rủ lòng thương hại anh thì chính anh lại đẩy người ta vào chỗ chết.

THỨ BA



sa thải

Harry bước tới khu vực phía cuối cửa hàng, mở cửa kính của chiếc tủ lạnh đựng sữa và chúi người vào trong. Anh vén cái áo phông đẫm mồ hôi lên, nhắm mắt lại và cảm nhận hơi lạnh phả lên làn da mình.

Đài báo đêm nay trời oi bức và những vị khách hiếm hoi trong cửa hàng toàn chọn mua đồ nướng, bia hoặc nước khoáng.

Harry nhận ra cô gái nhờ màu tóc. Cô ta đang đứng quay lưng về phía anh ở quầy thịt. Vòng ba nở nang được chiếc quần jean ôm trọn đến hoàn hảo. Khi cô ta quay lại, anh nhận thấy cái áo in họa tiết ngựa vằn cô ta mặc cũng bó sát hệt như áo da báo hôm trước. Thế rồi Vibeke Knutsen đổi ý, trả về chỗ cũ mấy miếng thịt bò chế biến sẵn, đẩy xe tới quầy đông lạnh và chọn lấy hai túi cá tuyết phi lê.

Harry kéo áo phông xuống và đóng tủ kính lại. Anh không muốn mua sữa. Cũng chẳng thiết gì thịt thà hay cá tuyết. Nói chung anh chỉ cần một món càng đơn giản càng tốt, miễn sao ăn được, nhưng không phải vì đói mà

vì cái dạ dày của anh. Đêm qua nó đã bắt đầu hành anh đôi chút rồi. Kinh nghiệm lâu năm cho biết nếu bây giờ anh không cố nuốt ít đồ ăn rắn thì đừng mong giữ được giọt rượu nào trong bụng. Trong xe đẩy của anh có một ổ bánh mì nguyên cám và cái túi giấy màu nâu đựng chai rượu mua ở cửa hàng Vinmonopol bên kia đường. Anh bỏ thêm vào đó nửa con gà, một lốc bia Hansa sáu chai, loanh quanh một hồi ở quầy hoa quả rồi ra xếp hàng chờ thanh toán, đứng ngay sau Vibeke Knutsen. Thực ra anh không cố tình, nhưng nói đi cũng phải nói lại, đó có lẽ không hẳn là tình cờ.

Cô ta hơi quay người nhưng không nhìn thấy anh, mũi cô ta chun lại như thể ngửi thấy mùi khó chịu nồng nặc bốc ra từ đâu đó quanh đây, khả năng này Harry không dám bác bỏ hoàn toàn. Cô ta bảo cô nàng nhân viên thu ngân lấy cho một bao thuốc Prince loại nhẹ gồm hai mươi điếu.

"Tôi tưởng cô đang cố cai thuốc."

Vibeke ngạc nhiên quay người lại, nhìn anh dò xét rồi nhoẻn cười với anh ba lần, mỗi lần một kiểu. Lần thứ nhất là nụ cười thoáng qua đầy máy móc. Lần thứ hai là nụ cười lúc nhận ra người quen. Và cuối cùng, sau khi trả tiền xong, là nụ cười toát lên nét hiếu kỳ.

"Còn theo như tôi thấy thì anh như sắp mở tiệc ấy."

Cô ta bỏ đồ đã mua vào một chiếc túi nylon.

"Cũng gần như vậy," Harry lẩm bẩm, mỉm cười đáp lễ.

Cô ta nghiêng đầu nhìn anh. Những sọc vằn trên áo cũng xê dịch.

"Có đông khách không?"

"Vài mống. Toàn không mời mà đến."

Cô thu ngân trả lại anh tiền thừa, nhưng anh hất đầu về phía hòm quyên góp cho tổ chức Cứu Thế quân.

"Thế thì cứ việc tống khứ đi là được chứ gì?" Giờ nụ cười đã lan tỏa trong ánh mắt cô ta.

"Dĩ nhiên. Nhưng những nhân vật đặc biệt này chẳng dễ gì tống khứ được."

Chai Jim Beam va vào lốc bia sáu chai phát ra tiếng lanh canh thật vui tai khi anh nhấc túi đồ lên.

"Ồ? Là mấy anh bạn nhậu lâu năm sao?"

Harry ném về phía cô ta cái nhìn nấn ná. Lời nói của Vibeke dường như cho thấy cô ta là người sành sỏi. Điều này lại càng khiến anh lấy làm lạ, vì cô ta đang chung sống với anh bạn trai thuộc típ cho người ta ấn tượng rằng khá là hà khắc. Hay nói đúng hơn là: thật lạ khi một kẻ hà khắc đến thế lại có thể sống cùng cô ta được.

"Làm gì có anh bạn nào," anh nói.

"Không các anh thì nhất định là các cô rồi. Típ phụ nữ ấy không dễ dàng buông tha đâu."

Anh định giữ cửa mở cho cô ta đi ra, ai dè đó là loại cửa tự động. Anh mới mua đồ ở đây có vài trăm lần thôi mà. Ra đến vỉa hè, hai người đứng đó nhìn nhau.

Harry không biết phải nói sao. Chắc hẳn vì thế anh mới thốt ra một câu thế này, "Đó là ba người phụ nữ. Có lẽ họ sẽ chịu buông tha cho tôi nếu tôi uống đủ say."

"Gì cơ?"

Cô ta giơ tay che nắng.

"Không có gì. Xin lỗi cô. Vừa rồi tôi chỉ nghĩ sao nói vậy thôi. Đúng hơn là, tôi chẳng nghĩ gì đâu… nhưng miệng thì vẫn nói. Nói nhảm, chắc là

vậy. Tôi…”

Anh chẳng hiểu sao đến giờ cô ta vẫn đang đứng ở đây.

“Bọn họ cứ chạy qua chạy lại như con thoi trên cầu thang nhà tôi suốt mấy ngày cuối tuần,” cô ta nói.

“Ai cơ?”

“Cảnh sát, chắc là vậy.”

Harry bắt đầu lờ mờ hiểu ra rằng lại một cuối tuần đã trôi qua kể từ hôm anh có mặt tại căn hộ của Camilla Loen. Anh cố liếc thử hình bóng mình in trên kính cửa hàng. Hẳn một kỳ nghỉ cuối tuần thật sao? Không hiểu lúc này trông anh tệ hại đến mức nào?

“Bọn họ chẳng chịu tiết lộ cho chúng tôi điều gì,” cô ta nói. “Báo chí cũng chỉ đăng là cảnh sát chưa thu được manh mối nào. Có thật vậy không?”

“Vụ này tôi không làm,” anh nói.

“Phải rồi.” Vibeke Knutsen gật gù. Sau đó cô ta nhoẻn miệng cười. “Nhưng mà, anh biết sao không?”

“Sao cơ?”

“Thực tình, không làm có khi lại là may ấy chứ.”

Phải mấy giây sau Harry mới hiểu ra ẩn ý trong lời nói ấy. Anh phá lên cười. Rồi tiếng cười chuyển thành tiếng ho rũ rượi.

“Thật lạ là tôi chưa bao giờ gặp cô trong cửa hàng này trước đây,” anh nói sau khi đã lấy lại bình tĩnh.

Vibeke nhún vai. “Chịu. Nhưng biết đâu chúng ta sẽ sớm được gặp lại nhau ở đây thì sao?”

Cô ta nở nụ cười tươi rói với anh rồi quay người rời đi. Mấy cái túi

nylon theo hông cô ta lắc lư từ bên này sang bên nọ.

Ờ, cô và tôi cứ ở đây mà mơ.

Harry cáu tiết nghĩ, trong giây phút ngắn ngủi, anh sợ mình đã lớn tiếng thốt ra ý nghĩ ấy thành lời.

Một người đàn ông áo khoác vắt vai, một tay áp lên bụng, đang ngồi trên bậc tam cấp trước cổng tòa chung cư trên phố Sofies. Chiếc sơ mi ông mặc đã sẫm lại đôi chỗ vì mồ hôi thấm ra ở vạt trước và dưới hai bên nách. Trông thấy Harry, ông vội đứng dậy.

Harry hít một hơi và tự lên dây cót tinh thần. Người đang đợi anh là Bjarne Møller.

"Trời đất quỷ thần ơi, Harry."

"Trời đất quỷ thần ơi, sếp."

"Cậu có biết trông cậu lúc này ra sao không?"

Harry rút chùm chìa khóa ra. "Không ở đỉnh cao phong độ ư?"

"Cậu đã được giao trọng trách hỗ trợ điều tra vụ án hôm cuối tuần, vậy mà chẳng ai thấy tăm hơi cậu đâu cả. Thậm chí hôm nay cậu cũng không đi làm."

"Ngủ quên, sếp ạ. Điều đó và sự thật không khác nhau quá xa như sếp tưởng đâu."

"Thế chắc cái đợt mấy tuần liền cậu chỉ thò mặt đến cơ quan vào ngày thứ Sáu cũng là do ngủ quên đấy nhỉ?"

"Chắc thế. Sau tuần đầu tiên tôi đã tỉnh táo hơn chút đỉnh. Vậy là tôi

gọi điện đến Sở và được báo là có người đã cho tôi vào danh sách nghỉ phép. Tôi đoán người đó là sếp."

Harry lừ đừ lết vào hành lang với Møller nặng nhọc theo chân anh.

"Lúc đó tôi thật sự hết cách rồi," Møller nói, khẽ rên rỉ và đặt tay lên dạ dày. "Những bốn tuần liền, Harry!"

"Chỉ là một nano giây đối với vũ trụ này chứ mấy…"

"Và cũng không thèm báo một câu cho tôi biết cậu đang ở đâu!"

Harry loay hoay tra chìa vào ổ. "Sắp rồi, sếp."

"Cái gì sắp?"

"Một câu cho sếp biết tôi đang ở đâu ấy. Ở đây."

Harry đẩy cửa căn hộ, xộc vào mũi họ là mùi chua gắt của bia, đầu lọc thuốc lá và mùi hôi của rác.

"Nếu biết, liệu sếp có yên tâm hơn không?"

Harry bước vào nhà, Møller chần chừ trong giây lát rồi miễn cưỡng đi theo.

"Không cần cởi giày đâu sếp," Harry gọi vọng ra từ trong bếp.

Møller đảo tròn mắt, cố gắng bước cẩn thận để tránh giẫm vào bất cứ thứ gì trong mớ hổ lốn của những vỏ chai, gạt tàn đầy thuốc lá và đĩa than cũ vứt lăn lóc trên sàn phòng khách.

"Cậu đã ngồi đây uống suốt bốn tuần ư, Harry?"

"Có nghỉ giữa hiệp chứ, sếp. Nghỉ dài là khác. Dù sao tôi cũng đang nghỉ phép mà, đúng không? Tuần trước tôi gần như không động đến dù chỉ một giọt đấy."

"Tôi có vài tin xấu cho cậu đây, Harry," Møller nói lớn, tháo các chốt cửa sổ và quýnh quáng đẩy tấm cửa kính ra. Phải đến lần đẩy thứ ba cái cửa

sổ mới chịu bật mở. Møller rên rỉ, nói lỏng thắt lưng và tháo cúc quần trên cùng. Khi quay lại, ông thấy Harry đang đứng ở cửa phòng khách, tay cầm chai whisky đã mở.

“Xấu đến thế cơ à,” Harry nói, nhác thấy thắt lưng của ngài Chánh thanh tra đã nới lỏng. “Sếp định cho tôi ‘ăn cháo lươn’ hay nếm mùi sung sướng đấy?”

“Chậm tiêu,” Møller giải thích.

“Ừm.” Harry đậy nắp chai whisky lại như cũ. “Cách dùng từ thật thú vị, chậm tiêu. Gần đây tôi cũng hơi có vấn đề với cái dạ dày chút nên đã tìm hiểu về nó. Toàn bộ quá trình tiêu hóa thức ăn diễn ra trong khoảng từ mười hai đến hai mươi tư tiếng đồng hồ. Với tất cả mọi người. Bất luận là ai và ăn cái gì. Có thể cơn đau vẫn còn âm ỉ nhưng ruột chỉ cần chừng ấy thời gian để tiêu hóa.”

“Harry…”

“Sếp làm một ly không? Trừ phi phải là ly sạch.”

“Tôi đến để báo cho cậu biết, tất cả kết thúc rồi, Harry.”

“Sếp từ chức à?”

“Đủ rồi đấy!”

Møller đấm xuống bàn mạnh đến nỗi mấy cái vỏ chai rỗng nẩy cả lên. Rồi ông ngồi phịch xuống chiếc ghế bành màu xanh lục, đưa tay xoa mặt.

“Không biết đã bao nhiêu lần tôi mạo hiểm cả sự nghiệp của mình để giữ công việc cho cậu, Harry. Trên đời còn nhiều người tôi gắn bó hơn cả cậu. Những người cần tôi chu cấp. Chuyện này phải kết thúc tại đây, Harry. Từ giờ trở đi, tôi không thể cứu giúp cậu được nữa.”

“Được thôi.”

Harry ngồi xuống sofa, rót whisky vào một chiếc ly.

"Chẳng ai bảo sếp phải cứu giúp tôi cả, nhưng dù sao đi nữa cũng cảm ơn sếp. Được đến đâu hay đến đấy. Cạn ly nào."

Møller hít một hơi thật sâu và nhắm mắt lại.

"Cậu biết sao không, Harry? Nhiều lúc, cậu đúng là tên khốn ngạo mạn nhất, ích kỷ nhất, ngu si nhất quả đất."

Harry nhún vai, uống một hơi cạn ly rượu.

"Tôi chuẩn bị xong giấy tờ để cậu nghỉ rồi," Møller nói.

Harry lại rót đầy ly rượu.

"Đơn từ đã nằm sẵn trên bàn sếp tổng. Chỉ còn thiếu mỗi chữ ký của ông ấy nữa thôi. Cậu có biết điều đó có nghĩa là gì không, Harry?"

Harry gật. "Sếp thực sự không muốn làm một hơi nho nhỏ trước khi đi à?"

Møller đứng dậy. Ra đến cửa phòng khách thì ông dừng lại.

"Cậu không biết nhìn cậu thế này khiến tôi đau lòng đến mức nào đâu, Harry. Rakel và công việc là tất cả những gì cậu có. Đầu tiên cậu vứt bỏ Rakel, rồi bây giờ là vứt bỏ công việc."

Chính xác thì tôi đã vứt bỏ cả hai từ bốn tuần trước cơ, Harry tự tuyên bố hùng hồn trong đầu.

"Tôi thực sự lấy làm tiếc, Harry ạ."

Møller khẽ khàng khép cửa lại sau lưng khi ông rời đi.

Bốn mươi lăm phút sau, Harry thiếp đi trên ghế. Lại có người ghé thăm anh. Không phải ba người phụ nữ quen thuộc mà là sếp của *Kripos*. Chính xác thì chuyện xảy ra cách đây đã bốn tuần, ba ngày.

Đích thân Giám đốc Sở đã hẹn gặp anh ở Boxer, quán bar dành cho dân có tiền nằm cách Sở Cảnh sát một quãng ngắn và cách rãnh thoát nước vài bước chân sơ sẩy. Chỉ có ông ta, Harry và Roy Kvinsvik. Ông ta giải thích rằng trong lúc chưa có quyết định chính thức nào được đưa ra, tốt hơn hết là nên tiến hành mọi chuyện một cách kín đáo nhất có thể để ông ta dễ bề xử lý.

Còn về việc Harry có dễ bề xử lý hay không thì ông ta lại chẳng hề nhắc đến.

Khi Harry tới quán Boxer muộn hơn mười lăm phút so với giờ hẹn, Giám đốc Sở đã ngồi đợi sẵn với một chai bia ở bàn phía bên trong. Lúc đặt mông xuống ghế, Harry cảm thấy ông ta đang nhìn mình chằm chằm, cặp mắt xanh dương sáng quắc trong hốc mắt sâu thẳm được ngăn cách bởi sống mũi nhỏ đầy vẻ trịch thượng. Ông ta có mái tóc muối tiêu dày dặn, dáng người thẳng tắp, gọn gàng so với tuổi. Ở ông ta toát lên phong thái của những ông lão sáu mươi mà khi nhìn vào, ta thật sự khó lòng hình dung ra con người này hồi còn trẻ. Hay thậm chí khi đã già đanh cóc đế. Các sĩ quan Đội Hình sự đặt cho ông ta biệt danh Tổng thống, không chỉ vì ông ta có phòng làm việc hình bầu dục mà còn vì cách nói năng cũng y như tổng thống vậy, nhất là trong những lần xuất hiện trước công chúng. Nhưng lần này là lần xuất hiện "kín đáo nhất có thể". Cái miệng mỏng quẹt có cũng như không của ngài Giám đốc Sở bắt đầu hoạt động.

"Cậu đến một mình."

Harry gọi một chai nước khoáng Farris, anh cầm lấy thực đơn đặt trên bàn, chăm chú xem trang đầu và vô tư đáp như thể đó là thông tin thừa thãi,

"Hắn đã nghĩ lại rồi."

"Nhân chứng của cậu nghĩ lại ư?"

"Phải."

Vị sếp của *Kripos* nhấp một ngụm bia.

"Suốt năm tháng trời qua, hắn đã hứa sẽ ra làm chứng," Harry nói. "Lần cuối cùng hắn hứa là cách đây hai hôm. Sếp nghĩ món giò heo có ngon không?"

"Hắn đã nói gì?"

"Hắn đã đồng ý gặp tôi sau buổi họp Hội thánh Tin Lành Philadelphia ngày hôm nay. Nhưng lúc tôi đến thì hắn bảo mình đã nghĩ lại rồi, hắn đi đến kết luận rằng người hắn trông thấy trong xe cùng Sverre Olsen hôm đó không phải Tom Waaler."

Giám đốc Sở nhìn trực diện vào Harry hồi lâu. Sau đó ông ta kéo tay áo khoác lên và nhìn đồng hồ đeo tay, hành động đó khiến Harry hiểu rằng cuộc gặp đến đây là kết thúc.

"Vậy thì chẳng còn cách nào, đành tạm kết luận nhân chứng của cậu đã nhìn thấy người khác chứ không phải Tom Waaler. Hoặc cậu nghĩ sao?"

Harry nuốt khan một cái. Rồi một cái nữa. Anh dán mắt vào thực đơn.

"Giò heo. Tôi nghĩ là giò heo."

"Tùy cậu thôi. Tôi phải đi đây, hóa đơn cứ để tôi thanh toán."

Harry bật cười. "Quý hóa quá, nhưng nói thật, tôi có linh cảm rất tệ rằng kiểu gì tôi cũng là người phải trả hóa đơn thôi."

Giám đốc Sở cau mày, và khi lên tiếng, trong giọng nói của ông ta có chút khó chịu.

"Tôi nói thẳng với cậu điều này nhé, Hole? Ai cũng biết rõ cậu và

thanh tra Waaler là hai kẻ không đội trời chung. Ngay từ lúc cậu đến tìm tôi để đưa ra những cáo buộc hoang đường, tôi đã nghi cậu để cho thù oán cá nhân làm lu mờ lý trí rồi. Và bây giờ, mối nghi ngờ đó của tôi là hoàn toàn chính xác."

Giám đốc Sở gạt cốc bia chưa uống hết ra xa khỏi mép bàn, sau đó đứng dậy và cài cúc áo khoác.

"Bởi vậy tôi sẽ nói ngắn gọn thôi và hy vọng cậu hiểu rõ, Hole à. Cái chết của Ellen Gjelten đã được làm sáng tỏ, từ giờ vụ án coi như khép lại. Không một ai, kể cả cậu, đưa ra được bằng chứng mới nào đủ thuyết phục để tiếp tục cuộc điều tra. Nếu cậu còn dám đụng đến vụ này nữa, đó sẽ là hành vi trái lệnh thượng cấp và quyết định sa thải cậu do chính tay tôi ký sẽ được trình lên Ủy ban Phụ trách Nhân sự ngay tức khắc. Tôi nói thế này không phải vì muốn dung túng cho những nhân viên tha hóa, mà vì tôi có trách nhiệm duy trì nhuệ khí của lực lượng cảnh sát ở mức độ chuẩn mực. Vậy nên chúng ta không thể để sĩ quan cảnh sát tự ý dựng chuyện vô căn cứ. Tôi mà phát hiện ra cậu tiếp tục tìm cách tố cáo thanh tra Waaler dù chỉ một chút thôi, cậu sẽ lập tức bị đình chỉ công tác, vụ này sẽ được đưa ra trước Cơ quan Điều tra Đặc biệt."

"Vụ nào?" Harry nhỏ giọng hỏi. "Waaler giết Gjelten ư?"

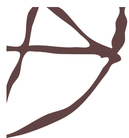
"Hole vu cáo Waaler."

Sau khi Giám đốc Sở ra về, Harry ngồi đó chằm chằm nhìn cốc bia mới uống được phân nửa. Anh có thể tuân theo mệnh lệnh của vị sếp *Kripos,* nhưng làm thế chẳng thay đổi được gì. Với anh, giờ đây tất cả kết thúc rồi, dù cho sau này có thế nào đi chăng nữa. Anh đã thất bại và trở thành mối nguy hại của ngành. Một kẻ phản bội mắc chứng hoang tưởng, một trái bom hẹn giờ, họ sẽ tống cổ anh đi ngay khi có cơ hội. Anh chỉ việc

dâng cho họ cơ hội đó mà thôi.

Người phục vụ mang cho anh chai nước Farris và hỏi anh có muốn dùng món nào không. Hay uống gì đó chẳng hạn. Harry liếm môi, những ý nghĩ mông lung trong đầu dần quy về một mối. Anh chỉ việc dâng cho họ cơ hội đó mà thôi, phần còn lại sẽ có kẻ khác lo.

Harry gạt chai nước khoáng Farris sang bên rồi trả lời câu hỏi của người phục vụ. Đó là những gì xảy ra cách đây bốn tuần và ba ngày, là thời điểm mọi chuyện bắt đầu. Và kết thúc.





PHẦN HAI



THỨ BA VÀ THỨ TƯ



chow chow

Sang ngày thứ Ba, nhiệt độ tại Oslo đã lên tới hai mươi chín độ trong bóng râm và đến ba giờ chiều, dân văn phòng lũ lượt kéo nhau ra bãi biển ở Huk và Hvervenbukta. Khách du lịch túm tụm tại những nhà hàng ngoài trời ở khu Aker Brygge và công viên Frogner, người nào người nấy mồ hôi ròng ròng, chụp lấy lệ vài tấm ảnh cột đá Monolith rồi dạt về đài phun nước với hy vọng một làn gió thổi qua sẽ mang những bụi nước li ti mát lạnh tới bao phủ lấy họ.

Không có du khách đặt chân đến, nơi này mới tĩnh mịch biết bao, nhịp sống đìu hiu ở chốn này dường như cũng đang trôi chậm lại. Đám công nhân làm đường mình trần gò lưng trên những cỗ máy, thợ hồ cheo leo trên giàn giáo tại công trường gần bệnh viện Rikshospital cúi xuống nhìn đường sá vắng hoe, mấy tay tài xế taxi quanh quẩn tìm chỗ có bóng râm để đậu xe rồi túm năm tụm ba bàn tán về vụ giết người trên phố Ullevålsveien. Chỉ duy nhất phố Akersgata là có vẻ sôi động hơn đôi chút. Những tờ báo lá cải thích chuyện giật gân đã xài hết những gì mình có trong mùa đói tin thì giờ

đang nhảy vào khai thác triệt để vụ án mạng còn nóng hổi một cách đầy thèm khát. Vì thời điểm này cánh phóng viên đã đi nghỉ gần hết nên biên tập của các báo phải tận dụng tất cả nguồn nhân lực hiện có để viết bài, từ đám sinh viên trường báo làm thêm mùa hè cho đến các chuyên gia bình luận chính trị đang rỗi việc. Chỉ những phóng viên phụ trách chuyên mục văn hóa là thoát được.

Ấy thế mà nơi này vẫn yên ắng lạ thường. Cũng có thể là vì gần đây tờ *Aftenposten* đã chuyển tòa soạn từ phố Akersgata - nơi hội tụ truyền thống của các cơ quan báo chí - về khu vực gần trung tâm hơn, tọa lạc tại tòa nhà Bưu điện, tòa nhà *Aftenposten,* hay Trung tâm Chuyển tiền Bưu điện. Dù gọi bằng cái tên nào đi nữa, nó vẫn chỉ là bản sao thô vụng của một tòa nhà chọc trời, vươn thẳng lên bầu trời xanh ngắt không một gợn mây. Tòa nhà vĩ đại màu nâu vàng nằm ở rìa công trường xây dựng tại Bjorvika đã được tu sửa lại, nhưng tạm thời phóng viên chuyên mục hình sự Roger Gjendem chỉ nhìn thấy mỗi Plata, bãi họp chợ của dân nghiện, và cả quầy chích thuốc ngoài trời phía sau những lán trại nơi lũ nghiện tìm đến với hy vọng được lên cõi tiên. Thỉnh thoảng anh ta lơ đãng ngó xuống xem có thấy Thomas dưới đó không. Nhưng Thomas hiện đang ngồi bóc lịch ở trại giam Ullersmo vì tội đột nhập vào căn hộ của một gã cảnh sát hồi mùa đông năm ngoái. Con người ta có thể điên khùng tới mức nào được nhỉ? Hay tuyệt vọng đến đâu? Bất luận thế nào, Roger cũng không còn phải lo chuyện vô tình nhìn xuống và thấy đứa em trai chích một mũi quá liều vào cẳng tay.

Aftenposten chưa chính thức bổ nhiệm biên tập viên mới cho chuyên mục hình sự. Người cuối cùng giữ vị trí này đã được đề nghị đền bù do cắt giảm nhân sự, nhanh nhẩu chấp nhận và ra đi trong vui vẻ. Kể từ đó, mục hình sự đơn giản là bị gộp chung vào với mục tin tức và, trên thực tế, điều

đó có nghĩa là Roger Gjendem buộc phải đảm nhận phần việc này trong khi vẫn chỉ được ăn lương cơ bản. Anh ta ngồi ở bàn làm việc, ngón tay đang đặt trên bàn phím, mắt dán vào gương mặt tươi cười của người phụ nữ được anh ta quét ảnh lên làm màn hình chờ máy tính, trong khi tâm trí lại đang hướng về người phụ nữ đã gói ghém hành lý đến lần thứ ba và rời bỏ anh ta cùng căn hộ trên phố Seilduksgata. Anh ta biết lần này Devi sẽ không quay lại nữa, rằng đã đến lúc quên đi mà sống rồi. Vậy là, anh ta vào phần Control Panel của máy tính và xóa màn hình chờ. Bước đầu là thế. Anh ta tạm thời đặt bài phóng sự về vụ án heroin đang làm sang một bên. Thật may, vì anh ta ghét đề tài ma túy lắm. Devi cứ một mực nói rằng tất cả là do Thomas. Roger đã cố gắng gạt đi những ý nghĩ về Devi và đứa em trai để tập trung vào vụ án cần viết.

Anh ta đang tóm tắt lại các tình tiết của vụ giết người trên phố Ullevålsveien, tranh thủ tận hưởng giờ phút giải lao trong lúc chờ những diễn biến mới, bằng chứng mới hoặc nghi phạm nào đó lộ diện. Việc này chắc cũng dễ xơi thôi. Đây quả là một vụ án hấp dẫn trên mọi khía cạnh, hội tụ hầu hết yếu tố đáng mơ ước đối với bất cứ phóng viên mục hình sự nào. Một cô gái trẻ mới hai mươi ba tuổi, còn độc thân, bị bắn chết trong phòng tắm tại căn hộ của mình ngay giữa thanh thiên bạch nhật một ngày thứ Sáu. Khẩu súng ngắn được tìm thấy trong thùng rác của căn hộ hóa ra lại chính là hung khí. Hàng xóm không ai trông thấy gì, cũng chẳng kẻ lạ mặt nào bị phát hiện lởn vởn xung quanh đó, chỉ một người hàng xóm nói rằng có nghe thấy âm thanh giống như là tiếng súng. Vì căn hộ không có dấu hiệu bị đột nhập, nên cảnh sát đang điều tra theo hướng giả thuyết Camilla Loen đã đích thân mở cửa cho hung thủ vào, nhưng không ai trong số bạn bè và người quen của cô ta có dấu hiệu khả nghi, *tất cả* bọn họ đều

có bằng chứng ngoại phạm tương đối chắc chắn. Việc Camilla Loen, hiện đang làm nhân viên thiết kế đồ họa tại công ty Leo Burnett, ra về lúc bốn giờ mười lăm phút chiều vì có hẹn với các bạn trước cổng trung tâm triển lãm Kunstnernes Hus lúc sáu giờ cho thấy rất khó có khả năng cô ta mời ai đó đến nhà. Một khả năng khác cũng bất khả thi không kém là có người nhấn chuông căn hộ của Camilla rồi giả danh ai đấy để lẻn vào trong, vì Camilla nhất định sẽ nhìn thấy mặt kẻ ấy qua camera ghi hình trên hệ thống điện thoại nội bộ ở cổng.

Tình hình vốn đã chẳng mấy sáng sủa khi giới báo chí tung ra những hàng tít như "Vụ án mạng tâm thần" và "Hàng xóm nếm máu", vậy mà còn có thêm hai chi tiết nữa bị rò rỉ khiến các trang nhất càng được dịp giật tít: "Camilla Loen bị chặt ngón tay" và "Phát hiện ngôi sao kim cương đỏ dưới mí mắt nạn nhân".

Ban đầu Roger Gjendem dùng cấu trúc câu ở thì hiện tại để tóm tắt vụ án nhằm tăng tính thời sự, nhưng rồi anh ta phát hiện ra điều đó không cần thiết nên đã xóa hết những gì viết được. Anh ta ngồi đó một lúc, vùi đầu lên hai bàn tay. Thế rồi anh ta nhấp đúp vào biểu tượng thùng rác trên màn hình máy tính, di chuột tới dòng chữ "Xóa tất cả", song lại do dự. Đó là bức ảnh duy nhất của cô mà anh ta có. Tất cả những thứ thuộc về cô đã bị tống khứ khỏi căn hộ anh ta ở. Thậm chí Roger còn giặt sạch cái áo len cô thường mượn và cũng là món đồ anh ta thích mặc vì nó vương mùi hương của cô.

"Vĩnh biệt," anh ta thì thầm và nhấp chuột.

Anh ta đọc lại phần mở bài rồi quyết định đổi "Ullevålsveien" thành "Nghĩa trang Our Saviour" - cái tên mới nghe hay hơn. Sau đó anh ta bắt tay vào viết, lần này lời lẽ ý tứ cứ dạt dào tuôn chảy.

Lúc bảy giờ, người đi tắm biển bắt đầu lục tục ra về một cách đầy miễn cưỡng, dù mặt trời vẫn đang tỏa nắng chói chang trên bầu trời không một gợn mây. Sau đó, kim giờ nhích dần sang số tám, rồi số chín. Nhiều người vẫn đang đeo kính râm ngồi uống bia ngoài sân, trong khi đám nhân viên phục vụ ở các nhà hàng không có sân trời thì chơi dài. Đến chín rưỡi, vầng dương đỏ ối treo lơ lửng phía trên khu Ullernåsen rồi bắt đầu hạ xuống. Nhưng nhiệt độ thì chẳng thèm hạ theo. Đêm nay quả là một đêm oi bức, dân tình rời hàng quán để trở về nhà nằm thức trắng trên giường, mồ hôi như tắm.

Tại phố Akersgata, hạn nộp bài đang đến gần, đội ngũ biên tập cùng nhau họp bàn lần cuối để thống nhất về nội dung trang bìa. Cảnh sát chưa đưa ra thêm thông báo nào mới. Không phải bọn họ cố tình che giấu thông tin, mà chỉ là bốn ngày sau khi xảy ra vụ việc, dường như họ chẳng còn gì nữa để thông báo. Nhưng trái lại, chính khoảng lặng ấy lại giúp Gjendem và các cộng sự có thêm thời gian để đưa ra vô số giả thuyết. Đến lúc vận dụng sức sáng tạo rồi đây.

Cũng vào đúng lúc đó, tại Oppsal, tiếng chuông điện thoại réo vang trong ngôi nhà gỗ sơn vàng có vườn táo ở sân. Beate Lønn thò tay ra khỏi chăn để nhấc máy và tự hỏi không biết mẹ cô ở tầng dưới có bị tiếng chuông điện thoại đánh thức không. Có thể lắm.

"Cô ngủ rồi à?" một giọng khàn khàn cất lên.

"Chưa," Beate đáp. "Ai mà ngủ nổi chứ?"

"Ờ. Tôi vừa mới dậy đấy."

Beate ngồi thẳng lên.

"Tình hình thế nào rồi?"

"Biết nói sao nhỉ? Ừm, đúng rồi, tệ, tôi cho là mình có thể nói như vậy."

Hai người im lặng giây lát. Tín hiệu đường truyền điện thoại không phải là lý do khiến Beate cảm thấy giọng nói của Harry có vẻ xa cách.

"Bên Pháp y có tin gì mới chưa?"

"Vẫn là mấy tin anh đọc được trên báo thôi," cô đáp.

"Báo nào?"

Cô thở dài. "Tóm lại là những điều anh đều biết cả rồi. Chúng tôi đã lấy dấu vân tay và ADN trong căn hộ, nhưng tạm thời chưa xác định được mối liên hệ rõ ràng giữa bằng chứng thu được và kẻ giết người."

"Ta còn chưa biết vụ này có phải là giết người có chủ đích hay không mà," Harry nói. "Cứ gọi là đối tượng gây án đi."

"Ừ thì đối tượng gây án," Beate ngáp dài.

"Đã truy ra được nguồn gốc của viên kim cương chưa?"

"Vẫn đang cố đây. Mấy chuyên gia trang sức chúng tôi gặp đều nói kim cương đỏ không có gì khác thường cho lắm, nhưng ở Na Uy thì lượng cầu rất thấp. Họ không cho rằng viên kim cương đó được mua ở cửa hàng trang sức tại Na Uy. Nếu thật sự nó có nguồn gốc từ nước ngoài thì khả năng thủ phạm là người ngoại quốc sẽ cao hơn."

"Ừm."

"Rốt cuộc là có chuyện gì vậy, Harry?"

Harry ho mấy tiếng rõ to. “Tôi chỉ đang cập nhật tình hình thôi.”

“Nhưng tôi nghe nói vụ này anh không làm cơ mà.”

“Đúng thế.”

“Vậy anh muốn gì mới được?”

“À thì, tôi gặp ác mộng nên tỉnh giấc.”

“Có cần tôi sang đắp chăn cho không?”

“Khỏi.”

Hai người lại lặng thinh.

“Tôi mơ thấy Camilla Loen. Và cả viên kim cương các cô phát hiện ra.”

“Thế à?”

“Ừ. Tôi nghĩ chi tiết này ẩn chứa một ý nghĩa nào đó.”

“Ý anh là sao?”

“Hiện tôi chưa thể khẳng định chắc chắn, nhưng cô có biết là ngày xưa người ta từng đặt một đồng xu lên mắt của người chết trước khi đem chôn không?”

“Không.”

“Đó là tiền công trả cho người lái đò để đưa linh hồn đến với thế giới âm phủ. Nếu không đến được âm phủ, linh hồn sẽ không thể an nghỉ. Cô cứ ngẫm mà xem.”

“Cảm ơn anh đã chỉ dạy, nhưng tôi không tin vào ma quỷ, Harry ạ.”

Harry không đáp.

“Còn điều gì nữa không?”

“Chỉ một câu hỏi nhỏ thôi. Tuần này Giám đốc Sở bắt đầu đi nghỉ à?”

“Phải.”

“Thế liệu cô có tình cờ biết được… lúc nào ông ấy về không?”

“Ba tuần nữa. Còn anh?”

“Tôi làm sao?”

Beate nghe thấy tiếng bật lửa tanh tách. Cô thở dài, “Bao giờ anh mới về?”

Trong điện thoại vọng đến tiếng Harry hít vào một hơi dài, nín thở giây lát rồi chầm chậm thở ra trước khi trả lời, “Vừa nãy cô bảo không tin vào ma quỷ mà.”

Khi Beate đặt điện thoại xuống cũng là lúc Bjarne Møller bị cơn đau nhức nhối ở vùng bụng đánh thức. Ông nằm trằn trọc mãi đến tận sáu giờ mới chịu thua và rời khỏi giường. Sau khi nhẩn nha thưởng thức bữa sáng không có cà phê, ông cảm thấy dễ chịu hơn hẳn. Khi tới Sở lúc hơn tám giờ một chút, ông ngỡ ngàng nhận ra cơn đau đã dứt hẳn. Ông đi thang máy lên phòng làm việc và ăn mừng bằng cách gác chân lên bàn, nhấp ngụm cà phê đầu tiên trong ngày và giở xấp báo mới ra lò sáng nay.

Trang bìa của tờ *Dagbladet* chình ình bức ảnh Camilla Loen đang mỉm cười bên dưới dòng tít: “Người tình bí mật?” Tờ *Verdens Gang* cũng đăng bức ảnh đó, nhưng với tiêu đề khác: “Nhà ngoại cảm cho rằng động cơ giết người là do ghen tuông”. Chỉ duy nhất bài viết trên tờ *Aftenposten* là có vẻ bám sát thực tế.

Møller lắc đầu ngán ngẩm, liếc đồng hồ đeo tay rồi quay số của Tom

Waaler. Không thể đúng lúc hơn. Giờ này chắc anh ta vừa kết thúc buổi họp sáng với các thanh tra cùng điều tra vụ án.

"Chưa có tiến triển gì," Waaler nói. "Chúng tôi đã gõ cửa từng nhà hàng xóm để thẩm vấn và cũng đã trao đổi với tất cả các cửa hàng cửa hiệu quanh đó. Kiểm tra những xe taxi có mặt tại khu vực trong khoảng thời gian xảy ra vụ việc, nói chuyện với những người cung cấp tin, xác minh chứng cứ ngoại phạm của các bạn cũ có tiền án tiền sự. Không phát hiện ra người nào có dấu hiệu khả nghi, có thể nói như vậy. Và thú thật, với vụ này, tôi không cho rằng hung thủ là một trong số những kẻ chúng ta đã biết. Không có dấu hiệu xâm hại tình dục. Tiền bạc và tài sản có giá trị đều không bị đụng đến. Không tìm thấy mô thức quen thuộc nào, cũng chẳng có ai bấm chuông cửa. Như ngón tay bị cắt và viên kim cương để lại chẳng hạn…"

Møller cảm thấy dạ dày sôi òng ọc. Ông hy vọng là do đói.

"Vậy là không có tin tức tốt lành nào cho tôi cả."

"Đồn cảnh sát Majorstua đã cử ba người đến hỗ trợ, nên bây giờ chúng ta có tổng cộng mười người đảm trách mảng chiến thuật điều tra. Các kỹ thuật viên ở *Kripos* cũng đang giúp Beate giám định những bằng chứng thu thập được tại căn hộ. Đang trong đợt nghỉ hè mà nhân sự huy động được như vậy cũng là khá ổn rồi. Sếp thấy thế đã đủ tốt lành chưa?"

"Cảm ơn cậu, Waaler, hy vọng tình hình sẽ tiếp tục được duy trì. Ý tôi là về mặt nhân sự ấy."

Møller cúp máy, ngoảnh đầu định nhìn ra cửa sổ trong chốc lát rồi quay về với mấy tờ báo. Vậy nhưng ông vẫn giữ nguyên tư thế ấy, đầu quay hẳn sang bên trông hết sức cứng nhắc, hai mắt dán vào bãi cỏ bên ngoài Sở. Ông vừa nhác thấy một bóng người đang sải bước trên phố Grønlandsleiret. Con người này dáng điệu tuy không lấy gì làm nhanh nhẹn cho lắm nhưng

bước chân ở một chừng mực nào đó lại có vẻ rất ngay hàng thẳng lối, và không nghi ngờ gì nữa, nơi anh ta đang hướng đến chính là: Sở Cảnh sát.

Møller đứng dậy, bước ra hành lang gọi Jenny mang ngay cho mình thêm cà phê cùng một cái tách nữa. Sau đó ông trở vào, ngồi xuống ghế và vội vã rút ra vài tài liệu cũ từ một trong mấy ngăn kéo bàn.

Ba phút sau, có tiếng gõ cửa vang lên.

"Mời vào!" Møller lớn tiếng đáp, mắt vẫn dán vào tập tài liệu là lá đơn dài mười hai trang do một người nuôi chó gửi đến để tố cáo trung tâm khám chữa bệnh trên phố Skippergata dùng sai thuốc dẫn đến làm chết hai con chó chow chow của ông ta. Cửa mở ra, Møller thản nhiên vẫy tay mời khách vào trong lúc chăm chú đọc một trang trình bày về việc hai con chó được nhân giống ra sao, nhận giải thưởng gì trong những cuộc thi chó đẹp, và may mắn sở hữu trí khôn trời phú thế nào.

"Chúa ơi," Møller nói khi ông cuối cùng cũng chịu ngẩng lên. "Tôi tưởng đã cho cậu về vườn rồi chứ."

"À, ừm. Nhưng xét thấy quyết định sa thải tôi còn đang ngự trên bàn Giám đốc Sở để chờ ký, và vẫn sẽ nằm đó thêm ít nhất ba tuần nữa, nên tôi nghĩ thôi thì từ giờ đến lúc đấy mình cũng nên đi làm cho nghiêm chỉnh. Phải không, sếp?"

Harry cầm lấy ấm cà phê Jenny pha và tự rót cho mình một tách, rồi mang chiếc tách đi vòng qua bàn Møller để tới đứng bên cửa sổ.

"Nhưng như vậy không có nghĩa tôi sẽ làm vụ Camilla Loen đâu nhé."

Bjarne Møller quay lại, trầm ngâm nhìn Harry. Ông từng chứng kiến chuyện tương tự thế này vài lần rồi, chỉ mới hôm trước Harry còn cận kề cửa tử nhưng ngay ngày hôm sau anh đã ung dung đi lại cứ như thể người về từ cõi chết. Ấy thế mà không lần nào ông không bị bất ngờ.

"Nếu cậu nghĩ chuyện sa thải là trò đùa, thì cậu nhầm rồi, Harry. Lần này không phải dọa suông đâu. Đó là quyết định cuối cùng. Tất cả những lần cậu làm trái lệnh cấp trên, tôi luôn là người đứng ra xử lý để các sếp giơ cao đánh khẽ. Chính vì lý do đó mà bây giờ tôi cũng chẳng thể nào trốn tránh trách nhiệm của mình được."

Bjarne Møller quan sát Harry hòng tìm kiếm chút biểu hiện cam chịu trong mắt anh. Nhưng ông không thấy gì. May quá.

"Mọi chuyện là vậy đấy, Harry. Tất cả kết thúc rồi."

Harry chẳng nói chẳng rằng.

"Nhân lúc tôi vẫn còn nhớ được, giấy phép sử dụng súng của cậu cần được thu hồi ngay lập tức. Đó là thủ tục cơ bản. Cậu sẽ phải xuống kho nộp lại tất cả những vũ khí hiện đang mang theo người."

Harry gật. Vị sếp Đội Hình sự nhìn anh bằng ánh mắt thăm dò. Có phải ông nhác thấy ở anh vẻ hoang mang thoáng qua của cậu học trò vừa nhận một cái bạt tai bất ngờ không? Møller áp tay lên khuyết dưới cùng của chiếc áo. Đọc vị Harry thật không dễ tí nào.

"Nếu cậu nghĩ mình có thể làm được việc gì đó hữu ích trong những tuần cuối cùng này và muốn đến cơ quan, thì tôi hoàn toàn ủng hộ. Cậu không bị đình chỉ công tác, hơn nữa Sở vẫn trả lương cho cậu đến hết tháng. Mà cả tôi và cậu đều biết nếu không ngồi đây thì cậu sẽ lang thang ở đâu rồi đấy."

"Thôi được," Harry lầu bầu đáp và đứng dậy. "Tôi sẽ chỉ đi xem văn phòng của mình còn hay mất mà thôi. Nếu có việc gì cần tôi giúp, sếp cứ bảo."

Bjarne Møller nở nụ cười bao dung.

"Được, tôi nhớ rồi, Harry."

"Như vụ hai con chó chow chow kia chẳng hạn," Harry nói rồi khẽ khàng khép cửa lại sau lưng.

Harry đứng ở lối vào, lặng lẽ quan sát phòng làm việc chung của anh. Đối diện bàn anh là chiếc bàn trống đã được dọn dẹp ngăn nắp trong thời gian nghỉ phép của Halvorsen. Bức tường phía trên tủ hồ sơ có treo ảnh sĩ quan Ellen Gjelten chụp hồi cô còn ngồi ở chỗ của Halvorsen bây giờ. Bức tường còn lại bị tấm bản đồ đường phố Oslo choán gần hết. Rải rác trên đó là những chiếc đinh mũ, đường kẻ và các mốc thời gian đánh dấu vị trí của Ellen, Sverre Olsen và Roy Kvinsvik vào thời điểm xảy ra án mạng. Harry bước tới chỗ bức tường và đứng trước tấm bản đồ. Thế rồi, bằng một động tác nhanh nhẹn, anh xé tan và tống nó vào một ngăn kéo tủ hồ sơ. Anh lấy từ trong túi áo khoác ra bình rượu bạc loại giắt ở thắt lưng, tu vội một hơi rồi tì trán lên mặt tủ bằng kim loại mát lạnh.

Anh đã làm việc suốt hơn mười năm qua trong chính văn phòng này. Căn phòng 605. Phòng nhỏ nhất trong khu vực cấm trên tầng sáu. Ngay cả hồi họ nảy ra ý định kỳ quặc là thăng chức cho anh lên làm thanh tra thám tử, anh vẫn nhất quyết đòi ở lại chỗ này. Phòng 605 tuy không có bất kỳ cửa sổ nào, nhưng chính từ nơi đây anh đã ngồi quan sát cả thế giới. Với vỏn vẹn chỉ mười mét vuông này, anh đã kiên trì học hỏi, ăn mừng thắng lợi, gặm nhấm thất bại và đúc kết được đôi điều sâu sắc về tâm trí con người. Anh cố nhớ xem mình còn làm được những việc nào khác trong mười năm qua không. Chắc chắn phải có điều gì đáng nhớ chứ. Ngày nào mi chẳng ở

đây làm việc từ tám đến mười tiếng đồng hồ. Tối đa là mười hai tiếng. Chưa kể vào những dịp cuối tuần.

Harry ngồi phịch xuống chiếc ghế tàn tạ của mình, khiến cái lò xo hỏng ré lên trong niềm hân hoan. Anh hoàn toàn có thể vui vẻ ngồi lì ở đây thêm hai tuần nữa.

Thường thì năm giờ hai mươi lăm phút chiều là Bjarne Møller đã về với gia đình. Tuy nhiên, hiện vợ con ông đang về thăm nhà ngoại nên ông định tranh thủ mấy ngày nghỉ ngơi yên bình này để xử lý những việc giấy tờ bê trễ. Vụ bắn chết người ở phố Ullevålsveien ít nhiều cũng khiến ý định đó bị ảnh hưởng, nhưng ông quyết tâm làm bù lại khoảng thời gian đã mất.

Khi nhận được cuộc gọi từ phòng điều phối trung tâm, Møller bực bội yêu cầu họ gọi cho bộ phận cảnh sát mặc đồng phục vì Đội Hình sự không thể ôm đồm tiếp nhận cả các trường hợp mất tích được.

“Rất xin lỗi, Møller. Đội cảnh sát tuần tra đang phải xử lý vụ hỏa hoạn ở khu Grefsen. Người gọi điện báo tin cho rằng đối tượng mất tích chính là nạn nhân của một vụ sát hại.”

“Hiện tại toàn bộ nhân sự ở đây đều đang tập trung điều tra vụ giết người trên phố Ullevålsveien. Nghĩa là…” Møller đột ngột im bặt. “À, khoan. Chờ chút, để tôi xem lại đã…”

THỨ TƯ



người mất tích

Viên sĩ quan miễn cưỡng đạp phanh khiến chiếc xe cảnh sát dừng kít lại trước đèn đỏ ở quảng trường Alexander Kiellands.

“Hay là bật còi hụ lên rồi vọt luôn?” anh ta quay sang hỏi người ngồi ở ghế phụ.

Harry lơ đãng lắc đầu. Anh dõi mắt nhìn ra công viên, nơi đây từng là một trảng cỏ có hai băng ghế bị những gã say xỉn chiếm cứ, cố át đi âm thanh huyên náo của phố phường bằng mấy bài hát và những tràng chửi rủa. Ấy thế mà chỉ vài năm trước thôi, chính quyền đã quyết định chi vài triệu để tu sửa quảng trường mang tên nhà văn nổi tiếng này, khu công viên cũng được phát quang, trồng thêm cây cối, rải đường và lát gạch trên lối đi, ngoài ra còn dựng thêm một đài phun nước hoành tráng có hình dạng chẳng khác gì xà tập thang cá hồi. Không thể phủ nhận đây quả là khung cảnh nên thơ hơn nhiều để hát hò, chửi bới.

Chiếc xe cảnh sát ngoặt sang phải trên phố Sannergata, băng qua cây

cầu bắc ngang sông Akerselva rồi dừng lại trước địa chỉ Møller đưa cho Harry.

Harry bảo viên sĩ quan rằng anh sẽ tự lo phương tiện lúc về, sau đó bước ra ngoài vỉa hè, đứng vươn vai. Bên kia đường là tòa nhà văn phòng mới xây vẫn còn đang bỏ trống, và theo như báo chí đưa tin thì tình trạng đó sẽ còn kéo dài thêm một thời gian nữa. Những ô cửa sổ phản chiếu hình ảnh của khu chung cư tọa lạc tại địa chỉ Harry đang cầm trong tay. Đó là một tòa nhà sơn trắng được xây dựng vào khoảng thập niên bốn mươi của thế kỷ trước, yếu tố công năng tuy chưa thực sự phù hợp nhưng cũng ở mức gần tương đối. Mặt tiền chi chít chữ graffiti đánh dấu chủ quyền. Tại trạm xe buýt có một cô gái với nước da sẫm màu đứng khoanh tay, nhai kẹo cao su trong lúc quan sát tấm biển quảng cáo to tướng của thương hiệu thời trang Diesel phía bên kia đường. Harry tìm thấy cái tên mình cần ở chiếc chuông trên cùng.

"Cảnh sát đây," anh nói, xốc lại tinh thần để chuẩn bị chinh phục dãy cầu thang.

Một bóng người trông thật kỳ dị đã chờ sẵn ở ngưỡng cửa tầng trên cùng khi Harry leo lên đến nơi, thở không ra hơi. Ông ta có mái tóc to bù xù, bộ râu quai nón đen sì ngự trên gương mặt đỏ tía, mặc trang phục kiểu tunic che kín từ cổ tới tận đôi bàn chân đi xăng đan.

"Thật tốt khi anh đến nhanh vậy," ông ta nói và chìa bàn tay hộ pháp ra.

Cách ví von ấy quả thực không sai chút nào, vì tay Harry đã lọt thỏm và hoàn toàn mất hút trong đó khi ông ta xưng tên mình là Wilhelm Barli.

Harry giới thiệu tên và cố rút tay về. Anh không thích tiếp xúc với đàn ông, mà hành vi bắt tay này đúng hơn phải liệt vào loại ôm ấp. Vậy nhưng

Wilhelm vẫn cứ bám chặt lấy anh như người chết đuối vớ được cọc.

“Lisbeth đi rồi,” ông ta khẽ nói. Giọng nói rõ ràng đến không ngờ.

“Vâng, chúng tôi đã nhận được tin báo. Ta vào trong chứ?”

“Vâng, mời anh.”

Wilhelm đi trước Harry. Tuy cùng là căn hộ trên tầng áp mái, nhưng căn hộ của Camilla Loen nhỏ và được bài trí theo phong cách tối giản tuyệt đối, còn căn hộ này lại rộng rãi với những đồ nội thất rườm rà, cầu kỳ như sản phẩm ăn theo trường phái tân cổ điển. Chỉ có điều, cách bài trí ấy lại bị làm quá tới mức gần như biến nơi đây thành phông nền cho một bữa tiệc toga. Thay vì các loại sofa và ghế thông thường, chủ nhà lại sử dụng ghế ngả thường thấy trong các bộ phim Hollywood về thời La Mã cổ đại, những cột chống bằng gỗ được ốp thạch cao để tạo thành thức cột Doric hoặc Corinth. Harry chẳng bao giờ phân biệt nổi sự khác nhau giữa hai thức cột ấy, nhưng anh nhận ra tấm phù điêu thạch cao được gắn trực tiếp lên bức tường sơn trắng ngoài hành lang. Mẹ anh từng dẫn anh và Sis tới thăm bảo tàng ở Copenhagen hồi anh còn nhỏ, tại đó họ đã được chiêm ngưỡng bức tượng *Jason và Bộ lông cừu vàng* của Bertel Thorvaldsen. Căn hộ này rõ ràng vừa mới được tu sửa. Harry để ý thấy lớp sơn trên đồ gỗ vẫn còn mới, mấy vết băng keo giấy vương lại và có thể ngửi thấy cả mùi dung môi thơm nức.

Trong phòng khách có kê bộ bàn ghế thấp cho hai người. Harry theo Barli lên cầu thang và bước ra khoảng sân thượng lát gạch khá rộng, trông xuống sân trung tâm nằm lọt thỏm giữa bốn tòa chung cư quây xung quanh. Quang cảnh bên ngoài được thiết kế theo phong cách Na Uy đương đại. Có ba miếng thịt cốt lết cháy đen đang bốc khói trên vỉ nướng.

“Cứ đến chiều là mấy căn hộ áp mái lại nóng như cái lò,” Barli cáo lỗi

với Harry và chỉ vào cái ghế nhựa màu trắng kiểu baroque.

“Điều đó tôi cũng mới được biết,” Harry đáp, bước tới mép sân và nhìn xuống sân trung tâm.

Thường thì anh không sợ độ cao, nhưng sau những cuốc rượu dài hơi thì độ cao dù ở mức tương đối trung bình thôi cũng có thể khiến anh cảm thấy chóng mặt. Nhìn xuống mười lăm mét dưới kia, anh thấy hai cái xe đạp đã xuống cấp và tấm ga trải giường màu trắng vắt trên giá phơi đồ xoay 360 độ đang phất phơ bay trong gió. Anh vội ngẩng đầu lên.

Bên kia sân, trên một ban công với tay vịn bằng sắt rèn, có hai người hàng xóm giơ chai bia lên như đang gửi lời chào đến anh. Những cái chai màu nâu đã choán đến phân nửa chiếc bàn trước mặt họ. Harry gật đầu đáp lại. Anh tự hỏi không hiểu sao dưới sân có gió mà trên này thì không.

“Anh làm ly vang đỏ nhé?”

Barli đã kịp cầm chai rượu vẫn còn phân nửa và rót cho chính mình một ly. Harry nhận thấy tay ông ta run rẩy. Trên nhãn chai đề dòng chữ *Domaine La Bastide Sy.* Tên đầy đủ còn dài nữa nhưng những ngón tay nôn nóng đã xé mất phần còn lại.

Harry ngồi xuống ghế. “Cảm ơn ông, nhưng tôi không uống rượu khi đang làm nhiệm vụ.”

Barli nhăn mặt và vội đặt chai xuống bàn.

“Phải rồi, xin lỗi anh, chỉ tại tôi lo lắng quá ấy mà. Tình hình đang rối ren thế này tôi cũng không nên uống mới phải.”

Khi ông ta nâng ly lên uống, những giọt rượu nhỏ xuống vạt trước chiếc áo tunic của ông ta và một vết lem màu đỏ từ từ loang ra ngay chỗ đó.

Harry liếc đồng hồ đeo tay để ngầm nhắc Barli nói ngắn gọn thôi.

"Cô ấy vốn chỉ định tạt qua siêu thị mua ít salad khoai tây để ăn kèm với món sườn," Barli thở dốc nói. "Mới hai tiếng trước, cô ấy vẫn còn ngồi ở chỗ anh đang ngồi bây giờ."

Harry chỉnh lại cặp kính râm. "Vợ ông mới mất tích được hai giờ thôi sao?"

"Vâng, ừm, tôi cũng không rõ thực tế có lâu hơn không, nhưng cô ấy chỉ định tới siêu thị Kiwi ở góc phố một lát rồi về ngay."

Ánh mặt trời hắt lên những chai bia ở ban công phía đối diện. Harry đưa tay lên che nắng và chợt nhận ra những ngón tay mình ẩm ướt quá mà không biết lau vào đâu cho hết mồ hôi. Vậy là, anh đặt chúng lên tay vịn bằng nhựa nóng rẫy của chiếc ghế và cảm thấy hơi ẩm đang từ từ bay đi.

"Ông đã gọi điện cho bạn bè, người quen chưa? Hay ông thử xuống siêu thị kiểm tra chưa? Biết đâu bà nhà tình cờ gặp ai đó rồi họ rủ nhau đi uống bia. Hoặc có thể…"

"Không, không, không!" Barli xòe hai bàn tay giơ ra trước ngực. "Không có chuyện đó đâu. Vợ tôi không phải người như thế."

"Không phải người như thế ư?"

"Cô ấy là kiểu người… sẽ quay về."

"Phải rồi…"

"Đầu tiên tôi gọi vào di động của cô ấy, nhưng dĩ nhiên cô ấy để máy ở nhà. Sau đó tôi gọi cho những ai cô ấy có thể sẽ gặp. Rồi lại gọi đến siêu thị Kiwi, Sở Cảnh sát, ba đồn cảnh sát, tất cả các phòng cấp cứu, bệnh viện Ullevål và Rikshospital. Nhưng vẫn không có tin tức nào của cô ấy cả. Nada. NichtsKhông gì hết. Bặt vô âm tín."

"Tôi có thể thấy là ông đang lo lắng."

Barli nhoài người qua bàn, cặp môi ẩm ướt run rẩy sau bộ râu.

“Tôi không lo lắng, mà sợ hãi cực độ. Anh đã bao giờ nghe nói có người mặc bikini cầm theo tờ năm mươi krone đi ra ngoài đường trong khi đang nướng thịt rồi đột nhiên quyết định rằng đó là cơ hội tốt để bỏ nhà ra đi chưa?”

Harry có chút nao núng. Đúng lúc anh quyết định uống đại một ly thì Barli rót mất chỗ rượu còn lại vào cốc của mình. Vậy tại sao anh còn chưa đứng dậy, an ủi ông ta rằng thực tế có rất nhiều trường hợp mất tích tương tự được trình báo và gần như tất cả đều bắt nguồn từ nguyên nhân hết sức tự nhiên chứ chẳng có gì bất thường, và rồi, bảo Barli thông báo lại nếu đến giờ đi ngủ mà vợ ông ta vẫn chưa về, sau đó rời khỏi đây là xong? Chắc là vì chi tiết nhỏ liên quan đến bộ bikini và tờ năm mươi krone kia. Hoặc có lẽ là bởi cả ngày nay Harry đã chờ đợi điều gì đó xảy đến, vả lại, dù sao đây cũng là cơ hội để trì hoãn thứ đang đợi anh tại căn hộ của mình. Nhưng trên hết, đó là vì vẻ hãi hùng rất dễ thấy và có phần vô lý của Barli. Trước đây, Harry đã nhiều lần xem thường những điều trực giác từng mách bảo, không chỉ trực giác của anh mà cả của những người khác nữa, và lần nào anh cũng phải trả giá cho sai lầm ấy.

“Tôi xin phép gọi điện thoại một lát,” anh nói.

Lúc sáu giờ bốn mươi lăm phút, Beate Lønn có mặt tại căn hộ của Wilhelm và Lisbeth Barli trên phố Sannergata, và mười lăm phút sau, một sĩ quan huấn luyện chó nghiệp vụ cùng một chú becgie cũng đến nơi. Viên sĩ quan giới thiệu cả tên mình và tên con chó đều là Ivan.

“Chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi,” anh ta nói. “Nó không phải chó của tôi đâu.”

Harry nhận thấy Ivan đang chờ đợi một lời nhận xét thật dí dỏm, nhưng anh chẳng biết phải đáp lại thế nào.

Trong lúc Wilhelm Barli vào phòng ngủ để tìm mấy bức ảnh chụp gần đây của Lisbeth cùng vài bộ đồ cho chú chó Ivan đánh hơi, Harry nhỏ giọng nói nhanh với hai đồng nghiệp, “Thế này nhé, người phụ nữ này có thể đang ở bất cứ đâu. Có thể cô ta bỏ nhà đi, không được khỏe, hoặc đã nói mình định đi đâu đó mà ông chồng không để ý. Vô vàn khả năng có thể xảy ra, và biết đâu đấy, ngay lúc này cô ta đang nằm trên ghế sau của chiếc xe hơi nào đó thì sao, phê thuốc, hoặc bị bốn thằng nhóc choai choai xâm hại vì choáng váng trước bộ bikini cô ta mặc chẳng hạn. Hai người không cần phải tìm kiếm thứ gì cụ thể đâu. Cứ tìm chung chung thôi.”

Beate và Ivan gật đầu tỏ vẻ mình đã hiểu.

“Lát nữa sẽ có xe tuần tra tới đây. Beate, cô xuống gặp họ và bảo họ đi hỏi thăm các nhà hàng xóm, thu thập lời khai, nhất là ở siêu thị mà cô vợ định đến. Sau đó cô nói chuyện với người dân sống ở mạn này của chung cư. Tôi sẽ qua hỏi mấy người hàng xóm ngồi trên ban công tòa nhà đằng kia.”

“Anh cho rằng họ biết được điều gì à?” Beate hỏi.

“Từ bên đó, họ có thể quan sát rất rõ căn hộ này, và căn cứ vào số lượng vỏ chai rỗng, tôi đoán họ ngồi đó cũng lâu rồi. Theo lời khai của ông chồng, cả ngày nay Lisbeth ở trong nhà. Tôi muốn biết họ có trông thấy cô ta trên sân thượng không, nếu có thì vào lúc nào.”

“Sao lại thế?” viên sĩ quan thắc mắc, kéo giật sợi dây dắt chú chó Ivan.

“Vì nếu một phụ nữ mặc bikini sống trong căn hộ chẳng khác gì cái lò này mà không đặt chân lên sân thượng thì tôi thề là đáng nghi quá đi chứ.”

“Dĩ nhiên rồi,” Beate thì thào. “Anh có nghi ngờ ông chồng không?”

“Về lý thuyết thì tôi có nghi ngờ ông ta,” Harry nói.

“Sao lại thế?” Ivan lại thắc mắc.

Beate nở nụ cười thông cảm.

“Thủ phạm luôn là các ông chồng,” Harry đáp.

“Nguyên tắc đầu tiên của Hole,” Beater nói.

Ivan hết nhìn Harry rồi lại nhìn Beate.

“Nhưng… chẳng phải ông ta là người đã báo tin vợ mất tích hay sao?”

“Đúng vậy,” Harry nói. “Và kẻ đáng nghi vẫn cứ là các ông chồng. Đó là lý do anh với Ivan sẽ bắt đầu tìm kiếm không phải từ ngoài phố, mà là ngay trong đây. Nếu cần thì anh bịa ra cớ nào đó cũng được, nhưng tôi muốn anh kiểm tra căn hộ cùng những kho chứa đồ trên gác xép và tầng hầm trước. Sau đó, anh có thể tiếp tục tìm bên ngoài. Được chứ?”

Sĩ quan Ivan nhún vai, nhìn xuống chú chó cùng tên với mình, nó cũng đang ngước lên đáp lại ánh mắt cam chịu của anh ta.

Hai người ngồi trên ban công đối diện hóa ra không phải hai cậu trai như Harry lầm tưởng khi nhìn từ sân thượng nhà Barli. Harry biết rằng một phụ nữ trưởng thành treo ảnh ca sĩ Kylie Minogue trên tường, sống chung với một phụ nữ khác bằng tuổi để tóc mái và mặc áo phông in logo của Câu lạc bộ bóng đá Trondheim Eagles, không có nghĩa cô ta là người đồng tính. Thế

nhưng nhất thời anh vẫn cứ quy kết mọi việc theo chiều hướng ấy. Anh ngả người trên chiếc ghế bành đối diện họ, hệt như lúc ở nhà Vibeke Knutsen và Anders Nygård cách đây năm ngày.

"Xin lỗi vì đã lôi các cô từ ban công vào đây," Harry nói.

Người giới thiệu tên mình là Ruth đưa tay che miệng để ngăn một tiếng ợ.

"Không sao. Bọn tôi chơi thế cũng đủ rồi, nhỉ?" cô ta đáp.

Cô ta vỗ đánh bốp một cái lên đầu gối bạn mình. Theo kiểu rất đàn ông, Harry nhận thấy thế, và anh nghĩ ngay đến một điều mà Aune, chuyên gia tâm lý của Sở Cảnh sát, từng nói: đặc tính điển hình của một đối tượng nào đó chẳng qua chỉ là những gì chúng ta gán cho họ, vì trong vô thức ta đã tự tìm kiếm ở họ những yếu tố củng cố cho nhận định của mình. Vì lý do đó mà cảnh sát thường quy chụp - dựa trên cái gọi là kinh nghiệm bản thân - rằng tất cả tội phạm đều rất ngu, và chính lũ tội phạm cũng nghĩ y như vậy về tất thảy cảnh sát.

Harry nhanh chóng tóm tắt đầu đuôi sự việc cho hai người phụ nữ. Họ tròn mắt ngạc nhiên nhìn anh.

"Tôi tin vụ này sẽ được giải quyết sớm thôi, nhưng chúng tôi vẫn phải làm theo quy trình chuẩn của ngành. Tạm thời chúng tôi chỉ đang cố gắng xác định các mốc thời gian xảy ra sự việc."

Hai người gật đầu, nét mặt xem chừng rất nghiêm túc.

"Tốt," Harry nói, trưng ra nụ cười kiểu Hole. Đúng hơn thì đó là cụm từ Ellen từng dùng để gọi điệu bộ nhăn nhó của anh mỗi khi anh cố làm ra vẻ vui tươi, dễ mến.

Ruth xác nhận bọn họ đã ngồi ngoài ban công suốt cả buổi chiều. Họ

trông thấy Lisbeth và Wilhelm Barli nằm trên sân thượng cho đến khoảng bốn rưỡi thì Lisbeth đi vào nhà. Ngay sau đó Wilhelm chuẩn bị dụng cụ để nướng thịt. Ông ta nói to câu gì đó liên quan đến salad khoai tây và cô vợ ở trong nhà cũng đáp lại. Tiếp theo, ông ta quay trở vào rồi hai mươi phút sau trở ra với đống bít tết (Harry đính chính lại là sườn). Một lúc sau - cả hai thống nhất lúc đó là khoảng năm giờ mười lăm phút - họ thấy Barli lấy điện thoại di động ra gọi.

"Âm thanh có khả năng lan truyền trong không gian khép kín như thế này," Ruth nói. "Chúng tôi nghe thấy một chiếc điện thoại khác đang đổ chuông trong nhà. Barli có vẻ bực bội thấy rõ. Ít ra là tôi thấy ông ta đã đập mạnh điện thoại xuống mặt bàn."

"Chắc ông ta đang cố gọi cho vợ," Harry nói.

Anh nhận thấy bọn họ lập tức đưa mắt nhìn nhau và lấy làm hối hận vì đã lỡ nói ra từ "chắc".

"Từ đây ra siêu thị ở góc phố mua salad khoai tây mất khoảng bao lâu?"

"Siêu thị Kiwi ấy à? Cả đi và về chắc mất khoảng năm phút nếu không phải xếp hàng."

"Lisbeth Barli đâu có đi như chạy đâu," bạn cô ta nhỏ giọng nói.

"Vậy là các cô quen cô ta à?"

Ruth và cô nàng Trondheim Eagle đưa mắt nhìn nhau như để thống nhất câu trả lời.

"Không. Nhưng chúng tôi biết cô ta là ai."

"Thế sao?"

"Đúng vậy, chắc hẳn anh cũng biết bài báo rất hoành tráng trên tờ

Verdens Gang về việc Wilhelm Barli làm đạo diễn cho vở nhạc kịch ở Nhà hát Quốc gia hồi hè chứ.”

“Cả bài có mỗi năm câu thôi, Ruth.”

“Ai bảo thế,” Ruth cãi. “Lisbeth diễn vai chính đấy. Có ảnh chụp to tướng, vân vân và mây mây. Chắc chắn anh phải thấy rồi chứ.”

“Ừm,” Harry đáp. “Hè này tôi không có… nhiều thời gian để đọc báo.”

“Đợt đó nổ ra tranh cãi ghê lắm đúng không nhỉ? Các vị chức sắc trong giới văn hóa cho rằng thật là bê bối khi tổ chức show diễn mùa hè ở Nhà hát Quốc gia. Mà vở nhạc kịch ấy tên gì nhỉ? *My Fat Lady* à?”

“*Fair* Lady,” cô nàng Trondheim Eagle lẩm bẩm.

“Vậy là cô cũng theo dõi thể loại hát kịch à?” Harry hỏi chen vào.

“Cũng có chút. Wilhelm Barli là típ người ôm đồm đủ thứ việc. Nào là kịch thời sự, phim, rồi nhạc kịch…”

“Ông ta đóng vai trò sản xuất. Còn cô ta là ca sĩ.”

“Thật sao?”

“Thật. Tôi dám chắc là anh vẫn nhớ Lisbeth thời trước khi lấy chồng, hồi cô ta còn mang họ Harang.”

Harry lắc đầu vẻ tiếc nuối khiến Ruth thở dài thườn thượt.

“Hồi ấy cô ta cùng chị gái là ca sĩ trong ban nhạc Xa Kéo Sợi. Lisbeth đúng là một mỹ nhân, có nét hao hao giống Shania Twain. Với một giọng hát thuộc hàng ‘cực phẩm’ đấy.”

“Cô ta làm gì nổi tiếng đến mức ấy đâu, Ruth.”

“Ừm, cô ta từng biểu diễn trong chương trình của Vidar Lønn Arnesen mà. Họ bán được cả đống đĩa cơ đấy.”

"Băng cát xét chứ, Ruth."

"Tôi từng xem Xa Kéo Sợi biểu diễn ở Lễ hội âm nhạc đồng quê Momarkedet. Bọn họ hát khá hay, anh biết đấy. Đáng lẽ họ phải đến Nashville thu âm mới đúng, nhưng rồi tài năng của Lisbeth được Barli phát hiện. Ông ta dự tính sẽ đưa cô ta lên hạng sao. Chỉ có điều chắc chắn đã phải chờ khá lâu."

"Những tám năm trời," cô nàng Trondheim Eagle nói.

"Tóm lại là Lisbeth Harang đã chia tay Xa Kéo Sợi để kết hôn với Barli. Kiều nữ và đại gia, anh đã nghe nói bao giờ chưa?"

"Thế là xa ngừng kéo sợi à?"

"Gì cơ?"

"Người ta đang hỏi về ban nhạc kìa, Ruth."

"À, ra vậy. Cô chị vẫn hát solo, nhưng Lisbeth mới là ngôi sao thực thụ. Hình như bây giờ họ đang đi biểu diễn tại các khách sạn du lịch và trên các chuyến phà Đan Mạch. Đúng vậy đấy."

Harry đứng dậy.

"Xin phép hỏi nốt một câu cho đúng thủ tục. Hai cô có biết gì về đời sống hôn nhân của Wilhelm và Lisbeth không?"

Cô nàng Trondheim Eagle và Ruth lại tiếp tục màn giao tiếp qua sóng mắt.

"Như chúng tôi đã nói, âm thanh có khả năng lan truyền trong không gian khép kín như thế này," Ruth trả lời. "Phòng ngủ nhà họ cũng nhìn ra sân chung."

"Các cô nghe thấy cả tiếng vợ chồng họ cãi cọ ư?"

"Không phải cãi cọ."

Hai người nhìn chằm chằm vào Harry đầy ẩn ý. Phải mấy giây sau anh mới ngộ ra điều họ muốn nói, và anh phát hiện mình đang đỏ mặt mới cay chứ.

“Vậy là theo các cô nhận thấy thì đời sống hôn nhân của vợ chồng họ đặc biệt rất êm ấm?”

“Cửa sân thượng nhà ông ta để ngỏ suốt mùa hè, vì thế tôi hay đùa rằng bọn tôi có thể trèo lên mái nhà, đi vòng qua sân và nhảy xuống sân thượng bên đó,” Ruth toét miệng cười. “Nhìn trộm một tí, tại sao không? Chẳng có gì khó cả, chỉ việc đứng lên lan can ngoài ban công bên này, đặt một chân lên máng nước và…”

Cô nàng Trondheim Eagle khẽ huých cô bạn một cái vào mạng sườn.

“Nói vậy chứ thực ra cũng chả cần thiết,” Ruth nói. “Dù sao Lisbeth cũng là dân chuyên nghiệp trong khoản… gọi là gì ấy nhỉ?”

“Truyền đạt,” cô nàng Trondheim Eagle đáp lời.

“Chính xác. Khả năng gợi hình nằm cả ở cái dây thanh quản, anh biết đấy.”

Harry đưa tay xoa gáy.

“Một chuyên gia hét dễ sợ luôn,” cô nàng Trondheim Eagle nói, kèm theo nụ cười dè dặt.

Lúc Harry quay về, bộ đôi Ivan vẫn đang miệt mài tìm kiếm quanh căn hộ. Sĩ quan Ivan đang mồ hôi nhễ nhại, còn lưỡi của chú chó becgie Ivan thì thè ra khỏi cái mõm há hốc, trông chẳng khác nào tấm thảm màu đỏ bầm dùng

để đón khách VIP.

Harry thận trọng ngồi xuống một cái ghế ngả và yêu cầu Wilhelm Barli kể lại đầu đuôi sự việc. Lời khai của ông ta cũng như các mốc thời gian đã xác thực những điều Ruth và cô nàng Trondheim Eagle kia đã nói.

Harry nhận thấy vẻ tuyệt vọng thật sự trong đôi mắt người chồng. Và anh bắt đầu nghi ngờ nếu quả thực một tội ác nào đó đã xảy ra thì có thể - chỉ là *có thể* thôi - đây là một trường hợp ngoại lệ trong thống kê. Nhưng trên hết, nó càng củng cố niềm tin của anh rằng Lisbeth sẽ sớm quay trở về. Nếu không phải người chồng thì cũng chẳng phải là ai hết. Xét về mặt thống kê mà nói.

Beate quay về và báo cáo chỉ có hai căn hộ trong chung cư này là có người ở nhà, nhưng họ không nghe thấy và cũng không trông thấy bất cứ điều gì, cả ở cầu thang lẫn ngoài đường.

Có tiếng gõ cửa vang lên, Beate ra mở. Người mới đến là một trong những sĩ quan tuần tra. Harry nhận ra ngay anh ta. Đó chính là người đã đứng canh gác ở phố Ullevålsveien. Anh ta quay sang nói chuyện với Beate mà chẳng tỏ vẻ gì nhận ra sự có mặt của Harry.

“Chúng tôi đã thẩm vấn người dân trên phố và tại siêu thị Kiwi. Chúng tôi cũng đã kiểm tra cổng chính và sân. Không thu được kết quả gì. Nhưng hiện đang là kỳ nghỉ nên đường sá gần như không một bóng người, vì vậy cô gái này có thể dễ dàng bị lôi lên ô tô mà chẳng bị ai phát hiện cả.”

Harry cảm thấy Wilhelm Barli, người đang đứng bên cạnh anh, giật mình đánh thót.

“Hay là ta thử hỏi đám dân Pakistan có cửa hàng quanh khu vực này xem sao,” viên cảnh sát nói, đưa ngón tay út lên ngoáy tai.

“Tại sao chính xác phải là họ?” Harry lên tiếng hỏi.

Gã sĩ quan cuối cùng cũng chịu quay lại và trả lời, cố tình nhấn vào hai từ cuối, "Anh chưa xem các số liệu thống kê tội phạm à, thanh tra?"

"Xem rồi," Harry nói. "Theo như tôi nhớ thì các chủ cửa hàng là đối tượng nằm ở tít cuối danh sách chứ."

Tay cảnh sát chăm chú quan sát ngón út của chính mình.

"Tôi cũng như anh, đều biết đôi điều về dân Hồi giáo, thanh tra ạ. Với họ, phụ nữ đi vào cửa hàng trong bộ bikini chẳng khác nào cầu xin bị hãm hiếp. Việc đó gần như một nghĩa vụ, có thể nói như vậy."

"Thế sao?"

"Tôn giáo của bọn họ chính là thế."

"Tôi nghĩ anh đang nhầm lẫn giữa Hồi giáo và Thiên Chúa giáo đấy."

"Ivan và tôi xong việc ở đây rồi," người huấn luyện chó nói rồi cùng chú becgie đi xuống cầu thang.

"Chúng tôi tìm thấy vài khúc sườn trong thùng rác, tất cả chỉ có vậy. Dạo gần đây có chú chó nào đến chung cư này không nhỉ?"

Harry đưa mắt nhìn Wilhelm. Ông ta chỉ lắc đầu. Nét mặt đã nói thay những điều mà giọng nói của ông ta không thể truyền tải được.

"Lúc ở cổng, Ivan đã phản ứng như thể từng có một con chó nữa ở đây, nhưng chắc là vì nguyên nhân khác rồi. Giờ bọn tôi đã sẵn sàng đi kiểm tra gác xép và tầng hầm. Ai đó đi cùng được không?"

"Được chứ," Wilhelm nói và đứng dậy.

Họ đi ra cửa, viên cảnh sát tuần tra hỏi Beate xem giờ anh ta về được chưa.

"Anh phải hỏi sếp chứ," cô đáp.

"Anh ta ngủ rồi còn đâu."

Gã cảnh sát khinh miệt hất đầu về phía Harry, người đang ngồi thử trên cái ghế ngả kiểu La Mã.

“Này anh hạ sĩ,” Harry trầm giọng nói, mắt vẫn nhắm tịt. “Làm ơn lại gần đây.”

Viên sĩ quan đến đứng trước Harry, chân giạng ra, hai ngón tay cái móc vào thắt lưng.

“Rõ, thưa *thanh tra*.”

Harry mở một bên mắt ra.

“Anh mà còn nghe Tom Waaler xui dại và báo cáo những việc làm của tôi một lần nữa, thì tôi đảm bảo sẽ cho anh tiếp tục làm chân tuần tra từ giờ đến khi về hưu luôn. Rõ chưa, *hạ sĩ*?”

Cơ mặt viên sĩ quan khẽ giật. Khi anh ta mở miệng, Harry tưởng mình sắp được nghe một tràng cáu gắt, rủa sả. Nhưng không, anh ta khẽ khàng đáp lại một cách rất bình tĩnh, “Thứ nhất, tôi không quen biết Tom Waaler nào cả. Thứ hai, tôi cho rằng mình có nghĩa vụ báo cáo những trường hợp sĩ quan cảnh sát có khả năng gây nguy hiểm cho bản thân và đồng nghiệp khi đi làm nhiệm vụ trong tình trạng say xỉn. Và thứ ba, tôi cũng không có nguyện vọng làm việc ở bất cứ bộ phận nào khác ngoài đội tuần tra. Giờ tôi đi được rồi chứ, *thanh tra*?”

Harry mở một mắt nhìn chằm chằm viên sĩ quan. Sau đó anh nhắm mắt lại như cũ, nuốt khan rồi đáp, “Xin mời.”

Anh nghe thấy cửa ra vào đóng sầm lại và rên lên một tiếng. Anh cần phải uống một ly. Ngay lập tức.

“Anh có định đi cùng không?” Beate hỏi.

“Cô cứ đi đi,” Harry nói. “Tôi sẽ ở đây giúp Ivan đánh hơi quanh khu

phố này ngay khi họ kiểm tra xong gác xép và tầng hầm."

"Anh chắc chứ?"

"Hoàn toàn chắc."

Harry leo lên cầu thang và bước ra ngoài sân thượng. Anh đưa mắt ngắm bầy chim én bay, lắng nghe âm thanh vọng đến từ những ô cửa sổ để mở trong sân. Rồi anh cầm lấy chai vang đỏ trên bàn. Trong chai chỉ còn đúng một giọt. Anh dốc nốt nó vào miệng rồi giơ tay vẫy Ruth và cô nàng Trondheim Eagle, hóa ra hai người họ chơi thế vẫn chưa đủ, và lại quay vào trong nhà.

Cửa phòng ngủ vừa mở ra, Harry lập tức cảm nhận được ngay. Dù có thể thường xuyên nhận diện được, nhưng trước giờ anh vẫn chẳng bao giờ hiểu nổi cái không khí tĩnh lặng trong phòng ngủ của người khác là từ đâu mà ra.

Nơi đây vẫn còn vương lại dấu vết mới tu sửa.

Một cánh cửa tủ quần áo có gắn gương ở mặt trong đang để ngỏ, và một hộp dụng cụ sửa chữa mở toang đặt bên cạnh chiếc giường đôi được sắp xếp gọn gàng. Trên đầu giường có treo ảnh Wilhelm và Lisbeth. Harry chưa kịp nhìn kỹ tấm ảnh Wilhelm đưa cho các sĩ quan tuần tra, nhưng giờ đây anh có thể nhận ra lời Ruth nói quả không sai. Lisbeth đúng là một mỹ nhân. Mái tóc vàng óng, cặp mắt xanh biếc sáng long lanh, vóc người thon thả, linh hoạt. Cô ta trẻ hơn Wilhelm ít nhất cũng mười tuổi. Trong ảnh, hai vợ chồng đều có nước da nâu rám nắng, khuôn mặt rạng ngời hạnh phúc - nhất định là họ mới đi du lịch nước ngoài về. Thấp thoáng sau lưng họ là

hình bóng một công trình đồ sộ và bức tượng kỵ sĩ ngồi trên lưng ngựa. Có lẽ là vùng nào đó ở Pháp chăng. Normandy chẳng hạn.

Harry ngồi xuống mép giường và giật mình ngạc nhiên khi chiếc giường lay động. Hóa ra là đệm nước. Anh ngả người nằm xuống, cảm nhận chiếc đệm ôm lấy từng đường nét cơ thể. Lớp vỏ chăn lông vịt mát rượi mơn man làn da trần trên cánh tay gọi lên một cảm giác thật tuyệt. Nước vỗ ì oạp bên trong lớp vỏ đệm bằng cao su khi anh đổi tư thế. Và anh nhắm mắt lại.

Rakel. Họ đang lênh đênh trên một con sông. Không phải, là con kênh mới đúng. Chiếc thuyền dập dềnh trôi trên dòng kênh, tiếng nước vỗ vào hai bên mạn thuyền nghe như tiếng môi hôn. Anh và cô đang ở khoang dưới, Rakel lặng yên nằm bên anh trên giường. Cô khẽ bật cười khi anh thì thầm nói chuyện với cô. Giờ cô đang vờ ngủ. Anh thích điều đó. Thích cái cách cô giả vờ ngủ. Nó giống như một trò chơi giữa họ vậy. Harry quay lại nhìn cô. Ánh mắt anh bắt gặp chiếc gương trên cửa tủ quần áo, trong đó phản chiếu trọn vẹn hình ảnh của chiếc giường. Anh nhìn xuống hộp dụng cụ. Phía trên cùng có một cái đục ngắn với cán gỗ màu xanh lục. Anh cầm thứ dụng cụ đó lên. Nhỏ và nhẹ bẫng, không có vết gỉ sét bên dưới lớp bụi thạch cao mịn còn vương lại.

Đang định trả cái đục về chỗ cũ thì tay anh bỗng khựng lại. Trong hộp có một bộ phận cơ thể bị đứt rời. Anh từng thấy thứ đó tại một số hiện trường án mạng trước đây. Những bộ phận sinh dục bị cắt. Phải mất một giây sau anh mới nhận ra thứ dương cụ có màu da và hình dáng như thật kia chỉ là đồ giả.

Anh lại nằm xuống giường, tay vẫn cầm cái đục. Anh nuốt khan.

Đã bao năm theo nghề, ngày ngày lục lọi vô số đồ đạc và cuộc sống

riêng tư của người khác, chuyện này có là gì đâu chứ. Đâu phải vì thế mà anh nuốt khan.

Ở đây - trên chiếc giường này.

Phải uống một ly ngay bây giờ.

Âm thanh có khả năng lan truyền trong không gian khép kín.

Rakel.

Anh cố chẳng nghĩ đến, nhưng không kịp nữa rồi. Tấm thân của cô kề bên anh.

Rakel.

Anh đã cứng lên rồi. Harry nhắm mắt lại và cảm thấy tay cô đang quờ quạng, hành động tùy hứng và vô thức của một người đang say giấc, rồi bàn tay ấy dừng lại trên bụng anh. Nó cứ nằm yên đó như chẳng hề có ý định đi đâu hết. Môi cô áp lên tai anh, hơi thở ấm áp như tiếng lửa hừng hực cháy. Rồi nó bắt đầu đưa đẩy ngay khi anh chạm vào cô. Bộ ngực nhỏ mềm mại với đôi nhũ hoa nhạy cảm cương lên khi hơi thở của anh chỉ vừa mới phả vào, nơi thầm kín kia sẽ mở ra và đón nhận lấy anh. Cổ họng anh đột nhiên nghẹn lại như muốn khóc.

Tiếng cửa đóng sầm lại ở tầng dưới khiến Harry giật bắn. Anh ngồi dậy, vuốt phẳng tấm chăn lông vịt rồi đứng lên soi lại mình trong gương. Sau đó anh đưa tay xoa mặt thật lực.

Wilhelm một mực đòi theo ra ngoài để xem chú chó Ivan có đánh hơi được gì không.

Họ đặt chân lên phố Sannergata đúng lúc chiếc xe buýt sơn đỏ rời bến êm ru không tiếng động. Một bé gái đăm đăm nhìn Harry qua ô cửa sổ cuối xe; khuôn mặt tròn trĩnh của cô bé mỗi lúc một nhỏ dần khi xe dần mất hút về phía phố Rodelokka.

Họ cùng đi tới siêu thị Kiwi rồi quay về mà chẳng nhận được bất cứ phản ứng gì từ chú chó.

"Nhưng như thế không có nghĩa vợ ông không đặt chân đến đây," Ivan nói. "Trên con phố tấp nập người và xe thì cũng khó phân biệt được mùi của một đối tượng cụ thể lắm."

Harry đưa mắt nhìn quanh. Anh có cảm giác mình đang bị theo dõi, nhưng phố xá vắng tanh vắng ngắt, và tất cả những gì anh trông thấy trên những ô cửa sổ mặt tiền của dãy nhà cửa nơi đây chỉ là vầng mặt trời in trên nền trời tối đen. Đúng là thứ hoang tưởng của kẻ nghiện rượu.

"Ừm," Harry nói. "Nếu vậy thì tạm thời chúng ta cũng chẳng thể làm gì hơn được nữa."

Wilhelm nhìn họ bằng ánh mắt tuyệt vọng.

"Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi," Harry nói.

"Không đâu, không ổn chút nào," Wilhelm đáp bằng giọng đều đều như giọng của phát thanh viên dự báo thời tiết.

"Lại đây, Ivan!" viên sĩ quan lớn tiếng gọi và kéo giật sợi dây dắt. Chú chó đang rúc mũi dưới thanh cản trước của một chiếc Volkswagen Golf đang đỗ gần vệ đường.

Harry vỗ vai Wilhelm một cái và tránh ánh mắt chằm chằm của ông ta nhìn mình.

"Chúng tôi đã thông báo cho tất cả các xe tuần tra. Nếu đến trước nửa

đêm mà bà nhà vẫn chưa về, chúng tôi sẽ triệu tập đội tìm kiếm. Như vậy được chứ?”

Wilhelm im lặng không đáp.

Ivan cứ nhằm chiếc xe Golf mà sủa và kéo căng sợi dây.

“Xin chờ một lát,” người cảnh sát nói.

Anh ta quỳ gối, chống tay xuống đất, đầu cúi sát mặt đường và luồn một cánh tay vào bên dưới gầm xe.

“Có thấy gì không?” Harry hỏi.

Người sĩ quan quay lại. Anh ta đang cầm trên tay một chiếc giày cao gót của phụ nữ. Harry nghe thấy Wilhelm nấc lên ở đằng sau và hỏi, “Có phải giày của vợ ông không, Wilhelm?”

“Sẽ không ổn chút nào,” Wilhelm trả lời. “Sẽ không ổn chút nào.”

THỨ NĂM VÀ THỨ SÁU



ác mộng

Chiều ngày thứ Năm, một chiếc xe van chở thư màu đỏ dừng lại bên ngoài trạm bưu điện trên phố Rodelokka. Bưu phẩm trong hòm thư được trút hết vào một cái bao, rồi nhẹ nhàng chuyển lên phía sau xe để đưa tới trung tâm phân phối bưu phẩm ở số 14, phố Biskop Gunnerus mà dân Oslo thường gọi là Nhà Bưu điện. Cũng buổi tối hôm đó, tại trung tâm này, các bưu phẩm đã được phân loại theo kích thước, và rồi rốt cuộc chiếc phong bì chống sốc màu nâu được xếp vào cùng một khay với đống thư từ khổ C5 khác. Chiếc phong bì qua tay vài người, nhưng dĩ nhiên chẳng ai đặc biệt chú ý gì đến nó lúc ấy cũng như lúc tiến hành phân loại theo khu vực rồi đặt vào khay Ostland, sau đó là khay dành cho bưu phẩm có mã 0032.

Cuối cùng, khi bức thư đã yên vị trong bao tải phía sau một chiếc xe van đỏ, sẵn sàng để giao đi vào buổi sáng hôm sau, thì đêm đã buông xuống, người dân Oslo phần lớn đã chìm vào giấc ngủ.

“Không sao đâu em,” cậu bé nói, vỗ nhẹ lên mái đầu cô bé có khuôn mặt tròn trĩnh. Cậu cảm thấy những sợi tóc dài mảnh của cô bé dính vào ngón tay mình. Là do tĩnh điện đây mà.

Cậu bé ấy mười một tuổi. Còn cô bé thì mới lên bảy và là em gái cậu. Hôm nay hai anh em đến bệnh viện thăm mẹ.

Thang máy dừng lại, hai em mở cửa ra. Một người đàn ông mặc chiếc áo blu trắng kéo cửa lưới sang bên, mỉm cười với chúng một cái thật nhanh rồi đi mất. Hai đứa trẻ bước vào trong thang máy.

“Sao thang máy cũ thế?” cô bé hỏi.

“Vì tòa nhà này cũ rồi,” cậu bé vừa đáp vừa đóng cửa lưới lại.

“Đây là bệnh viện ạ?”

“Không hẳn,” cậu bé nói và bấm nút chọn tầng trệt. “Đây là nơi những người mệt mỏi đến để nghỉ ngơi đôi chút.”

“Mẹ mệt hả anh?”

“Ừ, nhưng mẹ sẽ ổn thôi. Đừng dựa vào cửa như thế, Sis.”

“Gì ạ?”

Thang máy bất ngờ giật mạnh rồi bắt đầu đi xuống, mái tóc vàng thướt tha của cô bé cũng chuyển động theo. Là tĩnh điện, cậu bé thầm nghĩ, đăm đăm nhìn tóc em từ từ dựng đứng. Cô bé thoắt đưa hai tay ôm đầu và hét lên. Tiếng hét lanh lảnh chói tai khiến cậu chết trân tại chỗ. Tóc em mắc vào phía bên kia tấm lưới. Chắc nó bị kẹp ở cửa thang máy rồi. Cậu bé cố gắng nhúc nhích, nhưng dường như chính cậu cũng đang bị mắc kẹt.

“Bố ơi!” cô bé thét gọi, chân cố kiễng lên.

Nhưng bố đã đi trước xuống bãi đậu để lấy xe mất rồi.

"Mẹ ơi!" em lại la lớn trong lúc bị nhấc bổng lên cao. Nhưng mẹ em lúc này đang nằm trên giường bệnh với nụ cười yếu ớt nở trên môi.

Cô bé vừa điên cuồng quẫy đạp vừa cố giữ chặt lấy mái tóc. Phải chi cậu có thể nhúc nhích được thì tốt biết mấy.

"Cứu với!"

Harry giật mình choàng tỉnh, ngồi bật dậy trên giường. Tim anh đang đập thình thịch như trống trận trong lồng ngực.

"Mẹ kiếp!"

Anh nghe thấy giọng mình khàn đặc, rồi lại ngả đầu xuống gối.

Ánh sáng rọi qua khe hở của những tấm rèm vẫn mang màu xám xịt. Anh ngước nhìn mấy con số điện tử đỏ chót phía trên kệ đầu giường: bốn giờ mười hai phút. Những đêm hè đáng ghét. Những cơn ác mộng đáng ghét.

Anh vung hai chân rời khỏi giường để vào nhà tắm. Mắt anh lơ đãng nhìn xa xăm trong lúc đi vệ sinh. Harry biết chuyện ngủ tiếp lúc này thực sự là điều bất khả thi.

Chiếc tủ lạnh trống rỗng ngoại trừ một chai bia ít cồn được bỏ vào giỏ hàng chỉ vì lúc đó mắt anh nhìn không rõ. Anh mở tủ đồ phía trên bồn rửa. Cả một quân đoàn bia và whisky đứng đó đầy trang nghiêm, nhìn anh trong câm lặng. Toàn là vỏ chai rỗng. Cơn giận đột ngột bùng lên, anh vung tay gạt phăng khiến chúng bay ra khỏi tủ và nghe tiếng chúng va loảng xoảng một lúc lâu sau khi anh đã đóng cửa lại. Anh lại xem đồng hồ lần nữa. Giờ là sáng sớm tinh mơ ngày thứ Sáu. Phải năm tiếng nữa cửa hàng Vinmonopol mới mở cửa.

Harry ngồi xuống bên chiếc điện thoại bàn trong phòng khách, gọi vào

số di động của Øystein Eikeland.

"Oslo Taxi nghe."

"Tình hình giao thông thế nào?"

"Harry hả?"

"Buổi tối tốt lành, Øystein."

"Tốt lành cái con khỉ. Chờ nửa tiếng rồi chả có mống khách nào."

"Đang kỳ nghỉ mà."

"Tôi biết chứ! Lão chủ đã đi nghỉ ở căn nhà gỗ tại Kragerø của lão rồi, bỏ tôi lái cái xe chết toi số một Oslo. Tại thành phố chết toi số một xứ Bắc Âu. Cứ như vừa có đứa nào ném bom neutron xuống đây ấy!"

"Tưởng cậu không thích đổ mồ hôi công sức vì nghề này."

"Ha, đang mồ hôi như tắm đây. Lão khốn bủn xỉn toàn mua loại xe không điều hòa. Cứ tan ca là tôi lại phải tu ừng ực chả khác gì con lạc đà để bù lại lượng nước đã mất. Mà đắt bỏ xừ chứ có rẻ đâu. Hôm qua vì nó mà tôi gần như mất toi một ngày công đấy."

"Thực sự chia buồn."

"Phải chi cứ theo nghiệp giải mã có tốt không."

"Ý cậu là nghiệp hacker? Cái nghiệp khiến cậu bị đá đít khỏi ngân hàng Den Norske và hưởng sáu tháng án treo ấy hả?"

"Ờ, nhưng mà việc đó tôi còn giỏi. Chứ cái nghề này… Mà nhân tiện, lão chủ đang tính chuyện cắt giảm giờ lái xe của lão, nhưng hiện tôi đã phải làm ca mười hai tiếng rồi, trong khi tài xế mới thì bói không ra. Cậu có muốn thử tí cho biết không, Harry?"

"Cảm ơn, tôi sẽ suy nghĩ về chuyện đó."

"Cậu cần gì?"

“Tôi cần thứ gì đó giúp tôi ngủ được.”

“Thế thì phải hỏi bác sĩ chứ.”

“Hỏi rồi. Ông ta kê cho tôi Imovane và mấy viên thuốc ngủ. Tiếc là chẳng ăn thua. Tôi xin loại khác mạnh hơn, nhưng ông ta không đồng ý.”

“Mở miệng xin bác sĩ ít Rohypnol mà hơi thở nồng nặc mùi bia rượu thì không phải ý hay đâu, Harry.”

“Ông ta bảo tôi còn quá trẻ, chưa dùng được thuốc nặng đô. Cậu có tí nào không?”

“Rohypnol á? Cậu điên à? Thứ đó chẳng phải thuốc cấm sao? Nhưng tôi có Flunipam. Cũng gần giống loại kia. Chỉ cần nửa viên thôi là không biết trời trăng gì luôn.”

“Được. Giờ tôi hơi kẹt tiền, để cuối tháng tôi trả nhé. Mà uống thuốc đó có khỏi nằm mơ không?”

“Là sao?”

“Uống vào tôi sẽ không mộng mị gì nữa chứ?”

Đầu dây bên kia lặng đi trong giây lát.

“Cậu biết sao không, Harry? Giờ nhắc đến mới nhớ, tôi hết Flunipam mất rồi. Hơn nữa, thứ đó cũng nguy hiểm. Nó chẳng giúp cậu khỏi nằm mơ được đâu, ngược lại là đằng khác.”

“Cậu nói dối.”

“Có thể, nhưng dù thế nào thì Flunipam cũng không phải thứ cậu cần. Cố gắng bình tĩnh lại, Harry ạ. Nghỉ ngơi một thời gian.”

“*Nghỉ á*? Tôi *làm gì* có chuyện nghỉ. Cậu biết mà.”

Harry nghe thấy tiếng vị khách nào đó mở cửa xe taxi và Øystein đuổi thẳng cổ họ đi. Rồi giọng nói của cậu ta lại vang lên.

"Có phải vì Rakel không?"

Harry không trả lời.

"Cậu cãi nhau với Rakel à?"

Harry nghe thấy tiếng loẹt xoẹt, anh đoán Øystein đang nghe trộm kênh radio của cảnh sát.

"A lô! Harry! Lẽ nào cậu không thể trả lời được một câu khi thằng bạn nối khố hỏi thăm nền móng sự tồn tại của cậu có còn vững chắc hay không?"

"Không còn," Harry lầm bầm.

"Tại sao?"

Harry hít một hơi thật sâu.

"Vì tôi gần như đã dồn cô ấy đến chỗ phá bỏ chúng. Có một việc mà vì nó tôi đã hao tâm tổn trí bấy lâu nay nhưng cuối cùng vẫn thành ra công cốc, và tôi không thể chấp nhận được điều đó. Tôi đã mượn rượu để tìm quên, gặm nhấm nỗi cay đắng suốt ba ngày trời, không thèm nghe điện thoại. Đến ngày thứ tư thì cô ấy tìm đến nhà tôi bấm chuông cửa. Lúc đầu cô ấy giận đùng đùng. Cô ấy bảo tôi không thể cứ trốn chạy như thế được, rằng Møller đã tới hỏi thăm tình hình về tôi và rồi cô ấy vuốt má tôi. Cô ấy hỏi tôi có cần giúp gì không."

"Và vì biết rất rõ tính cậu, nên tôi đoán cậu đã sập cửa vào mặt cô ấy hoặc đại loại thế, đúng chứ?"

"Tôi nói mình không sao. Thế rồi cô ấy bù lu bù loa lên."

"Cũng phải. Cô nàng thương cậu mà."

"Cô ấy cũng bảo thế, nhưng cô ấy còn nói cô ấy không thể chịu đựng chuyện này thêm lần nữa."

"Chuyện này là chuyện gì?"

"Bố của Oleg cũng nghiện rượu. Điều đó đã khiến gia đình ba người họ tan nát."

"Rồi cậu trả lời sao?"

"Tôi bảo cô ấy nói đúng, hãy tránh xa những kẻ như tôi ra. Cô ấy nhăn mặt, rồi bỏ về."

"Và giờ thì cậu gặp ác mộng?"

"Phải."

Øystein thở dài não nề.

"Biết sao không, Harry? Chẳng gì có thể giúp được cậu vượt qua chuyện này đâu. Ừm, đúng ra thì có một thứ."

"Tôi biết rồi," Harry nói. "Một viên đạn."

"Thứ tôi muốn nói đến ở đây là chính bản thân cậu kìa."

"Tôi cũng biết thế. Thôi quên đi, coi như tôi chưa từng gọi điện nhé, Øystein."

"Đã quên từ đời nào rồi."

Harry đi tìm chai bia ít cồn. Anh ngồi xuống ghế bành, quắc mắt cái nhãn chai. Chiếc nắp bật ra kèm theo âm thanh như một tiếng thở phào. Anh đặt cái đục lên bàn uống nước. Phần cán bằng gỗ màu xanh lục, lưỡi đục phủ một lớp bụi thạch cao mịn màu vàng.

Mới sáu giờ sáng ngày thứ Sáu, mặt trời đã tỏa nắng chang chang trên đỉnh Ekeberg, khiến tòa nhà Sở Cảnh sát sáng lấp lánh như pha lê. Nhân viên

bảo vệ ở khu lễ tân ngáp một cái thành tiếng, rời mắt khỏi tờ báo *Aftenposten* khi con ong chăm chỉ đầu tiên quẹt phù hiệu vào máy kiểm tra an ninh.

"Nghe nói sắp tới sẽ còn nóng hơn nữa đấy," người bảo vệ nói, lấy làm mừng vì cuối cùng cũng có người để chuyện phiếm đôi câu.

Người đàn ông cao lớn có mái tóc vàng hoe và cặp mắt vằn tia máu chỉ liếc ông ta một cái, chứ không nói năng gì.

Người bảo vệ thấy anh ta đi cầu thang bộ, dù hai cái thang máy ở tầng trệt đều chưa có ai dùng.

Sau đó, ông ta lại quay về chú tâm vào bài phóng sự trên tờ *Aftenposten* về vụ một người phụ nữ bỗng dưng mất tích giữa thanh thiên bạch nhật một buổi sáng trước kỳ nghỉ cuối tuần vừa rồi, đến giờ vẫn chưa có tung tích. Tác giả bài báo, Roger Gjendem, dẫn lời Chánh thanh tra Bjarne Møller xác nhận cảnh sát đã tìm thấy một chiếc giày của cô ta nằm dưới gầm chiếc xe hơi đỗ ngay bên ngoài tòa chung cư cô ta ở và điều này càng làm củng cố những nghi vấn có thể một tội ác nào đó đã xảy ra. Tuy nhiên, tạm thời cảnh sát vẫn chưa có bằng chứng xác thực để khẳng định giả thuyết trên.

Harry lật qua tập tài liệu trên đường đi tới hòm thư riêng để nhận báo cáo về cuộc tìm kiếm Lisbeth Barli diễn ra trong hai ngày qua. Trên máy trả lời tự động của anh có lưu năm tin nhắn, trong đó có đến bốn tin là của Wilhelm Barli. Harry nghe qua một lượt, nội dung các tin nhắn gần như giống hệt nhau: họ phải điều thêm người tới, ông ta quen biết một chuyên

gia ngoại cảm, và muốn nhờ báo chí đăng quảng cáo treo thưởng cho những ai có thể cung cấp thông tin giúp cảnh sát tìm ra Lisbeth.

Tin nhắn cuối cùng là tiếng ai đó đang thở. Tất cả chỉ có vậy.

Harry tua băng, nghe lại lần nữa.

Rồi một lần nữa.

Không thể xác định được người gọi là nam hay nữ. Và để nói chắc đó có phải Rakel hay không lại càng bất khả thi. Màn hình hiển thị "số máy lạ" gọi đến vào lúc mười một giờ mười phút tối, cũng chính là lúc Rakel gọi điện từ nhà riêng ở Holmenkollveien. Nếu đúng là cô thì sao cô không gọi vào số cố định hoặc di động của anh?

Harry mở báo cáo ra xem qua một lượt. Chẳng thu được gì. Anh đọc thêm lần nữa. Vẫn thế. Anh cố gắng tĩnh tâm rồi đọc lại từ đầu.

Đọc xong, anh liếc đồng hồ đeo tay và ra ngó hòm thư xem có gì mới được gửi đến không. Anh cầm theo bản báo cáo điều tra, trả chiếc phong bì đề người nhận là Bjarne Møller vào đúng hòm thư, rồi quay về phòng làm việc.

Bản báo cáo của thám tử điều tra quả là súc tích và đi thẳng vào vấn đề: không có gì.

Harry tua lại băng ghi âm trong máy trả lời tự động, nhấn nút nghe và vặn to tiếng lên. Anh nhắm mắt rồi ngả người trên ghế. Anh cố nhớ lại tiếng thở của cô. Cảm nhận từng làn hơi của cô.

"Thật bực mình khi người gọi không xưng danh, nhỉ?"

Không phải lời nói mà chính giọng nói mới khiến tóc gáy Harry dựng đứng. Anh từ từ xoay ghế lại, cái ghế kêu ré lên đầy khốn khổ.

Tom Waaler đang đứng dựa người vào khung cửa, trên mặt nở nụ

cười. Anh ta ăn một quả táo và chìa cái túi về phía Harry.

"Chả biết là loại gì. Của Úc thì phải. Ngon lắm."

Harry lắc đầu, mắt vẫn nhìn anh ta chằm chằm.

"Tôi vào được chứ?" Waaler hỏi.

Mặc cho Harry không đáp, anh ta cứ thế bước vào rồi đóng cửa lại sau lưng. Tiếp đến, anh ta đi vòng qua bàn, ngồi xuống chiếc ghế còn lại. Anh ta ngả người ra sau, nhai rôm rốp trái táo đỏ au thật ngon mắt.

"Anh có nhận thấy một điều rằng anh và tôi gần như luôn là hai người đến cơ quan sớm nhất không, Harry? Lạ quá đúng không? Vì chúng ta cũng là hai người ra về sau cùng."

"Anh đang ngồi ghế của Ellen đấy," Harry nói.

Waaler vỗ vỗ lên tay vịn ghế.

"Đã đến lúc chúng ta cần phải nói chuyện rồi, Harry ạ."

"Vậy thì nói đi," Harry đáp.

Waaler giơ quả táo lên phía ánh đèn trên trần và nheo một mắt. "Phòng làm việc không có cửa sổ chẳng phải rất tù túng sao?"

Harry không trả lời.

"Dân tình đang kháo nhau rằng anh sắp nghỉ việc," Waaler nói.

"Kháo nhau?"

"À thì, nói vậy chắc cũng hơi quá. Nhưng cứ cho là tôi có nguồn tin riêng đi. Chắc anh đang chạy đôn chạy đáo tìm việc khác - chẳng hạn như làm công ty bảo hiểm, bảo vệ, thu nợ? Nhất định rất nhiều nơi cần một điều tra viên có chút kiến thức nền về luật."

Hàm răng khỏe mạnh trắng bóng cắn ngập vào trái táo.

"Nhưng cũng hiếm nơi yêu cầu những hồ sơ công tác với mấy dòng

ghi chú kiểu say xỉn, vắng mặt vô phép, lạm quyền, trái lệnh thượng cấp và bất trung với ngành nhỉ.”

Giờ thì hai hàm anh ta đang nhai nghiến rào rạo.

“Nhưng - nhưng,” Waaler nói tiếp. “Biết đâu việc họ không nhận anh cũng không phải chuyện gì tệ cho lắm. Vì chắc chẳng ai trong số họ có thể mang đến những thử thách đặc biệt thú vị đâu. Không xứng với người mà dù gì cũng từng là một điều tra viên và còn được công nhận là một trong những điều tra viên xuất sắc nhất ngành nữa. Vả lại, lương họ trả cũng khá bèo bọt đấy. Chẳng phải đó là điều người ta quan tâm nhất sao? Làm công ăn lương. Kiếm tiền đủ để trả tiền ăn, tiền ở. Đủ để làm chầu bia và một chai cognac. Hay là whisky nhỉ?”

Harry phát hiện ra mình đang nghiến chặt răng đến nỗi những vết trám bắt đầu đau nhức.

“Cùng lắm,” Waaler nói tiếp, “cũng chỉ đáp ứng thêm được vài nhu cầu trên mức cơ bản thôi, đấy là nếu kiếm được tương đối. Thỉnh thoảng đi nghỉ cùng gia đình ở Normandy chẳng hạn.”

Harry cảm thấy đầu mình tóe lửa, như thể có chiếc cầu chì nào đó vừa đứt.

“Anh và tôi khác nhau về nhiều mặt, Harry ạ, nhưng như thế không có nghĩa tôi không kính nể anh trong công việc. Anh luôn chú trọng vào mục tiêu, thông minh, sáng tạo và nhân cách của anh thì không có gì phải nghi ngờ. Tôi luôn nghĩ vậy đấy. Nhưng hơn hết, anh là người có tinh thần thép. Trong xã hội cạnh tranh ngày càng gay gắt như thế này, phẩm chất đó rất đáng quý. Chỉ tiếc rằng không phải lúc nào chúng ta cũng có thể áp dụng những phương thức mình thích vào cạnh tranh, nếu muốn thắng, anh buộc phải sử dụng phương thức của đối thủ. Còn điều này nữa…”

Waaler hạ giọng.

"Anh cần phải biết chọn đội mà chơi, đội nào có cơ chiến thắng ấy."

"Rốt cuộc anh muốn gì, Waaler?"

Harry cảm thấy giọng mình đang run rẩy.

"Tôi muốn giúp anh." Waaler đứng dậy. "Mọi chuyện đâu cần phải như thế này, anh biết đấy…"

"Như thế nào?"

"Như thế này, nghĩa là anh và tôi coi nhau như kẻ thù. Nghĩa là Giám đốc Sở buộc phải ký lá đơn đó. Anh biết mà."

Waaler đi ra cửa.

"Và nghĩa là anh sẽ chẳng bao giờ có thể mang lại được điều gì tốt đẹp cho bản thân cùng những người anh yêu thương…"

Anh ta cầm lấy tay nắm cửa.

"Cứ suy nghĩ đi, Harry. Trên đời chỉ có một thứ duy nhất giúp được anh trong cuộc chiến ngoài kia thôi."

Một viên đạn, Harry nghĩ thầm.

"Chính là bản thân anh," Waaler nói rồi quay người bỏ đi.

CHỦ NHẬT



ra đi

Cô nằm trên giường, miệng phì phèo điếu thuốc. Cô chăm chú quan sát anh trong lúc anh đứng trước cái tủ ngăn kéo thấp, nhìn bả vai anh cử động dưới làn áo gilê khiến lớp vải ánh lên những sắc thái của màu xanh dương và màu đen. Cô đưa mắt về phía tấm gương, ngắm đôi tay anh thắt cà vạt, những động tác mới dịu dàng và tự tin làm sao. Cô thích đôi tay ấy, thích quan sát chúng chuyển động.

"Khi nào anh quay lại?" cô hỏi.

Ánh mắt họ gặp nhau trong gương. Anh mỉm cười. Đến cả nụ cười cũng dịu dàng và tự tin như thế. Cô phụng phịu trề môi.

"Ngay khi có thể, *Liebling ạ*."

Trên đời chẳng ai gọi "người yêu dấu" theo cách giống anh cả. *Liebling*. Khẩu âm lạ lùng và chất giọng du dương gần như khiến cảm tình của cô dành cho tiếng Đức một lần nữa trỗi dậy.

"Trong chuyến bay tối mai, hy vọng thế," anh nói. "Em sẽ đến gặp anh

chứ?"

Cô không sao ngăn được nụ cười nở trên môi. Anh bật cười, khiến cô phải cười theo. Thật đáng ghét, lúc nào cũng vậy.

"Kiểu gì đám đàn bà con gái chẳng xếp hàng dài chờ anh ở Oslo," cô nói.

"Hy vọng thế."

Anh cài cúc áo gilê, lấy chiếc áo khoác treo trên mắc trong tủ.

"Em là khăn mùi soa chưa, *Liebling*?"

"Em cất vào va li cho anh cùng với đống tất rồi," cô nói.

"Tốt lắm."

"Anh có hẹn hò ai trong số ấy không đấy?"

Anh phá lên cười, bước tới bên giường và cúi xuống nhìn cô.

"Thế em nghĩ sao?"

"Em không biết." Cô vòng tay ôm lấy cổ anh. "Hình như lần nào về nhà, trên người anh cũng có mùi hương đàn bà."

"Đó là vì anh chưa bao giờ xa em lâu đến nỗi khiến mùi hương của em nhạt mất, *Liebling* ạ. Lần đầu anh tìm thấy em là cách đây bao lâu nhỉ? Hai mươi sáu tháng. Anh mang mùi hương của em trên người đã hai mươi sáu tháng rồi."

"Và không còn ai khác nữa chứ?"

Cô nhích người về phía cuối giường, kéo cả anh theo cùng. Anh hôn nhẹ lên môi cô.

"Không còn ai khác nữa. Anh còn phải bắt chuyến bay, *Liebling…"*

Anh gỡ tay cô ra.

Cô nhìn theo khi anh đi về phía tủ ngăn kéo, mở một ngăn, lấy hộ chiếu và vé máy bay, bỏ chúng vào túi trong rồi cài cúc áo lại. Tất cả chỉ diễn ra bằng một động tác uyển chuyển; trong mắt cô, phong thái nhanh nhẹn và tự tin mà chẳng cần cố gắng này thật vừa gợi cảm vừa đáng sợ. Nếu không vì thực tế gần như mọi việc anh làm đều diễn ra theo cách nhẹ nhàng ấy thì chắc hẳn cô đã cho rằng cả đời anh là để rèn luyện thuần thục kỹ năng: ra đi, rời bỏ.

Nghĩ tới chuyện hai người đã dành bao nhiêu thời gian bên nhau trong suốt hai năm qua, thì quả là đáng kinh ngạc khi những điều cô biết về anh lại ít ỏi đến thế, nhưng anh chưa bao giờ giấu giếm sự thật là có rất nhiều người phụ nữ từng đi qua đời mình. Anh nói, đó là vì bấy lâu nay anh đã đi tìm cô trong tuyệt vọng. Anh đã cắt đứt với những phụ nữ ấy ngay khi nhận ra họ không phải là cô, rồi sau đó lại tiếp tục cuộc tìm kiếm không mệt mỏi, cho tới một ngày thu tuyệt đẹp cách đây hai năm, họ gặp nhau lần đầu trong quán bar của khách sạn Grand Hotel Europa nằm bên quảng trường Wenceslas.

Đó quả là cách miêu tả diễm tình nhất của thói trăng hoa mà cô từng được nghe. Diễm tình hơn hẳn so với lý do của cô, đó là vì tiền.

“Thế anh làm gì ở Oslo?”

“Làm nghề buôn bán,” anh đáp.

“Tại sao anh chẳng bao giờ nói cho em biết cụ thể anh làm gì?”

“Vì chúng ta yêu nhau.”

Anh khẽ khàng đóng cửa lại sau lưng, cô nghe thấy tiếng chân anh bước xuống cầu thang.

Lại một mình với cô đơn. Cô nhắm mắt, thầm hy vọng mùi hương của anh vẫn sẽ còn vương trên gối chăn cho tới khi anh quay lại. Cô đặt tay lên

sợi dây chuyền trên cổ mình. Sợi dây cô chưa từng tháo ra kể từ hồi anh tặng nó cho cô, cả lúc đi tắm cô cũng đeo. Vừa vuốt ve mặt dây, cô vừa trầm ngâm nghĩ đến chiếc va li của anh. Nghĩ đến cái cổ cồn trắng mà cô trông thấy bên cạnh đống tất. Nhưng sao cô lại không hỏi anh về nó? Có lẽ là vì cô cảm thấy mình đã hỏi quá nhiều điều rồi. Cô không được phép làm anh bực.

Cô thở dài, nhìn đồng hồ đeo tay rồi lại nhắm mắt. Ngày hôm nay chẳng có gì để mà trông đợi. Ngoài cái hẹn với bác sĩ lúc hai giờ, thế thôi. Cô bắt đầu đếm từng giây trôi đi trong lúc những ngón tay vẫn tiếp tục vuốt ve mặt dây chuyền, một viên kim cương màu đỏ hình ngôi sao năm cánh.

Trang bìa tờ *Verdens Gang* có đăng bài viết về một nhân vật nổi tiếng giấu tên trong giới truyền thông Na Uy, người đã từng có mối quan hệ "tuy ngắn ngủi nhưng rất nồng cháy" với Camilla Loen. Họ đã tìm được một tấm ảnh toàn đốm nhiễu chụp Camilla đi nghỉ lễ trong bộ bikini siêu kiệm vải, rõ ràng là để nhấn mạnh sự thắm thiết mà bài báo đã nêu có liên quan đến khía cạnh chính của mối quan hệ đó.

Tờ *Dagbladet* số ra cùng ngày lại đăng bài phỏng vấn Toya Harang, chị gái của Lisbeth Barli, trong đoạn văn ngắn với tựa đề "Lúc nào cũng chạy trốn", chị ta đã viện dẫn cách hành xử thuở nhỏ của cô em để lý giải cho vụ mất tích khó hiểu. Nguyên văn câu nói của chị ta như sau: "Ngày xưa con bé cũng từng chạy trốn khỏi Xa Kéo Sợi, thế nên bây giờ tại sao lại không chứ?"

Kèm theo bài viết là tấm ảnh chụp chị ta đội mũ cao bồi hiệu Stetson

và tươi cười đứng tạo dáng trước xe buýt chở ban nhạc. Harry đồ rằng chị ta chưa suy nghĩ thấu đáo về việc mình đang làm trước khi chụp bức ảnh đó.

"Cho cốc bia."

Harry ngồi xuống chiếc ghế đẩu trong quán Underwater và kéo tờ *Verdens Gang* lại gần. Buổi nhạc hội Springsteen ở Valle Hovin đã cháy vé. Nhưng cũng chẳng sao. Thứ nhất, Harry rất ghét nhạc hội diễn ra tại sân vận động, và thứ hai, anh cùng Øystein đã từng vẫy xe xin quá giang đến Drammenshallen năm họ mười lăm tuổi, dùng vé giả Øystein chế ra để dự nhạc hội Springsteen. Hồi ấy là thời kỳ đỉnh cao của cả ba: Springsteen, Øystein và Harry.

Harry gạt tờ báo sang một bên và mở tờ *Dagbladet* của mình, số có đăng ảnh chị gái Lisbeth. Hai chị em nhà này giống nhau như tạc. Anh đã gọi điện đến Trondheim cho chị ta để hỏi chuyện, nhưng chị ta chẳng cung cấp được cho anh thông tin gì, hay nói đúng hơn là chị ta chẳng cung cấp được cho anh thông tin gì thú vị. Thực tế thì, cuộc nói chuyện kéo dài những hai mươi phút ấy hầu như không có tí liên quan nào tới anh. Chị ta giải thích tên mình phát âm đúng là phải nhấn vào chữ *a.* ToyA. Và rằng cái tên Toya không phải được đặt theo tên chị gái của Michael Jackson là La Toya, trọng âm nhân vào chữ oy.

Tính đến giờ, Lisbeth mất tích đã được bốn ngày, và tình hình điều tra, nói một cách ngắn gọn, là vẫn giậm chân tại chỗ.

Vụ sát hại Camilla Loen cũng vậy. Ngay cả Beate cũng sốt ruột. Cô đã làm việc miệt mài suốt mấy ngày cuối tuần để giúp đỡ vài thanh tra hiếm hoi không đi nghỉ hè. Beate quả là có tấm lòng vàng. Chỉ tiếc rằng tấm lòng ấy không mang lại cho cô kết quả gì.

Camilla rõ ràng là một cô gái trẻ quảng giao, vì vậy cảnh sát đã xoay

xở thu thập được tương đối đầy đủ những hoạt động cô ta tham gia trong vòng một tuần trước khi bị bắn chết, nhưng những manh mối có được cũng chẳng giúp ích gì cho họ.

Thực ra, Harry đã định kể cho Beate nghe chuyện Waaler tới phòng anh, ít nhiều trắng trợn dụ dỗ anh bán linh hồn mình cho hắn, nhưng không hiểu sao anh lại quyết định giữ kín. Hơn nữa, lúc này anh đã có quá nhiều việc phải nghĩ rồi. Có báo cáo với Møller cũng chỉ dẫn đến bất đồng, vì vậy anh lập tức gạt ngay ý tưởng đó đi.

Uống được hơn nửa cốc bia thứ hai thì Harry trông thấy người quen. Cô ngồi một mình ở bàn sát tướng trong không gian tranh tối tranh sáng. Cô đang nhìn thẳng vào anh, miệng hơi mỉm cười. Trên bàn có một chai bia, điếu thuốc kẹp giữa ngón trỏ và ngón giữa.

Harry cầm cốc của mình bước tới bàn cô.

"Tôi ngồi được chứ?"

Vibeke Knutsen hất hàm về phía chiếc ghế trống.

"Sao anh lại đến đây?"

"Tôi sống ở ngay góc phố," Harry nói.

"Tôi cũng đã ngờ ngợ, nhưng tôi chưa gặp anh ở đây bao giờ."

"Ừ. Quán quen và tôi có cách nhìn nhận khác nhau đối với sự việc xảy ra tại đó hồi tuần trước."

"Họ cấm cửa anh à?" cô hỏi kèm theo một tràng cười khàn khàn.

Harry thích tiếng cười ấy. Anh thấy cô gái này có nét quyến rũ, có lẽ là nhờ lớp trang điểm và việc cô chọn ngồi trong bóng tối. Như thế thì đã sao. Anh thích đôi mắt cô; đôi mắt ánh lên vẻ tinh nghịch và tràn đầy sức sống, vừa trẻ con lại vừa thông minh, hệt như mắt Rakel, nhưng nét tương đồng

giữa họ chỉ dừng lại ở đó. Rakel có đôi môi nhỏ nhắn, nhạy cảm; còn Vibeke sở hữu khuôn miệng đã rộng lại càng rộng hơn nhờ lớp son đỏ chót như xe cứu hỏa. Rakel thanh lịch một cách đầy kín đáo và lanh lợi, thon thả gần như một vũ công ba lê, không có những đường cong nóng bỏng. Hôm nay, Vibeke mặc trang phục da hổ, nhưng bộ đồ bắt mắt chẳng kém bộ da báo và da ngựa vằn là bao. Hầu như mọi thứ ở Rakel đều có màu tối: đôi mắt, mái tóc, làn da. Anh chưa từng gặp người phụ nữ nào có làn da căng bóng như thế. Còn Vibeke lại là cô gái tóc đỏ với nước da nhạt màu. Đôi chân bắt tréo sáng trắng lên trong bóng tối.

"Sao cô lại ngồi một mình ở đây?" anh hỏi.

Cô nhún vai, nhấp một ngụm bia.

"Anders đi công tác rồi, tối nay mới về. Nên tôi tự chiều chuộng bản thân mình một chút."

"Đi xa không?"

"Đâu đó ở châu Âu. Anh cũng biết mà. Đối phương chẳng bao giờ nói gì cả."

"Anh ta làm nghề gì?"

"Bán đồ dùng trong nhà thờ và nhà nguyện. Bệ thờ, bục giảng kinh, thánh giá, vân vân. Cả cũ lẫn mới."

"Ừm. Anh ta bán khắp châu Âu à?"

"Nếu nhà thờ nào đó ở Thụy Điển cần bục giảng kinh mới, họ có thể đặt mua ở Ålesund. Cái bục cũ có thể được chuyển về Stockholm hoặc Narvik. Anders đi suốt. Đi còn nhiều hơn ở nhà. Nhất là mấy tháng gần đây. Đúng hơn là một năm gần đây." Cô rít một hơi thuốc, vừa hít vừa nói thêm, "Nhưng anh ta không theo đạo Thiên Chúa."

"Không ư?"

Cô lắc đầu trong làn khói cuộn lên dày đặc từ đôi môi đỏ bên trên có hai nếp nhăn nhỏ sát cạnh nhau.

"Bố mẹ anh ta theo phái Tin Lành Ngũ tuần, anh ta lớn lên cùng với nó. Tôi mới dự có một buổi tụ họp thôi nhưng anh biết sao không? Tôi thấy ghê chết đi được. Nhất là khi bọn họ chuyển sang nói thứ tiếng lạ. Anh đã dự buổi tụ họp nào như thế chưa?"

"Hai lần," Harry đáp. "Với hệ phái Tin Lành Philadelphia."

"Thế có được cứu rỗi không?"

"Tiếc là không. Tôi đến đó chỉ để tìm một người đã hứa với tôi sẽ đứng ra làm chứng trước tòa."

"Ừm, dù không tìm thấy Chúa Jesus thì ít nhất anh cũng đã tìm được nhân chứng của mình."

Harry lắc đầu.

"Họ nói anh ta không đến nữa, và cũng không sống ở bất kỳ địa chỉ nào mà tôi được cung cấp. Thế nên, không, tôi chẳng được cứu rỗi tí nào."

Harry uống cạn cốc bia và ra hiệu cho người phục vụ quầy bar. Cô châm điếu thuốc khác.

"Hôm nay tôi đã cố liên lạc với anh," cô nói. "Ở cơ quan anh."

"Vậy sao?"

Harry chợt nghĩ đến tin nhắn không lời trong máy trả lời tự động.

"Ừ, nhưng tôi được báo là anh không phụ trách vụ này."

"Nếu ý cô muốn nhắc tới vụ án Camilla Loen, vậy thì đúng rồi đấy."

"Thế nên tôi đành nói chuyện với người hôm trước cũng có mặt ở đó. Anh chàng có hình thể đẹp ấy."

"Tom Waaler ư?"

"Phải. Tôi đã kể cho anh ta đôi điều về Camilla. Những điều tôi không dám nói lúc anh có ở đó."

"Sao lại không?"

"Vì Anders đang ngồi ngay bên cạnh."

Cô rít một hơi thuốc dài.

"Cứ nghe tôi bỉ bai Camilla là anh ta không chịu được. Anh ta nổi khùng lên, mặc dù bọn tôi gần như chẳng quen biết gì cô ta."

Cô nhún vai.

"Tôi không nghĩ những lời mình nói là bỉ bai. Chỉ có Anders nghĩ thế thôi. Chắc là do bọn tôi được dạy dỗ theo những cách khác nhau. Tôi tin anh ta thực sự cho rằng tất cả đàn bà trên đời chỉ nên ăn nằm với không quá một người đàn ông." Cô dụi tắt điếu thuốc và hạ giọng nói thêm, "Và chỉ thế thôi."

"Ừm. Vậy Camilla ăn nằm với hơn một người à?"

"Cái tên thượng lưu của cô ta đã nói lên tất cả."

"Sao cô biết? Cô nghe thấy tiếng ồn à?"

"Qua sàn giữa tầng trên với tầng dưới thì không. Vậy nên, vào mùa đông bọn tôi nghe không rõ cho lắm. Nhưng đến hè, nhà nhà mở cửa sổ. Anh biết đấy, âm thanh…"

"… có khả năng lan truyền trong không gian khép kín."

"Chính xác. Anders thường phải dậy đóng sầm cửa sổ phòng ngủ lại. Tôi mà lỡ nhận xét câu gì đó đại loại như 'giờ cô ta lại sắp sửa lên sàn đấy', ừm, là anh ta sẽ nổi khùng và hầm hầm đi ra phòng khách ngủ."

"Cô muốn tìm tôi để kể những chuyện này sao?"

“Phải. Còn một điều khác nữa. Tôi có nhận được một cuộc điện thoại. Lúc đầu tôi tưởng là Anders, nhưng thường thì tôi có thể nghe thấy âm thanh bên ngoài vọng vào mỗi lần anh ta gọi. Vì theo thói quen, anh ta luôn gọi điện từ một con phố nào đó tại một thị trấn nào đó ở châu Âu. Quái dị là ở chỗ, những âm thanh đó nghe y hệt nhau, cứ như thể lần nào anh ta cũng gọi từ đúng một địa điểm vậy. Chỉ có điều, âm thanh lần này lại khác. Thường thì tôi dập máy rồi quên luôn, nhưng sau chuyện xảy ra với Camilla và Anders lại đang đi vắng…”

“Thì sao?”

“Ừm, thực ra cũng không có gì to tát đâu.”

Cô nở nụ cười mệt mỏi. Harry lại thấy nụ cười ấy thật đẹp.

“Chỉ là tiếng thở của ai đó trong điện thoại. Nhưng tôi thấy nó rợn tóc gáy nên muốn báo lại với anh. Waaler nói anh ta sẽ điều tra, nhưng tôi không cho rằng họ sẽ truy ra được số máy ấy. Thực tế cũng có trường hợp kẻ sát nhân quay lại hiện trường gây án phải không?”

“Đa phần chuyện đó chỉ xảy ra trong tiểu thuyết trinh thám thôi,” Harry nói. “Là tôi, tôi sẽ chẳng bận tâm làm gì cho mệt.”

Anh xoay tròn chiếc cốc. Thuốc bắt đầu có tác dụng rồi.

“Cô và bạn trai có tình cờ quen biết Lisbeth Barli không?”

Vibeke đáp lại ánh nhìn của anh, hàng lông mày kẻ vẽ nhướn lên.

“Người phụ nữ mất tích ấy à? Sao chúng tôi quen cô ta được chứ?”

“Cô nói phải, sao lại quen được chứ.” Harry lẩm bẩm và tự hỏi không hiểu vì lý do gì anh hỏi cô điều ấy.

Lúc gần chín giờ, hai người cùng nhau bước ra ngoài vỉa hè trước cửa quán Underwater.

Harry phải cố gắng lắm mới đứng được.

“Nhà tôi ở ngay phía cuối đường kia thôi,” Harry nói. “Hay là…?”

Vibeke nghiêng đầu và mỉm cười.

“Lúc này đừng thốt ra điều gì khiến anh về sau phải hối hận, Harry à.”

“Hối hận ư?”

“Suốt nửa tiếng đồng hồ anh nói không ngừng nghỉ về cô Rakel này. Anh chưa quên đấy chứ?”

“Cô ấy đâu muốn tôi, tôi đã bảo rồi mà.”

“Phải, và anh cũng chẳng muốn tôi. Anh muốn Rakel kìa. Hoặc là một người thay thế Rakel.”

Cô đặt tay lên cánh tay anh.

“Nếu mọi chuyện khác đi, chắc tôi cũng có thể thử tưởng tượng làm người đó xem sao, nhưng đời không như là mơ. Hơn nữa, Anders sẽ sớm về nhà thôi.”

Harry nhún vai, bước sang bên cạnh một bước cho khỏi ngã.

“Ừ, để tôi tiễn cô về tận nhà,” anh khụt khịt nói.

“Những hai trăm mét đấy, Harry.”

“Tôi cố được.”

Vibeke phá lên cười và khoác lấy tay anh.

Hai người ung dung sải bước trên phố Ullevålsveien bên cạnh dòng ô tô và taxi không khách vun vút lao đi, không khí ban đêm ve vuốt làn da trần của họ, đặc trưng của những đêm hè tháng Bảy ở Oslo, nhưng tất cả chỉ

có vậy. Harry lắng nghe âm điệu trầm đều trong giọng nói của cô, lòng thầm hỏi không biết giờ này Rakel đang làm gì.

Họ dừng chân bên ngoài cánh cổng sắt nghệ thuật sơn đen.

"Chúc ngủ ngon, Harry."

"Ừm. Cô có định đi thang máy lên nhà không?"

"Sao anh lại hỏi thế?"

"Không có gì." Harry đút hai tay vào túi quần để cố giữ thăng bằng. "Bảo trọng nhé. Chúc cô ngủ ngon."

Vibeke mỉm cười, tiến lại gần anh, Harry ngửi thấy hương nước hoa cô dùng khi cô hôn lên má anh.

"Nếu gặp nhau trong một cuộc đời khác, thì biết đâu đấy?" cô thì thầm.

Cánh cổng khép lại sau lưng cô với một tiếng cạch trơn tru. Harry đứng thần người ra đó, trong lúc anh đang cố gắng xác định phương hướng thì đột nhiên trên cửa sổ trưng bày của cửa hàng trước mặt có một thứ khiến anh phải chú ý. Không phải dãy bia mộ mà là hình ảnh gì đó phản chiếu trên tấm kính. Một cái xe hơi màu đỏ đỗ ở vỉa hè bên kia đường. Nếu Harry quan tâm đến xe hơi, dù chỉ một chút thôi, có lẽ anh đã nhận ra món đồ chơi sang chảnh ấy chính là chiếc Tommykaira ZZ-R.

"Mẹ kiếp," Harry lầm bầm rủa và bước xuống lòng đường để qua phía bên kia. Một chiếc taxi phóng vụt qua người anh, nhấn còi inh ỏi. Harry bước tới đứng cạnh cửa sổ bên ghế lái của chiếc xe hơi thể thao. Tấm kính tối màu hạ xuống êm ru.

"Mày đến đây làm chó gì?" Harry khò khè nói. "Theo dõi tao à?"

"Buổi tối tốt lành, Harry," Tom Waaler ngáp dài. "Tôi đang theo dõi

bên ngoài căn hộ của Camilla Loen để xem ai đi, ai đến. Anh biết đấy, không phải ngẫu nhiên mà người ta nói kẻ thủ ác thường quay trở lại hiện trường gây án.”

“Đúng. Nói đúng lắm,” Harry đáp.

“Nhưng chắc anh cũng đã nhận ra, thông tin chúng ta thu được chỉ có thế. Kẻ sát nhân chẳng để lại nhiều manh mối để điều tra.”

“Còn chưa biết liệu gã đó…” Harry nói.

“Hoặc ả đó,” Waaler ngắt lời.

Harry nhún vai, cố đứng vững. Cửa bên ghế phụ bật mở.

“Vào đi, Harry. Tôi muốn nói chuyện với anh một lát.”

Harry căng mắt nhìn cửa xe để ngỏ, lòng có chút nao núng. Anh bước sang bên một bước nữa để lấy thăng bằng. Sau đó anh đi vòng sang bên kia và ngồi vào trong xe.

“Anh đã suy nghĩ chưa?” Waaler hỏi, vặn nhỏ nhạc xuống.

“Nghĩ rồi,” Harry nói, cựa mình trong chiếc ghế chật chội có lưng tựa ôm tròn cho một người.

“Và anh rút ra được kết luận đúng đắn rồi chứ?”

“Rõ ràng là mày thích mấy con xế thể thao màu đỏ của Nhật.” Harry giơ tay đập mạnh một cái lên bảng điều khiển. “Hàng cứng đấy. Nói xem…” Harry cố gắng nói cho rành rọt. “Mày và Sverre Olsen cũng ngồi trong xe nói chuyện phiếm như thế này ở Grünerløkka vào cái đêm Ellen bị giết phải không?”

Waaler quan sát Harry một lúc lâu trước khi mở miệng trả lời, “Harry, tôi không hiểu anh đang nói gì.”

“Không ư? Mày biết Ellen đã chỉ đích danh mày là kẻ đầu trò đứng

sau đường dây buôn lậu vũ khí, đúng không? Chính mày đã sai Sverre Olsen giết cô ấy trước khi cô ấy kịp nói với bất cứ ai. Rồi khi biết tin tao lần theo dấu vết Sverre Olsen, mày vội vàng dàn dựng sao cho có vẻ như hắn đã rút súng tấn công lúc mày đang cố bắt giữ hắn. Hệt như vụ thằng cha ở phố Havnelageret. Xử đẹp mấy thằng tù gây rắc rối có vẻ là biệt tài của mày thì phải."

"Anh say rồi, Harry."

"Tao đã mất hai năm ròng rã cố đi tìm bằng chứng buộc tội mày, Waaler. Mày biết chứ?"

Waaler không đáp.

Harry bật cười ha hả, đập mạnh một phát nữa. Cái bảng điều khiển phát ra tiếng "rắc" thật đáng ngại.

"Tất nhiên là biết rồi! Chả có gì mà Hoàng Tử kiêm kẻ thừa kế lại không biết. Mày làm thế nào vậy? Nói cho tao nghe đi."

Qua cửa sổ bên xe, Waaler nhác thấy bóng một người đàn ông bước ra từ quán Kebabgården; ông ta dừng lại, nhìn trái nhìn phải trước khi rảo bước về phía nhà thờ Trinity. Không ai nói năng gì cho tới khi người đàn ông rẽ vào con đường chạy giữa nghĩa trang và bệnh viện Our Lady.

"Thôi được," Waaler gằn giọng. "Tôi thú tội cũng được thôi, nếu anh đã muốn thế. Nhưng anh nên nhớ, một khi đã nghe lời thú tội thì chẳng mấy chốc, anh sẽ rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan không lấy gì làm dễ chịu."

"Tao chấp nhận cái sự không lấy gì làm dễ chịu ấy."

"Tôi đã bắt Sverre Olsen phải nhận hình phạt thích đáng."

Harry chậm rãi ngoảnh về phía Waaler, người đang ngả đầu trên gối tựa, hai mắt khép hờ.

“Nhưng không phải vì tôi sợ hắn sẽ tiết lộ việc hắn và tôi cùng hội cùng thuyền. Đó là điểm sai lầm trong giả thuyết của anh.”

“Thế à?”

Waaler thở dài.

“Anh có bao giờ tự hỏi điều gì đã khiến những người như chúng ta chọn làm những gì mình đang làm hay không?”

“Cả đời tao chỉ chuyên làm có thế.”

“Ký ức xa xôi nhất anh còn nhớ được là gì, hả Harry?”

“Ký ức về thời nào mới được chứ?”

“Ký ức xa xôi nhất của tôi là về cái đêm hôm ấy, bố tôi cúi nhìn tôi trên giường.”

Waaler vuốt ve vô lăng.

“Hồi đó chắc tôi khoảng bốn, năm tuổi. Từ người bố tôi tỏa ra mùi thuốc lá và cảm giác an toàn. Anh biết đấy, các ông bố thường như vậy. Ông hay về nhà khi tôi đã đi ngủ. Và tôi biết sáng hôm sau ông sẽ đi làm từ rất sớm, trước khi tôi thức dậy. Tôi biết nếu tôi mở mắt ra, ông sẽ mỉm cười với tôi, vỗ nhẹ lên đầu tôi, rồi lại đi mất. Vì thế tôi đã giả vờ ngủ để ông ở bên tôi lâu hơn chút nữa. Có đôi lần gặp ác mộng về một người đàn bà có cái đầu lợn đi lang thang trên phố tìm kiếm máu trẻ con, tôi sẽ mở mắt ra khi bố tôi đứng dậy định rời đi, xin ông ngồi bên tôi thêm một lát. Ông sẽ ở lại trong lúc tôi nằm đó, mở to mắt nhìn ông. Anh với bố anh có như thế không, Harry?”

Harry nhún vai.

“Bố tao là giáo viên. Ông ấy ở nhà suốt.”

“Vậy gia đình anh thuộc tầng lớp trung lưu.”

"Đại loại thế."

Waaler gật đầu.

"Bố tôi là dân lao động chân tay. Cũng giống như bố của hai đứa bạn chơi thân với tôi, Geir và Solo. Nhà họ nằm ngay phía trên nhà tôi, trong chung cư tại phố cổ Oslo nơi tôi lớn lên. Ở khu Đông Oslo, ảm đạm, nhưng cũng là một căn chung cư tốt, được bảo trì cẩn thận, thuộc sở hữu của công đoàn. Bọn tôi không coi mình là giai cấp lao động, mà tất cả đều là những ông chủ hãng buôn. Bố Solo thậm chí còn có cả cửa hàng riêng, mọi người trong nhà họ đều tham gia vào việc kinh doanh của gia đình. Đàn ông trong khu tôi ở đều làm việc chăm chỉ, nhưng không ai vất vả bằng bố tôi, ông làm từ sáng sớm tinh mơ đến tối mịt, cả ngày lẫn đêm. Ông giống như cái máy chỉ tắt vào ngày Chủ nhật. Chẳng ai trong bố mẹ tôi theo hẳn đạo Thiên Chúa. Bố tôi tham gia lớp thần học ở trường bổ túc trong khoảng nửa năm, vì ông nội muốn bố tôi trở thành linh mục, nhưng sau khi ông tôi mất thì bố tôi cũng bỏ học. Tuy vậy chúng tôi vẫn đều đặn đi nhà thờ Vålerenga vào Chủ nhật, sau đó theo bố tới khu Ekeberg hoặc Ostmarka. Đến năm giờ, chúng tôi sẽ thay đồ và ăn bữa cơm Chủ nhật ở phòng khách. Nghe thì có vẻ nhàm chán nhưng nói thực, cả tuần tôi chỉ mong đến Chủ nhật thôi.

"Rồi sang thứ Hai, bố tôi lại đi làm. Lúc nào cũng có việc gì đó cần ông làm thêm giờ ở công trường xây dựng. 'Tiền cũng có loại trắng, trắng hơn, loại đen và loại xám nữa con ạ,' bố tôi từng bảo thế. Đó là cách duy nhất để có tiền dành dụm trong nghề của ông. Năm tôi mười ba tuổi, gia đình tôi chuyển sang sống ở khu Tây, trong một căn nhà có vườn táo. Bố tôi nói sống ở đó tốt hơn. Tôi là đứa duy nhất trong lớp có bố mẹ không phải là luật sư, nhà kinh tế, bác sĩ hoặc chuyên gia trong lĩnh vực khác. Cạnh nhà tôi là nhà một ông thẩm phán có đứa con trai cũng sàn sàn tuổi tôi. Bố tôi

hy vọng sau này tôi sẽ trở thành người như thế. Ông bảo, nếu tôi muốn theo một trong những nghề đó thì phải có bạn đồng môn, phải học hỏi bí kíp, ngôn ngữ và những luật lệ bất thành văn. Thế nhưng tôi chẳng bao giờ gặp bất cứ thằng bé hàng xóm nào mà chỉ trông thấy con chó becgie nhà họ, nó cứ đứng ngoài hiên sủa cả đêm. Vậy nên thay vì thế, tôi đã bắt tàu hỏa tới khu phố cổ Oslo chơi với Geir và Solo sau giờ tan học. Bố mẹ tôi đã mời hàng xóm xung quanh đến dự tiệc nướng ngoài trời nhưng tất cả đều viện cớ từ chối khéo, chỉ trừ đúng một người. Tôi vẫn nhớ mùi khói tỏa ra từ bếp nướng và tiếng cười chối tai trong những khu vườn khác của mùa hè năm đó. Không ai mời đáp lễ chúng tôi dù chỉ một lần."

Harry cố gắng nói cho rành rọt. "Mày kể lể những chuyện này để làm gì?"

"Điều đó thì anh phải tự nghĩ. Vậy thôi không kể nữa nhé?"

"Khỏi, cứ nói tiếp đi, đằng nào tối nay trên ti vi cũng chả có chương trình gì hay ho."

"Một ngày Chủ nhật nọ, gia đình tôi sửa soạn đi nhà thờ như thường lệ. Tôi đang đứng trên phố chờ bố mẹ và tranh thủ quan sát con chó becgie lồng lộn trong khu vườn phía bên kia hàng rào, nó cứ nhằm vào tôi mà gầm gừ, mà sủa. Chẳng hiểu ma xui quỷ khiến thế nào, tôi đã đi tới mở cổng ra. Có lẽ lúc đó tôi nghĩ chắc nó cô độc quá nên mới giận dữ thế. Con chó nhảy xổ tới, đẩy tôi ngã ngửa rồi đớp phập một bên má của tôi. Đến giờ vẫn còn sẹo."

Waaler chỉ vào vết thương cũ, nhưng Harry chẳng thể nhìn thấy gì.

"Lão thẩm phán đứng trên hiên nhà gọi con chó. Nó thả tôi ra, rồi lão bảo tôi cút khỏi vườn nhà lão. Mẹ tôi khóc lóc còn bố tôi hầu như không nói năng gì trong lúc lái xe đưa tôi đi cấp cứu. Đến khi về nhà, trên mặt tôi

có một vết khâu dày cộp đen sì, chạy từ cằm tới tận sát mang tai. Bố tôi sang nói chuyện phải trái với lão thẩm phán kia. Lúc quay về, cặp mắt ông tối sầm vì giận dữ, thậm chí ông còn kiệm lời hơn cả lúc trước. Bữa ăn tối Chủ nhật trôi đi hoàn toàn trong im lặng. Đêm đó, tôi đột nhiên tỉnh giấc và cứ nằm đó tự hỏi không hiểu điều gì đã đánh thức mình. Bốn bề im ắng như tờ. Rồi tôi chợt hiểu ra. Là con chó becgie. Nó không sủa như mọi hôm. Tôi nghe thấy tiếng cửa chính đóng lại, và linh tính mách bảo tôi rằng sẽ chẳng bao giờ chúng tôi phải chịu đựng tiếng sủa ấy nữa. Khi cửa phòng ngủ khẽ khàng mở ra, tôi vội nhắm chặt mắt nhưng vẫn kịp nhác thấy bóng dáng một cây búa. Ở ông tỏa ra mùi thuốc lá cùng cảm giác an toàn. Và tôi vờ như đang ngủ say."

Waaler phủi đi một hạt bụi vô hình trên cần lái.

"Sở dĩ tôi bắn Sverre Olsen là bởi chúng ta đều biết hắn đã sát hại một đồng nghiệp của chúng ta. Tôi làm thế vì Ellen, Harry ạ. Vì chúng ta. Giờ anh biết tôi đã giết một mạng người rồi đấy. Anh có định tố cáo tôi không?"

Harry chỉ trân trân nhìn. Waaler nhắm mắt lại.

"Chúng ta chỉ có chứng cứ gián tiếp chống lại Olsen thôi, Harry ạ. Hắn sẽ thoát tội. Chúng ta không thể để điều đó xảy ra được. Nếu là anh, anh có chịu để yên như thế không, Harry?"

Waaler ngoảnh sang và bắt gặp ánh nhìn không chút khoan nhượng của Harry.

"Có hay không?"

Harry nuốt khan.

"Có người đã trông thấy mày và Sverre Olsen ngồi trong một chiếc xe hơi, người đó sẵn sàng ra làm chứng, nhưng chắc điều đó mày biết rồi chứ gì?"

Waaler nhún vai.

“Tôi đã có dịp nói chuyện với Olsen đôi lần. Hắn là một phần tử Phát xít mới, một tên tội phạm. Trách nhiệm của chúng ta là phải theo dõi sát sao những kẻ như thế, Harry ạ.”

“Giờ bỗng dưng nhân chứng hôm đó trông thấy mày lại ngậm miệng hến. Mày đã nói chuyện với gã rồi đúng không? Dằn mặt để bắt gã phải im lặng.”

Waaler lắc đầu.

“Tôi không thể trả lời câu hỏi kiểu này được, Harry ạ. Kể cả nếu anh có quyết định gia nhập hàng ngũ của chúng tôi đi nữa, thì có một luật lệ bất di bất dịch anh phải theo, đó là chỉ nên biết những gì tối cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nghe có vẻ khắc nghiệt, nhưng lại rất hiệu quả. Hiệu quả đối với bọn tôi.”

“Có phải mày đã nói chuyện với Kvinsvik không?” Harry líu lưỡi hỏi.

“Kvinsvik chẳng qua chỉ là một trong những cối xay gió mà anh đâm đầu vào thôi, Harry ạ. Hãy quên hắn đi. Anh nên nghĩ cho bản thân mình thì hơn.”

Anh ta nhoài người sang chỗ Harry và hạ giọng.

“Anh có còn gì để mất đâu? Thử nhìn mình trong gương xem…”

Harry chớp mắt.

“Phải,” Waaler nói tiếp. “Một gã đàn ông ngấp nghé tuổi bốn mươi, nghiện rượu, không nghề ngỗng, không gia đình, không một xu dính túi.”

“Tao hỏi lần cuối!” Harry cố quát lớn nhưng không xong vì còn đang say quắc cần câu. “Có phải mày đã nói chuyện với… với Kvinsvik không?”

Waaler lại ngồi thẳng người lên.

“Về nhà đi, Harry. Rồi ngẫm xem anh thực sự đang mắc nợ ai. Có phải là cái ngành này không? Những người ăn tươi nuốt sống anh nhưng thấy không hợp khẩu vị nên lại đành khạc ra? Hay là mấy lão sếp lẩn như chạch ngay khi vừa ngửi thấy rắc rối? Hoặc phải chăng anh đang nợ chính bản thân mình? Làm quần quật năm này qua năm khác để mang lại đôi chút bình yên trên những con đường ở Oslo, tại một đất nước bảo vệ lũ tội phạm còn hơn cả bảo vệ chính những người đang ngày đêm phụng sự nó. Thực sự anh là một trong những điều tra viên xuất sắc nhất của ngành. Không như bao kẻ khác, anh tài năng như thế. Vậy mà chỉ được nhận đồng lương còm. Tôi có thể mang lại cho anh số tiền gấp năm lần, nhưng đây chưa phải điều quan trọng nhất. Tôi có thể mang lại cho anh chút phẩm giá, Harry ạ. Là phẩm giá. Anh cứ suy nghĩ đi.”

Harry cố sức tập trung nhìn Waaler, nhưng anh cứ liên tục gà gật. Anh quờ quạng tìm tay nắm cửa, nhưng không thấy. Cái đám xe Nhật chết tiệt. Waaler nhoài người qua chỗ anh và đẩy cửa mở.

“Tôi biết anh đang tìm Kvinsvik,” Waaler nói. “Để tôi giúp anh đỡ mất công. Phải, tôi đã nói chuyện với Olsen ở Grünerløkka tối hôm đó, nhưng như vậy không có nghĩa tôi có dính líu gì tới vụ sát hại Ellen. Tôi giữ kín chuyện này vì không muốn làm phức tạp thêm vấn đề. Anh cứ việc làm những gì anh muốn, nhưng tin tôi đi: Roy Kvinsvik chẳng thể cung cấp cho anh thông tin gì đáng giá hết.”

“Hắn đang ở đâu?”

“Nếu tôi nói cho anh biết thì có thay đổi được gì không? Anh sẽ chịu tin tôi chứ?”

“Có thể,” Harry đáp. “Ai mà biết.”

Waaler thở dài.

“Số 32 phố Sognsvannveien. Hắn đang tá túc trong phòng khách ở tầng hầm nhà ông bố dượng cũ.”

Harry quay đi, vẫy một chiếc taxi đang chạy về hướng mình, biển hiệu sáng.

“Nhưng tối nay hắn có buổi tập cùng ca đoàn Menna,” Waaler nói. “Đi bộ một lát là tới. Bọn họ tập ở sảnh nhà thờ Gamle Aker ấy.”

“Gamle Aker sao?”

“Hắn bỏ hệ phái Tin Lành Philadelphia, chuyển sang Tin Lành Bethlehem rồi.”

Chiếc taxi không khách dừng lại, do dự trong giây lát rồi lại tăng tốc chạy về hướng trung tâm thành phố. Waaler nở nụ cười gượng gạo.

“Anh không nhất thiết phải từ bỏ đức tin để có thể cải đạo, Harry ạ.”

CHỦ NHẬT



bethlehem

Lúc này đang là tám giờ tối Chủ nhật. Bjarne Møller ngáp dài, khóa ngăn kéo bàn làm việc rồi với tay tắt chiếc đèn bàn. Mệt thì có mệt nhưng ông vẫn cảm thấy hài lòng. Cơn bão truyền thông tồi tệ nhất ập đến kể từ sau vụ bắn chết người và vụ mất tích rốt cuộc cũng lắng xuống, nhờ đó ông có thể yên ổn làm việc suốt mấy ngày cuối tuần. Đống giấy tờ chất ngất trên bàn từ đầu kỳ nghỉ hè đến nay đã nhanh chóng vơi đi một nửa. Giờ ông có thể ra về và nhâm nhi một ly whisky Jameson thật ngon trong lúc xem lại gameshow ca nhạc *Beat for Beat* trên truyền hình. Ngón tay đặt trên công tắc đèn, ông đưa mắt nhìn quanh chiếc bàn lần cuối, mọi thứ giờ đã đâu vào đấy cả rồi. Đúng lúc ấy, ông chợt trông thấy chiếc phong bì chống sốc màu nâu. Ông nhớ mang máng là mình đã lấy nó ở hòm thư riêng hôm thứ Sáu. Hẳn là nó đã bị đống giấy tờ che mất.

Ông lưỡng lự giây lát. Để đến mai cũng chẳng chết ai. Ông bóp thử chiếc phong bì và sờ thấy bên trong có một vật, nhưng nhất thời không thể đoán ra đó là thứ gì. Ông lấy dao rọc giấy rạch phong bì. Chẳng có thư từ

nào cả. Dốc ngược chiếc phong bì xuống, cũng không có thứ gì rơi ra. Khi ông lắc mạnh thì nghe thấy tiếng một vật tách ra khỏi lớp lót xốp hơi bên trong. Nó rơi xuống bàn, nảy qua chiếc điện thoại rồi dừng lại trên mặt tấm lót tay, ngay phía trên tờ lịch công tác.

Dạ dày ông đột nhiên đau quặn. Bjarne Møller cúi gập người rồi cứ thế đứng thở hồng hộc. Phải mấy phút sau ông mới có thể vươn thẳng dậy và quay số điện thoại. Nếu không vì cơn đau dữ dội đang hành hạ ông lúc này thì có lẽ Møller đã phát hiện ra số điện thoại mình vừa gọi đến là của một người có tên nằm ở đúng chỗ mà thứ vừa rơi ra khỏi chiếc phong bì kia đang chỉ vào trên tờ lịch công tác.

Marit đang yêu.

Thêm một lần nữa.

Cô dõi mắt nhìn theo những bậc tam cấp ở sảnh nhà thờ. Ánh sáng chiếu qua ô cửa sổ tròn trên cửa chính có hình Ngôi sao Bethlehem, soi tỏ khuôn mặt Roy, anh chàng mới gia nhập. Anh ta đang tán gẫu với một cô gái trong ca đoàn. Mấy ngày qua cô đã trăn trở nghĩ cách thu hút sự chú ý của anh ta, nhưng không nảy ra được ý tưởng nào khả dĩ. Cứ đến thẳng chỗ anh ta mà bắt chuyện thực ra cũng không phải là một khởi đầu tồi tệ. Cô chỉ phải chờ cơ hội tự gõ cửa mà thôi. Trong buổi tập tuần trước, bằng những lời lẽ rành rọt và to tát, anh ta đã kể về quá khứ của mình, về chuyện anh ta từng theo hệ phái Tin Lành Philadelphia ra sao, trở thành thành viên của chủ nghĩa Quốc xã mới như thế nào trước khi được cứu rỗi! Trong đám con gái có người từng nghe đồn anh ta có một hình xăm Quốc xã to tướng trên

người. Bọn họ đều cho rằng điều đó thật đáng sợ, vậy nhưng Marit lại cảm thấy ý nghĩ ấy khiến toàn thân cô run lên vì phấn khích. Trong thâm tâm cô hiểu rõ mình phải lòng ai kia chính là bởi lý do ấy. Cảm giác mới mẻ, lạ lẫm, niềm phấn khích tuyệt diệu dẫu ngắn chẳng tày gang. Cô biết, rồi cuối cùng cô vẫn sẽ phải chọn ở bên người khác. Một người như Kristian chẳng hạn. Kristian là quản ca. Bố mẹ anh ta là thành viên của giáo đoàn này, còn anh ta cũng mới đảm nhận vai trò giảng đạo tại những buổi họp dành cho giáo dân trẻ. Những người như Roy sớm muộn cũng trở thành kẻ bội giáo mà thôi.

Buổi tập tối nay kéo dài hơn thường lệ. Cả đội cùng luyện một bài hát mới, đồng thời duyệt lại gần như toàn bộ vốn tiết mục. Đó là điều Kristian vẫn làm khi có thành viên mới gia nhập, là cách để phô diễn trình độ họ giỏi tới thế nào. Thường thì ca đoàn tập trong phòng tập trên phố Geitmyrsveien, nhưng hiện chỗ đó đang đóng cửa nghỉ lễ nên họ đành mượn tạm nhà thờ Gamle Aker ở phố Akersbakken. Lúc này đã quá nửa đêm, buổi tập đã kết thúc từ lâu nhưng họ vẫn túm năm tụm ba bên ngoài nhà thờ. Tiếng nói chuyện rì rầm như tiếng đàn côn trùng vỗ cánh, dường như có điều gì đó sôi nổi lạ thường đang lan tỏa trong không gian của buổi tối ngày hôm nay. Lý do có lẽ là vì tiết trời nóng nực quá. Hoặc biết đâu là bởi các thành viên đã và sắp lập gia đình đều đã đi nghỉ hết, do vậy đám thanh niên khỏi phải chịu đựng thái độ bằng mặt mà không bằng lòng của bọn họ khi chứng kiến những màn tán tỉnh mà theo họ là đã phần nào vượt quá giới hạn. Marit buột ra bất cứ điều gì nảy ra trong tâm trí khi mấy cô bạn của cô cất tiếng hỏi bởi cô còn đang mải liếc mắt về phía Roy. Cô tự hỏi không biết hình xăm Quốc xã lớn như thế thì có thể nằm ở vị trí nào được nhỉ?

Một cô bạn khẽ huých cô và hất đầu về phía người đàn ông đang đi tới chỗ họ trên phố Akersbakken.

“Xem kìa. Một gã say,” có tiếng cô nàng nào đó thì thầm.

“Thật tội nghiệp,” cô khác nói.

“Họ là những linh hồn lầm lạc mà Chúa Jesus muốn cứu chuộc.”

Người vừa thốt ra câu ấy là Sotie. Đó là một trong những câu nói quen thuộc của cô ta. Ai nấy đều gật gù tán đồng. Marit cũng hùa theo. Và rồi cô nhận ra. Cơ hội của cô đã đến. Không chút do dự, cô rời khỏi chỗ mấy người bạn và bước tới đứng trước mặt gã đàn ông nọ.

Anh ta dừng lại, cúi đầu nhìn cô. Anh ta cao hơn so với cô dự tính.

“Anh có biết Chúa Jesus không?” Marit hỏi bằng giọng to tát và dõng dạc, kèm theo một nụ cười.

Người đàn ông này có khuôn mặt đỏ gay, ánh mắt đờ đẫn. Tiếng nói chuyện sau lưng cô bỗng im bặt, qua khóe mắt, cô nhác thấy Roy và mấy cô nàng đang đứng trên bậc tam cấp đều quay sang nhìn họ.

“Tiếc là tôi không biết,” anh ta khụt khịt đáp. “Và cả cô tôi cũng chịu, cô gái ạ, nhưng Roy Kvinsvik thì chắc cô biết chứ?”

Marit cảm thấy hai má nóng bừng, cô vốn định nói, *“Anh có biết lâu nay Người vẫn đang chờ đợi để được gặp anh không*?” nhưng lời chưa kịp thốt ra thì đã nghẹn lại trong cổ cô.

“Thế nào?” người đàn ông lạ mặt hỏi. “Anh ta có đến đây không?”

Cô đưa mắt nhìn mái đầu húi cua và đôi bốt của anh ta. Mặt cô bỗng đỏ lựng. Phải chăng người này cũng là phần tử Quốc xã mới, người quen cũ của Roy? Người đến để trừng phạt kẻ phản bội? Hay để thuyết phục anh ta quay về?

"Tôi…"

Nhưng người đàn ông kia đã tránh sang một bên để đi vòng qua cô.

Cô quay lại đúng lúc vừa kịp trông thấy Roy ba chân bốn cẳng chạy vào trong sảnh nhà thờ rồi đóng sầm cửa lại sau lưng.

Gã say rảo bước trên lối đi lạo xạo, thân trên nghiêng ngả như cột buồm trong con gió giật. Đến trước bậc tam cấp, anh ta trượt chân ngã khuỵu xuống.

"Lạy Chúa tôi…" một cô gái há hốc miệng kinh ngạc.

Người đàn ông gượng đứng dậy.

Marit nhìn thấy Kristian vội vã tránh đường khi người đàn ông lạ mặt chạy lên cầu thang. Anh ta đứng ở bậc trên cùng, lảo đảo và ngật ngưỡng. Trong giây phút ngắn ngủi, anh ta trông như sắp ngã ngửa đến nơi. Sau đó anh ta chế ngự được sức hút của trọng lực và giật lấy tay nắm cửa.

Marit đưa tay lên che miệng.

Anh ta đẩy cửa. May mà Roy đã khóa lại rồi.

"Mẹ kiếp!" Người đàn ông hét lên bằng chất giọng khàn khàn và say khướt. Anh ta ngả ra sau rồi bổ mạnh đầu về phía trước.

Một tiếng "rắc" của kính vỡ vang lên khô khốc khi trán anh ta đập vào ô cửa sổ hình tròn trên cánh cửa, những mảnh kính vỡ thi nhau rơi xuống bậc tam cấp.

"Dừng lại!" Kristian hét lên. "Không được…"

Người đàn ông quay lại, giương mắt nhìn Kristian. Một mảnh kính hình tam giác găm trên trán anh ta. Máu từ đó rỉ ra thành một dòng nhỏ xíu và rẽ đôi khi chảy xuống sống mũi.

Kristian không nói được gì nữa.

Người đàn ông mở miệng và tru lên một tràng. Âm thanh nghe sao lạnh buốt tựa như lưỡi dao thép. Rồi anh ta lại bắt đầu tấn công cánh cửa bằng cơn thịnh nộ mà trước giờ Marit chưa từng được chứng kiến, hai nắm đấm nện thình thình trên cánh cửa màu trắng và chắc chắn. Vừa tru lên như sói, anh ta vừa đập cửa hết lần này tới lần khác, dùng thịt da để đối đầu với gỗ. Những tiếng động phát ra hệt như tiếng rìu đẵn gỗ vang lên trong không gian thinh lặng của khu rừng buổi sớm mai. Sau đó anh ta bắt đầu chuyển sang đấm Ngôi sao Bethlehem bằng sắt rèn gắn trên ô cửa sổ hình tròn. Marit tưởng như đang nghe thấy tiếng da thịt rách toạc khi những vết máu bắn ra bắt đầu nhuốm đỏ cánh cửa trắng.

"Ai đó làm gì đi chứ," có người la lớn. Cô thấy Kristian lấy điện thoại di động ra.

Ngôi sao bằng sắt đã lỏng lẻo. Thế rồi, người đàn ông đột ngột khuỵu xuống.

Marit tiến lại gần. Những người còn lại đã lùi cả về phía sau, nhưng cô vẫn muốn bước tới gần hơn nữa. Tim cô đập dồn trong lồng ngực. Khi tới trước bậc tam cấp, Marit chợt cảm thấy bàn tay Kristian chạm vào vai mình, cô dừng lại. Cô nghe thấy tiếng người đàn ông thở dốc trên những bậc tam cấp, tựa hồ con cá bị mắc cạn. Thanh âm ấy nghe như tiếng anh ta đang khóc.

Mười lăm phút sau, khi cảnh sát tới nơi thì anh ta đang nằm lù lù một đống ở trước cửa. Họ xốc anh ta dậy, và anh ta mặc cho họ dẫn ra xe mà chẳng hề có chút phản kháng nào. Một nữ cảnh sát hỏi có ai muốn khiếu nại tổn thất

gì không nhưng chỉ nhận được những cái lắc đầu, bọn họ vẫn đang sốc nặng nên chẳng còn lòng dạ nào nghĩ đến ô cửa sổ bị đập vỡ.

Sau khi chiếc xe đi khuất, chỉ còn lại không gian ấm áp của đêm hè. Marit chợt có cảm giác như thể mọi chuyện chưa từng xảy ra vậy. Cô hầu như còn chẳng nhận ra Roy đã xuất hiện trở lại, tái mét và phờ phạc, rồi sau đó biến mất, hay vòng tay Kristian đang ôm lấy cô. Cô cứ chằm chằm nhìn ngôi sao biến dạng trên cửa sổ. Nó đã trở nên cong vẹo và méo mó, hai cánh sao một chĩa lên trên, một cong xuống dưới. Dẫu tiết trời oi bức là thế, cô vẫn kéo chiếc áo khoác trên vai cho sát lại quanh mình.

Lúc này đã quá nửa đêm từ lâu, bóng trăng lơ lửng in trên những ô cửa sổ của Sở Cảnh sát. Bjarne Møller băng qua bãi đỗ xe vắng tanh để đến khu tạm giam. Bước vào trong, ông nhìn quanh một lượt. Ba bàn lễ tân chẳng có ai trực, hai sĩ quan thì đang ngồi dán mắt vào chiếc ti vi trong phòng bảo vệ. Vốn là fan lâu năm của Charles Bronson, Møller nhận ra bộ phim đang chiếu. *Death Wish.* Ông cũng nhận ra sĩ quan lớn tuổi hơn trong hai người. Ông ta là Groth, có biệt danh "Mặt sầu" bắt nguồn từ vết sẹo màu nâu sậm chạy từ mắt trái tới gò má. Groth làm việc tại khu tạm giam đã từ lâu lắm rồi, ai cũng biết ông ta gần như là sếp ở đây.

"Này!" Møller lớn tiếng gọi.

Không buồn rời mắt khỏi màn hình ti vi, Groth giơ một ngón tay chỉ về phía viên sĩ quan trẻ hơn, anh ta miễn cưỡng quay người lại đối mặt với ông.

Møller trình thẻ cảnh sát, nhưng việc đó có vẻ không cần thiết. Bọn họ

thừa biết ông là ai rồi.

"Hole đâu?" ông nói lớn.

"Thằng ngu ấy hả?" Groth hừ mũi đúng lúc Charles Bronson giương súng bắt đầu màn trả thù.

"Hình như là buồng giam số năm," viên sĩ quan kia đáp. "Hỏi lại quản giáo ở đó nhé, nếu như ông tìm được."

"Cảm ơn," Møller nói và bước qua cánh cửa dẫn vào khu phòng giam.

Tại đây có khoảng một trăm buồng giam, số lượng phạm nhân thay đổi tùy theo mùa. Giờ rõ ràng đang là mùa thấp điểm. Møller không buồn ghé qua phòng quản giáo mà bắt đầu bước xuống những hành lang chạy dọc giữa các dãy buồng bằng kim loại. Tiếng chân ông vang vọng khắp không gian. Xưa nay ông rất ghét khu tạm giam này. Thứ nhất, việc giam nhốt con người ta vào đây đã là hết sức vô lý rồi. Thứ hai, nơi này bốc mùi hôi hám và mùi của những mảnh đời tan nát. Thứ ba, ông biết rõ những chuyện thường xảy ra ở đây. Chẳng hạn như cái lần một phạm nhân khiếu nại Groth dùng vòi cứu hỏa để hành mình. Cơ quan Điều tra Đặc biệt SEFO đã bác đơn khiếu nại khi họ kéo vòi ra và phát hiện nó chỉ dài bằng nửa quãng đường tới buồng giam, nơi được cho là đã diễn ra vụ xối nước. Dường như cả Sở Cảnh sát chỉ có đúng SEFO không biết chuyện Groth đã thẳng tay cắt ngắn đoạn ống cứu hỏa đi khi ông ta đánh hơi được vấn đề.

Cũng như tất cả những buồng giam khác, buồng giam số năm không có cả ổ khóa lẫn chìa, chỉ có một thiết bị đơn giản để mở cửa từ bên ngoài.

Harry đang ngồi trên sàn, vùi đầu vào hai bàn tay. Điều đầu tiên đập vào mắt Møller là dải băng quấn quanh bàn tay phải của Harry thấm đầy máu. Anh chậm rãi ngẩng lên nhìn ông. Trán anh dán băng cá nhân và cặp mắt sưng húp như đã khóc. Trong này có mùi nôn mửa.

“Sao cậu không nằm xuống giường mà nghỉ?” Møller hỏi.

“Không muốn ngủ,” Harry khẽ đáp bằng giọng không còn là chính anh. “Không muốn mơ.”

Møller nhăn mặt để giấu đi sự thật là cảnh tượng đó khiến ông thấy vô cùng bàng hoàng. Ông đã từng chứng kiến những lần tâm trạng của Harry đi xuống, nhưng chưa bao giờ tồi tệ đến mức ấy. Chưa bao giờ suy sụp.

Ông hắng giọng.

“Đi thôi.”

Groth “Mặt Sầu” và sĩ quan trẻ tuổi không thèm để mắt đến hai người lúc họ đi qua phòng bảo vệ, nhưng cái lắc đầu của Groth mà Møller nhác thấy đã đủ nói lên tất cả.

Ra tới bãi đỗ xe, Harry liền nôn thốc nôn tháo. Anh khom người, vừa nhổ phì phì vừa lầm bầm rủa sả trong lúc Møller châm một điếu thuốc lá và đưa nó cho anh.

“Bây giờ không phải giờ làm việc,” Møller nói. “Chuyện này coi như bỏ qua.”

Harry cười sặc sụa. “Cảm ơn sếp. Thật tốt khi biết tôi sẽ về vườn với tờ lý lịch sạch sẽ hơn chút đỉnh.”

“Đấy không phải lý do tôi nói vậy. Mà là bởi nếu không tôi sẽ buộc phải đình chỉ công tác cậu ngay lập tức.”

“Và tại sao lại không?”

“Tôi có việc cần đến một thanh tra như cậu xử lý trong vài ngày tới. Đúng hơn là, thanh tra như cậu lúc cậu tỉnh táo. Vì thế, vấn đề ở đây là liệu cậu có thể giữ được sự tỉnh táo ấy hay không.”

Harry đứng thẳng dậy và phả ra một làn khói thuốc.

“Sếp biết tôi có thể mà. Chỉ là tôi có muốn thế hay không?”

“Tôi không biết. Cậu có muốn không, Harry?”

“Sếp phải đưa ra được lý do cái đã.”

“Đúng. Tôi cũng cho là cậu cần phải có lý do.”

Møller trầm ngâm quan sát anh chàng điều tra viên của mình. Ông ngẫm lại tình hình lúc này. Họ đang đứng đây, ngay giữa bãi đỗ xe vắng hoe vào một đêm hè ở Oslo, dưới ánh sáng của vầng trăng trên cao và chiếc đèn đường chứa đầy xác côn trùng. Ông nghĩ đến tất cả những chuyện họ đã cùng nhau trải qua, tất cả những gì họ đã làm được, cũng như chưa làm được. Bao năm sát cánh bên nhau không lẽ lại kết thúc ở đây, trong tình cảnh như thế này, dù nghe thì có vẻ rất đỗi tầm thường, hai người cuối cùng cũng đường ai nấy đi ư?

“Kể từ khi quen cậu, tôi biết chỉ có một thứ duy nhất có thể khiến cậu tiếp tục cố gắng,” Møller nói, “và đó là công việc.”

Harry im lặng không đáp.

“Tôi có việc cho cậu đây. Nếu cậu muốn làm.”

“Và việc đó là…?”

“Hôm nay tôi nhận được thứ này đựng trong một chiếc phong bì chống sốc màu nâu. Sau đó tôi đã tìm mọi cách để liên lạc được với cậu.”

Møller xòe tay ra và chăm chú quan sát phản ứng của Harry. Ánh trăng cùng với ánh đèn đường soi sáng lòng bàn tay Møller cùng một chiếc túi nhựa của bên Pháp y.

“Ừm,” Harry nói. “Và phần thi thể còn lại thì sao?”

Trong túi là một ngón tay thon dài với lớp sơn móng màu đỏ. Trên đó có đeo một chiếc nhẫn, ổ đá của chiếc nhẫn có hình một ngôi sao năm cánh.

“Tất cả chỉ có thế,” Møller nói. “Ngón giữa bàn tay trái.”

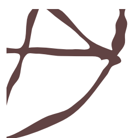
“Pháp y đã xác định được ngón tay của ai chưa?”

Bjarne Møller gật đầu.

“Nhanh vậy sao?”

Møller áp tay lên bụng và gật đầu lần nữa.

“Hiểu rồi,” Harry nói. “Vậy là của Lisbeth Barli.”





PHẦN BA



THỨ HAI



chạm

Em đang xuất hiện trên ti vi, người yêu dấu. Cả một bức tường ngập tràn hình ảnh em. Mười hai bản sao của em, tất cả cùng đồng loạt sóng bước, những hình bóng và sắc thái gần như không có chút khác biệt. Em đang trình diễn trên sàn catwalk ở Paris. Em dừng lại, đánh hông và nhìn xuống tôi bằng ánh mắt lạnh lùng đầy ác cảm đã luyện đến thuần thục, rồi quay lưng lại với tôi. Thật hiệu nghiệm. Lần nào sự hắt hủi cũng hiệu nghiệm như vậy đấy, em biết mà, phải không em yêu?

Thế rồi màn trình diễn kết thúc, và em ban cho tôi mười hai ánh nhìn nghiêm khắc trong lúc đọc mười hai bản tin giống hệt nhau, còn tôi thì mải mê đọc hai mươi tư cặp môi đỏ, nhưng em chỉ mấp máy trong câm lặng, tôi yêu em chính bởi sự câm lặng ấy.

Tiếp đó là hình ảnh lũ lụt xảy ra đâu đó ở châu Âu. Xem kìa, tình yêu của tôi, chúng ta đang bì bõm lội nước trên đường phố. Tôi quệt ngón tay lên màn hình, vẽ biểu tượng ngôi sao dành cho em. Ti vi dẫu đã chết nhưng ma sát giữa màn hình đầy bụi và ngón tay tôi vẫn còn đó. Tựa như luồng

điện truyền qua. Tựa như sự sống bị giam cầm. Và cái chạm của tôi khiến sự sống ấy trỗi dậy.

Một đỉnh của ngôi sao trùng với vỉa hè bên ngoài tòa nhà xây bằng gạch đỏ phía bên kia giao lộ, em yêu ạ. Tôi có thể đứng ở đây, trong cửa hàng ti vi, và quan sát tòa nhà ấy qua khoảng trống giữa những chiếc ti vi kia. Nơi này là một trong những giao lộ nhộn nhịp nhất ở Oslo, và thường ngày, những dãy ô tô sẽ xếp thành hàng dài, vậy nhưng hôm nay chỉ có đúng hai chiếc xe chạy trên hai ngả tỏa ra từ trung tâm giao lộ rải nhựa đường. Có đến năm ngã rẽ, em yêu ạ. Em đã nằm trên giường chờ tôi suốt cả ngày. Chỉ còn phải làm một việc này nữa thôi, rồi tôi sẽ về với em. Nếu em thích, tôi sẽ rút lá thư ấy ra từ phía sau bức tường và thì thầm vào tai em. "Hỡi người yêu dấu của tôi! Em luôn ngự trị trong tâm trí tôi. Môi kề môi, da kề da, cảm giác ấy vẫn còn đây."

Tôi đẩy cửa chuẩn bị bước ra ngoài. Ánh mặt trời ùa vào như thác lũ. Mặt trời. Thác lũ. Tôi sẽ sớm về bên em.

Ngày hôm nay mở đầu thật tệ hại với Møller.

Đêm hôm trước, ông đã phải tới khu tạm giam đón Harry, rồi sáng ra ông lại bị đánh thức bởi cơn đau quặn lên nơi cái dạ dày xẹp lép như một quả bóng chuyền bãi biển hết hơi.

Nhưng tình hình sắp tới sẽ còn tồi tệ hơn nhiều.

Tuy vậy, vào lúc chín giờ sáng, mọi chuyện xem ra cũng không đến nỗi nào khi anh chàng Harry mặt mũi rõ tỉnh táo bước vào phòng họp của Đội Hình sự trên tầng sáu. Lúc đó quanh bàn đã có mấy người ngồi: Tom

Waaler, Beate Lønn, bốn thanh tra của đội phụ trách mảng chiến thuật điều tra, ngoài ra còn có hai chuyên gia đồng nghiệp đang đi nghỉ thì bị triệu hồi về phá án từ đêm hôm trước.

"Chúc mọi người buổi sáng tốt lành," Møller lên tiếng. "Chắc các anh chị đều đã nắm được những gì chúng ta đang nắm trong tay lúc này: hai vụ án, có thể coi là án mạng, với những dấu hiệu cho thấy hung thủ của cả hai vụ án chính là một. Tóm lại, xem ra ta đang phải đối mặt với cơn ác mộng mà bất cứ ai trong nghề cũng có lúc gặp phải."

Møller đặt tấm phim đầu tiên lên đèn chiếu.

"Chúng ta có thể thấy, phía bên trái là ảnh chụp bàn tay phải của Camilla Loen với ngón trỏ bị chặt đứt. Còn bên phải là ngón giữa bàn tay trái của Lisbeth Barli, được gửi đến cho tôi qua đường bưu điện. Hiện chưa tìm ra thi thể để đối chiếu, tuy nhiên Beate vẫn xác định được ngón tay này bằng cách so sánh với dấu vân tay thu được tại căn hộ nhà Barli. Tinh thần, làm việc chủ động rất đáng khen, Beate."

Beate đỏ mặt, gõ gõ bút chì lên cuốn sổ tay trong lúc cố tỏ ra bình thản.

Møller chuyển sang tấm phim khác.

"Viên đá quý này được tìm thấy dưới mí mắt của Camilla, một viên kim cương màu đỏ hình ngôi sao năm cánh. Bên phải là chiếc nhẫn đeo trên ngón tay của Lisbeth. Các anh chị cũng thấy đấy, viên kim cương trên chiếc nhẫn có màu nhạt hơn, nhưng hình dạng thì giống hệt."

"Chúng tôi đã cố gắng truy tìm nguồn gốc viên kim cương thứ nhất," Waaler nói. "Nhưng không thu được kết quả gì. Ảnh chụp viên kim cương được gửi đến cho hai trong số những cửa hiệu chế tác kim cương quy mô nhất ở Antwerpen, song họ bảo rằng kỹ thuật cắt này có lẽ bắt nguồn từ một

nơi khác ở châu Âu. Họ cho là Nga hoặc miền Nam nước Đức."

"Chúng tôi đã liên hệ với một chuyên gia về kim cương làm việc tại tập đoàn De Beers, đầu mối thu mua kim cương thô lớn nhất thế giới hiện nay," Beate nói. "Cô ấy cho biết có thể sử dụng phương pháp phổ và chụp cắt lớp vi tầng để xác định chính xác nguồn gốc của kim cương. Tối nay cô ấy sẽ bay từ London sang đây hỗ trợ chúng ta."

Magnus Skarre, một trong những thanh tra trẻ gia nhập Đội Hình sự cách đây chưa lâu, giơ tay hỏi.

"Thưa sếp, quay lại với thông tin ban đầu, tôi không hiểu tại sao vụ này lại là cơn ác mộng nếu là án mạng kép cơ chứ. Rốt cuộc thì chúng ta chỉ phải truy tìm một thay vì hai tên sát nhân thôi mà, do đó mọi người ở đây có thể tập trung điều tra một mục tiêu duy nhất. Tôi nghĩ, tình hình đáng ra phải hoàn toàn trái ngược chứ ạ…"

Magnus Skarre nghe thấy một tiếng đằng hắng trầm trầm, mọi con mắt đều đổ dồn về phía Harry Hole đang ngồi lún mình trên ghế từ đầu buổi họp đến giờ.

"Cậu tên gì ấy nhỉ?" Harry hỏi.

"Magnus."

"Họ?"

"Skarre." Giọng anh ta có chút hậm hực. "Anh phải nhớ…"

"Không, Skarre, tôi chả nhớ. Nhưng cậu thì cố mà nhớ lấy những gì tôi sắp nói ra đây. Khi phải đương đầu với một vụ giết người có chủ đích, mà trong trường hợp này là đã được lên kế hoạch kỹ càng, các điều tra viên đều biết hung thủ nắm trong tay rất nhiều lợi thế hiển nhiên. Hắn có thể xóa sạch tất cả các chứng cứ pháp y, chuẩn bị sẵn bằng chứng ngoại phạm vững

chắc cho mình vào thời điểm gây án, phi tang hung khí, vân vân. Nhưng có một điều hắn không bao giờ có thể che giấu được. Và đó là gì nhỉ?"

Magnus Skarre chớp mắt lia lịa.

"Động cơ," Harry nói. "Đơn giản quá, đúng không? Động cơ gây án, đó là xuất phát điểm của mọi cuộc điều tra. Một yếu tố căn bản đến mức đôi khi chúng ta bỏ qua mất. Cho đến một ngày, bỗng dưng hắn từ đâu xuất hiện: kẻ giết người bước ra từ cơn ác mộng đáng sợ nhất đối với mọi thanh tra cảnh sát. Hoặc từ 'giấc mộng vàng', tất cả tùy thuộc vào cách nhìn nhận của mỗi người. Và ác mộng là ở chỗ hung thủ không có động cơ gây án. Hay nói đúng hơn, hắn không có động cơ gây án nào nằm trong giới hạn hình dung của con người."

"Chỉ là anh đang làm quá lên đấy thôi, đúng không thanh tra Hole?" Skarre đưa mắt nhìn mọi người quanh bàn. "Giờ vẫn chưa xác định được liệu có động cơ nào đằng sau hai vụ giết người này hay không."

Tom Waaler hắng giọng.

Møller nhận thấy cơ hàm Harry nghiến đanh lại.

"Nói đúng lắm," Waaler lên tiếng.

"Tất nhiên là tôi nói đúng rồi," Skarre đáp. "Rõ ràng…"

"Im đi, Skarre, tôi nói thanh tra Hole kìa. Chúng ta đã điều tra hai vụ này suốt mươi, mười lăm ngày qua mà không tìm ra bất cứ manh mối nào có thể cho thấy điểm chung giữa hai nạn nhân. Khi giữa họ chỉ có một mối liên hệ duy nhất là cách thức sát hại, thủ đoạn của hung thủ và những thứ kiểu như thông điệp dưới dạng mật thư, và rồi chúng ta bắt đầu nghĩ đến một từ mà tôi đề nghị chưa nên nói ra lúc này vội, tuy rằng mọi người cũng đã mường tượng trong đầu rồi. Tôi cũng đề nghị Skarre và những cậu trai mới chân ướt chân ráo ra trường từ giờ nên dựa cột mà nghe khi thanh tra

Hole phát biểu.”

Cả phòng lặng phắc như tờ.

Møller thấy Harry nhìn Waaler chằm chằm.

“Tóm lại,” Møller nói, “chúng ta đang ghi nhớ hai luồng suy nghĩ trong đầu cùng một lúc. Thứ nhất, chúng ta tiếp tục điều tra một cách bài bản, coi như đây là hai vụ án mạng thông thường. Thứ hai, cứ cho rằng chúng ta đang làm quá quá quá lên đi. Ngoài tôi, không ai được phép hở ra câu nào với báo giới. Năm giờ ta họp tiếp. Mọi người chia nhau làm việc đi.”

Người đàn ông đứng dưới ánh đèn sân khấu trong bộ trang phục thanh lịch, tay cầm chiếc tẩu kiểu Sherlock Holmes và nhấp nhỉnh gót chân trong lúc nhìn cô gái ăn mặc rách rưới trước mặt mình bằng ánh mắt thương cảm.

“Học phí cô định trả cho tôi là bao nhiêu?”

Người phụ nữ rách rưới hơi ngửa đầu ra sau và chống nạnh.

“Ồ, tôi biết giá chứ. Một cô bạn của tôi đã được một quý ông người Pháp đích thực chỉ dạy với giá mười tám pence một giờ. Ừm, ông dạy tôi tiếng mẹ đẻ của tôi thì không thể đòi hỏi cao như với tiếng Pháp được, vậy nên tôi sẽ không trả quá một shilling đâu. Nhận hay không tùy ông.”

Wilhelm Barli ngồi ở hàng ghế thứ mười hai và để mặc cho nước mắt cứ thế lăn dài trên má. Ông ta cảm thấy dòng lệ chảy xuống cổ, thấm ướt lồng ngực bên dưới chiếc sơ mi lụa kiểu Thái Lan; nước mắt mặn mòi khiến hai đầu ti hơi rát trước khi tiếp tục lan xuống bụng.

Dòng lệ vẫn không ngừng tuôn chảy.

Ông ta đưa tay lên bưng miệng để những tiếng nấc nghẹn ngào khỏi làm ảnh hưởng đến các diễn viên và vị đạo diễn sân khấu ngồi ở hàng ghế thứ năm.

Barli giật thót khi cảm thấy bàn tay ai đó đặt lên vai mình. Ông ta quay sang và bắt gặp một người đàn ông cao lớn đứng sừng sững bên cạnh. Dự cảm chẳng lành khiến ông ta chết trân tại chỗ.

"Có chuyện gì vậy?" ông ta khẽ hỏi bằng giọng nghèn nghẹn.

"Tôi đây," người đó thì thầm. "Harry Hole. Cảnh sát ấy mà."

Wilhelm Barli hạ tay xuống, chăm chú quan sát từng chi tiết trên khuôn mặt Harry.

"Dĩ nhiên rồi," ông ta nói bằng giọng nhẹ nhõm. "Xin lỗi thanh tra. Trong này tối quá. Tôi cứ tưởng…"

Người cảnh sát ngồi vào ghế bên cạnh Wilhelm.

"Tưởng gì?"

"Anh mặc toàn đồ đen."

Wilhelm lấy khăn mùi soa hỉ mũi.

"Tôi tưởng anh là linh mục. Một linh mục tới… báo tin xấu. Ngu ngốc quá phải không?"

Viên cảnh sát không đáp.

"Anh đến đúng lúc tâm trạng tôi đang khá dễ xúc động, thanh tra ạ. Hôm nay chúng tôi tổng duyệt buổi đầu tiên. Anh nhìn cô ta xem."

"Ai cơ?"

"Eliza Doolittle? Trên kia kìa. Khi trông thấy cô ta trên sân khấu, trong giây phút ngắn ngủi tôi cứ ngỡ người đang đứng đó là Lisbeth, và

chuyện cô ấy ra đi chỉ là một giấc mơ mà thôi."

Wilhelm hít thở sâu, toàn thân khẽ run rẩy.

"Nhưng rồi khi cô ta bắt đầu cất lời, Lisbeth của tôi bỗng tan biến."

Wilhelm phát hiện ra người cảnh sát bên cạnh mình đang đăm đăm nhìn lên sân khấu bằng ánh mắt ngỡ ngàng.

"Giống nhau đến khó tin phải không? Vì thế tôi mới mời cô ta. Vai diễn trong vở nhạc kịch này vốn thuộc về Lisbeth."

"Có phải kia là…?" Harry ngập ngừng hỏi.

"Phải, đó chính là chị ruột của cô ấy."

"Toya sao? Ý tôi là, Toy-A."

"Chúng tôi đã cố gắng giữ bí mật chuyện này. Vài giờ nữa chúng tôi sẽ có buổi họp báo."

"Ờ. Chắc sẽ thu hút được một phần dư luận đây."

Toya làm động tác xoay người nhưng chẳng may vấp chân và lớn tiếng chửi thề. Bạn diễn của chị ta giơ hai tay lên trời vẻ tuyệt vọng và đưa mắt cầu cứu đạo diễn.

Wilhelm thở dài.

"Dư luận không phải là yếu tố quyết định. Anh thấy đấy, còn nhiều việc phải làm lắm. Khả năng của cô ta có thể coi như viên ngọc thô chưa qua mài giũa, nhưng biểu diễn trên sân khấu Nhà hát Quốc gia đâu có giống như hát mấy ca khúc cao bồi tại nhà văn hóa của thị trấn bé tẹo nào đó ở miền Trung Na Uy đâu. Tôi mất đến hai năm mới luyện được cho Lisbeth kỹ năng trình diễn trên sân khấu, nhưng với cô ta thì chúng tôi sẽ phải đưa lên đó trong vòng hai tuần nữa."

"Nếu lúc này tôi đang làm phiền ông thì tôi sẽ cố gắng nói thật ngắn

gọn, thưa ông Barli.”

“Nói ngắn gọn ư?”

Wilhelm cố thăm dò nét mặt Harry trong bóng tối. Nỗi sợ hãi một lần nữa siết nghẹt lấy ông ta, và khi Harry mở miệng thì bản năng đã lập tức trỗi dậy khiến Barli vội vã xen ngang.

“Có phiền gì đâu, thanh tra. Tôi chỉ là nhà sản xuất thôi. Anh biết đấy, người chỉ đóng vai trò điều phối chung. Giờ đến phần việc của những người khác rồi.”

Ông ta huơ tay về phía sân khấu, đúng lúc nam diễn viên trong bộ trang phục bằng vải tweed dõng dạc tuyên bố, “Ta sẽ biến mớ giẻ rách này thành một nữ công tước!”

“Đạo diễn, thiết kế sân khấu, diễn viên,” Barli nói. “Kể từ ngày mai, tôi sẽ chỉ là người ngoài cuộc đứng xem vở…” Ông ta tiếp tục huơ tay trong không khí cho đến khi tìm được từ muốn nói, “… hài kịch này mà thôi.”

“À thì, tất cả chúng ta đều phải thử mới biết mình có tài cán gì được chứ.”

Wilhelm bật cười khô khốc, sau đó nín thinh khi thấy bóng dáng cái đầu vị đạo diễn đột ngột quay về phía họ. Ông ta nhoài người lại gần anh cảnh sát, hạ giọng thì thầm, “Anh nói đúng lắm. Tôi từng làm vũ công suốt hai mươi năm trời. Chẳng giấu gì anh, tôi cực kỳ tệ trong khoản nhảy múa, nhưng thể loại opera luôn thiếu vũ công nam trầm trọng nên chỉ cần trình độ nhảy nhót ở mức sơ đẳng là đều được nhận hết. Dù sao thì, cứ đến bốn mươi tuổi là bọn tôi giải nghệ và rồi tôi buộc phải xoay xở mưu sinh bằng cách khác. Lúc đó tôi mới phát hiện ra năng khiếu thực sự của mình là bố trí đội hình biểu diễn. Quản lý sân khấu, thanh tra ạ. Đó là việc duy nhất tôi

có năng lực. Nhưng anh biết sao không? Ai đời vừa nếm trải được chút ít thành công, chúng tôi đã lập tức trở thành những kẻ thảm hại. Mới làm được đôi ba tác phẩm suôn sẻ chúng tôi đã tưởng mình là thần thánh có thể xoay chuyển được càn khôn và rằng vạn sự đều nằm trong tay chúng tôi. Thế rồi một chuyện như thế này xảy ra, lúc đó chúng tôi mới biết mình vô năng đến mức nào. Tôi…”

Wilhelm đột nhiên im bặt.

“Tôi khiến ông cảm thấy chán quá à?”

Người đàn ông kia lắc đầu, đằng hắng một tiếng.

“Chuyện là về vợ ông.”

Wilhelm nhắm chặt mắt lại như thể đang chuẩn bị đón nhận một âm thanh lớn rất khó chịu.

“Chúng tôi nhận được một bưu phẩm. Trong đó có một ngón tay bị chặt đứt. Tôi e rằng ngón tay đó là của bà nhà.”

Wilhelm nuốt khan một cách đầy khó nhọc. Trước kia ông ta lúc nào cũng thấy mình là người đa sầu đa cảm, nhưng giờ đây ông ta có cảm giác nó lại đang sống dậy một lần nữa. Một khối u xuất hiện ở nơi tận cùng trái tim của ông ta kể từ cái ngày định mệnh ấy. Khối u đang ngày ngày đẩy ông ta đến gần hơn tới bờ vực điên loạn. Ông ta cảm thấy như thể nó cũng có màu sắc riêng, nỗi oán hận dường như có màu vàng thì phải.

“Anh biết gì không, thanh tra? Đó gần như là một nỗi nhẹ lòng. Ngay từ đầu tôi đã có linh cảm về chuyện đấy rồi. Rằng hắn sẽ làm hại cô ấy.”

“Làm hại ư?”

Wilhelm nhận ra trong giọng nói của người cảnh sát có chút ngạc nhiên đầy ái ngại.

"Anh có thể hứa với tôi một chuyện không, Harry? Tôi gọi anh là Harry được chứ?"

Người cảnh sát gật đầu.

"Hãy tìm ra kẻ đó. Anh phải tìm được hắn, Harry. Và trừng trị hắn. Thật nghiêm khắc. Anh hứa với tôi chứ?"

Wilhelm nghĩ mình thoáng thấy người đàn ông kia gật đầu, nhưng ông ta không dám chắc. Nước mắt nhạt nhòa khiến ông ta không nhìn rõ được gì.

Thế rồi người cảnh sát biến mất. Wilhelm hít một hơi thật sâu và cố gắng chuyển sự tập trung về lại phía sân khấu.

"Không! Tôi sẽ gọi cảnh sát, nhất định sẽ gọi," Toya la lớn.

Harry ngồi trong văn phòng, mắt dán xuống mặt bàn. Anh mệt tới mức không biết mình còn có thể làm nổi việc gì nữa không.

Những màn phiêu lưu xảy ra ngày hôm trước - mấy tiếng ngồi tù cộng thêm một đêm ác mộng giày vò khác - đã bắt đầu bòn rút sinh lực của anh. Nhưng cuộc gặp gỡ với Wilhelm Barli mới thực sự khiến anh kiệt sức. Kiệt sức khi phải ngồi đó, hứa hẹn rằng họ sẽ bắt được hung thủ, cố gắng kiềm chế khi Barli nói vợ ông ta bị "làm hại". Vì nếu có điều gì Harry biết chắc thì đó là Lisbeth Barli đã chết rồi.

Harry cảm thấy cơn khát rượu đang cuộn trào nhức nhối kể từ khoảnh khắc anh thức dậy sáng nay. Ban đầu là cảm giác cồn cào trong dạ dày theo bản năng, rồi chuyển sang sợ hãi đến hốt hoảng vì anh đã tự cách ly mình

với thuốc chữa khi rời nhà đi làm mà không đem theo cái chai nhỏ đeo bên hông, cũng chẳng có xu nào trong túi. Giờ đây, cơn nhức nhối ấy đang dần chuyển sang giai đoạn mới, vừa đau đớn cùng cực về thể chất vừa sợ hãi tột độ, sợ mình sẽ bị xé thành muôn mảnh. Kẻ thù của anh dưới kia đang giằng kéo xiềng xích, những con chó nhe nanh gầm gừ với anh từ bên dưới vực thẳm nằm đâu đó giữa dạ dày và trái tim. Chúa ơi, anh căm thù chúng biết mấy. Nhưng anh càng căm thù chúng bao nhiêu thì chúng cũng căm thù anh bấy nhiêu.

Harry gượng đứng dậy. Anh đã giấu nửa chai Bell trong tủ hồ sơ từ hôm thứ Hai. Không hiểu lúc này anh mới chợt nhớ ra hay là điều đó vẫn luôn nằm trong tâm trí anh suốt từ nãy đến giờ? Harry đã quá quen với cả trăm trò chơi khăm quái quỷ Harry bày ra để đùa bỡn Harry. Vừa định mở ngăn kéo thì anh đột nhiên ngẩng lên. Anh vừa nhác thấy có chuyển động. Ellen đang mỉm cười nhìn anh trong bức ảnh đằng kia. Là anh đã hóa điên hay thực tình miệng cô vừa mới cử động nhỉ?

"Nhìn cái gì, đồ quỷ?" anh lầm bầm, và một tích tắc ngay sau đó, bức ảnh treo trên tường bỗng rơi xuống sàn nhà, kính vỡ tan tành. Harry chằm chằm nhìn Ellen đang vô tư mỉm cười với anh trong khung ảnh vỡ. Anh ôm lấy bàn tay phải đau nhức nhối bên dưới lớp băng gạc.

Chỉ đến khi quay lại mở ngăn kéo anh mới để ý thấy hai người đang đứng ở ngưỡng cửa. Anh nhận ra rằng chắc hẳn họ đã đứng đó được một lúc và chuyển động mà anh trông thấy lúc trước là bóng họ trên tấm kính khung ảnh.

"Chào chú," Oleg nói, nhìn Harry bằng ánh mắt ngỡ ngàng xen lẫn sợ hãi.

Harry nuốt khan. Anh bỏ tay ra khỏi ngăn kéo.

“Chào Oleg.”

Oleg đang đi giày thể thao, mặc chiếc quần xanh có một dải màu vàng đặc trưng của đất nước Brazil. Harry vốn đã biết trên lưng áo của Oleg in số chín bên dưới cái tên Ronaldo. Chính anh là người đã mua bộ đồ này ở trạm xăng vào một ngày Chủ nhật trên đường cùng Rakel và Oleg tới núi Norefjell chơi trượt tuyết.

“Tôi thấy cậu bé dưới nhà,” Tom Waaler nói.

Anh ta đặt tay lên đầu Oleg.

“Nó đang đứng ở khu lễ tân xin được gặp anh, vì thế tôi dẫn nó lên đây. Cháu chơi bóng đá phải không, Oleg?”

Oleg không trả lời mà chỉ nhìn Harry. Bằng cặp mắt sẫm màu thừa hưởng của người mẹ, cặp mắt có lúc thì dịu dàng bất tận và lúc khác lại khắc nghiệt tột cùng, không chút từ bi. Lúc này đây Harry không biết ánh mắt ấy đang biểu lộ điều gì, nhưng cũng dễ hiểu thôi vì chúng đen thăm thẳm.

“Cháu là tiền đạo à?” Waaler hỏi, nhoẻn cười và xoa đầu thằng bé.

Harry đăm đăm nhìn những ngón tay mạnh mẽ, gân guốc của gã đồng nghiệp, những lọn tóc sẫm màu dựng đứng của Oleg nổi bật trên mu bàn tay rám nắng. Anh có thể cảm thấy chân mình như sắp khuỵu xuống.

“Không,” Oleg nói, mắt vẫn dán chặt vào Harry. “Cháu chơi ở vị trí hậu vệ.”

“Oleg này,” Waaler nói, hướng ánh nhìn dò hỏi về phía Harry. “Chú Harry còn phải ở đây tập nốt bài tập đấm gió - chú cũng hay làm thế khi có chuyện bực mình - nên hay là chú cháu mình lên sân thượng ngắm cảnh trong lúc chú Harry dọn dẹp một chút nhé?”

“Cháu sẽ ở lại đây,” Oleg tuyên bố chắc nịch.

Harry gật đầu.

“Vậy được. Rất vui được gặp cháu, Oleg.”

Waaler vỗ vai thằng bé rồi rời đi. Oleg vẫn đứng ở ngưỡng cửa.

“Làm thế nào cháu đến được đây?” Harry hỏi.

“Cháu đi tàu điện ngầm.”

“Một mình?”

Oleg gật.

“Mẹ cháu có biết cháu đến đây không?”

Oleg lắc đầu.

“Cháu không định vào sao?” Cổ họng Harry bỗng trở nên khô khốc.

“Cháu muốn chú quay về,” Oleg nói.

Bốn giây sau khi Harry nhấn chuông, Rakel đã giật mở tung cánh cửa. Cặp mắt cô tối đen vì giận dữ.

“Đi đâu mà giờ mới về?”

Trong giây lát, Harry tưởng câu hỏi đó dành cho cả hai chú cháu trước khi anh nhận ra ánh mắt cô lướt qua mình và chiếu thẳng vào Oleg.

“Con chẳng có ai chơi cùng,” Oleg nói, mặt cúi gằm. “Nên con bắt tàu điện ngầm vào thành phố.”

“Tàu điện ngầm. Con dám đi một mình sao? Nhưng làm thế nào…?”

Giọng Rakel nhỏ dần.

“Con lẻn đi lúc mẹ không để ý,” Oleg nói. “Con tưởng làm thế sẽ khiến mẹ vui. Vì mẹ bảo mẹ cũng muốn…”

Cô đột ngột ôm chầm lấy thằng bé.

“Có biết mẹ lo cho con đến thế nào không hả, ông tướng?” Cô ôm Oleg trong tay, nhìn Harry bằng ánh mắt trách cứ.

Rakel và Harry đứng bên hàng rào phía cuối vườn, ngắm nhìn thành phố Oslo và vịnh hẹp phía dưới. Không ai nói với nhau câu gì. Những chiếc thuyền buồm trông như những hình tam giác tí hon màu trắng nổi bật trên mặt biển xanh trong. Harry ngoái nhìn ngôi nhà phía sau lưng. Chim chóc cất cánh vút bay từ bãi cỏ, thoắt ẩn thoắt hiện giữa những tán lá trong vườn táo trước khung cửa sổ để mở. Đó là một ngôi nhà bề thế làm từ gỗ mộc màu đen - một ngôi nhà được xây dựng để thích hợp ở vào mùa đông thay vì là mùa hè.

Harry đưa mắt nhìn Rakel. Cô mặc áo khoác mỏng màu đỏ bằng vải bông cài kín cúc cổ bên ngoài chiếc váy xanh dương nhạt, để lộ đôi chân trần. Dưới ánh mặt trời, những giọt mồ hôi sáng long lanh trên làn da dưới sợi dây chuyền hình thánh giá - kỷ vật mẹ để lại cho cô. Harry trầm ngâm nghĩ, anh biết mọi điều về cô: hương thơm của chiếc áo khoác bằng vải bông, tấm lưng ong mềm mại ẩn sau lớp váy áo, mùi hương trên da khi những giọt mồ hôi mặn mòi còn vương lại, những nguyện vọng của cô trong cuộc sống và cả lý do vì sao cô im lặng.

Biết nhiều như thế nhưng cũng có ích gì đâu.

“Tình hình thế nào rồi?” anh hỏi.

“Ổn cả,” cô nói. “Em đã thuê một căn nhà gỗ nhỏ. Nhưng phải sang tháng Tám mẹ con em mới có thể chuyển đến được. Tại em đặt trễ quá.”

Giọng cô rất bình thản, khó lòng nhận ra hàm ý trách móc trong đó.

“Anh bị thương ở tay à?”

“Chỉ là rách da thôi,” Harry nói.

Một lọn tóc lơ thơ xòa xuống mặt cô theo làn gió. Anh cố ghìm lại khao khát được đưa tay vén nó lên.

“Em đã nhờ người qua định giá ngôi nhà hôm qua,” cô nói.

“Định giá? Em không định bán nhà đi đấy chứ?”

“Ngôi nhà quá lớn trong khi chỉ có hai người ở thôi, Harry ạ.”

“Ừ, nhưng em yêu căn nhà này mà. Em đã lớn lên ở đây. Và Oleg cũng vậy.”

“Điều đó em đâu cần anh phải nhắc. Vấn đề là ở chỗ, chi phí sinh hoạt vào mùa đông ở đây tốn gấp đôi so với dự tính của em. Và giờ phần mái cũng cần sửa sang lại. Ngôi nhà đã cũ quá rồi mà.”

“Ừm.”

Harry quan sát Oleg đá quả bóng về phía cửa gara. Sau đó thằng bé lại bồi thêm cú nữa và ngay khi bóng rời chân, nó liền nhắm mắt lại, giơ hai tay lên như đang chào đám người hâm mộ trong tưởng tượng.

“Rakel này.”

Cô thở dài.

“Có chuyện gì, Harry?”

“Ít nhất em cũng nên nhìn anh khi anh nói chuyện với em chứ?”

“Không.” Giọng cô không buồn mà cũng chẳng giận, cô chỉ đang nói sự thật thôi.

“Liệu có thay đổi được gì không nếu bây giờ anh từ bỏ?”

“Anh không thể từ bỏ được, Harry.”

“Ý anh là nghề cảnh sát ấy.”

“Em cũng đoán ra rồi.”

Anh lấy chân đá đám cỏ dưới mặt đất.

“Có thể anh không có quyền lựa chọn,” anh nói.

“Không ư?”

“Không.”

“Vậy sao anh còn hỏi em câu hỏi giả thuyết đó?”

Cô thổi nhẹ cho lọn tóc khỏi vướng.

“Anh có thể tìm một công việc khác bình lặng hơn, dành nhiều thời gian bên gia đình hơn, chăm sóc cho Oleg. Chúng ta có thể…”

“Thôi đi, Harry!”

Lời cô thốt ra nghe như tiếng roi quất. Cô cúi đầu, khoanh hai tay trước ngực như thể đang lạnh cóng dưới ánh mặt trời thiêu đốt.

“Câu trả lời là, không,” cô khẽ nói. “Làm thế cũng không thể thay đổi được bất cứ điều gì. Vấn đề ở đây không phải là công việc của anh. Mà là…”

Cô hít một hơi, quay lại và nhìn thẳng vào mắt anh.

“Mà là anh, Harry ạ. Anh chính là vấn đề.”

Harry trông thấy mắt cô ầng ậng nước.

“Anh về đi,” cô nói khẽ.

Anh định lên tiếng nói gì đó, nhưng rồi lại đổi ý. Thay vì thế, anh hất mặt về phía những chiếc thuyền buồm dưới vịnh hẹp.

“Em nói đúng,” anh đáp. “Anh chính là vấn đề. Anh sẽ qua nói chuyện với Oleg một lát rồi về.”

Bước được vài bước, anh bỗng dừng lại và ngoái nhìn.

“Đừng bán ngôi nhà này, Rakel. Nhất định không được bán, em hiểu không? Anh sẽ nghĩ cách khác giúp em.”

Cô mỉm cười trong làn nước mắt.

“Anh đúng là người đàn ông kỳ lạ,” cô thì thầm và chìa tay ra như định vuốt má anh, nhưng anh đã đi xa rồi, bàn tay cô lại buông thõng.

“Bảo trọng nhé, Harry.”

Lúc Harry ra về, một cơn rùng mình bỗng chạy dọc sống lưng anh. Đã năm giờ mười lăm phút rồi. Anh phải nhanh chóng quay về dự cuộc họp.

Tôi đang ở trong tòa nhà. Nơi này có mùi như mùi tầng hầm vậy. Tôi đang lặng lẽ đứng đọc những cái tên trên bảng tin trước mặt. Có tiếng nói và tiếng chân bước trên cầu thang, nhưng tôi không sợ. Họ không thể thấy được, nhưng tôi vô hình. Em có nghe thấy không? Họ không thể thấy được, nhưng… Đó không phải nghịch lý, em yêu ạ. Chỉ là tôi chọn cách nói nghe như thể nghịch lý vậy thôi. Mọi thứ trên đời đều có thể bị biến thành nghịch lý. Việc đó chẳng khó. Có điều, trên đời không tồn tại nghịch lý thực sự. Nghịch lý thực sự, ha ha. Em thấy chưa, dễ quá phải không? Chúng chỉ là những câu từ giản đơn, thiếu đi sự chính xác của ngôn ngữ. Từ giờ trở đi, tôi không còn dính dáng gì với câu từ. Với ngôn ngữ. Tôi đang xem đồng hồ đeo tay. Đây là ngôn ngữ của tôi. Thứ ngôn ngữ rõ ràng và không có nghịch lý. Tôi đã sẵn sàng.

THỨ HAI



barbara

Dạo gần đây, Barbara Svendsen bắt đầu hay nghĩ ngại về ý nghĩa của thời gian, nhưng thực ra cô vốn không phải là kiểu người suy tư triết lý, điều đó hoàn toàn trái ngược với hình tượng của cô trong mắt phần lớn người xung quanh. Lý do chỉ đơn giản là vì xưa nay cô chẳng mảy may để tâm đến thời gian bao giờ. Cô chưa từng nghĩ rằng cái gì cũng có thời của nó và thời gian ấy cứ ngày một vơi cạn. Vài năm trước cô nhận ra mình sẽ chẳng thể chạm tới giấc mơ trở thành một người mẫu và sẽ phải bằng lòng với danh hiệu "cựu mannequin". Từ đó nghe cũng khá hay dẫu nó bắt nguồn từ tiếng Hà Lan, nghĩa là "người đàn ông bé nhỏ". Điều này là Petter đã nói cho cô hay. Cũng như nhiều thứ khác anh ta nói với cô vì cho rằng cô nên biết. Anh ta đã xin cho cô làm ở quán bar Head On. Và bởi những viên thuốc lắc khiến cô cảm thấy không đủ sức để đi từ chỗ làm đến thẳng Đại học Blindern, nơi cô đang theo ngành xã hội học.

Vậy nhưng, thời gian dành cho Petter, những viên thuốc cùng giấc mơ trở thành nhà xã hội học rồi cũng khép lại. Một ngày nọ cô chợt nhận ra

mình hoàn toàn đơn độc, bên cạnh chỉ có khoản nợ tiền học phí của chương trình đại học dở dang và tiền thuốc cùng công việc tại quán bar chán nhất Oslo. Vậy là Barbara đã vứt bỏ tất cả, mượn tiền bố mẹ rồi lên đường tới Lisbon để làm lại cuộc đời và có lẽ là học thêm chút ít tiếng Bồ Đào Nha. Quãng thời gian ở Lisbon thật tuyệt. Ngày tháng cứ trôi vùn vụt, nhưng điều đó chẳng khiến cô phiền lòng. Thời gian chỉ đơn giản là thứ cứ đều đặn đến rồi đi, cho tới khi tiền không còn chảy vào túi, đến khi Marco không còn là "mãi mãi", và cuộc vui đã đến hồi kết. Trở về quê hương với chút ít kinh nghiệm giắt lưng, cô đã hiểu ra được đôi điều, chẳng hạn như thuốc lắc ở Bồ Đào Nha rẻ hơn ở Na Uy nhưng một khi đã dính vào thì cuộc đời nào cũng tan nát như nhau, tiếng Bồ Đào Nha là thứ ngôn ngữ quá hóc búa, và thời gian là nguồn tài nguyên hữu hạn không thể tái sinh.

Sau đó, cô lần lượt cặp kè với Rolf, Ron, Roland và để họ làm chỗ dựa cho mình. Nghe thì có vẻ vui song thực tế lại khác, trừ mối quan hệ với Roland. Roland rất tuyệt, nhưng thời gian qua đi, và Roland cũng thế.

Chỉ đến khi cô chuyển về sống trong căn phòng cũ của mình ở nhà bố mẹ thì thế giới quanh cô mới ngừng quay và thời gian trôi chậm lại. Cô không còn chơi bời, nỗ lực cai thuốc và bắt đầu cân nhắc ý định quay trở lại học tiếp. Trong thời gian đó, cô làm việc thời vụ cho công ty Manpower. Sau khi kết thúc hợp đồng một tháng với Halle, Thune & Wetterlid, công ty luật có địa chỉ tại quảng trường Carl Berners và địa vị loại làng nhàng trong giới thu hồi nợ, cô được mời làm việc chính thức.

Từ đó đến nay đã bốn năm.

Lý do Barbara nhận lời chủ yếu là vì cô phát hiện ra rằng thời gian ở các văn phòng của Halle, Thune & Wetterlid trôi đi chậm hơn so với tất cả những nơi khác cô từng làm việc qua. Sự chậm chạp ấy bắt đầu kể từ giây

phút người ta đặt chân vào tòa nhà xây bằng gạch đỏ này và nhấn nút thang máy lên tầng năm. Sau đó tiếp tục dài cổ chờ cửa khép lại và thang máy từ từ thăng thiên đến nơi mà ở đó, thời gian trôi thậm chí còn chậm hơn nữa. Từ chỗ ngồi lọt thỏm đằng sau bàn lễ tân, Barbara tha hồ theo dõi nhất cử nhất động của kim giây trên cái đồng hồ ở lối vào, đếm từng tiếng tích tắc đầy miễn cưỡng khi mỗi giây, mỗi phút, mỗi giờ trôi qua với tốc độ rùa bò. Có những ngày tưởng chừng cô chỉ cần tập trung cao độ là gần như có thể khiến thời gian hoàn toàn ngưng đọng. Điều kỳ lạ là ở chỗ, thời gian dường như trôi nhanh hơn nhiều đối với những người xung quanh cô, như thể bọn họ tồn tại trong những chiều không gian song song nào đó khác. Cái điện thoại trước mặt cô réo liên tục, kẻ đến người đi tấp nập chẳng khác nào nhân vật trong những bộ phim câm, nhưng mọi chuyện cứ như đang xảy ra tách biệt với thế giới của cô, như thể cô là một robot với những bộ phận máy móc hoạt động cũng nhanh như bao người khác, chỉ có thế giới nội tâm vận hành chậm hơn thôi.

Chỉ mới tuần trước chính là một ví dụ điển hình. Một văn phòng thu hồi nợ có quy mô tương đối lớn đã đột nhiên tuyên bố phá sản, khiến toàn thể công ty bắt đầu chạy náo loạn và nháo nhào gọi điện khắp nơi như mất trí. Wetterlid bảo cô giờ đang là mùa của những kẻ săn cổ phiếu mới trên thị trường và cũng là cơ hội vàng để đưa công ty vươn lên tầm vóc của những doanh nghiệp dẫn đầu. Lúc sáng, ông ta đã hỏi Barbara xem hôm nay cô có thể làm thêm giờ được không. Ông ta nói họ có mấy buổi họp với khách hàng của công ty bị phá sản kia đến tận sáu giờ, và hẳn ai cũng muốn mang lại cho khách hàng ấn tượng về một Halle, Thune & Wetterlid vô cùng có kỷ luật. Như thường lệ, miệng nói mà mắt Wetterlid cứ dán vào ngực cô, và cũng như thường lệ, cô mỉm cười đáp lễ rồi tự động ưỡn ngực theo lời dạy

của Petter hồi cô còn làm việc tại bar Head On. Hành động đó đã trở thành phản xạ. Tốt khoe xấu che mà. Hay ít ra đó là điều Barbara Svendsen học được. Cứ xem gã nhân viên giao nhận chọn đúng lúc đó để bước vào thì biết. Cô dám cá bên dưới cái mũ bảo hiểm, cặp kính phi công và chiếc khăn bịt mặt kia chẳng có gì đáng để khoe. Có lẽ vì thế gã mới không bỏ chúng ra. Thay vì vậy, gã bảo mình tự biết bưu kiện được chuyển đến cho phòng nào và chậm rãi đi xuống hành lang trong chiếc quần soóc bó sát của dân cua rơ để cô có thể nhìn thật rõ vòng ba chắc mẩy của gã. Một ví dụ khác là cô lao công sắp hết giờ làm. Cô ta là tín đồ Phật giáo, Ấn Độ giáo hoặc gì gì đó, và theo lời dạy của Thánh Allah, cô ta phải giấu kín thân thể sau những lớp vải vóc, nhưng cô ta có hàm răng tuyệt đẹp, vậy phải làm sao? Dĩ nhiên là đi khắp nơi phô ra nụ cười hệt như cá sấu "cắn thuốc". Phải khoe, khoe, và khoe.

Barbara đang chăm chú dõi theo chiếc kim giây trên mặt đồng hồ thì cửa văn phòng bật mở.

Người đàn ông vừa bước vào có vóc người tương đối thấp và đậm. Ông ta đang thở đầy nặng nhọc khiến cặp kính mờ cả đi, vì thế Barbara đoán ông ta đã leo cầu thang bộ. Hồi mới chân ướt chân ráo đi làm cách đây bốn năm, cô không tài nào phân biệt được một bộ đồ giá hai nghìn krone của Dressmann với hàng hiệu Prada, nhưng cứ học hỏi từ từ từng chút một và rồi giờ đây cô thừa sức đánh giá không chỉ váy vóc mà còn cả cà vạt và đặc biệt là giày - căn cứ chắc chắn nhất để cô xác định mức độ phục vụ của mình sẽ tận tình đến đâu.

Người lạ mới đến không tạo được ấn tượng đặc biệt gì cho lắm trong lúc ông ta đứng đó hì hụi lau cặp kính mắt. Thực tế, ông ta khiến cô liên tưởng đến gã mập trong chương trình hài *Seinfeld* mà cô không biết tên, vì

thực ra cô có xem *Seinfeld* bao giờ đâu. Tuy nhiên, nếu dựa vào trang phục mà đoán - và chúng thực sự là căn cứ chính xác - thì bộ vét mỏng sọc tăm cùng chiếc cà vạt lụa và đôi giày khâu tay kia hứa hẹn sẽ sớm mang lại cho Halle, Thune & Wetterlid một khách hàng tiềm năng.

“Chúc buổi tối tốt lành. Tôi có thể giúp được gì cho ông?” cô nói, nở nụ cười đẹp thứ nhì của mình. Nụ cười đẹp nhất sẽ để dành cho một ngày nào đó khi người đàn ông chỉ thuộc về cô xuất hiện.

“Tôi cũng mong là vậy,” ông ta mỉm cười đáp lễ, rút khăn mùi soa trong túi áo ngực ra lau trán. “Tôi sắp có một buổi họp tại đây, nhưng có lẽ trước tiên, cảm phiền cô lấy giùm tôi một cốc nước được không?”

Barbara cảm thấy hình như giọng nói của ông ta có âm sắc ngoại quốc, nhưng cô không xác định được là ở đâu. Dù sao đi nữa, cách nói vừa lịch sự lại vừa uy quyền ấy càng làm cô tin rằng vị khách này là miếng mồi béo bở.

“Tất nhiên rồi,” cô nói. “Xin chờ một lát.”

Trong lúc bước trên hành lang, cô chợt nhớ Wetterlid từng đề cập đến một khoản thưởng tiềm năng cho toàn bộ nhân viên nếu năm nay tổng doanh thu của công ty đạt chỉ tiêu mong muốn. Biết đâu đến lúc đó công ty có thể nghĩ đến chuyện tậu một chiếc máy làm lạnh nước như cô từng nhìn thấy ở những chỗ khác thì sao. Bỗng nhiên, một điều kỳ lạ và vô cùng hiếm hoi đã xảy ra. Thời gian đột ngột tăng tốc và lao vụt về phía trước. Tất cả chỉ diễn ra trong vòng có vài giây, sau đó nó lại trở về với tốc độ rùa bò. Thế nhưng, cô cảm thấy như thể có ai đó vừa tước đoạt mất mấy giây của mình vậy, thật khó hiểu.

Cô đi vào phòng vệ sinh nữ, vặn vòi nước ở một trong ba chiếc bồn rửa. Cô lấy một chiếc cốc nhựa trong tủ rồi giơ ngón tay dưới vòi nước và đứng chờ. Vẫn còn ấm. Người đàn ông đứng bên ngoài kia phải kiên nhẫn

đợi thôi. Trên radio có nói nhiệt độ nước biển ở Nordmarka hôm nay vào khoảng hai mươi hai độ. Nhưng nếu chịu khó xả ra một lúc đủ lâu thì nước chảy đến từ hồ Maridal sẽ mát lạnh sảng khoái. Vừa nhìn chằm chằm ngón tay mình, cô vừa tự hỏi sao có thể như vậy được. Nước mà lạnh quá thì ngón tay cô sẽ chuyển sang trắng bệch và gần như mất hết cảm giác. Ngón đeo nhẫn ở bàn tay bên trái. Đến khi nào cô mới được đeo nhẫn cưới nhỉ? Hy vọng là trước khi trái tim cô chuyển sang trắng bệch và mất hết cảm giác. Một luồng gió ùa đến rồi tan biến rất nhanh, nên cô không buồn ngoái lại. Nước vẫn còn ấm. Thời gian cứ trôi. Trôi đi mất, giống y như dòng nước này. Lại nghĩ linh tinh rồi. Hai mươi tháng nữa cô mới tròn ba mươi tuổi kia mà. Cô vẫn còn nhiều thời gian.

Một tiếng động vang lên khiến cô ngước nhìn lên. Trong gương, cô thấy hai cánh cửa trắng của hai buồng vệ sinh. Không lẽ vừa có người vào mà cô không biết?

Dòng nước chảy ra bỗng hóa lạnh băng khiến cô suýt giật mình. Những hang nước ngầm nằm sâu trong lòng đất. Phải, đó chính là nguyên nhân, là lý do vì sao nước lại lạnh đến thế. Cô đặt chiếc cốc bên dưới vòi và chẳng mấy chốc nước đã đầy lên tới miệng. Có điều gì đó thôi thúc cô hãy nhanh lên, mau rời khỏi đây. Nhưng vừa quay người lại thì chiếc cốc tuột khỏi tay cô, rơi xuống sàn.

“Tôi làm cô sợ à?”

Giọng nói toát lên vẻ quan tâm chân thành.

“Xin lỗi,” cô đáp, quên mất phải ưỡn ngực. “Hôm nay tôi hơi yếu bóng vía.” Cô cúi xuống nhặt chiếc cốc lên và nói thêm: “Mà thực tình, anh vào nhầm phòng vệ sinh nữ rồi.”

Chiếc cốc quay tròn rồi dừng lại với tư thế đứng thẳng rất ngay ngắn.

Bên trong vẫn còn sót lại một ít nước, khi đưa tay với lấy nó, cô trông thấy khuôn mặt của chính mình in bóng trên mặt nước trắng hình tròn. Bên cạnh khuôn mặt cô, ở mép ngoài của hình ảnh phản chiếu chật hẹp ấy, cô thấy thứ gì đó chuyển động. Một lần nữa thời gian dường như trôi chậm lại. Chậm đến vô cùng tận. Và một lần nữa cô bất chợt nhận ra cô đang nghĩ thời gian của mình sắp cạn rồi.

THỨ HAI



vena amoris

Chiếc Ford Escort sơn trắng đỏ han gỉ của Harry dừng lại trước cửa hàng bán ti vi. Hai ô tô cảnh sát và chiếc siêu xe thể thao màu đỏ của Waaler trông như bị ai đó vứt bừa trên những vỉa hè xung quanh giao lộ có cái tên rất kêu: quảng trường Carl Berners.

Harry đỗ xe, lấy ra cái đục màu xanh lục trong túi áo khoác mình và đặt lên ghế phụ. Vì đã tìm khắp nhà mà không thấy chìa khóa xe nên anh đành cầm theo đoạn dây thép cùng cái đục đi loanh quanh trong khu phố. Cuối cùng anh cũng thấy chiếc xe yêu dấu của mình trên phố Stensberggata. Và quả nhiên chùm chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa điện. Cái đục màu xanh lục thật là lợi hại trong việc bẻ cong cửa xe để anh luồn dây thép vào và mở chốt khóa.

Harry băng qua đường dù đèn tín hiệu dành cho người đi bộ vẫn đang đỏ. Anh bước thật chậm, cơ thể không cho phép anh đi nhanh. Dạ dày và đầu anh nhức nhối, lớp vải áo ướt đẫm mồ hôi cứ dính sát vào lưng. Lúc này đang là năm giờ năm mươi lăm phút, anh đã cố gắng cầm cự đến tận

bây giờ mà không đụng đến thuốc, nhưng anh không dám hứa hẹn điều gì với bản thân.

Tấm biển ở hành lang cho biết văn phòng công ty luật Halle, Thune & Wetterlid nằm trên tầng năm. Harry rên lên một tiếng. Anh liếc cái thang máy. Cửa trượt. Không có lưới kéo.

Thang máy này do công ty KONE sản xuất, khi hai cánh cửa kim loại bóng loáng khép lại, Harry tưởng như đang ở trong một hộp thiếc bị hàn kín. Anh cố gắng bỏ ngoài tai tiếng động cơ thang máy vang lên trong lúc chạy. Rồi anh nhắm mắt, nhưng lại vội vàng mở ra ngay khi những hình ảnh của Sis tái hiện ngay bên trong mí mắt.

Một sĩ quan mặc đồng phục mở cánh cửa dẫn vào khu văn phòng.

"Cô ta ở trong kia," anh ta nói và chỉ tay về phía hành lang nằm bên trái khu lễ tân.

"Có sĩ quan nào ở đây không?"

"Họ đang trên đường tới."

"Họ sẽ rất biết ơn anh nếu anh đi phong tỏa khu vực thang máy và cổng vào."

"Được thôi."

"Phòng Giám định Pháp y đã có ai đến chưa?"

"Có Li và Hansen. Họ đã tập hợp tất cả những người đang có mặt ở đây khi phát hiện ra nạn nhân và đang tiến hành thẩm vấn ở một trong những phòng họp."

Harry đi dọc hành lang. Những tấm thảm trải sàn mòn vẹt, những món đồ mô phỏng các bảo vật quốc gia theo trường phái lãng mạn đã bạc phếch theo thời gian. Công ty này chắc hẳn từng có thời làm ăn phát đạt. Mà cũng

có thể không.

Cửa phòng vệ sinh nữ đang khép hờ và các tấm thảm sàn đã nuốt mất tiếng bước chân của Harry khi anh tiến lại gần. Anh có thể nghe thấy giọng của Tom Waaler. Harry khựng lại ngay bên ngoài. Hình như Waaler đang nói chuyện điện thoại với ai đó.

"Nếu vụ này là do hắn thì rõ ràng từ nay hắn sẽ không thông qua chúng ta nữa. Được, để đó tôi giải quyết."

Harry đẩy cửa và trông thấy Waaler đang ngồi chồm hỗm. Anh ta ngẩng đầu lên.

"Chào Harry. Chờ tôi một phút nhé."

Harry đứng ở ngưỡng cửa, vừa quan sát hiện trường vừa lắng nghe tiếng nói xa xăm lạo xạo vang lên trong điện thoại di động của Waaler.

Phòng vệ sinh rộng rãi không ngờ, một chiều khoảng bốn mét và chiều còn lại là năm với hai buồng vệ sinh sơn trắng cùng ba chiếc bồn rửa tay cũng màu trắng lắp bên dưới tấm gương dài. Những bóng đèn neon trên trần hắt lên những bức tường trắng và sàn gạch trắng thứ ánh sáng chói gắt. Khung cảnh vắng bóng sắc màu gần như nổi bật hẳn lên. Có lẽ chính hậu cảnh như thế đã làm cho cái xác trông giống một tác phẩm nghệ thuật nho nhỏ, một mẫu vật trưng bày được sắp đặt tỉ mỉ. Nạn nhân là một phụ nữ trẻ có vóc người mảnh mai. Cô ta đang quỳ gối, trán áp lên sàn như đang cầu nguyện kiểu Hồi giáo, chỉ có điều hai cánh tay cô ta lại đặt dưới thân người. Chân váy công sở bị kéo lên cao, để lộ chiếc quần lọt khe màu vàng kem. Một dòng máu nhỏ màu đỏ sậm lan đi theo đường chỉ gạch trên sàn, từ đầu người phụ nữ tới miệng phễu thoát nước. Trông gần giống như ai đó vẽ thêm vào để tạo hiệu ứng tối đa vậy.

Thi thể được sắp đặt cân bằng, với năm điểm tựa: hai bàn chân, hai

đầu gối và trán. Bộ vét công sở cùng tư thế kỳ quặc và vòng ba phơi bày lộ liễu khiến Harry liên tưởng tới hình ảnh một cô thư ký đang chuẩn bị làm tình với sếp. Lại quy chụp nữa rồi. Ai biết được, có thể cô ta mới là sếp thì sao.

"Được thôi, nhưng chúng ta không thể giải quyết chuyện đó ngay bây giờ," Waaler nói. "Tối nay gọi lại cho tôi."

Viên thanh tra thám tử cất điện thoại vào túi áo trong nhưng vẫn giữ nguyên tư thế ngồi xổm. Harry nhận thấy anh ta đang đặt bàn tay còn lại trên làn da trắng của người phụ nữ, ngay dưới mép quần lót. Anh đoán là để lấy chỗ dựa.

"Ảnh chụp ra chắc là đẹp, nhỉ?" Waaler nói, như thể đọc được ý nghĩ trong đầu Harry.

"Cô ta là ai?"

"Barbara Svendsen, hai mươi tám tuổi, sống ở khu Bestum. Cô ta là lễ tân của công ty này."

Harry ngồi xổm xuống bên cạnh Waaler.

"Như anh thấy đấy, cô ta bị bắn từ phía sau đầu," Waaler nói. "Hung khí hẳn là khẩu súng nằm dưới bồn rửa đằng kia. Trên đó vẫn còn mùi thuốc súng."

Harry đưa mắt nhìn khẩu súng đen sì nằm lăn lóc trên sàn ở góc phòng. Một khối kim loại màu đen cỡ lớn gắn vào đầu họng súng.

"Một khẩu Česká Zbrojovka," Waaler nói. "Nhập từ Séc, ống giảm thanh được chế tác riêng."

Harry gật đầu. Anh rất muốn hỏi đó có phải là một trong những loại súng Waaler nhập về không. Hay có phải cuộc điện thoại vừa rồi có liên

quan đến nó.

“Tư thế thật quái lạ,” Harry nói.

“Đúng vậy, tôi đoán lúc đó cô ta đang cúi hoặc quỳ xuống và người đổ nhào về phía trước.”

“Ai đã phát hiện ra cô ta?”

“Một nữ luật sư của công ty. Phòng điều phối nhận được tin báo lúc năm giờ mười một phút.”

“Có nhân chứng không?”

“Những người được thẩm vấn từ nãy tới giờ không ai trông thấy điều gì cả. Không có chuyện gì bất thường xảy ra, không có nhân vật đáng ngờ nào đến và đi trong vòng một giờ qua. Một vị khách có lịch hẹn với một luật sư ở đây khai rằng Barbara đã rời khỏi khu lễ tân để đi lấy cho ông ta cốc nước vào lúc năm giờ kém năm và rồi không thấy quay trở lại.”

“Và cô ta vào đây lấy nước à?”

“Tôi đoán vậy. Phòng bếp cách khu lễ tân khá xa.”

“Nhưng không còn ai trông thấy cô ta đi từ khu lễ tân tới đây sao?”

“Hai người có phòng làm việc nằm giữa khu lễ tân và nhà vệ sinh thì đã ra về từ trước rồi. Những ai còn ở lại đều ngồi trong văn phòng riêng hoặc một trong mấy phòng họp.”

“Vị khách đó đã làm gì khi không thấy cô ta quay lại?”

“Ông ta có buổi họp lúc năm giờ, chờ mãi không thấy lễ tân trở ra, ông ta sốt ruột quá nên cứ thế đi vào trong cho tới khi tìm thấy văn phòng của luật sư đã hẹn trước.”

“Vậy là ông ta biết đường đi lối lại ở đây?”

“Không, ông ta nói đây là lần đầu tiên ông ta đến công ty này.”

"Ừm. Và ông ta là người cuối cùng chúng ta biết đã trông thấy cô ta còn sống?"

"Phải."

Harry nhận thấy bàn tay Waaler vẫn đang đặt ở đó.

"Như vậy án mạng chắc hẳn đã xảy ra trong khoảng thời gian từ năm giờ kém năm đến năm giờ mười một phút."

"Phải, có lẽ vậy."

Harry cúi nhìn cuốn sổ tay của mình.

"Anh có nhất thiết phải làm thế không?" anh thấp giọng hỏi.

"Làm gì?"

"Chạm vào cô ta."

"Anh không thích à?"

Harry không đáp. Waaler rướn người lại gần.

"Có phải anh đang ám chỉ anh chưa bao giờ chạm vào họ không, Harry?"

Harry cố gắng viết, nhưng cây bút không chịu nhúc nhích.

Waaler bật cười khẽ.

"Không cần trả lời đâu. Nhìn mặt anh là tôi biết được rồi. Tò mò chẳng có gì sai, Harry ạ. Đó là một trong những lý do chúng ta gia nhập ngành cảnh sát, đúng không? Sự tò mò và niềm háo hức. Chẳng hạn như muốn xem cảm giác sẽ thế nào khi sờ vào da của người vừa mới chết, khi xác không còn ấm nóng nhưng cũng chưa lạnh hẳn."

"Tôi…"

Harry đánh rơi cây bút khi Waaler chộp lấy cổ tay anh.

"Cảm nhận đi."

Waaler ấn tay anh lên đùi người phụ nữ đã chết. Harry thở nặng nhọc từng hơi qua đằng mũi. Phản xạ đầu tiên thôi thúc anh rụt tay lại, nhưng anh không làm vậy. Tay Waaler vừa ấm vừa khô, nhưng làn da anh ta thì chẳng giống da người. Cảm giác cứ như thể anh đang cầm cao su vậy. Thứ cao su âm ấm.

"Anh có cảm thấy không? Đó là niềm phấn khích đấy, Harry. Nó cũng hấp dẫn anh, đúng chứ? Nhưng làm sao anh có thể tìm lại nó một khi công việc này chấm dứt? Liệu anh có làm như bao gã đàn ông tội nghiệp khác? Tìm kiếm nó trong những cửa hàng băng đĩa hoặc dưới đáy một trong những chai rượu của mình? Hay là anh muốn có nó trong đời thực? Hãy cảm nhận đi, Harry. Đây là thứ chúng tôi đang dâng cho anh đấy. Đời thực. Anh có đồng ý không?"

Harry đằng hắng.

"Tôi chỉ muốn nói là Đội Pháp y hẳn sẽ muốn khám nghiệm trước khi để chúng ta chạm vào bất cứ thứ gì."

Waaler nhìn Harry rất lâu. Sau đó anh ta vui vẻ chớp mắt và buông tay anh ra.

"Phải rồi. Tôi sơ suất quá."

Waaler đứng dậy và rời khỏi phòng.

Bất chấp cơn đau quặn thắt nơi dạ dày tiếp tục chế ngự, Harry vẫn cố gắng hít những hơi thật sâu và giữ bình tĩnh. Beate sẽ không bao giờ tha thứ cho anh nếu anh nôn đầy ra hiện trường án mạng của cô.

Anh áp má lên những ô gạch lát sàn mát rượi và vén áo khoác của Barbara lên xem mình có thể tìm thấy được những gì bên dưới cô ta. Và rồi

anh trông thấy một chiếc cốc màu trắng kẹp giữa hai đầu gối cô ta cùng bên dưới đường cong mềm mại ở phần thân trên. Nhưng bàn tay cô ta mới thực sự là điều khiến anh phải chú ý.

“Mẹ kiếp,” Harry khẽ lẩm bẩm. “Mẹ kiếp.”

Lúc sáu giờ hai mươi phút, Beate hớt hải chạy vào khu văn phòng công ty Halle, Thune & Wetterlid. Harry đang ngồi trên sàn, lưng dựa vào bức tường bên ngoài phòng vệ sinh nữ, uống nước bằng một chiếc cốc nhựa trắng.

Beate dừng lại trước mặt anh, đặt mấy cái hộp kim loại xuống, đưa mu bàn tay quệt ngang vầng trán đỏ gay, lấm tấm mồ hôi.

“Xin lỗi. Tôi đang nằm trên bãi biển ở Ingierstrand thì nhận được tin báo. Trước tiên tôi phải quay về nhà thay quần áo rồi mới lái xe đến Kjølberggata lấy đồ nghề. Chả hiểu tên dở hơi nào ra lệnh phong tỏa thang máy, làm tôi phải lóc cóc leo cầu thang lên đây.”

“Hừm. Chắc là cái người cô vừa nhắc đến đó muốn bảo vệ chứng cứ thôi. Lũ lều báo đã sục mũi vào đây chưa?”

“Có vài gã phóng viên đang ngồi sưởi nắng bên ngoài kia. Nhưng ít thôi. Đang kỳ nghỉ mà.”

“E rằng kỳ nghỉ đến đây là kết thúc.”

Beate nhăn mặt.

“Ý anh là…?”

“Cô vào đây.”

Harry vào phòng vệ sinh trước cô và ngồi xuống chồm hỗm.

“Nhìn dưới thân người cô ta đi, bàn tay trái ấy. Ngón đeo nhẫn của cô ta đã bị cắt cụt.”

Beate rên lên.

“Máu chảy không nhiều,” Harry nói. “Như vậy nghĩa là ngón tay đã bị cắt sau khi cô ta chết. Rồi còn thứ này nữa.”

Anh vén lọn tóc trên tai trái của Barbara.

Beate chun mũi, nói: “Một chiếc khuyên tai ư?”

“Hình trái tim. Khác hẳn với chiếc khuyên bạc ở tai bên kia. Tôi đã tìm thấy chiếc khuyên bạc còn lại ở trên sàn trong một buồng vệ sinh. Chứng tỏ hung thủ đã đeo chiếc khuyên hình trái tim cho cô ta. Hay ho là ở chỗ chiếc khuyên có thể mở ra được. Như thế này này. Thứ nằm bên trong đó lạ quá phải không?”

Beate gật đầu.

“Một viên kim cương màu đỏ hình ngôi sao năm cánh,” cô nói.

“Vậy bây giờ chúng ta có gì nhỉ?”

Beate đưa mắt nhìn anh.

“Bây giờ chúng ta có thể nói to mấy từ đó được rồi chứ?” cô hỏi.

“Sát nhân hàng loạt?”

Lời Bjarne Møller thốt ra khẽ đến mức Harry vô thức áp chặt điện thoại vào tai hơn.

“Chúng tôi đang ở hiện trường và mô thức vẫn vậy,” Harry nói. “Sếp

sẽ phải chuẩn bị dần và hủy kỳ nghỉ này đi thôi. Chúng ta sẽ cần huy động được càng nhiều người càng tốt.”

“Liệu có phải có kẻ bắt chước cách thức gây án không?”

“Không thể nào. Chỉ có chúng ta biết về chi tiết ngón tay bị cắt cụt và những viên kim cương.”

“Thế này thật bất tiện quá, Harry.”

“Án giết người hàng loạt mà tiện thì hiếm lắm sếp ạ.”

Møller im lặng giây lát.

“Harry này?”

“Tôi vẫn đang nghe đây, sếp.”

“Tôi định nhờ cậu dành mấy tuần cuối cùng để hỗ trợ Tom Waaler phá vụ án này. Ở Đội Hình sự chỉ có cậu là có kinh nghiệm xử lý những vụ giết người hàng loạt thôi. Tôi biết thế nào cậu cũng từ chối, nhưng tôi vẫn phải hỏi. Để chúng ta bước đầu có sự chuẩn bị, Harry ạ.”

“Được thôi, sếp.”

“Việc này quan trọng hơn mối bất hòa giữa cậu và Tom… Cậu vừa bảo gì cơ?”

“Tôi bảo không sao cả.”

“Cậu nói thật chứ?”

“Thật. Mà giờ tôi phải cúp máy đây. Chúng tôi sẽ ở đây gần như cả tối, vì vậy tốt nhất sếp nên bố trí buổi họp đầu tiên để trao đổi về vụ này vào sáng mai. Tom đề nghị họp lúc tám giờ.”

“Tom á?” Møller sửng sốt hỏi.

“Tom Waaler.”

“Tôi biết rồi. Chẳng qua tôi chưa nghe cậu gọi cậu ta bằng tên thánh

bao giờ thôi.”

“Mọi người đang chờ tôi đấy, sếp.”

“Được rồi.”

Harry đút điện thoại vào túi, ném cái cốc nhựa vào thùng rác, chui vào một buồng trong phòng vệ sinh nam, khóa cửa lại rồi bám lấy bồn cầu và nôn thốc nôn tháo.

Sau đó, anh đứng trước bồn rửa, mở vòi nước và nhìn mình trong gương. Anh lắng nghe tiếng nói chuyện rì rầm từ ngoài hành lang. Trợ lý của Beate đang yêu cầu những người có mặt lùi ra phía sau hàng rào phong tỏa, Waaler thì lệnh cho các sĩ quan cảnh sát tìm hiểu xem những ai đã có mặt trong khu vực xung quanh tòa nhà, Magnus Skarre lớn tiếng với một đồng nghiệp nào đó vì thứ anh ta muốn là burger phô mai không có khoai tây chiên.

Khi nước lạnh cuối cùng cũng chảy ra, Harry hứng mặt dưới vòi. Anh để mặc cho nước tràn ra má, chui vào tai, lan xuống cổ, chảy vào trong sơ mi, đi qua vai và xuống cánh tay. Anh uống lấy uống để, quyết không nghe lời kẻ thù đang ẩn sâu trong mình. Rồi anh lại chạy vào buồng vệ sinh nôn tiếp.

Ngoài kia, đêm đã buông xuống rất nhanh, quảng trường Carl Berners vắng tanh vắng ngắt khi Harry bước ra khỏi tòa nhà, châm một điếu thuốc và giơ tay ngăn một kẻ trong đám kền kền đưa tin đang tiếp cận mình. Người đàn ông đó dừng lại. Harry nhận ra anh ta. Tên anh ta là Gjendem phải không nhỉ? Anh đã nói chuyện với anh ta sau khi phá vụ án ở Sydney. Gjendem chẳng tệ hơn những kẻ khác trong nghề, mà thậm chí có khi còn tử tế hơn một chút.

Hiệu bán ti vi vẫn đang còn mở cửa. Harry bước vào. Bên trong không

có ai ngoài một người đàn ông béo mập mặc chiếc sơ mi vải flannel bẩn thỉu đang ngồi đọc báo phía sau quầy thanh toán. Trên quầy có một cái quạt điện đang thổi gió quanh những lọn tóc được chải chuốt hết sức tỉ mỉ nhằm che đi cái đầu hói, khiến mùi mồ hôi của ông ta bay ra khắp cửa hàng. Ông ta khụt khịt mũi khi Harry trình thẻ cảnh sát và hỏi ông ta có nhìn thấy người nào có dấu hiệu khả nghi lảng vảng bên trong hoặc bên ngoài cửa hàng không.

"Ở đây ai cũng khả nghi hết," ông ta nói. "Cái khu này sắp thành xóm liều đến nơi rồi."

"Có ai trông như đang âm mưu giết người không?" Harry cộc lốc hỏi.

Ông chủ cửa hàng nheo một mắt. "Có phải vì vậy mà quanh đây lắm xe cảnh sát đến thế không?"

Harry gật đầu.

Ông ta nhún vai rồi bắt đầu đọc báo tiếp.

"Trên đời ai mà chẳng có đôi lần nảy sinh ý nghĩ giết người chứ, hạ sĩ."

Đang trên đường trở ra thì Harry chợt dừng bước khi trông thấy hình ảnh ô tô của chính mình trên màn hình một chiếc ti vi. Camera quét một lượt qua quảng trường Carl Berners và dừng lại ở tòa nhà xây bằng gạch đỏ. Sau đó trên ti vi lại phát tin tức đài TV2, tiếp đến là chương trình thời trang. Harry rít mạnh điếu thuốc lá và nhắm mắt lại. Rakel đang tiến về phía anh trên một sàn catwalk, không, mười hai sàn catwalk mới đúng. Cô đi xuyên qua bức tường trưng bày những chiếc ti vi để tới đứng trước mặt anh, hai tay chống hông. Cô nhìn anh đăm đăm giây lát rồi hất đầu, quay người và bỏ đi. Harry lại mở mắt ra.

Lúc này là tám giờ tối. Anh cố không nhớ đến quán bar trên phố

Trondheimsveien ở gần đây. Đó là quán rượu được cấp phép.

Phần khó khăn nhất của buổi tối còn đang chờ anh ở phía trước.

Đấy là chưa kể khi đêm về.

Lúc mười giờ tối, dù nhiệt kế đã thương tình hạ xuống hai độ nhưng tiết trời vẫn oi bức và không có gì thay đổi, nó đang ngóng trông một làn gió từ biển, từ đất liền, hoặc từ đâu cũng được. Đội Pháp y đã ra về hết, chỉ duy nhất phòng Beate còn sáng đèn. Vụ giết người ở quảng trường Carl Berners khiến ngày hôm nay của cô đảo lộn tùng phèo hết cả và Beate vẫn đang ở hiện trường khi anh chàng đồng nghiệp Bjørn Holm gọi điện báo với cô rằng có một phụ nữ đang chờ gặp cô ở khu lễ tân, chị ta là chuyên viên của tập đoàn De Beers tới đây để giám định mấy viên kim cương nào đó.

Beate tất tả quay về, lúc này, sự tập trung của cô đều dồn cả vào người phụ nữ thấp bé tràn đầy năng lượng đứng trước mặt mình, chị ta đang trao đổi với cô bằng thứ tiếng Anh thật hoàn hảo đối với một người Hà Lan định cư tại London.

“Xét về mặt lý thuyết, kim cương có những dấu hiệu địa lý đặc trưng giúp chúng ta có thể lần ngay ra được chủ sở hữu thực sự của chúng, vì giấy chứng nhận đi kèm với mỗi viên kim cương sẽ được phát hành để chứng minh nguồn gốc của nó. Nhưng tôi e rằng trong trường hợp này là không thể.”

“Vì sao vậy?” Beate hỏi.

“Vì hai viên kim cương tôi vừa kiểm tra là loại kim cương máu.”

"Vì chúng có màu đỏ ư?"

"Không, mà vì rất có thể chúng có nguồn gốc từ những mỏ Kiuvu ở Sierra Leone. Toàn thể giới mua bán kim cương trên thế giới đều tẩy chay kim cương từ Sierra Leone vì các mỏ kim cương ở đó là do những lực lượng nổi dậy kiểm soát, chúng xuất khẩu kim cương để lấy kinh phí phục vụ cho cuộc chiến không phải vì mục đích chính trị, mà vì tiền. Bởi vậy mới có cái tên kim cương máu. Tôi tin rằng hai viên này là kim cương mới, có lẽ được buôn lậu từ Sierra Leone sang nước khác, tại đó người ta làm giả giấy chứng nhận xuất xứ từ những mỏ kim cương có tiếng, như Nam Phi chẳng hạn."

"Chị có biết chúng được buôn lậu tới đâu không?"

"Phần lớn kim cương máu đều đổ về các nước cộng sản cũ. Khi Bức màn sắt bị phá bỏ, những kẻ chuyên làm giấy tờ tùy thân giả đã buộc phải xoay cách khác kiếm cơm. Mà tiền công làm giấy chứng nhận kim cương cho giống thật cũng không hề rẻ. Nhưng đó không phải căn cứ duy nhất khiến tôi đoán chúng bắt nguồn từ Đông Âu."

"Vậy sao?"

"Trước đây tôi từng trông thấy những viên kim cương hình ngôi sao như thế này rồi. Chúng được nhập lậu từ Cộng hòa Dân chủ Đức cũ và Tiệp Khắc. Cũng như hai viên này, chúng được chế tác thành kim cương loại hai."

"Loại hai ư?"

"Kim cương đỏ trông thì đẹp nhưng lại rẻ hơn kim cương trắng, hay loại trong suốt không màu. Trong hai viên đá các cô tìm thấy vẫn còn sót lại một lượng khá lớn cacbon không kết tinh, độ tinh khiết của chúng vì thế cũng kém hơn. Nếu phải cắt bỏ quá nhiều kim cương để tạo hình ngôi sao

thì ngay từ đầu người ta sẽ không dùng kim cương hảo hạng.”

“Vậy là từ Đông Đức và Tiệp Khắc.” Beate nhắm mắt lại.

“Đó chỉ là suy đoán theo kinh nghiệm của tôi thôi. Nếu không còn việc gì khác, tôi vẫn có thể bắt kịp chuyến bay đêm về London…”

Beate mở mắt ra và đứng dậy.

“Mong chị thứ lỗi. Hôm nay quả là một ngày dài tất bật. Chị đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Vô cùng cảm ơn chị vì đã tới tận đây.”

“Có gì đâu. Tôi chỉ mong mình có thể giúp cảnh sát tìm ra kẻ đã gây nên chuyện này thôi.”

“Chúng tôi cũng mong là như vậy. Để tôi gọi taxi cho chị nhé.”

Trong lúc chờ tổng đài Oslo Taxi bắt máy, Beate chợt thấy ánh mắt cô chuyên gia kim cương đang dán vào bàn tay phải cầm điện thoại của cô. Beate mỉm cười.

“Cô có viên kim cương đẹp quá. Trông như nhẫn đính hôn vậy.”

Beate tự dưng đỏ mặt mà chẳng hiểu vì sao.

“Tôi chưa đính hôn. Đây là nhẫn cầu hôn bố tôi tặng mẹ tôi. Tôi được thừa hưởng lại nó khi mẹ tôi mất.”

“Ra vậy. Thảo nào cô đeo nó ở tay phải.”

“Tay phải?”

“Đúng thế, thường thì người ta đeo nhẫn ở tay trái. Hay chính xác là ngón giữa bàn tay trái.”

“Ngón giữa ư? Tôi tưởng ngón đeo nhẫn là ngón áp út?”

“Không đâu, nếu cô có cùng những niềm tin tín ngưỡng với người Ai Cập.”

“Và tín ngưỡng đó như thế nào?”

“Họ cho rằng tĩnh mạch tình yêu, hay *vena amoris,* chạy từ trái tim tới tận ngón giữa bàn tay trái.”

Sau khi taxi đến nơi và vị khách rời đi, Beate đứng ngẩn ra nhìn tay mình hồi lâu, chính xác là nhìn ngón giữa bàn tay trái.

Rồi cô gọi điện cho Harry.

“Khẩu súng cũng được nhập từ Séc,” Harry nói khi nghe cô kể xong.

“Có thể trong vụ này có uẩn khúc gì đây,” Beate nói.

“Có thể lắm,” anh đáp. “Vừa rồi cô bảo cái mạch máu ấy gọi là gì nhỉ?”

“Vena amoris.”

“Vena amoris,” Harry lẩm nhẩm. Sau đó anh cúp máy.

THỨ HAI



đối thoại

Em đang chìm vào giấc ngủ. Tôi áp tay lên khuôn mặt em. Em có nhớ tôi không? Tôi hôn lên bụng em. Nụ hôn đi dần xuống dưới và em bắt đầu cựa mình. Như những đợt sóng dập dờn. Như vũ điệu của bầy tinh linh bé nhỏ. Em lặng im không nói. Giả vờ như đang ngủ. Giờ thức dậy thôi nào, em yêu. Tôi tìm được em rồi.

Harry ngồi bật dậy trên giường. Mấy giây sau anh mới hiểu ra mình vừa bị đánh thức bởi tiếng thét của chính mình. Anh đưa mắt nhìn khung cảnh tranh tối tranh sáng, chăm chú quan sát những cái bóng quẩn quanh nơi rèm cửa và tủ quần áo.

Anh lại ngả đầu xuống gối. Vừa rồi anh mơ thấy gì nhỉ? Anh thấy mình ở trong một căn phòng tăm tối. Có hai người đang xích lại gần nhau trên giường. Khuôn mặt họ đã bị che khuất mất. Anh bật đèn pin lên và vừa

chiếu đèn về phía họ thì liền bị tỉnh giấc bởi chính tiếng thét của mình.

Harry nhìn những con số điện tử của chiếc đồng hồ trên kệ đầu giường, vẫn còn hai tiếng rưỡi nữa mới đến bảy giờ. Khoảng thời gian ấy đủ để giấc mơ dẫn ta vào địa ngục rồi lại quay trở về. Nhưng anh phải ngủ tiếp. Nhất định thế. Anh hít một hơi thật dài như thể chuẩn bị lao mình xuống nước sâu, và nhắm mắt lại.

THỨ BA



hồ sơ

Harry chăm chú nhìn kim giây của cái đồng hồ treo phía trên đầu Tom Waaler.

Họ phải mượn thêm ghế mới đủ cho những người đang có mặt tại phòng họp lớn nằm trong khu vực xanh lục của tầng sáu. Bao trùm khắp phòng là một bầu không khí gần như trang nghiêm: không có tiếng nói chuyện, không ai uống cà phê, cũng chẳng đọc báo, chỉ thấy người ta hí hoáy ghi chép, lặng lẽ chờ cho kim giờ nhích dần tới số tám. Harry đếm được cả thảy mười bảy cái đầu, như vậy nghĩa là chỉ thiếu duy nhất một người. Tom Waaler đứng đằng trước, hai tay khoanh lại, mắt đang nhìn chằm chằm cái đồng hồ Rolex của anh ta.

Kim giây của chiếc đồng hồ treo tường dịch chuyển rồi dừng lại, khẽ rung rinh, sau đó chỉ thẳng lên trời.

"Chúng ta bắt đầu thôi," Tom Waaler nói.

Có tiếng sột soạt vang lên khi mọi người đồng loạt ngồi thẳng dậy trên

ghế.

“Cuộc điều tra này sẽ do tôi chỉ huy, với sự trợ giúp của Harry Hole.”

Những cái đầu quanh bàn ngạc nhiên quay về phía Harry, người đang ngồi ở cuối phòng.

“Trước hết, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến tất cả những người đã rút ngắn kỳ nghỉ để về đây mà không một lời ca thán,” Waaler nói tiếp. “Chỉ e các bạn sẽ phải hy sinh không chỉ kỳ nghỉ mà còn nhiều thứ khác nữa trong những ngày sắp tới, và tôi không chắc mình sẽ có cơ hội đích thân cảm ơn từng người không, vì vậy hãy coi như lời cảm tạ này là dành cho cả tháng. Được chứ?”

Các nhân vật quanh bàn mỉm cười và gật đầu. Ngay cả Harry, nhưng với cung cách hệt như một sĩ quan chỉ huy đơn vị tương lai, anh thầm nghĩ.

“Hôm nay quả là một ngày đặc biệt về nhiều mặt.”

Waaler bật chiếc máy chiếu trên cao. Trang bìa tờ *Dagbladet* hiện lên màn hình phía sau anh ta. SÁT NHÂN HÀNG LOẠT ĐANG NHỞN NHƠ? Không có ảnh đi kèm mà chỉ có hàng tít bằng chữ in hoa như đang hét thẳng vào mặt. Ngày nay hiếm có tờ báo nghiêm túc nào dám dùng dấu chấm hỏi trên trang bìa, ngoài ra còn một điều rất ít người nói chung - và không một ai trong phòng họp K615 nói riêng - biết được, đó là quyết định thêm dấu hỏi ấy chỉ được đưa ra vài phút trước lúc báo đi in sau khi quyền biên tập viên gọi điện xin ý kiến của vị sếp đang đi nghỉ ở Tvedestrand.

“Ở Na Uy chưa thấy xuất hiện sát nhân hàng loạt nào - hay ít ra là theo như những gì chúng ta biết - kể từ sau vụ án rúng động của Arnfinn Nesset hồi thập niên tám mươi,” Waaler nói. “Sát nhân hàng loạt rất hiếm, thậm chí hiếm đến nỗi vụ này hẳn sẽ thu hút sự quan tâm vượt ra ngoài lãnh thổ Na Uy. Hiện tại chúng ta đã là tâm điểm chú ý của đông đảo người dân rồi, các

đồng chí ạ.”

Cái cách ngừng lại giây lát để tạo ấn tượng sau đó của Tom Waaler thực ra chẳng cần thiết. Tất cả những người có mặt ở đây đều đã được nhắc nhở về tầm quan trọng của vụ án khi Møller gọi điện thông báo tình hình sơ bộ cho họ vào tối qua.

“Được rồi,” Waaler nói tiếp. “Nếu thực sự giờ chúng ta đang phải đương đầu với một kẻ sát nhân hàng loạt thì chúng ta cũng nắm trong tay nhiều lợi thế. Thứ nhất, trong đội có một thành viên đã có kinh nghiệm điều tra và bắt được một tên sát nhân hàng loạt. Chắc các bạn đều đã nghe nói về màn trình diễn xuất sắc của thanh tra Harry Hole ở Sydney. Mời Harry?”

Nhìn những gương mặt đang quay về phía mình, Harry đằng hắng một tiếng. Anh cảm thấy giọng nói của mình có nguy cơ tiêu biến nên lại đằng hắng thêm lần nữa.

“Tôi không dám chắc những gì tôi làm ở Sydney có thể được coi là chuyên án mẫu mực.” Anh cố nặn ra nụ cười tự giễu. “Vì hẳn các bạn hãy còn nhớ, cuối cùng tôi vẫn phải bắn chết gã đó.”

Không có tiếng cười, thậm chí ngay cả một thoáng nhếch môi cũng không. Thế này thì không làm được chỉ huy đơn vị tương lai rồi.

“Chúng tôi có thể hình dung ra những viễn cảnh tồi tệ hơn thế, Harry ạ,” Waaler nói và lại liếc đồng hồ đeo tay. “Nhiều người trong số các bạn đã biết chuyên gia tâm lý Ståle Aune, cố vấn chuyên môn của chúng ta trong một số vụ án. Ông đã nhận lời tham dự buổi họp này để trình bày đôi nét về hiện tượng sát nhân hàng loạt. Với một số người trong các bạn, thông tin đó không có gì mới mẻ, nhưng ôn lại kiến thức cũ một chút cũng chẳng mất gì. Ông sẽ có mặt ở đây lúc…”

Những cái đầu đồng loạt ngẩng lên khi cửa phòng bật mở. Một người

đàn ông bước vào, thở hồng hộc. Phía trên cái bụng căng tròn nhô ra khỏi vòng kiềm tỏa của cái áo khoác bằng vải tweed là chiếc cà vạt mềm oặt màu da cam và cặp kính bé đến nỗi người ta phải tự hỏi có thể nhìn thấy được gì qua chúng không. Bên dưới cái đầu bóng loáng là vầng trán lấp lánh mồ hôi, dưới nữa là hai hàng lông mày sẫm màu có thể do nhuộm nhưng nhìn chung khá ngay ngắn, gọn gàng.

"Vừa nhắc đến phát…" Waaler nói.

"Là hắn tới liền!" Ståle Aune tiếp lời, rút khăn mùi soa trong túi áo ngực ra lau trán. "Cả cái nóng chảy mỡ nữa!"

Ông bước tới cuối bàn và thả đánh bịch chiếc cặp da màu nâu cũ mèm xuống sàn.

"Xin chào quý vị. Thật vui khi được thấy nhiều bạn trẻ tỉnh táo như vậy vào giờ này. Có vài người ở đây tôi đã gặp từ trước, số còn lại thì xin miễn cho."

Harry mỉm cười. Anh là một trong số những kẻ "không miễn được" ấy. Lần đầu tiên anh đến gặp Aune là để xin lời khuyên về vấn đề nghiện rượu cách đây nhiều năm rồi. Aune tuy không phải chuyên gia về vấn đề lạm dụng chất kích thích, nhưng Harry phải thừa nhận giữa bọn họ đã hình thành một mối quan hệ ngấp nghé ngưỡng tình bạn.

"Còn không mau mở sổ ra, đám lười kia!"

Aune vắt chiếc áo khoác lên lưng ghế.

"Trông mặt mũi các anh chị cứ như đưa đám vậy, xét về một số khía cạnh thì chắc cũng đúng thôi, nhưng tôi muốn trông thấy vài nụ cười trước khi rời khỏi đây. Lệnh đã ban rồi đó. Nai nịt đầy đủ chưa? Tôi sẽ phóng như gió đấy."

Aune vớ lấy cây bút dạ đặt trên mép dưới tấm bảng lật và bắt đầu vừa múa bút lia lịa vừa nói, "Chúng ta hoàn toàn có lý do để tin rằng sát nhân hàng loạt ra đời cùng với sự xuất hiện của loài người trên trái đất. Tuy nhiên, nhiều người coi sự kiện có tên 'Mùa thu Hãi hùng' vào năm 1888 là vụ giết người hàng loạt đầu tiên xảy ra ở thời hiện đại. Đó là vụ án đầu tiên được ghi chép về một kẻ sát hại nhiều người để thỏa mãn ham muốn xác thịt thuần túy. Tên sát nhân đã giết năm người phụ nữ trước khi lặn mất tăm. Người ta đặt cho hắn biệt danh 'Jack Kẻ Phanh Thây', còn danh tính thật đã bị hắn mang theo xuống mồ. Nhân vật nổi tiếng nhất đại diện cho đất nước chúng ta góp mặt trong danh sách đó không phải là Arnfinn Nesset, kẻ mà như các anh chị đều nhớ là đã hạ độc khoảng hai chục bệnh nhân hồi thập niên tám mươi, vì Belle Gunness mới thực sự là của hiếm: một nữ sát nhân hàng loạt. Cô ta di cư sang Mỹ rồi kết hôn với một gã 'hoi' vào năm 1902, sinh sống tại một nông trại ở ngoại ô thành phố La Porte, bang Indiana. Tôi nói 'gã hoi' vì gã nặng có bảy mươi cân, trong khi cô vợ nặng trăm hai."

Aune kéo nhẹ những chiếc đai quần của mình.

"Cơ mà theo ý tôi thì cân nặng của cô ả như thế là vừa đẹp." Một tràng cười rộ lên.

"Quý bà đẫy đà vừa phải này đã xuống tay giết hại chồng, mấy đứa con cùng một cơ số người theo đuổi bị cô ta dụ đến nông trại thông qua mục tìm bạn trăm năm trên các báo ở Chicago. Thi thể các nạn nhân được phát hiện vào năm 1908, khi nông trại bị thiêu rụi một cách đầy bí ẩn. Trong số đó có nửa thân trên không đầu bị cháy sém và nở nang lạ thường của một người phụ nữ. Người ta cho rằng Belle đã cố tình vứt cái xác đó lại để khiến các điều tra viên tin rằng người chết là cô ta. Cảnh sát nhận được

tin báo của một số nhân chứng khai rằng họ đã trông thấy Belle xuất hiện ở nhiều nơi khác nhau trên khắp nước Mỹ, nhưng cô ta không bao giờ bị bắt. Và đó là điểm mấu chốt tôi muốn nói, thưa các bạn. Thật đáng tiếc, Jack và Belle là hai trường hợp khá tiêu biểu của những kẻ sát nhân hàng loạt."

Aune kết thúc bài viết bằng một tiếng gõ bút đanh gọn vào tấm bảng lật.

"Chúng không bị bắt."

Cả phòng im lặng nhìn ông.

"Vậy," Aune nói, "sát nhân hàng loạt là khái niệm gây ra nhiều tranh cãi cũng y như tất cả những điều tôi sắp trình bày với các bạn sau đây. Lý do là vì tâm lý học là ngành khoa học vẫn còn rất non trẻ, và cũng vì các nhà tâm lý học về bản chất là những người thích tranh luận. Tôi sẽ nói với các anh chị những gì chúng ta biết được về sát nhân hàng loạt - có biết nhiều thì cũng như không thôi. Nhân tiện, 'sát nhân hàng loạt' là thuật ngữ vô nghĩa đối với nhiều nhà tâm lý học giàu kinh nghiệm, vì cụm từ đó vốn dùng để miêu tả một nhóm bệnh tâm thần bị những nhà tâm lý khác phủ nhận sự tồn tại. Mọi người hiểu chứ? Hừm, ít ra có vài người trong các bạn đã cười, vậy là tốt đấy."

Aune gõ ngón trỏ lên luận điểm thứ nhất ông đã viết trên bảng.

"Sát nhân hàng loạt điển hình là nam giới da trắng, tuổi từ hai mươi tư đến bốn mươi. Theo quy luật thì hắn thường hành động đơn lẻ, nhưng cũng có thể có đồng phạm, chẳng hạn như gây án theo cặp. Cách đối xử tàn bạo với nạn nhân là dấu hiệu cho thấy hắn ra tay một mình. Nạn nhân có thể là bất cứ ai, nhưng nhìn chung họ thuộc cùng một nhóm người thiểu số với hắn và trong những trường hợp đặc biệt còn có thể là người quen của hắn nữa.

“Thường thì hung thủ sẽ tìm kiếm nạn nhân đầu tiên tại khu vực hắn biết rõ. Trong trí tưởng tượng của công chúng, những vụ giết người luôn đi kèm với những nghi thức đặc biệt nào đó gắn liền với hung thủ. Điều này không đúng, nhưng nếu những nghi thức đó thật sự có diễn ra thì đa phần sẽ liên quan đến một tên giết người hàng loạt nào đấy.”

Aune chỉ vào luận điểm tiếp theo gồm mấy từ TÂM THẦN / THÁI NHÂN CÁCH XÃ HỘI.

“Tuy nhiên, đặc trưng tiêu biểu nhất của sát nhân hàng loạt nằm ở chỗ, chúng thường là người Mỹ. Vì sao lại thế thì chỉ có Chúa - và có lẽ là một vài giáo sư tâm lý ở Blindern - mới biết. Bởi vậy, thật thú vị khi những người có hiểu biết sâu rộng nhất về giết người hàng loạt - FBI và giới luật pháp Mỹ - lại chia những kẻ sát nhân hàng loạt thành hai loại: tâm thần và thái nhân cách xã hội. Mấy vị giáo sư tôi nhắc đến ở trên tin rằng hai khái niệm và cách phân loại đó hoàn toàn nhảm nhí, nhưng tại quê hương của lũ sát nhân hàng loạt, phần lớn các tòa án đều tuân theo luật McNaughten, trong đó quy định bằng sắc lệnh rằng chỉ những kẻ tâm thần mới không nhận thức được hành động của mình khi phạm tội. Do đó, khác với nhóm thái nhân cách xã hội, nhóm tâm thần thoát được án tù, hay thậm chí là án tử, nếu chiếu theo điều luật có lẽ vẫn áp dụng ở xứ sở của Chúa. Ý tôi là đối với tội danh giết người hàng loạt ấy, hừm…”

Ông đưa chiếc bút dạ lên mũi ngửi và nhướn một bên chân mày vẻ ngạc nhiên.

Waaler giơ tay xin phát biểu. Aune gật đầu.

“Việc lựa chọn bản án nào là đề tài rất thú vị,” Waaler lên tiếng, “nhưng muốn thế thì trước tiên chúng ta phải bắt được hung thủ cái đã. Ông có bất kỳ lời khuyên thực tế nào chúng tôi có thể áp dụng được không?”

“Anh có điên không vậy? Tôi là chuyên gia tâm lý cơ mà, không phải sao?”

Tiếng cười lại vang lên. Aune cúi chào vẻ hài lòng.

“Vâng, tôi sắp đề cập đến điều đó đây, thanh tra Waaler. Nhưng trước hết, nếu có bất cứ ai trong số những người đang ngồi đây bắt đầu cảm thấy sốt ruột, thì tôi xin phép được nói luôn rằng các anh chị sắp phải đương đầu với một giai đoạn khó khăn đấy. Kinh nghiệm của tôi cho thấy, không gì mất thời gian bằng việc truy tìm kẻ sát nhân hàng loạt. Nhất là những kẻ thuộc loại không giống ai.”

“Không giống ai là sao?” Câu hỏi đó là của Magnus Skarre.

“Trước hết, chúng ta hãy cùng xem xét cách thức xây dựng chân dung tâm lý tội phạm giúp FBI phân biệt giữa tâm thần và thái nhân cách xã hội. Những kẻ tâm thần thường là người không có khả năng thích nghi, không nghề ngỗng, không được học hành, có tiền án tiền sự và gặp nhiều vấn đề trong đời sống. Những kẻ thái nhân cách xã hội thì lại khác, chúng thông minh, có vẻ thành đạt và sống một cuộc đời bình thường như bao người. Đối tượng tâm thần khá nổi bật và dễ bị nghi ngờ, trong khi đó, những kẻ thái nhân cách xã hội rất giỏi ẩn mình trong đám đông. Khi một kẻ thái nhân cách xã hội bị lật mặt luôn khiến bạn bè hàng xóm của hắn bị sốc nặng. Tôi đã từng trao đổi với một chuyên gia tâm lý phụ trách xây dựng chân dung tâm lý tội phạm cho FBI, bà ấy nói điều đầu tiên bà ấy xem xét là thời điểm gây án. Gây án là việc mất thời gian, dĩ nhiên rồi. Bà ấy cho rằng, một trong những đầu mối hữu ích đến từ việc xác định được những vụ án đó diễn ra vào thời gian nào, ngày thường, cuối tuần, hay những dịp quốc lễ. Nếu là vào ngày nghỉ thì có thể cho rằng hung thủ có công ăn việc làm, từ đó xác suất hắn là kẻ thái nhân cách sẽ cao hơn.”

“Vậy nếu đối tượng của chúng ta gây án vào những dịp quốc lễ thì có thể cho rằng hắn có công ăn việc làm và là kẻ thái nhân cách xã hội sao?” Beate Lønn hỏi.

“Tất nhiên, đưa ra kết luận ấy vào lúc này e hơi sớm, nhưng dựa vào những thông tin chúng ta thu thập được thì cũng có thể nói vậy. Anh thấy điều đó đã đủ thực tế chưa?”

“Thực tế thì phải rồi,” Waaler nói, “nhưng đồng thời cũng là một tin tức rất tệ, nếu tôi hiểu đúng ý ông.”

“Chính xác. Đối tượng của chúng ta xem ra rất giống loại sát nhân hàng loạt không giống ai. Loại thái nhân cách xã hội.”

Aune chờ vài giây cho mọi người kịp ngấm rồi mới nói tiếp.

“Theo nhà tâm lý học người Mỹ Joel Norris, mỗi lần giết người, kẻ sát nhân hàng loạt sẽ trải qua diễn biến tâm lý gồm sáu giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất gọi là hào quang, khi đối tượng dần dần mất đi khả năng nhận thức thực tại. Giai đoạn thứ năm, hay totem, là khi hắn thực sự ra tay giết người. Đây được coi như giai đoạn cao trào đối với kẻ sát nhân hàng loạt ấy, hay đúng hơn là giai đoạn phản cao trào, vì hành vi giết chóc chẳng bao giờ có thể làm thỏa mãn ước mong lẫn hy vọng được giải tỏa và thanh tẩy mà hắn cho rằng luôn song hành với mỗi lần tước đoạt một mạng sống. Đó là lý do vì sao kẻ giết người sẽ lập tức chuyển sang giai đoạn thứ sáu: suy sụp. Và tất cả lại tái diễn khi giai đoạn ấy dẫn đến một giai đoạn hào quang mới, hắn xốc lại tinh thần để chuẩn bị cho vụ giết người tiếp theo.”

“Vậy là vòng tròn cứ thế lặp lại,” Bjarne Møller lên tiếng, ông đã lẻn vào phòng từ lúc nào chẳng ai hay và đang đứng bên cửa. “Hệt như một bánh xe vĩnh cửu.”

“Chỉ có điều, cỗ máy chuyển động vĩnh cửu hoạt động theo quy trình

lặp lại và không có sự thay đổi," Aune nói. "Nhưng sát nhân hàng loạt lại trải qua quá trình khiến hành vi của hắn biến đổi về lâu dài. Đặc trưng của quá trình đó, may thay, là khả năng kiểm soát càng lúc càng suy giảm, và rủi thay, là mức độ tàn bạo theo đó cũng tăng lên. Vụ giết người đầu tiên luôn là vụ khó bị phát hiện nhất, do vậy giai đoạn có tên hạ nhiệt diễn ra sau đó cũng là giai đoạn tồn tại lâu nhất. Nó dẫn đến giai đoạn hào quang kéo dài mà hung thủ chuẩn bị cho lần giết người tiếp theo và hắn sẽ tự cho mình một khoảng thời gian cực lâu để lên kế hoạch cho nó. Nếu hắn để ý đến từng chân tơ kẽ tóc ở hiện trường gây án, nếu những nghi thức được tiến hành chuẩn xác và nguy cơ bị phát hiện là rất nhỏ, thì có thể cho rằng hắn vẫn đang ở giai đoạn đầu của quá trình. Trong thời gian này hắn sẽ mài giũa cho thành thạo thủ pháp để trở nên hiệu quả hơn nữa. Đây là giai đoạn khó khăn nhất đối với những người truy bắt hắn. Tuy nhiên, sau một vài lần gây án, giai đoạn hạ nhiệt sẽ càng ngày càng ngắn lại, đặc tính là vậy. Thời gian lên kế hoạch của hắn sẽ ít hơn, hiện trường để lại ngày một lộn xộn hơn, những nghi thức được thực hiện không còn được gọn gàng như trước, và hắn trở nên liều lĩnh hơn. Tất cả những dấu hiệu trên cho thấy cảm giác vỡ mộng của hắn càng ngày càng gia tăng. Hay nói cách khác là, cơn khát máu trong hắn đang không ngừng leo thang. Hắn mất đi khả năng kiềm chế và dễ bị tóm hơn. Nhưng nếu trong giai đoạn này nỗ lực truy bắt hắn thất bại, hắn có thể sẽ hoảng sợ mà lui về ở ẩn một thời gian. Như thế, hắn sẽ có cơ hội bình tâm rồi sau đó bắt đầu lại từ đầu. Những ví dụ tôi vừa nêu chắc không quá đen tối chứ?"

"Chúng tôi vẫn ổn," Waaler nói. "Ông có thể phân tích đôi chút về chuyên án hiện tại không?"

"Được," Aune đáp. "Ở đây chúng ta có ba vụ giết người có chủ

đích…"

"Hai thôi!" Lại là Skarre. "Tạm thời, Lisbeth Barli mới chỉ được trình báo là mất tích."

"Ba vụ giết người," Aune nói. "Tin tôi đi, anh bạn trẻ."

Vài viên cảnh sát đưa mắt nhìn nhau. Skarre dường như còn muốn nói thêm gì đó, nhưng rồi lại thôi. Aune tiếp tục.

"Ba vụ án diễn ra cách nhau một khoảng thời gian tương đồng. Và thi thể trong cả ba vụ đều bị cắt xẻo và sắp đặt theo cùng một cách thức. Hắn cắt cụt một ngón tay rồi bù đắp cho nạn nhân bằng một viên kim cương. Nhân tiện, sự bù đắp cũng là một đặc điểm quen thuộc đối với kiểu gây án tàn bạo này, điển hình của những kẻ sát nhân lớn lên trong môi trường giáo dục đạo đức khắc nghiệt. Có lẽ các anh chị có thể lần theo manh mối này, vì ở Na Uy còn được mấy gia đình biết luân thường đạo lý đâu."

Không có tiếng cười.

Aune thở dài.

"Đó là một cách pha trò giảm căng thẳng thôi mà. Tôi không có ý giễu cợt hay gì, và có lẽ tôi nên chọn cách nói khác thích hợp hơn, chỉ là tôi đang cố không để vụ này ăn tươi nuốt sống mình trước khi chúng ta thực sự bắt tay vào xử lý. Và tôi khuyên mọi người cũng nên như thế. Dù sao đi nữa, với riêng chuyên án này, khoảng cách về thời gian giữa các vụ và nghi thức tiến hành là hai chi tiết cho thấy hung thủ biết kiềm chế và đang ở giai đoạn đầu."

Có tiếng đằng hắng khẽ vang lên.

"Gì vậy, Harry?" Aune hỏi.

"Cách lựa chọn nạn nhân và địa điểm," Harry nói.

Aune đưa ngón tay trỏ lên xoa cằm, ngẫm nghĩ giây lát rồi gật gù.

"Anh nói đúng, Harry."

Quanh bàn, những ánh mắt ngơ ngác nhìn nhau.

"Đúng về chuyện gì?" Skarre cao giọng hỏi.

"Cách lựa chọn nạn nhân và địa điểm cho thấy điều ngược lại," Aune nói. "Rằng hung thủ đang nhanh chóng chuyển sang giai đoạn mất kiểm soát và bắt đầu giết người vô tội vạ."

"Sao lại thế?" Møller thắc mắc.

Harry lên tiếng, mặt vẫn cúi gằm xuống bàn.

"Vụ nổ súng đầu tiên, của Camilla Loen, xảy ra trong căn hộ nơi nạn nhân sống một mình. Hung thủ có thể tự do ra vào mà không lo bị bắt hoặc bị người khác nhận diện. Hắn có thể ra tay giết người và tiến hành nghi thức của mình mà không bị làm phiền, nhưng hắn đã liều lĩnh khi chọn nạn nhân thứ hai. Hắn bắt cóc Lisbeth Barli ngay trong khu dân cư, giữa thanh thiên bạch nhật, có thể hắn sử dụng một chiếc xe hơi và xe hơi thì kiểu gì cũng có biển. Vụ thứ ba hoàn toàn hú họa - trong phòng vệ sinh nữ tại một khu văn phòng. Đúng là vụ án xảy ra sau khi đã hết giờ làm hành chính, nhưng ở đó vẫn còn quá nhiều người nên phải may mắn lắm hắn mới không bị bắt quả tang hoặc chí ít là cũng bị nhận diện."

Møller quay sang phía Aune.

"Vậy kết luận ở đây là gì?"

"Là chúng ta chưa thể kết luận được bất cứ điều gì," Aune đáp. "Hiện tại chúng ta chỉ có thể suy đoán rằng hắn là một kẻ thái nhân cách xã hội giỏi hòa nhập. Và cũng chưa biết được hắn sắp sửa hóa điên chưa hay vẫn còn duy trì được khả năng kiềm chế."

“Vậy chúng ta có thể hy vọng điều gì đây?”

“Một viễn cảnh có khả năng xảy ra là chúng ta sắp phải chứng kiến một cuộc tàn sát đẫm máu, nhưng cũng có khả năng chúng ta may mắn tóm được hắn vì hắn sẽ tiếp tục liều lĩnh hành động. Hoặc viễn cảnh khác nữa là khoảng thời gian giữa các vụ giết người sẽ kéo dài hơn, nhưng kinh nghiệm lâu năm của tất cả chúng ta đều cho thấy chúng ta sẽ không thể bắt được hắn trong một sớm một chiều. Lựa chọn như thế nào là tùy ở các vị.”

“Nhưng chúng ta biết bắt đầu từ đâu đây?” Møller hỏi.

“Nếu có thể đặt lòng tin nơi các bạn đồng nghiệp trong ngành thống kê thì tôi sẽ nói, hãy bắt đầu với những kẻ mắc chúng đái dầm, bạo hành động vật, hiếp dâm, cuồng phóng hỏa, nhất là phóng hỏa. Nhưng tôi lại không tin họ. Đáng tiếc, tôi không khoanh vùng được nhóm đối tượng đặc biệt nào thay thế, vì vậy có lẽ câu trả lời của tôi là: tôi không biết.”

Aune đóng nắp bút lại. Sự im lặng bao trùm thật nặng nề.

Tom Waaler đúng phắt dậy.

“Nào, các đồng chí. Chúng ta có việc phải làm rồi. Trước hết, tôi muốn mọi người thẩm vấn lại toàn bộ những người đã được lấy lời khai. Kiểm tra hồ sơ của tất cả những tên sát nhân đã bị buộc tội và rà soát thông tin của những kẻ bị kết án hiếp dâm hoặc phóng hỏa.”

Harry âm thầm quan sát Waaler trong lúc anh ta giao việc cho mọi người, anh nhận thấy ở anh ta toát ra sự tự tin và hiệu quả, tốc độ và linh hoạt khi xử lý những ý kiến bất đồng mang tính thực tế và xác đáng, cũng như khả năng tư duy đáng nể và sự quyết đoán khi gạt đi những ý kiến không xác đáng.

Chiếc đồng hồ phía trên cửa chính đang chỉ chín giờ mười lăm phút. Ngày mới bắt đầu chưa được bao lâu mà Harry đã cảm thấy kiệt sức, chẳng

khác gì con sư tử già yếu sắp chết tụt lại phía sau đàn dù đã có thời nó có thể thách đấu với con đầu đàn. Nói vậy không có nghĩa anh từng ôm ấp tham vọng làm kẻ dẫn đầu, nhưng dù thế nào đi nữa, mọi chuyện cũng đã xuống dốc không phanh. Giờ anh chỉ còn biết im lặng nằm chờ và cầu mong có người thí cho mình một khúc xương mà thôi.

Và có người đã thí cho anh một khúc xương thật. Lại còn rất to là đằng khác.

Lớp cách âm trong căn phòng thẩm vấn chật chội khiến Harry có cảm giác như thể vừa chui vào một tấm chăn lông vịt.

"Tôi nhập khẩu máy trợ thính," người đàn ông có vóc người thấp đậm nói, đưa tay vuốt dọc cái cà vạt lụa của ông ta. Một chiếc kẹp vàng trang nhã cố định cà vạt với sơ mi trắng.

"Máy trợ thính ư?" Harry hỏi lại, cúi nhìn tờ thông tin thẩm vấn Tom Waaler đưa cho anh. Trong ô họ tên, ông ta viết hai chữ *André Clausen,* còn ô nghề nghiệp ghi *Doanh nhân tư nhân.*

"Thính giác của anh có vấn đề gì không?" Clausen hỏi. Harry không xác định được câu chọc ngoáy này là cố tình nhằm vào anh hay Clausen chỉ châm biếm vậy thôi.

"Ừm. Vậy là ông đến công ty Halle, Thune & Wetterlid để trao đổi về máy trợ thính?"

"Tôi chỉ muốn nhờ họ thẩm định bản hợp đồng đại diện. Một đồng nghiệp tốt bụng của anh đã xin bản sao của hợp đồng đó chiều qua rồi."

“Cái này phải không?” Harry chỉ vào một tập hồ sơ.

“Phải.”

“Tôi vừa xem qua rồi. Hợp đồng đã ký từ hai năm trước. Ông sẽ cho gia hạn à?”

“Không. Tôi chỉ muốn chắc chắn là mình không bị lừa.”

“Bây giờ mới kiểm tra sao?”

“Muộn còn hơn không.”

“Ông không có luật sư riêng à?”

“Có, nhưng e rằng ông ta sắp xuống lỗ rồi.” Anh nhác thấy miếng trám răng bằng vàng khi Clausen mỉm cười và nói tiếp, “Tôi đã đề nghị gặp gỡ bước đầu để xem năng lực của công ty luật này đến đâu.”

“Và ông đồng ý gặp gỡ trước cuối tuần? Với một công ty chuyên thu hồi nợ?”

“Tôi chỉ nhận ra được điều đó trong lúc họp mà thôi. Ý tôi là trong khoảng thời gian ngắn ngủi trước khi xảy ra sự việc động trời.”

“Nhưng nếu muốn tìm luật sư mới thì chắc ông phải hẹn gặp với vài công ty chứ,” Harry nói. “Ông có thể cho chúng tôi biết đó là những công ty nào không?”

Harry không nhìn vào mặt André Clausen. Đó không phải thứ cho biết đối phương đang nói dối. Vừa gặp Harry đã biết ngay Clausen là kiểu người không thích để lộ suy nghĩ qua nét mặt. Có thể là vì tính tình nhút nhát, hoặc vì tính chất công việc yêu cầu ông ta phải giữ vẻ mặt vô cảm, mà cũng có thể do trong quá khứ của ông ta, sự tự chủ được coi là phẩm chất thiết yếu. Bởi vậy, Harry chú ý quan sát nhằm tìm kiếm những dấu hiệu khác, chẳng hạn như liệu bàn tay đang đặt trên đùi của ông ta có lại đưa lên vuốt

cà vạt không. Nhưng điều đó không xảy ra. Clausen chỉ đang ngồi nhìn Harry. Tuy không chằm chằm nhưng cặp mắt đờ đẫn chúng tỏ dường như ông ta cảm thấy tình cảnh này khó chịu và hơi có chút tẻ nhạt.

"Những công ty tôi gọi điện đến phần lớn đều không muốn sắp xếp lịch hẹn cho tới sau kỳ nghỉ," Clausen nói. "Còn Halle, Thune & Wetterlid lại sốt sắng hơn nhiều. Anh nói đi, tôi có bị tình nghi gì không?"

"Ai cũng bị tình nghi cả," Harry đáp.

"Cũng phải."

Clausen thốt ra hai từ ấy bằng giọng Anh chuẩn giọng đài BBC.

"Tôi để ý thấy kiểu phát âm của ông có chút pha tạp."

"Vậy sao? Mấy năm gần đây tôi thường xuyên đi công tác. Chắc là vì vậy đấy."

"Ông đi những đâu?"

"Thực ra mà nói thì chủ yếu chỉ quanh quẩn trong phạm vi Na Uy. Tôi đến các bệnh viện và viện nghiên cứu. Hoặc không thì tôi thường sang nhà máy sản xuất máy trợ thính bên Thụy Sĩ. Sản phẩm ngày càng tân tiến nên cũng phải chịu khó bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ."

Một lần nữa giọng nói của ông ta ẩn chứa hàm ý mỉa mai khó lòng xác định rõ.

"Ông đã kết hôn chưa? Có gia đình không?"

"Nếu anh xem bản khai do đồng nghiệp của anh viết, anh sẽ thấy tôi chưa kết hôn."

Harry nhìn xuống tờ khai.

"Vâng, tôi thấy rồi. Vậy là ông sống một mình ở… xem nào… đường Gimle Terrasse."

"Không," Clausen đáp. "Tôi sống cùng với Truls."

"Đúng vậy. Tôi biết."

"Anh biết?" Clausen mủn cười, hai mí mắt sụp xuống thêm chút nữa. "Truls là chú chó giống golden retriever."

Harry có thể cảm thấy cơn đau đầu đang manh nha trỗi dậy đằng sau mắt. Liếc qua bản danh sách, anh thấy mình còn bốn cuộc thẩm vấn trước giờ nghỉ trưa và năm cuộc sau đó. Anh làm gì có sức để đối đáp với từng ấy người kia chứ.

Anh yêu cầu Clausen thuật lại đầu đuôi sự việc kể từ lúc ông ta bước vào tòa nhà ở quảng trường Carl Berners cho đến khi cảnh sát tới.

"Rất sẵn lòng," ông ta nói và ngáp dài.

Harry ngả người ra sau ghế lắng nghe Clausen kể lại, một cách rành mạch và tự tin, về việc ông ta bắt taxi tới tòa nhà, đi thang máy lên công ty, và sau khi trao đổi đôi câu với nhân viên lễ tân, ông ta chờ khoảng năm, sáu phút để cô ta mang nước ra. Khi không thấy cô ta quay lại, ông ta tự lang thang đi tìm giữa các văn phòng và thấy tấm biển đề tên luật sư Halle gắn trên cửa văn phòng riêng của anh ta.

Harry thấy trong tài liệu Waaler ghi chép có viết Halle đã xác nhận Clausen gõ cửa phòng mình lúc năm giờ năm phút.

"Ông có trông thấy ai ra vào phòng vệ sinh nữ không?"

"Nhìn từ chỗ tôi ngồi chờ ở khu lễ tân thì không thấy cửa. Tôi cũng không thấy ai ra vào lúc tôi đến văn phòng. Mà điều này tôi đã nhắc đi nhắc lại mấy lần rồi."

"Ông sẽ còn phải nhắc lại nhiều nữa," Harry nói, ngoác miệng ngáp thành tiếng và đưa tay xoa mặt. Đúng lúc đó, Magnus Skarre gõ cửa sổ

phòng thẩm vấn và giơ đồng hồ đeo tay lên. Harry nhận ra Wetterlid đang đứng cạnh anh ta. Anh gật đầu đồng ý và liếc nhìn lần cuối tờ giấy ghi lời khai.

"Trong bản khai có viết ông không trông thấy người nào khả nghi đến và đi khỏi khu lễ tân trong thời gian ông ngồi chờ ở đó."

"Đúng vậy."

"Ừm, rất cảm ơn ông đã hợp tác với chúng tôi," Harry nói, cất tờ khai vào túi hồ sơ và nhấn nút dừng trên máy ghi âm. "Chúng tôi chắc chắn sẽ còn liên lạc lại với ông."

"Không thấy người nào *khả nghi*" Clausen nói và đứng dậy.

"Sao cơ?"

"Tôi nói tôi không trông thấy người nào *khả nghi* ở khu lễ tân, nhưng có một cô lao công xuất hiện và đi vào khu vực văn phòng."

"Phải, chúng tôi đã nói chuyện với cô ta. Cô ta khai cô ta đi thẳng vào trong bếp và không trông thấy ai cả."

Harry đứng dậy, lướt mắt nhìn xuống bản danh sách. Cuộc thẩm vấn tiếp theo diễn ra lúc mười giờ mười lăm phút tại phòng số bốn.

"Dĩ nhiên còn cả nhân viên giao nhận nữa," Clausen nói.

"Nhân viên giao nhận ư?"

"Phải. Anh ta đi ra khỏi cửa chính ngay trước khi tôi đi tìm vị luật sư đã hẹn. Chắc là đến giao hoặc lấy hàng gì đó. Sao anh lại nhìn tôi như thế, thanh tra? Thật tình, một nhân viên giao nhận bình thường đến công ty luật có phải là điều gì khả nghi lắm đâu."

Nửa giờ sau, khi kiểm tra xong với công ty luật và vài công ty chuyển phát tại Oslo, Harry xác thực được một điều: không có ai đăng ký gửi hoặc nhận bất cứ đồ gì ở Halle, Thune & Wetterlid vào hôm thứ Hai cả.

Hai giờ sau khi rời khỏi Sở Cảnh sát, ngay trước lúc mặt trời lên tới đỉnh, Clausen đã được cảnh sát điều xe đến đón tại văn phòng và đưa về Sở để miêu tả lại ngoại hình của gã nhân viên giao nhận nọ.

Ông ta không cung cấp được nhiều thông tin lắm: cao khoảng 1m80, tầm vóc trung bình. Clausen không mấy chú ý đến đặc điểm bên ngoài của gã nhân viên. Ông ta cho rằng hành động đó vừa chẳng có gì thú vị vừa không phù hợp với đàn ông, ông ta nói vậy, đồng thời nhắc lại là gã mặc trang phục thường thấy của nhân viên giao nhận bằng xe đạp: áo phông cua rơ kiểu bó sát màu vàng pha đen, quần soóc, đi đôi giày phát ra tiếng lách cách ngay cả khi bước trên thảm. Mặt gã đã bị chiếc mũ bảo hiểm và cặp kính râm che mất.

"Phần miệng thì sao?" Harry hỏi.

"Bịt khăn trắng quanh miệng," Clausen nói. "Giống kiểu Michael Jackson dùng. Tôi nghĩ nhân viên giao nhận bằng xe đạp đeo nó để bảo vệ mình tránh hít phải khói xe."

"Ở New York và Tokyo thì đúng. Nhưng đây là Oslo."

Clausen nhún vai. "À thì, tôi không cảm thấy điều đó có gì bất thường cả."

Sau khi cho Clausen ra về, Harry sang phòng Tom Waaler. Lúc anh bước vào, Waaler đang ngồi nghe điện thoại, miệng lẩm bẩm ậm ừ.

"Tôi nghĩ mình đã đoán ra hung thủ làm cách nào để có thể lọt vào căn hộ của Camilla Loen rồi," Harry nói.

Tom Waaler cúp máy luôn mà không buồn kết lại cuộc nói chuyện.

“Ở cổng tòa nhà cô ta ở có lắp camera ghi hình kết nối với hệ thống điện thoại nội bộ, đúng không?”

“Đúng…?” Waaler nhoài người tới trước.

“Ai có thể nhấn chuông bất cứ căn hộ nào, chường bộ mặt kín bưng trước camera mà vẫn hoàn toàn tự tin rằng người ta sẽ cho phép mình vào?”

“Ông già Noel?”

“Chưa chắc, nhưng nếu người đó mang theo bưu kiện chuyển phát nhanh hoặc một bó hoa, một nhân viên giao nhận, thì anh sẽ cho vào chứ?”

Waaler nhấn nút gọi trên điện thoại.

“Từ lúc Clausen đến công ty cho tới lúc ông ta trông thấy gã nhân viên giao nhận rời đi qua khu lễ tân chỉ vừa hơn bốn phút một chút. Một nhân viên giao nhận đi vào, giao hàng rồi nhanh chóng ra về, không ai la cà đến bốn phút cả.”

Waaler chậm rãi gật đầu.

“Nhân viên giao nhận bằng xe đạp,” anh ta nói. “Đơn giản đến không tưởng. Người có lý do hợp lý để tạt vào bất cứ đâu trong khi vẫn bịt mặt. Người mà ai ai cũng trông thấy nhưng lại không để ý.”

“Con ngựa thành Troy,” Harry nói. “Quả là một vỏ bọc hoàn hảo đối với kẻ sát nhân hàng loạt.”

“Chẳng ai thèm bận tâm đến một nhân viên giao nhận vội vã rời đi cả. Và hắn sử dụng phương tiện di chuyển không cần phải đăng ký, có lẽ là cách hiệu quả nhất để tẩu thoát trong thành phố.” Waaler lấy tay che điện thoại.

“Tôi sẽ cử vài người đi hỏi xem có ai trông thấy một nhân viên giao

nhận bằng xe đạp xuất hiện ở các hiện trường vào thời điểm gây án không."

"Còn một điều nữa chúng ta cần cân nhắc," Harry nói.

"Phải," Waaler nói. "Có cần cảnh báo người dân về những đối tượng là nhân viên giao nhận lạ mặt không."

"Ừ. Anh sẽ trao đổi vấn đề này với Møller chứ?"

"Vâng. Mà Harry này…"

Harry ra đến cửa thì dừng lại.

"Làm tốt lắm," Waaler nói.

Harry gật nhanh một cái rồi rời đi.

Ba phút sau, trong hàng ngũ Đội Hình sự rộ lên tin đồn Harry đã tìm được đầu mối.

THỨ BA



ngôi sao năm cánh

Nikolai Loeb nhẹ nhàng nhấn phím đàn. Những giai điệu cất lên từ chiếc dương cầm trong căn phòng trống trải nghe thật dịu dàng và mong manh. Pyotr Ilyich Tchaikovsky. Bản concerto số một cho đàn dương cầm cung Si giáng thứ. Nhiều nghệ sĩ dương cầm cho rằng đó là bản nhạc kỳ quặc và thiếu sự thanh thoát, nhưng với Nikolai, không một tác phẩm nào trên đời có thể sánh được với nó. Chỉ cần chơi vài đoạn đã thuộc nằm lòng là đủ để khiến ông day dứt nỗi nhớ quê, và lần nào cũng thế, ngón tay ông luôn tự tìm về với những nốt nhạc quen thuộc khi ngồi xuống bên cây đàn chưa chỉnh dây được đặt ở phòng họp hội nghị trong sảnh nhà thờ Gamle Aker.

Ông đưa mắt nhìn ra cửa sổ để mở. Trong nghĩa trang rộn vang tiếng chim hót. Nó làm ông nhớ lại những mùa hè ở Leningrad cùng với bố khi bố dẫn ông đến thăm những chiến trường cũ nằm ở ngoại ô các thành thị, nơi ông nội và tất cả các chú các bác của Nikolai yên giấc ngàn thu trong những ngôi mộ tập thể từ lâu đã rơi vào quên lãng.

“Con nghe kìa,” bố ông từng bảo. “Tiếng hót của chúng mới tuyệt diệu

làm sao và cũng phí hoài làm sao."

Nikolai chợt nhận ra có người vừa đằng hắng, ông quay ngoắt lại.

Một người đàn ông mặc quần jean áo phông đang đứng ở ngưỡng cửa. Một bàn tay anh ta bị quấn băng. Điều đầu tiên Nikolai nghĩ đến là, hẳn đây lại là một trong những gã nghiện thỉnh thoảng vẫn ghé qua.

"Tôi có thể giúp được gì cho anh?" Nikolai gọi vọng ra. Độ vang âm mãnh liệt trong căn phòng khiến giọng nói của ông có phần kém thân thiện hơn dự định.

Người đàn ông bước qua ngưỡng cửa.

"Tôi cũng hy vọng thế," anh ta nói. "Tôi đến đây để sám hối."

"Vậy thì rất tốt," Nikolai nói. "Nhưng e rằng tôi không thể nghe xưng tội lúc này được. Ngoài sảnh có danh sách kèm theo thời gian biểu. Vả lại, anh phải đến nhà nguyện của chúng tôi trên phố Inkognitogata cơ."

Anh ta tiến lại gần ông. Căn cứ vào hai quầng thâm dưới cặp mắt đỏ ngầu kia, Nikolai đoán rằng người đàn ông này hẳn đã lâu rồi không ngủ.

"Tôi muốn chuộc lỗi vì đã phá hoại ngôi sao trên cửa chính."

Phải mấy giây sau Nikolai mới hiểu người đàn ông kia đang ám chỉ đến cái gì.

"Ồ, hóa ra là thế. Việc đó thật tình không thuộc trách nhiệm của tôi. Chỉ có điều tôi cũng đã thấy ngôi sao bị long ra và đang xoay ngược chiều." Ông ta mỉm cười. "Một hình ảnh hơi trái đạo đối với một nhà thờ, nói vậy là còn nhẹ đấy."

"Vậy ra cha không làm việc cho nhà thờ này?"

Nikolai lắc đầu.

"Chúng tôi thường phải mượn tạm phòng ở đây mỗi khi có việc. Tôi

làm cho nhà thờ Thánh đồ Công chúa Olga kia."

Harry nhướn mày.

"Chính thống giáo Nga," Nikolai nói thêm. "Tôi là mục sư và cũng là quản sự. Anh cần phải qua văn phòng nhà thờ và xem xem liệu mình có thể tìm thấy ai giúp sức ở đó không."

"Ừm. Cảm ơn cha."

Anh ta vẫn đứng đó, chưa chịu ra về.

"Tchaikovsky đúng không ạ? Bản concerto số một cho đàn dương cầm."

"Đúng vậy," Nikolai đáp bằng giọng ngạc nhiên. Na Uy chính xác không hẳn là quốc gia có thể gọi là quan tâm lắm đến văn hóa nghệ thuật. Đã vậy, người này lại còn đang mặc áo phông và trông như kẻ thất cơ lỡ vận.

"Mẹ tôi ngày xưa cũng từng đàn bản nhạc này cho tôi nghe," anh ta nói. "Bà ấy bảo đây là bản nhạc khó."

"Anh có người mẹ thật tuyệt vời. Những bản nhạc khó là thế mà bà ấy vẫn cố gắng chơi vì anh."

"Vâng, bà ấy rất tuyệt. Như một vị thánh vậy."

Có điều gì đó về nụ cười nửa miệng nở trên môi người đàn ông khiến Nikolai cảm thấy khó hiểu. Đó là một nụ cười đầy mâu thuẫn. Vừa cởi mở lại vừa kín đáo, vừa thân thiện lại vừa xa cách, trong tiếng cười vẫn ẩn chứa nỗi đau. Nhưng cũng như mọi khi, có lẽ ông lại nghĩ ngợi xa xôi quá rồi.

"Cảm ơn cha đã giúp đỡ," anh ta nói rồi quay người đi về phía cửa.

"Không có gì."

Nikolai lại hướng sự chú ý về cây đàn dương cầm và cố gắng tập

trung. Ông nhấn thật khẽ đủ để phím đàn hạ xuống nhưng không tạo ra thanh âm - cảm nhận được miếng dạ áp lên dây đàn - và khi ấy ông mới chợt nhận ra mình không hề nghe thấy tiếng cửa chính đóng lại. Ông ngoái nhìn thì thấy người đàn ông nọ vẫn đứng đó, tay đặt trên nắm cửa, cặp mắt dán vào ngôi sao trên ô cửa vỡ.

"Có vấn đề gì sao?"

Anh ta ngẩng lên.

"Không. Tôi chỉ đang thắc mắc vừa rồi cha có ý gì khi nói ngôi sao treo ngược là trái đạo."

Nikolai bật cười, tiếng cười vang vọng khắp bốn bề.

"Nó là ngôi sao năm cánh ngược, đúng không?"

Từ nét mặt người đàn ông, Nikolai có thể thấy được rõ ràng rằng anh ta đang không hiểu gì cả.

"Ngôi sao năm cánh là biểu tượng tôn giáo lâu đời, không chỉ với đạo Thiên Chúa. Như anh có thể thấy đấy, nó được tạo thành bởi một đường thẳng liền mạch và giao nhau tại các điểm: người ta đã tìm thấy hình khắc của nó trên những bia mộ từ hàng ngàn năm trước. Tuy nhiên, khi ngôi sao bị đảo ngược, một đỉnh hướng xuống và hai đỉnh hướng lên, thì nó lại là một thứ hoàn toàn khác. Đó là một trong những biểu tượng quan trọng nhất trong bộ môn quỷ học."

"Quỷ học ư?"

Người đàn ông đặt câu hỏi bằng giọng bình thản mà cương nghị, giống một người đã quen nhận được câu trả lời, Nikolai thầm nghĩ.

"Ngành nghiên cứu về quỷ. Thuật ngữ đó bắt nguồn từ thời con người còn tin rằng cái ác nảy sinh từ sự tồn tại của quỷ dữ."

“Hừm. Thế tức là bây giờ ma quỷ đã tiêu biến rồi sao?”

Nikolai xoay người lại trên chiếc ghế ngồi chơi đàn dương cầm. Lẽ nào ông đã nhìn nhầm người đàn ông này? Tư duy của anh ta có vẻ hơi sắc bén lạ thường, không giống một gã nghiện hoặc thất cơ lỡ vận cho lắm.

“Tôi là cảnh sát,” anh ta nói như thể đang trả lời thắc mắc trong lòng ông. “Nghề của chúng tôi hay phải đặt câu hỏi.”

“Ừ, nhưng sao anh lại đặc biệt quan tâm đến chủ đề này vậy?”

Anh ta nhún vai.

“Tôi không biết. Tôi mới trông thấy biểu tượng này cách đây chưa lâu nhưng không thể nhớ ra là ở đâu. Tôi không chắc nó có gì quan trọng hay không. Biểu tượng đó là của con quỷ nào?”

“Tchort,” Nikolai đáp, nhẹ nhấn ba phím đàn. Tiếng nhạc vang lên thật lạc điệu. “Hay còn gọi là quỷ Satan.”

Buổi chiều, Olaug Sivertsen mở những cánh cửa kiểu Pháp dẫn ra ban công đối diện khu Bjørvika, ngồi xuống một chiếc ghế và ngắm đoàn tàu màu đỏ chạy ngang qua nhà mình. Đó là một ngôi nhà không có gì đặc biệt, một biệt thự độc lập được xây bằng gạch đỏ từ năm 1891; điểm đặc biệt của nó nằm ở vị trí. Lấy theo tên của người kỹ sư đã thiết kế ra nó, biệt thự Valle nằm lẻ loi bên đường ray xe lửa ngay ngoài Ga Trung tâm Oslo, bên trong địa phận nhà ga. Hàng xóm gần nhất chỉ có vài nhà kho thấp lè tè và mấy xưởng thuộc sở hữu của Đường sắt Na Uy. Biệt thự Valle được xây dựng làm nơi ở của ông trưởng ga cùng vợ con và gia nhân, tường nhà được thiết kế dày hơn hẳn bình thường để vợ chồng ông chủ không bị đánh thức mỗi

khi tàu chạy qua. Không chỉ có vậy, thợ xây dựng công trình, người được chọn nhờ nức tiếng trong nghề với bí kíp chế tạo một loại vữa xây tường đặc biệt cứng chắc, còn được ông ta yêu cầu phải làm cho tường thêm kiên cố hơn nữa. Ông ta muốn rằng nếu chẳng may có đoàn tàu trật bánh tông vào nhà thì người gánh chịu hậu quả từ vụ va chạm sẽ là nhân viên lái tàu chứ không phải gia đình ông ta. Từ đó đến nay, chưa có đoàn tàu nào đâm vào biệt thự trang nhã của ông trưởng ga tọa lạc tại địa thế tách biệt quá ư lạ kỳ, chẳng khác nào tòa lâu đài lơ lửng giữa muôn tầng mây, phía dưới là một vùng hoang sơ đen sì sỏi đá với những đường ray sáng loáng và uốn éo tựa thân rắn dưới ánh mặt trời.

Olaug nhắm mắt lại, đắm mình trong ánh nắng ấm áp.

Hồi còn trẻ, bà không thích thời tiết nóng bức. Cái nóng sẽ khiến da bà đỏ ửng và ngứa ngáy, bà chỉ mơ đến những ngày hè mát mẻ, ẩm ướt của vùng Tây Bắc Na Uy. Nhưng giờ đây, khi đã gần tám mươi, ở cái tuổi gần đất xa trời này bà lại thích ấm áp hơn lạnh lẽo, thích ánh sáng hơn bóng tối, thích có người bầu bạn hơn thui thủi một mình, thích ồn ào hơn tĩnh mịch.

Điều đó hoàn toàn không giống như trước kia, hồi năm 1941, khi bà mới tròn mười sáu tuổi, bà đã rời Averøya để đến Oslo bằng chuyến tàu chạy trên chính những đường ray ấy và bắt đầu làm gia nhân cho Chỉ huy Ernst Schwabe cùng vợ ông ta, phu nhân Randi, ở biệt thự Valle. Ông chủ là một người đàn ông cao ráo, điển trai, còn phu nhân thì xuất thân trong gia đình quý tộc. Mấy ngày đầu đi làm, Olaug sợ chết khiếp. Tuy nhiên, gia chủ đối xử với bà rất tốt và cũng tôn trọng bà, nên chẳng mấy chốc bà hiểu ra rằng mình không có gì phải sợ cả, miễn là bà làm việc thật chỉn chu và đúng giờ, hai đức tính không phải ngẫu nhiên mà nổi tiếng của người Đức.

Ernst Schwabe là người đứng đầu của WLTA, *Landtransportabteilung*

của Lực lượng Vệ quốc, đơn vị vận tải của họ, và đích thân ông ta đã lựa chọn biệt thự nằm kế bên nhà ga. Bà vợ Randi có lẽ cũng làm cho WLTA, nhưng Olaug chưa bao giờ thấy bà ta mặc đồng phục. Phòng của Olaug quay về hướng Nam, nhìn ra vườn và những đường ray xe lửa. Suốt mấy tuần đầu tiên đi làm, tiếng chạy rầm rập của những đoàn tàu dài dằng dặc, tiếng còi lanh lảnh chói tai hòa cùng vô vàn âm thanh khác trong thành phố khiến bà không sao chợp mắt được, nhưng rồi bà cũng quen dần với điều đó. Đến năm sau, khi lần đầu tiên được nghỉ phép về thăm gia đình, bà lại nằm thao thức trên chiếc giường trong căn nhà ấu thơ, lắng nghe không gian tĩnh lặng mênh mang mà lòng cứ hướng về âm thanh của cuộc sống và những người sống kia.

Người sống, biệt thự Valle đã từng đón tiếp rất nhiều người như vậy trong suốt thời chiến tranh. Gia đình Schwabe rất quảng giao, những bữa tiệc chiêu đãi được họ tổ chức có sự tham gia của cả người Đức lẫn người Na Uy. Giá mà công chúng biết được những vị chóp bu nào của tầng lớp thượng lưu Na Uy có mặt ở đây, ăn uống, hút thuốc cùng ông bà chủ nhà là thành viên của Lực lượng Vệ quốc. Sau khi chiến tranh kết thúc, một trong những việc đầu tiên họ yêu cầu bà làm là đốt hết đống thiệp xếp chỗ có in tên khách mời mà bà đang giữ. Bà ngoan ngoãn nghe theo và không hé nửa lời với bất cứ ai. Dĩ nhiên cũng có đôi lần bà rất muốn làm trái lời chủ nhân khi ảnh chụp những vị khách đó xuất hiện kèm theo những bài báo kể về cuộc sống dưới ách áp bức của Đức Quốc xã. Tuy nhiên, bà khóa kín miệng mình chỉ vì một lý do duy nhất: khi hòa bình lập lại, họ đã đe dọa sẽ cướp đi đứa con thơ từ tay bà, thằng bé là tất cả những gì bà có và là thứ quý giá nhất của bà trên cõi đời này. Nỗi sợ ấy vẫn hằn sâu trong tâm thức bà cho đến tận ngày nay.

Olaug nheo mắt trong nắng chiều yếu ớt. Mặt trời giờ đã dần xuống sức, điều đó chẳng có gì lạ sau cả một ngày tỏa nắng chói chang và nỗ lực hết sức nhằm phá hoại những đóa hoa trong mấy chậu cây nơi bậu cửa sổ của bà. Olaug mỉm cười. Chao ôi một thời tuổi trẻ, trên đời chẳng ai trẻ dại đến nhường ấy. Bà có khao khát được trẻ lại không? Có lẽ là không, nhưng bà khao khát được có người bầu bạn, được sống, được quây quần bên con cháu. Trước đây bà nào có hiểu được ý người khác khi nghe họ bảo người già thường cô đơn, còn giờ thì…

Mà cô đơn cũng không đáng sợ bằng cảm giác không có người để quan tâm. Nỗi buồn khiến lòng bà nặng trĩu kể từ lúc thức giấc hằng sáng khi biết rằng dù bà có nằm trên giường cả ngày cũng chẳng ảnh hưởng gì đến ai.

Đó là lý do bà đồng ý cho một cô gái trẻ trung, vui tươi quê ở Trøndelag đến ở trọ nhà mình.

Thật lạ khi nghĩ rằng Ina, cô gái chỉ lớn hơn vài tuổi so với cái hồi bà lên Oslo tìm việc, giờ cũng đang sống trong chính căn phòng bà từng ở. Biết đâu cô cũng đang nằm thao thức suốt đêm, khao khát được rời xa cuộc sống xô bồ chốn thành thị và trở về với cái tĩnh mịch của miền quê nhỏ bé nào đó ở phía Bắc Trøndelag.

Nhưng Olaug có lẽ đã nhầm. Ina có một người bạn là nam giới. Bà còn chưa nhìn thấy anh ta lần nào chứ đừng nói đến chuyện gặp mặt, nhưng từ phòng ngủ của mình, bà có thể nghe thấy tiếng chân anh ta bước trên cầu thang phía sau để lên phòng Ina. Làm sao cấm Ina cho đàn ông lên phòng được, chẳng giống như hồi Olaug còn làm người giúp việc, mà dù sao thì bản thân bà cũng không muốn thế. Bà chỉ hy vọng sẽ không ai đến đây và mang Ina đi mất. Cô đã trở thành một người bạn thân thiết của bà, thậm chí

bà coi cô như con gái, đứa con gái bà chưa từng có được.

Tuy nhiên, Olaug hiểu rằng trong mối quan hệ giữa một bà lão và một cô gái trẻ như Ina, cô gái sẽ luôn là người trao gửi tình bạn, còn bà lão chính là người đón nhận. Bởi thế, bà cố gắng không can thiệp vào cuộc sống của cô. Ina lúc nào cũng tỏ ra thân thiện, nhưng Olaug cho rằng có thể một phần là do giá thuê nhà cũng rẻ.

Có một điều gần như đã trở thành nghi thức cố định: Olaug sẽ pha trà rồi bưng theo một khay bánh quy lên gõ cửa phòng Ina vào khoảng bảy giờ tối. Olaug thích họ ngồi trong phòng đó hơn. Thật kỳ lạ, nhưng căn phòng này vẫn là nơi mang lại cho bà cảm giác gần gũi nhất. Hai bà cháu ngồi tán gẫu chuyện trên trời dưới biển trong ánh mặt trời. Ina đặc biệt quan tâm tới thời chiến cùng những chuyện xảy ra ở biệt thự Valle. Và Olaug đã kể cho cô nghe. Chuyện về Ernst và Randi yêu nhau thắm thiết ra sao, họ ngồi hàng giờ trong phòng khách chỉ để chuyện trò, âu yếm vuốt ve, vén tóc cho nhau, tựa đầu vào vai nhau thế nào. Olaug kể rằng đôi khi bà lén nấp sau cửa bếp quan sát họ. Bà mô tả về Ernst Schwabe với dáng người thẳng tắp, mái tóc đen dày dặn và vầng trán sáng sủa cao vợi, về ánh mắt có thể luân phiên giữa vẻ đùa cợt và nghiêm túc, giận dữ và vui cười, sự tự tin trước những điều lớn lao trong cuộc đời và bối rối ngây ngô trước những điều nhỏ bé, vụn vặt. Nhưng chủ yếu bà ngắm Randi Schwabe với mái tóc đỏ rực óng ả, cái cổ trắng thon dài, cặp mắt sáng long lanh có đôi đồng tử xanh dương nhạt được bao quanh bởi vòng tròn màu lam sẫm. Đó là cặp mắt đẹp nhất Olaug từng được thấy.

Những lúc ngắm nhìn vợ chồng ông chủ như thế, Olaug thường nghĩ hai người họ sinh ra là để dành cho nhau, là tri kỷ của nhau và không gì có thể chia cắt họ. Ấy thế nhưng, bà nói với Ina, không khí vui tươi của những

bữa tiệc ở biệt thự Valle có thể hóa thành những trận cãi vã long trời lở đất ngay khi khách khứa vừa ra về.

Một hôm, sau một cuộc cãi vã như bao lần khác, khi Olaug đã lui về giường nghỉ, Ernst Schwabe đã đến gõ cửa phòng bà và bước vào. Ông ta không bật đèn mà chỉ ngồi xuống mép giường, nói với bà rằng vợ mình đã nổi cơn lôi đình và bỏ nhà đến khách sạn ngủ qua đêm. Olaug có thể cảm nhận được mùi rượu trong hơi thở của ông ta, nhưng hồi ấy bà còn trẻ và không biết phải làm sao khi người đàn ông hơn mình hai chục tuổi, người bà luôn tôn trọng, ngưỡng mộ, thậm chí là có chút tình cảm, bảo bà trút bỏ bộ váy đang mặc để ông ta được ngắm nhìn thân thể bà.

Đêm đầu tiên, ông ta không làm gì mà chỉ nhìn bà, vuốt má bà, khen bà đẹp, đẹp hơn nhiều so với những gì bà có thể hình dung, sau đó ông ta đứng dậy. Lúc rời đi, cặp mắt ông ta dường như sắp rơi lệ.

Olaug đứng dậy và ra đóng cửa ban công. Đã gần bảy giờ rồi. Bà ngó cánh cửa ở đầu cầu thang phía sau nhà và trông thấy một đôi giày nam sang trọng trên tấm thảm chùi chân trước cửa phòng Ina. Vậy là cô đang có khách. Olaug ngồi xuống giường và lắng tai nghe.

Đến tám giờ thì cửa mở. Bà nghe thấy tiếng người xỏ giày rồi đi xuống cầu thang, ngoài ra còn một âm thanh khác, đó là tiếng sột soạt, cào cào như thể tiếng chân chó. Bà đi vào trong bếp, đun chút nước để pha trà.

Vài phút sau, lúc gõ cửa phòng Ina, bà ngạc nhiên khi không thấy Ina ra mở, càng lấy làm lạ vì nghe được từ trong phòng cô có tiếng nhạc êm ái vọng ra.

Bà gõ thêm lần nữa, vẫn không có hồi đáp.

“Ina?”

Olaug đẩy cửa và cánh cửa bật mở. Điều đầu tiên bà nhận thấy là

không khí trong này mới ngột ngạt làm sao. Cửa sổ đã đóng, rèm cũng buông, nên căn phòng gần như tối đen.

"Ina?"

Không có tiếng thưa. Biết đâu cô đang ngủ. Olaug bước vào, ngó ra sau cánh cửa, chỗ kê giường. Trống không. Lạ thật. Lúc này cặp mắt già nua của bà đã quen với bóng tối, và bà trông thấy Ina. Cô đang ngồi trên ghế bập bênh cạnh cửa sổ, trông như thể đang ngủ. Hai mắt cô nhắm nghiền, đầu ngoẹo về một bên. Olaug vẫn không sao xác định được tiếng nhạc khe khẽ đang phát ra từ đâu.

Bà bước lại bên chiếc ghế.

"Ina?"

Cô gái thuê trọ nhà bà tới giờ vẫn không có phản ứng. Olaug cầm khay bằng một tay, tay kia nhẹ nhàng áp lên má cô gái trẻ.

Một tiếng "cộp" khẽ vang lên khi ấm trà rơi xuống tấm thảm trải sàn. Theo ngay sau đó là hai cái tách, chiếc bát đựng đường bằng bạc có hình đại bàng trên quốc huy của Đức, một chiếc đĩa và sáu cái bánh quy hiệu Maryland.

Giây phút bộ ấm trà của Olaug - hay đúng hơn là của gia đình Schwabe - rơi xuống sàn cũng là lúc Ståle Aune cầm lên chiếc cốc của mình - hay đúng hơn là của Sở Cảnh sát Oslo.

Bjarne Møller chăm chú quan sát ngón tay út đang bẻ cong của vị chuyên gia tâm lý có thân hình phốp pháp, ông tự hỏi không biết có bao

nhiêu phần trong cử chỉ đó là cố ý và bao nhiêu phần chỉ là một ngón tay cong bình thường.

Møller đã triệu tập một cuộc họp trong văn phòng của ông và ngoài Aune ra, ông còn yêu cầu những người đang dẫn dắt cuộc điều tra - Tom Waaler, Harry Hole và Beate Lønn - tới tham dự.

Trông ai cũng có vẻ mệt mỏi, có lẽ chủ yếu là vì niềm hy vọng bất chợt lóe lên cùng phát hiện về gã nhân viên giao nhận giả danh giờ đang dần tắt lịm.

Tom Waaler chỉ vừa mói kiểm tra những kết quả thu được từ lời kêu gọi người dân cung cấp thông tin cho cảnh sát được phát đi trên ti vi và radio. Họ đã nhận được hai mươi tư cuộc gọi, trong đó mười ba cuộc là từ những đồng nghiệp quen thường xuyên gọi đến, bất kể có trông thấy điều gì hay không. Trong mười một cuộc gọi còn lại thì có tới bảy cuộc là của những nhân viên giao nhận đích thực có công việc đích thực. Bốn cuộc kia chỉ tái khẳng định thông tin cảnh sát đã biết: có một nhân viên giao nhận đã xuất hiện gần quảng trường Carl Berners vào khoảng năm giờ chiều thứ Hai. Tuy nhiên, họ cũng khám phá ra được một chi tiết mới là có người đã nhìn thấy gã nhân viên đạp xe trên phố Trondheimsveien. Cuộc gọi duy nhất có vẻ đáng chú ý là của một tài xế taxi thông báo anh ta trông thấy một người đi xe đạp đội mũ bảo hiểm, đeo kính râm, mặc áo phông đen pha vàng đúng bên ngoài Học viện Kỹ thuật Mỹ thuật trong lúc anh ta lái xe lên phố Ullevålsveien vào khoảng thời gian Camilla Loen bị giết. Các công ty vận chuyển không có bất cứ đơn hàng nào quanh khu vực Ullevålsveien vào thời điểm đó. Thế rồi một nhân viên của công ty vận chuyển Førstemann gọi đến thú nhận anh ta đã đi tắt qua phố Ullevålsveien trên đường tới nhà hàng ngoài trời trên phố St Hanshaugen để làm cốc bia.

“Nói cách khác, cuộc điều tra đã đi vào ngõ cụt,” Møller nói.

“Giờ vẫn còn sớm mà,” Waaler nói.

Møller gật đầu, nhưng nét mặt ông cho thấy ông không mấy lạc quan. Ngoài Aune ra, mọi người trong phòng đều hiểu rõ những thông tin đầu tiên thu được có vai trò quan trọng thế nào. Con người ta mau quên lắm.

“Viện Pháp y báo cáo thế nào trong khi hiện tại họ đang thiếu nhân lực?” Møller hỏi. “Đã tìm ra căn cứ để có thể xác định danh tính hung thủ chưa?”

“E là chưa,” Waaler đáp. “Họ đã tạm gác mấy vụ cần khám nghiệm khác sang một bên để ưu tiên giải quyết các vụ của chúng ta, nhưng đến giờ vẫn chưa thu được gì. Không tinh dịch, không máu, không tóc, không gì cả. Manh mối thân thể duy nhất mà hung thủ để lại chính là mấy lỗ đạn.”

“Thú vị thật,” Aune nói.

Có chút chán nản, Møller hỏi điều đó có gì mà thú vị.

“Thú vị là ở chỗ nó cho thấy nạn nhân không bị xâm hại tình dục,” Aune đáp. “Mà như thế là rất bất thường đối với bọn sát nhân hàng loạt.”

“Biết đâu mục đích của hung thủ không phải là tình dục,” Møller nói.

Aune lắc đầu. “Động cơ của chúng luôn luôn là tình dục. Luôn luôn.”

“Có thể hắn giống nhân vật của Peter Sellers trong phim *Being There,”* Harry nêu ý kiến. “ ‘Tôi chỉ thích xem thôi’.”

Cả phòng đều ngơ ngác nhìn anh chằm chằm.

“Ý tôi là, có thể hắn không nhất thiết phải chạm vào họ thì mới được thỏa mãn ham muốn.”

Harry tránh ánh mắt Waaler đang nhìn mình.

“Có thể hắn chỉ cần giết chóc rồi ngắm nhìn xác chết là đủ.”

“Có thể lắm,” Aune nói. “Kẻ giết người hàng loạt nói chung thường muốn được nếm trải cảm giác ‘lên đỉnh’, nhưng hắn có thể đã xuất tinh mà không để lại dấu tích ở hiện trường. Hoặc hắn có đủ khả năng kiềm chế để đợi cho tới khi về đến nơi an toàn.”

Mọi người im lặng trong giây lát. Harry biết, họ cũng như anh, đều đang nghĩ tới một điều. Hung thủ đã làm gì người phụ nữ mất tích, Lisbeth Barli?

“Vậy còn những vũ khí thu được ở hiện trường thì sao?”

“Chúng tôi đã kiểm tra,” Beate nói. “Kết quả khám nghiệm cho thấy chín mươi chín phẩy chín phần trăm đó chính là những hung khí gây án.”

“Vậy là đủ,” Møller nói. “Có tra ra được nguồn gốc của chúng không?”

Beate lắc đầu. “Cũng như lần trước, số series đã bị giũa mòn. Dấu giũa giống với dấu vết tìm thấy trên hầu hết những vũ khí chúng ta tịch thu được.”

“Hừm,” Møller nói. “Lại là câu chuyện hoang đường về tổ chức buôn lậu vũ khí quy mô lớn. Kiểu gì Cục An ninh POT cũng sẽ sớm tóm được chúng thôi, đúng không?”

“Interpol đã theo vụ này suốt bốn năm ròng rã mà không thu được kết quả gì,” Waaler nói.

Harry ngả ghế ra sau, len lén liếc nhìn Waaler. Trong lúc ấy, anh ngỡ ngàng nhận ra trong anh chợt xuất hiện một cảm giác chưa từng có dành cho Waaler: sự ngưỡng mộ. Đó cũng chính là kiểu ngưỡng mộ của con người đối với những loài thú săn mồi đã trui rèn để đạt được kỹ năng sinh tồn tuyệt đỉnh.

Møller thở dài. "Tôi biết. Chúng ta đã phải nhận đến ba bàn thua trắng trong khi đối thủ vẫn còn chưa để trái bóng lộ diện. Chẳng lẽ không ai có bất kỳ ý tưởng nào sáng giá hay sao?"

"Tôi không chắc đây có phải là ý tưởng sáng giá…"

"Cứ nói đi, Harry."

"Đúng hơn thì đó là linh cảm của tôi khi xem xét ba hiện trường gây án. Tất cả đều có một điểm chung nào đó, chỉ là tôi chưa xác định được nó là gì thôi. Vụ giết người đầu tiên xảy ra ở căn hộ áp mái trên phố Ullevålsveien. Vụ thứ hai diễn ra cách đó khoảng một cây số về hướng Đông Bắc, trên phố Sannergata. Hiện trường vụ thứ ba nằm cách vụ thứ hai một khoảng tương tự, nhưng theo hướng Đông, tại tòa nhà văn phòng ở quảng trường Carl Berners. Hung thủ thay đổi địa điểm gây án, nhưng tôi có cảm giác hắn làm thế là có chủ đích."

"Nghĩa là sao?" Beate hỏi.

"Lãnh địa của hắn," Harry nói. "Chuyên gia tâm lý có lẽ sẽ giải thích được rõ hơn."

Møller quay sang phía Aune, người vừa nhấp một ngụm trà.

"Anh có nhận xét gì không, Aune?"

Aune nhăn mặt. "À, đây không phải trà Earl Grey chính hiệu."

"Tôi có hỏi về trà đâu."

Aune thở dài.

"Tôi đùa ấy mà, Møller. Nhưng tôi hiểu ý anh, Harry. Những kẻ sát nhân thường lựa chọn địa điểm gây án theo những tiêu chí đặc biệt. Đây, để cho dễ hiểu, chúng ta có thể chia chúng làm ba loại."

Aune đếm từng ngón tay.

“Loại thứ nhất là sát nhân tại gia, hung thủ dụ dỗ hoặc ép buộc nạn nhân vào trong nhà của hắn rồi ra tay sát hại. Loại thứ hai là sát nhân theo vùng, chẳng hạn như Jack Kẻ Phanh Thây, hắn chỉ giết người trong khu nhà thổ, tuy nhiên khu vực gây án có thể trải rộng khắp cả một thành phố. Cuối cùng là loại thứ ba, sát nhân lang bạt, đây có lẽ là loại giết nhiều người nhất khiến lương tâm hắn không ngừng bị cắn rút. Ottis Toole và Henry Lee Lucas đã chu du qua các tiểu bang ở Hoa Kỳ, giết hại tới hơn ba trăm người.”

“Rõ rồi,” Møller nói. “Nhưng tôi vẫn chưa hiểu lắm về chủ đích mà cậu đang nói tới, Harry.”

Harry nhún vai.

“Thì tôi bảo rồi mà, sếp, đó chỉ là linh cảm của tôi thôi.”

“Cả ba vụ đều có một điểm chung,” Beate lên tiếng.

Những gương mặt trong phòng đồng loạt quay về phía cô như thể ai đó vừa bấm nút trên bộ điều khiển từ xa. Hai má cô lập tức đỏ hồng và dường như cô có vẻ hối hận vì đã phát biểu ý kiến. Nhưng cô vẫn gạt đi nỗi e ngại và nói tiếp, “Hắn tấn công các nạn nhân ngay tại nơi đem lại cho họ cảm giác an toàn nhất. Đó là nhà riêng. Một con phố giữa thanh thiên bạch nhật. Và phòng vệ sinh nữ tại công ty.”

“Giỏi lắm, Beate,” Harry nói và nhận được ánh mắt liếc nhanh đầy biết ơn từ phía cô.

“Nhận xét tinh tường đấy, quý cô trẻ tuổi,” Aune khen. “Nhân lúc bàn về cách thức chọn địa điểm hành động của hung thủ, tôi muốn bổ sung thêm một điều. Sát nhân hàng loạt thuộc loại thái nhân cách xã hội hầu hết đều rất tự tin, trường hợp này xem ra cũng y như vậy. Chúng có đặc điểm tiêu biểu là theo dõi sát sao cuộc điều tra và thường nhân mọi cơ hội để đích

thân tiếp cận với tình hình. Chúng có thể coi cuộc điều tra là một trò chơi giữa chúng và cảnh sát. Nhiều kẻ tỏ ra rất thích thú khi thấy cảnh sát bị rối loạn.”

“Điều đó có nghĩa là ngay lúc này đây, có kẻ nào đấy ngoài kia đang ngồi rung đùi khoái trá,” Møller nói, vỗ hai tay vào nhau. “Buổi họp hôm nay tạm dừng ở đây.”

“Chỉ còn một chi tiết nhỏ nữa,” Harry nói. “Những viên kim cương hung thủ để lại trên thi thể các nạn nhân…”

“Thì sao?”

“Chúng có năm đỉnh nhọn. Gần giống sao năm cánh.”

“Gần giống ư? Theo tôi thấy thì đó đích thị là ngôi sao năm cánh còn gì.”

“Hình sao năm cánh được vẽ bằng một nét liền, giao cắt với chính nó cơ.”

“A ha!” Aune thốt lên. “Ra là hình ngôi sao năm cánh. Được vẽ theo tỷ lệ vàng. Một hình thù hết sức thú vị. Nhân tiện, mọi người đã ai nghe nói đến giả thuyết này chưa: vào thời đại Viking, để chuẩn bị cho Na Uy cải đạo sang Thiên Chúa giáo, người Celt đã vẽ ngôi sao thánh linh có năm cánh và áp hình vẽ đó lên vùng đất phía Nam Na Uy rồi dựa vào nó để xác định vị trí xây dựng các thành thị và nhà thờ.”

“Việc đó thì liên quan gì đến mấy viên kim cương?” Beate thắc mắc.

“Vấn đề ở đây không phải là mấy viên kim cương,” Harry nói. “Mà là hình ngôi sao năm cánh. Chắc chắn tôi đã trông thấy nó ở đâu đó, hiện trường của một vụ, chỉ là tôi không thể nhớ được là vụ nào và ở đâu mà thôi. Nghe có vẻ nhảm nhí, nhưng tôi nghĩ đây là chi tiết quan trọng đấy.”

“Vậy tức là,” Møller nói, hai tay chống cằm. “Cậu nhớ được một điều mình không thể nhớ được chính xác, nhưng lại cho rằng điều đó quan trọng sao?”

Harry đưa cả hai tay lên xoa mặt thật mạnh.

“Khi có mặt tại hiện trường một vụ án, sếp sẽ dồn toàn bộ khả năng tập trung vào đó khiến não bộ thu thập quá nhiều chi tiết bên lề, khó lòng mà xem xét hết được. Những chi tiết ấy đơn giản là được lưu giữ trong đầu sếp, cho tới khi có điều gì đó xảy ra, một manh mối mới xuất hiện, một mảnh ghép ăn khớp với mảnh ghép khác, nhưng khi ấy sếp lại không tài nào nhớ ra mình đã tìm được mảnh ghép đầu tiên ở đâu. Dẫu vậy, trực giác vẫn mách bảo sếp rằng đó là chi tiết quan trọng. Sếp thấy điều tôi nói thế nào?”

“Nghe như tâm thần ấy,” Aune trả lời và ngáp dài.

Ba người kia giương mắt nhìn ông.

“Chẳng lẽ các vị không cười được một cái khi tôi pha trò hay sao?” ông nói. “Harry à, điều anh nói cho thấy chức năng não bộ hoàn toàn bình thường. Không có gì phải sợ cả.”

“Tôi nghĩ bốn bộ não ở đây đã chịu đựng đủ cho ngày hôm nay rồi,” Møller nói và đứng dậy.

Đúng lúc đó, chiếc điện thoại bàn trước mặt ông réo vang.

“Møller nghe… Chờ chút.”

Ông chuyển điện thoại cho Waaler, anh ta đón lấy và đưa lên nghe.

“A lô?”

Trong phòng vang lên tiếng xô ghế đứng dậy, nhưng Waaler đưa tay ra hiệu bảo mọi người đợi đã.

"Tốt lắm," anh ta nói rồi cúp máy.

Những người khác quay sang nhìn anh ta với vẻ hứng thú trở lại.

"Một nhân chứng vừa gọi đến, báo rằng bà ta trông thấy một người đi xe đạp rời khỏi một tòa chung cư trên phố Ullevålsveien gần nghĩa trang Our Saviour vào chiều ngày thứ Sáu lúc Camilla Loen bị giết. Nhân chứng nhớ rõ chi tiết đó vì bà ta thấy rất lạ khi đối tượng bịt mặt bằng khăn trắng. Nhân viên giao nhận tạt qua phố St Hanshaugen uống bia không hề bịt chiếc khăn nào như thế."

"Rồi sao?"

"Bà ta không biết tòa nhà trên phố Ullevålsveien số mấy, nhưng Skarre đã lái xe đưa bà ta qua phố. Bà ta đã chỉ đích danh và đó chính là nhà của Camilla Loen."

Møller đập mạnh một bàn tay xuống mặt bàn.

"Cuối cùng cũng có tiến triển rồi!"

Olaug đang ngồi trên giường, tay áp lên cổ họng và cảm thấy mạch đập dần trở lại bình thường.

"Cháu làm bà sợ hết hồn," bà khẽ thì thầm, giọng nói lúc này đã khàn đặc, khó lòng nhận ra nổi.

"Cháu xin lỗi," Ina nói, lấy nốt chiếc bánh quy Maryland cuối cùng. "Cháu không nghe thấy tiếng bà vào."

"Bà phải xin lỗi cháu mới đúng," Olaug nói. "Ai lại tự tiện xông vào như thế bao giờ. Chỉ là bà không nhìn thấy cháu đang đeo cái…"

“Tai nghe,” Ina bật cười. “Chắc cháu bật nhạc hơi to. Nhạc của Cole Porter đấy ạ.”

“Cháu biết bà không rành nhạc hiện đại mà.”

“Cole Porter là nghệ sĩ nhạc jazz thời xưa mà bà. Thực tế thì ông ấy mất lâu rồi ạ.”

“Trời đất, cháu còn trẻ thế, sao lại đi nghe nhạc của người chết làm gì.”

Ina lại cười. Vừa rồi, khi cảm thấy có thứ gì đó chạm vào má mình, cô đã vô thức vung mạnh tay và gạt trúng khay trà. Trên mặt thảm vẫn còn đang vương lại một lớp vụn đường trắng mỏng.

“Có người đã bật nhạc của ông ấy cho cháu nghe.”

“Nụ cười bí hiểm chưa kìa,” Olaug nói. “Người đó có phải anh bạn lịch thiệp của cháu không?”

Lời vừa thốt ra, Olaug lập tức hối hận vì đã hỏi. Không khéo Ina sẽ nghĩ bà theo dõi cô mất.

“Cũng có thể ạ,” Ina đáp, cặp mắt sáng lấp lánh.

“Vậy là anh ta lớn tuổi hơn cháu à?” Qua đó Olaug muốn ngầm nói rằng bà không hề cố tình tìm cách nhìn trộm người đàn ông nọ. “Vì có vẻ anh ta thích nghe nhạc xưa, ý bà là vậy.”

Chính bà cũng thấy câu nói ấy thật không phải. Giờ bà lại đang đi dò hỏi chuyện riêng của người ta, chẳng khác nào một bà già tọc mạch. Trong cơn hốt hoảng đột ngột trào dâng, bà thậm chí còn tưởng tượng Ina chắc đang nghĩ đến chuyện đi tìm nhà khác để thuê.

“Vâng, lớn hơn cháu một chút.”

Nụ cười tinh nghịch trên môi Ina khiến Olaug cảm thấy bối rối.

"Chắc cũng giống bà và ông Schwabe đấy ạ."

Olaug vui vẻ bật cười theo, chủ yếu vì bà vừa trút được gánh nặng.

"Bà thử hình dung xem. Ông ấy đang ngồi ngay chính chỗ bà đang ngồi bây giờ," Ina đột ngột nói.

Olaug đưa tay vuốt tấm chăn trên giường.

"Phải, thử hình dung xem."

"Đêm hôm đó ông ấy khóc có phải là vì không thể có được bà?"

Olaug vẫn đang vuốt ve chiếc chăn. Lớp vải len thô sần mang lại cho bà cảm giác thật dễ chịu.

"Bà không biết," Olaug đáp. "Bà không dám hỏi. Thay vì vậy, bà tự nghĩ ra câu trả lời, những câu trả lời bà muốn nghe nhất, những giấc mơ để bà có thể ấp ủ hằng đêm. Có lẽ chính vì vậy mà hồi ấy bà mới yêu say đắm đến thế."

"Hai ông bà có bao giờ đi chơi không ạ?"

"Có. Một lần ông ấy đã lái xe đưa bà tới Bygdøy. Bọn bà cùng đi bơi. Đúng hơn là bà xuống bơi còn ông ấy ngồi trên bờ ngắm bà. Ông ấy gọi bà là nữ thần của ông ấy."

"Vợ ông ấy có biết chồng mình là bố của đứa trẻ trong bụng bà không?"

Olaug nhìn Ina hồi lâu. Rồi bà lắc đầu.

"Gia đình họ đã chuyển ra nước ngoài vào tháng Năm năm 1945. Bà không bao giờ còn gặp lại họ nữa. Mãi đến tháng Bảy bà mới biết mình có bầu."

Olaug vỗ vỗ lên tấm chăn.

"Nhưng nghe mãi mấy chuyện cũ rích này chắc cháu cũng mệt và

chán lắm rồi. Nào, kể chuyện của cháu đi. Anh bạn lịch thiệp của cháu là ai vậy?"

"Anh ấy là một người tử tế."

Gương mặt Ina vẫn còn vẻ mơ màng thường thấy khi nghe Olaug kể về người tình đầu tiên và cũng là cuối cùng của bà, Ernst Schwabe.

"Anh ấy đã tặng cháu một thứ," Ina nói, mở ngăn kéo và lấy ra một cái gói nhỏ thắt ruy băng màu vàng kim.

"Anh ấy nói khi nào chúng cháu đính hôn thì mới được mở ra."

Olaug mỉm cười và vuốt má Ina. Bà thật mừng cho cô.

"Cháu thương anh ta phải không?"

"Anh ấy không giống những người khác. Không quá… nói chung anh ấy thuộc típ người cổ điển. Anh ấy muốn cả hai cùng đợi. Về chuyện… bà biết rồi đấy."

Olaug gật đầu. "Anh ta có vẻ nghiêm túc nhỉ."

"Vâng." Cô khẽ thở dài.

"Cháu phải chắc chắn anh ta là người đàn ông dành cho mình trước khi quyết định đi xa hơn nhé," Olaug nói.

"Cháu biết rồi ạ," Ina nói. "Chính điều đó khiến cháu rất khó nghĩ. Anh ấy vừa mới ở đây, và trước khi anh ấy ra về, cháu đã bảo anh ấy rằng mình cần thời gian để suy nghĩ. Anh ấy nói anh ấy hiểu, tuổi tác hai đứa chênh lệch quá mà."

Olaug suýt nữa buột miệng hỏi anh ta có nuôi chó không, may mà kịp ghìm lại. Bà tò mò, tọc mạch như vậy là đã quá đủ rồi. Sau khi đưa tay vuốt tấm chăn lần cuối, bà liền đứng dậy.

"Để bà đi đun nước pha thêm chút trà nhé, cháu yêu."

Đó là một phát hiện bất ngờ. Không phải phép mầu, chỉ đơn giản là một phát hiện thôi.

Nửa giờ đã trôi qua kể từ khi mọi người ra về hết, lúc này Harry vừa đọc xong bản ghi cuộc thẩm vấn hai người phụ nữ sống cùng nhà tại tòa chung cư đối diện căn hộ của Lisbeth Barli. Anh với tay tắt chiếc đèn đọc sách để trên bàn, chớp mắt trong căn phòng tối tăm và đột nhiên điều đó đến với anh. Có thể là do anh vừa tắt đèn, hành động quen thuộc mỗi khi đi ngủ. Hoặc có thể là vì trong giây phút ngắn ngủi ấy, đầu óc anh hoàn toàn trống rỗng. Lý do là gì không quan trọng, chỉ biết rằng cứ như thể có người vừa giơ ra trước mặt anh một tấm ảnh sắc nét, rõ ràng vậy.

Anh đi vào văn phòng nơi cất giữ chìa khóa của hiện trường án mạng và tìm thấy chiếc chìa mình cần. Sau đó anh lái xe về phố Sofies, lấy đèn pin rồi đi bộ tới phố Ullevålsveien. Lúc này đã gần nửa đêm. Cửa tầng trệt đã khóa, tiệm giặt là cũng đã nghỉ. Trên cửa sổ của tiệm bán bia mộ có lắp một chiếc đèn chiếu điểm, ánh đèn rọi lên dòng chữ “An giấc ngàn thu”.

Harry một mình đi vào căn hộ của Camilla Loen.

Không có bất cứ đồ đạc hay thứ gì khác bị dời đi, vậy nhưng tiếng chân anh vẫn vang vọng bốn bề. Cứ như thể cái chết của chủ nhân đã thổi vào căn hộ một khoảng trống vật lý trước đây chưa từng tồn tại vậy. Ấy thế mà đồng thời anh lại có cảm giác như thể nơi này không chỉ có mình anh. Harry tin vào sự tồn tại của linh hồn. Anh không hẳn là người sùng đạo, nhưng có một điều luôn thình lình nhen nhóm trong đầu anh mỗi khi anh nhìn thấy thi thể của người chết: cái xác dường như thiếu vắng thứ gì đó,

một thứ hoàn toàn không liên quan đến quá trình biến đổi của cơ thể sau khi chết. Những hình hài đó chỉ như lớp vỏ rỗng của đám côn trùng còn vương trên mạng nhện - thể xác đã ra đi, ánh sáng cũng vụt tắt, nào thấy đâu ánh hào quang tàn dư của những ngôi sao từ lâu đã lụi tàn. Thể xác đang thiếu vắng linh hồn, và sự thiếu vắng ấy chính là điều khiến Harry tin tưởng.

Anh không bật đèn, chỉ cần ánh trăng rọi qua những giếng trời là đủ. Anh đi thẳng vào phòng ngủ, sau đó bật chiếc đèn pin mang theo và chiếu lên cột xà chịu lực bên cạnh giường. Anh hít mạnh một hơi. Hóa ra đó không phải trái tim lồng vào hình tam giác như lúc đầu anh tưởng.

Harry ngồi xuống giường, lướt nhẹ đầu ngón tay lên những vết khắc trên cây cột. Dấu vết để lại trên cột gỗ màu nâu cũ kỹ trông rõ ràng đến mức chắc chắn mới được khắc. Và cũng rất rõ ràng là nó được khắc bằng một nét liền. Một đường cắt dài gồm những đoạn thẳng tiến rồi lại lùi, giao cắt lẫn nhau. Một hình ngôi sao năm cánh.

Harry rọi đèn lên sàn. Trên sàn gỗ có một lớp bụi mỏng và mấy nùi bông khá to. Hẳn là Camilla Loen chưa dọn phòng trước khi chết. Nhưng kia, cạnh một chân ở phía đầu giường, anh trông thấy thứ mình đang tìm kiếm. Những dăm gỗ vụn.

Harry nằm xuống giường. Tấm đệm thật mềm mại và êm ái. Anh nhìn lên trần nhà dốc nghiêng trong lúc cố gắng nghĩ. Nếu đúng là hung thủ đã khắc ngôi sao lên cây cột phía trên giường, vậy thì nó có ý nghĩa gì?

“An giấc ngàn thu,” Harry lẩm bẩm, nhắm mắt lại.

Anh mệt đến nỗi không thể nghĩ được gì sáng suốt. Còn một câu hỏi nữa vẫn quanh quẩn trong tâm trí anh. Tại sao hôm đó anh không nhìn thấy hình ngôi sao năm cánh nhỉ? Tại sao anh không ghép nối hai chi tiết với nhau, ngôi sao và những viên kim cương? Hay là không phải thế? Có thể

anh đã quá vội vàng, có thể tiềm thức của anh đã gắn kết hình ngôi sao với thứ gì đó khác, một thứ anh đã thấy ở hiện trường một vụ án mạng nhưng lại không tài nào nhớ ra được.

Anh cố gắng hình dung lại cảnh tượng tại các hiện trường.

Lisbeth ở phố Sannergata. Barbara ở quảng trường Carl Berners. Và Camilla dưới vòi sen trong phòng tắm kế bên. Cô ta gần như lõa thể. Làn da ướt nhẹp. Anh đã sờ thử. Nước nóng khiến cho khi sờ vào, anh có cảm giác cô ta mới chết trước đó chưa lâu, dù thực tế không phải vậy. Anh đã chạm vào làn da của cô ta. Beate quan sát hành động của anh. Nhưng anh không sao ngừng lại được. Cảm giác giống như đang vuốt ve lớp cao su ấm áp, nhẵn mịn. Anh ngẩng lên và thấy rằng nơi đây chỉ có hai người họ, đến lúc này anh mới cảm nhận được dòng nước ấm chảy ra từ vòi sen. Mắt anh lại thơ thẩn cụp xuống, anh thấy cô ta đang ngước nhìn mình, cặp mắt ánh lên tia sáng lạ. Anh giật mình rụt tay về, ánh nhìn của cô ta bỗng tan biến như thể màn hình ti vi vừa bị tắt. Lạ thật, anh nghĩ thầm, và lại áp tay lên má cô ta lần nữa. Anh kiên nhẫn đợi trong lúc dòng nước ấm thấm ướt quần áo mình. Tia sáng dần dần trở lại. Anh đặt tay kia lên bụng của cô ta. Sức sống trở lại trong mắt cô ta và anh có thể cảm thấy thân thể cô ta khẽ cựa quậy dưới những ngón tay mình. Anh biết chính sự đụng chạm đã khiến cô ta hồi sinh, không có nó, cô ta sẽ tan biến, sẽ chết. Anh tì trán mình lên trán của cô ta. Nước chảy thành dòng sau lớp quần áo anh, làm da anh ướt nhẹp, giống như một màng lọc ấm áp giữa hai người. Đến lúc này anh mới phát hiện ra mắt cô ta không phải màu xanh dương, mà là màu nâu. Đôi môi kia cũng không còn nhợt nhạt nữa mà đỏ hồng và tràn đầy sức sống. Rakel. Anh hôn lên làn môi ấy. Rồi giật mình lùi lại khi phát hiện ra chúng lạnh như băng.

Cô ta đang nhìn anh chằm chằm. Cái miệng mấp máy.

"Anh đang làm gì vậy?"

Tim Harry ngừng đập, phần vì câu hỏi ấy vẫn còn vang vọng trong căn phòng nên anh biết chắc chắn không phải là mơ, phần vì giọng nói đó không phải giọng phụ nữ, nhưng chủ yếu là vì có người đang đứng phía trước giường, cúi nhìn anh.

Tim anh lại bắt đầu đập như trống dồn và anh lật người lại hòng với lấy chiếc đèn pin vẫn còn đang bật. Nó rơi xuống sàn cùng một tiếng "bộp" khẽ rồi lăn lông lốc, khiến luồng sáng và bóng người chạy khắp bức tường.

Thế rồi đèn trần bật sáng.

Harry lóa cả mắt, phản xạ đầu tiên của anh là giơ hai tay lên che mặt. Một giây trôi qua. Chẳng có gì xảy ra. Không có tiếng súng, không có cú đâm nào. Harry hạ tay xuống.

Anh nhận ra người đàn ông đang đứng trước mặt mình.

"Anh đang làm cái quái gì vậy?" anh ta hỏi.

Ngoài cái áo choàng ngủ màu hồng đang mặc, trông anh ta không có vẻ gì là giống như vừa tỉnh giấc. Đường rẽ ngôi trên mái tóc vẫn thẳng tắp.

Đó là Anders Nygård.

"Tiếng động đã khiến tôi thức giấc," Nygård nói, đẩy cốc cà phê phin về phía Harry. "Điều đầu tiên tôi nghĩ đến là chắc có kẻ biết được căn hộ tầng trên không có người ở nên đã đột nhập vào. Vì vậy tôi mới lên kiểm tra."

"Tôi hiểu," Harry nói. "Nhưng tôi nhớ là mình đã khóa cửa sau khi

vào rồi mà."

"Tôi có chìa khóa của người quản lý nhà. Để phòng bất trắc."

Harry nghe thấy tiếng chân loẹt quẹt, anh bèn quay lại.

Vibeke Knutsen xuất hiện ở ngưỡng cửa trong chiếc áo choàng ngủ, vẻ mặt vẫn còn lơ mơ, mái tóc đỏ chĩa lung tung. Khi không có lớp trang điểm, lại còn dưới ánh sáng chói gắt trong căn bếp, trông cô có vẻ già hơn so với lần trước Harry gặp. Cô giật mình khi thấy anh ở đó.

"Có chuyện gì vậy?" cô lẩm bẩm, hết nhìn Harry lại đến anh bạn trai.

"Tôi đang kiểm tra lại mấy thứ trong căn hộ của Camilla," Harry vội vã giải thích khi thấy cô có vẻ đang tự mình suy đoán. "Tôi đang ngồi trên giường, định nhắm mắt nghỉ ngơi chốc lát thì thiếp đi mất. Nygård đây nghe thấy tiếng động nên đã đánh thức tôi. Ngày hôm nay dài quá."

Dù hoàn toàn không hiểu là vì sao, Harry vẫn ngáp một cái như để minh chứng cho lời nói của mình.

Vibeke đưa mắt nhìn bạn trai.

"Anh đang mặc cái gì vậy?"

Anders Nygård cúi nhìn chiếc áo choàng màu hồng như thể đến lúc này anh ta mới nhận ra mình đang mặc nó.

"Chà, chắc trông anh chuẩn drag queen nhỉ."

Anh ta cười khùng khục.

"Đây là quà anh mua tặng em đó, em yêu. Anh vẫn để nó trong va li, lúc nãy vội quá không tìm được gì nên anh đành mặc tạm. Trả em này."

Anh ta tháo dây đai, cởi áo ném về phía Vibeke. Tuy sửng sốt nhưng cô vẫn đưa tay bắt lấy.

"Cảm ơn anh," cô nói, vẻ bối rối.

"Mà em lại thức giấc cơ à, lạ nhỉ," anh ta rủ rỉ nói. "Em không uống thuốc ngủ sao?"

Vibeke ngượng ngùng liếc Harry một cái.

"Chúc ngủ ngon," cô lẩm bẩm rồi rời đi.

Anders bước tới chỗ máy pha cà phê, đặt bình cà phê vào chỗ cũ. Da trên lưng và hai bắp tay của anh ta có màu sáng, gần như trắng bệch, nhưng phần cẳng tay lại rám nắng hệt như tay của các tài xế xe tải vào mùa hè. Nước da ở phần trên và phần dưới đầu gối cũng có sự khác biệt rõ rệt như thế.

"Thường thì cô ấy ngủ say tít thò lò cả đêm," anh ta nói.

"Còn anh thì không?"

"Sao anh lại hỏi thế?"

"Phải vậy anh mới biết cô ấy ngủ say tít thò lò chứ."

"Đấy là cô ấy kể với tôi."

"Tức là chỉ cần có tiếng chân người đi lại ở tầng trên là anh tỉnh giấc?"

Anders nhìn Harry giây lát. Sau đó anh ta gật đầu.

"Anh nói đúng, thanh tra. Tôi không ngủ được. Thật khó mà yên giấc sau những chuyện đã xảy ra. Anh cứ nằm đó thao thức và vẽ ra vô số giả thuyết có khả năng."

Harry nhấp một ngụm cà phê. "Có giả thuyết nào anh muốn chia sẻ với chúng tôi không?"

Anders nhún vai.

"Tôi không biết nhiều lắm về những vụ giết người tập thể. Nếu quả thực vụ này là như thế."

“Không phải. Đây là giết người hàng loạt. Hai khái niệm khác hẳn nhau.”

“Rồi, nhưng chẳng lẽ anh không nhận thấy các nạn nhân đều có điểm chung gì đó sao?”

“Họ đều là những phụ nữ trẻ. Còn gì nữa không?”

“Họ có lối sống buông thả, phóng túng, hay đã từng như vậy.”

“Thế sao?”

“Anh cứ đọc báo thì biết. Những bài báo viết về quá khứ của mấy người phụ nữ ấy đã tự nói lên tất cả.”

“Lisbeth Barli đã có chồng và, theo như tôi biết, là người chung thủy.”

“Sau khi kết hôn thì đúng, nhưng trước đó, chẳng phải cô ta từng ở trong một ban nhạc đi lưu diễn tại các buổi vũ hội khắp cả nước hay sao. Chắc anh không ngây thơ đến mức ấy chứ, thanh tra?”

“Ừm. Vậy anh suy luận được điều gì từ điểm tương đồng đó?”

“Hung thủ trong những vụ án kiểu này thường coi mình là người nắm quyền sinh quyền sát và tự nâng bản thân lên ngang hàng với Chúa. Và trong Kinh Thánh, phần Thư gửi tín hữu Do Thái, chương 13, câu số 4, có nói rằng Chúa sẽ phán xử tất cả những kẻ mắc tội ngoại tình.”

Harry gật đầu và đưa tay lên xem đồng hồ.

“Tôi sẽ ghi nhớ điều đó.”

Nygård mân mê cốc cà phê.

“Anh đã tìm thấy thứ mình đang tìm chưa?”

“Có thể nói là vậy. Tôi đã tìm thấy hình ngôi sao năm cánh. Tôi cho là vì anh làm nghề buôn bán đồ nội thất trong nhà thờ nên anh biết nó là gì đúng không.”

"Ý anh là ngôi sao có năm đỉnh?"

"Phải, được vẽ bằng một nét liền. Anh có biết biểu tượng này có thể có ý nghĩa gì không?"

Đầu Harry tuy đang cúi xuống bàn nhưng thực tình anh đang lén quan sát vẻ mặt Nygård.

"Tôi biết cũng kha khá." Nygård nói, "Số năm là con số quan trọng nhất trong hắc thuật. Ngôi sao đó có mấy đỉnh hướng lên trên, một hay hai?"

"Một."

"Vậy thì không phải là dấu hiệu của quỷ. Biểu tượng mà anh nhắc đến có thể tượng trưng cho cả sức sống lẫn đam mê. Anh đã tìm thấy nó ở đâu?"

"Ở cột xà phía trên giường cô ta."

"À, ra vậy," Nygård nói. "Thế thì dễ hiểu thôi."

"Ồ?"

"Chúng tôi gọi biểu tượng đó là yểm linh giá, hay ngôi sao của quỷ."

"Yểm linh giá ư?"

"Một biểu tượng của những người ngoại giáo. Họ từng khắc nó phía trên đầu giường hoặc ngưỡng cửa để xua đuổi yểm quỷ."

"Yểm quỷ?"

"Đúng vậy, yểm quỷ. Chữ *yểm* trong từ *mộng yểm,* nghĩa là ác mộng. Đó là một nữ quỷ ngồi đè lên lồng ngực của một người đang ngủ và khiến anh ta gặp ác mộng. Những người ngoại giáo cho rằng con quỷ ấy chính là yêu linh. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, vì tên của nó, 'mare', bắt nguồn từ chữ 'mer' trong ngữ hệ Ấn-Đức."

"Thú thật, kiến thức của tôi về ngôn ngữ Ấn-Đức khá ít ỏi."

"Nó có nghĩa là 'chết'." Nygård cúi nhìn cốc cà phê của mình. "Hay chính xác hơn là, 'giết'."

Về đến nhà, Harry thấy trong máy trả lời tự động có lưu một lời nhắn. Là của Rakel. Cô muốn nhờ anh trông Oleg trong lúc thằng bé đi bơi tại bể bơi ở Frogner vào ngày mai, vì cô có hẹn với nha sĩ từ ba đến năm giờ. Oleg đã đề nghị như vậy, cô nói.

Harry ngồi xuống, nghe đi nghe lại đoạn tin nhắn để xem trong đó có tiếng thở giống như trong tin nhắn anh nhận được cách đây vài ngày không, nhưng chẳng phát hiện thấy điều gì.

Anh cởi đồ, không mặc gì đi ngủ. Đêm qua anh đã tháo ruột bông ra, chỉ đắp mỗi vỏ chăn. Sau một hồi trằn trọc đạp chăn, cuối cùng anh cũng thiếp đi, nhưng rồi một chân móc vào khoảng hở ở đầu chăn, làm anh hoảng hốt và tỉnh giác khi nghe tiếng vải bông rách toạc. Ngoài kia, bóng tối đã bắt đầu ngả sang màu xám xịt. Anh ném vỏ chăn lông vịt rách bươm xuống sàn và nằm quay mặt vào tường.

Thế rồi cô xuất hiện. Cô cưỡi lên người anh, tròng dây cương vào miệng anh và kéo. Đầu anh giật ngửa. Cô cúi xuống và phả hơi thở nóng hổi vào tai anh. Một con rồng phun lửa. Một thông điệp không lời, một tiếng rít, trong máy trả lời tự động. Cô quất mạnh vào mạng sườn anh, vào hông và đùi anh, cảm giác đau đớn mói ngọt ngào làm sao, và cô nói, chẳng bao lâu nữa cô sẽ là người đàn bà duy nhất anh có thể yêu, vì vậy tốt hơn hết anh nên quen với điều đó ngay từ đầu đi.

Cô chỉ chịu buông tha cho anh khi mặt trời đã lên cao tới đỉnh.

THỨ TƯ



dưới nước

Khi Harry đỗ xe bên ngoài bể bơi ngoài trời tại Frogner lúc kém ba giờ một chút, anh chợt hiểu ra tất cả những người bị bỏ lại ở Oslo đã kéo nhau đi đâu. Một đoàn người dài đến cả trăm mét đang rồng rắn xếp hàng trước quầy bán vé. Anh tranh thủ giở tờ *Verdens Gang* ra đọc trong lúc đoàn người rục rịch tiến về phía sự cứu rỗi sặc mùi clo.

Trên báo không có tin tức nào mới về vụ giết người hàng loạt, nhưng đám phóng viên vẫn đào bới được tư liệu đủ để bôi ra đến bốn trang. Những dòng tít có phần khó hiểu và nhắm vào đối tượng độc giả đã theo dõi vụ này một thời gian. Bây giờ họ gọi chuyên án đó bằng cái tên “Sát nhân Giao hàng”. Mọi tình tiết đều được công khai, cảnh sát không còn nắm giữ ưu thế về thông tin so với báo chí nữa, và Harry đoán những cuộc họp hằng sáng của ban biên tập chắc cũng chẳng khác gì cuộc họp giữa các thanh tra điều tra vụ án. Anh đọc lời khai của những nhân chứng được thẩm vấn ở Sở Cảnh sát, không hiểu sao khi nói chuyện với báo chí thì họ lại nhớ được lắm thế. Anh đọc mấy bài khảo sát trên báo trong đó người dân cho biết họ

cảm thấy lo lắng, sợ sệt hay hãi hùng, còn những công ty vận chuyển thì lên tiếng yêu cầu được đền bù thiệt hại vì họ không thể làm việc khi người dân không chịu cho nhân viên giao nhận vào nhà, và rốt cuộc thì trách nhiệm truy bắt hung thủ lại thuộc về chính quyền, phải không? Sự liên quan giữa những vụ án "Sát nhân Giao hàng" và vụ mất tích của Lisbeth Barli đến giờ không còn là suy đoán nữa mà đã là sự thật hiển nhiên. Chình ình dưới hàng tít "Thay em bằng chị" là bức ảnh to tướng của Toya Harang và Wilhelm Barli được chụp trước Nhà hát Quốc gia. Kèm theo đó là dòng chú thích: "Nhà sản xuất năng nổ không có ý định hủy buổi diễn."

Harry lướt mắt xuống đoạn văn chủ chốt trích dẫn lời phát biểu của Wilhelm Barli:

> *"Buổi diễn phải tiếp tục" không chỉ là câu nói sáo rỗng rẻ tiền, mà cực kỳ nghiêm túc với những người trong nghề như chúng tôi, và tôi biết Lisbeth sẽ ủng hộ điều đó, cho dù cô ấy đã gặp phải chuyện gì di chăng nữa. Dĩ nhiên, vụ việc xảy ra có ảnh hưởng nhất định đến tình hình, nhưng dẫu thế nào, chúng tôi vẫn đang cố gắng giữ vững tinh thần lạc quan. Buổi diễn này giống như sự tôn vinh dành cho Lisbeth, cô ấy là một nghệ sĩ xuất chúng, dù cô ấy chưa nhìn thấy dược tiềm năng của bản thân nhưng sau này cô ấy sẽ nhận ra. Tôi thực sự không thể cho phép mĩnh nghĩ đến điều gì khác hơn.*

Khi cuối cùng cũng đi qua được cổng chính, Harry dừng lại đưa mắt nhìn quanh. Chắc phải hai mươi năm rồi anh chưa đặt chân đến bể bơi ngoài trời

tại Frogner, thế nhưng ngoài việc nâng cấp diện mạo bên ngoài tòa nhà và một cái cầu trượt nước màu xanh dương to tướng được lắp ở phần đầu bể bơi nông, thì nơi này hầu như chẳng khác mấy. Ở đây vẫn còn mùi clo, bụi nước li ti bay lên từ mấy vòi sen đang phun vào các bể tạo thành những chiếc cầu vồng nho nhỏ, tiếng chân lộp cộp trên mặt đường nhựa, những đứa trẻ run rẩy trong bộ đồ bơi ướt nhẹp đứng xếp hàng dưới mái che phía trước quầy bán hàng.

Anh tìm thấy Rakel và Oleg trên bãi cỏ dốc bên dưới bể bơi dành cho trẻ em.

“Chào.”

Miệng Rakel mỉm cười nhưng khó mà dò được ánh mắt cô phía sau cặp kính râm Gucci cỡ lớn. Cô đang mặc bộ bikini màu vàng. Không nhiều phụ nữ có thể tự tin mặc đẹp bikini màu vàng, nhưng Rakel là một trong số đó.

“Chú biết không,” Oleg kêu lên, đầu nghiêng về một bên để cố giũ nước trong tai chảy ra ngoài. “Cháu vừa nhảy xuống bể từ trên cầu cao năm mét đấy.”

Harry ngồi xuống bãi cỏ bên cạnh họ, dù trên tấm thảm vẫn còn rất nhiều chỗ trống.

“Cháu lại đang chém gió chứ gì.”

“Chém đâu mà chém, cháu nói thật mà.”

“Năm mét cơ à? Cứ như diễn viên mạo hiểm ấy nhỉ.”

“Chú đã bao giờ nhảy cầu năm mét chưa, chú Harry?”

“Một đôi lần.”

“Vậy còn bảy mét?”

"Ừm, chú từng nhảy cầu tiếp nước bằng bụng."

Harry trao cho Rakel cái nhìn đầy ẩn ý, nhưng cô còn đang mải nhìn Oleg, thằng bé đột nhiên ngừng lắc đầu và nhỏ giọng hỏi, "Mười mét?"

Harry ngước lên nhìn bể nhảy cầu đang rộn vang tiếng la hét đầy khoái chí và những lời nhắc nhở oang oang của nhân viên cứu hộ trên loa phóng thanh. Mười mét. Tháp nhảy cầu sừng sững vươn lên trời xanh hệt như hình chữ T màu đen trắng. Thực ra không phải lần cuối cùng anh đặt chân đến nơi này là hai mươi năm trước. Bởi anh đã từng đến đây vào một đêm hè sau đó vài năm. Anh cùng Kristin trèo qua hàng rào, leo lên tháp nhảy cầu và hai người đã nằm cạnh nhau trên chiếc cầu cao nhất. Họ cứ nằm yên như thế, nói đủ thứ chuyện trên trời dưới biển, mặc cho tấm ván cứng đanh thô nhám dính dấp lấy da thịt và những vì sao tỏa sáng lấp lánh trên trời cao. Anh cứ tưởng cô sẽ mãi là người duy nhất mà anh yêu.

"Chưa, chú chưa bao giờ nhảy từ độ cao mười mét cả," anh nói.

"Chưa bao giờ ư?"

Harry có thể nghe thấy sự thất vọng toát ra từ trong giọng nói của Oleg.

"Chưa. Chỉ lao cầu thôi."

"Lao cầu ư?" Oleg đứng bật dậy. "Thế thì còn ngầu hơn. Có nhiều người chứng kiến không ạ?"

Harry lắc đầu. "Lúc đó là ban đêm. Chỉ có mình chú thôi."

Oleg rên lên. "Vậy thì có ích gì cơ chứ? Dũng cảm để làm gì nếu không ai nhìn thấy?"

"Đôi lúc chú cũng tự hỏi bản thân điều đó."

Harry cố gắng nắm bắt ánh mắt của Rakel, nhưng cặp kính râm của cô

lại quá tối. Cô đã cất xong đồ vào túi xách, mặc áo phông và chân váy denim ngắn màu xanh ra ngoài bộ bikini.

“Nhưng đấy mới là điều khó khăn hơn cả,” Harry nói. “Một thân một mình, không người chứng kiến.”

“Cảm ơn đã giúp em lần này, Harry,” Rakel nói. “Anh thật tốt.”

“Đừng khách sáo,” anh nói. “Em đi bao lâu cũng được.”

“Người quyết định là ông nha sĩ kìa,” cô nói. “Hy vọng là không quá lâu.”

“Chú tiếp nước thế nào ạ?” Oleg hỏi.

“Theo cách thông thường thôi,” Harry nói, mắt vẫn không rời Rakel.

“Năm giờ em về,” cô nói. “Đừng đi đâu đấy.”

“Bọn anh sẽ không đi đâu hết,” Harry nói, lời vừa thốt ra anh đã lập tức hối hận. Bây giờ không phải lúc và ở đây không phải chỗ để tỏ ra ủy mị. Sẽ có những dịp khác phù hợp hơn.

Harry nhìn theo cho đến khi cô đi khuất. Anh thầm nghĩ để đặt được cuộc hẹn giữa kỳ quốc lễ như thế này hẳn phải khó khăn lắm.

“Chú xem cháu nhảy cầu năm mét nhé?” Oleg hỏi.

“Được,” Harry đáp và cởi áo phông ra.

Oleg nhìn anh chằm chằm.

“Chú không bao giờ tắm nắng à, chú Harry?”

“Không bao giờ.”

Sau khi xem Oleg hoàn thành hai cú nhảy, Harry cởi quần jean và đến đứng cạnh Oleg trên cầu nhảy. Chiếc quần đùi cũ kỹ có in hình cờ EU của anh gom về những ánh nhìn khó chịu của mấy cậu trai đang xếp hàng trong lúc anh hướng dẫn Oleg cách nhảy gập người. Anh xòe bàn tay ra.

“Mấu chốt ở đây là khi nhảy phải giữ cho thân người ở tư thế nằm ngang. Trông thì rất kỳ cục. Người ngoài nhìn vào sẽ thấy giống như cái bánh tráng thả rơi. Nhưng rồi đến phút chót…”

Harry ép ngón cái vào ngón trỏ.

“… cháu gập người lại như một con dao nhíp và tiếp nước bằng cả bàn tay lẫn bàn chân cùng lúc.”

Harry chạy đà rồi nhảy. Anh nghe thấy nhân viên cứu hộ tuýt còi đúng lúc anh làm động tác gập người và trán chạm xuống nước.

“Này anh kia, tôi đã bảo cấm nhảy cầu năm mét rồi cơ mà,” giọng nói oang oang trên loa phóng thanh khi anh trồi lên khỏi mặt nước.

Oleg đứng trên cầu nhảy ra hiệu với anh, và Harry giơ ngón cái để tỏ ý là anh đã hiểu.

Anh trèo lên bờ, rón rén bước xuống thang và đến đứng cạnh một trong những ô cửa sổ nhìn vào bể nhảy cầu. Anh quệt hai ngón tay lên mặt kính mát rượi, vẽ một hình trên lớp hơi nước đang đọng lại và đăm đăm nhìn quang cảnh dưới nước màu xanh lam, xanh ngọc. Trên phía gần mặt nước, anh có thể trông thấy những bộ đồ bơi, những đôi chân đang quẫy đạp và hình bóng một đám mây trên bầu trời xanh biếc. Đột nhiên anh nghĩ đến quán rượu Underwater.

Thế rồi Oleg tung người nhảy. Nó lao ùm xuống nước giữa đám bọt tung tóe, nhưng thay vì trồi lên khỏi mặt nước, nó đạp chân vài cái rồi bơi đến bên ô cửa sổ nơi Harry đang đứng.

Hai chú cháu nhìn nhau. Oleg mỉm cười, khua khoắng hai cánh tay và chỉ trỏ. Khuôn mặt nó nhợt nhạt, xanh lét. Harry không nghe được âm thanh phát ra từ bên trong bể, anh chỉ thấy miệng Oleg đang mấp máy, mái tóc đen dập dềnh nhẹ nhàng như thể đám tảo biển, và thằng bé đang chỉ lên

trên. Hình ảnh ấy gọi cho Harry nhớ đến một điều mà lúc này anh không muốn nghĩ đến. Anh đứng đó, Oleg ở phía bên kia tấm kính, mặt trời tỏa nắng chói chang trên bầu trời, quanh anh là muôn vàn thanh âm náo nhiệt của cuộc sống, vậy mà trong khoảng lặng tuyệt đối này đây, trong anh đột nhiên xuất hiện dự cảm rằng dường như có một điều chẳng lành sắp xảy đến.

Thế rồi ngay giây phút tiếp theo, anh đã quên phắt luôn và dự cảm chẳng lành kia được thay bằng một cảm giác khác khi Oleg đạp nước và biến mất khỏi tầm nhìn. Harry đứng đó, mắt dán chặt vào màn hình ti vi trống trơn. Màn hình ti vi trống trơn. Cùng nét vẽ của anh trên mặt kính mờ hơi nước. Giờ thì anh biết mình đã trông thấy nó ở đâu rồi.

“Oleg!” Anh vội vã chạy lên cầu thang.

Nói chung, Karl không có thói quen quan tâm đến người khác. Chẳng hạn, dù đang trông coi cửa hàng bán ti vi ở quảng trường Carl Berners đã hơn hai mươi năm, nhưng ông ta chưa bao giờ có hứng thú tìm hiểu đôi nét về tiểu sử nhân vật có tên giống mình được đặt cho quảng trường này. Mà ông ta cũng chẳng muốn biết điều gì về người đàn ông cao lớn đang đứng trước mặt mình cùng tấm thẻ cảnh sát, hay thằng bé với mái tóc ướt sũng đứng ngay cạnh anh ta. Hoặc cô gái mà gã cảnh sát đó nhắc tới, xác cô ta đã được phát hiện trong nhà vệ sinh của văn phòng công ty luật phía bên kia đường. Người duy nhất ông ta quan tâm lúc này là cô gái trên trang bìa tờ tạp chí *Vi Menn,* rằng cô ta bao nhiêu tuổi, có thật là quê ở Tønsberg và thích khỏa thân tắm nắng trên ban công nhà cô ta để đàn ông đi qua có thể trông thấy

được hay không.

“Tôi đã đến đây vào hôm Barbara Svendsen bị giết,” gã cảnh sát nói.

“Vâng, anh nói thế thì tôi biết thế,” Karl đáp.

“Ông thấy chiếc ti vi cạnh cửa sổ chứ? Nó không được cắm điện,” gã cảnh sát nói và chỉ tay.

“Ti vi Philips,” Karl nói, gạt tờ *Vi Menn* sang một bên.

“Hàng ngon, đúng không? Tần số năm mươi Herzt. Màn hình phẳng. Âm thanh vòm, có teletext và radio. Giá niêm yết là bảy mươi chín, nhưng với anh thì tôi lấy năm mươi chín thôi.”

“Có người đã vẽ hình lên lớp bụi trên màn hình. Ông có thấy không?”

“Thôi được rồi,” Karl thở dài. “Năm mươi sáu vậy.”

“Tôi cóc quan tâm đến cái ti vi,” gã cảnh sát nói. “Tôi muốn biết người nào đã vẽ lên đó.”

“Để làm gì?” Karl hỏi. “Thực tình tôi có định khiếu nại hay gì đâu.”

Gã cảnh sát nhoài người qua mặt quầy. Nhìn sắc mặt gã, Karl biết gã không thích câu trả lời vừa nhận được.

“Nghe cho rõ đây. Chúng tôi đang truy tìm một kẻ giết người và tôi có lý do để tin rằng hắn đã ở đây vẽ lên màn hình chiếc ti vi đó. Thế đã đủ chưa?”

Karl im thin thít gật đầu.

“Tuyệt. Bây giờ tôi muốn ông nghĩ cho thật kỹ.”

Gã cảnh sát quay lại nhìn khi tiếng chuông leng keng vang lên đằng sau lưng. Một người phụ nữ xuất hiện ở cửa, tay xách chiếc hộp bằng kim loại.

“Cái ti vi Philips,” gã nói và chỉ về phía đó.

Cô ta im lặng gật đầu, sau đó cúi người trước bức tường đặt chiếc ti vi và mở hộp của mình ra.

Karl tròn xoe mắt nhìn họ đăm đăm.

“Thế nào?” gã cảnh sát hỏi.

Karl bắt đầu lờ mờ hiểu ra việc này quan trọng hơn Liz ở Tønsberg.

“Tôi làm sao nhớ được tất cả những người đã vào đây, đúng không?” ông ta lắp bắp, ý rằng mình chẳng thể nhớ được bất kỳ ai.

Thực sự là vậy đấy. Những khuôn mặt chẳng có ý nghĩa gì đối với ông ta cả. Ngay đến khuôn mặt của Liz cũng đã rơi vào quên lãng rồi.

“Tôi không cần phải quan tâm đến tất cả bọn họ,” anh ta nói. “Chỉ một người này thôi. Hôm nay cửa hàng có vẻ im ắng nhỉ.”

Karl lắc đầu chịu thua.

“Hay là xem vài tấm ảnh nhé?” gã cảnh sát nói. “Liệu ông có nhận ra hắn không?”

“Không biết. Đến anh, tôi còn chẳng nhận ra nữa là…”

“Chú Harry…” thằng bé gọi.

“Nhưng ông có trông thấy ai vẽ lên cái ti vi không?”

“Chú Harry…”

Đúng là Karl có thấy một người trong cửa hàng ngày hôm đó. Ông ta đã chợt nhớ ra chi tiết này lúc cảnh sát đến hỏi ông ta có nhìn thấy điều gì đáng ngờ không. Vấn đề là ở chỗ, người đó không làm gì mà chỉ đứng nhìn chằm chằm vào màn hình những chiếc ti vi. Vì thế, ông ta biết phải nói gì đây? Rằng có một người ông ta không nhớ mặt đã ở trong cửa hàng và hành xử đáng ngờ ư? Để rước vào thân một mớ rắc rối và những sự chú ý không cần thiết chắc?

"Không," Karl đáp. "Tôi không thấy ai vẽ lên ti vi cả."

Gã cảnh sát lầm bầm gì đó.

"Chú Harry…" Thằng bé kéo áo phông gã cảnh sát. "Năm giờ rồi đấy ạ."

Gã đứng thẳng dậy, xem đồng hồ đeo tay.

"Beate," gã nói. "Cô có phát hiện được gì không?"

"Giờ vẫn còn sớm quá," cô ta đáp. "Đúng là có dấu vết thật, nhưng hắn rê ngón tay nên khó tìm được dấu vân tay hoàn chỉnh."

"Gọi cho tôi nhé."

Chiếc chuông trên cửa lại vang lên, chỉ còn Karl và người phụ nữ cùng chiếc hộp kim loại trong cửa hàng.

Ông ta lại cầm Liz ở Tønsberg lên, nhưng sau đó đổi ý. Ông ta úp mặt cô ta xuống rồi bước tới bên nữ cảnh sát. Với cây cọ nhỏ xíu trong tay, cô ta đang nhẹ nhàng phủi đi thứ trông như lớp bụi được cô ta rắc lên màn hình. Giờ thì ông ta đã có thể nhìn thấy hình vẽ hiện lên trên lớp bụi đó. Lâu nay ông ta đã chủ trương cắt giảm chi phí, kể cả phí dọn dẹp vệ sinh, vì thế chẳng có gì lạ khi dấu vết vẫn còn lưu lại trên màn hình sau vài ngày. Nhưng hình vẽ kia thì đúng là lạ.

"Nó có ý nghĩa gì vậy?" ông ta hỏi.

"Không biết," cô ta đáp. "Tôi chỉ mói biết nó được gọi là gì thôi."

"Và đó là?"

"Ngôi sao của quỷ."

THỨ TƯ



những người xây thánh đường

Harry và Oleg chạm trán Rakel lúc cô đang trên đường rời khỏi bể bơi ngoài trời ở Frogner. Cô chạy ào tới ôm chầm lấy Oleg, đồng thời ném cho Harry ánh mắt hình viên đạn.

“Anh nghĩ mình đang làm cái gì vậy hả?” cô khẽ thì thào.

Harry đứng đó, hai tay buông thõng, lúng túng đổi chân trụ. Anh biết mình có thể cho cô câu trả lời. Anh có thể nói việc anh đang “làm” là cố gắng cứu vớt sinh mạng của những con người trong thành phố này, nhưng ngay cả điều đó cũng là dối trá. Sự thật là anh chỉ đang “làm” việc của anh và để mặc cho những người xung quanh trả giá. Xưa nay đã thế, sau này vẫn vậy, và nếu trong lúc hành sự có mạng sống nào tình cờ được cứu vớt thì cũng coi như là lợi ích ngoài lề.

Thay vào đó, anh nói, “Anh xin lỗi.” ít nhiều gì, đó cũng là sự thật.

“Bọn con tới nơi một kẻ giết người hàng loạt đã đến,” Oleg hớn hở nói nhưng rồi im bặt khi trông thấy vẻ sửng sốt trên mặt mẹ.

“Ừm…” Harry lên tiếng.

“Đừng,” Rakel ngắt lời anh. “Đừng có *giải thích.”*

Harry nhún vai và trao cho Oleg nụ cười buồn bã.

“Để anh đưa mẹ con em về.”

Chưa cần nghe cô nói, anh cũng đã đoán được câu trả lời. Anh đứng đó nhìn theo hai mẹ con. Rakel quày quả sải bước đi trước. Oleg quay lại và vẫy anh. Anh cũng vẫy chào thằng bé.

Mặt trời chói chang khiến hai mắt anh nhức nhối.

Căng tin nằm trên tầng thượng của Sở Cảnh sát. Bước qua ngưỡng cửa vào bên trong, Harry liền quét mắt nhìn quanh. Ngoài một người đang ngồi quay lưng về phía một trong mấy chiếc bàn thì căn phòng rộng lớn vắng tanh vắng ngắt. Harry đã lái xe từ công viên Frogner tới thẳng Sở Cảnh sát. Lúc đi qua hành lang trên tầng sáu, anh nhận thấy phòng làm việc của Tom Waaler không có ai nhưng đèn thì vẫn bật.

Harry tới chỗ quầy phục vụ, nơi những cánh cửa chớp bằng thép đóng im ỉm. Chiếc ti vi treo ở góc phòng đang phát chương trình quay xổ số. Harry quan sát trái bóng lăn xuống cái phễu. Tiếng ti vi tuy nhỏ nhưng anh vẫn nghe thấy một giọng phụ nữ nói: “Năm, đó là số năm.” Ai đó gặp may rồi. Bỗng có tiếng ghế xô ở bàn có người ngồi.

“Chào Harry. Quầy phục vụ đóng cửa rồi.”

Người đó chính là Tom.

“Tôi biết,” Harry nói.

Anh nghĩ đến điều Rakel đã hỏi, rằng thực sự anh đang làm gì vậy.

“Tôi chỉ định hút điếu thuốc thôi.”

Harry hất đầu về phía cánh cửa mở ra khoảng sân thượng mà thực tế

đã bị trưng dụng thành nơi hút thuốc quanh năm suốt tháng.

Quang cảnh nhìn từ sân thượng quả là tuyệt vời, nhưng không khí trên này vẫn nóng bức và tĩnh mịch hệt như dưới mặt đất. Nắng chiều nghiêng nghiêng phủ lên thành phố và dừng lại tại Bjørvika, khu vực ở Oslo có đường cao tốc, cảng container vận chuyển và là chỗ tá túc của dân nghiện, nhưng chẳng bao lâu nữa nơi đây sẽ mọc lên một nhà hát opera, các khách sạn và những căn hộ dành cho giới triệu phú. Sự giàu sang đã bắt đầu lan tỏa khắp thành phố với tốc độ như vũ bão. Nó khiến Harry nghĩ đến loài cá trê sống trong sông ngòi ở châu Phi, những con cá lớn đen sì không biết đường bơi đến những vùng nước sâu hơn khi xảy ra hạn hán, để rồi cuối cùng bị mắc kẹt trong một vũng bùn nào đó cứ ngày một cạn khô. Tất cả các công trình đều đã bắt đầu khởi công, những chiếc cần trục sừng sững như những chú hươu cao cổ in bóng trên mặt trời buổi chiều.

“Rồi sẽ rất tuyệt cho mà xem.”

Anh thậm chí còn không nghe thấy tiếng bước chân Tom đến gần.

“Để rồi xem.”

Harry rít một hơi thuốc. Anh không chắc mình vừa trả lời cho câu hỏi gì.

“Tôi nghĩ anh sẽ thích,” Waaler nói. “Chỉ cần quen với nó là sẽ ổn thôi.”

Harry có thể hình dung ra trước mặt anh là bầy cá trê đang nằm trong vũng bùn sau khi vùng nước cuối cùng bốc hơi mất, chúng quẫy đuôi, ngắc ngoải ngáp lớn trong lúc vật lộn làm quen với việc thở trên cạn.

“Nhưng tôi muốn nghe câu trả lời của anh, Harry. Tôi cần phải biết anh có đồng ý tham gia hay không.”

Chết vì mắc cạn. Cái chết của bầy cá trê có lẽ chẳng tệ hơn cái chết vì bất kỳ nguyên nhân nào khác cả. Mắc cạn đến chết chắc cũng khá dễ chịu.

"Beate có gọi điện," Harry nói. "Cô ấy đã kiểm tra những dấu vân tay để lại ở cửa hàng ti vi."

"Ồ?"

"Chỉ là những dấu vân tay không hoàn chỉnh thôi. Mà chủ cửa hàng cũng chẳng nhớ được điều gì."

"Thật đáng tiếc. Aune có kể là ở Thụy Điển người ta thu được những kết quả rất tốt nhờ sử dụng thuật thôi miên với những nhân chứng hay quên đấy. Hay là chúng ta cũng thử xem."

"Được thôi."

"Chiều nay bên Pháp y còn gửi đến một thông tin đáng chú ý nữa. Về Camilla Loen."

"Ừm?"

"Hóa ra cô ta đang có thai. Hai tháng. Nhưng chẳng ai trong số những người quen biết với cô ta mà chúng ta thẩm vấn biết được bố đứa bé là ai. Tôi không cho rằng việc đó có liên quan lắm đến cái chết của cô ta, nhưng biết được cũng thú vị đấy chứ."

"Ừm."

Hai người đứng đó trong im lặng. Waaler bước tới chỗ lan can và nhoài người tì lên tay vịn.

"Tôi biết anh không ưa tôi, Harry. Và tôi cũng không đòi hỏi anh phải bắt đầu ưa tôi sau một sớm một chiều."

Anh ta ngừng lại giây lát.

"Nhưng nếu sắp tới tôi và anh hợp tác thì chúng ta cũng phải bắt đầu

từ đâu đó chứ, như cởi mở với nhau hơn một chút chẳng hạn."

"Cởi mở?"

"Đúng vậy. Nghe có khó tin quá không?"

"Một chút."

Tom Waaler mỉm cười. "Cũng phải, nhưng anh có thể bắt đầu trước. Hãy hỏi tôi bất cứ điều gì anh muốn biết về tôi."

"Biết ư?"

"Đúng thế. Hỏi gì cũng được."

"Có phải chính anh đã bắn…?" Harry im bặt. "Được rồi," anh nói. "Tôi muốn biết động cơ của anh là gì."

"Ý anh là sao?"

"Điều gì thôi thúc anh thức dậy hằng sáng và làm những việc anh vẫn làm. Anh theo đuổi điều gì và tại sao."

"Tôi hiểu rồi."

Tom ngẫm nghĩ về điều đó. Một hồi lâu. Sau đó anh ta chỉ tay về phía những chiếc cần trục.

"Anh có trông thấy những thứ kia không? Cụ tôi đã nhập cư từ Scotland sang đây cùng sáu con cừu giống Sutherland và một lá thư do hội thợ hồ ở Aberdeen gửi cho. Cụ ấy đã góp sức xây dựng nên những ngôi nhà mà anh vẫn thấy bên bờ sông Akerselva và dọc theo đường ray xe lửa về phía Đông. Sau này các con cháu cũng theo nghề của cụ, cho tới đời bố tôi. Ông tôi đã đổi họ sang họ của người Na Uy, nhưng khi chúng tôi chuyển nhà đến khu Tây Oslo, bố tối lại lấy theo họ cũ. Waaler. Nghĩa là *bức tường*. Cái họ ấy ít nhiều cũng chứa đựng niềm tự hào, nhưng chủ yếu bố tôi nghĩ rằng họ Andersen nghe quá đỗi bình thường đối với một thẩm phán

tương lai.”

Harry quan sát Waaler. Anh cố tìm kiếm vết sẹo trên cằm anh ta.

“Vậy ra anh đã được dạy dỗ để trở thành thẩm phán?”

“Đó là mục tiêu ban đầu khi tôi quyết định theo ngành luật. Và có thể tôi vẫn sẽ tiếp tục con đường đó nếu không vì chuyện đã xảy ra.”

“Chuyện gì?”

Waaler nhún vai.

“Bố tôi qua đời vì tai nạn trong lúc làm việc. Có một điều thật lạ là khi bố anh mất, đột nhiên anh sẽ hiểu ra rằng những lựa chọn anh đưa ra không phải chỉ là để thỏa mãn lợi ích của bản thân mà còn là vì ông ấy nữa. Ngay sau đó tôi cảm nhận được mình chẳng có điểm chung gì với những sinh viên luật khác. Tôi tự thấy mình khá giống một kẻ ngây thơ chạy theo mớ lý tưởng hão huyền. Tôi cứ nghĩ mục tiêu là giương cao ngọn cờ công lý, thúc đẩy sự tiến bộ của nền dân chủ hiện đại. Thế nhưng tôi phát hiện ra với phần đông những người khác, điều đó có nghĩa là tìm kiếm danh lợi và một công việc cho bản thân, đủ đánh bóng tên tuổi để ‘cua’ được cô nàng hàng xóm ở Ullern. Ừm, anh cũng đã từng học luật mà…”

Harry gật đầu.

“Có lẽ là do di truyền,” Waaler nói. “Nhưng tựu trung tôi vẫn luôn thích xây dựng nhiều thứ. Những thứ lớn lao. Ngay từ khi còn nhỏ. Tôi đã xây những cung điện khổng lồ bằng những miếng ghép Lego, hoành tráng hơn hết thảy công trình của những đứa trẻ khác. Trong giới luật, tôi nhận ra rằng cách nghĩ của tôi khác hẳn cách nghĩ thiển cận của toàn bộ những con người thiển cận kia. Hai tháng sau khi chôn cất bố, tôi nộp đơn xin vào Học viện Cảnh sát.”

"Ừm. Rồi tốt nghiệp thủ khoa, theo như lời dân tình đồn đại.

"Á khoa."

"Và anh phải xây dựng lâu đài của mình ở đây, tại Sở Cảnh sát này?"

"Không hề *phải.* Trên đời làm gì có chuyện *phải* thế này hay thế khác, Harry ạ. Khi còn nhỏ, tôi đã giành những miếng ghép Lego của các bạn để xây nhà thật to cho mình. Vấn đề chỉ là anh muốn gì mà thôi. Anh muốn một ngôi nhà tủn mủn, bé mọn dành cho những mảnh đời tủn mủn, bé mọn, hay anh muốn những nhà hát opera và thánh đường, những công trình kỳ vĩ hướng về một thứ lớn lao hơn là chính bản thân anh, một thứ anh có thể nỗ lực phấn đấu vì nó?"

Waaler vuốt dọc theo tay vịn bằng thép.

"Xây thánh đường chính là một sứ mệnh thiêng liêng, Harry ạ. Ở Italy, thợ hồ thiệt mạng trong quá trình xây dựng nhà thờ từng được tôn vinh là kẻ tử vì đạo. Mặc dù người ta xây dựng thánh đường vì con người, thế nhưng trong lịch sử nhân loại, làm gì có thánh đường nào không được xây đắp từ xương máu của chính con người cơ chứ. Ông tôi từng nói như vậy đấy. Và điều đó sẽ mãi mãi không bao giờ thay đổi. Máu của gia đình tôi đã hòa cùng vôi vữa để xây nên nhiều tòa nhà mà anh có thể nhìn thấy được từ đây. Tôi chỉ muốn mang lại nhiều công bằng hơn thôi. Cho tất cả mọi người. Và tôi sẽ sử dụng đến những vật liệu xây dựng cần phải có."

Harry chăm chú nhìn ánh lửa ở đầu điếu thuốc.

"Tôi cũng là một vật liệu xây dựng chứ gì?"

Waaler mỉm cười.

"Đó cũng là một cách nói. Nhưng câu trả lời là, đúng vậy. Nếu anh muốn. Tôi còn những lựa chọn khác nữa…"

Không cần anh ta phải nói hết câu, Harry cũng đã đoán ra phần còn lại: "… chứ *anh* thì không."

Harry rít một hơi thuốc dài rồi trầm giọng hỏi, "Nếu tôi đồng ý gia nhập thì sao?"

Waaler nhướn một bên lông mày, nhìn Harry chằm chằm hồi lâu trước khi đáp.

"Anh sẽ được giao phó nhiệm vụ đầu tiên của mình, nhiệm vụ mà anh phải đích thân hoàn thành và không được có bất cứ thắc mắc nào. Tất cả những tiền bối của anh đều đã từng trải qua chuyện này. Để chứng tỏ lòng trung thành."

"Và nhiệm vụ đó là gì?"

"Đến lúc thích hợp anh sẽ biết. Nhưng như thế nghĩa là anh sẽ phải đoạn tuyệt với quá khứ."

"Phải chăng điều đó có nghĩa là tôi phải làm trái luật pháp của Na Uy?"

"Có thể."

"A ha," Harry nói. "Vậy ra mục đích là để các anh nắm được thóp tôi, để tôi không dám sinh lòng phản trắc với các anh."

"Đáng ra tôi đã có thể chọn một cách diễn đạt khác, nhưng về cơ bản thì anh hiểu đúng rồi đấy."

"Công việc mà chúng ta đang nói tới là gì? Buôn lậu à?"

"Hiện tại tôi chưa thể tiết lộ với anh được."

"Sao anh dám đảm bảo tôi không phải gián điệp của Cục An ninh hay Cơ quan Điều tra Đặc biệt?"

Waaler rướn xa hơn nữa qua lan can và chỉ tay xuống phía dưới.

"Anh có thấy cô ta không, Harry?"

Harry bước tới lan can, và nhìn xuống công viên. Mọi người vẫn đang nằm dài trên bãi cỏ xanh mướt để tận hưởng những tia nắng cuối cùng.

"Cô ta mặc bikini màu vàng," Waaler nói. "Màu đó khá đẹp đối với một bộ bikini, nhỉ?"

Dạ dày Harry quặn lên, anh lại đứng thẳng dậy.

"Bọn tôi đâu có ngu," Waaller nói, vẫn không rời mắt khỏi bãi cỏ. "Bọn tôi theo dõi tất cả những người bọn tôi muốn chiêu mộ. Cô ta rất biết cách ăn mặc đấy. Khôn ngoan và độc lập, theo như những gì tôi thấy. Nhưng dĩ nhiên, cô ta muốn những điều mà bất kỳ người đàn bà nào ở địa vị ấy cũng mong muốn. Một người đàn ông đủ khả năng chăm lo cho cô ta. Đó đơn thuần là bản năng thôi. Mà anh thì làm gì còn nhiều thời gian. Đàn bà như cô ta không độc thân lâu đâu."

Điếu thuốc của Harry rơi qua lan can, để lại những đốm lửa lấp lánh phía sau.

"Có một cảnh báo về cháy rừng được đưa ra đối với toàn vùng Østland hôm qua đấy," Waaler nói.

Harry không đáp. Anh chỉ rùng mình khi cảm thấy bàn tay Waaler đặt lên vai mình.

"Đúng ra mà nói thì hạn chót đã qua rồi, Harry ạ. Nhưng để bày tỏ thiện chí của bọn tôi, tôi sẽ cho anh thêm hai ngày. Nếu sau thời hạn đó mà tôi không nhận được tin gì thì lời đề nghị sẽ bị hủy bỏ."

Harry khó nhọc nuốt khan, cố gắng cất lời nhưng lưỡi anh không chịu tuân theo, tuyến nước bọt của anh chẳng khác nào lòng sông khô cạn ở châu Phi.

Cuối cùng, khó khăn lắm anh mới đáp được một câu.

"Cảm ơn."

Beate Lønn là người yêu công việc. Cô thích những quy trình quen thuộc, thích sự an toàn, hiểu được khả năng của bản thân, và cô biết những đồng nghiệp của cô ở Viện Pháp y tọa lạc tại số 21A phố Kjølberggata cũng biết điều đó. Bởi công việc là điều duy nhất trong đời quan trọng đối với cô, cho cô đủ lý do để thức dậy hằng sáng. Tất cả những thứ khác chỉ giống như những khúc gian tấu mà thôi. Cô sống cùng mẹ đẻ tại căn nhà ở Oppsal, toàn bộ tầng trên cùng chỉ có mình cô ở. Hai mẹ con cực kỳ hợp nhau. Cô là con gái rượu của bố cô hồi ông vẫn còn sống, và cô nghĩ có lẽ vì thế mà cô chọn theo ngành cảnh sát, giống ông. Cô chẳng có sở thích nào cả. Dù cô và Halvorsen, sĩ quan làm cùng phòng với Harry, gần như là một đôi, song cô không tin tưởng lắm vào chuyện này. Cuốn tạp chí phụ nữ cô từng đọc có nói rằng kiểu cảm giác ngờ vực ấy là bình thường, và rằng chúng ta nên chấp nhận mạo hiểm. Nhưng Beate không thích mạo hiểm. Hay sống trong nỗi ngờ vực. Chính vì vậy cô mới yêu công việc của mình.

Hồi mới lớn, cô luôn đỏ mặt trước ý nghĩ có lẽ ai đó đang nghĩ đến mình và phần lớn thời gian cô đều tìm cách để trốn tránh. Đến giờ cô vẫn hay đỏ mặt, nhưng cô đã tìm được những chỗ tốt để trốn. Cô có thể ngồi hàng giờ giữa bốn bức tường gạch đỏ cũ kỹ của Viện Pháp y nghiên cứu những dấu vân tay, báo cáo đạn đạo, xem băng ghi hình, so sánh giọng nói, phân tích ADN hoặc những sợi vải, dấu chân, vết máu cùng vô vàn manh mối chuyên môn có thể giúp phá giải những vụ án quan trọng, phức tạp và

gây nhiều tranh cãi, tất cả đều diễn ra trong không gian yên bình, tĩnh lặng tuyệt đối này. Cô còn phát hiện ra rằng công việc thực ra không nguy hiểm như vẻ bề ngoài của nó. Chỉ cần cô phát biểu thật dõng dạc, rõ ràng và cố gắng khắc phục được nỗi sợ mình sẽ đỏ mặt, mất thể diện, trang phục có vấn đề hay trơ trọi đứng đó trong tủi hổ, vì lý do gì thì chính cô cũng chẳng biết. Phòng làm việc ở Kjølberggata giống như lâu đài của cô vậy, còn đồng phục và những công việc chuyên môn cô đảm đương chính là bộ áo giáp tinh thần.

Khi kim đồng hồ chỉ mười hai rưỡi sáng, điện thoại trên bàn làm việc của Beate đổ chuông trong lúc cô đang mải đọc báo cáo xét nghiệm ngón tay của Lisbeth Barli. Tim cô bắt đầu đập dồn vì sợ hãi khi cô thấy màn hình báo số máy gọi đến đã bị ẩn. Vậy thì chỉ có thể là anh ta.

"Beate Lønn nghe."

Đúng là anh ta thật. Lời lẽ của anh ta tuôn ra như tên bắn.

"Tại sao cô không gọi điện báo cho tôi về những dấu vân tay?"

Cô nín thở một giây trước khi trả lời.

"Harry bảo sẽ chuyển lời đến anh."

"Cảm ơn. Tôi đã nhận được rồi. Lần sau phải gọi cho tôi trước. Hiểu chưa?"

Beate nuốt khan. Cô không biết mình nên sợ hãi hay nổi giận nữa.

"Được."

"Còn điều gì cô đã nói với hắn mà không nói với tôi không?"

"Không. Trừ việc tôi đã có kết quả xét nghiệm chất thu được dưới móng của ngón tay được gửi đến cho chúng ta qua đường bưu điện."

"Của Lisbeth Barli phải không? Kết quả thế nào?"

"Phân."

"Sao cơ?"

"Chất thải ấy."

"Rất cảm ơn. Tôi biết nó là gì. Có biết nó từ đâu ra không?"

"Ờ, có."

"Đính chính lại. Nó là *của ai."*

"Tôi chưa dám chắc, nhưng tôi có thể đoán ra được."

"Vậy nhờ cô…"

"Trong phân có lẫn máu, có thể là do bệnh trĩ. Trong trường hợp này, nhóm máu được xác định là nhóm B. Chỉ bảy phần trăm dân số cả nước có nhóm máu đó thôi. Wilhelm Barli đã đăng ký hiến máu tình nguyện. Ông ta…"

"Hiểu rồi. Và từ đó, cô rút ra kết luận gì?"

"Tôi không biết," Beate đáp vội.

"Nhưng cô biết hậu môn là bộ phận nhạy cảm chứ, Beate? Với cả đàn ông lẫn đàn bà. Hay là cô quên rồi?"

Beate nhắm nghiền mắt. Làm ơn đừng để anh ta lại bắt đầu khơi chuyện. Đừng như thế nữa. Chuyện đã qua từ lâu, cô cũng đã bắt đầu quên và gạt nó ra khỏi tâm trí rồi. Nhưng giọng nói vẫn còn đó, vừa mượt mà lại vừa cứng cỏi, hệt như da rắn vậy.

"Cô giỏi đóng vai gái ngoan lắm, Beate. Tôi thích thế. Tôi thích cô giả vờ tỏ ra mình không muốn."

Chuyện chỉ có anh biết, tôi biết, ngoài ra không còn ai khác nữa, cô nghĩ thầm.

"Halvorsen làm chuyện đó có giỏi như tôi không?"

“Tôi cúp máy đây,” Beate nói.

Tiếng cười khanh khách của anh ta dội vào tai cô. Lúc này cô đã hiểu ra. Chẳng có nơi nào để cô trốn tránh cả. Dù cô có đi đâu chúng cũng sẽ tìm được, giống như cái cách chúng tìm ra ba người phụ nữ ở nơi họ cảm thấy an toàn nhất. Không có lâu đài nào hết. Cũng chẳng có áo giáp nào cho cô.

Øystein đang ngồi trong xe tại điểm đỗ taxi trên phố Thereses nghe nhạc Rolling Stones thì điện thoại đổ chuông.

“Oslo Ta…”

“Chào Øystein. Harry đây. Trong xe lúc này có ai không?”

“Chỉ có Mick và Keith thôi.”

“Gì cơ?”

“Ban nhạc vĩ đại nhất thế giới ấy.”

“Øystein.”

“Sao?”

“Stones còn lâu mới là ban nhạc vĩ đại nhất thế giới. Ngay cả hạng nhì cũng không xứng. Có mà ban nhạc được tung hô quá đà nhất thế giới ấy. Hơn nữa, *Wild Horses* không phải là sáng tác của Keith hay Mick, mà là của Gram Parsons.”

“Dối trá, cậu cố tình chứ gì! Tôi cúp máy đây…”

“A lô? Øystein?”

“Nói câu gì tử tế cho tôi nghe đi. Mau lên.”

“Giai điệu của *Under My Thumb* không tệ. *Exile On Main Street* cũng

có những đoạn khá ổn."

"Thôi được. Cậu muốn gì?"

"Tôi cần giúp đỡ."

"Ba giờ sáng rồi đấy. Giờ này đáng lẽ cậu phải ngủ rồi chứ?"

"Không ngủ được," Harry nói. "Mỗi lần nhắm mắt là một lần hãi hùng."

"Vẫn cơn ác mộng lúc trước à?"

"Lời thỉnh cầu của những thính giả từ địa ngục."

"Vụ cái thang máy phải không?"

"Dù đã biết trước chính xác những gì sắp xảy ra, vậy mà lần nào tôi cũng sợ. Cậu mất tối đa bao lâu để đến được đây?"

"Tôi thấy tình hình này không ổn, Harry ạ."

"Bao lâu thì tới?"

Øystein thở dài.

"Cho tôi sáu phút."

Lúc Øystein đi cầu thang lên nhà thì Harry đã đứng chờ sẵn ở cửa, trên người mặc độc chiếc quần jean.

Hai người ngồi trong phòng khách, đèn cũng không buồn bật.

"Cậu có bia không?" Øystein bỏ chiếc mũ lưỡi trai màu đen có logo PlayStation ra và vuốt ngược mớ tóc mỏng đẫm mồ hôi ra sau.

Harry lắc đầu.

"Đây," Øystein nói và đặt cái lọ đựng phim máy ảnh màu đen lên bàn.

"Cho cậu đấy. Flunipam. Đảm bảo ngủ mê mệt. Một viên là quá đủ."

Harry nhìn chằm chằm cái lọ.

“Đó đâu phải lý do tôi gọi cậu đến, Øystein.”

“Không ư?”

“Không. Tôi muốn tìm hiểu cách phá giải mật mã. Cậu làm như thế nào.”

“Ý cậu là hack ấy hả?” Øystein ném cho Harry cái nhìn vẻ ngạc nhiên. “Cậu cần bẻ khóa mật khẩu à?”

“Theo một cách nào đó thì đúng. Cậu đã đọc những bài báo viết về kẻ giết người hàng loạt chưa? Tôi nghĩ hắn đang gửi mật mã cho cảnh sát.”

Harry bật đèn lên. “Cậu xem cái này đi.”

Øystein chăm chú nhìn tờ giấy Harry để trên bàn.

“Ngôi sao ư?”

“Ngôi sao năm cánh. Hắn đã để lại những hình này ở hai hiện trường án mạng. Một hình được khắc ở cột xà bên trên giường ngủ và hình kia được vẽ trên màn hình ti vi đầy bụi trong cửa hàng đối diện nơi xảy ra án mạng.”

Øystein nghiên cứu ngôi sao rồi gật đầu. “Và cậu nghĩ tôi có thể cho cậu biết ý nghĩa của nó?”

“Không phải thế.” Harry vùi đầu vào hai bàn tay. “Mà tôi hy vọng cậu có thể chỉ cho tôi một số nguyên tắc của việc giải mã.”

“Loại mã mà tôi từng phá giải là mã thuật toán, Harry ạ. Còn mật mã giao tiếp lại có ngữ nghĩa hoàn toàn khác. Chẳng hạn, đến giờ tôi vẫn chưa giải mã được ý nghĩa thực sự trong lời nói của phụ nữ.”

“Cứ tạm cho rằng đây là sự kết hợp của cả hai đi. Vừa là logic tường minh lại vừa mang nghĩa hàm ẩn.”

“Thôi được, vậy thì ta sẽ nói về mật mã. Những thông điệp ẩn. Để

hiểu được nó, cậu cần phải có cả tư duy logic lẫn tư duy loại suy. Tư duy loại suy sẽ dựa trên trực giác và tiềm thức, hay nói cách khác là những điều cậu không nhận ra mình đã biết. Sau đó cậu kết hợp giữa tư duy tuyến tính với nhận diện quy luật. Cậu đã nghe nói đến Alan Turing bao giờ chưa?"

"Chưa."

"Người Anh đấy. Ông ta đã phá được mật mã của quân Đức hồi chiến tranh. Tóm lại, ông ta đã đánh bại họ trong Thế Chiến II. Ông ta nói rằng để giải mã, đầu tiên chúng ta cần phải biết đối thủ đang lựa chọn nguyên lý mã hóa nào."

"Nghĩa là sao?"

"Nói một cách ngắn gọn thì đó là mức độ vượt xa những con số và ký tự đơn thuần. Vượt xa cả giới hạn ngôn ngữ. Nó sẽ tiết lộ cho cậu biết nguyên nhân, chứ không phải cách thức. Cậu hiểu chứ?"

"Không hiểu, nhưng cứ nói cách làm của cậu đi."

"Điều đó thì không ai biết cả. Nó gần giống khải tượng trong tôn giáo, kiểu như một khả năng thiên phú ấy."

"Cứ giả sử tôi đã biết được nguyên nhân rồi. Thế sau đó thì sao?"

"Cậu có thể chọn phương pháp 'cố quá'. Nghĩa là xem xét tất cả các khả năng, cho tới khi thành 'quá cố'."

"Người sắp thành quá cố không phải tôi. Tôi chỉ có thời gian cho phương pháp 'cố vừa' thôi."

"Tôi chỉ biết mỗi một cách."

"Cách gì?"

"Thôi miên ý thức."

"Thôi miên ý thức, phải rồi."

“Tôi không nói chơi đâu. Cậu cứ nhìn chằm chằm vào các dữ liệu có được cho tới khi tâm trí ngừng lại hết những suy nghĩ có ý thức. Nó cũng tương tự như việc cơ bắp vận động quá sức sẽ dẫn đến chuột rút và bắt đầu tự hoạt động theo cách riêng của nó. Cậu đã bao giờ chứng kiến trường hợp chân của người leo núi lên cơn co giật khi người đó mắc kẹt trên núi chưa? Chưa hả, ừm, nó giống như vậy đấy. Hồi năm 88 tôi đã xâm nhập vào rất nhiều tài khoản của ngân hàng Den Danske suốt bốn đêm, tất cả chỉ nhờ vài giọt LSD đông đá. Nếu tiềm thức của cậu xử được mật mã thì coi như xong. Còn nếu không…”

“Thì sao?”

Øystein bật cười. “Thì nó sẽ xử cậu chứ sao. Những thằng như tôi ở bệnh viện tâm thần có mà đầy.”

“Ừm. Thôi miên ý thức ư?”

“Thôi miên ý thức. Vận dụng trực giác. Cùng với sự trợ giúp nho nhỏ của dược phẩm…”

Harry cầm lấy cái lọ màu đen và giơ nó ra trước mặt.

“Cậu biết sao không, Øystein?”

“Sao?”

Anh tung cái lọ qua bàn và Øystein bắt lấy nó.

“Nhận xét vừa rồi của tôi về *Under My Thumb* là nói dối đấy.”

Øystein đặt cái lọ lên sát mép bàn rồi thắt dây đôi giày thể thao Puma cũ nát hiếm thấy, được tậu từ rất lâu trước khi phong cách thời trang retro lên ngôi.

“Tôi biết. Dạo này cậu có gặp Rakel không?”

Harry lắc đầu.

“Đấy mới là điều khiến cậu phiền lòng đúng không?”

“Có thể,” Harry đáp. “Tôi vừa nhận được một lời mời làm việc. Chẳng biết tôi có thể từ chối được không.”

“Ờ, lời mời mà cậu đang nói tới chắc không đến từ lão sếp của tôi rồi.”

Harry mỉm cười.

“Rất tiếc, tôi không phải đối tượng phù hợp để cậu xin lời khuyên trong công việc,” Øystein nói rồi đứng dậy. “Tôi sẽ để cái lọ ở đây. Cậu muốn làm gì với nó thì tùy.”

THỨ NĂM



pygmalion

Trưởng nhóm phục vụ bàn nhìn vị khách từ đầu tới chân bằng cặp mắt dò xét. Kinh nghiệm ba mươi năm trong nghề đã đem lại cho ông ta một cái mũi có tài đánh hơi được rắc rối, mà gã này thì "bốc mùi" từ tận xa tít tắp. Không phải rắc rối nào cũng tệ. Thỉnh thoảng, một chút scandal hay ho lại là điều được các vị khách ở Theatre Café, nhà hàng phong cách Vienna, mong đợi. Nhưng rắc rối cũng phải đúng kiểu mới được, chẳng hạn như khi đám nghệ sĩ trẻ tuổi đầy tham vọng kéo nhau lên sân khấu của Theatre Café ông ổng hát rằng họ là những ngôi sao đang chờ được tỏa sáng, hay một gã diễn viên đóng vai chính hết thời của Nhà hát Quốc gia say xỉn mạnh miệng tuyên bố điều tử tế duy nhất gã có thể nói về vị chuyên gia tài chính nổi tiếng đang ngồi ở bàn bên cạnh là ông ta bị "gay" nên không thể nào đẻ được con nối dõi. Nhưng còn cái người đang đứng trước mặt trưởng nhóm phục vụ bàn lúc này xem chừng chẳng thể phát ngôn được câu gì dí dỏm hay độc đáo, diện mạo của gã cho thấy gã thiên về kiểu rắc rối chán ngắt: quịt tiền, say xỉn và ẩu đả. Những dấu hiệu bên ngoài - quần jean đen, mũi

đỏ, tóc húi cua - khiến ông ta đoán gã là một trong mấy tay nhân viên hậu trường sân khấu suốt ngày say xỉn và nơi dành cho gã là tầng hầm ở quán Burns mới phải. Nhưng khi gã bảo muốn nói chuyện với Wilhelm Barli, ông ta biết chắc gã phải cùng một giuộc với đám cặn bã ở Tostrupkjelleren, quán rượu dành cho đám ký giả, nằm bên dưới nhà hàng ngoài trời có cái tên không thể hợp hơn: Loo Lid. Ông ta chẳng có chút tôn trọng nào đối với lũ kền kền tranh nhau xâu xé những gì còn lại của Barli đáng thương sau thảm án mất tích của cô vợ xinh đẹp.

"Anh có chắc vị khách anh cần tìm đang có mặt ở đây không?" trưởng nhóm phục vụ bàn hỏi, dò tìm trong sổ đặt chỗ dù biết thừa Barli đã đến nhà hàng vào lúc mười giờ đúng, như thường lệ, và ngồi ở bàn quen ngoài hàng hiên mái kính trông ra phố Stortingsgata. Tuy nhiên có một điều hơi lạ - khiến người trưởng nhóm phục vụ bàn có chút lo lắng cho tình trạng sức khỏe tinh thần của Barli - đó là nhà sản xuất tính tình vui vẻ kia đã nhầm ngày và đến đây vào thứ Năm thay vì thứ Tư như mọi khi.

"Thôi không cần. Tôi trông thấy ông ta rồi," gã đàn ông trước mặt ông ta nói, và sau đó rời đi.

Harry nhận ra Wilhelm Barli nhờ mái tóc bờm xờm, nhưng khi lại gần hơn, anh bỗng băn khoăn không biết mình có nhìn lầm không.

"Ông Barli phải không?"

"Harry!"

Hai mắt Wilhelm bừng sáng rồi ánh sáng đó nhanh chóng tắt lịm. Hai má ông ta hóp vào, làn da rám nắng khỏe khoắn mấy ngày trước giờ đang

được phủ lên một lớp phấn trắng vô hồn. Wilhelm Barli dường như hốc hác đi vài phần, ngay cả đôi vai rộng là thế cũng có vẻ bé lại.

"Anh dùng món cá trích nhé?" Wilhelm trỏ vào chiếc bàn trước mặt. "Đặc sản số một Oslo đây. Thứ Tư nào tôi cũng ăn. Nghe nói tốt cho tim. Đấy là nếu anh có một trái tim, chứ những người đến nhà hàng này…" Wilhelm dang tay ra hiệu về phía căn phòng gần như không một bóng người.

"Thôi, cảm ơn ông," Harry nói và ngồi xuống.

"Thế thì ăn miếng bánh mì vậy." Wilhelm chìa giỏ bánh mì ra. "Cả Na Uy chỉ mỗi nơi này có món bánh mì tiểu hồi đích thực còn nguyên hạt tiểu hồi bên trong thôi. Ăn cùng cá trích thì hết ý."

"Cảm ơn, tôi chỉ uống cà phê thôi."

Wilhelm ra hiệu cho người phục vụ.

"Sao anh biết tôi ở đây mà tìm?"

"Tôi ghé qua nhà hát."

"Ồ? Tôi đã dặn họ có ai hỏi thì bảo tôi rời thành phố rồi mà. Đám nhà báo…"

Wilhelm làm động tác bóp cổ. Harry không hiểu ông ta đang minh họa cho tình cảnh của bản thân hay đó là việc ông ta muốn làm với đám nhà báo.

"Tôi trình thẻ cảnh sát và nói là có chuyện quan trọng," Harry nói.

"Tốt. Tốt."

Sự chú ý của Wilhelm đang lạc trôi đâu đó trước mặt Harry thì người phục vụ mang đến cho họ cái cốc thứ hai và rót cà phê trong chiếc bình đã đặt sẵn trên bàn ra. Sau khi người phục vụ rời đi, Harry đằng hắng một

tiếng. Wilhelm giật mình và tập trung trở lại.

“Nếu anh có tin xấu thì làm ơn cho tôi biết luôn đi, Harry.”

Harry vừa nhấp một ngụm cà phê vừa lắc đầu.

Wilhelm nhắm mắt lại, miệng lẩm bẩm điều gì không nghe rõ.

“Tình hình vở kịch thế nào rồi?” Harry hỏi.

Wilhelm mỉm cười yếu ớt.

“Hôm qua, một phụ nữ phụ trách chuyên mục văn hóa của tờ *Dagbladet* đã gọi điện đến hỏi một câu y hệt. Tôi đã giải thích cho cô ta khía cạnh nghệ thuật sẽ diễn ra như thế nào, nhưng hóa ra điều cô ta thực sự muốn biết là liệu những ồn ào xung quanh vụ mất tích bí ẩn của Lisbeth và việc chị gái cô ấy ra tay cứu nguy có giúp bán được nhiều vé không.”

Ông ta đảo tròn mắt.

“Ừm,” Harry nói, “vậy có không?”

“Anh điên à, anh bạn?”

Giọng Wilhelm oang oang như báo trước điềm gở.

“Giờ đang là mùa hè. Người ta muốn ăn chơi nhảy múa, chứ ai muốn đau buồn thương tiếc một người đàn bà nào đó mà thậm chí họ còn không quen biết. Chúng tôi đã mất đi nhân tố quan trọng nhất để thu hút khán giả: Lisbeth Barli, viên ngọc quý chưa được khai phá của dòng nhạc đồng quê. Đánh mất cô ấy ngay trước đêm mở màn thì tốt cho việc làm ăn *ở chỗ nào*!”

Vài người ngồi ở những bàn bên trong quay ra nhìn, nhưng Wilhelm vẫn oang oang nói tiếp.

“Chúng tôi hầu như không bán được vé nào. Ừm, ngoại trừ đêm mở màn - vé hôm đó thì lại bán chạy như tôm tươi. Dân tình thích hóng những

chuyện máu me, họ có thể đánh hơi thấy mùi scandal. Nói chung, lần này chúng tôi hoàn toàn chỉ dựa vào những lời bình luận có cánh để xoay chuyển tình thế. Nhưng lúc này đây…”

Wilhelm nện nắm đấm lên mặt bàn trải khăn trắng, khiến bình cà phê nẩy lên.

“… tôi không biết còn việc gì kém quan trọng hơn *chuyện làm ăn* chết tiệt!”

Wilhelm nhìn Harry chằm chằm. Tất cả những dấu hiệu đó đang cho thấy cơn kích động vẫn còn chưa nguôi thì chẳng hề báo trước, một bàn tay vô hình xuất hiện xóa sạch vẻ phẫn nộ trên khuôn mặt ông ta. Ông ta ngẩn người trong giây lát, cứ như thể không biết mình đang ở đâu. Sau đó mặt ông ta nhăn lại và vội vàng đưa hai tay lên che nó đi. Harry nhận thấy người trưởng nhóm phục vụ bàn đang nhìn về phía họ bằng ánh mắt lạ lẫm, đầy trông đợi.

“Xin lỗi anh,” Wilhelm lẩm bẩm đằng sau những ngón tay. “Mọi khi tôi đâu có… Tôi không thể ngủ được… Ôi, chết tiệt, sao tôi lại phản ứng thái quá thế này!”

Ông ta nấc lên, âm thanh nghe như tiếng cười xen lẫn tiếng khóc, ông ta lại giơ tay đập bàn lần nữa và nhăn mặt, nhưng biểu cảm ấy đã được chuyển thành nụ cười khẩy có phần tuyệt vọng.

“Tôi có thể giúp gì được anh, Harry? Trông anh khổ sở quá.”

“Khổ sở?”

“Buồn bã. U sầu. Ảm đạm.”

Wilhelm nhún vai, xiên một dĩa đầy thịt cá trích và bánh mì cho vào miệng. Lớp da cá óng ánh. Người phục vụ bước đến bên bàn không một

tiếng động và rót rượu Chatelain Sancerre vào ly của Wilhelm.

“Tôi buộc phải hỏi ông một chuyện riêng tư mà có lẽ là không mấy dễ chịu,” Harry nói.

Wilhelm vừa lắc đầu vừa chiêu thức ăn bằng một ngụm rượu.

“Càng riêng tư lại càng ít khó chịu, Harry ạ. Anh đừng quên tôi là một nghệ sĩ.”

“Thôi được.”

Harry nhấp một ngụm cà phê nữa để chuẩn bị tinh thần.

“Chúng tôi đã tìm thấy dấu vết của phân và máu dưới móng tay của Lisbeth. Phân tích ban đầu cho thấy nhóm máu đó trùng với nhóm máu của ông. Tôi muốn hỏi xem liệu chúng tôi có cần làm thêm xét nghiệm ADN nữa không.”

Wilhelm ngừng nhai, đặt ngón trỏ bàn tay phải lên môi và trầm ngâm nhìn xa xăm.

“Không,” ông ta nói. “Khỏi cần xét nghiệm cho mất công.”

“Vậy là ngón tay bà nhà có tiếp xúc với… chất thải của ông.”

“Chúng tôi đã làm tình vào đêm trước khi cô ấy mất tích. Đêm nào cũng vậy. Thậm chí chúng tôi làm tình cả ban ngày nếu như trong nhà không quá nóng.”

“Và rồi…?”

“Có phải anh đang muốn hỏi chúng tôi có quan hệ bằng tay qua đường hậu môn không?”

“Hả…?”

“Cô ấy có làm thế với tôi không ư? Bất cứ khi nào có thể. Nhưng rất cẩn thận. Cũng như sáu mươi phần trăm đàn ông Na Uy ở tuổi này của tôi

thôi, tôi bị bệnh trĩ. Chính vì vậy Lisbeth chẳng bao giờ để móng tay quá dài. Anh có quan hệ theo cách này không, Harry?”

Harry đang nhâm nhi cà phê thì bị sặc.

“Với chính bản thân anh hay với người khác?” Wilhelm hỏi, “Anh nên làm thế. Nhất là với tư cách một người đàn ông. Việc đó sẽ chạm tới những điều cực kỳ cốt yếu. Nếu dám thử, anh sẽ phát hiện ra mình có ngưỡng cảm xúc lớn hơn nhiều so với anh tưởng tượng. Nếu siết lại, anh sẽ tự cách ly bản thân khỏi những người xung quanh. Nhưng khi mở rộng ra, khiến mình dễ bị tổn thương và cho thấy sự tin tưởng của anh, thì theo nghĩa đen là anh đã trao cho người khác cơ hội bước vào bên trong mình.”

Wilhelm đang vung vẩy cái dĩa cầm trên tay.

“Dĩ nhiên, việc đó luôn đi kèm với rủi ro. Họ có thể hủy hoại anh, xé anh ra từng mảnh từ bên trong. Nhưng họ cũng có thể trao cho anh tình yêu. Và rồi anh siết chặt lấy hết thảy thứ tình yêu của họ, Harry à. Nó là của anh. Người ta vẫn bảo đàn ông chiếm hữu thể xác của đàn bà trong lúc ân ái, nhưng có thật vậy không? Ai chiếm hữu ai? Anh cứ nghĩ đi, Harry.”

Harry trầm ngâm nghĩ ngợi.

“Nghệ sĩ cũng vậy thôi. Chúng tôi phải mở lòng, khiến mình dễ bị tổn thương, cho họ bước vào thế giới của chúng tôi. Để có cơ hội được yêu thương, chúng tôi phải chấp nhận nguy cơ bị hủy hoại từ bên trong. Việc đó chẳng khác nào môn thể thao mạo hiểm thật sự, Harry ạ. Tôi lấy làm mừng vì đã bỏ nghề vũ công đấy.”

Khi Wilhelm mỉm cười, hai giọt lệ thi nhau lăn dài - lần lượt từng bên mắt - thành hai hàng song song và ngoằn ngoèo trên má rồi mất hút trong bộ râu.

“Tôi nhớ cô ấy, Harry à.”

Harry dán mắt vào tấm khăn trải bàn. Anh thầm nghĩ có nên đứng dậy ra về lúc này không, nhưng rồi vẫn ở lại.

Wilhelm rút khăn mùi soa, hỉ mũi một tiếng to như tiếng kèn đồng, sau đó rót nốt chỗ rượu trong chai vào ly mình.

"Tôi không có ý can dự vào việc của anh, Harry, nhưng lúc tôi nói nhìn anh có vẻ khổ sở, tôi nhận ra rằng trông anh lúc nào cũng thế. Có phải vì một người phụ nữ không?"

Harry mân mê cốc cà phê.

"Hay là vài người?"

Harry định đáp một câu để ông ta không thắc mắc thêm nữa, nhưng không hiểu sao anh lại đổi ý. Anh gật đầu.

Wilhelm nâng ly lên.

"Luôn là phụ nữ. Anh có nhận thấy thế không? Anh đã để mất ai?"

Harry nhìn Wilhelm. Trên khuôn mặt râu ria xồm xoàm của nhà sản xuất kia có điều gì đó đặc biệt, vẻ chân thật đến đau lòng, sự cởi mở không chút giấu giếm anh có thể nhận ra và là thứ mách bảo anh rằng anh có thể tin tưởng ở ông ta.

"Mẹ tôi lâm bệnh và qua đời khi tôi còn nhỏ," Harry nói.

"Và anh nhớ bà ấy phải không?"

"Phải."

"Nhưng vẫn còn vài người khác nữa, đúng chứ?"

Vai Harry thõng xuống.

"Sáu tháng trước, một nữ đồng nghiệp của tôi bị sát hại. Rakel bạn gái tôi…"

Harry bỗng ngừng lời.

“Cô ấy thì sao?”

“Chuyện này kể ra có ích gì đâu chứ.”

“Tôi nghĩ chúng ta phải tìm hiểu tướng tận gốc rễ của vấn đề,” Wilhelm thở dài. “Anh và cô ấy sắp mỗi người một ngả.”

“Không phải. Chỉ có cô ấy thôi. Tôi đang cố thuyết phục cô ấy thay đổi quyết định.”

“A ha. Mà sao cô ấy lại muốn chia tay?”

“Vì tính cách của tôi. Chuyện dài lắm, nhưng nói ngắn gọn thì tôi chính là vấn đề. Và cô ấy muốn tôi trở thành con người khác.”

“Anh biết sao không? Tôi có ý này. Hãy đưa cô ấy tới xem chúng tôi diễn kịch.”

“Để làm gì?”

“Vì *My Fair Lady* được viết dựa trên câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp về nhà điêu khắc Pygmalion, ông ta đã phải lòng một trong những tác phẩm của mình, bức tượng nàng Galatea xinh đẹp. Ông ta cầu xin thần Vệ Nữ biến bức tượng đó thành người để ông ta có thể cưới làm vợ, và lời cầu nguyện của ông ta được đáp ứng. Biết đâu vở kịch sẽ cho Rakel thấy điều gì có thể xảy ra khi ta cố thay đổi một người.”

“Mọi chuyện trở nên tệ hại à?”

“Ngược lại là khác. Pygmalion, hay ở đây là giáo sư Higgins, đã được thỏa mãn tâm nguyện trong vở *My Fair Lady.* Tôi chỉ chọn những vở kịch có cái kết hạnh phúc thôi. Đó là phương châm sống của tôi. Nếu không có cái kết hạnh phúc thì tôi sẽ tự mình viết nên nó.”

Harry lắc đầu, nở nụ cười nửa miệng.

“Rakel không cố thay đổi tôi. Cô ấy là người phụ nữ thông minh, nên

thay vì làm thế, cô ấy sẽ lựa chọn lối đi riêng."

"Có điều gì đó khiến tôi nghĩ rằng cô ấy muốn quay lại với anh. Tôi sẽ gửi tặng anh hai vé vào hôm mở màn."

Wilhelm ra hiệu cho người phục vụ mang hóa đơn tới.

"Dựa vào cái quái gì mà ông nghĩ cô ấy muốn quay lại với tôi chứ?" Harry hỏi. "Ông có biết gì về cô ấy đâu."

"Anh nói đúng. Những điều tôi nói đều là nhảm nhí. Dùng rượu vang trắng trong bữa xế là ý kiến hay, nhưng chỉ trên lý thuyết. Lúc này tôi uống nhiều quá rồi. Xin lỗi anh."

Người phục vụ xuất hiện cùng tờ hóa đơn. Wilhelm ký luôn mà chẳng cần nhìn và bảo anh ta cất chung với những hóa đơn trước. Sau đó người phục vụ rời đi.

"Nhưng dù sao, mời một phụ nữ đi xem kịch vào hôm công diễn cùng tấm vé hạng nhất không bao giờ là ý tưởng tệ hại." Wilhelm mỉm cười. "Tin tôi đi, tôi đã kiểm nghiệm kỹ rồi."

Nụ cười của ông ta khiến Harry nhớ đến nụ cười buồn bã, cam chịu của bố anh, nụ cười khi người đàn ông hồi tưởng về quá khứ, vì đó là khoảng thời gian chất chứa những kỷ niệm khiến anh ta mỉm cười.

"Cảm ơn ông rất nhiều, nhưng…"

"Không nhưng nhị gì cả. Dù có được hay không thì ít nhất nó cũng là cái cớ để anh gọi điện cho cô ấy nếu hai người đang tạm thời cắt đứt liên lạc. Để tôi gửi vé cho anh, Harry. Tôi nghĩ Lisbeth cũng sẽ muốn thế. Và Toya đã tiến bộ hơn rồi. Đó sẽ là một tác phẩm hay mà."

Harry mân mê tấm khăn trải bàn.

"Cho tôi suy nghĩ đã."

"Tuyệt. Tôi sẽ đi thu xếp công việc rồi đánh một giấc." Wilhelm đứng dậy.

"Nhân tiện." Harry thọc tay vào trong túi áo khoác. "Chúng tôi tìm thấy biểu tượng này ở gần hiện trường hai vụ án khác. Nó được gọi là ngôi sao của quỷ. Liệu ông có nhớ ra được là mình từng trông thấy nó ở đâu đó sau khi Lisbeth mất tích không?"

Wilhelm nhìn thật kỹ bức ảnh.

"Tôi không thể nói mình từng thấy nó rồi, không."

Harry chìa tay ra xin lại tấm ảnh.

"Khoan đã." Wilhelm vừa nhìn lại lần nữa vừa gãi râu.

Harry chờ đợi.

"Tôi từng trông thấy rồi," ông ta nói. "Nhưng ở đâu mới được chú?"

"Trong căn hộ? Ở cầu thang? Dưới phố?"

Wilhelm lắc đầu.

"Không phải những nơi đó. Và cũng không phải mới đây. Mà là một nơi nào đó khác, khá lâu rồi. Nhưng ở đâu nhỉ? Việc này có quan trọng không?"

"Cũng có thể. Nếu ông nhớ ra được bất cứ điều gì thì gọi cho tôi nhé."

Sau khi chia tay Wilhelm, Harry đứng nhìn chằm chằm lên phố Drammensveien, nơi mặt trời đang tỏa nắng trên những đường ray tàu điện, luồng khí nóng rung rinh bốc lên khiến anh tưởng như đoàn tàu đang bồng bềnh trôi xa dần.

THỨ NĂM VÀ THỨ SÁU



phát hiện

Jim Beam được làm từ hắc mạch, đại mạch, ngoài ra còn chứa đến bảy mươi lăm phần trăm là ngô - thứ nguyên liệu mang lại cho loại rượu bourbon này vị ngọt và cân bằng hoàn hảo, khác hẳn với whisky nguyên chất. Nước để sản xuất Jim Beam được lấy từ nguồn nước gần nhà máy sản xuất rượu ở Clearmont, bang Kentucky, đây cũng là nơi làm ra loại men đặc biệt được một số người cho là nguyên liệu có trong công thức pha chế Jacob Beam sử dụng từ năm 1795. Thành quả sau đó được ủ trong ít nhất bốn năm trước khi được vận chuyển đi khắp nơi trên thế giới và đến tay Harry Hole, người cóc thèm quan tâm đến Jacob Beam cũng như biết rằng những lời tuyên bố xàm xí về nguồn nước kia chỉ là chiêu trò marketing nhằm cạnh tranh với Farris, nước khoáng của Na Uy, và nguồn khoáng Farris. Tỷ lệ phần trăm duy nhất anh quan tâm là mấy con chữ nho nhỏ in trên nhãn chai.

Harry đứng trước tủ lạnh, tay cầm một con dao găm, mắt nhìn chằm chằm cái chai chứa chất lỏng màu vàng nâu. Không một mảnh vải che thân.

Cái nóng trong phòng ngủ buộc anh phải cởi bỏ cả quần trong, cái quần vẫn còn ẩm và bốc mùi clo.

Anh đã cai rượu được bốn hôm rồi. Giai đoạn khó khăn nhất đã qua, anh tự nhủ như thế. Nhưng điều đó không đúng, giai đoạn ấy còn lâu mới qua. Có lần Aune đã hỏi rằng anh nghĩ lý do mình uống rượu là gì. Harry đáp không chút do dự, “Vì tôi khát.” Theo nhiều cách khác nhau, anh thường ca thán về thực tế rằng mình đang sống trong một cái xã hội tập trung vào cái hại hơn là cái lợi của uống rượu. Những lý do để anh giữ cho mình tỉnh táo chưa bao giờ liên quan đến nguyên tắc đạo đức, mà chỉ phụ thuộc vào thực tế. Thật sự rất mệt mỏi khi là kẻ nghiện rượu nặng để rồi kết quả nhận được chính là một cuộc đời ngắn ngủi khổ sở, đầy rẫy chán chường và đau đớn về thể chất. Trong mắt đám bợm rượu, cuộc đời chỉ xoay quanh hai thứ là say và khoảng nghỉ giữa những cơn say. Đâu mới là cuộc sống thực, đó là câu hỏi triết lý mà anh chưa bao giờ có đủ thời gian để nghiền ngẫm, bởi vì dù câu trả lời có thế nào thì cũng chẳng thể khiến cuộc đời anh trở nên tốt đẹp hơn. Hoặc tồi tệ hơn. Luật đời cơ bản của bợm rượu - bộ luật có tên Cơn khát Lớn - cho rằng tất cả những thứ tốt đẹp sớm muộn gì cũng tan biến mà thôi. Đó chính là cách anh nhìn nhận phương trình cho tới ngày anh gặp Rakel và Oleg. Nó đã mang tới cho những khoảng thời gian xa rượu một ý nghĩa hoàn toàn mới, nhưng không hề đi ngược lại bộ luật của bợm rượu. Và giờ đây, anh không thể tiếp tục chịu đựng những cơn ác mộng thêm được nữa. Không thể chịu đựng được những tiếng la hét của con bé. Cũng chẳng thể chịu nổi khi phải chứng kiến vẻ hãi hùng trong cặp mắt trợn tròn vô hồn kia trong lúc đầu con bé từ từ nâng dần lên phía trần thang máy. Tay anh vươn về phía chiếc tủ. Anh phải thử mọi cách có thể. Anh đặt con dao găm bên cạnh chai Jim Beam và đóng cửa tủ

lại. Sau đó anh quay về phòng ngủ.

Anh không bật đèn, một vạt ánh trăng lọt qua khe hở giữa những tấm rèm.

Mấy cái gối và tấm đệm trông như đang cố tìm cách tống khứ lớp ga phủ giường dính dớp, nhăn nhúm kia.

Anh trèo lên giường. Lần gần nhất anh ngủ mà không gặp ác mộng là khi thiếp đi vài phút trên chiếc giường của Camilla Loen. Lúc ấy anh cũng mơ thấy sự chết chóc, nhưng khác ở chỗ là anh không cảm thấy sợ. Người ta có thể tự cách ly bản thân, nhưng vẫn cần phải ngủ. Mà trong giấc ngủ, thì không ai có thể trốn tránh được.

Harry nhắm mắt lại.

Những tấm rèm lay động, khiến vạt ánh trăng rung rinh. Nó rọi lên bức tường phía trên đầu giường và những vết dao khắc đen sì. Chỉ có dùng một lực rất mạnh mới để lại vết khắc hằn sâu trên ván gỗ sau lớp giấy dán tường màu trắng đến như vậy. Vết khắc liền mạch tạo thành một hình ngôi sao năm cánh lớn.

Cô nằm đó, lắng nghe tiếng xe cộ đi lại trên phố Trojská ngoài cửa sổ và cả tiếng thở trầm trầm đều đặn của người đàn ông bên cạnh. Thỉnh thoảng cô ngỡ mình có thể nghe thấy những tiếng thét vọng đến từ vườn bách thú, nhưng cũng có thể chỉ là tiếng những đoàn tàu đêm hãm phanh trước khi vào ga chính bên kia sông. Anh nói mình thích những âm thanh khi tàu rời khỏi Troja, miền quê nằm ở đỉnh dấu chấm hỏi màu nâu mà dòng sông Vltava vẽ nên trên đường chảy qua Praha.

Trời đang đổ mưa.

Suốt cả ngày nay anh đi vắng. Anh bảo mình đến Brno. Phải tới khi cuối cùng cũng nghe thấy tiếng anh mở khóa cửa căn hộ, cô mới chịu yên lòng. Tiếp đến là tiếng sột soạt của va li đặt lên sàn hành lang trước khi anh đi vào phòng. Cô vờ như đang ngủ nhưng thực ra vẫn lén quan sát anh trong lúc anh chậm rãi và bình thản treo quần áo lên mắc, chốc chốc lại liếc về phía tấm gương bên cạnh tủ đồ để nhìn cô. Sau đó anh trèo lên giường, hai bàn tay anh lạnh buốt, mồ hôi khô đi để lại trên da một lớp dinh dính. Hai người làm tình trong tiếng mưa rì rào trên mái, anh nếm trải vị mặn mòi của muối rồi lập tức say giấc nồng. Thường thì sau những màn ân ái, cô cũng sẽ buồn ngủ, nhưng hôm nay cô vẫn nằm đó mắt chong chong, để cho chất dịch của anh chảy ra khỏi cơ thể của mình và thấm ướt ga giường.

Cô vờ như không biết điều gì đang khiến mình thao thức, dẫu tâm trí cô vẫn luôn hướng về một chuyện. Đó là sợi tóc vàng hơi dài cô tìm thấy trên ống tay áo vét của anh khi cô chải áo cho anh sau hôm anh từ Oslo về. Là việc anh sắp trở lại Oslo vào thứ Bảy. Đó là lần thứ tư trong vòng một tháng qua. Và rằng anh vẫn không chịu nói cho cô biết anh đến đó để làm gì. Tất nhiên, sợi tóc vàng kia có thể là của bất cứ ai, một người đàn ông hoặc thậm chí là lông của một chú chó.

Anh bắt đầu ngáy.

Cô hồi tưởng lại hồi họ mới quen nhau. Khuôn mặt anh toát lên vẻ cởi mở và sự tự tin phóng khoáng, những điều đã khiến cô lầm tưởng anh là một con người cởi mở. Anh đã khiến tim cô tan chảy như lớp tuyết mùa xuân ở quảng trường Václav, nhưng khi rơi vào lưới tình của đàn ông một cách quá ư dễ dàng, nỗi ngờ vực sẽ luôn gặm nhấm tâm can khiến người ta băn khoăn chắc không chỉ có mình mình phải lòng người đó nhanh đến vậy.

Tuy thế, anh luôn đối xử với cô bằng lòng tôn trọng, gần như là ngang hàng, dù anh có thể mua cô dễ dàng như mua bất cứ cô gái điếm nào ở Perlová. Anh là món quà quý giá mà ông trời ban tặng, người duy nhất từng thuộc về cô, người duy nhất cô có thể vuột mất. Chính vì tin chắc vào điều ấy nên cô luôn dè chừng, không dám hỏi anh đã đi đâu, thực tế đã làm gì, với ai.

Nhưng có chuyện gì đó đã xảy ra khiến cô cảm thấy cần phải biết anh có đáng tin hay không. Lúc này đây, cô còn một thứ khác quý giá hơn có thể vuột mất khỏi tay mình. Cô chưa nói bất cứ điều gì cho anh biết, chính cô cũng không dám chắc cho tới khi đi khám bác sĩ cách đây ba hôm.

Cô rời khỏi giường, nhón chân băng qua phòng. Thận trọng, cô ấn tay nắm cửa trong lúc canh chừng anh qua tấm gương trên bàn trang điểm. Rồi cô bước ra hành lang và lần nữa thận trọng đóng cửa lại sau lưng.

Chiếc va li màu xám chì, kiểu dáng hiện đại, có logo của hãng Samsonite. Trông thì gần như mới nhưng hai bên thân lại đầy vết xước, chi chít sticker xé của những cửa kiểm tra an ninh và tên những điểm đến cô chưa từng nghe nói tới.

Dưới ánh sáng tù mù, cô trông thấy mã số khóa đang là 0-0-0. Lúc nào cũng vậy. Và chẳng cần chạm vào cô cũng biết là va li không mở được. Cô chưa bao giờ thấy nó mở, trừ cái hôm cô nằm trên giường khi anh lấy quần áo trong ngăn kéo tủ ra và bỏ vào va li. Cô chỉ đơn thuần là vô tình nhìn thấy nó trong lần gần đây nhất anh xếp đồ mà thôi. May thay, mã số đó lại nằm ở mặt trong va li. Nào có khó khăn lắm khi phải ghi nhớ ba con số. Nhất là khi chúng ta buộc phải nhớ. Nào có gì khó khăn khi quên đi tất cả những thứ khác và ghi nhớ ba con số của một phòng khách sạn nào đó khi họ gọi cho cô những lúc khách yêu cầu cô phục vụ, nhắc cô phải mặc gì và

những yêu cầu đặc biệt khác nếu có.

Cô lắng tai nghe. Tiếng ngáy vang lên trầm trầm như tiếng kéo cưa đằng sau cánh cửa. Có những việc mà anh không biết. Những việc anh không cần phải biết, những việc cô từng bắt buộc phải làm, nhưng tất cả giờ đã thuộc về quá khứ rồi. Cô đặt đầu ngón tay lên ba bánh răng có khía phía trên những con số và bắt đầu xoay. Tương lai từ nay về sau mới là điều quan trọng nhất.

Ổ khóa bật mở với một tiếng "cách" khẽ.

Cô cứ ngồi cúi mình ở đó, ngây ra nhìn.

Bên dưới ổ khóa, trên chiếc sơ mi trắng, là một vật bằng kim loại đen sì, xấu xí.

Không cần sờ vào cô cũng biết đó là súng thật. Cô đã từng trông thấy chúng trong quãng đời trước đây.

Cô nuốt khan và có thể cảm thấy những giọt lệ chực ứa ra. Cô ấn những ngón tay lên đôi mắt. Hai lần gọi thầm tên mẹ cô.

Tất cả chỉ diễn ra trong vòng vài giây.

Rồi cô hít một hơi dài để lấy lại bình tĩnh. Cô nhất định phải vượt qua chuyện này. Họ phải vượt qua chuyện này. Ít nhất thì giờ cô đã hiểu vì sao anh không thể nói cho cô biết nhiều điều về công việc anh làm, nhờ đâu mà anh có được nhiều tiền như thế. Và cô cũng đã từng nghĩ đến điều này rồi, phải không?

Cô đã quyết định xong.

Có những việc cô không biết. Những việc cô không cần phải biết.

Cô khóa va li, xoay những đĩa số trở về không. Cô dỏng tai nghe ngóng qua cánh cửa trước khi thận trọng mở nó ra và lẻn vào phòng. Một ô

sáng hình chữ nhật rọi lên chiếc giường. Nếu nhìn qua gương một lần trước khi đóng cửa lại thì có lẽ cô đã thấy một bên mắt anh đang mở. Nhưng lúc ấy tâm trí cô còn đang rối bởi với muôn vàn ý nghĩ. Hay đúng hơn là một ý nghĩ luôn trở đi trở lại trong đầu cô khi cô nằm đó nghe tiếng xe cộ trên phố, những tiếng la hét vọng đến từ vườn bách thú và tiếng thở trầm trầm đều đặn của anh. Tương lai từ nay về sau mới là điều quan trọng nhất.

Có tiếng ai đó hét lên, tiếng chai thủy tinh vỡ vụn trên vỉa hè, sau đó là tiếng cười chói tai. Tiếng rủa sả và tiếng chân chạy huỳnh huỵch xa dần trên phố Sofies, hướng về phía sân vận động Bislett.

Harry đăm đăm nhìn lên trần nhà, lắng nghe những âm thanh từ bên ngoài vọng vào trong đêm vắng. Sau khi ngủ được một giấc dài ba tiếng không mộng mị, anh tỉnh dậy và bắt đầu suy nghĩ, về ba người phụ nữ, hai hiện trường gây án và một gã đàn ông đề nghị trả hậu hĩnh để đổi lấy linh hồn anh. Anh cố gắng tìm ra mối liên hệ giữa chúng. Để phá được mật mã. Để thấy được quy luật. Để hiểu nguyên lý bao trùm quy luật đó như lời Øystein đã nói, một câu hỏi cần giải quyết trước khi tìm hiểu về cách thức. Đó là câu hỏi "tại sao".

Tại sao một gã đàn ông lại đóng giả làm nhân viên giao nhận, giết hai người phụ nữ và có thể đã sát hại nạn nhân thứ ba? Tại sao hắn tự làm khó mình khi lựa chọn địa điểm gây án? Tại sao hắn để lại thông điệp? Những tên sát nhân hàng loạt điển hình trong quá khứ dường như đều giết người để thỏa mãn nhục dục, vậy tại sao Camilla Loen và Barbara Svendsen lại không có dấu hiệu bị xâm hại?

Harry cảm thấy con nhức đầu đang dần kéo đến. Anh đạp tấm vỏ chăn sang một bên và trở mình nằm nghiêng. Trên chiếc đồng hồ báo thức hiện lên mấy con số đỏ rực: hai giờ năm mươi mốt phút. Hai câu hỏi cuối cùng đang khiến anh băn khoăn chỉ xoay quanh bản thân anh. Tại sao cứ phải níu giữ tâm hồn mình một cách tuyệt vọng đến như vậy nếu như làm thế chỉ khiến tim mình tan vỡ? Và tại sao cứ phải nặng lòng với cái ngành căm ghét mình kia chứ?

Harry đặt chân xuống sàn rồi đi vào bếp, nhìn chằm chằm cánh cửa tủ đồ phía trên bồn rửa. Anh vặn vòi cho nước chảy lên đầy miệng cốc thủy tinh. Tiếp đó, anh mở ngăn kéo để dao dĩa thìa, cầm cái lọ màu đen lên, cạy mở cái nắp lọ màu xám và dốc thuốc ra lòng bàn tay. Một viên sẽ giúp anh ngủ ngon. Hai viên cùng một ly Jim Beam sẽ khiến anh hưng phấn. Ba viên hoặc hơn có thể mang lại hậu quả khôn lường.

Harry há to miệng, bỏ ba viên thuốc vào rồi chiêu cùng nước ấm.

Sau đó anh sang phòng khách, bật đĩa nhạc của Duke Ellington được anh mua về sau khi xem cảnh Gene Hackman ngồi trên chuyến xe buýt đêm trong bộ phim *The Conversation,* trên nền nhạc dương cầm có giai điệu phảng phất nỗi cô đơn đến tận cùng mà chưa bao giờ anh được nghe.

Anh ngồi xuống chiếc ghế tựa lưng cao.

"Tôi chỉ biết mỗi một cách," Øystein đã nói với anh như thế.

Harry bắt đầu đi từ điểm xuất phát. Cái ngày anh lảo đảo lướt qua quán Underwater trên đường tới địa chỉ ở phố Ullevålsveien. Thứ Sáu. Sannergata. Thứ Tư. Carl Berner. Thứ Hai. Ba người phụ nữ. Ba ngón tay bị cắt cụt. Bàn tay trái. Đầu tiên là ngón trỏ, sau đó là ngón giữa, rồi đến ngón áp út. Ba địa điểm gây án. Nằm trong khu phố, không có những ngôi nhà biệt lập. Một tòa chung cư cũ kỹ được xây dựng vào cuối thế kỷ trước,

một chung cư từ thập niên 1930, một tòa nhà văn phòng từ thập niên 1940. Thang máy. Anh có thể hình dung ra số tầng ở những cửa thang máy. Skarre đã trao đổi với vài công ty vận chuyển chuyên biệt ở Oslo và các quận thành kế cận. Họ không thu được thông tin gì liên quan đến xe đạp hay trang phục cua rơ màu vàng, nhưng thông qua hợp đồng giữa công ty bảo hiểm với các đơn vị cung cấp dịch vụ khẩn cấp, thì ít nhất họ cũng lọc ra được danh sách những đối tượng trong vòng sáu tháng qua đã mua các loại xe đạp đắt tiền mà công ty vận chuyển hay dùng.

Harry có thể cảm nhận được cảm giác tê liệt đang bắt đầu xuất hiện. Lớp vải bọc ghế bằng len thô ráp cọ vào làn da trần trên mông và đùi anh.

Ba nạn nhân gồm có: Camilla, nhân viên copywriter của một công ty quảng cáo, độc thân, hai mươi tám tuổi, tóc sẫm màu, người hơi mũm mĩm; Lisbeth, ca sĩ, đã kết hôn, ba mươi ba tuổi, tóc vàng sáng, thon thả; Barbara, lễ tân, hai mươi tám tuổi, sống cùng bố mẹ, tóc vàng trung bình. Cả ba đều có ngoại hình ưa nhìn, không có đặc điểm gì nổi bật. Thời điểm gây án. Nếu giả sử Lisbeth bị giết ngay sau khi bị bắt cóc thì cả ba vụ đều diễn ra vào ngày thường. Buổi chiều, sau giờ làm việc.

Duke Ellington đang chơi rất nhanh. Cứ như thể trong đầu ông ta đang tràn ngập những nốt nhạc mà ông ta phải cố nhồi nhét hết vào giai điệu vậy. Giờ thì nhạc đã gần như dừng hẳn. Ông ta chỉ điểm xuyết những dấu chấm cần thiết mà thôi.

Harry chưa đi sâu tìm hiểu lai lịch của các nạn nhân, chưa thẩm vấn họ hàng hay bạn bè của họ, anh chỉ mới đọc lướt qua các báo cáo nhưng không phát hiện ra được bất cứ chi tiết nào đáng chú ý. Câu trả lời không nằm ở đó. Vấn đề không phải nạn nhân là ai, mà quan trọng họ là người thế nào, đại diện cho điều gì. Đối với hung thủ trong vụ án lần này, nạn nhân

chỉ là vật bên ngoài, ít nhiều được lựa chọn ngẫu nhiên, giống như mọi thứ xung quanh họ. Mấu chốt ở đây là phải phát hiện được quy luật.

Lúc này, các chất hóa học trong thuốc bắt đầu phát tác mạnh mẽ. Ảnh hưởng mà chúng mang lại giống với ảnh hưởng của thuốc gây ảo giác hơn là thuốc ngủ. Dòng tư duy bắt đầu nhường chỗ cho những ý nghĩ mông lung, và hoàn toàn mất kiểm soát - như thể đang nằm trong một chiếc thùng - anh bị cuốn trôi theo dòng sông. Thời gian ào ạt tuôn chảy, tỏa đi khắp nơi hệt như một vũ trụ đang mở rộng. Khi tỉnh táo trở lại, mọi thứ quanh anh đều đứng im, chỉ có tiếng đầu kim của máy hát đang cọ lên mặt đĩa.

Anh đi vào phòng ngủ, khoanh chân ngồi ở cuối giường và dồn sự chú ý vào ngôi sao của quỷ. Sau khi nhìn được một lúc, nó bắt đầu nhảy nhót trước mắt anh. Anh nhắm mắt lại. Việc cần làm chỉ là tập trung nhìn vào nó mà thôi.

Khi trời bắt đầu hửng sáng thì anh đã hoàn toàn mất đi ý thức. Anh ngồi đó, vẫn nghe đấy, vẫn nhìn đấy, nhưng lại đang chìm vào một giấc mơ. Tiếng tờ báo *Aftenposten* được ném lên cầu thang khiến anh bừng tỉnh. Anh ngẩng đầu lên, tập trung vào ngôi sao của quỷ, nó không còn nhảy nhót nữa.

Không có thứ gì nhảy nhót hết. Tất cả đã kết thúc. Anh đã nhận ra được quy luật.

Quy luật của một gã đàn ông đã tê liệt mọi cảm xúc đang tuyệt vọng tìm kiếm những cảm giác chân thật. Một kẻ ngu ngốc quá ngây thơ khi tin rằng có người yêu thương mình, rằng trên đời thực sự có tình yêu, và ở đâu có câu hỏi thì ở đó sẽ có câu trả lời. Quy luật của Harry Hole. Trong cơn thịnh nộ đột ngột bùng phát, anh lao đầu vào hình vẽ trên tường. Hai mắt anh nổ đom đóm và rồi anh nằm phịch xuống giường. Đập vào mắt anh là

chiếc đồng hồ báo thức: năm giờ năm mươi lăm phút. Tấm vỏ chăn vừa ướt nhẹp lại vừa âm ấm.

Thế rồi - như thể có ai đó vừa với tay tắt đèn - mọi thứ trước mắt anh bỗng tối sầm lại.

Cô đang rót cà phê vào cốc cho anh. Anh lẩm bẩm câu 'DankeCảm ơn,' và lật giở những trang báo *Observer* mua tại khách sạn ở góc phố. Ngoài ra còn có mấy chiếc bánh sừng bò mới ra lò của Hlinka, người làm bánh trong vùng. Cô chưa bao giờ được ra nước ngoài mà mới chỉ đến Slovakia, như thế không tính là xuất ngoại, nhưng anh trấn an cô rằng Praha bây giờ có thể mang lại mọi thứ có được ở những thành phố lớn khác tại châu Âu. Cô cũng muốn đi đây đó lắm chứ. Trước khi quen anh, có một doanh nhân người Mỹ đã đem lòng yêu cô. Cô vốn là món quà do một đối tác tại Praha - giám đốc điều hành của một công ty dược - mua về để tặng anh ta. Anh ta là người dễ mến, ngây thơ, hơi mập mạp, sẵn sàng trao cho cô mọi thứ nếu cô đồng ý cùng anh ta về Los Angeles. Dĩ nhiên là cô đồng ý. Nhưng sau khi cô kể chuyện này cho Tomas, tên ma cô và cũng là anh cùng cha khác mẹ của mình, gã đã tìm tới phòng của doanh nhân người Mỹ và dùng dao đe dọa anh ta. Hôm sau anh ta ra đi và kể từ đó, cô không bao giờ gặp lại anh ta nữa. Bốn ngày sau, lúc cô đang rầu rĩ ngồi mượn rượu giải sầu ở khách sạn Grand Hotel Europa thì anh xuất hiện. Anh ngồi ở một chiếc ghế cuối phòng, nhìn cô đuổi hết mấy gã đàn ông lì lợm cứ bám lấy mình. Đó là điều đã khiến anh gục ngã, anh luôn nói với cô như vậy, không phải vì cô được rất nhiều đàn ông săn đón, mà là vì thái độ hoàn toàn dửng dưng của

cô trước sự theo đuổi của họ, lãnh đạm tuyệt đối, thuần khiết vô ngần.

Cô nhận ly rượu anh mua tặng, cảm ơn anh rồi một mình đi bộ về.

Ngày hôm sau, anh đến tìm cô tại căn hộ tầng hầm bé tí tẹo trên phố Strasnice. Anh không bao giờ nói cho cô hay làm thế nào anh biết được địa chỉ nhà cô. Cuộc đời đang từ xám xịt bỗng được tô hồng trong chớp mắt. Cô vui lắm. Hạnh phúc lắm.

Tờ báo phát ra tiếng sột soạt khi anh lật trang.

Đáng lẽ cô phải đoán ra chứ. Nếu không vì khẩu súng trong cái va li thì cô đã chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế.

Cô quyết định sẽ quên nó đi, quên hết tất cả, chỉ giữ lại những gì quan trọng. Họ đang hạnh phúc bên nhau. Cô yêu anh.

Cô ngồi trên ghế, vẫn mặc nguyên tạp dề. Cô biết anh thích nhìn cô mặc tạp dề. Dù sao cô cũng có chút hiểu biết về tính cách đàn ông, bí quyết ở đây là không được để lộ ra điều đó. Cô cúi đầu nhìn xuống lòng mình. Nụ cười tự nhiên nở trên môi, cô không sao ngăn được.

“Có chuyện này em muốn nói với anh,” cô nói.

“Chuyện gì?” Tờ báo khẽ lay động hệt như cánh buồm trong gió.

“Anh phải hứa là không nổi giận cơ,” cô nói, cảm thấy nụ cười của mình càng tươi hơn.

“Điều đó anh không hứa được,” anh nói mà không buồn ngẩng lên.

Nụ cười chợt hóa đá. “Sao…”

“Anh đang đoán là em định nói với anh chuyện đêm hôm trước em lén lút dậy lục lọi va li của anh.”

Lần đầu tiên cô nhận ra khẩu âm của anh thật khác lạ. Ngữ điệu du dương không còn nữa. Anh đặt tờ báo xuống và nhìn thẳng vào mắt cô.

Tạ ơn Chúa, vậy là cô không cần phải nói dối anh và cô biết mình chẳng bao giờ có thể làm được điều đó. Giờ cô đã có bằng chứng. Cô lắc đầu, rồi chợt nhận ra cô không thể kiểm soát được nét mặt của mình.

Anh nhướn một bên lông mày.

Cô nuốt khan.

Kim giây của chiếc đồng hồ to tướng hiệu IKEA treo trong bếp, chiếc đồng hồ cô đã mua bằng tiền của anh, lặng im nhích từng vạch.

Anh mỉm cười.

"Rồi em tìm thấy đống thư mà đám người tình của anh gửi đến phải không?"

Cô chớp mắt, hoàn toàn không hiểu gì.

Anh nhoài người tới trước. "Anh đùa đấy, Eva. Thế có vấn đề gì sao?"

Cô gật đầu.

"Em có thai rồi," cô thì thầm thật nhanh như thể mọi chuyện bỗng trở nên gấp gáp. "Em… chúng ta… sắp có con."

Anh ngồi đó, sửng sốt, mắt nhìn chằm chằm về phía trước trong lúc nghe cô kể về những mối ngờ vực ban đầu, buổi đi khám bác sĩ, và cuối cùng là lời khẳng định chắc chắn. Khi cô nói xong, anh liền đứng dậy và rời khỏi nhà bếp. Sau đó anh quay lại, đưa cho cô một chiếc hộp nhỏ màu đen.

"Về thăm mẹ anh," anh nói.

"Sao cơ?"

"Em đang thắc mắc sắp tới anh đi Oslo để làm gì. Anh sẽ về thăm mẹ anh."

"Anh có mẹ…"

Đó là ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong tâm trí cô. Anh thực sự có mẹ ư?

Nhưng cô vội vã nói thêm: "… ở Oslo sao?"

Anh mỉm cười và hất đầu về phía chiếc hộp.

"Em không định mở nó ra à, *Liebling?* Quà dành cho em đấy. Dành cho đứa bé."

Cô chớp mắt hai cái rồi mới định thần lại đủ để mở hộp ra.

"Đẹp quá," cô nói, cảm thấy những giọt lệ đã dâng đầy trong mắt.

"Anh yêu em, Eva Marvanova."

Ngữ điệu du dương đã trở lại trong lời nói của anh.

Cô mỉm cười qua làn nước mắt khi được anh ôm vào lòng.

"Hãy tha thứ cho em," cô khẽ thì thầm. "Tha thứ cho em nhé. Em chỉ cần biết anh yêu em, thế là đủ. Tất cả những điều khác đều không quan trọng. Anh không cần phải kể cho em nghe về mẹ anh. Hay khẩu súng…"

Cô cảm thấy người anh cứng đờ ra trong vòng tay của mình. Cô thì thầm vào tai anh.

"Em đã trông thấy khẩu súng," cô nói. "Nhưng em chẳng cần biết điều gì cả. Không gì hết, anh hiểu không?"

Anh rời khỏi vòng tay cô.

"À, ừ," anh nói. "Anh xin lỗi, Eva, nhưng không còn cách nào khác. Không phải lúc này."

"Ý anh là sao?"

"Em cần phải biết anh là ai."

"Nhưng em biết anh là ai rồi mà, anh yêu."

"Em không biết anh làm những gì đâu."

"Em không biết mình có muốn biết hay không."

“Bắt buộc phải thế thôi.”

Anh cầm chiếc hộp trong tay cô, lấy ra sợi dây chuyền trong đó và giơ nó lên.

“Việc anh làm chính là đây.”

Viên kim cương hình ngôi sao tỏa sáng long lanh như ánh mắt kẻ đang yêu dưới ánh sáng ban mai đang ùa vào qua cửa sổ phòng bếp.

“Và đây nữa.”

Anh rút tay ra khỏi túi áo khoác. Anh đang cầm khẩu súng cô đã nhìn thấy trong va li. Nhưng lúc này nó đã dài hơn, đầu nòng được gắn một trụ kim loại màu đen cỡ lớn. Eva Marvanova tuy không biết nhiều về các loại vũ khí, nhưng thứ này thì cô biết. Đó là ống giảm thanh, một cái tên quả là thích hợp.

Harry bừng tỉnh khi nghe thấy tiếng điện thoại reo. Anh cảm giác như có ai đó đã nhét một chiếc khăn bông vào miệng mình. Anh cố gắng dùng lưỡi làm ẩm nó, nhưng vật đó phát ra tiếng lạo xạo chẳng khác nào một miếng bánh mì thiu dính trên vòm miệng. Đồng hồ trên chiếc kệ đầu giường báo mười giờ mười bảy phút. Có một điều nửa như ký ức, nửa như hình ảnh len lỏi vào tâm trí của anh. Harry đi ra phòng khách. Điện thoại đổ chuông lần thứ sáu.

Anh nhấc ống nghe lên.

“Harry đây. Ai đấy?”

“Em chỉ muốn xin lỗi anh.”

Chính là giọng nói anh luôn hy vọng được nghe.

“Rakel?”

“Đó là công việc của anh mà,” cô nói. “Em không có quyền nổi giận. Em xin lỗi.”

Harry ngồi xuống ghế. Có điều gì đó đang cố gắng trỗi dậy từ bên dưới mớ hỗn độn của những giấc mơ đã phần nào bị rơi vào quên lãng.

“Em hoàn toàn có quyền nổi giận chứ,” anh nói.

“Anh là cảnh sát mà. Phải có ai đó bảo vệ cuộc sống của chúng ta chứ.”

“Ý anh không phải muốn nói tới công việc,” Harry đáp.

Cô không trả lời. Anh đợi.

“Em khao khát có anh,” cô nói, giọng chan chứa nước mắt.

“Em khao khát cái người em ao ước anh có thể trở thành,” anh đáp. “Trong khi anh lại…”

“Tạm biệt,” cô nói, hệt như ca khúc bị cắt ngang lưng chừng đoạn mở đầu.

Harry ngồi nhìn chằm chằm điện thoại, vừa vui sướng lại vừa thất vọng. Một mảnh ghép rời rạc của giấc mơ đêm qua đã vận nốt chút sức lực cuối cùng hòng ngoi lên khỏi mặt nước, nhưng đụng phải lớp băng mà mỗi giây trôi qua lại dày thêm một chút khi nhiệt độ không ngừng hạ xuống. Anh bới tung chiếc bàn uống nước tìm thuốc lá và thấy một mẩu đầu lọc trong gạt tàn. Lưỡi anh vẫn còn chưa hết tê. Nghe cách nói líu ríu của anh, chắc Rakel sẽ đoán anh lại phê rồi, điều đó không sai lệch lắm so với sự thật, ngoại trừ việc anh chẳng có tâm trạng nào để rước thêm chất độc ấy vào người.

Anh quay về phòng ngủ, liếc đồng hồ trên chiếc kệ đầu giường. Đến giờ đi làm rồi. Có điều…

Anh nhắm mắt lại.

Giai điệu của Duke Ellington còn vang vọng trong ống tai của anh. Nó không có ở đó, anh sẽ phải đào sâu hơn thôi. Anh tiếp tục nghe. Và rồi anh nghe thấy tiếng tàu điện rít lên đau đớn, tiếng chân mèo bước trên mái nhà cùng tiếng sột soạt báo điềm gở giữa những tán lá bạch dương um tùm xanh mướt trong sân. Sâu hơn nữa đi. Anh nghe thấy tiếng rên rỉ của cái sân, tiếng răng rắc của keo dán bằng đất sét trên khung cửa sổ, tiếng ầm ì của căn phòng tầng hầm trống không nằm sâu tít dưới lòng vực thẳm. Anh nghe thấy tiếng lạo xạo chói tai của lớp ga trải giường cọ vào da thịt anh, tiếng gót giày gõ lách cách đầy sốt ruột khi anh đi lại ngoài hành lang. Anh nghe thấy tiếng mẹ thì thầm câu nói quen thuộc ngày xưa mỗi khi anh đi ngủ: "*Bak skapet bakenfor skapet bakenfor skapet til hans madam.*" Và thế là anh lại chìm vào giấc mơ.

Giấc mơ đêm qua. Anh bị mù, chắc chắn là bị mù, vì anh chỉ có thể nghe được thôi.

Anh nghe thấy tiếng cầu kinh khe khẽ hòa cùng tiếng rì rầm cầu nguyện ở hậu cảnh. Dựa vào độ vang âm, anh đoán mình đang ở trong một căn phòng rộng lớn giống như nhà thờ, nhưng còn có âm thanh tí tách không ngừng vang lên. Dưới vòm trần cao vời vọi, nếu thứ đó đúng là như thế, vọng đến tiếng vỗ cánh loạn xạ. Chim bồ câu ư? Một linh mục hoặc cha xứ có lẽ đang chủ trì buổi gặp gỡ, nhưng nghi lễ thì lạ lùng, kỳ dị quá. Nghe gần như tiếng Nga, hoặc là thứ tiếng lạ. Giáo đoàn đồng thanh đọc phần Thánh Vịnh. Những dòng thơ ngắn ngủn, trúc trắc chẳng mấy hòa hợp với nhau. Không có những từ quen thuộc như Chúa Jesus hay Đức Mẹ Maria.

Đột nhiên, giáo đoàn cất tiếng ca vang và dàn nhạc bắt đầu diễn tấu. Anh nhận ra giai điệu này. Nó được phát trên ti vi. Khoan đã nào. Anh nghe thấy tiếng một vật gì đó đang lăn. Một trái bóng. Nó dừng lại rồi.

"Năm," một giọng phụ nữ vang lên. "Đó là số năm."

Mật mã chính là đây.

THỨ SÁU



số con người

Những phát hiện trước đây của Harry thường chỉ như những giọt nước nhỏ lạnh băng bất ngờ rơi xuống đầu của anh. Thế nhưng giờ không còn được như vậy nữa rồi, dĩ nhiên, chỉ cần ngước mắt lên và theo sát hành trình rơi của những giọt nước ấy, anh vẫn có thể tìm ra mối liên hệ giữa nguyên nhân và kết quả. Phát hiện lần này thật khác biệt. Nó chính là một món quà, một sự ăn cắp, phước lành do một thiên thần ban tặng cho kẻ không xứng đáng, là thứ âm nhạc tìm đến với những người như Duke Ellington, đã được bày ra sẵn và từ trong mơ bước thẳng ra ngoài đời. Tất cả những gì họ phải làm chỉ là ngồi xuống và biểu diễn mà thôi.

Và Harry đang bắt tay vào làm y như vậy. Anh đã triệu tập khán giả xem buổi hòa nhạc có mặt tại phòng làm việc của mình lúc một giờ. Chừng đó thời gian là đủ cho anh ghép nối được phần quan trọng nhất, phần cuối cùng của mật mã. Để làm điều đó, anh cần đến ngôi sao Bắc Cực. Và một tấm bản đồ sao.

Trên đường tới cơ quan, anh đã tạt vào cửa hàng văn phòng phẩm mua

một chiếc thước kẻ, thước đo độ, compa, bút dạ loại có nét mảnh nhất, và vài tấm phim máy chiếu. Vừa đến phòng làm việc, anh lập tức bắt tay vào chuẩn bị. Anh tìm thấy tấm bản đồ Oslo cỡ lớn đã bị mình xé bỏ, dán lại chỗ rách, vuốt phẳng bề mặt mấy cái bảng thông báo và ghim tấm bản đồ về đúng vị trí cũ trên bức tường dài trong phòng. Sau đó anh vẽ một đường tròn lên tấm phim trong suốt, chia nó thành năm phần, mỗi phần tương ứng với một góc chính xác bảy mươi hai độ. Tiếp đến, anh dùng bút dạ và thước để kẻ một đoạn thẳng liền mạch nối những cặp điểm cách xa nhau nhất. Làm xong, anh giơ tấm phim về phía ánh sáng. Ngôi sao của quỷ.

Cái máy chiếu trên cao ở phòng họp đã bị mang đi, vì thế Harry vào phòng họp của Đội Hình sự, nơi Chánh thanh tra Ivarsson đang có buổi thuyết trình quen thuộc - hay bài giảng "Làm thế nào tôi trở nên thông minh đến vậy" như cách gọi của các đồng nghiệp - trước đám sĩ quan bị gọi đi làm để lấp chỗ trống trong đợt nghỉ lễ.

"Có việc khẩn cấp," Harry nói, rút phích cắm và đẩy chiếc xe chở máy chiếu đi qua mặt Ivarsson đang tròn mắt kinh ngạc.

Trở lại văn phòng của mình, Harry đặt tấm phim lên máy chiếu, hướng đèn của máy về phía bản đồ rồi tắt đèn chính đi.

Trong căn phòng tối om không cửa sổ, anh có thể nghe thấy tiếng thở của chính mình khi anh xoay tấm phim, đưa máy chiếu tới gần rồi lại kéo ra xa, căn chỉnh lấy nét hình vẽ ngôi sao màu đen cho tới khi nó trùng khớp. Đúng là khớp thật. Dĩ nhiên rồi. Anh nhìn chằm chằm tấm bản đồ, khoanh tròn số nhà trên hai con phố và gọi vài cú điện thoại.

Và rồi, anh đã sẵn sàng.

Lúc một giờ năm phút, Bjarne Møller, Tom Waaler, Beate Lønn và Ståle Aune đã an tọa trên mấy cái ghế đi mượn, chen chúc trong phòng làm việc chung của Harry và Halvorsen, không ai nói năng gì.

"Đó là mật mã," Harry nói. "Một mật mã vô cùng đơn giản. Một mẫu số chung mà đáng lẽ chúng ta phải nhận ra từ lâu. Những chỉ dẫn đưa ra cho chúng ta đã quá rõ ràng rồi. Đó là một con số."

Mọi ánh mắt đều hướng về phía anh.

"Số năm," Harry nói.

"Số năm ư?"

"Con số đó là số năm."

Harry nhìn bốn khuôn mặt ngơ ngác.

Thế rồi một điều gì đó bỗng xảy đến với anh mà trước giờ đôi lúc anh cũng từng trải qua, với tần suất ngày càng dày đặc hơn, sau những khoảng thời gian dài chìm đắm trong men rượu. Không một dấu hiệu cảnh báo trước, đất dưới chân anh bỗng sụt xuống. Anh cảm thấy như thể mình đang rơi, hoàn toàn mất đi khả năng nhận thức thực tại. Không còn bốn đồng nghiệp đang ngồi trước mặt anh trong phòng làm việc, không còn án giết người, không còn ngày hè nóng bức ở Oslo, không còn ai tên là Rakel và Oleg tồn tại trên đời nữa. Anh biết rằng cơn hoảng loạn thoáng qua này có thể sẽ kéo theo những cơn khác, và anh cố gồng mình để vượt qua.

Harry cầm lấy cốc cà phê, chậm rãi uống từng ngụm trong lúc lấy lại bình tĩnh.

Anh quyết định khi nghe thấy chiếc cốc được đặt xuống bàn, mình sẽ trở lại đây, trở lại thực tại này.

Anh đặt cốc xuống.

Nó chạm vào mặt bàn với một tiếng “cộp” khẽ.

“Câu hỏi thứ nhất,” Harry nói. “Hung thủ đã để lại dấu ấn của hắn lên tất cả các nạn nhân thông qua viên kim cương. Viên kim cương đó có mấy cạnh?”

“Năm,” Møller đáp.

“Câu hỏi thứ hai. Hắn cắt cụt một ngón ở bàn tay trái của mỗi nạn nhân. Một bàn tay có mấy ngón? Câu hỏi thứ ba. Hai vụ giết người và một vụ mất tích xảy ra trong ba tuần liên tiếp, lần lượt rơi vào ngày thứ Sáu, thứ Tư, và thứ Hai. Mỗi vụ cách nhau mấy ngày?”

Cả phòng im lặng giây lát.

“Năm,” Waaler đáp.

“Và thời điểm gây án?”

Aune đằng hắng, nói, “Khoảng năm giờ chiều.”

“Câu hỏi thứ năm và cũng là câu hỏi cuối cùng. Địa chỉ nhà của các nạn nhân có vẻ như được lựa chọn ngẫu nhiên, nhưng cả ba hiện trường đều có một điểm chung. Beate?”

Cô nhăn mặt. “Năm?”

Bốn người nhìn Harry bằng ánh mắt trống rỗng.

“Ôi, mẹ…” Beate thốt lên, nhưng rồi cô ghìm lại được và đỏ mặt. “Xin lỗi, ý tôi là… trên tầng năm. Tất cả các nạn nhân bị giết đều ở tầng năm.”

“Chính xác.”

Vẻ mặt mọi người cho thấy họ đã bắt đầu hiểu ra khi Harry bước tới cửa.

“Năm.”

Møller phun ra cứ như thể ông vừa ăn phải một từ đáng ghê tởm.

Harry tắt đèn khiến căn phòng tối đen như mực. Họ chỉ nghe thấy tiếng nói của anh trong lúc anh đi đi lại lại.

“Năm là con số quen thuộc trong nhiều loại hình nghi thức khác nhau. Trong ma thuật hắc ám. Thuật phù thủy. Và tục thờ quỷ dữ. Cũng như trong đạo Thiên Chúa. Năm là số vết thương Chúa Jesus phải chịu khi bị đóng đinh trên thập tự giá. Có năm cột trụ và năm lần kêu gọi cầu nguyện trong đạo Hồi. Trong một vài tài liệu có viết, năm được coi là con số tượng trưng cho con người, vì chúng ta có năm giác quan và trải qua năm giai đoạn trong cuộc đời.”

Có tiếng “cách” vang lên và đột nhiên, một khuôn mặt nhợt nhạt được chiếu sáng với đôi hốc mắt trũng sâu, thâm quầng cùng một ngôi sao trên trán bỗng hiện ra trước mặt họ trong bóng tối. Tiếng xì xào nổi lên.

“Xin lỗi…”

Harry xoay lại cái máy chiếu để ô sáng hình vuông không rọi vào mặt anh nữa mà chiếu lên bức tường trắng.

“Đây, như mọi người đều thấy, là hình ngôi sao năm cánh hay ngôi sao của quỷ, chính là hình được khắc hoặc vẽ ở gần thi thể của Camilla Loen và Barbara Svendsen mà chúng ta phát hiện ra. Nó được vẽ dựa theo tỷ lệ vàng. Cách tính thế nào ấy nhỉ, Ståle?”

“Thật sự tôi cũng không rõ lắm,” nhà tâm lý học khụt khịt nói. “Tôi cực ghét mấy môn khoa học đòi hỏi sự chính xác.”

“Được rồi,” Harry nói. “Tôi đã dùng thước đo độ để vẽ một bản sao đơn giản. Đủ để phục vụ cho những mục đích của chúng ta.”

“Những mục đích của chúng ta?” Møller hỏi.

“Nãy giờ tôi đã chỉ cho mọi người thấy vài sự trùng hợp liên quan đến số năm, mà rất có thể chỉ là chuyện ngẫu nhiên. Đây mới là bằng chứng cho thấy không có gì là ngẫu nhiên cả.”

“Ba vụ giết người xảy ra tại ba địa điểm nằm trên đường tròn có tâm là trung tâm thành phố Oslo,” Harry nói. “Hơn nữa, ba địa điểm đó lại cách nhau một khoảng bằng đúng một góc bảy mươi hai độ. Như mọi người có thể thấy ở đây, ba hiện trường nằm ở…”

“… ba đỉnh của ngôi sao,” Beate khẽ nói.

“Lạy Chúa tôi,” Møller kinh ngạc thốt lên. “Có phải ý cậu là hắn… hắn đã cho chúng ta…”

“Hắn đã cho chúng ta ngôi sao Bắc Cực,” Harry nói. “Đó chính là mật mã của hắn… để nói cho chúng ta biết về năm vụ giết người. Ba vụ đã qua, sắp tới vẫn còn hai vụ nữa. Căn cứ vào ngôi sao, hai vụ đó sẽ diễn ra ở đây và ở đây.”

Harry chỉ vào hai vòng tròn anh vẽ xung quanh hai điểm trên tấm bản đồ.

“Và chúng ta còn biết cả thời gian nữa,” Tom Waaler nói.

Harry gật đầu.

“Lạy Chúa tôi,” Møller nói. “Mỗi vụ cách nhau năm ngày, như vậy là…”

“Thứ Bảy,” Beate nói.

“Ngày mai,” Aune thêm vào.

“Lạy Chúa tôi,” Møller lặp lại lần thứ ba. Lời khẩn cầu Chúa trời nghe đầy vẻ thành tâm.

Harry tiếp tục nói, thỉnh thoảng bị chen ngang bởi những giọng nói đầy phấn khích của đồng nghiệp, trong lúc vầng dương vẽ một đường vòng cung cao vời vợi vắt ngang bầu trời xanh nhạt cháy sém lơ lửng phía trên cánh buồm trắng nho nhỏ của những chiếc thuyền đang hờ hững, uể oải tìm đường về đất liền. Ở Bjørvika, tại giao lộ trên cao có cái tên rất nổi tiếng là Cỗ máy Giao thông, một chiếc túi nylon bị cuốn theo luồng khí nóng bốc lên từ những cung đường uốn lượn đan xen, hệt như bầy rắn lục đang cuốn lấy nhau trong tổ. Bên mạn hướng về phía biển ở một kho chứa đồ nằm trên công trường xây dựng nhà hát opera tương lai, một gã đàn ông đang loay hoay tìm ven bên dưới một vết loét đã bị viêm; gã quắc mắt nhìn quanh chẳng khác nào con báo ốm đói đang canh chừng con mồi, tự nhủ phải giải quyết thật nhanh trước khi đàn linh cẩu kéo đến.

"Khoan đã," Tom Waaler nói. "Làm cách nào hung thủ biết được Lisbeth Barli sống trên tầng năm nếu hắn chỉ đứng rình trên phố?"

"Hắn không rình trên phố," Beate nói. "Mà là trên cầu thang. Chúng tôi đã kiểm tra lại khi Barli khai rằng cửa ra vào không đóng hẳn, và đúng là như thế. Hắn đã để ý theo dõi thang máy xem có ai từ tầng năm đi xuống không, hắn nấp ở lối xuống tầng hầm nếu có người xuất hiện."

"Tốt lắm, Beate," Harry nói. "Sau đó thì sao?"

"Hắn đi theo cô ta ra phố và… không, làm vậy quá mạo hiểm. Hắn chặn cô ta lại khi cô ta ra khỏi thang máy. Bằng cách dùng thuốc mê."

"Không," Waaler nói chắc nịch. "Cách đó quá liều lĩnh. Như thế, hắn sẽ phải vác cô ta tới chỗ chiếc xe đỗ bên ngoài, nếu có người trông thấy thì

chắc chắn họ sẽ để ý tới chiếc xe và có thể là cả biển số nữa.”

“Không thuốc mê,” Møller nói. “Và cái xe đỗ cách đó một quãng. Hắn đã dùng súng đe dọa cô ta và ép cô ta đi trước trong khi hắn theo sau với khẩu súng giấu trong túi áo.”

“Bất luận chuyện xảy ra như thế nào, các nạn nhân đều được lựa chọn ngẫu nhiên,” Harry nói. “Mấu chốt ở đây là địa điểm xảy ra án mạng. Nếu Wilhelm Barli đi thang máy từ tầng năm xuống thay vì bà vợ, biết đâu ông ta đã trở thành nạn nhân rồi.”

“Nếu mọi việc đúng như anh nói thì điều đó có thể giải thích cho việc vì sao ba nạn nhân nữ không hề bị xâm hại tình dục,” Aune nói. “Nếu kẻ giết người…”

“Đối tượng gây án.”

“… đối tượng gây án không có tiêu chí lựa chọn nạn nhân thì có nghĩa, việc ba người chết đều là nữ chỉ là sự trùng hợp. Trong vụ này, các nạn nhân không thực sự là công cụ để thỏa mãn nhục dục. Chính việc giết chóc mới mang lại cho hắn cảm giác mãn nguyện.”

“Thế còn chi tiết phòng vệ sinh nữ?” Beate hỏi. “Đó đâu phải ngẫu nhiên. Chẳng phải một gã đàn ông đi vào phòng vệ sinh nam sẽ hợp lý hơn hay sao, nếu giới tính của nạn nhân không phải là vấn đề? Bằng cách đó, hắn sẽ tránh được nguy cơ thu hút sự chú ý lúc đi vào hoặc đi ra.”

“Cũng có thể,” Harry nói. “Nhưng nếu hắn thực sự đã chuẩn bị kỹ càng theo như những gì chúng ta thấy, thì chắc chắn hắn phải biết ở công ty luật, số nhân viên nam bao giờ cũng đông hơn hẳn so với nhân viên nữ. Mọi người không thấy sao?”

Beate chớp mắt thật mạnh.

"Phân tích rất đúng, Harry," Waaler nói. "Ra tay trong phòng vệ sinh nữ sẽ ít có nguy cơ bị quấy rầy trong lúc hành sự hơn."

Lúc này là hai giờ tám phút, Møller cuối cùng cũng lên tiếng để khép lại buổi họp.

"Thôi, nói về người chết như vậy đủ rồi đấy các vị. Giờ ta tập trung vào người sống được chứ?"

Mặt trời đã bắt đầu đi nốt nửa cuối của vòng cung parabol, những cái bóng dần dần trườn ra khoảng sân trường vắng tanh tại Tøyen, âm thanh duy nhất ở đây là tiếng một trái bóng bị đá bật vào tường vang lên đầy đơn điệu. Trong văn phòng kín như hũ nút của Harry, không khí đã trở nên ngột ngạt bởi mùi mồ hôi tỏa ra nồng nặc. Đỉnh của ngôi sao nằm về phía bên phải của quảng trường Carl Berners tọa trên một khu đất ngay cạnh đường Ensjøveien ở Kampen. Harry giải thích rằng tòa nhà nằm bên dưới đỉnh đó được xây dựng vào năm 1912, thời nó được biết đến là "nhà lao phổi" nhưng giờ đã chuyển thành ký túc xá cho sinh viên. Ban đầu là sinh viên ngành kinh tế gia đình, sau đó là sinh viên điều dưỡng, và cuối cùng là sinh viên nói chung.

Đỉnh cuối cùng của ngôi sao chỉ vào một mạng lưới những đường màu đen chạy song song.

"Đường ray xe lửa chạy từ ga Oslo ư?" Møller hỏi. "Làm gì có ai sống ở đó, đúng không?"

"Từ từ đã," Harry nói, chỉ vào một hình vuông nhỏ được tô kín.

"Đó chắc chắn là kho chứa đồ rồi. Nó…"

“Không. Bản đồ vẽ không sai,” Waaler nói. “Ở đó đúng là có một ngôi nhà. Chẳng lẽ mọi người không để ý thấy nó khi đi tàu hỏa sao? Ngôi nhà biệt lập kỳ lạ xây bằng gạch đứng một mình một cõi. Có cả vườn tược và các thứ nữa…”

“Ý cậu muốn nhắc tới biệt thự Valle chứ gì,” Aune nói. “Nhà của ông trưởng ga. Công trình rất nổi tiếng. Tôi tưởng bây giờ nó đã được cho thuê làm văn phòng.”

Harry lắc đầu và thông báo rằng Cục Quản lý Đăng ký Quốc gia có hồ sơ cho thấy có một người đang sống tại đó, một bà lão tên là Olaug Sivertsen.

“Cả ký túc xá sinh viên lẫn nhà của ông trưởng ga đều không có tầng năm,” Harry nói.

“Việc đó liệu có ngăn được hắn không?” Waaler quay sang hỏi Aune.

Aune nhún vai.

“Tôi không nghĩ vậy. Nhưng lúc này đây chúng ta đang cùng đưa ra dự đoán về đặc điểm hành động của một cá nhân, nên dự đoán của tôi hay cậu thì cũng như nhau cả thôi.”

“Được rồi,” Waaler nói. “Chúng ta có thể tạm cho rằng hắn sẽ ra tay tại ký túc xá sinh viên vào ngày mai, việc tốt nhất ta nên làm là tiến hành một chiến dịch được lên kế hoạch kỹ càng. Mọi người đồng ý chứ?”

Tất cả mọi người ngồi quanh bàn đều gật đầu.

“Tốt lắm,” Waaler nói. “Tôi sẽ liên hệ với Sivert Falkeid bên Lực lượng Đặc nhiệm và bắt tay ngay vào chi tiết.”

Harry có thể nhìn thấy tia sáng lóe lên trong mắt Tom Waaler. Anh hiểu anh ta đang nghĩ gì. Hành động. Bắt giữ. Hạ gục con mồi. Phần hay ho

nhất trong công việc cảnh sát.

“Tôi sẽ cùng Beate tới phố Schweigaards xem có gặp được Sivertsen không,” Harry nói.

“Mọi người phải cẩn thận,” Møller nói lớn để át đi tiếng xô ghế. “Tuyệt đối không được để rò rỉ thông tin. Đừng quên Aune đã nói bên Lực lượng Đặc nhiệm hay có trò thăm dò tình hình điều tra lắm đấy.”

Mặt trời đang từ từ hạ xuống. Nhiệt độ mỗi lúc một tăng lên.

THỨ SÁU



otto tangen

Otto Tangen trở mình nằm nghiêng. Toàn thân gã đang ướt đẫm mồ hôi sau một đêm hè oi bức nữa, nhưng đó không phải điều khiến gã thức giấc. Gã nhoài người nhấc điện thoại lên, cái giường gãy phát ra tiếng kẽo kẹt thấy ghê. Nó đã sập xuống giữa đêm khuya cách đây hơn một năm, lúc Otto và cô nàng Aud-Rita, nhân viên tiệm bánh, đang mải mê hành lạc trong tư thế vắt ngang giường. Giờ thì, Aud-Rita người mỏng như lá lúa, còn Otto đã vượt mốc một trăm mười cân hồi mùa xuân năm ngoái, và trong căn phòng tối đen, cả hai phát hiện ra rằng các loại giường có chức năng nâng đỡ lực tác động theo chiều dọc của chúng chứ không phải chiều ngang. Lúc ấy Aud-Rita đang nằm dưới mình gã và Otto đã phải lái xe đưa cô ả tới phòng cấp cứu ở Hønefoss để xử lý cái xương đòn bị rạn. Cô ả tức điên lên, và trong cơn gào thét rủa sả, ả dọa sẽ kể hết với Nils, bạn trai ả đồng thời cũng là thằng bạn thân nhất và duy nhất của Otto. Thời điểm đó Nils nặng một trăm mười lăm cân, lại còn khét tiếng là nóng nảy. Nghe ả dọa thế, Otto cười sằng sặc đến mức gần như bị tắc thở và kể từ đó trở đi, cứ thấy gã đặt

chân tới tiệm bánh là Aud-Rita lại quắc mắt nhìn gã đầy tức tối. Việc này khiến gã buồn, vì dù sao đi nữa, đêm hôm ấy vẫn là một kỷ niệm vô cùng đáng nhớ đối với gã. Và đó cũng là lần cuối cùng gã được chơi gái.

"Harry Sounds nghe," gã hổn hển nói vào điện thoại.

Gã đặt tên công ty theo tên nhân vật của Gene Hackman trong bộ phim đã góp phần định hình phong cách làm việc và phong cách sống sau này của gã về nhiều mặt: *The Conversation,* tác phẩm được Francis Ford Coppola sản xuất năm 1974, xoay quanh một chuyên gia nghe lén. Trong số ít bạn bè người quen của Otto, chẳng có ai từng xem phim này cả. Còn riêng gã thì đã xem tới ba mươi tám lần. Khi nhận ra chỉ một thiết bị công nghệ nhỏ xíu cũng có thể giúp gã biết được nhiều điều về cuộc sống của những người xung quanh, ở tuổi mười lăm, gã đã tậu chiếc micro đầu tiên, nhờ đó gã phát hiện ra bố mẹ gã nói với nhau những gì lúc ở trong phòng ngủ. Kể từ hôm sau, gã bắt đầu tiết kiệm tiền để mua chiếc camera đầu tiên.

Giờ gã đã ba mươi lăm tuổi, có trong tay khoảng một trăm chiếc micro, hai mươi tư cái camera và thằng con trai mười một tuổi, kết quả của việc ăn nằm với một người đàn bà trên chiếc xe buýt lưu động của gã ở Geilo vào một đêm mùa thu ẩm ướt. Chí ít gã cũng thuyết phục được cô ta đặt tên con là Gene. Có điều, gã vẫn sẵn lòng thú nhận, không chút do dự rằng, về mặt tình cảm, gã gắn bó với bộ micro còn hơn với con đẻ. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, trong bộ sưu tập của gã có cả những chiếc micro boom hiệu Neuman từ thập niên năm mươi và micro định hướng của Offscreen. Loại thứ hai được thiết kế riêng để sử dụng cùng camera quân đội và ngày ấy gã từng phải lặn lội sang tận Mỹ để mua chui, còn bây giờ gã có thể đặt mua chúng qua mạng, hoàn toàn không có chút khó khăn gì. Tuy nhiên, vị trí cao quý nhất trong bộ sưu tập của gã thuộc về ba cái micro

gián điệp của Nga, có kích thước chỉ bằng đầu đinh mũ. Trên đó không có tên thương hiệu sản xuất, gã đã hốt được chúng trong lần đi dự hội chợ thương mại ở Vienna.

Không chỉ có vậy, Harry Sounds còn là chủ của một trong hai studio lưu động hành nghề theo dõi chuyên nghiệp ở Na Uy. Điều đó có nghĩa, vào những dịp đặc biệt, Otto lại nhận được điện thoại của cảnh sát, Cục An ninh và hiếm hoi hơn nữa là cơ quan tình báo trực thuộc Bộ Quốc phòng. Gã ước gì được cộng tác với họ thường xuyên hơn; gã đã chán ngấy việc lắp đặt hệ thống camera giám sát ở mấy cửa hàng 7-Eleven, Videonova, cũng như những buổi đào tạo đám nhân viên chẳng có tí hiểu biết nào về những nguyên lý phức tạp trong việc theo dõi những khách hàng thiếu cảnh giác rồi. Với nghề này, gã dễ tìm được sự đồng điệu hơn khi làm việc với lực lượng cảnh sát và Bộ Quốc phòng, nhưng các thiết bị cao cấp của Harry Sounds đều có chi phí đắt đỏ, mà theo Otto nghĩ thì gã đang càng ngày càng thường xuyên phải nghe nhiều lời trần tình cũ rích xung quanh vấn đề cắt giảm ngân sách. Họ nói mình đâu phải tốn ngần ấy tiền nếu lắp đặt thiết bị của chính mình tại một căn hộ hoặc nhà riêng ở gần mục tiêu cần theo dõi, tất nhiên là điều đó cũng đúng thôi. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có trường hợp họ không tìm được ngôi nhà nào khả dĩ trong phạm vi gần đó hoặc tính chất công việc đòi hỏi những thiết bị xịn hơn mà họ không có được. Những lúc như thế, họ sẽ gọi đến Harry Sounds. Như lúc này chẳng hạn.

Otto chăm chú lắng nghe. Phi vụ lần này có vẻ hay ho đây. Lý do là bởi rõ ràng có rất nhiều căn hộ gần mục tiêu, gã ngờ rằng họ đang giăng lưới để bắt một con cá lớn. Và căn cứ vào tình hình hiện tại, thì chỉ có duy nhất một con cá lớn đến mức ấy vẫy vùng trong nước thôi.

“Là vụ Sát nhân Giao hàng phải không?” gã hỏi, thận trọng ngồi dậy

để cái giường không sập xuống ở giữa. Lẽ ra gã nên mua một cái giường khác. Gã không rõ lâu nay gã cứ lần lữa mãi chủ yếu là vì điều kiện kinh tế không cho phép hay vì tình cảm gắn bó với nó. Lý do là gì không quan trọng, nếu cuộc đối thoại này thực sự mang lại cho gã phần thưởng đúng như lời hứa, chẳng bao lâu nữa gã sẽ đủ khả năng tậu một chiếc giường tử tế, vững chãi, được thiết kế riêng. Một chiếc giường hình tròn chẳng hạn. Và sau đó biết đâu gã sẽ tính chuyện "cua" Aud-Rita lần nữa. Bây giờ Nils đã lên một trăm ba mươi lăm cân rồi, và cậu ta trông thật là tởm.

"Chuyện gấp lắm," Waaler nói, lờ đi câu hỏi của gã, nhưng thế cũng coi như câu trả lời đủ chắc chắn dành cho Otto rồi. "Tôi muốn máy móc được bố trí ngay trong đêm nay."

Otto phá lên cười.

"Anh muốn cầu thang, thang máy và vô số hành lang chạy khắp ngôi nhà bốn tầng được bố trí đầy đủ máy thu thanh, ghi hình chỉ trong một đêm á? Xin lỗi nhé, ông bạn, nhiệm vụ bất khả thi."

"Đây là trường hợp ưu tiên đặc biệt và bọn tôi đã để…"

"B-Ấ-T-K-H-Ả-T-H-I. CaspiceHiểu chưa?"

Ý nghĩ đó khiến Otto bật cười khanh khách và cái giường bắt đầu nghiêng ngả.

"Nếu gấp đến thế thì chúng ta có thể tiến hành ngay tối nay, Waaler ạ. Như thế tôi có thể đảm bảo với anh đến sáng thứ Hai là tất cả sẽ đâu vào đây."

"Đã hiểu," Waaler nói. "Xin lỗi, tôi ngây thơ quá."

Nếu Otto có kỹ năng đọc vị giọng nói cũng tốt như kỹ năng thu âm chúng, có lẽ gã sẽ phát hiện ra ngữ điệu của Waaler cho thấy cái trò đánh

vần vừa rồi của gã đã khiến vị thanh tra kia khó chịu. Tuy nhiên, lúc này gã còn đang mải làm giảm mức độ cấp bách của vấn đề và tăng thời gian cần thiết để hoàn thành công việc.

"Thôi được, có vẻ chúng ta đã hiểu nhau hơn ít nhiều rồi đấy," Otto nói, cúi xuống tìm đôi bít tất dưới gầm giường. Nhưng gã chỉ thấy những cục bông bụi và mấy vỏ lon bia.

"Tôi sẽ phải tính thêm tiền công làm qua đêm. Và dĩ nhiên là chưa kể vào dịp cuối tuần nữa."

Bia! Có lẽ gã nên mua một két bia rồi mời Aud-Rita qua đây ăn mừng gã nhận được công việc này chứ nhỉ? Hoặc Nils - nếu cô ta không đến được.

"Rồi còn một khoản trả trước nho nhỏ cho mớ thiết bị tôi buộc phải thuê nữa. Tôi không có sẵn cả đống đấy đâu."

"Ừ," Waaler nói. "Chắc là nó đang ở trong nhà kho của Stein Astrup tại Asker đúng không."

Otto Tangen suýt nữa đánh rơi cái ống nghe.

"Ôi trời," Waaler khẽ nói bằng giọng đầy mỉa mai. "Bị nói trúng tim đen rồi phải không? Nó là thứ anh đã quên khai báo sao? Thiết bị được gửi bằng đường thủy từ Rotterdam tới đây à?"

Cái giường sập xuống sàn cùng với một tiếng "rắc".

"Anh có thể nhờ một vài người bên tôi hỗ trợ anh lắp đặt," Waaler nói. "Mau xỏ quần vào, vào số cho cái siêu xe buýt của anh rồi tới gặp tôi ở văn phòng của tôi để nghe dặn dò và duyệt qua các sơ đồ bản vẽ."

"Tôi… tôi…"

"… vô cùng biết ơn anh. Thật tuyệt khi những người bạn tốt có thể

hợp tác với nhau, đúng không Tangen? Chỉ cần thông minh một chút, biết giữ mồm giữ miệng và làm sao để nhiệm vụ lần này trở thành nhiệm vụ xuất sắc nhất anh từng thực hiện, thì mọi chuyện sẽ đâu vào đấy cả thôi.”

THỨ SÁU



tiếng lạ

"Bà sống ở đây sao?" Harry sửng sốt hỏi.

Anh sửng sốt như vậy là bởi sự giống nhau đến khó tin đã khiến anh giật mình khi bà cụ ra mở cửa. Anh đang dồn hết sự chú ý vào khuôn mặt nhợt nhạt, già nua ấy. Chính là đôi mắt bà. Đôi mắt thực tình cũng điềm tĩnh, ấm áp y như thế. Hơn hết thảy, đó là đôi mắt. Nhưng đồng thời còn cả giọng nói của bà khi bà xác nhận mình đúng là Olaug Sivertsen.

"Tôi là cảnh sát," anh nói và giơ thẻ ra.

"Thật sao? Tôi hy vọng không có vấn đề gì chứ?"

Vẻ âu lo vắt qua cái mạng lưới chằng chịt những nếp nhăn lớn nhỏ trên gương mặt của bà. Harry thầm nghĩ không hiểu có phải bà cụ đang lo thay người nào đó hay không. Có lẽ chính bởi sự giống nhau, sự quan tâm bà luôn dành cho những người xung quanh, đã khiến anh có ý nghĩ đó.

"Không có gì đâu," anh đáp một cách máy móc và lắc đầu để khẳng định lại lời nói dối. "Chúng tôi vào được chứ?"

"Tất nhiên rồi."

Bà mở rộng cửa và nhường lối cho họ. Harry và Beate bước vào trong. Harry nhắm mắt lại. Nơi này có mùi xà phòng thơm và quần áo cũ. Tất nhiên rồi. Khi mở mắt ra, anh thấy bà đang nhìn mình, trên môi nở nụ cười thắc mắc. Harry mỉm cười đáp lại. Bà cụ làm sao biết được nãy giờ anh vẫn đang mong chờ một vòng tay ôm, một cái vỗ nhẹ lên mái đầu cùng vài lời thì thầm bảo anh rằng ông ngoại đang đợi anh và Sis để mang lại cho hai đứa một bất ngờ thú vị chứ.

Bà dẫn họ vào phòng khách, nhưng ở đây không có ai. Phòng khách - hay đúng hơn là những phòng khách, vì có đến ba phòng liền kề nhau - có những đường chỉ hình tròn trên trần nhà với mấy ngọn chúc đài bằng thủy tinh và được bài trí những món đồ cổ trang nhã. Đồ đạc và thảm đều đã mòn cũ nhưng sạch bong và ngăn nắp, đặc điểm chỉ có ở những ngôi nhà một người ở.

Harry băn khoăn vì sao vừa rồi anh lại hỏi có phải bà cụ sống ở đây không. Phải chăng có điều gì đó ẩn chứa trong cái cách bà mở cửa ư? Hay cách bà cho họ vào nhà? Dẫu thế nào đi nữa, anh vẫn phần nào mong đợi sẽ gặp được một người đàn ông ở đây, người trụ cột trong gia đình, nhưng xem ra Cục Quản lý Đăng ký Quốc gia đã đúng. Căn nhà này chỉ có một mình bà cụ ở.

"Hai người ngồi đi," bà nói. "Dùng cà phê nhé?"

Câu nói ấy nghe giống một lời khẩn nài hơn là lời mời. Harry, nãy giờ cứ bồn chồn lo lắng, đằng hắng một cái, anh không chắc là có nên trình bày lý do họ đến đây ngay từ đầu, hay là để đến cuối rồi mới nói.

"Dạ, vậy thì tốt quá," Beate nói kèm theo một nụ cười.

Bà cụ mỉm cười đáp lễ rồi lục tục đi vào bếp. Harry trao cho Beate ánh

mắt biết ơn.

"Bà ấy khiến tôi nhớ đến…" anh ngập ngừng nói.

"Tôi hiểu," Beate nói. "Nhìn vẻ mặt anh là tôi có thể đoán được rồi. Bà tôi ngày xưa cũng có chút giống bà ấy."

"Ừm," Harry nói và nhìn quanh.

Trong nhà không có nhiều ảnh gia đình. Chỉ thấy mấy khuôn mặt nghiêm nghị trong hai bức ảnh đen trắng đã bạc màu, hẳn là được chụp trước khi chiến tranh nổ ra, và bốn bức ảnh chụp một cậu bé nhưng ở những độ tuổi khác nhau. Trong bức ảnh thời niên thiếu, cậu ta đang bị mụn, để kiểu tóc ngắn mái bằng hồi đầu thập niên sáu mươi, cặp mắt tròn xoe hiền lành hệt như cặp mắt họ đã nhìn thấy nơi ngưỡng cửa, môi nở một nụ cười đúng nghĩa. Đó không phải vẻ mặt khổ đau mà ở tuổi ấy Harry phải khó khăn lắm mới trưng ra được trước ống kính máy ảnh.

Bà cụ trở lại mang theo một chiếc khay và ngồi xuống, rót cà phê ra cốc và lần lượt đưa đĩa bánh quy Maryland cho từng người. Harry chờ cho đến lúc Beate hết lời khen ngại cà phê ngon rồi mới lên tiếng.

"Bà có đọc bài báo viết về ba phụ nữ trẻ bị sát hại gần đây ở Oslo không, bà Sivertsen?"

Bà lắc đầu.

"Tôi có thấy tiêu đề. Những hàng tít trên trang bìa tờ *Aftenposten.* Không thể không thấy được. Nhưng tôi chẳng bao giờ đọc mấy chuyện kiểu ấy."

Những nếp nhăn quanh đôi mắt bà chúc xuống khi bà mỉm cười.

"Và e rằng tôi chỉ là bà cô già thôi, không phải như anh nói đâu."

"Xin lỗi bà. Tôi cứ tưởng…" Harry liếc nhìn về phía mấy tấm ảnh.

“Vâng,” bà nói. “Con trai tôi đấy.”

Không khí trong phòng bỗng lặng đi. Làn gió mang theo tiếng chó sủa từ xa cùng giọng nói the thé thông báo chuyến tàu đi Halden đang chuẩn bị khởi hành ở ga số mười bảy. Cơn gió nhẹ hầu như chẳng đủ sức lay động những tấm rèm ở mấy cánh cửa ban công.

“Vâng.” Harry cầm lấy cốc cà phê, nhưng rồi anh quyết định nói luôn thì tốt hơn nên lại đặt nó xuống. “Chúng tôi có lý do để tin rằng kẻ đã sát hại ba người phụ nữ đó là một sát nhân hàng loạt, và một trong hai mục tiêu tiếp theo của hắn là…”

“Bánh ngon quá, bà Sivertsen ạ,” Beate đột nhiên ngắt lời anh trong khi miệng đang nhai nhồm nhoàm. Harry ngơ ngác nhìn cô. Bên ngoài cửa ban công vọng đến tiếng rít của đoàn tàu nào đó đang vào ga.

Bà cụ mỉm cười, có vẻ hơi bối rối.

“Ồ, chỉ là bánh quy mua ngoài hàng thôi,” bà nói.

“Tôi bắt đầu lại nhé, bà Sivertsen,” Harry lên tiếng. “Đầu tiên, tôi xin phép được nói rằng bà không cần phải lo lắng gì cả, mọi chuyện hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của chúng tôi. Thứ hai…”

“Cảm ơn nhé,” Harry nói trong lúc hai người bước xuống phố Schweigaards, đi qua mấy nhà kho và phân xưởng thấp tè. Những công trình ấy trông quá ư tương phản với ngôi nhà biệt lập có khu vườn hệt như ốc đảo xanh mướt giữa một vùng sỏi đá đen sì.

Beate mỉm cười nhưng không đỏ mặt.

“Tôi chỉ nghĩ là chúng ta nên tránh cách tiếp cận dễ gây chấn động tâm lý, kiểu một đòn chí mạng. Chúng ta được phép đi đường vòng đôi chút, lựa chọn cách nói giảm nói tránh, vậy thôi.”

“Ừ, điều đó tôi cũng có biết.”

Anh châm một điếu thuốc.

“Xưa nay tôi không khá trong khoản ăn nói lắm. Tôi giỏi lắng nghe hơn. Và có lẽ là…”

Anh bỏ lửng câu nói.

“Sao?” Beate hỏi.

“Có lẽ tôi đã trở nên hơi kém tinh tế. Có lẽ tôi không còn bận tâm nhiều như trước. Có lẽ đã đến lúc tôi… nên làm khác đi. Cô lái xe được không?”

Anh ném chùm chìa khóa qua nóc xe.

Cô bắt lấy rồi cúi đầu nhìn chúng, hai hàng lông mày nhíu lại vẻ lo âu.

Lúc tám giờ, bốn thanh tra phụ trách chuyên án, và Aune, một lần nữa quây quần trong phòng họp.

Harry báo cáo lại tình hình chuyến viếng thăm biệt thự Valle và nói rằng Olaug Sivertsen đón nhận thông tin một cách bình tĩnh. Bà cụ chắc chắn là có sợ, nhưng hoàn toàn không đến mức hoảng loạn khi hay tin mình có thể đã lọt vào tầm ngắm của một kẻ sát nhân hàng loạt.

“Beate đã đề nghị bà ấy chuyển đến sống cùng con trai một thời gian,” Harry nói. “Tôi thấy ý kiến đó được đấy…”

Waaler lắc đầu.

"Không ư?" Harry ngạc nhiên nói.

"Hung thủ có thể đang để mắt đến những địa điểm gây án tiếp theo. Nếu bây giờ đột nhiên có điều bất thường xảy ra, hắn có thể sẽ sợ mà chuồn mất."

"Ý anh là chúng ta nên dùng bà lão vô tội ấy làm… làm… làm…" Beate cố che giấu cơn giận, nhưng cô vẫn lắp bắp thốt ra điều cần nói, mặt đỏ gay, "mồi nhử?"

Waaler đáp lại cái nhìn chằm chằm của Beate. Và lần đầu tiên cô đáp trả ánh mắt của anh ta. Cuối cùng, bầu không khí im lặng trở nên nặng nề đến mức Møller phải mở miệng để nói điều gì đó, bất kỳ điều gì, bất kỳ lựa chọn ngôn từ hú họa nào cũng được, nhưng Waaler đã nhanh hơn ông một bước.

"Tôi chỉ muốn chắc chắn là chúng ta sẽ bắt được hắn, để mọi người có thể yên tâm ngủ ngon giấc mỗi đêm. Hơn nữa, theo như tôi hiểu thì phải sang tuần sau mới đến lượt bà lão ấy."

Møller phá lên cười to đầy gượng gạo. Và nó thậm chí càng trở nên to hơn khi ông nhận ra bầu không khí căng thẳng vẫn không được xoa dịu đi chút nào.

"Dù sao đi nữa," Harry nói. "Bà ấy vẫn sẽ ở lại. Cậu con trai sống ở xa lắm, đâu đó bên nước ngoài cơ."

"Tốt," Waaler nói. "Về phần ký túc xá sinh viên, lúc này ở đó gần như không có người vì đang là kỳ nghỉ, nhưng chúng tôi đã nói chuyện với những ai sống tại đó và đặc biệt yêu cầu họ phải ở yên trong phòng vào ngày mai. Ngoài điều đó ra thì họ chỉ được cung cấp những thông tin tối thiểu họ cần phải biết thôi. Chúng tôi đã bảo họ rằng cảnh sát làm vậy là để

giăng bẫy bắt quả tang một tên trộm. Chúng tôi sẽ cho lắp đặt thiết bị theo dõi vào đêm nay, trong lúc kẻ giết người đang say giấc, hy vọng thế."

"Còn Lực lượng Đặc nhiệm thì sao?"

Waaler mỉm cười. "Ai nấy đều vui vẻ."

Harry dõi mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Anh cố nhớ lại xem vui vẻ là cảm giác như thế nào.

Khi Møller tuyên bố kết thúc cuộc họp, Harry nhận thấy những mảng mồ hôi loang ra trên hai vạt áo của Aune nhìn giống như hình đất nước Somalia.

Ba người lại ngồi xuống.

Møller mang đến bốn chai Carlsberg trong tủ lạnh ở phòng bếp.

Aune gật gù, khuôn mặt lộ vẻ vui mừng. Còn Harry thì lắc đầu.

"Nhưng tại sao?" Møller hỏi khi ông mở mấy chai bia. "Tại sao hắn lại tự nguyện trao cho chúng ta chìa khóa giải mã, tức là tiết lộ luôn những hành động tiếp theo của hắn?"

"Hắn đang cố nói cho chúng ta biết làm thế nào để bắt được hắn," Harry nói, đẩy cửa sổ lên.

Bao âm thanh của cuộc sống chốn thành thị trong đêm hè lập tức ùa vào phòng: vòng đời tuyệt vọng của những con thiêu thân, tiếng nhạc phát ra từ chiếc ô tô mui trần chạy qua phố, tiếng cười đầy cường điệu, tiếng giày cao gót điên cuồng gõ lộp cộp trên mặt đường nhựa. Người người đang tận hưởng cuộc sống.

Møller ngờ vực nhìn Harry rồi liếc Aune một cái với hy vọng nhận được lời xác thực Harry đúng là mất trí rồi.

Vị chuyên gia tâm lý chụm các đầu ngón tay vào nhau, đặt trước cái nơ bướm mềm oặt.

"Có thể Harry đúng đấy," ông nói. "Không có gì bất thường đối với trường hợp kẻ giết người hàng loạt tìm cách tiếp cận và hỗ trợ cảnh sát cả, vì sâu trong thâm tâm hắn muốn được ngăn chặn. Một nhà tâm lý tên là Sam Vaknin có nói sát nhân hàng loạt muốn bị bắt và bị trừng phạt để thỏa mãn cái siêu ngã bệnh hoạn của chúng. Tôi thì thiên về giả thuyết chúng cần người giúp đỡ ngăn chặn con quái vật trong mình hơn. Tôi cho rằng khao khát bị tóm của chúng bắt nguồn từ một mức độ nhận thức khách quan nào đó về căn bệnh mà chúng mắc phải."

"Chúng có biết mình là kẻ tâm thần không?"

Aune gật.

"Chắc là đau khổ lắm," Møller khẽ nói, cầm chai bia của mình lên.

Møller xin phép đi gọi điện lại cho một phóng viên của tờ *Aftenposten,* người đó muốn hỏi ý kiến của cảnh sát đối với đề xuất của ủy ban Bảo vệ Trẻ em về việc phụ huynh nên giữ con em mình ở trong nhà.

Harry và Aune vẫn ngồi đó, lắng nghe những âm thanh từ xa vọng lại của bữa tiệc, tiếng la hét loáng thoáng hòa cùng tiếng nhạc của The Strokes, bị chen ngang bởi lời kêu gọi cầu nguyện không hiểu sao bỗng vang lên thật chói tai và có phần báng bổ, vậy mà lạ thay vẫn hay tuyệt, tất cả đều đến từ một ô cửa sổ để ngỏ.

"Chỉ là tôi tò mò chút thôi," Aune nói, "điều gì đã khơi gợi cho anh vậy? Làm thế nào anh biết được mấu chốt ở đây là số năm?"

"Ý ông là sao?"

"Tôi có biết tí chút về quá trình tư duy sáng tạo. Đã xảy ra chuyện gì?"

Harry mỉm cười.

"Ông thử nghĩ đi. Nói ngắn gọn thì, điều cuối cùng tôi trông thấy trước khi đi ngủ vào sáng nay là cái đồng hồ báo thức trên kệ đầu giường đang hiện ba số năm. Ba người phụ nữ. Số năm."

"Bộ não quả là một cỗ máy huyền diệu," Aune nói.

"Tôi cũng cho là vậy," Harry nói. "Một người bạn thông thạo mật mã nói với tôi rằng, chúng ta phải tìm ra đáp án cho câu hỏi 'tại sao' rồi mới có thể phá giải được mật mã một cách trọn vẹn. Mà đáp án ở đây không phải là số năm."

"Nếu đã vậy thì, tại sao?"

Harry ngáp dài và vươn vai.

" 'Tại sao' là lĩnh vực của ông, Ståle. Tôi chỉ cần chúng ta tóm được hắn là vui rồi."

Aune mỉm cười, nhìn đồng hồ đeo tay rồi đứng dậy.

"Anh là một người vô cùng kỳ lạ, Harry ạ."

Ông choàng lên người chiếc áo khoác bằng vải tweed.

"Tôi biết dạo gần đây anh lại uống rượu, nhưng trông anh có vẻ khá hơn đấy. Giai đoạn tồi tệ nhất của lần này đã qua chưa?"

Harry lắc đầu.

"Chỉ là tôi đang tỉnh táo thôi."

Harry đi bộ về nhà dưới bầu trời bao la đang khoe trọn vẻ đẹp toàn bích.

Một người phụ nữ đeo kính râm đang đứng trên vỉa hè dưới tấm biển neon của Niazi, tiệm tạp hóa nho nhỏ ở khu nhà nằm kế bên tòa chung cư Harry ở. Một tay cô chống hông, tay kia xách cái túi nylon trắng tuyền không nhãn hiệu của Niazi. Cô mỉm cười và vờ như mình đang đứng đó đợi anh.

Đấy là Vibeke Knutsen.

Harry biết cô đang đóng kịch. Đó là trò đùa cô muốn anh tham gia, vì thế anh bước chậm lại, trao cô nụ cười y hệt để đáp lễ. Để cô thấy rằng anh đã chờ ngày được gặp cô tại đây. Kỳ lạ ở chỗ, đúng là như thế thật. Chỉ có điều, mãi đến giây phút này anh mới nhận ra.

“Dạo này không thấy đến Underwater nhỉ, anh bạn quý hóa,” cô nói, nâng cặp kính lên và nheo mắt nhìn, như thể mặt trời vẫn còn la đà trên những mái nhà.

“Tôi đang cố gắng không ngoi lên khỏi mặt nước,” Harry nói, lấy ra một bao thuốc lá.

“Ôôô, chơi chữ cơ đấy,” cô nói và vươn vai.

Tối nay cô không diện trang phục nào lạ lùng - chỉ mặc chiếc váy mùa hè màu xanh dương có cổ khoét sâu. Chiếc váy ôm lấy thân hình vòng nào ra vòng nấy và cô biết rõ điều đó. Anh chìa bao thuốc về phía cô, cô rút một điếu và đưa lên môi ngậm theo kiểu Harry chỉ có thể nói là trông rất hư hỏng.

“Sao cô lại đến đây?” anh hỏi. “Tôi tưởng cô hay mua đồ ở Kiwi?”

“Đóng cửa. Gần nửa đêm rồi còn gì. Tôi phải cất công tới tận khu nhà anh để tìm xem có cửa hàng nào còn mở không đấy.”

Nụ cười trên môi cô nở rộng, còn cặp mắt thì nheo lại, hệt như một chú mèo tinh nghịch.

"Khu vực phức tạp này không phải nơi thích hợp để một cô bé đi lang thang vào đêm thứ Sáu đâu," Harry nói, châm thuốc cho cô. "Cần mua gì thì cứ phái bạn trai đi là được…"

"Đồ pha chế," cô nói, giơ túi lên. "Để pha đồ uống cho đỡ mạnh. Mà hôn phu của tôi đi vắng rồi. Nếu nơi này phức tạp thế thì anh phải giải nguy cho cô bé rồi đưa đến nơi an toàn chứ nhỉ."

Cô hất đầu về phía khu chung cư anh ở.

"Tôi có thể mời cô một tách cà phê," anh nói.

"Ồ?"

"Nescafé. Tôi chỉ có món ấy thôi."

Khi Harry đi vào phòng khách, tay cầm ấm nước sôi và cốc cà phê bằng thủy tinh, Vibeke Knutsen đang ngồi trên sofa, hai chân thu lại đặt dưới thân, giày để trên sàn. Làn da trắng sữa của cô nổi bật hẳn lên trong căn phòng tranh tối tranh sáng. Cô châm một điếu thuốc nữa, lần này là thuốc của cô. Một nhãn hiệu nước ngoài Harry chưa thấy bao giờ. Thuốc không có đầu lọc. Dưới ánh lửa lập lòe ở đầu diêm, anh có thể thấy lớp sơn móng chân màu đỏ đậm của cô đã sứt mẻ ít nhiều.

"Chẳng biết tôi còn có thể chịu đựng được đến bao giờ nữa," cô nói. "Anh ta thay đổi rồi. Những lúc ở nhà anh ta luôn tỏ ra bứt rứt, không đi đi lại lại trong phòng khách thì ra ngoài tập thể dục. Cứ như thể anh ta chỉ

muốn nhanh nhanh chóng chóng được bỏ chạy và đi công tác tiếp vậy. Tôi đã cố tìm cách nói chuyện với anh ta, nhưng anh ta toàn chặn họng tôi hoặc là chỉ nhìn tôi với vẻ hoàn toàn không hiểu gì. Bọn tôi đúng là hai con người đến từ hai hành tinh khác nhau."

"Chính khoảng cách giữa hai hành tinh kết hợp với sức hút giữa chúng mới giúp chúng duy trì được quỹ đạo," Harry nói, xúc vào cốc mấy thìa cà phê xay khô cong do để tủ lạnh.

"Lại chơi chữ nữa à?" Vibeke gỡ một sợi thuốc lá dính trên đầu lưỡi đỏ hồng, ướt át.

Harry khẽ cười. "Tôi đọc được câu này trong lúc ngồi ở một phòng chờ. Có lẽ tôi đã hy vọng đó là sự thật. Vì lợi ích của chính tôi."

"Anh có biết điều lạ lùng nhất là gì không? Là anh ta không thích tôi. Thế mà tôi biết anh ta sẽ chả bao giờ chịu buông tha cho tôi."

"Ý cô là sao?"

"Anh ta cần tôi. Tôi không rõ chính xác mục đích của anh ta là gì, nhưng có vẻ như anh ta đã để mất thứ gì đó nên mới cần tôi. Bố mẹ anh ta…"

"Làm sao?"

"Anh ta chẳng liên lạc gì với họ. Tôi chưa gặp họ bao giờ. Có khi họ còn chẳng biết đến sự tồn tại của tôi ấy chứ. Cách đây không lâu có một người đàn ông gọi điện đến xin gặp Anders. Tôi cảm nhận được ngay đó là bố anh ta. Nói chung anh có thể đoán ra qua cái cách các ông bố bà mẹ gọi tên con của mình. Một mặt, họ đã gọi cái tên đó quá nhiều lần nên nó là điều tự nhiên nhất trên đời. Nhưng mặt khác, nó cũng thân thương đến mức cái tên kia khiến con người họ bị phơi bày nên họ thốt ra nó rất nhanh, gần như là với vẻ ngượng ngùng. 'Anders có nhà không?' Khi tôi trả lời là để

tôi đánh thức anh ta dậy, người đó bỗng dưng bắt đầu nói liến thoắng bằng tiếng nước ngoài, hoặc… không hẳn là tiếng nước ngoài, mà giống như kiểu anh và tôi hay nói trong lúc phải vội vã tìm lời vậy. Đại loại giống kiểu nói của những người theo đạo trong buổi tụ họp ở nhà nguyện trong lúc cao trào ấy.”

“Nói tiếng lạ phải không?”

“Ừ, chắc là vậy đấy. Anders lớn lên cùng những thứ như thế, dù anh ta chẳng bao giờ kể về chúng. Tôi nghe người đó nói một lúc. Ban đầu thỉnh thoảng có những từ như ‘satan’ và ‘sodom’. Nhưng càng về sau càng tục tĩu, đĩ điếm các kiểu. Thế nên tôi cúp máy.”

“Anders nói sao về chuyện đó?”

“Tôi chưa bao giờ kể lại chuyện đó cho anh ta.”

“Tại sao?”

“Tôi… nó giống như một lãnh địa tôi không bao giờ được phép đặt chân tới. Mà tôi cũng không muốn tới.”

Harry cầm cốc cà phê lên uống. Vibeke vẫn không đụng tới cốc của cô.

“Chẳng lẽ đôi lúc anh không thấy cô đơn sao, Harry?”

Anh ngước lên nhìn vào mắt cô.

“Đại loại thế. Anh không ước có người ở bên cạnh mình ư?”

“Đó là hai chuyện khác nhau. Cô đang ở bên một người mà vẫn cô đơn đấy thôi.”

Cô rùng mình như thể một luồng khí lạnh vừa thổi ngang qua phòng.

“Anh biết sao không?” cô nói. “Tôi cảm thấy muốn uống một ly.”

“Xin lỗi, thứ đó tôi hết mất rồi.”

Cô mở túi xách ra. "Lấy giúp tôi hai chiếc cốc nhé, anh bạn quý hóa?"

"Chúng ta chỉ cần một thôi."

"Cũng được."

Cô mở nắp chiếc bình đeo hông của mình, ngửa cổ và uống.

"Tôi tuyệt đối không được phép cử động," cô vừa nói vừa cười. Một giọt rượu màu nâu lấp lánh chảy xuống cằm cô.

"Sao cơ?"

"Anders không thích tôi cử động. Tôi phải nằm im, không được nhúc nhích. Không được nói, không được rên rỉ. Phải vờ như đang ngủ. Anh ta bảo anh ta bị mất hứng khi tôi thể hiện niềm mê đắm."

"Rồi sao?"

Cô uống một ngụm nữa rồi vừa đóng nắp bình lại vừa nhìn anh.

"Gần như là không thể."

Cái nhìn trực diện đến nỗi Harry tự động hít một hơi sâu hơn một chút, và trong cơn bực bội, anh cảm nhận được mình đang từ từ cứng lên.

Cô nhướn một bên lông mày như thể cũng cảm nhận được điều đó.

"Lại đây ngồi trên sofa đi," cô thì thầm.

Giọng cô đã trở nên cộc cằn và khàn hơn. Harry nhìn thấy động mạch màu xanh đang phình lên trên cái cổ trắng ngần của cô. Chỉ là phản xạ thôi mà, anh thầm nghĩ. Một chú chó tiết nước bọt trong thí nghiệm của Pavlov, tự động đứng lên khi nghe thấy tín hiệu có đồ ăn, một phản xạ có điều kiện, chỉ vậy thôi.

"E rằng tôi không thể," anh nói.

"Anh sợ tôi à?"

"Phải," Harry đáp.

Dư vị ngọt ngào đầy tiếc nuối lan tỏa nơi bụng dưới của anh, tiếng than không thành lời của ham muốn.

Cô phá lên cười, rồi im bặt khi nhìn vào mắt anh. Cô bĩu môi, nói bằng giọng nũng nịu, "Đi mà, Harry…"

"Tôi không thể. Cô rất tuyệt vời, nhưng…"

Nụ cười vẫn còn đó, nhưng cô chớp mắt như thể vừa phải nhận một cái bạt tai từ anh vậy.

"Cô không phải người tôi muốn," Harry nói.

Ánh mắt cô dao động. Hai bên khóe miệng cô cong lên như sắp cười.

"Ha," cô nói.

Câu nói ấy vốn có ý mỉa mai, đúng ra là một câu cảm thán đầy khoa trương, giả tạo. Thế nhưng khi được thốt ra, nó lại thành tiếng than thở đầy cam chịu và mệt mỏi. Vở kịch khép lại, cả hai đều đã quên mất lời thoại của mình rồi.

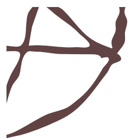
"Tôi xin lỗi," Harry nói.

Lệ dâng đầy trong đôi mắt của cô.

"Ôi, Harry," cô khẽ thì thầm.

Anh ước gì cô đừng nói ra điều ấy, để anh có thể yêu cầu cô ra về ngay lúc này.

"Bất kể thứ cô muốn ở tôi là gì đi chăng nữa, tôi đều không có," anh nói. "Cô ấy biết. Và giờ thì cô cũng biết rồi đấy."





PHẦN BỐN



THỨ BẢY



linh hồn. ngày trọng đại

Khi những tia nắng lan tỏa khắp sườn núi Ekeberg vào sáng thứ Bảy, hứa hẹn lại một ngày nhiệt độ cao kỷ lục khác, Otto Tangen kiểm tra bộ trộn âm thanh một lần cuối.

Trong xe buýt vừa tối tăm vừa chật chội, lại còn bốc mùi mốc meo của quần áo, thứ mùi mà cả nước hoa xe hơi hiệu Elvis Presley lẫn thuốc lá cuốn của Otto đều không tài nào trị nổi. Đôi lúc gã có cảm giác như đang ngồi trong một boong ke ở chiến hào, với mùi tử khí nồng nặc xộc vào mũi, nhưng vẫn tách biệt khỏi những gì đang diễn ra ngay bên ngoài.

Ký túc xá sinh viên tọa lạc tại trung tâm mảnh đất ở đầu khu Kampen, trông ra khu Tøyen. Án ngữ hai bên, gần như song song với ngôi nhà bốn tầng xây bằng gạch đỏ cũ kỹ ấy, là hai tòa chung cư cao hơn có từ thập niên năm mươi. Ký túc xá có màu sơn và kiểu cửa sổ y hệt hai tòa nhà lân cận, hẳn là để cho cả khu có sự đồng bộ về hình thức. Thế nhưng, không gì có thể xóa nhòa sự cách biệt về tuổi tác giữa chúng, trông cứ như thể ký túc xá đã bị một vòi rồng hút lên cao rồi nhẹ nhàng thả xuống, lọt thỏm giữa khu

nhà ở theo mô hình hợp tác xã.

Harry và Waaler thống nhất đỗ xe buýt trong bãi cùng với tất cả những xe khác, ngay phía trước ký túc xá sinh viên, ở đó không những bắt được tín hiệu tốt mà trông cái xe cũng không quá đáng ngờ. Người nào đi qua để ý thấy có thể sẽ cho rằng cái xe buýt han gỉ màu xanh dương hiệu Volvo với những ô cửa được phủ cao su isoprene là của ban nhạc rock Kindergarden Accident, chiếc xe với dòng chữ đen bên thân và hai hình đầu lâu thay cho dấu chấm trên hai chữ "i".

Otto lau mồ hôi rồi kiểm tra xem toàn bộ hệ thống camera đã hoạt động tốt chưa, bao quát được hết các ngóc ngách chưa, và bất cứ thứ gì chuyển động bên ngoài nhà sẽ được phát hiện bởi ít nhất một chiếc camera, bằng cách đó họ có thể theo dõi mục tiêu ngay từ lúc hắn bước chân vào sảnh cho tới khi đứng trước ngưỡng cửa của một trong tám mươi phòng ký túc trải dài khắp tám dãy hành hang trên cả bốn tầng nhà.

Họ đã làm việc thâu đêm để chuẩn bị, sắp xếp vị trí và bắt vít camera lên tường. Otto vẫn còn cảm thấy cái vị đăng đắng như kim loại của vữa khô trong miệng và lớp vụn thạch cao trát tường màu vàng phủ kín hai vai chiếc áo khoác denim bẩn thỉu của gã, trông chẳng khác gì vảy gàu.

Cuối cùng Waaler cũng chịu nghe phân tích và nhận ra rằng nếu muốn công việc hoàn thành đúng thời hạn thì bắt buộc phải hy sinh phần âm thanh. Điều đó hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến việc bắt giữ, điểm trừ duy nhất chỉ là không thu được bằng chứng xác thực nếu mục tiêu nói ra điều gì có thể buộc tội hắn.

Họ cũng không lắp được camera ở thang máy. Nếu dùng camera không dây thì Otto ngồi trong xe buýt sẽ không thể thu được hình ảnh rõ nét vì tường bê tông đã chặn mất tín hiệu, còn nếu dùng loại có dây thì dù có

đặt kiểu gì đi nữa, trông chúng hoặc là rất lộ liễu hoặc có thể bị vướng vào hệ thống máy móc của thang. Waaler chấp thuận đề xuất này vì dù sao thì trong thang máy lúc đó cũng sẽ chỉ có một mình đối tượng thôi. Những sinh viên ở ký túc phải cam kết giữ bí mật tuyệt đối và được cảnh sát nghiêm khắc chỉ thị khóa cửa, ở yên trong phòng từ bốn đến sáu giờ chiều.

Otto Tangen di chuyển vị trí của những ô hình ảnh nhỏ trên ba màn hình hiển thị cỡ lớn rồi tăng kích cỡ lên cho đến khi chúng tạo thành một bức tranh tổng thể đầy logic. Màn hình bên trái bao quát các hành lang phía Bắc, tầng bốn ở trên cùng và tầng trệt dưới cùng. Màn hình giữa theo dõi cổng vào ký túc xá sinh viên, tất cả các chiếu nghỉ và cửa các phòng nhìn ra thang máy. Màn hình bên phải sẽ bao quát các hành lang phía Nam.

Otto nhấn nút "Lưu", đan hai tay đặt sau đầu và ngả người ra ghế kèm theo tiếng ậm ừ mãn nguyện. Gã có thể quan sát được toàn bộ ngôi nhà. Đám sinh viên trẻ. Nếu có thêm thời gian, có lẽ gã sẽ lắp thêm vài camera trong một số phòng ký túc. Dĩ nhiên là không để sinh viên nào biết. Những ống kính kiểu mắt cá bé tí tẹo được cài vào những nơi không bao giờ có thể phát hiện ra. Cùng với những chiếc micro của Nga. Những cô y tá thực tập người Na Uy trẻ trung phơi phới, rạo rực sức xuân. Gã có thể quay phim họ rồi bán những đoạn video qua các đầu mối liên lạc của mình. Tiên sư thằng khốn Waaler. Làm thế quái nào hắn biết được về Astrup và cái nhà kho ở Asker kia chứ! Một mối ngờ vực lướt qua tâm trí Otto rồi lại tan biến mất. Từ lâu gã đã nghi Astrup chịu xì tiền nuôi người xòe cánh che chở cho việc làm ăn của hắn ta rồi.

Otto châm một điếu thuốc lá. Hình ảnh từ các camera trông chẳng khác gì ảnh tĩnh, không có bất cứ chuyển động nào ở các hành lang sơn màu vàng hoặc trên cầu thang cho thấy đây là hình ảnh được phát trực tiếp.

Đám sinh viên đang tận hưởng mùa hè trong phòng ký túc xá của mình chắc giờ vẫn đang nằm trên giường ngủ nướng. Nhưng nếu chịu khó đợi vài tiếng đồng hồ, biết đâu gã sẽ nhìn thấy mặt cái thằng được cô em xinh tươi phòng 303 mở cửa cho vào lúc hai giờ sáng thì sao. Cô nàng có vẻ ngà ngà say. Say và sẵn sàng nhập cuộc. Còn thằng kia thì chỉ trông sẵn sàng thôi. Otto nhớ đến Aud-Rita. Lần đầu tiên gã gặp cô ta trong buổi tiệc rượu ở nhà Nils trước khi kéo nhau đi quẩy tiếp, ai nấy đều chìa bàn tay mập ú ra bắt và khi cô ta đặt bàn tay nhỏ nhắn trắng trẻo vào tay Otto rồi dài giọng xưng tên "Aud-Rita", gã cứ ngỡ như vừa nghe cô ta hỏi có phải gã đang tức giận không: *Er'u drita.*

Otto thở dài đánh thượt.

Thằng khốn Waaler bàn bạc phương án hành động với bên Đặc nhiệm mãi tới tận nửa đêm mới xong. Otto nghe thấy cuộc trao đổi giữa Waaler và sĩ quan chỉ huy lực lượng ở bên ngoài xe buýt. Trong hôm nay, một số sĩ quan thuộc đơn vị đặc biệt sẽ được chia theo nhóm ba người mai phục ở hành lang các tầng, tổng cộng là hai mươi tư người. Họ sẽ mặc trang phục đen, đội mũ trùm đầu đen, được trang bị súng tiểu liên MP5 đã no đạn cùng lựu đạn hơi cay và mặt nạ phòng độc. Nhận được tín hiệu từ xe buýt, tất cả sẽ lập tức hành động ngay khi mục tiêu gõ cửa hoặc tìm cách đột nhập vào một phòng nào đó. Ý nghĩ này khiến Ottto run lên vì phấn khích. Gã đã hai lần được chứng kiến họ hành động, phải nói là cực kỳ ấn tượng. Những tiếng phá cửa đánh rầm cùng ánh đèn lóe lên, chẳng khác gì buổi biểu diễn nhạc rock heavy, và trong cả hai lần đó, mục tiêu đều chết đứng vì sợ nên mọi chuyện kết thúc chỉ trong vòng vài giây. Otto được biết, mục đích của họ chính là thế, dọa cho mục tiêu sợ đến mất trí để chúng không còn khả năng suy nghĩ mà chống cự.

Otto dụi tắt điếu thuốc. Bẫy đã giăng xong. Giờ chỉ còn chờ con chuột xuất hiện nữa thôi.

Khoảng ba giờ cảnh sát sẽ có mặt. Waaler đã cấm mọi hành vi ra vào xe buýt trước và sau thời điểm đó. Hôm nay sẽ là một ngày vừa dài vừa nóng bức cho xem.

Otto quẳng người nằm xuống tấm đệm trên sàn xe. Gã băn khoăn tự hỏi lúc này chuyện gì đang diễn ra trong phòng 303 nhỉ. Gã nhớ chiếc giường của mình. Nhớ những chuyển động của nó. Và gã nhớ Aud-Rita.

Cùng lúc đó, cánh cổng đóng sầm lại sau lưng Harry. Anh đứng yên châm điếu thuốc lá đầu tiên trong ngày, mắt ngước nhìn bầu trời vẫn còn chìm trong màn sương sớm giống như tấm mạng mỏng tang sắp bị mặt trời đốt cháy. Đêm qua anh đã ngủ được một giấc. Rất sâu, liền mạch, không mộng mị. Một điều cứ ngỡ như không thể.

“Thứ kia rồi sẽ bốc mùi phải biết, Harry ạ! Dự báo nói hôm nay sẽ là ngày nóng kỷ lục kể từ năm 1907. Có thể thế.”

Người vừa thốt ra câu đó là Ali, sống ở tầng dưới nhà Harry và là ông chủ cửa hàng Niazi. Dù Harry có dậy sớm đến đâu đi nữa, thì tới lúc anh rời nhà đi làm, hai anh em Ali cũng tất bật công việc rồi. Ali giơ cây chổi và chỉ vào thứ gì đó trên vỉa hè.

Harry căng mắt ra nhìn thứ Ali đang chỉ. Một bãi phân chó. Anh đã không hề trông thấy nó lúc Vibeke đứng đúng chỗ đó vào đêm qua. Rõ ràng có người đã sao nhãng đôi chút khi dắt chó đi dạo vào sáng nay. Hoặc đêm qua.

Anh xem đồng hồ đeo tay. Hôm nay là một ngày trọng đại. Chỉ vài giờ nữa thôi, họ sẽ có được câu trả lời.

Harry hít khói thuốc tràn sâu vào hai lá phổi và cảm nhận sự hòa trộn giữa không khí trong lành với nicotine khiến anh sảng khoái đến nhường nào. Đây là lần đầu tiên trong suốt một thời gian rất dài anh có thể cảm nhận được vị của thuốc lá. Không những thế anh còn thấy ngon nữa. Trong giây phút ngắn ngủi, anh đã quên đi tất cả những thứ mình sắp đánh mất: công việc, Rakel, và linh hồn của anh.

Vì hôm nay là ngày trọng đại.

Và nó còn khởi đầu một cách rất thuận lợi.

Một lần nữa, đó là điều cứ ngỡ như không thể.

Harry có thể cảm thấy cô rất vui khi nghe được giọng anh.

“Anh nói chuyện với bố rồi. Ông rất vui lòng trông Oleg. Sis cũng sẽ đến chơi cùng.”

“Đêm mở màn?” Cô nói kèm theo điệu cười rộn rã ẩn chúa trong giọng nói. “Tại Nhà hát Quốc gia sao? Ôi chao ơi.”

Cô đang cường điệu hóa - thỉnh thoảng cô vẫn thế - nhưng Harry phát hiện anh cũng đang háo hức chẳng kém.

“Anh định mặc gì?” cô hỏi.

“Nhưng em đã bảo đồng ý đâu.”

“Còn phải xem đã.”

“Anh mặc vét.”

"Bộ nào?"

"Để xem… bộ anh mua trên phố Hegdehaugsveien ngày 17 tháng Năm năm kia nhé. Em biết mà, bộ màu xám với…"

"Đấy là bộ vét duy nhất anh có mà."

"Thế thì chắc chắn anh sẽ mặc bộ đó."

Cô bật cười. Tiếng cười mượt mà, giống như làn da và nụ hôn của cô vậy, nhưng vẫn là tiếng cười anh thích nhất. Đơn giản vậy thôi.

"Anh sẽ qua đón em lúc sáu giờ," anh nói.

"Được rồi. Nhưng Harry này…"

"Sao?"

"Anh đừng nghĩ…"

"Anh biết. Chỉ là một vở kịch thôi mà."

"Cảm ơn anh, Harry."

"Ồ, em đừng khách sáo."

Cô lại cười. Một khi cô đã bắt đầu vui vẻ, anh gần như có thể làm cô bật cười trước bất cứ điều gì, cứ như thể tâm trí họ đã hòa làm một, cùng nhìn mọi thứ qua một đôi mắt, và anh cứ chỉ trỏ bâng quơ mà chẳng cần phải nói bất cứ một lời nào cụ thể. Anh cố ép mình phải cúp máy.

Hôm nay là ngày trọng đại. Và đến giờ mọi thứ vẫn tốt đẹp.

Họ đã thống nhất để Beate ở cùng Olaug Sivertsen trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch. Møller không muốn liều lĩnh khiến mục tiêu (hai ngày trước, Waaler bắt đầu gọi kẻ sát nhân là "mục tiêu" và giờ thì ai cũng bắt chước gọi theo) phát hiện ra cái bẫy rồi thay đổi thứ tự địa điểm gây án.

Điện thoại reo vang. Øystein gọi. Cậu ta hỏi thăm tình hình hiện giờ ra sao. Harry nói mọi chuyện vẫn tốt đẹp và hỏi cậu ta muốn gì. Øystein trả lời

đó chính là điều cậu ta muốn: muốn biết tình hình thế nào rồi. Harry bỗng cảm thây lúng túng - anh không quen với kiểu thăm hỏi chu đáo như thế này.

"Cậu đang ngủ à?"

"Tôi ngủ đêm qua rồi," Harry nói.

"Tốt. Còn mật mã thì sao? Đã giải xong chưa?"

"Ít nhiều. Tôi đã biết được thời gian và địa điểm. Chỉ chưa hiểu lý do thôi."

"Vậy tức là giờ cậu đã đọc được chữ, nhưng lại không hiểu được ý nghĩa?"

"Đại loại thế. Những điều khác đành phải đợi đến khi chúng ta bắt được hắn thôi."

"Cậu chưa hiểu chỗ nào?"

"Nhiều lắm. Chẳng hạn, tại sao hắn lại giấu xác của một nạn nhân? Hoặc những chi tiết nhỏ nhặt như chặt mất ngón tay ở bàn tay bên trái các nạn nhân, chỉ khác vị trí. Ngón trỏ của nạn nhân thứ nhất, ngón giữa của nạn nhân thứ hai, và ngón áp út của nạn nhân thứ ba."

"Theo thứ tự à. Giống thể chế nhà nước nhỉ."

"Ừ, nhưng sao không bắt đầu từ ngón cái? Chi tiết đó có ẩn chứa thông điệp nào không?"

Øystein phá lên cười.

"Bảo trọng nhé, Harry. Mật mã cũng giống như đàn bà: nếu không xử được họ thì cậu sẽ bị họ xử."

"Chí lý."

"Thế hả? Tốt, vì như vậy có nghĩa tôi là người chu đáo. Tôi có nhìn

nhầm không đây, hình như vừa có khách vào xe, Harry ạ. Nói chuyện sau nhé."

"Được."

Harry quan sát làn khói thuốc đang chậm rãi bay lên theo vòng tròn. Anh nhìn đồng hồ. Vẫn còn một điều anh không nói với Øystein: anh có linh cảm những mảnh ghép còn lại rồi sẽ sớm trở về đúng vị trí của chúng thôi. Mọi chuyện xem ra dễ dàng quá thì phải, vì dù có đi theo nghi thức thì những vụ án mạng này có vẻ vẫn còn ẩn chứa một điều gì đó vô cảm, gần như dễ dàng nhận thấy trong đó không có bóng dáng nỗi oán hận, dục vọng hoặc đam mê. Hoặc thậm chí là tình yêu. Chúng diễn ra một cách quá hoàn hảo, gần như máy móc, đầy sách vở. Anh có cảm giác mình đang đấu cờ với máy tính chứ không phải một con người có đầu óc bấn loạn, không bình thường. Nhưng thôi, thời gian sẽ trả lời tất cả.

Anh nhìn đồng hồ đeo tay lần nữa.

Tim anh bắt đầu đập dồn.

THỨ BẢY



vào cuộc

Tâm trạng Otto Tangen càng lúc càng hưng phấn.

Gã mới chợp mắt được vài tiếng thì bị đánh thức bởi cơn đau đầu như búa bổ và tiếng đập cửa rầm rầm đầy giận dữ. Cửa vừa mở, Waaler, Falkeid thuộc Lực lượng Đặc nhiệm và một nhân vật tự xưng là Harry Hole nào đó, người trông chẳng giống thanh tra cảnh sát tí nào, gạt phăng gã sang một bên để nhảy lên xe buýt và điều đầu tiên họ làm là phàn nàn không khí trong này sao mà khó chịu. Vậy nhưng, sau khi nhấm nháp cà phê ở một trong bốn chiếc bình giữ nhiệt, bật ba cái màn hình lên và khởi động chế độ ghi hình, Otto cảm thấy niềm phấn khích tuyệt diệu bắt đầu trỗi dậy hệt như bao lần khác, khi mục tiêu đang càng lúc càng đến gần.

Falkeid giải thích rằng các chiến sĩ mặc thường phục đã được bố trí canh gác xung quanh khu ký túc xá sinh viên từ đêm qua. Sĩ quan huấn luyện và chó nghiệp vụ đã đi kiểm tra cả tầng áp mái lẫn tầng hầm để đảm bảo không có ai trốn bên trong tòa nhà. Những người ra vào đây chỉ có sinh viên, tuy nhiên một cô gái ở phòng 303 có giải thích với lính gác cổng rằng

cô ta đã bảo bạn trai ở lại cùng. Người của Falkeid đều đã vào vị trí và đang chờ lệnh.

Waaler gật đầu.

Falkeid chốc chốc lại kiểm tra hệ thống bộ đàm một lần. Đó là thiết bị riêng của Lực lượng Đặc nhiệm, không liên quan đến Otto. Otto nhắm mắt lại, thoải mái lắng nghe những âm thanh xung quanh. Tạp âm khí quyển vang lên khoảng một giây khi họ nhả nút đàm thoại, sau đó là tiếng rì rầm trao đổi bằng mật hiệu đầy khó hiểu, một kiểu mật ngữ ở sân chơi trẻ con, nhưng dành cho người lớn.

"Nghe rõ trả lời." Otto lẩm nhẩm không thành tiếng bốn từ ấy và nhớ lại kỷ niệm về buổi tối mùa thu năm xưa, gã ngồi trên cây táo để nhìn trộm người lớn qua những ô cửa sổ sáng choang. Thì thầm "nghe rõ trả lời" vào một cái ống bơ có xỏ một sợi dây thừng nhỏ thòng xuống bên kia hàng rào, nơi Nils đang chồm hỗm ngồi chờ cùng một cái ống bơ khác áp lên tai. Đấy là trong trường hợp nó chưa thấy chán và bỏ về nhà ăn tối thôi. Cái trò điện thoại ống bơ này chẳng bao giờ có tác dụng như mô tả trong truyện *Woodchuck* cả.

"Chuẩn bị lên sóng thôi," Waaler nói. "Đồng hồ sẵn sàng chưa, Tangen?"

Otto gật đầu.

"Mười sáu giờ đúng," Waaler nói. "Bắt… đầu."

Otto khởi động đồng hồ đếm giờ của hệ thống ghi hình. Những con số hiển thị từng tích tắc và từng giây vùn vụt trôi qua trên màn hình. Trong lòng, gã những muốn phá lên cười thầm lặng và thích thú như con trẻ. Trò này còn tuyệt hơn trò cây táo. Tuyệt hơn bánh bông lan kem của Aud-Rita. Tuyệt hơn cả lúc cô ta rên rỉ bằng giọng đớt và chỉ cho gã biết nên làm như

thế nào với cô ả.

Cuộc chơi bắt đầu.

Olaug Sivertsen mỉm cười khi bà ra mở cửa cho Beate, như thể bà đã mong chờ được gặp lại cô từ lâu.

"Ồ, lại là cháu à! Cháu vào đi. Cứ đi cả giày cũng được. Trời nóng khủng khiếp nhỉ?"

Olaug Sivertsen đi trước Beate trên hành lang.

"Bà đừng lo, bà Sivertsen. Có vẻ vụ này sẽ sớm qua thôi ạ."

"Chỉ cần có khách đến chơi với bà thì các cháu muốn kéo dài bao lâu cũng được." Bà bật cười rồi hoảng hốt đưa tay che miệng, "Trời đất ơi, bà nói linh tinh gì thế này! Rốt cuộc thì kẻ đó vẫn đang tước đi mạng sống của người ta mà, đúng không cháu?"

Chiếc đồng hồ quả lắc trong phòng khách điểm bốn hồi chuông khi họ bước vào.

"Dùng trà nhé, cháu yêu?"

"Vâng ạ."

"Bà có được phép vào bếp một mình không?"

"Dạ được, nhưng nếu cháu có thể đi theo…"

"Được chứ, được chứ."

Ngoài một cái bếp mới và chiếc tủ lạnh, căn bếp trông có vẻ không khác gì mấy so với thời chiến. Beate tìm thấy một chiếc ghế bên cạnh cái bàn ăn lớn bằng gỗ trong lúc Olaug đi đun nước.

"Nơi này có mùi tuyệt quá ạ," Beate nói.

"Cháu thấy thế à?"

"Vâng. Cháu thích nhà bếp có mùi giống như thế này. Nói thật, cháu thích được ngồi trong bếp hơn. Cháu không khoái mấy phòng khách cho lắm."

"Vậy sao?" Olaug Sivertsen nghiêng đầu sang một bên. "Cháu biết gì không? Có vẻ chúng ta không khác nhau là mấy đâu, bà và cháu ấy. Bà cũng là người thích quanh quẩn trong bếp."

Beate mỉm cười.

"Phòng khách tượng trưng cho những gì chúng ta muốn thể hiện bản thân với bên ngoài. Nhưng lúc ở trong bếp, mọi người đều cảm thấy thoải mái hơn. Như thể ta được phép sống thật với chính mình. Cháu có để ý thấy là chúng ta trở nên cởi mở hơn với nhau ngay khi vào đây không?"

"Cháu nghĩ những gì bà nói hoàn toàn đúng."

Hai người phụ nữ cười vang.

"Cháu biết gì không?" Olaugh nói. "Bà mừng vì họ đã cử cháu đến đây. Bà rất quý cháu. Và không cần phải đỏ mặt lên thế đâu, cháu yêu. Bà chỉ là một bà lão già nua, cô độc thôi. Hãy để dành điều đó cho người mà cháu cảm mến ấy. Hay là cháu kết hôn rồi? Chưa à? Ừm, như thế cũng chẳng phải điều gì tệ hại cả."

"Bà đã kết hôn lần nào chưa ạ?"

"Bà á?"

Olaug vừa cười vừa bày mấy chiếc tách ra bàn.

"Chưa bao giờ, bà sinh Sven hồi bà còn quá trẻ nên chưa từng có cơ hội…"

“Chưa từng có cơ hội ấy ạ?”

“À, ừm, chắc cũng có một, hai mối. Nhưng hồi ấy, phụ nữ ở hoàn cảnh của bà rẻ rúng lắm, nên nếu có đàn ông ngỏ lời thì đó thường là những gã chẳng ai muốn cưới. Người ta nói môn đăng hộ đối là có lý do cả.”

“Chỉ vì bà làm mẹ đơn thân ư?”

“Vì Sven là con trai của một người Đức, cháu ạ.”

Ấm nước bắt đầu phát ra tiếng réo rắt khe khẽ.

“À, cháu hiểu,” Beate nói. “Vậy thì anh ấy hẳn là có tuổi thơ khốn khó lắm.”

Olaug dõi mắt nhìn xa xăm mà không nhận thấy tiếng réo rắt đang ngày một lớn.

“Tuổi thơ khốn khó nhất cháu có thể hình dung. Đến tận bây giờ, chỉ nghĩ đến điều đó thôi cũng khiến bà không cầm được nước mắt. Tội nghiệp thằng bé.”

“Nước sôi kìa bà…”

“Đây cháu xem. Bà càng ngày càng lẩn thẩn.”

Olaug nhấc ấm nước trên bếp ra và rót vào tách.

“Bây giờ con trai bà đang làm nghề gì ạ?” Beate hỏi và nhìn đồng hồ đeo tay: bốn giờ mười lăm phút.

“Xuất nhập khẩu. Đủ loại hàng hóa từ các nước cộng sản cũ.” Olaug mỉm cười. “Bà chẳng biết nó kiếm được bao nhiêu tiền, nhưng cái tên có vẻ hay. ‘Xuất nhập khẩu.’ Nghe thì chẳng ra đâu vào đâu, nhưng bà lại thích.”

“Cuối cùng mọi chuyện cũng tốt đẹp. Ý cháu là dù anh ấy có phải trải qua tuổi thơ khó khăn.”

“Ừ, nhưng không phải lúc nào cũng vậy đâu. Có thể tên nó có trong hồ

sơ của các cháu đấy.”

“Nhiều người có tên trong hồ sơ của bọn cháu lắm ạ. Nhưng về sau họ vẫn trở thành người tốt đấy thôi.”

“Đã từng xảy ra một chuyện hồi nó đi công tác ở Berlin. Bà không rõ là chuyện gì. Sven không thích kể về công việc của nó bao giờ. Lúc nào cũng giữ bí mật. Nhưng bà nghĩ có thể nó sang thăm bố nó. Và bà cho là việc đó khiến nó thấy yêu bản thân hơn. Ernst Schwabe là một người đàn ông có sức hấp dẫn mà.”

Olaug thở dài.

“Nhưng cũng có thể bà nhầm. Dù sao thì sau lần đó Sven đã thay đổi.”

“Thay đổi thế nào ạ?”

“Nó trở nên điềm tĩnh hơn. Trước kia, nó chỉ mải miết chạy theo đủ thứ.”

“Thứ gì ạ?”

“Tất cả. Tiền bạc. Sự náo nhiệt. Phụ nữ. Nó giống bố mà, cháu biết đấy. Típ đàn ông lãng tử, đào hoa hết thuốc chữa. Nó mê phụ nữ trẻ, Sven ấy. Và họ cũng mê nó. Nhưng bà nghi là nó đã tìm được người nào đó đặc biệt. Nó gọi điện bảo có tin tức muốn nói với bà. Nghe chừng phấn khởi lắm.”

“Anh ấy không nói là tin gì hả bà?”

“Nó muốn đợi đến khi về đây rồi mới nói.”

“Về đây sao?”

“Ừ, tối nay nó về. Trước đó nó còn có cuộc hẹn. Nó sẽ ở lại Oslo đến mai rồi quay về.”

“Về Berlin ạ?”

“Không, không. Lâu lắm rồi Sven không sống tại đó nữa. Giờ nó đang ở Cộng hòa Séc cơ. Bohemia, nó toàn gọi thế, cái thằng chỉ giỏi khoe khoang.”

“Ở… ờ… Bohemia ạ?”

“Praha.”

Marius Veland đăm đăm nhìn ra cửa sổ phòng 406. Một cô gái đang nằm trên chiếc khăn bông ở bãi cỏ phía trước ký túc xá sinh viên. Trông cô ta không khác mấy so với cô gái phòng 303, người được anh ta bí mật đặt cho cái tên Shirley, theo tên ca sĩ Shirley Manson của ban nhạc Garbage. Nhưng người nằm đó không phải là cô ta. Mặt trời trên vịnh hẹp Oslo đã nép mình đằng sau những đám mây. Rốt cuộc thì thời tiết cũng bắt đầu ấm lên rồi - đài dự báo một đợt nắng nóng sẽ xảy ra trong tuần này. Mùa hè ở Oslo. Đó là điều Marius Veland đang mong chờ. Hoặc là ở lại đây, hoặc là trở về nhà ở Bøfjord cùng những đêm trắng và công việc làm thêm mùa hè ở trạm xăng. Chịu đựng món thịt viên của mẹ cùng những câu hỏi bất tận của bố về việc tại sao anh ta lại chọn theo học ngành Truyền thông ở Oslo trong khi đủ điểm để vào khoa Kỹ thuật xây dựng dân dụng của Đại học Khoa học Công nghệ Na Uy tại Tronheim. Chịu đựng những ngày thứ Bảy ở nhà văn hóa cùng những gã say xỉn, đám bạn cùng lớp to mồm nhưng cả đời chỉ quanh quẩn trong cái ao làng và cho rằng những ai ra đi đều là kẻ phản bội; chịu đựng ban nhạc dance tự xưng là ban nhạc blues nhưng toàn chơi thể loại pha tạp giữa Creedence Clearwater Revival và Lynyrd Skynyrd.

Nhưng đó không phải lý do duy nhất để anh ta ở lại Oslo mùa hè này.

Anh ta đã xin được công việc trong mơ. Sắp tới anh ta sẽ nghe các đĩa nhạc, xem những bộ phim rồi gõ lại nhận xét của mình lên máy tính và được trả công. Hai năm qua anh ta đã gửi bài phê bình tới vài tờ báo có tiếng nhưng đều không được đăng, tháng trước anh ta đến câu lạc bộ *So What!* và được một người bạn giới thiệu với Runar. Runar kể cho Marius nghe anh ta vừa ngừng kinh doanh quần áo để thành lập *Zone,* tờ báo miễn phí sẽ ra số đầu tiên vào tháng Tám nếu mọi chuyện đi theo đúng kế hoạch. Người bạn kia có nhắc đến việc Marius thích viết bài phê bình, còn Runar thì bảo anh ta thích chiếc áo Marius đang mặc và tuyển Marius vào làm luôn. Với vai trò nhà phê bình, Marius sẽ viết những bài tóm tắt phản ánh "những giá trị mới của cuộc sống đô thị bằng cách phân tích đặc điểm nền văn hóa đại chúng theo phong cách châm biếm nhẹ nhàng, đầy đủ thông tin và có tính bao quát". Đó chính là công thức Runar dành cho nhiệm vụ của Marius, và khi hoàn thành, Marius sẽ được trọng thưởng, nhưng không phải bằng tiền mà bằng những tấm vé miễn phí đến các buổi biểu diễn, buổi chiếu phim, quán bar mới mở, cũng như được tiếp cận với giới nghệ thuật để có thể thiết lập những mối quan hệ thú vị, chuẩn bị cho tương lai sau này. Đây là cơ hội của Marius và anh ta cần phải chuẩn bị thật tốt. Tất nhiên, dù đã có kiến thức cơ bản khá tốt về nhạc pop, anh ta vẫn mượn vài đĩa CD trong bộ sưu tập của Runar mang về "cày" để có thêm hiểu biết về lịch sử nhạc pop. Thời gian gần đây dân tình đang chuộng các ban nhạc rock từ thập niên tám mươi của Mỹ: R.E.M., Green On Red, Dream Syndicate, Pixies. Và ngay lúc này đây, máy nghe CD đang phát nhạc của Violent Femmes. Chất nhạc tuy có vẻ lỗi thời, nhưng nghe cũng sôi động.

Dưới bãi cỏ, cô gái đang ngồi dậy trên tấm khăn. Ngoài kia chắc hơi lạnh. Marius dõi mắt nhìn theo cô ta đi về phía tòa chung cư bên cạnh. Trên

đường đi, cô ta lướt qua một người đang dắt xe đạp. Trang phục khoác trên người cho thấy anh ta có vẻ là nhân viên giao nhận. Marius nhắm mắt lại. Chuẩn bị viết thôi.

Otto Tangen đưa mấy ngón tay dính đầy nicotine lên dụi mắt. Bầu không khí căng thẳng đã bao trùm khắp xe buýt, dù bên ngoài nhìn vào có thể vẫn bình yên. Không một ai nhúc nhích và cũng chẳng ai nói gì. Đã năm giờ hai mươi phút rồi mà chẳng thấy bất cứ động tĩnh gì trên mấy màn hình, chỉ có những thời khắc trôi đi vùn vụt được thể hiện bằng mấy con số màu trắng ở góc. Một giọt mồ hôi nữa lăn xuống khe mông của Otto. Cứ ngồi mãi thế này dễ bị sinh hoang tưởng, bạn sẽ tưởng tượng có người đã can thiệp vào hệ thống máy móc và lúc này đây bạn đang ngồi xem băng ghi hình những chuyện xảy ra từ hôm qua hoặc kiểu thế.

Gã nhịp ngón tay lên mặt bàn cạnh bảng điều khiển. Thằng khốn Waaler không cho phép hút thuốc trong xe buýt.

Otto nghiêng người sang phải, thả một "quả bom" không tiếng trong lúc đưa mắt nhìn gã tóc vàng húi cua. Từ lúc đến đây hắn cứ ngồi lì trên ghế chẳng nói chẳng rằng. Trông hắn giống nhân viên bảo vệ hộp đêm đã về vườn.

"Xem ra nhân vật của chúng ta hôm nay không đi làm rồi," Otto nói. "Có lẽ hắn nghĩ trời nóng quá chăng. Có lẽ hắn đã quyết định hoãn lại đến ngày mai và thay vào đó là đi uống bia ở Aker Brygge. Dự báo thời tiết có nói…"

"Im đi, Tangen."

Waaler nói tuy khẽ nhưng vẫn đủ nghe được.

Otto thở dài thườn thượt và xoay vai.

Đồng hồ ở góc màn hình báo năm giờ hai mươi mốt phút.

"Có ai thấy cậu trai phòng 303 ra về không?"

Đó là giọng của Waaler. Otto phát hiện Waaler đang nhìn mình.

"Hôm nay tôi ngủ cả sáng mà," gã nói.

"Tôi muốn cho người kiểm tra phòng 303. Falkeid?"

Sĩ quan chỉ huy Lực lượng Đặc nhiệm hắng giọng.

"Tôi không thấy có nguy…"

"Làm đi, Falkeid."

Quạt tản nhiệt của hệ thống máy móc chạy ro ro trong lúc Falkeid và Waaler nhìn nhau.

Falkeid lại hắng giọng.

"Alpha gọi Charlie Two. Nghe rõ trả lời. Hết."

Tạp âm khí quyển vang lên.

"Charlie Two nghe."

"Kiểm tra phòng 303 ngay."

"Rõ. Kiểm tra phòng 303."

Otto chăm chú nhìn màn hình. Chẳng có gì xảy ra. Thử tướng tượng xem nếu…

Họ đây rồi.

Ba sĩ quan. Đồng phục đen, mũ trùm đầu đen, súng máy đen, bốt đen. Tất cả đều diễn ra rất nhanh, nhưng lạ thay, chẳng thấy có gì gay cấn cả. Là tại âm thanh. Không có âm thanh.

Họ không dùng mấy quả mìn hay ho cỡ nhỏ để mở cửa mà dùng cách cổ điển là xà beng. Otto cảm thấy thật thất vọng. Chắc là do ít người.

Ba sĩ quan trên màn hình không có tiếng vào vị trí như thể đang chuẩn bị chạy đua, một người móc đầu xà beng vào bên dưới ổ khóa, hai người còn lại đúng cách một mét phía sau, vũ khí sẵn sàng. Bất thình lình, cả ba cùng hành động. Một động tác phối hợp đồng loạt, một màn vũ đạo thật dứt khoát. Cửa bật mở. Hai người trong tư thế sẵn sàng lập tức ập vào phòng, người thứ ba lao theo đúng nghĩa đen. Chưa gì Otto đã nóng lòng muốn cho Nils xem đoạn băng ghi hình. Cánh cửa khép lại nửa chừng rồi giữ nguyên như thế. Thật quá đáng tiếc khi họ không kịp lắp thêm camera trong các phòng.

Tám giây trôi qua.

Bộ đàm của Falkeid kêu lẹt xẹt.

“Đã kiểm tra phòng 303. Một nam một nữ, không có vũ khí.”

“Còn sống chứ?”

“Sống… ờ… nhăn.”

“Đã lục soát cậu thanh niên chưa?”

“Báo cáo Alpha, cậu ta trần như nhộng.”

“Lôi cậu ta ra ngoài,” Waaler nói. “Mẹ kiếp!”

Otto chằm chằm nhìn ngưỡng cửa. Hai đứa đang làm chuyện đó. Trần như nhộng. Làm cả đêm lẫn cả ngày. Gã cứ nhìn như bị thôi miên về phía ô cửa đó.

“Bảo cậu ta mặc quần áo vào rồi dẫn về vị trí mai phục của các anh, Charlie Two.”

Falkeid đặt bộ đàm xuống, nhìn những người xung quanh và khẽ lắc

đầu.

Waaler đập mạnh bàn tay lên tay vịn ghế.

“Ngày mai xe buýt cũng rảnh đấy,” Otto nói, liếc nhanh một cái về phía vị thanh tra.

Giờ gã phải ăn nói cẩn thận hơn mới được.

“Tôi không tính thêm phí cho ngày Chủ nhật đâu, nhưng tôi cần phải biết khi nào…”

“Ê, nhìn kìa.”

Otto vô thức quay lại. Tên bảo vệ cuối cùng cũng đã chịu mở miệng. Hắn đang chỉ vào màn hình ở giữa.

“Trong sảnh. Hắn đi vào qua cửa trước và tới thẳng chỗ thang máy.”

Không khí trong xe buýt lặng đi khoảng hai giây. Sau đó là tiếng Falkeid nói vào bộ đàm.

“Alpha gọi tất cả các đơn vị. Mục tiêu tình nghi đã vào thang máy. Sẵn sàng đợi lệnh.”

“Dạ thôi, cháu cảm ơn ạ,” Beate mỉm cười.

“Ừ, ăn bao nhiêu bánh như thế chắc cháu cũng chán rồi,” bà cụ thở dài, đặt lại hộp bánh quy xuống bàn. “Bà nói đến đâu rồi nhỉ? À, phải. Thật tốt khi Sven thỉnh thoảng lại về chơi, vì bây giờ bà sống có mỗi mình.”

“Vâng, ở trong ngôi nhà lớn thế này chắc là cô đơn lắm.”

“Bà hay nói chuyện với Ina, nhưng hôm nay nó đi nghỉ ở căn nhà gỗ của bạn trai nó rồi. Bà bảo nó cho bà gửi lời chào anh ta, nhưng bọn trẻ bây

giờ nhìn nhận mấy chuyện này theo kiểu lạ lắm. Cứ như thể cái gì chúng cũng muốn thử, song đồng thời lại nghĩ chẳng có gì bền lâu. Có lẽ vì vậy mà chúng giữ bí mật rất kỹ.”

Beate lén nhìn đồng hồ đeo tay. Harry bảo họ sẽ gọi cho cô ngay sau khi mọi chuyện kết thúc.

“Có việc gì đang khiến cháu bận tâm phải không?”

Beate chậm rãi gật đầu.

“Không sao đâu,” Olaug nói. “Hy vọng họ sẽ bắt được hắn.”

“Bà có cậu con trai thật ngoan.”

“Ừ, đúng vậy. Nếu trước đây nó thường xuyên về thăm bà như bây giờ thì bà chẳng có gì phải phàn nàn.”

“Ồ? Thường xuyên đến mức nào ạ?” Beate hỏi. Đáng lẽ giờ này mọi chuyện phải kết thúc rồi chứ. Sao Harry chưa gọi nhỉ? Hay là cuối cùng hắn không xuất hiện?

“Mỗi tuần một lần, trong suốt một tháng qua. Ừm, thực ra thì còn thường xuyên hơn thế. Cứ năm ngày nó lại về đây một lần. Chỉ ở trong thời gian ngắn. Thực tình bà nghĩ chắc có người ở Praha đợi nó thật. Mà bà cũng kể với cháu rồi đấy, hình như nó có tin tức gì đó muốn báo với bà vào tối nay.”

“Ừm.”

“Lần trước, nó đã mang về tặng bà một món trang sức. Cháu có muốn xem không?”

Beate nhìn bà cụ. Và đột nhiên cô cảm thấy mệt mỏi quá chừng, chán công việc, chán tên Sát nhân Giao hàng, Tom Waaler và Harry Hole, chán cả Olaug Sivertsen, và hơn hết, cô chán chính mình, một Beate Lønn ưu tú

và sẵn sàng chấp hành nhiệm vụ, người nghĩ rằng mình có thể đạt được thành tựu nào đó, mang lại sự khác biệt nào đó, bằng cách làm một cô gái tốt bụng, tốt bụng và thông minh, thông minh và luôn răm rắp nghe theo yêu cầu của người khác. Đã đến lúc phải thay đổi, nhưng cô không biết liệu mình có làm được không. Trên hết, cô chỉ muốn về nhà, chui vào chăn lông vịt và ngủ.

"Phải đấy," Olaug nói. "Dù sao cũng chẳng có gì đặc biệt để mà xem. Cháu uống thêm trà nhé?"

"Vâng ạ."

Olaug vừa định rót trà thì thấy Beate đang lấy tay chặn chiếc tách.

"Cháu xin lỗi," Beate vừa nói vừa cười. "Vừa rồi ý cháu là cháu muốn xem nó."

"Gì cơ…?"

"Món trang sức mà con trai bà tặng bà ấy ạ."

Olaug tươi tỉnh hẳn lên và rời khỏi bếp.

Cô gái tốt bụng, Beate nghĩ thầm. Cô đưa tách trà lên uống nốt. Cô phải gọi cho Harry xem tình hình thế nào mới được.

"Nó đây này," Olaug nói.

Tách trà của Beate Lønn, đúng hơn là của Olaug Sivertsen, hay chính xác nhất phải nói là của Lực lượng Vệ quốc, khựng lại giữa không trung.

Beate trân trân nhìn vào cái cài áo - chính xác là viên đá quý gắn trên đó.

"Sven nhập khẩu chúng đấy," Olaug nói. "Bà đoán cách cắt đặc biệt này chắc chỉ có ở Praha."

Đó là một viên kim cương. Hình ngôi sao năm cánh.

Beate quét lưỡi quanh miệng cho hết khô.

"Cháu phải đi gọi điện thoại đây ạ," cô nói.

Cảm giác khô khốc vẫn không hết.

"Trong lúc đó, bà tìm giúp cháu một bức ảnh của Sven được không? Ảnh mới chụp là tốt nhất. Việc này khá quan trọng đấy ạ."

Olaug tỏ ra bối rối nhưng vẫn gật đầu.

Otto vừa há miệng ra thở vừa nhìn chằm chằm màn hình và lắng nghe những tiếng nói quanh mình.

"Mục tiêu tình nghi đang đi về hướng Bravo 2. Mục tiêu tình nghi đã dừng lại trước cửa. Sẵn sàng chưa, Bravo 2?"

"Bravo 2 sẵn sàng."

"Mục tiêu đứng tại chỗ. Hắn đang cho tay vào túi. Có thể có vũ khí. Không quan sát được tay hắn."

Giọng Waaler cất lên, "Hành động đi."

"Bravo 2 hành động."

"Lạ nhỉ," tên bảo vệ lẩm bẩm.

Ban đầu, Marius Veland tưởng mình nghe nhầm nên vặn nhỏ tiếng nhạc Violent Femmes xuống để kiểm tra. Âm thanh đó lại vang lên. Có người đang gõ cửa. Có thể là ai được nhỉ? Theo anh ta biết, những người sống ở

dãy hành lang này đã về nhà nghỉ hè hết cả rồi. Trừ Shirley. Anh ta đã thấy cô trên cầu thang. Và rồi anh ta dừng lại hỏi cô có muốn cùng anh ta đi xem ca nhạc không. Hoặc là xem phim. Hay xem kịch. Anh ta mời. Tùy cô chọn.

Marius đứng dậy thì phát hiện ra hai tay mình đang ướt đẫm mồ hôi. Sao thế nhỉ? Chẳng có lý do gì xác đáng để cho rằng người gõ cửa là cô ấy. Anh ta đưa mắt nhìn quanh phòng và nhận ra mình chưa bao giờ thực sự để ý đến nó cả, cho tới tận lúc này. Anh ta không có quá nhiều đồ để khiến căn phòng trở thành bãi chiến trường. Bốn bức tường trống trơn ngoại trừ một tấm poster rách của Iggy Pop và cái giá sách trông thảm hại nhưng không lâu nữa trên đó sẽ chất đầy CD và DVD miễn phí. Căn phòng xấu tệ, hoàn toàn không có chất riêng. Tiếng gõ cửa tiếp tục vang lên. Marius vội vã giất lại một đầu chăn lông vịt đang thò ra ở cuối chiếc sofa giường. Anh ta mở cửa. Không thể là cô ấy. Không thể… Không phải cô ấy.

“Anh là Veland?”

“Vâng?”

Marius sửng sốt nhìn người đàn ông trân trân.

“Tôi có bưu phẩm cần giao cho anh.”

Người đàn ông bỏ ba lô xuống, lấy ra chiếc phong bì khổ A4 và đưa cho Marius. Marius cầm chiếc phong bì trắng có dán tem trong tay. Trên đó không đề tên.

“Anh chắc chắn đây là thư của tôi?” anh ta hỏi.

“Phải. Tôi cần ký nhận…”

Người đàn ông chìa ra tập bìa kẹp hồ sơ với một tờ giấy ở trên.

Marius nhìn ông ta bằng ánh mắt dò hỏi.

“Xin lỗi. Anh có bút không?” ông ta mỉm cười.

Marius lại nhìn ông ta. Có điều gì đó không ổn, nhưng là điều gì thì anh ta không thể xác định rõ.

"Xin đợi chút," Marius nói.

Anh ta cầm theo chiếc phong bì, đặt nó lên giá bên cạnh chùm chìa khóa có móc treo hình đầu lâu, tìm thấy một cây bút trong ngăn kéo và quay lại. Bỗng Marius giật bắn khi thấy người đàn ông đang đứng trên lối đi tối tăm sau lưng mình.

"Tôi không nghe thấy anh bước vào," Marius nói và nghe thấy tiếng cười lo lắng của mình dội lại từ khắp bốn bức tường.

Không phải anh ta sợ hãi. Ở quê anh ta, người ta thường tự động đi vào nhà như thế để ngăn nhiệt thoát ra hoặc ngăn khí lạnh tràn vào. Nhưng người đàn ông này có điều gì lạ lắm. Ông ta đã bỏ kính và mũ bảo hiểm ra, giờ đây Marius đã có thể hiểu được điều gì khiến anh ta giật mình. Trông ông ta có vẻ già quá. Nhân viên giao nhận bằng xe đạp thường chỉ trong độ tuổi hai mươi thôi. Người này có thân hình thon gọn và săn chắc, có thể nhầm với thanh niên. Nhưng khuôn mặt kia là khuôn mặt của người đã qua ba mươi từ lâu, thậm chí còn qua ngưỡng bốn mươi.

Marius định lên tiếng nói gì đó thì chợt nhác thấy một vật mà người nhân viên đang cầm trong tay. Trong phòng rất sáng, nhưng hành lang tối om, và Marius Veland thì đã xem nhiều phim đủ để nhận ra đường nét của một khẩu súng có gắn ống giảm thanh.

"Thứ đó là để cho tôi à?" Marius loạng choạng.

Người đàn ông mỉm cười và chĩa khẩu súng về phía anh ta. Ngay thẳng mặt anh ta. Lúc này Marius biết rằng mình nên sợ hãi đi thôi.

"Ngồi xuống," ông ta nói. "Anh có bút rồi. Mở cái phong bì ra."

Marius ngồi phịch xuống ghế.

"Anh có vài thứ cần viết đấy," người đàn ông đó nói.

"Làm tốt lắm, Bravo 2!"

Falkeid kêu lên, mặt đỏ gay và bóng loáng.

Otto đang thở phì phò qua đằng mũi. Màn hình chiếu cảnh người đàn ông đang nằm sấp trên sàn trước cửa phòng 205, hai cổ tay bị còng lại sau lưng. Và tuyệt hơn cả là hắn đang quay mặt về phía camera nên có thể thấy khuôn mặt đó toát lên vẻ ngạc nhiên, nhăn nhó vì đau, thấy thằng khốn đó bắt đầu cam chịu thất bại. Đúng là một đoạn băng "vàng". Không, còn hơn thế ấy chứ, phải là đoạn băng đi vào lịch sử. Đây là màn cao trào đầy kịch tính trong mùa hè đẫm máu ở Oslo: màn bắt giữ Sát nhân Giao hàng khi hắn đang chuẩn bị tiến hành vụ giết người thứ tư. Cả thế giới sẽ tha hồ giành giật để được chiếu đoạn băng này. Chúa ơi, gã, Otto Tangen, giàu to rồi. Bái bai thứ đồ ăn tởm lạm của 7-Eleven, bái bai thằng khốn Waaler, bây giờ gã có thể mua… gã có thể… Aud-Rita và gã có thể…

"Không phải hắn," tên bảo vệ nói.

Không khí trong xe buýt bỗng lặng đi.

Waaler nhoài người về phía trước trên ghế.

"Anh bảo sao, Harry?"

"Đấy không phải hắn đâu, 205 là một trong những phòng chúng ta không kiểm tra được. Theo như danh sách phòng tôi đang cầm ở đây, tên anh ta là Odd Einar Lillebostad. Khó có thể nhìn rõ gã nằm trên sàn kia

đang cầm thứ gì, nhưng tôi thấy có vẻ giống chiếc chìa khóa. Xin lỗi nhé các anh, nhưng tôi đoán đó chỉ là Odd Einar Lillebostad vừa trở về nhà mà thôi.”

Otto trân trối nhìn hình ảnh thu được. Chiếc xe buýt của gã đang chứa những thiết bị đáng giá hơn một triệu krone, những thiết bị cả đi mua lẫn đi mượn có thể tập trung vào bàn tay và phóng to lên dễ dàng như chớp mắt để xem tên khốn bảo vệ kia nói có đúng không. Nhưng gã chẳng cần phải làm thế. Cành táo đang kêu răng rắc. Gã có thể trông thấy ánh sáng của những ô cửa sổ trong vườn. Cái ống bơ kêu lẹt xẹt.

“Bravo 2 gọi Alpha. Theo như thông tin trên thẻ ngân hàng của đối tượng, gã này tên là Odd Einar Lillebostad.”

Otto ngồi thừ ra trên ghế.

“Các vị cứ bình tĩnh,” Waaler nói. “Hắn có thể vẫn sẽ đến. Đúng không, Harry?”

Tên khốn Harry không trả lời. Thay vào đó, điện thoại di động của hắn kêu bíp bíp.

Marius Veland đăm đăm nhìn hai tờ giấy trắng được anh ta lấy ra khỏi phong bì.

“Người thân của anh là những ai?” người đàn ông hỏi.

Marius nuốt khan và định trả lời, nhưng không sao nói được.

“Tôi sẽ không giết anh,” người đàn ông nói. “Với điều kiện anh chịu làm theo lời tôi.”

“Bố mẹ tôi,” Marius nói khẽ. Giọng nói nghe như tín hiệu SOS thảm hại vậy.

Người đó yêu cầu Marius viết họ tên và địa chỉ của bố mẹ lên phong bì. Marius đặt bút lên giấy. Họ tên. Hai cái tên thân thuộc. Và Bjøford. Viết xong, anh ta nhìn chằm chằm vào đó. Nét chữ run run, nghiêng ngả.

Người đàn ông đó bắt đầu đọc to nội dung một bức thư. Marius ngoan ngoãn cầm bút viết theo lời ông ta.

“Con chào bố mẹ! Kế hoạch của con vừa thay đổi đột ngột! Con sẽ đi chơi Morocco cùng Georg, cậu bạn người Morocco con quen ở đây. Bọn con sẽ về nhà bố mẹ cậu ta tại một ngôi làng nhỏ trên núi, tên là Hassane. Con sẽ đi khoảng bốn tuần. Chắc sẽ khó có sóng điện thoại để liên lạc, nhưng con sẽ cố gắng viết thư cho bố mẹ, dù Georg bảo bưu điện ở đây hơi í ẹ. Nhưng con sẽ liên lạc với bố mẹ ngay khi con về, kính thư…”

“Marius,” Marius nói.

“Marius.”

Người đàn ông bảo Marius nhét thư vào phong bì, sau đó bỏ vào cái túi ông ta đang giơ ra trước mặt anh ta.

“Trên tờ giấy thứ hai, anh chỉ cần viết ‘Đi nước ngoài. Bốn tuần nữa về’. Rồi ký tên Marius và viết ngày tháng hôm nay vào. Xong rồi, cảm ơn.”

Marius ngồi trên ghế, trầm ngâm nhìn xuống đùi mình. Người đàn ông kia đang đứng ngay sau anh ta. Một luồng gió ùa tới khiến tấm rèm lay động. Ngoài kia rộn vang tiếng chim ríu rít. Người đàn ông nhoài người tới và đóng cửa sổ lại. Trong phòng giờ chỉ còn tiếng u u khe khẽ của chiếc radio kiêm máy nghe CD trên giá sách.

“Bài gì vậy?” người đàn ông hỏi.

"Blister In The Sun," Marius đáp. Trước đó anh ta đã nhấn nút "phát lại". Anh ta thích bài hát này. Anh ta sẽ viết bài ca ngợi nó. Một bài phê bình mang chất châm biếm nhẹ nhàng, có tính bao quát.

"Tôi từng nghe bài này trước đây rồi," người đàn ông nói, tìm nút chỉnh âm lượng và vặn to lên. "Chỉ không nhớ được là ở đâu."

Marius ngẩng đầu, đưa mắt ra ngoài cửa sổ, nhìn mùa hè đã trở nên câm lặng, nhìn cành bạch dương như đang vẫy chào từ biệt, nhìn bãi cỏ xanh mon mởn. Qua hình ảnh in trên tấm kính, anh ta thấy người đàn ông sau lưng mình giơ súng và chĩa vào sau đầu anh ta.

" 'Xõa' đi thôi!" Tiếng kêu phát ra từ dàn loa nhỏ.

Người đàn ông lại hạ súng xuống.

"Xin lỗi. Quên chưa tháo chốt an toàn. Vậy thôi."

Marius nhắm chặt mắt lại. Shirley. Anh ta đang nghĩ về cô. Lúc này cô đang ở đâu?

"Giờ tôi nhớ ra rồi," người đàn ông nói. "Đó là ở Praha. Ban nhạc Violent Femmes thì phải. Vợ tôi đã đưa tôi đi xem họ biểu diễn. Hát chẳng hay cho lắm, nhỉ?"

Marius mở miệng định trả lời, nhưng đúng lúc đó khẩu súng bật ra âm thanh như tiếng ho khô khốc, và chẳng ai biết được Marius nghĩ gì về Violent Femmes nữa.

Otto dán mắt vào ba cái màn hình. Sau lưng gã, Falkeid đang trao đổi với Bravo 2 bằng thứ ngôn ngữ của dân đạo chích. Tên khốn Harry đang trả lời

cái điện thoại kêu bíp bíp. Hắn không nói nhiều. Chắc là có cô ả ma chê quỷ hờn nào đó muốn mây mưa đây mà, Otto nghĩ bụng, và dỏng tai lên nghe.

Waaler không nói gì, chỉ ngồi đó cắn đốt ngón tay với vẻ mặt vô cảm trong lúc quan sát Odd Einar Lillebostad bị dẫn đi. Không có còng tay. Không có lý do xác thực để nghi ngờ. Không có cái khỉ gì hết.

Otto vẫn tiếp tục theo dõi màn hình. Gã có cảm tưởng như mình đang ngồi cạnh lò phản ứng hạt nhân. Nhìn bề ngoài thì chẳng có gì đáng xem, còn bên trong lại đang sục sôi những thứ mà dù có cho vàng cũng chớ dại chọc vào. Quan sát màn hình kia đi.

Falkeid nói "nghe rõ và hết" rồi đặt bộ đàm xuống. Tên khốn Harry vẫn đang mớm cho ả kia những câu trả lời một âm tiết.

"Hắn không tới đâu," Waaler nói, mắt vẫn nhìn các hình ảnh cho thấy những dãy hành lang và cầu thang không người.

"Giờ vẫn còn sớm mà," Falkeid nói.

Waaler chậm rãi lắc đầu. "Hắn biết chúng ta đang ở đây. Trực giác mách bảo tôi thế. Lúc này hắn đang ngồi đâu đó cười nhạo chúng ta."

Trên một cái cây ở trong vườn chứ đâu, Otto nghĩ thầm.

Waaler đứng dậy.

"Thôi, cứ thu dọn đồ đạc đi các cậu. Giả thuyết về ngôi sao năm cánh không còn đúng vững nữa rồi. Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu lại từ đầu."

"Giả thuyết vẫn đứng vững."

Ba người quay đầu nhìn về phía tên khốn Harry đang đút điện thoại vào túi.

"Tên hắn là Sven Sivertsen," hắn nói. "Quốc tịch Na Uy, đang sống ở Praha, sinh năm 1946 tại Oslo nhưng trông trẻ hơn tuổi thật rất nhiều, theo

như lời Beate Lønn đồng nghiệp của chúng tôi. Hắn đã hai lần bị bắt vì tội buôn lậu. Hắn đã tặng mẹ hắn một viên kim cương giống hệt như mấy viên chúng ta tìm thấy trên thi thể các nạn nhân. Mẹ hắn nói hắn đã về Oslo thăm mình vào tất cả các ngày chúng ta đang nhắc đến. Tại biệt thự Valle."

Otto thấy mặt Waaler cứng đờ và biến sắc.

"Mẹ hắn," Waaler gần như thì thào. "Tại ngôi nhà mà đỉnh cuối cùng của ngôi sao chỉ vào ư?"

"Phải," tên khốn Harry đáp. "Lúc này bà ấy đang chờ hắn đến thăm. Vào tối nay. Một chiếc xe chở đội tiếp viện đang trên đường tới phố Schweigaards. Xe của tôi đang đỗ trên phố này."

Hắn đứng dậy khỏi ghế. Waaler đang đưa tay xoa cằm.

"Chúng ta phải sắp xếp lại đội hình," Falkeid nói, vớ lấy bộ đàm.

"Khoan đã!" Waaler la lên. "Không ai được có bất cứ hành động gì khi tôi chưa cho phép."

Những người xung quanh nhìn hắn đầy trông đợi. Waaler nhắm mắt lại. Hai giây trôi qua. Sau đó Waaler lại mở mắt ra.

"Harry, anh ngăn chiếc xe lại trước khi nó đến nơi. Tôi không muốn xe cảnh sát xuất hiện trong vòng bán kính một cây số xung quanh ngôi nhà đó. Nếu hắn đánh hơi thấy mùi nguy hiểm dù là nhỏ nhất, chúng ta coi như xong. Tôi có biết chút ít về dân buôn lậu ở Đông Âu. Chúng luôn luôn - luôn luôn - chuẩn bị cho mình một lối thoát. Còn nữa, một khi đã để mất chúng thì không bao giờ tìm lại được chúng đâu. Falkeid, anh cùng đồng đội của anh ở lại đây và tiếp tục công việc cho tới khi có lệnh mới."

"Nhưng vừa rồi chính anh bảo hắn không…"

"Cứ làm như tôi yêu cầu đi. Đây có thể là cơ hội duy nhất chúng ta có,

và hiện tại tôi là người gánh mọi trách nhiệm nên tôi muốn đích thân xử lý việc này. Harry, anh phụ trách công việc ở đây nhé. Được không?”

Otto thấy tên khốn Harry nhìn Waaler chằm chằm, nhưng ánh mắt có vẻ vô hồn.

“Được không?” Waaler hỏi lại.

“Được,” tên khốn trả lời.

THỨ BẢY



dương vật giả

Olaug Sivertsen mở to cặp mắt đỏ hoe nhìn Beate kiểm tra ổ đạn khẩu súng lục của cô để đảm bảo súng được nạp đầy đạn.

“Sven nhà bà ư? Lạy Chúa, họ phải hiểu là mình đang mắc sai lầm rồi! Đến một con kiến Sven còn không nỡ hại nữa là.”

Beate gạt ổ đạn về vị trí cũ, sau đó bước tới bên cửa sổ bếp trông ra bãi đỗ xe trên phố Schweigaards.

“Mong là như vậy. Nhưng để biết được điều đó, trước hết chúng cháu phải bắt anh ta đã.”

Tim Beate đang đập nhanh, nhưng không quá nhanh. Cơn mệt mỏi trong cô đã tan biến và được thay thế bằng cảm giác nhẹ bẫng lẫn tập trung, gần như thể cô vừa dùng một liều ma túy vậy. Đây là khẩu súng công vụ của bố cô ngày xưa. Có lần cô đã nghe thấy ông nói với một đồng nghiệp rằng đừng bao giờ dựa dẫm vào loại súng ngắn bắn phát một.

“Anh ta không nói mấy giờ sẽ về đến đây ạ?”

Olaug lắc đầu.

"Nó bảo có vài việc cần phải giải quyết."

"Anh ta có chìa khóa cửa chính không ạ?"

"Không."

"Tốt. Vậy thì…"

"Bà thường không khóa cửa nếu biết nó sắp về."

"Cửa không khóa sao ạ?"

Beate có thể cảm thấy máu đang dồn lên não và giọng nói của cô bỗng trở nên đanh sắc. Cô không biết mình giận ai hơn, giận bà cụ già được cảnh sát cắt cử người bảo vệ nhưng lại đi mở sẵn cửa cho con trai có thể cứ thế bước vào nhà, hay giận chính bản thân cô vì đã không kiểm tra một chi tiết cơ bản đến vậy.

Cô hít một hơi để giọng nói bình tĩnh hơn.

"Cháu muốn bà hãy ở yên đây, bà Olaug. Sau đó cháu sẽ ra hành lang và…"

"Xin chào!"

Giọng nói cất lên phía sau Beate khiến tim cô đập dồn dập, nhưng không quá nhanh, khi cô quay ngoắt lại, cánh tay phải chĩa thẳng, ngón tay nhỏ nhắn trắng trẻo móc vào cò súng đang căng ra bất động. Một bóng người chặn ngang ngưỡng cửa dẫn ra hành lang. Thậm chí cô còn không nghe thấy tiếng anh ta đi vào. Thật là vừa giỏi lại vừa ngu ngốc.

"Chà chà," giọng nói cất lên với tiếng cười khẽ.

Beate ngắm thẳng vào mặt anh ta. Cô do dự trong tích tắc trước khi nhả ngón tay đang siết cò.

"Ai vậy?" Olaug hỏi.

“Viện binh, thưa bà Sivertsen,” giọng nói trả lời. “Thanh tra Tom Waaler.” Anh ta chìa tay ra và nói, liếc nhanh một cái về phía Beate, “Tôi đã mạn phép khóa cửa trước nhà bà rồi, bà Sivertsen.”

“Những người khác đâu?” Beate hỏi.

“Làm gì còn ai khác. Chỉ có…” Cô đờ người khi Tom Waaler nói thêm kèm theo một nụ cười, “… hai chúng ta thôi, cô bé.”

Lúc này đã hơn tám giờ tối.

Trên ti vi, người dẫn chương trình thời sự cảnh báo một đợt không khí lạnh đang trên đường tràn qua nước Anh và không lâu nữa, đợt nắng nóng sẽ chấm dứt.

Tại hành lang của Nhà Bưu điện, Roger Gjendem nói với một đồng nghiệp rằng mấy ngày nay cảnh sát rõ ràng rất kiệm lời, anh ta đoán tình hình đang có biến. Nghe đồn Lực lượng Đặc nhiệm đã được huy động và sĩ quan chỉ huy, Sivert Falkeid, không trả lời bất cứ cuộc điện thoại nào trong vòng hai ngày trở lại đây. Đồng nghiệp của Gjendem cho rằng đó chỉ là hy vọng hão huyền và ban biên tập cũng đồng tình. Và như vậy, không khí lạnh là tin tức được chọn để đưa lên trang bìa.

Bjarne Møller đang ngồi trên sofa xem chương trình *Beat for Beat.* Ông thích Ivar Dyrhaug, thích những ca khúc của anh ta. Ông không quan tâm dù mọi người ở Sở có cho rằng chương trình này vừa cũ lại vừa đậm chất gia đình. Ông thích cái không khí ấm cúng ấy. Và một lần nữa ông nhận ra ở Na Uy có rất nhiều ca sĩ tài năng nhưng họ không bao giờ có được cơ hội tỏa sáng. Tuy nhiên, tối nay Møller không thể tập trung nghe

lời ca khúc và thông điệp ẩn chứa trong đó được, mắt ông đơn thuần chỉ đang nhìn vô định, vì tâm trí ông còn mải nghĩ đến thông tin Harry vừa cập nhật cho mình qua điện thoại.

Ông xem đồng hồ đeo tay, mắt liếc về phía cái điện thoại lần thứ năm trong vòng nửa giờ qua. Họ đã thống nhất Harry sẽ gọi cho ông ngay khi có tin gì mới. Giám đốc Sở cũng đã yêu cầu báo cáo tình hình ngay khi chiến dịch kết thúc. Møller tự hỏi không biết căn nhà gỗ của Giám đốc Sở có ti vi không, và lúc này đây ông ấy có đang giống như ông, ngồi xem chương trình đố vui nhạc pop, miệng thì có câu trả lời nhưng đầu óc còn đang nghĩ tận đâu đâu.

Otto rít một hơi thuốc lá, nhắm mắt lại và hình dung ra ánh đèn từ những ô cửa sổ, nghe tiếng lá khô xào xạc và cảm thấy tiếc nuối khi tấm rèm bị người ta khép lại. Cái ống bơ ở đầu kia đã bị vứt xuống rãnh nước. Nils đã bỏ về nhà.

Otto hết thuốc lá, nhưng gã đã xin được một điếu của tên khốn cảnh sát tên Harry. Harry lấy từ trong túi ra bao Camel loại nhẹ nửa giờ sau khi Waaler đã rời đi. Lựa chọn ngon đấy, chỉ tiếc là loại nhẹ. Falkeid lừ mắt tỏ ý không hài lòng khi hai người kia bắt đầu hút thuốc, nhưng không nói gì. Gã thoáng thấy khuôn mặt Sivert Falkeid hiện lên qua làn khói xanh lam, giống như tấm màn mỏng phủ lên để bù đắp cho những hình ảnh tĩnh đến phát bực của các hành lang và cầu thang.

Harry đã đẩy ghế sát lại chỗ Otto để xem màn hình được rõ hơn. Hắn ung dung hút thuốc trong lúc nhìn chằm chằm lên màn hình và quan sát kỹ

từng khung hình. Cứ như trên đó có thể có chi tiết hắn chưa phát hiện ra vậy.

“Cái gì kia?” Harry hỏi, chỉ vào một ô ảnh ở màn hình bên trái.

“Chỗ đó hả?”

“Không, cao hơn. Trên tầng bốn.”

Otto đăm đăm nhìn hình ảnh tại một hành lang vắng tanh khác, có tường màu vàng nhạt.

“Tôi không thấy có điều gì đặc biệt,” Otto nói.

“Cửa thứ ba bên tay phải. Trên lớp thạch cao ấy.”

Otto nheo mắt nhìn. Có mấy dấu vết màu trắng. Lúc đầu gã băn khoăn tự hỏi không biết có phải đó là dấu vết bọn họ để lại khi tìm cách gắn camera lên nhưng không được hay chăng, nhưng gã không nhớ là mình đã đục lỗ ở vị trí đó trên tường.

Falkeid nhoài người tới. “Cái gì thế *kia*?”

“Không biết,” Harry nói. “Otto, anh có thể phóng to mỗi chi tiết kia lên không…?”

Otto rê trỏ chuột qua màn hình và khoanh một ô vuông nhỏ trên cánh cửa. Gã nhấn giữ hai phím. Phần cửa được khoanh vùng hiện lên toàn màn hình hai mươi mốt inch.

“Lạy Chúa tôi,” Harry lẩm bẩm.

“Đúng đó, không phải dạng vừa đâu,” Otto hãnh diện nói, âu yếm vỗ nhẹ bảng điều khiển. Gã bắt đầu ưa cái tên Harry này rồi đấy.

“Ngôi sao của quỷ,” Harry thì thào.

“Hả?”

Nhưng tên cảnh sát đã quay sang nói với Falkeid.

“Yêu cầu Delta One, hay tên quái gì cũng được, chuẩn bị đột nhập phòng 406. Bảo họ chờ cho tới khi thấy tôi lên đến nơi.”

Tên cảnh sát đứng dậy và rút ra một khẩu súng mà Otto nhận ra được là nhờ những đêm thức khuya lướt net. Khẩu Glock 21. Otto không hiểu lắm nhưng gã biết sắp có chuyện, một chuyện cuối cùng có thể mang lại cho gã đoạn băng vàng mà gã hằng mong đợi.

Tên cảnh sát đã bước ra khỏi cửa.

“Alpha gọi Delta One,” Falkeid nói và nhả nút bấm trên bộ đàm.

Tạp âm vang lên. Tiếng tạp âm khí quyển lẹt xẹt nghe thật là hay.

Harry dừng lại phía trước chiếc thang máy bên trong cổng chính, do dự mất một giây rồi chộp lấy tay nắm và kéo cửa mở ra. Tim anh chao đi một nhịp khi nhìn thấy tấm lưới màu đen. Cửa lưới dạng trượt.

Anh buông tay nắm ra như phải bỏng, để cửa tự đóng lại. Dù sao cũng đã quá muộn rồi. Đây chẳng qua chỉ như nỗ lực tăng tốc lần cuối trong vô vọng để đến sân ga khi biết tàu vốn đã khởi hành, nhưng người ta vẫn mong nhìn thấy bóng dáng đoàn tàu trước khi nó hoàn toàn khuất dạng.

Harry leo cầu thang bộ. Anh cố gắng bước đi thật bình tĩnh. Hắn đã đến đây khi nào? Hai ngày trước? Hay một tuần trước?

Anh không thể kiềm chế được nữa. Đế giày ma sát với bậc thang nghe như tiếng đánh giấy ráp khi anh bắt đầu chạy. Anh muốn nhìn thấy bóng dáng đoàn tàu.

Đúng lúc anh rẽ ngoặt sang trái để đặt chân lên hành lang tầng bốn thì

ba bóng người mặc đồ đen cũng xuất hiện ở đầu kia hành lang.

Harry đứng bên dưới hình ngôi sao khắc trên tường, sắc trắng nổi bật trên nền tường vàng.

Bên dưới số phòng - 406 - có một biển tên. VELAND. Và dưới biển tên là một mảnh giấy được dán lên tường bằng hai mẩu băng dính.

ĐI NƯỚC NGOÀI. BỐN TUẦN NỮA VỀ, MARIUS

Anh gật đầu ra hiệu cho Delta One hành động.

Sáu giây sau thì cửa mở.

Harry bảo họ đợi ở ngoài, để anh một mình đi vào. Phòng trống không. Anh đưa mắt nhìn quanh. Căn phòng sạch sẽ và ngăn nắp. Quá ngăn nắp là khác. Điều đó không ăn nhập với tấm poster rách của Iggy Pop dán phía trên chiếc sofa giường. Vài cuốn sách bìa mềm cũ nát ngự trên giá phía trên bàn làm việc được dọn sạch. Bên cạnh chỗ sách là chùm chìa khóa gồm năm, sáu chiếc có móc treo hình đầu lâu. Bức ảnh chụp một cô gái có làn da rám nắng đang mỉm cười. Harry đoán là bạn gái hoặc em gái. Nằm giữa cuốn sách của Bukowski và máy nghe nhạc cầm tay là một ngón tay cái bằng sáp sơn trắng dựng đúng như ra hiệu đồng ý vậy. Tất cả đã sẵn sàng. Tất cả đều ổn. Có thật vậy không?

Harry nhìn Iggy Pop với thân hình gầy guộc đang cởi trần, những vết sẹo tự mình gây ra, ánh nhìn sắc sảo từ hai hốc mắt sâu hoắm, người đàn ông này hẳn đã từng kinh qua một hai thời chinh chiến trong đời. Harry chạm vào ngón tay cái trên giá sách. Quá mềm nên không thể là đồ nhựa hoặc thạch cao, cảm giác gần giống ngón tay thật. Lạnh lẽo, nhưng giống thật. Anh nghĩ đến cái dương vật giả mình từng trông thấy ở nhà Barli trong lúc đưa ngón cái màu trắng lên mũi ngửi. Nó có mùi formalin pha với mùi

sơn. Anh cầm nó bằng hai ngón tay và bóp. Lớp sơn nứt toác. Harry giật mình lùi lại khi một mùi hôi thối xộc vào mũi.

“Beate Lønn nghe.”

“Harry đây. Tình hình chỗ cô thế nào rồi?”

“Chúng tôi vẫn đang đợi. Waaler đã ra canh gác ở hành lang, đuổi tôi và bà Sivertsen vào bếp. Đáng tiếc thay cho phong trào giải phóng phụ nữ.”

“Tôi gọi điện cho cô từ phòng 406 trong ký túc xá sinh viên. Hắn đã đến đây.”

“Đã đến ư?”

“Hắn khắc hình ngôi sao của quỷ lên tường thạch cao phía trên cửa chính. Cậu thanh niên sống tại phòng này, Marius Veland, đã biến mất. Những người sống trong tòa nhà không hề trông thấy cậu ta suốt mấy tuần nay rồi. Trên cửa có dán một mảnh giấy thông báo cậu ta đã đi vắng.”

“Ừm, vậy có thể cậu ta đi vắng *thật.”*

Harry nhận thấy Beate đã bắt đầu học theo cách ăn nói của anh.

“Không thể nào,” Harry nói. “Ngón tay cái của cậu ta vẫn còn trong phòng này. Trong tình trạng giống như được ướp xác.”

Đầu dây bên kia lặng đi.

“Tôi đã gọi cho đồng nghiệp của cô bên Pháp y. Họ đang trên đường tới.”

“Nhưng tôi không hiểu,” Beate nói. “Chẳng phải các anh đã cho giám sát toàn bộ tòa nhà này hay sao?”

“Ừ, phải. Nhưng không phải hai mươi ngày trước, khi chuyện này xảy ra.”

“Hai mươi ngày. Sao anh biết?”

“Bởi vì tôi đã tìm thấy số điện thoại của bố mẹ cậu ta và gọi cho họ. Họ nhận được một bức thư nói rằng cậu ta sắp đi Morocco. Bố cậu ta nói có lẽ đây là lần đầu tiên ông ta nhớ được là mình nhận được thư của con trai. Cậu ta thường chỉ gọi điện. Dấu bưu điện trên bức thư có từ hai mươi ngày trước.”

“Hai mươi ngày…” Beate lẩm nhẩm.

“Hai mươi ngày. Hay nói cách khác, đúng năm ngày trước khi Camilla Loen bị giết. Nói cách khác…”

Qua điện thoại, anh có thể nghe thấy tiếng Beate đang hít thở sâu.

“… năm ngày trước khi xảy ra vụ án mạng mà chúng ta tưởng nhầm là vụ đầu tiên,” anh nói.

“Lạy Chúa.”

“Còn nữa. Chúng tôi đã cho tập hợp những người sống tại đây để hỏi xem có ai nhớ được bất cứ điều gì xảy ra ngày hôm đó hay không, một cô gái ở phòng 303 có nói cô ta đã nằm tắm nắng trên bãi cỏ bên ngoài ký túc xá sinh viên vào buổi chiều. Trên đường về, cô ta đi lướt qua một nhân viên giao nhận bằng xe đạp. Cô ta nhớ rõ là bởi rất ít khi có nhân viên giao nhận đến đây, và cô ta còn đem chuyện đó ra đùa với những người khác ở cùng dãy hành lang khi báo chí bắt đầu đăng tin về Sát nhân Giao hàng vài tuần sau.”

“Vậy là hắn đã bày trò gian lận về thứ tự gây án?”

“Không,” Harry đáp. “Là tôi ngu thì có. Cô có nhớ lúc tôi thắc mắc

liệu những ngón tay bị hắn cắt cụt có phải cũng là một loại mật mã không? Hừm. Đó là mật mã đơn giản nhất. Ngón tay cái. Hắn bắt đầu với ngón đầu tiên của bàn tay trái rồi lần lượt đến các ngón khác. Chẳng cần phải là thiên tài cũng đoán được Camilla là nạn nhân số hai.”

“Ừm.”

Đấy, lại bắt chước cách nói của mình, Harry nghĩ thầm.

“Vậy bây giờ chúng ta chỉ còn lại số năm,” Beate nói. “Ngón út.”

“Cô hiểu điều đó nghĩa là gì chứ?”

“Nghĩa là giờ đến lượt chúng tôi. Hóa ra mục tiêu từ đầu tới giờ vẫn chính là chúng tôi. Lạy Chúa, lẽ nào hắn thực sự định… anh biết đấy?”

“Mẹ hắn có đang ở cạnh cô không?”

“Có. Nói cho tôi biết hắn sẽ làm gì đi, Harry.”

“Điều đó tôi không biết.”

“Tôi biết là anh không biết, nhưng cứ nói đi.”

Harry ngần ngừ giây lát.

“Thôi được. Nhiều kẻ giết người hàng loạt có động cơ gây án xuất phát từ sự căm ghét bản thân. Vụ thứ năm sẽ là vụ án cuối cùng, vụ án khép lại tất cả, vì vậy hoàn toàn có khả năng hắn đang âm mưu giết người thân sinh ra hắn. Hoặc chính hắn. Hoặc cả hai. Việc đó không liên quan gì đến mối quan hệ giữa hắn với bà mẹ, mà là giữa hắn với chính mình. Dù sao đi nữa, việc lựa chọn địa điểm gây án đúng là rất logic.”

Đầu dây bên kia im lặng.

“Cô vẫn nghe đây chứ, Beate?”

“Vâng, tôi vẫn nghe. Từ bé đến lớn, hắn phải sống với danh phận con trai một người Đức.”

"Ai cơ?"

"Kẻ đang trên đường tới đây."

Im lặng tiếp.

"Sao Waaler lại đợi một mình ở hành lang?"

"Sao anh hỏi thế?"

"Vì quy trình thông thường yêu cầu cả hai người cùng phối hợp bắt giữ hắn. Như thế sẽ an toàn hơn là để cô ngồi lại trong bếp."

"Có thể," Beate nói. "Tôi không có nhiều kinh nghiệm thực chiến kiểu này lắm. Anh ta chắc chắn phải biết rõ mình đang làm cái gì."

"Ừ," Harry nói.

Một vài ý nghĩ chợt lướt qua tâm trí anh. Những điều anh đang cố gạt đi.

"Có chuyện gì không ổn sao, Harry?"

"Ừ," anh đáp. "Tôi hết thuốc lá rồi."

THỨ BẢY



chìm nghỉm

Harry cất điện thoại vào túi áo khoác rồi ngả người ra sofa. Đội Pháp y có thể sẽ khó chịu, nhưng thực tình ở đây cũng chẳng có nhiều manh mối để mà phá hủy được. Rõ ràng hung thủ đã dọn dẹp sạch sẽ hiện trường sau khi gây án, hệt như những vụ khác. Harry thậm chí còn ngửi thấy mùi xà phòng thơm thoang thoảng khi áp mặt xuống sàn để kiểm tra mấy cục màu đen mà lúc mới nhìn qua anh tưởng là cao su bị đốt cháy trên vải sơn lót sàn nhà.

Một khuôn mặt hiện ra ở ngưỡng cửa.

“Bjørn Holm, Phòng Giám định Pháp y.”

“Tốt,” Harry nói. “Cậu có thuốc lá không?”

Anh đứng dậy và đi ra đứng ở cửa sổ để Holm cùng đồng nghiệp bắt tay vào việc. Ráng chiều chiếu xiên nhuộm vàng mặt trước những ngôi nhà, góc phố lẫn tàng cây ở Kampen và lan tới Tøyen. Trong những buổi tối như thế này, Harry không biết trên đời có thành phố nào đẹp hơn Oslo nữa không. Chắc chắn phải có chứ, chỉ là anh không biết thôi.

"Các cậu kiểm tra giúp tôi xem mấy cục đen đen kia là gì."

Harry trỏ xuống sàn.

"Được," Holm nói.

Harry cảm thấy chóng mặt. Anh đã hút một lèo tám điếu thuốc. Nó giúp anh kiềm chế cơn khát. Kiềm chế thôi chứ không hoàn toàn xua tan được. Anh nhìn chằm chằm ngón tay cái. Có thể nó bị cắt bằng kìm. Được phết sơn và keo dán. Búa và đục dùng để khắc ngôi sao năm cánh phía bên trên cánh cửa. Lần này hung thủ mang theo kha khá đồ nghề đây.

Anh đã hiểu được ý nghĩa của ngôi sao năm cánh. Và cả ngón tay. Nhưng tại sao lại phải dùng đến keo dán?

"Trông có vẻ giống cao su nóng chảy," Holm nói. Cậu ta ngồi chồm hỗm trên sàn.

"Làm thế nào để khiến cao su chảy ra?" Harry hỏi.

"Châm lửa đốt. Hoặc dùng bàn ủi điện. Hoặc súng nhiệt."

Holm nhún vai.

"Cao su nóng chảy có tác dụng gì?"

"Làm cao su lưu hóa," người đồng nghiệp nói. "Dùng để sửa chữa các vật dụng hoặc ngăn chúng thấm nước. Như lốp xe hơi chẳng hạn. Hoặc để bít những vật cần kín hơi. Đại loại thế."

"Thế còn chỗ cao su kia?"

"Cái đó thì tôi chịu. Xin lỗi nhé."

"Cảm ơn cậu."

Ngón cái đang chỉ lên trần phòng. Phải chi nó có thể chỉ cho mình biết đáp án của mật mã, Harry nghĩ thầm. Đây rõ ràng là mật mã. Họ đã bị hung thủ xỏ mũi và dắt đi cứ như mấy con vật ngu ngốc, vì thế mật mã này chắc

chắn cũng phải có lời giải. Một lời giải thuộc loại đơn giản thôi nếu như nó được dành cho những tên ngốc có trí tuệ ở mức trung bình giống như anh.

Anh trân trối nhìn ngón tay. Chỉ lên trên. OK. Nghĩa là "Đã rõ". Đã hiểu thông điệp.

Ánh tà dương vẫn đang rọi vào phòng.

Harry rít mạnh điếu thuốc. Nicotine lan đi trong huyết quản của anh, len qua những mao mạch chật hẹp từ hai lá phổi và chạy ngược lên trên. Người đầy chất độc, sức khỏe xuống dốc, bị thao túng nhưng được trao đủ dữ kiện. Mẹ kiếp!

Toàn thân Harry rung lên trong con ho dữ dội.

Hắn chỉ lên trần. Cửa phòng 406. Trần của tầng bốn. Dĩ nhiên rồi. Ngu. Quá ngu.

Harry xoay chìa khóa, mở cửa và tìm thấy công tắc đèn trên tường. Anh bước vào trong. Căn phòng áp mái khá cao và thoáng đãng dù không có bất kỳ cửa sổ nào. Những kho chứa đồ được đánh số, mỗi kho rộng hai mét vuông, nằm kề bên nhau dọc theo bốn bức tường. Đồ đạc chất đống đằng sau những tấm lưới mắt cáo trong quá trình chuyển giao từ chủ sở hữu tới xe rác: những tấm đệm thủng lỗ chỗ, đồ nội thất lỗi thời, hộp các tông đựng quần áo, đồ điện vẫn còn dùng được nên chưa thể vứt đi.

"Chả khác gì hỏa ngục," Falkeid lẩm bẩm khi cùng hai sĩ quan Đặc nhiệm bước vào.

Harry nghĩ, hình ảnh so sánh ấy quả là chính xác. Ngoài kia mặt trời

dù xuống thấp và đang dần lụi tắt khi ngả về Tây, nhưng nó đã dành cả ngày để thiêu đốt những ô ngói lợp mái mà từ đó hơi nóng hầm hập tỏa ra không khác gì máy sưởi tích nhiệt và biến căn phòng áp mái thành một phòng tắm hơi đúng chuẩn.

"Có vẻ kho chứa đồ của phòng 406 nằm ở hướng này," Harry nói và đi sang phải.

"Sao anh lại chắc chắn cậu ta đang ở trong căn phòng này?"

"À, vì chính hung thủ đã chỉ ra một sự thật hiển nhiên là tầng năm nằm trên tầng bốn. Trong trường hợp này là tầng áp mái."

"Chỉ ra ư?"

"Đại loại như đuổi hình bắt chữ ấy mà."

"Tuyệt đối không thể có xác chết trên này được, anh biết chứ?"

"Sao lại thế?"

"Hôm qua chúng tôi đã cho chó nghiệp vụ lên đây kiểm tra. Một xác chết nằm đây suốt bốn tuần, trong cái nóng nhu thế này… Nếu coi cơ quan khứu giác của loài chó là cơ quan thính giác của con người thì việc tìm xác chẳng khác nào tìm tiếng còi hụ ở trong đây. Con chó dù có kém cỏi đến mấy đi nữa cũng không thể không phát hiện ra. Mà con hôm qua là con giỏi nhất rồi đấy."

"Thế nếu cái xác bị bọc trong một thứ ngăn không cho mùi thoát ra thì sao?"

"Các phân tử khí chuyển động với tốc độ nhanh và có thể đi qua ngay cả lỗ hổng có kích thước siêu vi. Không thể nào có chuyện…"

"Cao su lưu hóa," Harry nói.

"Gì cơ?"

Harry dừng lại trước một trong mấy kho chứa đồ. Hai sĩ quan mặc đồng phục lập tức vào vị trí cùng với hai thanh xà beng.

“Ta thử cách này trước nhé, các cậu.”

Harry đung đưa trước mặt họ chùm chìa khóa có móc treo hình đầu lâu.

Chiếc chìa nhỏ nhất tra vừa ổ.

“Để tôi vào một mình,” Harry nói. “Mấy cậu bên Pháp y không thích hiện trường bị giày xéo đâu.”

Anh mượn chiếc đèn pin và đúng trước một tủ quần áo cao lớn màu trắng có cửa đôi, cái tủ choán gần hết không gian bên trong kho. Anh đặt những ngón tay lên tay nắm và chuẩn bị tinh thần trước khi giật cửa mở. Mùi quần áo ẩm mốc, bụi bặm và mùi gỗ xộc vào mũi anh. Anh bật đèn pin lên. Có đến ba thế hệ vét màu xanh dương xếp thành hàng trên thanh treo quần áo, chắc là đồ gia truyền của Marius. Harry rọi đèn vào bên trong và đưa tay vuốt lớp vải. Vải len thô. Một trong mấy bộ đó được phủ một lớp nylon mỏng. Bên trong lớp nylon là một chiếc túi màu xám đựng vét.

Harry đóng cửa tủ lại và hướng về bức tường phía cuối kho, ở đó có hai tấm rèm - trông có vẻ giống đồ tự may - đang phủ lên giá treo quần áo. Harry kéo rèm ra. Một hàm răng nhỏ sắc lẻm của loài thú săn mồi hằm hè nhe về phía anh trong câm lặng. Những phần còn lại của bộ lông giờ đã ngả sang màu xám xịt, cặp mắt nâu tròn như bi ve cần được đánh bóng lại.

“Một con chồn mactet,” Falkeid nói.

“Ừm.”

Harry đưa mắt nhìn quanh. Không có nhiều chỗ để mà tìm. Lẽ nào anh thực sự đã nhầm?

Đột nhiên anh nhìn thấy một tấm thảm cuộn tròn. Đó là thảm Ba Tư - hay ít ra là anh đoán thế - và nó đang dựng dựa vào lưới mắt cáo, bằng nửa chiều cao từ sàn đến trần. Harry đẩy một cái ghế mây tới bên tấm thảm, trèo lên ghế rồi chiếu đèn xuống bên trong tấm thảm. Ba sĩ quan cảnh sát đứng ngoài chăm chú nhìn anh, vẻ mặt đầy căng thẳng.

“Được rồi,” Harry nói, trèo xuống khỏi ghế và tắt đèn pin.

“Thế nào?” Falkeid hỏi.

Harry lắc đầu. Một cơn thịnh nộ đột ngột bùng lên và anh giơ chân đạp vào thân tủ quần áo khiến nó lắc lư hệt như vũ công múa bụng. Bầy chó sủa ran. Một ly, một ly thôi, một khoảnh khắc giải thoát khỏi sự tra tấn này. Vừa quay người rời đi thì anh nghe thấy tiếng sột soạt. Như thể có vật gì đó đang trượt xuống một bức tường. Anh lập tức quay ngoắt lại và chỉ kịp nhìn thấy cánh cửa tủ bật mở tung trước khi cái túi đựng vét đổ nhào về phía anh, đẩy anh ngã vật ra sàn.

Harry biết chắc mình đã lịm đi trong một giây, vì khi mở mắt ra, anh đang nằm ngửa và cảm thấy cơn đau nhức nhối phía sau đầu. Anh hít phải đám bụi mù mịt bốc lên từ trên mặt sàn gỗ khô cong. Sức nặng của cái túi đã ép sạch không khí khỏi hai lá phổi của anh, khiến anh tưởng như mình đang chìm nghỉm, bị đè dưới một cái túi nhựa to tướng chúa đầy nước. Anh hoảng hốt đấm mạnh và cảm thấy tay mình chạm phải bề mặt nhẵn nhụi, rồi bên trong có thứ gì đó mềm mại lộ ra.

Harry đờ người, toàn thân bất động. Một cách từ từ, anh cố gắng điều chỉnh tầm nhìn, dần dần cảm giác chìm nghỉm cũng bắt đầu tan biến. Thay vào đó là cảm giác mình đã bị chết đuối.

Một cặp mắt đờ đẫn đang nhìn anh từ phía sau lớp vải nhựa mỏng màu xám.

Họ đã tìm được Marius Veland rồi.

THỨ BẢY



bắt giữ

Đoàn tàu tốc hành lướt đi trên đường ray bên ngoài, con tàu trắng bạc óng ánh lặng thinh như một con gió thổi từng hồi. Beate quan sát Olaug Sivertsen. Bà cụ đang thẳng đầu nhìn ra ngoài cửa sổ, liên tục chớp mắt. Đôi tay nhăn nheo gân guốc đặt trên bàn ăn trông như bức tranh toàn cảnh vùng quê nhìn từ trên cao xuống. Những nếp nhăn là thung lũng trải dài, mạch máu xanh đen là dòng sông và các đốt ngón tay chẳng khác nào những ngọn núi với lớp da căng ra trên đó là những căn lều vải màu trắng xám. Beate nhìn xuống tay mình. Cô nghĩ đến những điều bàn tay con người có thể làm được trong cuộc đời. Và cả những điều chúng không thể. Hay dù cố gắng cũng không thể làm được.

Lúc hai mươi mốt giờ năm mươi sáu phút, Beate nghe thấy tiếng mở cổng và tiếng chân bước trên lối đi rải sỏi ở bên ngoài.

Cô đứng dậy, tim đập vừa nhanh vừa nhẹ bang như bộ đếm Geiger.

"Nó về đấy," Olaug nói.

“Bà chắc chứ ạ?”

Olaug nở nụ cười u sầu. “Bà đã nghe tiếng chân nó trên lối đi từ hồi nó còn bé xíu. Khi nó đủ lớn để đi chơi vào buổi tối, bà thường bị tỉnh giấc khi nghe tới tiếng bước chân thứ hai của nó. Nó luôn bước mười hai bước. Cứ đếm là biết.”

Waaler đột ngột xuất hiện ở cửa bếp.

“Có người đang tới,” anh ta nói. “Tôi muốn hai người ở yên trong này. Dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Được chứ?”

“Anh ta đấy,” Beate nói, hất đầu về phía Olaug.

Waaler gật nhanh một cái. Sau đó anh ta lại đi mất.

Beate áp tay lên tay bà cụ.

“Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi bà ạ,” cô nói.

“Rồi các cháu sẽ thấy đây là một sai lầm,” Olaug nói, không nhìn vào mắt cô.

Mười một, mười hai. Beate nghe thấy tiếng cửa mở ở hành lang.

Sau đó cô nghe tiếng Waaler la lên, “Cảnh sát đây! Thẻ của tôi ở trên sàn trước mặt anh. Bỏ súng xuống, không tôi bắn!”

Cô cảm thấy bàn tay Olaug giật nẩy.

“Cảnh sát đây! Bỏ súng xuống, nếu không tôi buộc phải bắn đấy!”

Anh ta cần gì phải hét to thế nhỉ? Hai người chỉ cách nhau năm, sáu mét là cùng.

“Cảnh cáo lần cuối!” Waaler hét.

Beate đứng dậy, rút khẩu súng lục cất trong bao đeo vắt qua vai.

“Beate…” Giọng Olaug run rẩy.

Beate ngước lên, bắt gặp ánh mắt khẩn cầu của bà cụ.

"Bỏ vũ khí xuống! Anh đang chĩa súng vào cảnh sát."

Beate bước bốn bước tới cửa, mở nó ra và đặt chân lên hành lang, súng chĩa thẳng. Tom Waaler đứng trước cô hai mét, lưng quay về phía cô. Ở ngưỡng cửa là một người đàn ông mặc bộ vét màu xám. Một tay anh ta đang xách chiếc va li. Quyết định vừa rồi được đưa ra dựa trên hình dung của Beate về những gì cô sắp được chứng kiến. Chính vì vậy, cảm giác đầu tiên trong cô là ngỡ ngàng.

"Tôi bắn đấy!" Waaler nói lớn.

Beate có thể trông thấy người đàn ông mắt chữ O miệng chữ A đang đứng ngay trước cửa. Waaler vốn đã đẩy vai về phía trước để chuẩn bị cho cú giật khi bóp cò.

"Tom…"

Cô gọi khẽ, nhưng lưng Tom Waaler đột nhiên đờ ra như thể cô vừa bắn anh ta một phát từ phía sau.

"Anh ta làm gì có súng đâu, Tom."

Beate có cảm giác như mình đang xem một bộ phim. Một phân cảnh kỳ quặc khi có người bấm nút dừng và khung hình đứng im, hóa đá; hình ảnh run rẩy, giật cục và thời gian ngừng trôi. Cô chờ nghe tiếng súng nổ, nhưng không có gì cả. Tom Waaler đâu có điên. Không phải theo nghĩa bệnh lý. Anh ta không hề mất khả năng kiểm soát trong những tình huống bột phát. Có lẽ hồi ấy, đó chính là điều khiến cô khiếp sợ hơn cả. Sự bình tĩnh đến lạnh lùng khi anh ta hành hạ cô.

"Dù sao cô cũng ở đây rồi…" cuối cùng Waaler cũng lên tiếng. Giọng nói có vẻ như đang cố kiềm chế. "… có lẽ cô nên còng tay tù nhân của

chúng ta lại.”

THỨ BẢY



“có người để ghét, chẳng phải tuyệt lắm sao?”

Lúc gần nửa đêm, Bjarne Møller lần thứ hai đối diện với đám nhà báo tụ tập trước cổng vào Sở Cảnh sát. Chỉ những ngôi sao sáng nhất mới đủ sức chiếu xuyên qua màn khí nóng mờ ảo đang phủ khắp Oslo, vậy nhưng Møller vẫn phải giơ tay che đi ánh đèn flash và đèn chụp ảnh. Những câu hỏi ngắn và đột ngột như dao đâm tới tấp trút xuống đầu ông.

“Từng người hỏi một,” Møller nói, chỉ vào một cánh tay đang giơ lên. “Và làm ơn xưng danh.”

“Roger Gjendem, *Aftenposten.* Sven Sivertsen đã nhận tội chưa?”

“Lúc này nghi phạm đang được thẩm vấn bởi người đứng đầu cuộc điều tra, thanh tra Tom Waaler. Chừng nào những cuộc thẩm vấn còn chưa kết thúc, tôi không thể trả lời câu hỏi của anh được.”

“Có đúng là cảnh sát đã tìm thấy vũ khí và kim cương trong va li của Sivertsen không? Và những viên kim cương đó giống hệt như những viên được phát hiện trên thi thể các nạn nhân?”

"Tôi có thể xác nhận đó là thông tin chính xác. Vâng, mời người ở đằng kia."

Một giọng phụ nữ cất lên. "Trước đó trong buổi tối nay ông nói rằng Sven Sivertsen sống tại Praha, và tôi đã tìm được địa chỉ chính xác của hắn. Đó là một nhà trọ, nhưng họ nói hắn đã rời bỏ căn nhà này từ hơn một năm trước và dường như không một ai biết hắn đang sống ở đâu. Cảnh sát có biết không?"

Những phóng viên khác thi nhau ghi chép trong khi Møller còn chưa trả lời.

"Hiện tại thì chưa."

"Tôi đã tìm cách nói chuyện với vài người sống tại đó," người phụ nữ nói bằng giọng không giấu được niềm tự hào. "Họ kể rằng Sven Sivertsen có một cô bạn gái trẻ. Họ không biết tên cô ta, nhưng có người bảo hình như cô ta là gái điếm. Các ông có biết điều này không?"

"Giờ chúng tôi mới biết," Møller nói. "Nhưng chúng tôi rất cảm ơn sự giúp đỡ của cô."

"Cả chúng tôi nữa," ai đó đứng trong đám đông lớn tiếng nói, kéo theo tràng cười thô kệch của toàn bộ đám đàn ông. Người phụ nữ mỉm cười vẻ bối rối.

Một giọng vùng Østfold hỏi, *"Dagbladet.* Mẹ hắn đón nhận chuyện này như thế nào?"

Møller nhìn vào mắt gã nhà báo, ông phải cắn môi dưới để khỏi bật ra tiếng gầm gừ giận dữ.

"Việc đó tôi không thể đưa ra nhận xét. Vâng. Xin mời."

"Dagsavisen. Chúng tôi đang không hiểu làm thế nào thi thể Marius

Veland có thể bị giấu trên tầng áp mái tại ký túc xá của cậu ta suốt bốn tuần, trong mùa hè nóng kỷ lục như thế này, mà không một ai phát hiện ra."

"Chúng tôi vẫn chưa xác định được chính xác thời điểm vụ án này xảy ra, nhưng có vẻ hung thủ đã dùng một loại túi nhựa tương tự như túi đựng vét, sau đó dán kín hơi lại trước khi" - Møller cố tìm từ hợp lý để diễn đạt - "treo lên tủ quần áo trên tầng áp mái của khu ký túc xá."

Tiếng rì rầm nho nhỏ lan khắp đám nhà báo, Møller tự hỏi liệu có phải ông đã tiết lộ quá nhiều chi tiết rồi không.

Roger Gjendem lại hỏi tiếp.

Møller nhìn miệng anh ta cử động, bên tai văng vẳng giai điệu của ca khúc cú lởn vởn trong tâm trí ông. *I Just Called to Say I Love You.* Cô ta đã biểu diễn rất hay trong chương trình *Beat for Beat,* chị gái của Lisbeth, người diễn thay vai chính trong vở nhạc kịch, tên cô ta là gì ấy nhỉ?

"Xin lỗi," Møller nói. "Anh vui lòng nhắc lại câu hỏi được không?"

Harry và Beate ngồi trên bức tường thấp xa xa phía sau đám nhà báo đang xô đẩy lẫn nhau, cùng nhau quan sát và hút thuốc. Beate từng tuyên bố rằng cô chỉ hút thuốc vào những dịp tụ tập và nhón lấy một điếu trong bao thuốc Harry vừa mua.

Bản thân Harry thì lại chẳng hứng thú gì với việc tụ tập cả. Anh chỉ thèm ngủ.

Họ trông thấy Tom Waaler bước ra khỏi cổng chính, mỉm cười trong ánh đèn tán dương nháy sáng lia lịa. Những bóng đen nhún nhảy theo vũ

điệu chiến thắng trên tường của Sở Cảnh sát.

"Giờ thì anh ta nổi tiếng rồi," Beate nói. "Người dẫn dắt cuộc điều tra và đơn thương độc mã bắt giữ tên Sát nhân Giao hàng."

"Hai tay hai súng phải không?" Harry mỉm cười.

"Ừ, hệt như trong phim Viễn Tây. Mà anh nói xem, tại sao lại đi yêu cầu đối tượng buông vũ khí trong khi họ không cầm món gì trên tay?"

"Có thể Waaler muốn nói tới vũ khí Sivertsen đang mang theo. Là tôi, tôi cũng sẽ làm vậy."

"Tất nhiên, nhưng anh có biết chúng tôi tìm thấy súng của hắn ở đâu không? Trong va li."

"Biết đâu Waaler cho rằng Sivertsen là sát thủ mau lẹ nhất Viễn Tây có thể rút súng từ trong va li dựng thẳng đứng thì sao."

Beate bật cười. "Xong việc anh sẽ qua uống ly bia chứ?"

Ánh mắt họ giao nhau và nụ cười của cô bỗng trở nên cứng đờ khi sắc đỏ ửng lan ra trên mặt và cổ cô.

"Tôi không có ý…"

"Không sao. Cô ăn mừng thay cho cả hai ta cũng được, Beate à. Tôi làm xong phần việc của mình rồi."

"Nhưng dù sao, anh vẫn có thể đi cùng mọi người mà?"

"Tôi không nghĩ vậy. Đây là vụ án cuối cùng tôi làm."

Harry búng điếu thuốc, nó bay vèo đi như con đom đóm trong màn đêm.

"Bắt đầu từ tuần sau, tôi sẽ không còn là cảnh sát nữa. Đáng lẽ tôi phải cảm thấy nên ăn mừng mới đúng, nhưng không."

"Sau này anh định làm gì?"

"Một việc gì đó khác." Harry đứng dậy. "Một việc hoàn toàn khác."

Waaler đuổi kịp Harry ở bãi đỗ xe.

"Sao về sớm vậy, Harry?"

"Mệt. Sự nổi tiếng có hương vị thế nào?"

"Chẳng qua chỉ là vài tấm ảnh đăng báo thôi. Chính anh cũng từng trải qua rồi, nên anh biết nó như thế nào mà."

"Nếu anh đang ám chỉ cái lần ở Sydney, thì báo chí đã tô vẽ tôi thành kẻ hiếu chiến chỉ vì tôi bắn chết tên hung thủ đấy. Còn anh thì bắt sống được gã kia. Anh mới là người hùng cảnh sát mà nền dân chủ xã hội muốn có."

"Câu này hình như có mùi mỉa mai xíu xiu nhỉ?"

"Không hề."

"Thôi được. Tôi không quan tâm họ muốn biến ai thành người hùng. Những gì tôi quan tâm chỉ là, nếu điều đó giúp cải thiện hình ảnh của ngành thì họ cứ việc lãng mạn hóa những người như tôi một cách đầy giả tạo cũng chả sao. Cả Sở đều biết lần này ai mới là người hùng thực sự mà."

Harry rút chùm chìa khóa xe và dừng lại đằng trước chiếc Escort trắng của mình.

"Đó là điều tôi muốn nói, Harry. Thay mặt cho tất cả những người đã làm việc cùng anh. Anh mới là người phá được vụ án này, không phải tôi hay bất kỳ ai khác."

"Tôi chỉ đang làm việc của mình thôi, không phải sao."

“Việc của anh, đúng vậy. Đó cũng chính là chuyện tôi từng muốn trao đổi với anh. Chúng ta vào xe ngồi một lát nhé?”

Trong xe có mùi xăng ngòn ngọt. Harry đoán là có bộ phận nào đó bị gỉ nên gây ra lỗ thủng. Waaler khước từ điếu thuốc anh mời.

“Nhiệm vụ đầu tiên dành cho anh đã được thu xếp rồi,” Waaler nói. “Việc này không dễ và không phải không nguy hiểm, nhưng nếu anh hoàn thành được, chúng tôi sẽ chấp thuận để anh trở thành cộng sự chính thức.”

“Nhiệm vụ gì?” Harry hỏi, phả khói vào gương chiếu hậu.

Waaler lướt đầu ngón tay trên những sợi dây điện thò ra khỏi cái hốc trên bảng điều khiển, nơi chiếc radio từng ngự trị.

“Trông Marius Veland thế nào?” anh ta hỏi.

“Sau bốn tuần bị nhét trong túi nhựa, anh nghĩ trông cậu ta thế nào?”

“Cậu ta mới hai mươi tư tuổi, Harry ạ. Hai mươi tư tuổi đầu. Anh còn nhớ ở tuổi ấy anh đã mơ mộng những gì, trông đợi những gì ở cuộc sống không?”

Harry nhớ chứ.

Waaler nở nụ cuối buồn.

“Mùa hè năm tôi hai mươi hai tuổi, tôi đã cùng Geir và Solo làm một chuyến du lịch xuyên châu Âu bằng vé tàu Inter-rail. Cuối cùng bọn tôi đặt chân đến vùng duyên hải Riviera của Italy, nhưng giá phòng khách sạn ở đó quá cao nên ba đứa không đủ tiền thuê. Dù hôm bọn tôi khởi hành, Solo đã vét sạch số tiền có trong ngăn kéo thu ngân ở quầy hàng của bố nó để mang theo. Vậy là cả bọn dựng lều trên bãi biển tá túc qua đêm, lang thang ở đó suốt mấy ngày để ngắm đàn bà con gái, xe hơi và tàu thuyền. Thật lạ là bọn tôi cứ cảm thấy như mình giàu lắm vậy. Vì mới có hai mươi hai tuổi thôi.

Bọn tôi đã nghĩ mọi thứ trên đời đều là của mình, giống như những món quà dưới gốc cây thông Noel chỉ chờ bọn tôi đến lấy. Camilla Loen, Barbara Svendsen, Lisbeth Barli, tất cả bọn họ đều là những người trẻ. Có thể họ còn chưa chạm tới giai đoạn thất vọng nữa, Harry ạ. Có thể họ vẫn còn đang đợi Giáng sinh."

Waaler đưa tay vuốt bảng điều khiển.

"Tôi vừa thẩm vấn Sven Sivertsen xong, Harry ạ. Báo cáo anh đọc sau cũng được, nhưng những gì tôi có thể nói với anh lúc này là mọi chuyện sắp tới sẽ diễn ra như thế nào. Hắn là một con quỷ máu lạnh, mưu mô. Hắn sẽ giả điên, sẽ tìm cách qua mặt bồi thẩm đoàn và gieo vào lòng các chuyên gia tâm lý đủ mối nghi ngờ để họ không dám tống hắn vào tù. Tóm lại, hắn sẽ được chuyển đến bệnh viện tâm thần, ở đó hắn sẽ chứng tỏ cho họ thấy bệnh tình cải thiện vượt bậc để rồi được thả chỉ sau vài năm. Bây giờ người ta làm như thế đấy, Harry. Đó là cách chúng ta xử lý những kẻ rác rưởi nhan nhản quanh mình. Chúng ta không dọn dẹp, cũng chẳng vứt nó đi, chỉ thay đổi vị trí của nó chút ít thôi. Và chúng ta không nhận ra rằng, khi ngôi nhà trở thành hang ổ hôi thối đầy chuột bọ thì đã quá muộn màng. Anh cứ nhìn những quốc gia mà ở đó vấn nạn tội phạm đã ăn sâu bám rễ mà xem. Đáng tiếc thay, chúng ta đang sống ở một đất nước hiện giàu có tới mức đám chính khách chỉ biết lao vào thi thố để xem ai là người từ bi nhất. Chúng ta đã trở nên mềm yếu và tử tế đến nỗi chẳng ai dám đứng ra gánh vác những công việc không lấy gì làm dễ chịu nữa. Anh hiểu chứ?"

"Đến giờ thì vẫn hiểu."

"Đó là lúc cần đến những người như chúng tôi, Harry ạ. Chúng tôi gánh vác trách nhiệm đó. Chúng tôi coi việc của mình là quét cho sạch những thứ mà xã hội không dám nhúng tay vào."

Harry rít mạnh đến nỗi nhăn cả giấy cuốn điếu thuốc.

"Ý anh là sao?" anh hỏi, hít một hơi thuốc.

"Sven Sivertsen," Waaler nói, đảo mắt canh chừng qua cửa sổ. "Kẻ rác rưởi. Anh phải loại bỏ hắn."

Harry gập người ho sặc sụa, đẩy khói thuốc ra khỏi hai lá phổi.

"Đó là những gì các anh làm ư? Vậy còn những việc khác thì sao? Buôn lậu chẳng hạn?"

"Mọi việc chúng tôi làm đều là để có tiền phục vụ cho mục đích đó."

"Cho thánh đường của anh hả?"

Waaler chậm rãi gật đầu. Thế rồi anh ta nhoài người qua chỗ Harry và Harry cảm thấy anh ta vừa bỏ vật gì đó vào túi áo khoác của anh.

"Đây là một ống thuốc," Waaler nói. "Có tên là 'Phước lành của Joseph'. Chúng do KGB phát triển để ám sát các mục tiêu trong thời kỳ chiến tranh Afghanistan, nhưng được biết đến nhiều nhất như một phương thức tự sát của các chiến binh Chechnya khi bị bắt. Loại thuốc này gây ngừng thở, nhưng khác với hydro xyanua, nó không có mùi, cũng chẳng có vị. Ống thuốc có thể đặt vừa trong trực tràng hoặc dưới lưỡi. Nếu hòa nó với nước và cho hắn uống, chỉ vài giây sau hắn sẽ chết. Anh hiểu nhiệm vụ rồi chứ?"

Harry ngồi thẳng dậy. Cơn ho đã qua, nhưng nước mắt anh vẫn còn đó.

"Tức là phải làm sao cho giống tự sát?"

"Những nhân chứng trong khu tạm giam sẽ xác nhận họ đã quên kiểm tra trực tràng của Sivertsen khi tống giam hắn. Mọi chuyện được thu xếp đâu vào đấy cả rồi. Anh khỏi lo."

Harry hít một hơi thật sâu. Hơi xăng bốc lên làm anh thấy nôn nao. Tiếng còi hụ réo inh ỏi rồi tắt lịm ở đằng xa.

"Lúc đó anh đã định bắn hắn, đúng không?"

Waaler không đáp. Harry trông thấy một xe cảnh sát dừng lại trước cổng khu tạm giam.

"Thực ra anh chưa bao giờ muốn bắt sống hắn. Anh cầm hai khẩu súng với mục đích đặt một khẩu vào tay hắn sau khi bắn, để dàn dựng như thể hắn đã đe dọa anh. Anh bắt Beate và bà mẹ ở yên trong bếp, sau đó anh la lớn để về sau họ có thể làm chứng rằng họ đã nghe thấy tiếng anh cảnh cáo, và anh hành động đơn thuần chỉ vì tự vệ. Tiếc rằng Beate lại đi ra hành lang và thế là kế hoạch của anh đổ sông đổ bể."

Waaler thở dài đánh thượt.

"Chúng tôi đang dọn dẹp, Harry ạ. Cũng như việc anh loại bỏ tên sát nhân ở Sydney ấy. Hệ thống pháp luật chẳng được tích sự gì, nó được thiết lập trong một thời kỳ khác, một thời kỳ trong sạch hơn. Và chừng nào điều đó còn chưa thay đổi thì chừng ấy chúng tôi không thể trơ mắt đứng nhìn Oslo rơi vào tay lũ tội phạm. Nhưng những điều này chắc chắn anh cũng biết cả rồi đúng không, vì ngày nào anh chẳng được chứng kiến."

Harry chăm chú nhìn ánh thuốc lập lòe trong bóng tối. Rồi anh gật đầu.

"Tôi hỏi cũng chỉ vì muốn hiểu được bức tranh tổng thể thôi," anh nói.

"Được rồi, Harry, anh nghe đây. Sven Sivertsen bị giam ở phòng số chín của khu tạm giam cho đến hết đêm mai. Nói cách khác là tới sáng thứ Hai. Sau đó hắn sẽ được chuyển đến nhà tù an ninh tại Ullersmo, khi ấy chúng ta sẽ không còn cơ hội tiếp cận hắn. Chìa khóa buồng giam số chín nằm trên bàn lễ tân bên trái. Hạn chót của anh là nửa đêm ngày mai, Harry.

Sau đó tôi sẽ gọi điện đến khu tạm giam để nhận được thông báo Sát nhân Giao hàng đã phải nhận sự trừng phạt thích đáng. Anh hiểu rồi chứ?”

Harry lại gật.

Waaler mỉm cười.

“Anh biết sao không, Harry? Dù tôi mừng vì cuối cùng chúng ta cũng đứng chung một chiến tuyến, nhưng một phần nhỏ trong tôi có chút buồn. Anh biết vì sao không?”

Harry nhún vai. “Vì anh tưởng trên đời có những thứ mà dù có tiền cũng không thể mua được?”

Waaler phá lên cười.

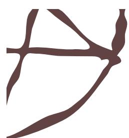
“Được đấy, Harry. Tôi buồn vì cảm thấy mình vừa mất đi một đối thủ giỏi. Chúng ta rất giống nhau. Anh hiểu ý tôi đang nói tới là gì, đúng chứ?”

“‘Có người để ghét, chẳng phải tuyệt lắm sao?’”

“Gì cơ?”

“Michael Krohn. Ban nhạc Raga Rockers.”

“Hai mươi bốn tiếng đồng hồ, Harry ạ. Chúc may mắn.”





PHẦN NĂM



CHỦ NHẬT



chim én

Rakel đứng ngắm mình trước tấm gương trong phòng ngủ. Cửa sổ đang mở để cô có thể nghe thấy khi có tiếng ô tô và tiếng chân bước trên lối đi rải sỏi dẫn vào nhà. Cô đưa mắt nhìn tấm ảnh chụp bố mình đặt trên bàn trang điểm trước gương. Lần nào cũng thế, cô luôn cảm thấy trong ảnh trông ông trẻ trung và chân chất biết chừng nào.

Vẫn như mọi khi, cô cài một chiếc trâm lên để cố định mái tóc vấn. Có nên đổi kiểu khác không nhỉ? Chiếc váy cô đang mặc là của mẹ cô, một chiếc váy bằng vải muslin màu đỏ đã được cô sửa lại đôi chút. Cô hy vọng cách ăn vận của mình không đến nỗi quá cầu kỳ. Hồi cô còn nhỏ, bố cô thường kể cho cô nghe về lần đầu tiên ông nhìn thấy mẹ cô mặc chiếc váy này, câu chuyện huyền diệu tựa cổ tích ấy Rakel nghe hoài mà chẳng bao giờ biết chán.

Rakel tháo chiếc trâm ra rồi khẽ lắc đầu để những lọn tóc sẫm màu rủ xuống ôm lấy khuôn mặt. Chuông cửa réo inh ỏi. Có tiếng chân Oleg chạy trên hành lang. Cô nghe thấy vẻ hồ hởi trong giọng nói của thằng bé và

tiếng cười trầm trầm của Harry. Kiểm tra lại mình trong gương lần cuối, cô có thể cảm nhận được tim mình đang đập rộn ràng hơn. Cô đi ra cửa.

“Mẹ ơi, chú Harry…”

Tiếng gọi của Oleg bỗng lặng đi khi Rakel xuất hiện ở đầu cầu thang. Cô thận trọng bước một bước ở bậc trên cùng - đôi giày cao gót đột nhiên trở nên chao đảo, loạng choạng dưới chân cô - nhưng rồi cô lấy lại được thăng bằng và ngẩng lên. Oleg đang đứng ở chân cầu thang, há hốc miệng nhìn cô đăm đăm. Bên cạnh Oleg là Harry. Đôi mắt anh sáng rực đến nỗi cô có thể cảm nhận được sức nóng tỏa ra từ chúng đang thiêu đốt hai má mình. Trên tay anh đang cầm một bó hoa hồng.

“Mẹ đẹp quá,” Oleg thì thầm.

Rakel nhắm mắt lại. Cửa sổ hai bên đã hạ xuống, làn gió khẽ vờn mái tóc và làn da của cô trong lúc Harry cẩn thận lái chiếc Escort đi qua những khúc cua trên con đường xuống Holmenkollen. Trong xe vẫn còn phảng phất mùi nước vệ sinh nội thất. Rakel lật tấm chắn nắng xuống để kiểm tra son môi và nhận thấy ngay cả tấm gương nhỏ ở bên trong cũng sạch bóng.

Cô mỉm cười nhớ lại ngày đầu tiên họ gặp nhau. Anh đã đề nghị đưa cô đi làm và cô phải xuống giúp anh đẩy xe thì nó mới chịu khởi động.

Thật khó tin khi đến tận bây giờ anh vẫn còn giữ được cái xe cà tàng ấy.

Cô lén quan sát anh qua khóe mắt.

Cả sống mũi cao kia nữa. Cánh môi cong mềm mại, gần như nữ tính,

trái ngược với những đường nét nam tính rắn chắc. Và đôi mắt anh. Anh gần như không có diện mạo ưa nhìn, không đẹp theo kiểu cổ điển. Tuy thế, ở anh… nói thế nào nhỉ… ở anh toát lên một vẻ đẹp rất đời. Rất đời. Sự cuốn hút nằm ở đôi mắt anh. Mà không, không phải đôi mắt. Là thần thái của đôi mắt ấy mới đúng.

Anh quay sang nhìn cô như thể những tâm tư của cô đã bị anh nghe thấu.

Anh mỉm cười. Chính là nó. Nét dịu dàng trẻ thơ trong đôi mắt anh. Tựa như phía sau chúng có một chú bé đang ngồi, cất tiếng cười với cô. Cái cách anh nhìn cô ẩn chứa sự chân thành đáng tin cậy. Một sự thành thật không thể nào vấy bẩn. Trung thực. Chính trực. Đó là cái nhìn khiến người ta có thể tin tưởng. Hoặc muốn tin tưởng.

Rakel mỉm cười đáp lại.

"Em đang nghĩ gì vậy?" anh hỏi, ánh mắt lại hướng về nhìn đường.

"Mấy chuyện linh tinh ấy mà."

Những tuần vừa qua, cô đã có nhiều thời gian suy nghĩ. Đủ để nhận ra Harry chưa bao giờ hứa hẹn những điều anh không thể thực hiện. Anh chưa từng hứa sẽ không suy sụp thêm lần nữa. Chưa từng hứa công việc sẽ không còn là mối quan tâm hàng đầu trong đời anh. Chưa từng hứa mối quan hệ với anh sẽ dễ dàng. Đó chỉ là những điều anh tự hứa với bản thân mà thôi. Giờ cô có thể hiểu ra rồi.

Olav Hole và Sis đang chờ sẵn ở cửa khi xe dừng lại trước ngôi nhà ở Oppsal. Harry đã kể về nó nhiều đến mức đôi lúc Rakel còn tưởng chính mình cũng từng lớn lên trong ngôi nhà nhỏ ấy.

"Chào Oleg," Sis nói, trông rất người lớn và ra dáng đàn chị. "Nhà cô làm món thịt viên đấy."

“Thế ạ?” Oleg sốt ruột đẩy ghế của Rakel từ phía sau để tìm cách xuống xe.

Trên đường về, Rakel ngả đầu ra ghế và nói với anh rằng cô nghĩ anh cũng đẹp trai đấy, nhưng chớ vì thế mà sinh ra tự mãn. Anh đáp mình thấy cô còn đẹp hơn nhiều và cô có thể tự mãn bao nhiêu cũng được. Khi xe leo lên sườn núi Ekeberg, bỏ lại thành phố Oslo bên dưới, cô chợt trông thấy mấy hình chữ V màu đen cắt ngang nền trời dưới kia.

“Chim én đấy,” Harry nói.

“Chúng bay thấp quá,” cô nói. “Như vậy nghĩa là trời sắp mưa đúng không anh?”

“Ừ, dự báo sẽ có mưa.”

“Ồ, tuyệt thật. Có phải vì thế mà chúng bay lượn ngoài trời không, để báo cho mọi người biết?”

“Không đâu,” Harry nói. “Chúng đang làm một việc khác hữu ích hơn nhiều. Chúng đang dọn sạch không trung, loại bỏ lũ côn trùng. Sâu bọ, vân vân.”

“Nhưng sao chúng phải vội vã thế? Trông chúng gần như đang bấn loạn, không phải sao?”

“Đấy là vì chúng không có nhiều thời gian. Lúc này côn trùng đang rời tổ, nhưng khi mặt trời lặn, cuộc săn sâu bọ của bầy én phải kết thúc.”

“Sẽ kết thúc, ý anh là vậy hả?”

Cô quay sang phía anh. Anh đang nhìn thẳng về phía trước, chìm đắm trong suy tư.

“Harry?”

“Ừ. Xin lỗi em,” anh nói. “Vừa rồi anh mải nghĩ linh tinh.”

Khán giả đến xem kịch đã đứng túm tụm trên quảng trường được lắp mái che phía trước Nhà hát Quốc gia. Những người nổi tiếng đang chuyện trò cùng nhau, trong lúc đám nhà báo lăng xăng khắp nơi, máy ảnh không ngừng tác nghiệp. Ngoài mấy tin đồn về mối tình của cặp đôi nào đó trong hè này, chủ đề chính cho mọi người bàn tán vẫn y hệt: vụ bắt giữ tên Sát nhân Giao hàng ngày hôm qua.

Bàn tay Harry khẽ đặt lên eo Rakel khi cả hai vội vã tiến về phía cổng vào. Cô có thể cảm nhận được sức nóng từ những đầu ngón tay anh truyền đến qua lớp vải mỏng. Một khuôn mặt bỗng hiện ra chặn đường họ.

"Roger Gjendem của tờ *Aftenposten.* Xin lỗi đã làm phiền anh chị, nhưng chúng tôi đang tiến hành khảo sát ý kiến khán giả về cuộc bắt giữ hung thủ bắt cóc nữ diễn viên được chọn đóng vai chính trong vở kịch tối nay."

Họ dừng lại và Rakel nhận thấy bàn tay đặt trên lưng mình đột nhiên không còn ở đó nữa.

Nụ cười cứng đơ vẫn ngự trên khuôn mặt gã nhà báo, nhưng cặp mắt gã đang đảo láo liên.

"Chúng ta từng gặp nhau rồi, thưa thanh tra Hole. Tôi phụ trách chuyên mục hình sự. Anh và tôi có nói chuyện một vài lần lúc anh về nước sau khi phá xong vụ án ở Sydney. Anh từng bảo tôi là nhà báo duy nhất trích dẫn nguyên văn lời anh. Giờ anh nhớ ra tôi rồi chứ?"

Harry trầm ngâm quan sát khuôn mặt Roger Gjendem và gật đầu.

"Ừm. Giờ thôi mục hình sự rồi à?"

“Ấy không, không!” Gã nhà báo lắc đầu quầy quậy. “Thiếu người nên tôi làm tạm thôi. Đang kỳ quốc lễ mà. Có thể cho tôi một lời nhận xét từ phía thanh tra cảnh sát Harry Hole được không?”

“Không.”

“Không ư? Vài từ thôi cũng không được sao?”

“Ý tôi là, không, tôi không phải cảnh sát,” Harry nói.

Gã nhà báo tỏ vẻ sửng sốt.

“Nhưng tôi đã thấy anh…”

Harry liếc nhìn nhanh xung quanh rồi rướn người tới trước.

“Anh có danh thiếp không?”

“Có…”

Gjendem đưa cho anh tấm danh thiếp màu trắng có in tên tờ báo *Aftenposten* bằng phông chữ Gothic màu xanh dương, Harry cất nó vào túi quần sau.

“Hạn nộp bài là mười một giờ.”

“Để xem,” Harry nói.

Roger Gjendem sững lại với vẻ mặt bối rối trong lúc Rakel bước lên bậc tam cấp cùng với những ngón tay ấm áp của Harry trở về vị trí cũ.

Một người đàn ông râu ria xồm xoàm đang đứng ở cổng nhà hát mỉm cười với họ qua làn nước mắt. Rakel nhận ra khuôn mặt ấy qua những bài báo đã đọc. Ông ta là Wilhelm Barli.

“Thấy hai người cùng đến dự thế này tôi mừng lắm,” ông ta oang oang nói và dang rộng vòng tay. Harry ngần ngừ giây lát, nhưng cuối cùng vẫn không thoát.

“Hẳn cô là Rakel.”

Wilhelm Barli nháy mắt với cô qua vai Harry trong lúc ôm lấy anh chàng cảnh sát cao nghều như thể con gấu bông thất lạc ông ta vừa mới tìm lại được.

“Chuyện vừa rồi là sao?” Rakel hỏi khi họ tìm thấy chỗ ngồi ở hàng ghế thứ tư.

“Cách biểu lộ tình cảm giữa đàn ông với nhau,” Harry nói. “Ông ta là dân nghệ sĩ mà.”

“Không phải điều đó. Mà là chuyện anh bảo mình không làm cảnh sát nữa kìa.”

“Hôm qua là ngày làm việc cuối cùng của anh với tư cách cảnh sát rồi.”

Cô nhìn anh chằm chằm. “Sao anh không nói gì với em?”

“Anh có nói rồi đấy chứ. Cái hôm ở trong vườn ấy.”

“Thế bây giờ anh sẽ làm gì?”

“Làm việc khác.”

“Việc gì?”

“Một việc hoàn toàn khác. Có người bạn ngỏ lời mời anh và anh đã đồng ý. Hy vọng sắp tới anh sẽ có khoảng thời gian dễ chịu hơn. Anh sẽ kể cho em nghe chuyện đó sau.”

Rèm được kéo lên.

Tiếng vỗ tay vang lên như sấm khi rèm hạ xuống và vẫn tiếp tục kéo dài đến gần mười phút với độ cuồng nhiệt không hề giảm.

Dàn diễn viên đã lui vào rồi lại trở ra theo đội hình thay đổi liên tục, cho tới khi những kiểu chào đã tập dượt đều được đem ra dùng hết và họ chỉ còn biết đứng yên đón nhận tràng vỗ tay của khán giả. Những tiếng "Bravo" vang vọng bốn bề mỗi lần Toya Harang bước lên cúi chào, và cuối cùng, bất kỳ ai có tham gia đóng góp cho vở kịch dù ít hay nhiều cũng được gọi lên sân khấu, Wilhelm Barli ôm ghì lấy Toya, cả diễn viên lẫn khán giả đều nước mắt giàn giụa.

Đến Rakel cũng phải rút khăn mùi soa ra trong lúc siết chặt lấy bàn tay Harry.

"Trông hai người lạ lắm," Oleg nói vọng lên từ ghế sau. "Đang có chuyện bất thường hay sao?"

Rakel và Harry đồng loạt ngoái lại nhìn.

"Hai người lại làm bạn với nhau rồi à? Có phải thế không ạ?"

Rakel mỉm cười. "Bọn mẹ đã bao giờ nghỉ chơi đâu, Oleg."

"Chú Harry?"

"Dạ, sếp?" Harry nhìn cậu nhóc qua gương.

"Thế nghĩa là sắp tới chú cháu mình lại được đi xem phim phải không ạ? Phim dành cho con trai ấy?"

"Có thể. Nếu đó là một bộ phim dành cho con trai ổn."

"Ô, hay nhỉ," Rakel nói. "Thế tôi thì tính sao đây?"

"Mẹ có thể chơi cùng ông Olav và cô Sis," Oleg hào hứng nói. "Vui cực mẹ ạ. Ông Olav còn dạy con chơi cờ nữa."

Harry đánh xe lên lối xe ra vào và dừng lại trước nhà. Anh vẫn để máy chạy. Rakel đưa Oleg chìa khóa nhà và mở cửa cho thằng bé ra trước. Hai người nhìn theo nó băng băng chạy trên lối đi rải sỏi.

"Trời đất, thằng bé lớn quá rồi," Harry nói.

Rakel tựa đầu vào vai Harry. "Anh có vào không?"

"Bây giờ thì không được rồi. Anh còn một việc cuối cùng cần giải quyết ở cơ quan."

Cô đưa tay vuốt má anh. "Sau đó anh quay lại cũng được. Nếu anh muốn."

"Ừm. Nhưng em đã suy nghĩ kỹ chưa, Rakel?"

Cô thở dài, nhắm mắt lại, đầu hơi ngả lên vai anh.

"Chưa. Và rồi. Việc đó hơi giống như nhảy ra khỏi căn nhà đang bốc cháy vậy. Thà rơi xuống còn hơn bị bỏng."

"Ít nhất là cho tới khi em chạm đất."

"Đến giờ em đã nhận ra rằng rơi và sống có những điểm tương đồng nhất định. Thứ nhất, cả hai đều là trạng thái tồn tại tạm thời."

Hai người ngồi đó lặng lẽ nhìn nhau, lắng nghe tiếng động cơ ầm ì khi trầm khi bổng. Thế rồi Harry đưa ngón tay nhẹ nâng cằm cô lên và hôn cô. Cô có cảm giác mình đang mất dần khả năng tự chủ, sự cân bằng và điềm tĩnh, chỉ có một thứ duy nhất để cô có thể bấu víu, và anh khiến cô cảm thấy vừa như bị thiêu đốt vừa như đang bị rơi.

Cô không rõ nụ hôn kéo dài bao lâu khi anh nhẹ nhàng tách mình ra khỏi vòng tay cô.

"Em sẽ để ngỏ cửa," cô khẽ thì thầm.

Lẽ ra cô phải biết đó là việc làm ngốc nghếch.

Lẽ ra cô phải biết đó là việc làm nguy hiểm.

Nhưng mấy tuần qua cô đã nghĩ quá nhiều rồi. Giờ cô không muốn nghĩ ngợi thêm gì nữa.

ĐÊM CHỦ NHẬT



phước lành của joseph

Lúc này, bãi xe bên ngoài khu tạm giam gần như không còn xe và cũng chẳng có người.

Harry vặn chìa khóa, động cơ nấc lên tựa như người sắp chết rồi tắt ngúm.

Anh xem đồng hồ đeo tay: hai mươi ba giờ mười phút. Còn năm mươi phút nữa.

Tiếng chân anh dội lại trên những bức tường gạch bên ngoài do Telje, Torp và Aasen xây nên.

Harry hít thở sâu hai lần trước khi bước vào.

Tại khu lễ tân không có ai ngồi, căn phòng tĩnh lặng tuyệt đối. Anh phát hiện bên phải có động tĩnh. Lưng một chiếc ghế đang chậm rãi xoay tròn trong phòng trực ban. Harry nhác thấy một khuôn mặt nhìn nghiêng, vết sẹo màu đỏ bầm chạy dài như dòng lệ đang trân trối nhìn anh đầy vô cảm. Thế rồi chiếc ghế trở lại vị trí ban đầu và quay lưng về phía anh.

Groth. Ông ta trực một mình. Lạ thật. Mà cũng có thể không.

Harry tìm thấy chìa khóa buồng giam số chín ở phía sau bàn lễ tân bên trái. Sau đó anh đi vào khu giam giữ. Có những tiếng nói vọng ra từ phòng quản giáo, nhưng buồng giam số chín lại nằm ở vị trí rất thuận lại, anh không cần phải đi qua phòng quản giáo để đến được đó.

Harry tra chìa vào ổ khóa rồi xoay. Anh chờ khoảng một giây và có thể nghe thấy tiếng động phát ra từ bên trong. Rồi anh kéo cửa mở.

Người đàn ông đang ngước lên nhìn anh chằm chằm từ trên chiếc giường tầng trông không giống một kẻ giết người. Harry biết điều đó chẳng nói lên được gì. Đôi khi có thể dễ dàng trông mặt mà bắt hình dong chúng, nhưng đôi khi lại không.

Người này có ngoại hình ưa nhìn, ăn mặc gọn gàng, vóc người rắn chắc, tóc ngắn sẫm màu và cặp mắt xanh dương một thời có thể giống cặp mắt bà mẹ nhưng theo năm tháng, chúng đã trở về với đúng bản chất con người y. Harry mới chớm bốn mươi, còn Sven Sivertsen đã ngoài năm mươi, ấy thế mà anh tin rằng hầu hết người ngoài nhìn vào chắc sẽ nghĩ ngược lại.

Không hiểu sao Sivertsen lại đang mặc áo khoác và quần túi hộp màu đỏ dành cho phạm nhân.

“Chào anh, Sivertsen. Tôi là thanh tra Hole. Anh vui lòng đứng dậy và quay lưng lại.”

Sivertsen nhướn một bên lông mày. Harry đung đưa chiếc còng tay trước mặt y.

“Theo đúng quy định.”

Sivertsen lặng lẽ đứng dậy, Harry bập còng vào tay y rồi đẩy y ngồi lại

xuống giường.

Trong buồng giam không có ghế ngồi. Hơn nữa cũng không có vật dụng cá nhân nào có thể dùng để gây tổn thương cho bản thân hoặc người khác. Một khi đã vào đây, quyền trừng phạt hoàn toàn nằm trong tay luật pháp. Harry dựa lưng vào tường và rút bao thuốc lá nhăn nhúm trong túi ra.

"Anh làm chuông báo cháy kêu bây giờ," Sivertsen nói. "Chúng cực kỳ nhạy đấy."

Giọng y cao vút đến không ngờ.

"Đúng vậy. Anh đã từng vào đây rồi, phải không?"

Harry châm thuốc, kiễng chân lên tháo nắp đậy chuông báo cháy và gỡ mấy viên pin ra.

"Thế quy định nói sao về việc đó?" Sven Sivertsen nói bằng giọng cạnh khóe.

"Không nhớ. Làm một điếu chứ?"

"Anh đang chơi trò gì vậy? Cớm tốt hả?"

"Không." Harry mỉm cười. "Bọn tôi có quá nhiều bằng chứng định tội anh rồi nên chẳng việc gì phải bày trò diễn kịch. Chẳng việc gì phải xác minh các tình tiết. Chẳng cần đến thi thể Lisbeth Barli. Chẳng cần lời nhận tội. Đơn giản là chúng tôi chẳng cần anh giúp, Sivertsen ạ."

"Thế sao anh còn đến đây?"

"Vì tò mò. Ở đây chúng tôi hay phải xử lý đám sinh vật dưới biển sâu và tôi muốn xem lần này chúng tôi đã câu được con gì."

Sivertsen phá lên cười hô hố.

"Cách ví von thật thú vị, có điều anh phải thất vọng rồi, thanh tra Hole ạ. Nhìn thì tưởng to tát, nhưng tôi e lần này thứ các anh câu được chỉ là một

cái ủng cũ thôi."

"Anh làm ơn nói nhỏ chút."

"Anh sợ có người nghe thấy chúng ta à?"

"Cứ làm theo lời tôi đi. Tôi thấy anh có vẻ hết sức bình tĩnh đối với một kẻ vừa bị bắt vì tội sát hại bốn người đấy."

"Tôi bị oan."

"Ừm. Để tôi tóm tắt lại ngắn gọn tình hình cho anh nghe nhé, Sivertsen. Khi khám xét va li của anh, chúng tôi tìm thấy một viên kim cương đỏ, đó chính xác không phải món vật dụng thường dùng nhưng lại được tìm thấy trên thi thể của một số nạn nhân. Ngoài ra còn một khẩu Česká Zbrojovka, thứ vũ khí tương đối hiếm ở Na Uy, nhưng cùng một loại với hung khí được dùng để sát hại Barbara Svendsen. Theo lời khai của anh, anh đã ở Praha vào những ngày xảy ra án mạng, nhưng chúng tôi đã kiểm tra lại thông tin với các hãng hàng không và hóa ra anh đã bắt chuyến bay tới Oslo trong cả năm ngày này, kể cả ngày hôm qua. Rồi còn bằng chứng ngoại phạm của anh thì sao, anh đã ở đâu vào lúc năm giờ chiều các ngày hôm đó, Sivertsen?"

Sven Sivertsen im lặng không đáp.

"Biết mà. Thế nên đừng có kêu *oan* với tôi, Sivertsen."

"Cứ làm như tôi quan tâm anh nghĩ gì ấy, Hole. Anh còn gì để nói nữa không?"

Lưng vẫn dựa tường, Harry từ từ hạ mình ngồi xổm xuống.

"Còn. Anh có quen Tom Waaler không?"

"Ai cơ?"

Câu hỏi thốt ra rất nhanh. Quá nhanh là đằng khác. Harry kiên nhẫn

đợi, phả khói lên trần nhà. Khuôn mặt Sven Sivertsen toát lên vẻ chán chường tột độ, có điều trước đây Harry đã từng gặp nhiều kẻ sát nhân bề ngoài có vẻ cứng cỏi lắm - nhưng bên trong lại nhũn như con chi chi. Nhưng anh cũng từng phải chạm trán với những loại trơ như đá, vững như đồng từ trong ra ngoài. Anh tự hỏi không biết thực sự tên này rắn đến mức độ nào.

“Không cần phải giả vờ không nhớ tên người đã bắt giữ và hỏi cung anh đâu, Sivertsen. Liệu có phải anh đã biết hắn từ trước rồi?”

Harry nhận thấy một thoáng do dự nhỏ xíu trong mắt Sivertsen.

“Trước đây anh đã từng bị bắt vì tội buôn lậu. Trên khẩu súng được tìm thấy trong va li của anh có dấu vết đặc biệt của một loại máy dùng để mài mòn số series. Vài năm gần đây chúng tôi phát hiện ra dấu vết tương tự có trên những khẩu súng không đăng ký đang xuất hiện ngày càng nhiều ở Oslo. Chúng tôi cho rằng những khẩu súng đó là từ một tổ chức buôn lậu mà ra.”

“Hay đấy.”

“Anh có buôn lậu vũ khí cho Waaler không, Sivertsen?”

“Chúa ơi, cảnh sát các anh mà cũng làm việc đó ư?”

Sven Sivertsen thậm chí không chớp mắt. Thế nhưng, một giọt mồ hôi nhỏ rịn ra từ đường chân tóc dày dặn của y đang từ từ chảy xuống.

“Nóng hả, Sivertsen?”

“Bình thường.”

“Ừm.”

Harry đứng dậy, bước tới chỗ bồn rửa tay và vừa quay lưng về phía Sivertsen, anh vừa lấy ra một chiếc cốc nhựa trắng trong hộp rồi vặn vòi

nước to hết cỡ.

“Anh biết sao không, Sivertsen? Chỉ đến khi một đồng nghiệp kể cho tôi nghe về cái cách Waaler bắt giữ anh thì tôi mới sinh nghi. Rồi tôi nhớ lại phản ứng của Waaler khi tôi báo tin Beate Lønn đã tìm ra anh là hung thủ. Thường ngày hắn là kẻ máu lạnh, nhưng lúc đó mặt hắn bỗng trắng bệch và trong giây lát, hắn gần như chết đứng. Ban đầu tôi tưởng đấy là vì hắn nhận ra chúng tôi đã bị chơi xỏ suốt từ đầu tới giờ và có thể sẽ phải nhận thêm một xác chết nữa. Thế nhưng, khi Lønn nói với tôi về việc Waaler cầm trên tay hai khẩu súng và hắn lớn tiếng cảnh cáo anh không được bắn hắn, thì chân tướng mới lộ rõ. Hắn chấn động như thế không phải vì lo sợ một vụ giết người nữa xảy ra. Mà là vì tôi đã nhắc đến tên anh. Hắn biết anh. Thậm chí anh còn là một trong những người vận chuyển của hắn. Và dĩ nhiên Waaler biết rằng nếu anh bị kết tội giết người thì toàn bộ sự thật sẽ phơi bày. Tất cả những loại súng anh dùng, lý do anh thường xuyên lui tới Oslo, tất cả những đầu mối làm ăn của anh. Thẩm phán thậm chí có thể còn giảm án cho anh nếu anh tình nguyện hợp tác với cảnh sát. Đó là lý do hắn đã định bắn anh.”

“Bắn…”

Harry hứng nước vào cốc rồi quay lại và bước tới chỗ Sven Sivertsen. Anh đặt cốc trên sàn trước mặt y và mở còng cho y. Sivertsen xoa xoa hai cổ tay.

“Uống đi,” Harry nói. “Sau đó anh có thể hút một điếu thuốc trước khi tôi còng anh lại.”

Sven ngần ngừ. Harry nhìn đồng hồ đeo tay. Anh vẫn còn nửa tiếng nữa.

“Uống đi, Sivertsen.”

Sven cầm lấy cốc và ngửa cổ uống cạn, vừa uống vừa cảnh giác nhìn Harry.

Harry đưa một điếu thuốc lên môi, châm lửa rồi chuyển cho Sivertsen.

"Anh không tin tôi phải không?" Harry nói. "Anh đang trông chờ điều ngược lại, rằng Tom Waaler sẽ là người cứu anh thoát khỏi… gọi là gì nhỉ… tình cảnh khó chịu này, phải không? Anh nghĩ hắn sẽ liều mình cứu anh để trả công anh bấy lâu đã cúc cung tận tụy làm giàu cho hắn. Anh nghĩ mình nắm được thóp của hắn như thế, thì cùng lắm vẫn có thể đe dọa bắt hắn phải giúp anh chứ gì."

Harry khẽ lắc đầu. "Tôi tưởng anh là người thông minh, Sivertsen ạ. Tất cả những câu đố anh đưa ra, cái cách anh dàn dựng mọi chuyện, anh luôn đi trước chúng tôi một bước. Tất cả những điều đó khiến tôi cho rằng hung thủ hẳn phải là người biết chính xác chúng tôi sẽ nghĩ gì và làm gì. Nhưng anh thậm chí còn chẳng hiểu nổi bản chất của những con cáo già như Waaler."

"Anh nói đúng," Sivertsen đáp, phả khói lên trần, hai mắt khép hờ. "Tôi không tin anh."

Sivertsen gõ nhẹ điếu thuốc. Tàn thuốc rơi ra ngoài cái cốc nhựa y đang hững bên dưới.

Harry tự hỏi không biết đó có phải dấu hiệu cho thấy tinh thần của y bắt đầu rạn nứt không. Nhưng trước đây anh cũng đã từng thấy những vết rạn tương tự mà vẫn nhầm đấy thôi.

"Anh có biết đài báo trời sắp trở lạnh không?" Harry hỏi.

"Tôi không theo dõi tin tức ở Na Uy." Sivertsen cười khẩy. Có vẻ tên này cứ tưởng mình đã thắng.

“Sẽ có mưa đấy,” Harry nói. “Mà nhân tiện, anh thấy vị nước thế nào?”

“Y như nước bình thường.”

“Vậy là Phước lành của Joseph có tác dụng đúng như mô tả.”

“Phước lành gì?”

“Của Joseph. Không mùi, không vị. Có vẻ anh cũng biết về sản phẩm này nhỉ. Thậm chí có khi anh còn buôn lậu về cho hắn nữa ấy chú. Từ Chechnya qua Praha tới Oslo?” Harry cười khẩy. “Đời thật ngang trái.”

“Anh đang nói cái gì vậy?”

Harry tung một vật lên cao để nó bay về phía Sivertsen, y bắt lấy và chăm chú quan sát.

“Rỗng không mà…” Y ném cho Harry cái nhìn dò hỏi.

“Skål”

“Sao cơ?”

“Lời chúc mừng từ sếp của chúng ta, Tom Waaler.”

Harry phì khói qua đằng mũi trong lúc quan sát Sivertsen.

Trán y vô thức co giật. Yết hầu nâng lên rồi lại hạ xuống. Những ngón tay đột nhiên muốn gãi cằm.

“Với một kẻ bị tình nghi gây ra bốn vụ án mạng, lẽ ra anh phải bị giam trong nhà tù an ninh ở mức cao mới đúng, Sivertsen à. Anh đã nghĩ đến điều đó chưa? Nhưng không, anh chỉ bị tống vào một buồng tạm giam tiêu chuẩn mà bất cứ ai có phù hiệu cảnh sát đều có thể tự do ra vào nếu muốn. Tôi có thể lấy tư cách thanh tra để đưa anh ra ngoài, báo với sĩ quan trực ban rằng tôi đang dẫn anh đi thẩm vấn, ký bừa một chữ rồi cho anh tấm vé máy bay tới Praha. Hay - trong trường hợp này là - tới địa ngục. Anh

nghĩ ai đã sắp xếp để anh bị giam ở đây hả, Sivertsen? Nhân tiện, anh cảm thấy thế nào?"

Sivertsen nuốt khan. Rạn nứt rồi. Vết rạn này lớn đây.

"Anh nói với tôi những điều này để làm gì?" y thì thầm.

Harry nhún vai.

"Waaler rất hạn chế trong việc truyền đạt thông tin cho thuộc hạ, mà anh biết đấy, tính tôi vốn tò mò. Anh có muốn chiêm ngưỡng bức tranh tổng thể giống tôi không, Sivertsen? Hay anh là kiểu người tin rằng mọi sự sẽ được khai sáng khi nào anh xuống mồ? Được thôi. Với trường hợp của tôi thì chỉ có một vấn đề, đó là nếu vậy thì tôi vẫn còn phải đợi khá lâu đấy…"

Sivertsen tái mặt.

"Hút điếu nữa không?" Harry hỏi. "Hay bắt đầu thấy buồn nôn rồi?"

Sivertsen mở miệng, và có vẻ thật đúng lúc, y vội quay ngoắt đầu sang bên. Một tích tắc sau, chất nôn màu vàng bắn tung tóe trên tường gạch. Y ngồi đó thở dốc.

Harry quắc mắt nhìn những giọt bắn lên quần của mình, anh bước tới bồn rửa, xé một đoạn giấy lau rồi xé thêm một đoạn đưa cho Sivertsen. Y lau sạch miệng. Rồi đầu y gục xuống và y vùi mặt vào hai bàn tay. Giọng y ằng ặng nước khi cuối cùng y cũng chịu khai, "Khi bước vào hành lang… tôi đã rất bối rối, nhưng rồi đương nhiên tôi hiểu rằng hắn đang đóng kịch. Hắn nháy mắt với tôi và hất đầu ra sau như muốn ra hiệu những tiếng quát tháo là để che mắt ai đó. Phải mất đến mấy giây tôi mới hiểu ra được tình huống. Hay tình huống theo như tôi tưởng. Tôi tưởng… Tôi tưởng hắn cố làm ra vẻ tôi đang cầm vũ khí, và hắn sẽ có cớ thả tôi đi. Hắn cầm hai khẩu súng. Tôi tưởng một khẩu là dành cho tôi. Để tôi phòng thân trong trường hợp có người trông thấy chúng tôi. Tôi cứ đứng đấy chờ hắn đưa súng cho

mình. Thế rồi mụ đàn bà chết tiệt kia xuất hiện và làm hỏng cả kế hoạch.”

Harry lại ngồi dựa lưng vào tường như cũ.

“Vậy anh thừa nhận anh biết cảnh sát đang truy tìm anh vì có liên quan đến những vụ án Sát nhân Giao hàng?”

Sivertsen lắc đầu.

“Không, không, tôi không phải sát nhân. Tôi tưởng mình bị bắt vì buôn lậu vũ khí. Và kim cương. Tôi biết Waaler là người đứng sau tất cả những việc này và đó là lý do vì sao mọi chuyện lại diễn ra suôn sẻ đến thế. Và vì sao hắn đang cố tìm cách thả tôi. Tôi phải…”

Lại một bãi nôn nữa trên sàn, lần này có màu xanh hơn.

Harry đưa thêm giấy cho y.

Sivertsen bắt đầu nức nở.

“Tôi còn sống được bao lâu nữa?”

“Còn tùy,” Harry nói.

“Tùy vào điều gì?”

Harry dụi điếu thuốc xuống sàn, thò tay vào túi và lấy ra con át chủ bài.

“Anh có nhìn thấy gì đây không?”

Anh giơ lên một viên thuốc màu trắng kẹp giữa ngón cái và ngón trỏ. Sivertsen gật đầu.

“Nếu anh uống viên thuốc này trong vòng mười phút sau khi uống Phước lành của Joseph, anh sẽ có cơ may sống sót. Tôi đã kiếm được nó qua một người bạn sành về thuốc. Chắc anh đang thắc mắc vì sao tôi làm vậy. Ừm, đó là vì tôi muốn thỏa thuận với anh một chuyện. Tôi muốn anh ra làm chứng chống lại Tom Waaler và khai hết những gì anh biết về các phi

vụ buôn lậu vũ khí của hắn.”

“Được, được. Cứ đưa viên thuốc cho tôi.”

“Nhưng liệu tôi có tin được anh không đây, Sivertsen?”

“Tôi thề.”

“Tôi cần một câu trả lời đã được cân nhắc kỹ, Sivertsen. Làm sao tôi biết được anh sẽ không lật kèo ngay khi tôi vừa đi khuất?”

“Gì cơ?”

Harry lại cất viên thuốc vào túi.

“Thời gian đang trôi đấy. Tại sao tôi phải tin anh, Sivertsen nhỉ? Hãy cho tôi một lý do thuyết phục đi.”

“Ngay lúc này ư?”

“Phước lành sẽ khiến anh ngừng thở. Cực kỳ đau đớn, theo lời kể của những người chứng kiến mấy kẻ uống phải chúng.”

Sivertsen chớp mắt hai lần trước khi bắt đầu lên tiếng, “Anh phải tin tôi vì nước đi tiếp theo đó là hoàn toàn hợp lý. Nếu đêm nay tôi không chết, Tom Waaler sẽ biết tôi đã phát hiện ra hắn định trừ khử tôi. Và như thế sẽ chẳng còn đường lui. Hắn sẽ buộc phải loại bỏ tôi trước khi tôi ra tay với hắn. Đơn giản là tôi không còn lựa chọn nào khác.”

“Tốt lắm, Sivertsen. Nói tiếp đi.”

“Ở trong này tôi chẳng có cơ hội sống sót. Đợi đến sáng sớm mai, khi họ tới đưa tôi đi thì tôi đã chết từ lâu rồi. Tôi chỉ có thể toàn mạng nếu Waaler bị lật tẩy và bắt giam càng sớm càng tốt. Và người duy nhất giúp được tôi chính là… anh.”

“Trúng phóc. Xin chúc mừng,” Harry nói và đứng dậy. “Đưa tay ra sau lưng nào, làm ơn.”

"Nhưng…"

"Cứ làm theo lời tôi. Chúng ta phải rời khỏi đây."

"Đưa tôi viên thuốc…"

"Viên thuốc đó gọi là Flunipam và thực sự nó chỉ có tác dụng điều trị chứng mất ngủ thôi."

Sven trố mắt kinh ngạc nhìn Harry.

"Anh…"

Harry sẵn sàng ra đòn. Anh bước sang bên, thụi mạnh một cú vào bụng dưới của y. Sivertsen bật ra tiếng kêu nghe như trái bóng bị xì hơi và cúi gập người.

Harry một tay đỡ y đứng dậy, tay kia khóa còng lại.

"Khỏi lo đi, Sivertsen. Đêm qua tôi đã đổ hết dung dịch trong ống thuốc Waaler đưa xuống bồn rồi. Nếu muốn khiếu nại chất lượng nước, anh cứ việc phản ánh với Sở Cấp nước Oslo."

"Nhưng… tôi…"

Cả hai cùng nhìn xuống bãi nôn.

"Tại anh no bụng đói con mắt đấy mà," Harry nói. "Tôi sẽ không nói với ai đâu."

Lưng chiếc ghế trong phòng trực ban chậm rãi xoay. Một con mắt nhắm hờ hiện ra. Thế rồi nó đột nhiên phản ứng, lớp mí chùng nhão vén lên, để lộ con mắt mở to, trợn trừng. Groth "Mặt Sầu" nhấc tấm thân phì nộn ra khỏi ghế một cách lẹ làng đến không ngờ.

"Cái gì thế này?" ông ta quát.

"Phạm nhân ở buồng giam số chín," Harry hất đầu về phía Sivertsen. "Chúng tôi cần thẩm vấn hắn trên tầng sáu. Tôi phải ký giấy tờ gì thay hắn?"

"Thẩm vấn? Chẳng ai báo với tôi là có thẩm vấn cả."

Mặt Sầu đã đứng lùi lại một quãng ngắn phía sau bàn lễ tân, hai tay khoanh lại, chân giạng ra.

"Theo như tôi biết, chúng tôi không hay báo cho các ông về những việc đó, Groth," Harry nói.

Mặt Sầu bối rối đưa mắt nhìn Harry rồi lại nhìn sang Sivertsen.

"Cứ bình tĩnh," Harry nói. "Chỉ là vài thay đổi nhỏ trong kế hoạch thôi. Phạm nhân không chịu uống thuốc. Chúng tôi sẽ tìm cách khác."

"Tôi chẳng hiểu anh đang nói gì."

"Dĩ nhiên rồi, và nếu không muốn phải nghe càm ràm thêm nữa thì tốt nhất ông đặt sổ đăng xuất lên bàn đi, Groth. Chúng tôi còn nhiều việc phải làm lắm."

Mặt Sầu nhìn anh chằm chằm bằng con mắt buồn thảm trong lúc đưa tay dụi mắt bên kia.

Harry cố gắng thở đều và cầu mong trái tim đang đập thình thịch trong ngực mình không bị nhìn thấu từ bên ngoài. Lúc này đây, toàn bộ kế hoạch của anh có thể sụp đổ hệt như ngôi nhà được dựng nên từ những lá bài mỏng manh vậy. Cách ví von quả là thích hợp. Bộ bài trong tay anh thật tệ. Chẳng có nổi một quân át. Anh chỉ còn biết hy vọng bộ não đang rối ren của Groth sẽ tư duy theo chiều hướng mình mong đợi mà thôi. Sự mong đợi ấy phần nào dựa trên nguyên lý căn bản của Aune, đó là khi lợi ích cá nhân

bị đe dọa, khả năng suy nghĩ sáng suốt của con người sẽ tỷ lệ nghịch với trí thông minh.

Mặt Sầu lầm bầm.

Harry hy vọng như vậy nghĩa là ông ta đã hiểu được vấn đề, nghĩa là rủi ro mà Mặt Sầu phải đối mặt sẽ thấp hơn nếu Harry ký giấy đưa phạm nhân ra ngoài theo đúng quy định. Như thế, về sau ông ta có thể thành thật khai báo với các thanh tra mọi việc y như đã xảy ra. Thay vì có nguy cơ bị phát hiện khi nói dối rằng không có ai ra vào khu tạm giam trong khoảng thời gian phạm nhân ở buồng giam số chín tử vong một cách khó hiểu. Anh hy vọng lúc này đây Groth đang nghĩ anh có thể giúp ông ta trút bỏ gánh nặng chỉ bằng vài nét bút nguệch ngoạc và như thế sẽ tốt hơn. Không có lý do gì để kiểm tra kỹ cả. Dù sao Waaler cũng đã nói giờ tên ngốc này cùng hội cùng thuyền với họ.

Mặt Sầu đằng hắng.

Harry ký tên mình trên đường chấm chấm.

“Đi mau,” anh nói và đẩy Sivertsen một cái.

Không khí ban đêm ở bãi xe bên ngoài khu tạm giam mang lại cho anh cảm giác như thể có một dòng bia mát lạnh đang chảy trong cổ họng.

ĐÊM CHỦ NHẬT



tối hậu thư

Rakel chợt tỉnh giấc.

Vừa rồi cô nghe thấy tiếng cửa chính ở tầng dưới mở ra.

Cô lật người trên giường và nhìn đồng hồ: mười hai giờ bốn mươi lăm phút.

Cô duỗi người rồi nằm im, lắng tai nghe. Cảm giác khoan khoái sau một giấc ngủ ngon nhường chỗ cho niềm háo hức đang dần nhen nhóm. Cô sẽ vờ như đang ngủ khi anh trèo lên giường. Trò này dẫu thật trẻ con nhưng cô vẫn cứ thích chơi. Anh sẽ chỉ nằm đó thở đều. Rồi khi cô trở mình trong giấc ngủ và bàn tay cô làm như vô tình chạm vào bụng anh, cô sẽ nghe thấy tiếng thở của anh trở nên gấp gáp hơn, sâu hơn. Hai người sẽ nằm im đó để xem ai trụ được lâu nhất, như một kiểu thi thố vậy. Và anh sẽ là người đầu hàng trước.

Có thể.

Cô nhắm mắt lại.

Lát sau, cô mở mắt ra lần nữa. Một nỗi sợ dai dẳng đã len lỏi vào tâm trí cô tự bao giờ.

Cô rời khỏi giường, mở cửa phòng ngủ và nghe ngóng.

Không một tiếng động.

Cô bước tới đầu cầu thang.

"Harry?"

Giọng cô nghe có vẻ bất an và điều đó càng khiến cô thêm sợ hãi. Cô cố gắng lấy lại bình tĩnh rồi đi xuống cầu thang.

Không có ai dưới đó cả.

Vậy là cô kết luận rằng cửa ra vào không khóa chắc chưa đóng hẳn hơi và vừa rồi tiếng cửa bật mở do gió thổi đã khiến cô tỉnh giấc.

Khóa cửa xong, cô đi vào bếp ngồi nhâm nhi một ly sữa, lắng nghe tiếng cót két của căn nhà gỗ. Những bức tường cũ kỹ như đang rì rầm trò chuyện.

Đến một rưỡi thì cô đứng lên. Harry hẳn đã về căn hộ của anh rồi. Và anh sẽ chẳng bao giờ biết được lẽ ra đêm nay phần thắng có thể thuộc về anh.

Trên đường về phòng ngủ, một ý nghĩ bất chợt nảy ra khiến cô nhất thời hoảng hốt. Cô quay lại. Rồi thở phào nhẹ nhõm khi từ chỗ đang đứng trước cửa phòng Oleg, cô trông thấy thằng bé đang nằm ngủ trên giường.

Dẫu vậy, một tiếng sau cô lại tỉnh giấc vì gặp phải ác mộng và cứ thế nằm thao thức cả đêm.

Chiếc Ford Escort màu trắng lao đi trong đêm hè chẳng khác nào một cái tàu ngầm cũ kỹ, không ngừng phát ra tiếng ầm ì.

“Phố Økernveien,” Harry lẩm bẩm. “Phố Sons.”

“Gì cơ?” Sivertsen hỏi.

“Tôi đang nhẩm tính.”

“Về chuyện gì?”

“Đi đường nào thì ngắn nhất.”

“Tới đâu?”

“Anh sẽ sớm biết thôi.”

Xe đỗ lại trên một con đường nhỏ một chiều, nơi vài ngôi nhà biệt lập đã dần nhường chỗ cho khu chung cư cao tầng. Harry nhoài người sang chỗ Sivertsen và mở cửa bên ghế phụ. Nhiều năm trước có kẻ đã đột nhập vào trong xe của anh nên cửa bên ghế phụ không còn mở được từ bên ngoài nữa. Rakel đã đem chuyện đó ra bông đùa, về những chiếc ô tô và cá tính của chủ xe. Anh không chắc mình có hiểu được ẩn ý của cô hay không. Harry đi vòng qua đầu xe để sang bên ghế phụ, lôi Sivertsen ra và bảo y đứng quay lưng về phía mình.

“Anh có thuận tay chiêu không?” Harry vừa hỏi vừa tháo còng tay.

“Cái gì?”

“Anh đấm bằng tay nào tốt hơn, trái hay phải?”

“À, ra vậy. Tôi không đấm ai bao giờ.”

“Hay lắm.”

Harry tra một đầu còng vào cổ tay phải của Sivertsen, đầu còn lại bắt vào cổ tay trái của anh. Sivertsen nhìn anh bằng ánh mắt ngạc nhiên.

“Không muốn ông chạy mất, ông già ạ.”

“Cứ chĩa súng vào tôi có phải dễ hơn không?”

“Tất nhiên, nhưng tôi buộc phải ngoan ngoãn giao nộp khẩu súng từ mấy tuần trước rồi. Giờ thì đi thôi.”

Hai người băng qua bãi cỏ, tiến về phía hình bóng của những tòa nhà cao tầng đồ sộ tối đen, sừng sững vươn lên bầu trời đêm.

“Được trở về lãnh địa quen thuộc cũ có thích không?” Harry hỏi khi họ dừng lại trước cổng ký túc xá sinh viên.

Sivertsen nhún vai.

Khi vào trong, Harry bỗng nghe thấy một âm thanh không mong muốn. Những tiếng chân bước trên cầu thang. Anh vội vã đưa mắt nhìn quanh và trông thấy ánh sáng tỏa ra từ ô cửa hình tròn trên cửa thang máy rồi vội bước sang một bên vào trong đó, lôi cả Sivertsen theo. Cái thang máy rung rinh dưới sức nặng của họ.

“Đoán xem chúng ta sẽ lên tầng mấy!” Harry nói.

Sivertsen đảo tròn mắt khi Harry đung đưa trước mặt y chùm chìa khóa có móc hình đầu lâu bằng nhựa.

“Không có tâm trạng chơi đùa hả? Được thôi, vậy đưa chúng ta lên tầng bốn đi.”

Sivertsen nhấn nút tầng bốn và ngẩng lên, chờ thang máy chuyển động. Harry chăm chú quan sát khuôn mặt Sivertsen. Tên này quả là diễn viên đại tài, điều đó anh buộc phải công nhận.

“Cửa lưới,” Harry nói.

“Gì cơ?”

“Thang máy sẽ không chạy nếu cửa lưới không đóng. Anh biết mà.”

“Cái này ấy à?”

Harry gật đầu. Tấm kim loại kêu lạch cạch khi Sivertsen kéo cửa lưới sang phải. Thang máy vẫn không nhúc nhích.

Harry cảm thấy một giọt mồ hôi rịn ra trên trán.

"Kéo hết cỡ đi," Harry nói.

"Như thế này hả?"

"Đừng đóng kịch nữa," Harry nói, nuốt khan. "Phải kéo cửa sang hết cỡ. Nếu nó không chạm vào tiếp điểm trên sàn cạnh khung cửa thì thang máy sẽ không chạy."

Sivertsen mỉm cười.

Harry nắm chặt bàn tay phải.

Thang máy giật một cái, rồi bức tường gạch màu trắng bắt đầu dịch chuyển phía sau cánh cửa lưới sắt đen sì óng ánh. Thang chạy qua một tầng, qua ô cửa tròn, Harry trông thấy phía sau đầu của một người đang xuống tầng dưới. Anh hy vọng người đó là sinh viên. Dù sao thì, Bjørn Holm đã nói với anh rằng Đội Giám định Pháp y đã xong việc ở đây rồi.

"Anh không thích thang máy phải không?"

Harry không đáp, anh chỉ lặng im nhìn bức tường trôi qua.

"Có chút xíu sợ hả?"

Thang máy đột ngột dừng lại và Harry bước sang bên một bước để giữ thăng bằng. Sàn thang máy rung lắc dưới chân họ, bức tường đã hiện ra phía sau ô cửa tròn.

"Anh làm cái trò gì thế hả?" Harry thì thào.

"Người anh ướt đẫm mồ hôi rồi kìa, thanh tra Hole. Tôi cho rằng giờ là lúc thích hợp để nói rõ với anh một chuyện."

"Giờ chả phải lúc thích hợp để làm gì hết. Tránh ra, không thì đừng

trách…”

Sivertsen đã đứng chắn trước dãy nút bấm thang máy, xem chừng không có bất kỳ ý định nhúc nhích nào. Harry giơ bàn tay phải lên. Lúc này anh mới trông thấy nó. Tay trái của Sivertsen đang cầm cái đục. Cái đục có cán màu xanh lục.

“Tôi đã tìm thấy nó trên ghế sau,” Sivertsen nói kèm theo một nụ cười gần như hối lỗi. “Anh nên dọn dẹp vệ sinh xe mình đi. Giờ anh chịu nghe tôi nói rồi chứ.”

Ánh thép lóe lên. Harry cố gắng nghĩ. Cố gắng kiềm chế cơn hốt hoảng.

“Tôi đang nghe đây.”

“Tốt, vì tôi cần anh phải tập trung một chút để lắng nghe những điều tôi sắp nói. Tôi vô tội. Ừ thì đúng là tôi buôn lậu vũ khí và kim cương. Tôi đã làm nghề này từ lâu. Nhưng tôi không giết hại ai cả.”

Sivertsen giơ cái đục lên khi Harry manh nha động thủ. Anh lại hạ tay xuống.

“Đường dây buôn lậu vũ khí phải thông qua một kẻ có biệt danh Hoàng Tử, hay chính là thanh tra Tom Waaler, điều này tôi mới phát hiện ra cách đây ít lâu. Và thậm chí còn thú vị hơn nữa là tôi có thể chứng minh được rằng đó chính là Tom Waaler. Đồng thời, nếu quả thực tôi hiểu đúng tình huống, thì anh phải dựa vào lời khai và bằng chứng của tôi mới có thể tóm được Tom Waaler. Nếu anh không xử hắn thì hắn sẽ xử anh. Đúng chứ?”

Ánh mắt Harry đang dán vào cái đục.

“Hole?”

Anh gật đầu.

Tiếng cười của Sivertsen vang lên the thé, như tiếng cười phụ nữ.

“Thật là một nghịch lý tuyệt vời đúng không Hole? Hai chúng ta, một kẻ buôn lậu vũ khí và một tên cớm, bị ràng buộc với nhau, hoàn toàn dựa vào nhau, ấy thế mà vẫn cứ âm thầm tính cách trừ khử nhau sao?”

“Trên đời không tồn tại nghịch lý thực sự,” Harry nói. “Rốt cuộc anh muốn gì?”

“Tôi muốn,” Sivertsen nói, giơ cái đục lên không trung và chĩa phần cán về phía Harry, “anh tìm ra kẻ đã dàn dựng mọi chuyện để đổ tội giết bốn mạng người cho tôi. Nếu làm được điều đó, anh chỉ việc ngồi chờ mà nhận thủ cấp của Waaler. Có đi có lại mới toại lòng nhau mà.”

Harry trừng mắt nhìn Sivertsen. Chiếc còng của họ cọ vào nhau.

“Được,” Harry nói. “Nhưng việc gì cũng phải theo thứ tự. Trước hết phải tống Waaler vào tù cái đã. Xong xuôi rồi ta mới có thể yên tâm làm việc và tôi mới có thể giúp được anh.”

Sivertsen lắc đầu.

“Tôi hiểu rõ tình hình của mình hiện giờ. Tôi đã dành cả ngày để suy nghĩ về nó, Hole ạ. Thứ duy nhất tôi có thể đem ra thương lượng là bằng chứng chống lại Waaler, và người duy nhất tôi có thể thương lượng là anh. Cảnh sát đã nhận hoa mừng chiến thắng, thế nên sẽ chẳng ai chịu điều tra lại từ đầu để rồi đối diện với nguy cơ khiến thắng lợi thế kỷ trở thành sai lầm thế kỷ cả. Thằng điên đã giết những phụ nữ đó muốn đổ tội cho tôi. Tôi bị oan. Và nếu tôi không được giúp đỡ thì đừng mong minh oan.”

“Anh có biết rằng ngay lúc này đây Tom Waaler và các cộng sự của hắn đang ráo riết săn lùng chúng ta không? Cứ mỗi giờ trôi qua, họ sẽ càng

tới gần hơn. Và khi - khi chứ không phải nếu - họ tìm được chúng ta thì đời chúng ta coi như xong, cả hai ta ấy?"

"Tôi hiểu."

"Vậy sao anh còn mạo hiểm? Cứ cho rằng những gì anh vừa nói về cảnh sát là đúng đi, rằng họ sẽ không đời nào chịu lãng phí thời gian để điều tra lại ấy, vậy hai mươi năm ngồi tù chẳng tốt hơn là mất mạng hay sao?"

"Hai mươi năm tù không còn là lựa chọn của tôi nữa rồi, Hole ạ."

"Vì sao?"

"Vì tôi vừa biết được một chuyện sẽ khiến cuộc đời tôi thay đổi mãi mãi."

"Chuyện gì?"

"Tôi sắp được làm bố, thanh tra Hole ạ."

Harry chớp mắt hai lần.

"Anh nhất định phải tìm được kẻ giết người thực sự trước khi Waaler tìm ra chúng ta, Hole ạ. Đơn giản vậy thôi."

Sivertsen đưa cái đục cho Harry.

"Anh có tin tôi không?"

"Tin," Harry nói dối, nhét cái đục vào túi áo khoác.

Những sợi dây cáp bằng thép rít lên khi thang máy lại bắt đầu chuyển động.

ĐÊM CHỦ NHẬT



chuyện tầm phào thú vị

“Hy vọng anh thích Iggy Pop,” Harry vừa nói vừa còng tay Sven Sivertsen vào máy sưởi đặt dưới cửa sổ phòng 406. “Tạm thời chúng ta chỉ có thể ngắm nhìn mỗi cảnh này thôi.”

“Không đến nỗi quá tệ,” Sven nói, ngước nhìn tấm poster. “Tôi đã xem Iggy và The Stooges biểu diễn ở Berlin. Hồi đó chắc chủ nhân tấm poster này còn chưa chào đời ấy chứ.”

Harry xem đồng hồ đeo tay: một giờ mười phút. Waaler và người của hắn có thể đã lục soát căn hộ của anh trên phố Sofies và giờ đang kiểm tra các khách sạn. Không biết anh và Sivertsen còn trốn được bao lâu nữa. Harry ngồi thụp xuống sofa, đưa hai tay xoa mặt.

Quỷ tha ma bắt Sivertsen!

Kế hoạch lẽ ra rất đơn giản. Chỉ cần tìm một chỗ trú ngụ an toàn rồi gọi điện cho Bjarne Møller và người đứng đầu *Kripos,* để họ nghe lời khai của Sven Sivertsen qua điện thoại. Sau đó cho họ thời hạn ba giờ để bắt giữ

Tom Waaler, nếu không anh sẽ gọi điện đến cơ quan báo chí thông báo tin tức động trời này. Lựa chọn thật đơn giản. Anh và Sivertsen chỉ việc trốn kỹ cho tới khi nhận được tin xác thực Tom Waaler đã vào nhà đá. Tiếp đó Harry sẽ gọi cho Roger Gjendem của tờ *Aftenposten,* bảo anh ta gọi điện cho sếp của *Kripos* để hỏi ông ta có bình luận gì về vụ bắt giữ không. Chỉ đến lúc đó - khi mọi chuyện đã được công khai trước bàn dân thiên hạ - thì Harry và Sivertsen mới bò ra khỏi nơi ẩn náu.

Nhưng chỉ vì Sivertsen và tối hậu thư của y mà mọi chuyện không còn xuôi chèo mát mái nữa rồi.

“Hay là…”

“Đừng cố nữa, Hole.”

Sivertsen thậm chí còn chẳng thèm nhìn anh.

Tên trời đánh!

Harry lại xem đồng hồ đeo tay. Anh biết mình phải chấm dứt hành động đó thôi. Phải tạm quên đi yếu tố thời gian để tập trung suy nghĩ, ổn định tinh thần, tìm cách ứng biến, và cân nhắc các lựa chọn mà tình cảnh này cho phép. Khốn kiếp thật!

“Thôi được rồi,” Harry nói, nhắm mắt lại. “Kể cho tôi nghe mọi chuyện từ phía anh đi.”

Cái còng kêu lanh canh khi Sven Sivertsen nhoài người về phía trước.

Harry đứng bên cửa sổ để ngỏ, vừa hút thuốc vừa lắng nghe giọng nói cao vút của Sven Sivertsen. Y bắt đầu bằng câu chuyện năm y mười bảy tuổi và

lần đầu được gặp bố.

“Mẹ tôi tưởng tôi đang ở Copenhagen, nhưng thực ra tôi đã sang Berlin tìm ông ấy. Ông ấy đang sống tại một biệt thự cực kỳ bề thế có chó canh gác trong khu vực xung quanh công viên Tiergarten, nơi đặt trụ sở đại sứ quán các nước. Tôi đã thuyết phục người làm vườn đưa tôi đến tận cửa chính và rồi tôi nhấn chuông. Khi ông ấy ra mở, tôi tưởng như đang trông thấy bản sao của chính mình. Chúng tôi cứ đứng đó nhìn nhau chằm chằm. Thậm chí tôi không cần phải tự giới thiệu. Cuối cùng, ông ấy bắt đầu khóc và ôm chầm lấy tôi. Tôi ở lại với ông ấy trong bốn tuần. Ông ấy đã kết hôn và có ba người con. Tôi không hỏi ông ấy làm nghề gì và ông ấy cũng không nói. Randi, vợ ông ấy, lúc đó đang điều trị tại một trung tâm điều dưỡng đắt tiền trên núi Alps vì mắc phải một căn bệnh về tim vô phương cứu chữa. Nghe cứ như trong tiểu thuyết tình cảm lãng mạn vậy, và đôi khi tôi cũng thắc mắc có phải vì thế mà ông ấy nghĩ tới chuyện gửi bà ta đến đó hay không. Bố tôi yêu bà ta, điều đó thì không có gì phải nghi ngờ. Hay đúng hơn có lẽ không chỉ yêu mà còn thương. Khi ông ấy kể bà ta đang chết dần chết mòn, tôi nghe mà cứ ngỡ những lời đó xuất phát từ một cuốn tuần san dành cho phụ nữ. Một buổi chiều nọ, có một cô bạn của bà vợ ghé nhà chơi. Chúng tôi ngồi uống trà, bố tôi bảo ông trời đã mang Randi tới cho ông, nhưng vì họ yêu nhau thắm thiết, nồng nàn quá nên ông trời trừng phạt họ bằng cách để cho bà ta ngày một héo hon khi vẫn còn xuân sắc. Ông ấy có thể nói ra điều đó mà không hề đỏ mặt. Đêm đó, trằn trọc mãi mà không ngủ được nên tôi đã xuống nhà lục tủ rượu và bắt gặp bà bạn lén lút chuồn khỏi phòng ngủ của bố tôi.”

Harry gật đầu. Không khí ban đêm dường như lạnh lẽo hơn thì phải, hay đó chỉ là do anh tưởng tượng ra? Sivertsen đổi tư thế.

“Ban ngày chỉ có mỗi mình tôi ở nhà. Bố tôi có hai cô con gái, một đứa mười bốn, đứa kia mười sáu. Bodil và Alice. Trong mắt chúng, tôi dĩ nhiên là anh chàng vô cùng thú vị. Một ông anh cùng cha khác mẹ từ trên trời rơi xuống. Cả hai đều si mê tôi, nhưng tôi chọn Bodil, đứa nhỏ hơn. Một hôm, nó đi học về sớm, tôi đã dẫn nó vào phòng ngủ của bố. Lúc nó đang tháo bỏ ga trải giường dính máu sau khi hành sự thì tôi đuổi nó ra, khóa cửa lại, đưa chìa khóa cho người làm vườn và nhờ ông ta chuyển cho bố tôi. Sáng hôm sau, lúc dùng bữa điểm tâm, bố tôi hỏi tôi có muốn làm việc cho ông ấy không. Tôi đã dấn thân vào con đường buôn lậu kim cương như thế đấy.”

Nói đến đây, Sivertsen im lặng.

“Thời gian không còn nhiều đâu,” Harry nhắc.

“Tôi làm việc ở đầu cầu Oslo. Ngoài một vài sự nhầm lẫn thuở mới vào nghề dẫn đến hai bản án quản thúc tại gia, mọi việc qua tay tôi đều rất suôn sẻ. Biệt tài của tôi là qua cửa an ninh ở sân bay. Việc đó rất dễ. Chỉ cần ăn vận cho ra dáng đức cao vọng trọng và không tỏ ra sợ hãi là được. Mà tôi thì không sợ, tôi chả sợ cóc gì. Tôi từng đeo cổ cồn trắng của linh mục. Dĩ nhiên trò đó quá lộ liễu nên nhân viên hải quan có thể sẽ nghi ngờ ngay, nhưng vấn đề là ở chỗ phải biết cả cung cách đi lại, cách đặt tay, biểu cảm, kiểu tóc, kiểu giày mà linh mục thường chọn. Nếu nắm được những điều này thì anh gần như không bao giờ bị cản trở. Nhân viên hải quan có thể vẫn sẽ nghi ngờ, nhưng lý do để chặn linh mục lại kiểm tra sẽ khắt khe hơn. Nhân viên nào kiểm tra va li của linh mục mà không phát hiện ra bất cứ điều gì trong khi cho qua những tên hippy tóc dài thì chắc chắn sẽ trở thành đối tượng bị khiếu nại. Cơ cấu hải quan cũng giống như bao cơ quan khác mà thôi. Họ luôn cố gắng hết sức nhằm gây được ấn tượng tốt - dù là

sai lầm - đối với người dân, để chứng tỏ họ luôn hoàn thành tốt bổn phận của mình.

“Bố tôi qua đời vì ung thư vào năm 1985. Bệnh tim nan y của Randi vẫn vô phương cữu chữa nhưng chưa đến mức khiến bà ta không thể quay về tiếp quản việc làm ăn. Tôi không biết bà ta có phát hiện ra tôi đã khiến Bodil mất trinh hay không, chỉ biết rằng chẳng bao lâu sau, tôi phát hiện mình mất việc. Bà ta nói bây giờ họ không muốn làm ăn trên địa bàn Na Uy nữa, nhưng bà ta không giao cho tôi việc gì khác. Sau vài năm thất nghiệp ở Oslo, tôi di cư sang Praha, mảnh đất vàng của dân buôn lậu sau khi Bức màn Sắt sụp đổ. Nhờ vốn tiếng Đức khá tốt mà tôi nhanh chóng tìm được chỗ đứng. Tiền kiếm nhanh, mà tiêu cũng nhanh không kém. Tôi kết bạn nhiều, nhưng chẳng gắn bó mật thiết với ai. Kể cả phụ nữ. Tôi không cần làm thế, anh biết vì sao không, Hole? Vì tôi phát hiện mình được thừa hưởng một món quà từ người cha - sự đa tình.”

Sivertsen hất đầu về phía tấm poster Iggy Pop.

“Đối với đàn bà, trên đời không có thứ thuốc kích thích nào mạnh mẽ hơn một người đàn ông đang yêu cả. Chuyên môn của tôi là phụ nữ có chồng - họ không gây nhiều rắc rối cho tôi sau đó. Khi tôi kẹt tiền, họ có thể là nguồn thu nhập đáng quý, tuy rằng ngắn ngủi. Và năm tháng cứ thế trôi qua không một chút lo toan. Hơn ba mươi năm cuộc đời tôi đã sống vô ưu như thế, chiếc giường là sân chơi quen thuộc, còn ‘thằng nhỏ’ giống như cây gậy chuyền tay.”

Sivertsen tựa đầu vào tường và nhắm mắt lại.

“Chắc hẳn nghe có vẻ khó tin, nhưng tôi xin thề mọi lời yêu đương đường mật tôi thốt ra đều chân thành hệt như những lời bố tôi nói với bà mẹ kế kia. Tôi đã trao cho họ tất cả những gì mình có, cho đến khi tình cạn thì

tôi đẩy họ ra khỏi cửa. Tôi không đủ khả năng duy trì một cái nhà điều dưỡng. Mọi chuyện luôn kết thúc theo cách đó và tôi đã tưởng sẽ còn như thế mãi. Cho tới một ngày mùa thu, tôi bước vào quán cà phê ở khách sạn Grand Hotel Europa trên quảng trường Wenceslas và gặp được cô ấy. Eva. Phải, đó là tên nàng, và nghịch lý thực sự có tồn tại đấy, Hole ạ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về nàng là nàng không đẹp mà cứ cư xử như thể là mình đẹp. Thế nhưng, những ai tin vào vẻ đẹp của bản thân thì đều là những người xinh đẹp cả. Vì vốn có tài sát gái nên tôi đã bước tới chỗ nàng ngồi. Nàng không thô lỗ đuổi tôi đi mà chỉ đáp lại tôi bằng thái độ lịch thiệp, xa cách, điều đó khiến tôi như phát điên."

Sivertsen nở nụ cười thạo đời.

"Đối với đàn ông, trên đời không có thứ thuốc kích thích nào mạnh mẽ hơn một người đàn bà không yêu mình. Nàng kém tôi những hai mươi sáu tuổi, sở hữu một phong cách tôi không bao giờ có được, và - hơn hết là - nàng không cần tôi. Nàng có thể tiếp tục làm nghề của mình, cái nghề nàng tưởng tôi không biết, đó là phục vụ và mua vui cho những gã doanh nhân người Đức."

"Thế sao cô ấy lại không làm nữa?" Harry hỏi, phả khói về phía Iggy.

"Nàng không có cơ hội. Tôi đã yêu nàng, tình yêu đó đủ cho cả hai người đàn ông, nhưng tôi muốn nàng chỉ thuộc về tôi, và Eva cũng giống như phần lớn phụ nữ khi không yêu - nàng coi trọng điều kiện vững chắc về kinh tế. Vì vậy, để có được nàng cho riêng mình, tôi phải tìm cách kiếm tiền. Buôn lậu kim cương máu từ Sierra Leone tuy có mức độ rủi ro thấp, nhưng thu nhập không đủ để giúp tôi trở thành người đàn ông giàu sang với sức hút khôn cưỡng. Ma túy thì lại rủi ro cao. Vậy là tôi chọn con đường buôn lậu vũ khí và quen được Hoàng Tử. Bọn tôi đã gặp nhau hai lần tại

Praha để thống nhất các quy trình và điều kiện làm việc. Lần gặp thứ hai diễn ra ở nhà hàng ngoài trời trên quảng trường Václav. Tôi đã thuyết phục Eva đóng vai khách du lịch đến đó chụp ảnh, và thật tình cờ, cái bàn mà Hoàng Tử và tôi ngồi lại xuất hiện trong hầu hết các tấm ảnh. Thường thì, những ai không chịu thanh toán sau khi tôi làm xong việc cho họ đều nhận được một tấm gửi qua bưu điện kèm theo lời nhắc. Cách này luôn có tác dụng. Thế nhưng Hoàng Tử làm ăn rất sòng phẳng và tôi chưa bao giờ gặp bất cứ rắc rối gì với hắn. Sau này tôi mới biết thì ra hắn là cảnh sát."

Harry đóng cửa sổ lại và ngồi xuống chiếc sofa giường.

"Mùa xuân vừa rồi, tôi nhận được một cuộc điện thoại," Sivertsen kể. "Từ một người Na Uy nói giọng Østland. Không hiểu hắn làm thế nào mà có được số của tôi. Dường như chuyện gì về tôi hắn cũng biết. Điều đó gần như thật đáng sợ. Không, phải nói là *quá* đáng sợ ấy chứ. Hắn biết mẹ tôi là ai, biết tôi từng có tiền án gì, biết tôi chuyên nhập kim cương máu hình ngôi sao năm cánh suốt từng ấy năm. Nhưng tệ hơn cả là: hắn biết tôi đã bắt đầu buôn lậu vũ khí. Hắn muốn cả hai thứ. Một viên kim cương và một khẩu Česká có ống giảm thanh. Hắn đề nghị trả một cái giá cao đến không tưởng. Tôi từ chối nhập súng và bảo hắn liên hệ với kênh khác, nhưng hắn cứ nằng nặc đòi mua trực tiếp từ tôi, không qua trung gian. Hắn lại nâng giá lên. Mà Eva, như tôi đã nói, là cô gái có đòi hỏi cao, và tôi không thể để mất nàng. Vậy là chúng tôi đã thỏa thuận làm ăn."

"Chính xác thì các anh đã thỏa thuận với nhau những gì?"

"Hắn đưa ra những yêu cầu hết sức cụ thể về việc giao hàng. Việc đó sẽ phải diễn ra trong công viên Frogner, ngay dưới chân cột đá Monolith. Lần giao hàng đầu tiên là cách đây hơn năm tuần một chút. Hắn hẹn đúng năm giờ, khung giờ cao điểm có đông khách du lịch đến tham quan và

người tản bộ trong công viên sau khi tan sở. Hắn nói, như thế cả hai sẽ dễ bề đi lại mà không thu hút sự chú ý. Dù sao nguy cơ tôi bị nhận diện cũng rất thấp. Nhiều năm trước, tại quán bar nằm trong khu tôi ở tại Praha, tôi đã trông thấy một gã người Na Uy từng đánh tôi hồi đi học. Gã không hề nhận ra tôi. Gã và một phụ nữ tôi qua lại trong thời gian cô ta đi nghỉ tuần trăng mật ở Praha là hai người Oslo duy nhất tôi gặp kể từ khi tôi chuyển sang đó sống, anh biết đấy."

Harry gật đầu.

"Dù sao," Sivertsen nói, "vị khách này không muốn chúng tôi gặp mặt trực tiếp, với tôi thì chẳng có vấn đề gì. Tôi được dặn cho hai món hàng vào trong túi nylon màu nâu và bỏ vào thùng rác màu xanh lục ở trung tâm công viên Frogner, ngay trước đài phun nước, sau đó lập tức ra về. Tôi phải đến đúng giờ, điều này rất quan trọng. Số tiền đã thỏa thuận sẽ được trả trước vào tài khoản ngân hàng của tôi tại Thụy Sĩ. Hắn nói chỉ riêng việc hắn tìm ra tôi là đủ để tôi hiểu đừng hòng lừa được hắn, và đó là điều hắn trông đợi ở tôi. Hắn nói đúng. Cho tôi xin điếu thuốc được không?"

Harry châm cho y một điếu.

"Một ngày sau lần giao dịch đầu tiên, hắn gọi điện cho tôi để đặt một khẩu Glock 23 cùng với một viên kim cương máu nữa, giao vào tuần kế tiếp. Thời gian, địa điểm và quy trình vẫn như cũ. Hôm đó là Chủ nhật nhưng đông người chẳng kém."

"Cùng ngày và cùng giờ với vụ giết người đầu tiên, vụ Marius Veland."

"Gì cơ?"

"Không có gì. Anh kể tiếp đi."

"Cuộc mua bán diễn ra thêm ba lần nữa. Mỗi lần cách nhau đúng năm

ngày. Nhưng lần cuối cùng lại hơi khác một chút. Tôi được yêu cầu giao hai chuyến: chuyến thứ nhất vào thứ Bảy, chuyến thứ hai vào Chủ nhật, tức là hôm qua. Vị khách đó yêu cầu tôi ở lại nhà mẹ đẻ vào đêm thứ Bảy để hắn tiện liên lạc với tôi trong trường hợp kế hoạch có bất kỳ thay đổi gì. Tôi đồng ý thôi. Đằng nào tôi cũng đã định ở lại đó. Tôi mong được gặp mẹ. Dù sao tôi cũng có tin vui muốn báo với bà."

"Rằng bà ấy sắp lên chúc bà nội."

Sivertsen gật đầu.

"Và rằng tôi sắp kết hôn."

Harry dụi tắt điếu thuốc của mình.

"Như vậy ý anh muốn nói viên kim cương và khẩu súng chúng tôi tìm thấy trong va li của anh là món hàng để anh giao vào Chủ nhật?"

"Phải."

"Ừm."

"Vậy giờ tính sao?" Sivertsen hỏi sau một khoảng lặng kéo dài.

Harry đan hai tay sau đầu, dựa lưng vào chiếc sofa giường và ngáp dài.

"Là fan lâu năm của Iggy, chắc hẳn anh đã nghe *Blah Blah Blah* rồi chứ? Một album khá hay. Chuyện tầm phào thú vị."

"Chuyện tầm phào thú vị ư?"

Khuỷu tay Sven Sivertsen đập vào máy sưởi đánh keng một tiếng âm vang và trống rỗng.

Harry đứng dậy. "Tôi ra ngoài một lát cho tỉnh táo đầu óc. Trên phố có trạm xăng mở cửa cả ngày. Anh có muốn tôi mua gì cho không?"

Sivertsen nhắm mắt lại.

"Nghe này, Hole. Chúng ta giờ đang ngồi chung trên một con thuyền, sắp chìm. Hiểu không? Anh là tên khốn đã xấu tính lại còn ngu."

Harry nhe răng cười và đứng dậy.

"Tôi sẽ suy nghĩ về điều đó."

Hai mươi phút sau, khi Harry quay về thì Sven đã thiếp đi cùng với một cánh tay bị còng vào nóc máy sưởi giơ lên như đang vẫy.

Harry đặt hai chiếc hamburger, khoai tây chiên và một chai Coca-Cola to lên bàn.

Sven dụi mắt cho tỉnh ngủ.

"Nghĩ xong chưa, Hole?"

"Xong rồi."

"Và anh đã nghĩ về chuyện gì?"

"Về những bức ảnh bạn gái anh chụp anh và Waaler ở Praha."

"Chúng thì có liên quan gì đến chuyện này?"

Harry tháo còng tay ra.

"Những bức ảnh không liên quan tới vụ án. Tôi đang nghĩ lúc đó cô ấy đóng giả khách du lịch, làm điều mà khách du lịch vẫn làm."

"Điều gì?"

"Tôi vừa nói rồi đây thôi. Chụp ảnh."

Sivertsen xoa hai cổ tay, săm soi chỗ đồ ăn trên bàn.

"Không có cốc để uống sao, Hole?"

Harry trỏ vào chai nước ngọt.

Sven vặn nắp chai trong lúc cặp mắt nheo lại nhìn Harry.

"Vậy là anh dám mạo hiểm uống chung chai nước với một kẻ sát nhân

hàng loạt ư?”

Harry vừa nhồm nhoàm nhai hamburger vừa đáp: “Chung thuyền. Chung chai.”

Olaug Sivertsen đang ngồi trong phòng khách, ánh mắt đờ đẫn nhìn xa xăm. Bà không bật đèn lên vì hy vọng như thế bọn họ sẽ cho rằng bà không có nhà và chịu bỏ cuộc. Họ liên tục gọi điện, gọi cửa, đứng trong vườn hò hét và ném sỏi vào cửa sổ phòng bếp. “Miễn bình luận,” bà đã nói như vậy rồi rút giắc cắm điện thoại. Cuối cùng, họ kéo tới đứng vây quanh ngôi nhà và lăm lăm máy ảnh gắn ống kính chụp xa đen sì dài ngoẵng chờ đợi. Lúc đi ra kéo rèm trước một ô cửa sổ, bà nghe thấy tiếng máy ảnh chạy ro ro như côn trùng. Rì rì rì, rì rì rì, tách. Rì rì rì, rì rì rì, tách.

Đã gần một ngày trôi qua mà cảnh sát vẫn chưa phát hiện ra họ đã nhầm. Giờ đang là cuối tuần. Biết đâu họ đang đợi đến thứ Hai đi làm rồi mới xử lý thì sao.

Ước gì có ai đó lắng nghe bà tâm sự. Nhưng Ina đi nghỉ với quý ông bí ẩn kia vẫn chưa về. Hay là gọi điện cho cô cảnh sát tên Beate nhỉ? Cô ấy không có lỗi trong việc Sven bị bắt. Beate dường như cũng cho rằng Sven không phải loại sát nhân giết người không ghê tay. Thậm chí cô ấy còn cho bà số điện thoại và bảo bà có thể gọi nếu có bất cứ điều gì muốn khai báo với họ. Bất kỳ điều gì.

Olaug đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Bóng cây lê chết khô trông như những ngón tay dài ngoẵng đang muốn bắt lấy vầng trăng la đà phía trên khu vườn và nhà ga kia. Bà chưa bao giờ thấy trăng như thế này trước đây.

Sao mà giống khuôn mặt người chết đến vậy. Những mạch máu xanh nổi rõ mồn một trên làn da trắng bệch.

Không biết tình hình Ina ra sao rồi? Con bé nói muộn nhất là chiều Chủ nhật sẽ về. Olaug đã hình dung cảnh hai bà cháu ngồi tâm sự bên tách trà ấm áp biết nhường nào, và Ina sẽ được gặp Sven. Ina là cô gái luôn giữ lời trong chuyện giờ giấc.

Olaug đợi cho đến khi chiếc đồng hồ treo tường điểm hai giờ.

Rồi bà lấy số điện thoại ấy ra.

Sau ba hồi chuông reo thì có người nhấc máy.

"Beate nghe," một giọng ngái ngủ cất lên.

"Chào cháu, bà là Olaug Sivertsen. Thực sự mong cháu thứ lỗi vì muộn thế này rồi bà còn gọi điện."

"Không sao đâu ạ, thưa bà Sivertsen."

"Cứ gọi bà là Olaug."

"Vâng, bà Olaug. Cháu xin lỗi, giờ cháu vẫn chưa tỉnh hẳn."

"Bà gọi điện cho cháu vì bà không yên tâm về Ina, cô gái trọ ở nhà bà. Đáng lẽ con bé phải về đến nhà từ lâu rồi, mà gần đây xảy ra bao nhiêu chuyện nên ừm, thú thật là, bà lo cho nó lắm."

Khi Olaug không nhận được câu trả lời ngay lập tức, bà băn khoăn tự hỏi lẽ nào Beate lại ngủ mất rồi. Nhưng giọng nói của cô lại vang lên, và lần này không còn ngái ngủ nữa.

"Bà đang nói là có một cô gái ở trọ tại nhà bà đúng không ạ, bà Olaug?"

"Đúng vậy. Con bé tên là Ina. Nó ở phòng của người hầu. À, bà chưa chỉ cho cháu xem nhỉ. Đấy là vì căn phòng đó nằm ở phía bên kia cầu thang

sau nhà. Cuối tuần này Ina đi vắng."

"Cô ấy đi đâu? Với ai ạ?"

"Giá mà bà biết được. Ina cũng mới quen người này thôi, con bé chưa giới thiệu anh ta với bà. Nó chỉ nói là hai đứa sẽ đến chơi tại căn nhà gỗ nghỉ mát của anh ta."

"Đáng lẽ bà phải báo cho chúng cháu biết chuyện này từ trước chứ, bà Olaug."

"Vậy sao? Bà thực sự xin lỗi… Bà…"

Olaug cảm thấy lệ dâng đầy trong mắt, không sao ngăn lại được.

"Không, cháu không có ý đó đâu, bà Olaug," bà nghe thấy Beate vội vã nói thêm. "Người cháu giận không phải là bà. Chỉ là cháu có trách nhiệm kiểm tra những thông tin đó. Bà làm sao biết được việc này có liên quan đến cuộc điều tra của chúng cháu cơ chứ. Cháu sẽ gọi điện cho phòng điều phối cảnh sát, họ sẽ gọi lại cho bà để hỏi thêm thông tin cá nhân của Ina để xem xét vấn đề này. Cháu chắc là chẳng có chuyện gì xảy đến với cô ấy đâu, nhưng cẩn thận vẫn hơn phải không bà? Sau đó, cháu nghĩ là bà nên cố gắng chợp mắt một lát nhé. Đầu giờ sáng cháu sẽ gọi lại cho bà. Như vậy được không ạ, bà Olaug?"

"Ừ," Olaug nói, cố tỏ ra vui vẻ. Thực sự bà rất muốn hỏi Beate có biết tình hình Sven lúc này ra sao không, nhưng bà không dám hỏi.

"Ừ, được cháu ạ. Chào cháu, Beate."

Bà cúp máy mà dòng lệ lăn dài hai bên má.

Beate nằm xuống và cố gắng ngủ lại. Cô lắng nghe những âm thanh của ngôi nhà. Nó đang rì rầm trò chuyện. Mẹ cô đã tắt ti vi từ lúc mười một giờ và lúc này đây, dưới nhà yên ắng quá. Beate tự hỏi có phải mẹ cũng đang nghĩ về bố cô không. Họ ít khi nhắc đến ông. Việc đó quá khó khăn đối với họ. Cô đã bắt đầu tìm một căn hộ tại trung tâm thành phố. Từ năm ngoái cô đã bắt đầu có cảm giác gò bó khi sống ở tầng trên trong căn nhà của mẹ. Nhất là khi cô bắt đầu hẹn hò Halvorsen, anh chàng cảnh sát đáng tin cậy quê ở Steinkjer mà cô thường gọi bằng họ thay vì tên, anh đối xử với cô theo kiểu như nể trọng và dè dặt nhưng không hiểu sao cô lại thấy điều ấy rất quan trọng. Nếu ở Oslo thì không gian sống của cô sẽ bị thu hẹp. Và cô sẽ nhớ những âm thanh của ngôi nhà này lắm, những tiếng độc thoại không lời đưa cô vào giấc ngủ suốt ngần ấy năm sống trên đời.

Điện thoại lại reo. Beate thở dài và với tay nhấc máy.

"Cháu nghe ạ, bà Olaug."

"Harry đây. Có vẻ cô đang tỉnh táo thì phải."

Cô ngồi dậy trên giường.

"Ừ, điện thoại reo suốt đêm. Có chuyện gì vậy?"

"Tôi cần giúp đỡ. Và cô là người duy nhất mà tôi dám tin tưởng."

"Rồi. Anh thì tôi còn lạ gì, chắc lại đem phiền phức đến cho tôi thôi."

"Cả đống phiền phức đó. Cô đồng ý chứ?"

"Nếu tôi từ chối thì sao?"

"Cô cứ nghe tôi nói đã, sau đó từ chối cũng chưa muộn."

THỨ HAI



ảnh

Mới năm giờ bốn mươi lăm phút sáng thứ Hai mà mặt trời đã tỏa nắng rực rỡ trên đỉnh Ekeberg rồi. Nhân viên bảo vệ trực tại bàn lễ tân ở Sở Cảnh sát ngáp một tiếng rõ to và ngước mắt lên khỏi trang báo *Aftenposten* đang đọc khi nhân vật đầu tiên xuất hiện quẹt thẻ để được vào.

"Trên báo bảo sắp có mưa đấy," nhân viên bảo vệ nói, vui mừng khi thấy có người đến.

Người đàn ông cao lớn với vẻ mặt nghiêm nghị liếc nhanh một cái về phía anh ta, nhưng không nói gì.

Trong vòng hai phút tiếp theo có thêm ba người đàn ông nữa đi vào, tất cả đều kiệm lời và nghiêm nghị chẳng kém.

Lúc sáu giờ, bốn người đàn ông có mặt tại văn phòng của Chỉ huy Đơn vị nằm trên tầng sáu.

"Ừm," Chỉ huy Đơn vị nói. "Một điều tra viên của Sở đã đưa đối tượng bị tình nghi giết người rời khỏi khu tạm giam và không ai biết họ

đang trốn ở đâu.”

Một trong những yếu tố cho thấy Chỉ huy Đơn vị là lựa chọn khá phù hợp cho cương vị này chính là khả năng tóm tắt vấn đề. Ngoài ra còn một yếu tố khác là khả năng trình bày hướng giải quyết đầy ngắn gọn.

“Vì vậy tôi đề nghị phải nhanh chóng tìm ra họ. Tình hình hiện giờ ra sao?”

Vị sếp *Kripos* kín đáo liếc một cái về phía Møller và Waaler trước khi đằng hắng đáp, “Chúng tôi đã cử một nhóm nhỏ gồm các thanh tra giàu kinh nghiệm xử lý vụ này. Do đích thân thanh tra Waaler, người đang phụ trách cuộc tìm kiếm, lựa chọn. Ba người của Cục An ninh. Hai người của Đội Hình sự. Đêm qua họ đã bắt đầu vào cuộc chỉ một tiếng sau khi các sĩ quan ở khu tạm giam báo cáo lại khi không thấy Sivertsen được trả về buồng giam.”

“Nhanh đấy. Nhưng sao chưa báo với đơn vị cảnh sát mặc đồng phục? Cả đội tuần tra nữa?”

“Chúng tôi muốn đợi xem tiến triển thế nào rồi mới đưa ra quyết định trong buổi họp này, Lars ạ. Vả lại, chúng tôi cũng muốn nghe ý kiến của anh.”

“Ý kiến của tôi ư?”

Sếp *Kripos* di ngón tay lên môi trên.

“Thanh tra Waaler đảm bảo chỉ nội trong hôm nay anh ấy sẽ bắt được Hole và Sivertsen. Chúng tôi đã tạm thời phong tỏa thông tin về vụ này. Chỉ có bốn chúng ta và Groth ở khu tạm giam là biết được Sivertsen đang nhởn nhơ ngoài kia. Ngoài ra, chúng tôi đã gọi điện đến Ullersmo báo hủy việc đăng ký buồng giam và chuyển trại của Sivertsen. Lý do đưa ra là chúng tôi đã nhận được thông tin cho chúng tôi lý do để tin rằng Sivertsen có thể sẽ

không được an toàn khi ở đó và vì vậy tạm thời hắn sẽ được chuyển tới một địa điểm bí mật. Tóm lại, chúng ta buộc phải giữ kín chuyện này cho tới khi Waaler và các cộng sự của anh ấy giải quyết xong tình huống. Nhưng tất nhiên, quyền quyết định vẫn là ở anh, Lars."

Chỉ huy Đơn vị chụm mười đầu ngón tay lại với nhau và trầm ngâm gật đầu. Rồi ông ta đứng dậy, bước tới bên cửa sổ và đứng đó, quay lưng về phía họ.

"Tuần trước tôi có đi taxi. Tài xế có đặt một tờ báo đang để ngỏ bên cạnh ghế của tôi. Tôi hỏi anh ta nghĩ sao về vụ Sát nhân Giao hàng. Tôi luôn cảm thấy thích thú khi được lắng nghe ý kiến của người dân. Anh ta nói cả vụ Sát nhân Giao hàng và vụ Trung tâm Thương mại Thế giới đều mắc phải vấn đề giống hệt nhau: những câu hỏi bị đặt nhầm thứ tự. Thiên hạ chỉ quan tâm đến 'ai' và 'làm thế nào'. Nhưng để giải được câu đố thì trước tiên phải đặt ra một câu hỏi khác. Anh có biết là câu gì không? Torleif?"

Sếp *Kripos* im lặng.

"Đó là câu hỏi 'tại sao', Torleif ạ. Anh chàng lái taxi này không ngốc chút nào. Trong số các vị ngồi đây, đã có ai tự hỏi bản thân điều đó chưa?"

Chỉ huy Đơn vị nhấp nhỉnh gót chân và chờ đợi.

"Tuy tôi tôn trọng ý kiến của anh tài xế taxi," người đứng đầu *Kripos* cuối cùng cũng lên tiếng, "nhưng tôi không cho rằng trường hợp này cũng phải có lý do 'tại sao'. Ít ra thì đó không phải là một 'tại sao' hợp lý. Mọi người ở đây đều biết Hole là kẻ tâm lý bất ổn, lại nghiện rượu. Vì vậy anh ta mới bị sa thải."

"Ngay cả người điên cũng có động cơ của họ, Torleif à."

Có ai đó đằng hắng một cách kín đáo.

"Gì vậy, Waaler?"

"Batouti."

"Batouti ư?"

"Gã phi công người Ai Cập, kẻ cố tình làm rơi chiếc máy bay chở đầy hành khách để trả thù hãng hàng không nơi hắn làm việc vì đã giáng chức hắn."

"Ý anh muốn nói gì, Waaler?"

"Tôi đã đuổi theo Harry và nói chuyện với anh ta trong bãi đỗ xe sau khi chúng ta bắt được Sivertsen vào tối thứ Bảy. Anh ta có vẻ cay cú, cả vì bị sa thải và vì anh ta cho rằng chúng ta đã cướp công của anh ta trong vụ bắt giữ Sát nhân Giao hàng."

"Batouti…"

Chỉ huy Đơn vị đưa tay lên che mắt khi những tia nắng đầu tiên rọi qua ô cửa sổ mà ông ta đang đứng.

"Nãy giờ anh vẫn im lặng, Bjarne. Anh nghĩ sao về việc này?"

Bjarne Møller ngước nhìn bóng người đang đứng trước cửa sổ. Dạ dày đau đến nỗi ông không chỉ có cảm giác như mình sắp nổ tung mà còn hy vọng điều đó trở thành sự thật. Từ lúc thức giấc giữa đêm và nhận được thông báo về vụ bắt cóc, ông đã chờ đợi ai đó lay mạnh cho ông tỉnh lại và bảo ông rằng tất cả chỉ là cơn ác mộng mà thôi.

"Tôi cũng không biết," ông thở dài. "Thú thực, tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra nữa."

Chỉ huy Đơn vị chậm rãi gật đầu.

"Nếu việc chúng ta ém nhẹm vụ này lộ ra ngoài thì chúng ta sẽ chết cả nút," ông ta nói.

"Câu tóm tắt thật súc tích, Lars," sếp *Kripos* nói. "Nhưng nếu lộ ra việc chúng ta để sổng một tên sát nhân hàng loạt thì chúng ta cũng sẽ toi đời thôi. Kể cả có lôi cổ được hắn về đi chăng nữa. Vẫn còn một cách để xử lý êm thấm vụ này. Theo như tôi hiểu, Waaler có một kế hoạch."

"Kế hoạch gì vậy, Waaler?"

Tom Waaler áp bàn tay trái lên nắm đấm tay phải.

"Có thể nói thế này," anh ta lên tiếng. "Tôi hoàn toàn hiểu rõ rằng chúng ta không thể để mình lâm vào cảnh tù tội, vì vậy có lẽ tôi buộc phải sử dụng một vài biện pháp trái với thông lệ. Nghĩ tới những hậu quả có thể sẽ xảy ra, tôi cho rằng mọi người không nên biết gì về kế hoạch này thì hơn."

Chỉ huy Đơn vị quay ngoắt lại, nét mặt có phần hơi sửng sốt.

"Anh thật rộng lượng, Waaler, nhưng e rằng chúng tôi không thể đồng ý…"

"Tôi nhất định muốn thế."

Chỉ huy Đơn vị nhíu mày.

"Anh nhất định muốn thế ư? Anh có ý thức được nguy cơ không đấy, Waaler?"

Waaler xòe hai lòng bàn tay và chăm chú quan sát chúng.

"Có, nhưng đó là trách nhiệm của tôi. Tôi đã chỉ đạo cuộc điều tra và đồng hành sát cánh cùng Hole. Là người đứng đầu, đáng lẽ tôi phải nhận ra những dấu hiệu và xử lý kịp thời. Nhất là sau cuộc nói chuyện trong bãi xe."

Chỉ huy Đơn vị nhìn Waaler bằng ánh mắt thăm dò. Sau đó ông ta lại quay mặt về phía cửa sổ và đứng đấy trong lúc ô sáng hình chữ nhật từ từ

trườn qua mặt sàn. Thế rồi ông ta so vai và rùng mình như thể đang lạnh cóng.

"Hạn chót của anh là nửa đêm," Chỉ huy Đon vị hướng về phía tấm kính cửa sổ nói. "Sau thời hạn đó, tin tức về vụ mất tích sẽ được thông cáo với báo chí. Và cuộc họp này coi như chưa từng xảy ra."

Lúc tan họp ra về, Møller nhận thấy ông sếp *Kripos* đang siết tay Waaler và trao cho anh ta một nụ cười nồng hậu tỏ ý biết ơn. Đó là cách cảm ơn lòng trung thành của đồng nghiệp, Møller trầm ngâm nghĩ. Cũng là cách ngầm chỉ định vị Hoàng Tử kế nhiệm.

Sĩ quan cảnh sát Bjørn Holm thuộc Phòng Giám định Pháp y đang cảm thấy mình không khác gì tên ngốc khi đứng đó cầm micro, đối diện với những khuôn mặt của đám khách Nhật nhìn mình chằm chằm đầy trông đợi. Hai lòng bàn tay anh ta đẫm mồ hôi, nhưng không chỉ vì thời tiết nóng nực. Mà gần như ngược lại, bên trong chiếc xe buýt hạng sang có điều hòa đang đỗ ngoài khách sạn Bristol thậm chí còn mát hơn vài độ so với ngoài trời mới sáng ra mà đã nắng chang chang. Lý do thật sự là vì anh ta đang phải nói vào micro. Bằng tiếng Anh.

Anh ta được hướng dẫn viên giới thiệu là sĩ quan cảnh sát Na Uy và một ông lão vừa tủm tỉm cười vừa lấy máy ảnh ra chụp như thể Bjørn Holm là một phần không thể thiếu trong tour tham quan vậy. Holm nhìn đồng hồ đeo tay: bảy giờ đúng. Anh ta còn phải đi gặp nhiều nhóm nữa, vì vậy cách tốt nhất là đi thẳng vào đề. Anh ta hít sâu một hơi và bắt đầu nói với họ mấy câu đã luyện tập sẵn trên đường tới đây, "Chúng tôi đã kiểm tra lịch trình

của tất cả các công ty lữ hành tại Oslo, và các vị là một trong những nhóm du khách đã đến tham quan công viên Frogner vào khoảng năm giờ chiều ngày Chủ nhật. Điều tôi muốn hỏi là: trong số các vị có bao nhiêu người đã chụp ảnh ở đó?"

Không ai có phản ứng gì.

Holm đâm ra lúng túng và liếc về phía hướng dẫn viên.

Hướng dẫn viên mỉm cười cúi đầu, đón lấy chiếc micro trên tay Holm rồi xổ ra một tràng tiếng Nhật mà Holm đoán là đại khái dịch lại những điều anh ta vừa hỏi. Nói xong, hướng dẫn viên khẽ cúi chào. Holm nhìn khắp một lượt những cánh tay đang giơ lên. Hôm nay phòng xử lý ảnh sẽ bận rộn lắm đây.

Roger Gjendem vừa khóa cửa xe vừa ngâm nga giai điệu ca khúc nói về chuyện "trở thành người Nhật". Hầm đỗ xe chỉ cách tòa soạn mới của tờ *Aftenposten* tại Nhà Bưu điện một đoạn ngắn mà anh ta vẫn muốn chạy thật nhanh đến văn phòng, nhưng không phải vì muộn giờ, ngược lại là khác. Lý do thực sự là vì Roger Gjendem là một trong số ít những kẻ may mắn thích đến công sở mỗi ngày, háo hức trông đợi đến lúc được ngồi giữa những thứ quen thuộc gợi nhớ đến công việc: văn phòng với điện thoại và máy tính, chồng nhật báo, tiếng nói chuyện rì rầm của đồng nghiệp, tiếng ùng ục của máy pha cà phê, tiếng tán gẫu ở phòng hút thuốc, không khí căng thẳng trong cuộc họp buổi sáng. Hôm qua anh ta đã canh chừng cả ngày bên ngoài nhà Olaug Sivertsen nhưng chẳng thu được gì ngoài bức ảnh chụp bà ta đứng bên cửa sổ. Nhưng như vậy cũng tốt. Anh ta thích những nhiệm vụ

khó. Mà điều đó thì mục hình sự chẳng thiếu. Gã nghiện án mạng. Devi đã gọi anh ta như thế. Anh ta không thích cách gọi ấy. Thomas, em trai anh ta, mới nghiện. Còn Roger chỉ là một nhân viên mẫn cán tốt nghiệp ngành khoa học chính trị và chẳng may lại thích làm phóng viên hình sự. Nhưng ngoài điều đó ra thì cô nói cũng có lý ở chỗ, công việc này đúng là có một vài khía cạnh gây nghiện. Sau một thời gian làm phóng viên mục chính trị, anh ta được chuyển sang mục hình sự làm tạm và chẳng mấy chốc, anh ta bắt đầu cảm thấy niềm phấn khích chỉ có được khi ngày ngày tiếp xúc với những câu chuyện liên quan đến sự sống và cái chết. Ngay hôm đó anh ta đã đề đạt với tổng biên tập và lập tức được chuyển hẳn sang chuyên mục hình sự. Chắc tổng biên tập đã từng gặp nhiều trường hợp giống anh ta trước đây. Kể từ ấy trở đi, ngày nào Roger cũng chạy một mạch từ xe vào công việc.

Nhưng hôm nay, anh ta còn chưa kịp dừng xe thì đã bị chặn lại.

“Chúc buổi sáng tốt lành,” một gã đàn ông đột ngột từ đâu xuất hiện đang đứng chắn trước mặt anh ta và nói. Người này mặc áo khoác da đen dáng ngắn, đeo kính râm kiểu phi công dù trong bãi xe tòa nhà cao tầng vẫn còn khá tối. Roger chỉ cần nhìn bề ngoài cũng có thể nhận ra ai là cảnh sát.

“Buổi sáng tốt lành,” Roger đáp.

“Tôi có một lời nhắn cho anh đây, Gjendem.”

Hai cánh tay gã buông thõng. Mu bàn tay đầy lông đen. Roger thầm nghĩ điệu bộ của gã hẳn sẽ tự nhiên hơn nếu gã đút tay vào túi áo khoác da. Hoặc chắp sau lưng. Hoặc đưa ra đằng trước. Dáng điệu này dễ khiến người ta nghĩ rằng gã sắp động thủ, chỉ không đoán được gã định làm gì thôi.

“Vâng?” Roger nói. Anh ta nghe thấy âm “â” vang vọng giữa những bức tường trong giây lát, tựa như âm thanh của dấu hỏi.

Gã đàn ông rướn người về phía trước.

"Em trai anh đang thụ án tại Ullersmo," gã nói.

"Thì sao?"

Roger biết ngoài kia mặt trời đang tỏa sáng rực rỡ khắp thành phố Oslo, nhưng dưới hầm để xe, không khí bỗng hóa lạnh băng.

"Nếu anh quan tâm đến những gì xảy ra với cậu ta, anh phải nhận lời với chúng tôi một việc. Anh vẫn nghe đấy chứ, Gjendem?"

Roger ngỡ ngàng gật đầu.

"Nếu thanh tra Harry Hole gọi điện cho anh, chúng tôi muốn anh làm như sau. Hỏi xem anh ta đang ở đâu. Nếu anh ta không chịu nói thì hãy hẹn gặp. Bảo rằng anh sẽ không mạo hiểm đăng câu chuyện của anh ta cho tới khi hai bên gặp trực tiếp. Cuộc hẹn phải được sắp xếp trước nửa đêm hôm nay."

"Chuyện của anh ta là chuyện gì?"

"Anh ta có thể sẽ đưa ra những cáo buộc vô căn cứ đối với một thanh tra cảnh sát tôi không tiện nói tên, nhưng anh không cần phải lo về chuyện đó. Đằng nào nó cũng sẽ không bao giờ được đăng đâu."

"Nhưng…"

"Anh có nghe không đấy? Sau khi anh ta gọi điện, tôi muốn anh gọi đến số máy này và báo cho chúng tôi biết nơi Hole đang ở hoặc thời gian và địa điểm diễn ra cuộc gặp giữa các anh. Rõ chưa?"

Gã thò tay trái vào túi áo, lấy ra một mảnh giấy và đưa cho Roger.

Roger đọc số máy và lắc đầu. Dù đang hoảng sợ nhưng anh ta vẫn cảm thấy muốn phá lên cười. Hoặc cũng có thể chính vì sợ quá nên mới thế.

"Tôi biết anh là cảnh sát," Roger nói, cố nén cười. "Anh phải hiểu yêu

cầu của anh là bất khả thi. Một nhà báo như tôi không thể…”

“Gjendem.”

Gã đàn ông bỏ kính râm ra. Dù bốn bề chìm trong bóng tối nhưng đôi đồng tử kia chỉ là hai chấm nhỏ giữa mống mắt màu xám.

“Em trai anh đang ở phòng giam A107. Thứ Ba hằng tuần - cũng như hầu hết những tên nghiện ở đó - cậu ta nhận hàng từ bên ngoài tuồn vào. Cậu ta cứ thế chích mà không bao giờ kiểm tra. Tới giờ thì mọi chuyện vẫn ổn. Anh hiểu ý tôi chứ?”

Roger không rõ mình có nghe nhầm không. Nhưng anh ta biết là không.

“Tốt,” gã đàn ông nói. “Còn thắc mắc gì nữa không?”

Roger phải liếm môi trước khi đáp.

“Vì sao anh lại cho rằng Harry Hole sẽ gọi điện cho tôi?”

“Vì anh ta đã lâm vào đường cùng,” gã kia nói, lại đeo kính lên. “Và vì anh đã đưa cho anh ta danh thiếp lúc đứng ở cổng Nhà hát Quốc gia hôm qua. Chúc một ngày tốt lành, Gjendem.”

Roger cứ đứng im ở đó cho tới khi gã đàn ông đi khuất. Anh ta hít thở bầu không khí ngột ngạt đầy bụi ở hầm gửi xe. Sau đó anh ta đi hết quãng đường ngắn ngủi tới Nhà Bưu điện bằng những bước chân chậm rãi đầy miễn cưỡng.

Những số điện thoại nhảy nhót trên màn hình trước mặt Klaus Torkildsen trong phòng điều phối tại Tổng đài Telenor, khu vực Oslo. Anh ta đã dặn

các đồng nghiệp đừng làm phiền rồi khóa cửa lại.

Chiếc sơ mi anh ta mặc đang ướt đẫm mồ hôi. Nhưng không phải vì anh ta chạy bộ tới chỗ làm. Mà anh ta chỉ đi bộ - với tốc độ không nhanh cũng chẳng chậm - và đang trên đường tới phòng làm việc thì bị cô lễ tân gọi lại. Bằng họ. Anh ta thích thế.

“Anh có khách,” cô ta nói, chỉ vào người đàn ông đang ngồi trên sofa ở khu lễ tân.

Klaus Torkildsen vô cùng sửng sốt. Sửng sốt là bởi công việc của anh ta vốn không đòi hỏi phải tiếp khách. Điều đó chẳng phải ngẫu nhiên, những lựa chọn của anh ta trong công việc và cuộc sống riêng tư đều là để thỏa mãn nhu cầu tránh né mọi sự tiếp xúc trực tiếp với con người, trừ trường hợp bất khả kháng.

Người đàn ông trên sofa đứng dậy, nói rằng mình là cảnh sát rồi bảo anh ta ngồi xuống. Klaus ngồi lún mình trên ghế và càng lúc càng lún sâu, cảm thấy mồ hôi vã ra như tắm khắp cơ thể. Cảnh sát. Anh ta đã chẳng còn dính dáng gì tới họ suốt mười lăm năm qua, và dù xưa nay chỉ phải nhận đúng một vé phạt, thì cảm giác hoang tưởng vẫn luôn xuất hiện ngay lập tức bất cứ khi nào anh ta nhìn thấy bóng dáng bộ cảnh phục trên phố. Từ lúc người đàn ông này mở miệng là mồ hôi Klaus đã lập tức túa ra.

Ông ta đi thẳng vào trọng tâm vấn đề, nói rằng họ cần anh ta truy dấu một chiếc điện thoại di động. Klaus đã từng làm tương tự theo yêu cầu của họ trước đây. Cũng khá đơn giản. Điện thoại di động khi bật lên sẽ phát ra tín hiệu đều đặn nửa giờ một lần, tín hiệu này sẽ được những trạm thu phát sóng nằm rải rác trong thành phố thu nhận. Không những thế, trạm thu phát sóng còn ghi nhận toàn bộ cuộc gọi của các thuê bao, cả gọi đến lẫn gọi đi. Căn cứ vào tầm phủ sóng của mỗi trạm riêng biệt, họ có thể tính toán để xác

định được vị trí của chiếc điện thoại trong phạm vi một kilomet vuông. Chính điều này đã gây ra vô số rắc rối trong vụ anh ta tham gia, tại khu bảo tồn thiên nhiên gần Kristiansand.

Klaus giải thích rằng việc nghe trộm điện thoại phải được sự đồng ý của cấp trên, nhưng người đàn ông đó nói việc đang rất gấp, họ không có thời gian đệ trình chính thức qua các cấp. Không chỉ theo dõi một số điện thoại di động cụ thể (mà Klaus phát hiện ra nó thuộc về một người tên Harry Hole nào đấy), người đàn ông đó còn muốn anh ta kiểm soát cả số máy của những người mà kẻ bị truy nã kia có thể sẽ liên lạc. Ông ta đưa cho Klaus một danh sách số điện thoại và địa chỉ e-mail.

Klaus hỏi vì sao họ lại tìm đích danh anh ta để nhờ cậy. Rốt cuộc thì, còn nhiều người khác giàu kinh nghiệm hơn anh ta kia mà. Mồ hôi trên lưng anh ta trở nên lạnh như băng và anh ta bắt đầu khẽ run rẩy trong khu lễ tân mát rượi gió điều hòa.

“Vì chúng tôi biết anh sẽ giữ kín chuyện này, Torkildsen. Y như chúng tôi sẽ giữ kín với cấp trên và đồng nghiệp của anh về cái lần anh bị bắt quả tang trong tình huống xấu hổ tụt quần, theo đúng nghĩa đen, tại công viên Stens hồi tháng Một năm 1987. Nữ cảnh sát ngầm cho biết anh đã trần như nhộng bên dưới lớp áo khoác. Chắc là lạnh lắm nhỉ…”

Torkildsen khó nhọc nuốt khan. Họ đã nói sẽ xóa án tích sau một vài năm.

Anh ta lại nuốt khan lần nữa.

Có vẻ là chiếc điện thoại đó hoàn toàn không có cách nào lần ra được. Nó đang bật, điều này thì anh ta biết vì cứ nửa tiếng anh ta lại nhận được tín hiệu báo về, nhưng mỗi lần lại xuất phát từ một vị trí khác nhau, như thể nó đang cố gắng trêu ngươi anh ta vậy.

Anh ta tập trung vào những số điện thoại trong danh sách. Có một số là số nội bộ ở địa chỉ 21 phố Kjølberggata. Anh ta kiểm tra thử. Thì ra là *Krimteknisk,* Phòng Giám định Pháp y.

Điện thoại vừa đổ chuông, Beate lập tức nhấc máy.

“Sao rồi?” giọng nói vang lên ở đầu dây bên kia.

“Đến giờ thì không tốt lắm,” cô đáp.

“Ừm.”

“Tôi đã cử hai người rửa ảnh và họ sẽ mang đến bàn tôi ngay khi xong.”

“Không có Sven Sivertsen à?”

“Nếu Sivertsen mà lảng vảng ở đài phun nước trong công viên Frogner vào thời gian Barbara Svendsen bị giết thì anh ta thật xui xẻo. Trong số những bức ảnh tôi đã xem, không bức nào có mặt anh ta, và chúng ta đang nói đến gần một trăm bức ảnh tính tới giờ rồi đấy.”

“Da trắng, mặc sơ mi cộc tay và…”

“Tất cả những điều này anh đều đã nói rồi, Harry.”

“Ngay cả gần giống cũng không có ư?”

“Tôi giỏi nhận diện khuôn mặt mà, Harry. Trong những bức ảnh đó không có anh ta.”

“Ừm.”

Cô vẫy tay ra hiệu cho Bjørn Holm vào phòng cùng với một xấp ảnh mới rửa xong còn nguyên mùi hóa chất. Anh ta quẳng chúng xuống bàn cô,

chỉ vào một tấm, giơ ngón tay cái rồi đi mất.

“Đợi đã,” cô nói. “Tôi vừa nhận được vài bức ảnh mới. Chúng là của nhóm du khách tham quan công viên vào năm giờ chiều thứ Bảy. Để tôi xem…”

“Nào, có đi nào.”

“Đúng là có đấy. Trời ạ… Đoán xem tôi đang nhìn thấy ai đây?”

“Thật không?”

“Thật. Sven Sivertsen lù lù ra đó, không lẫn vào đâu được. Ảnh chụp nghiêng phía trước tượng sáu người khổng lồ của Vigeland. Trông như anh ta đang đi qua đó.”

“Anh ta có cầm trên tay một cái túi nylon màu nâu không?”

“Ảnh chụp cao quá nên không thấy được phần phía dưới.”

“Được rồi, ít nhất anh ta cũng đã có mặt tại đó.”

“Phải, nhưng không có ai bị giết vào thứ Bảy cả, Harry. Vì thế tấm ảnh chẳng thể dùng làm bằng chứng ngoại phạm được.”

“Như vậy nghĩa là trong số những gì anh ta nói, ít nhất cũng có đôi điều là sự thật.”

“À thì, những lời nói dối tài tình nhất cũng chứa đến chín mươi phần trăm là sự thật mà.”

Beate cảm thấy hai dái tai nóng bừng lên khi cô nhận ra mình vừa trích dẫn nguyên văn một câu trong cẩm nang Harry. Thậm chí cô còn bắt chước giọng điệu của anh nữa.

“Anh đang ở đâu vậy?” Cô vội vã hỏi thêm.

“Tôi đã nói rồi mà, vì lợi ích của cả hai, tốt nhất cô không nên biết thì hơn.”

“Xin lỗi, tôi lỡ lời.”

Cô ngừng lời giây lát.

“Chúng tôi… ừm… chúng tôi sẽ tiếp tục kiểm tra các bức ảnh,” Beate nói. “Bjørn đã tổng hợp được danh sách những nhóm du khách có mặt tại công viên Frogner vào thời điểm xảy ra mấy vụ án mạng kia.”

Harry ậm ừ rồi cúp máy, Beate hiểu đó là cách anh nói lời “cảm ơn”.

Harry đưa ngón cái và ngón trỏ lên day các bên khóe mắt phía trên hai sống mũi và nhắm nghiền mắt lại. Tính cả hai tiếng hồi sáng thì ba ngày nay anh chỉ được ngủ có sáu tiếng đồng hồ. Anh biết chắc còn lâu lắm mình mới lại được chợp mắt. Anh đã nằm mơ thấy toàn đường phố. Thấy tấm bản đồ lọt vào tầm mắt mình và tên những con phố ở Oslo. Phố Sons, Nittedalgata, Sørumgata, Skedsmogata, tất cả những con đường nhỏ quanh co ở Kampen. Và rồi anh lại mơ thấy màn đêm, những bông tuyết lả tả rơi, anh đang dạo bước trên một con phố ở khu Grünerløkka (phố Markveien? Hay Toftes?), và một chiếc xe hơi thể thao màu đỏ đang đỗ ngay ở đó với hai người ngồi trong xe. Khi đến gần, anh thấy một trong hai người là người phụ nữ có cái đầu lợn, mặc bộ váy kiểu cổ. Anh gọi tên cô, anh gọi to “Ellen”, nhưng khi cô quay lại và mở miệng đáp, thì chỉ thấy đầy sỏi đá từ trong đó tuôn ra.

Harry bẻ cái cổ cứng ngắc sang hai bên. “Nghe này,” anh nói, cố tập trung vào Sven Sivertsen đang nằm trên tấm đệm dưới sàn. “Người bạn tôi vừa gọi điện đã vì anh và tôi mà cất công làm một số việc không những có thể khiến cô ấy bị sa thải mà còn đi tù vì tội đồng lõa. Tôi cần thứ gì đó để có thể khiến cô ấy yên tâm.”

"Ý anh là sao?"

"Tôi muốn gửi cho cô ấy bản sao của một trong những tấm ảnh chụp anh và Waaler ở Praha mà anh có."

Sivertsen phá lên cười.

"Tai anh có vấn đề à, Harry? Tôi đã nói rồi, đó là lá bài duy nhất tôi có để thương lượng. Bây giờ tôi mà đưa cho anh, nhỡ anh hủy luôn Chiến dịch Giải cứu Sivertsen thì sao."

"Bọn tôi hoàn toàn có thể làm thế sớm hơn so với anh tưởng đấy. Họ vừa tìm được tấm ảnh chứng minh anh đã có mặt tại công viên Frogner vào thứ Bảy. Nhưng hôm Barbara Svendsen bị giết thì không. Điều này chẳng phải khá kỳ lạ sao, vì đám du khách Nhật rất chăm chỉ chụp ảnh cái đài phun nước suốt từ đầu hè đến giờ, đúng chứ? Dù sao đó cũng là tin xấu cho câu chuyện của anh. Chính vì vậy tôi muốn anh gọi điện cho bạn gái và bảo cô ấy gửi ảnh qua thư hoặc fax đến cho Beate Lønn thuộc Phòng Giám định Pháp y. Cô ấy có thể che mặt Waaler nếu anh nhất định muốn giữ lấy cái gọi là con át chủ bài, nhưng tôi muốn tận mắt nhìn thấy bức ảnh chụp anh ngồi cùng với ai đó ở quảng trường, một người *có thể* là Tom Waaler."

"Quảng trường Václav."

"Sao cũng được. Cô ấy có một tiếng để hoàn thành nhiệm vụ, bắt đầu tính từ giờ. Nếu không, thỏa thuận giữa chúng ta coi như xí xóa. Anh hiểu chứ?"

Sivertsen nhìn Harry chằm chằm hồi lâu rồi mới đáp.

"Tôi không biết giờ này cô ấy có nhà không."

"Cô ấy có phải đi làm đâu," Harry nói. "Cô bạn gái đang bầu bí, lo lắng như thế mà. Sao cô ấy có thể không ở nhà mong anh gọi điện về cơ

chứ? Cứ hy vọng vậy đi, vì lợi ích của chính anh. Còn năm mươi chín phút."

Sivertsen liếc quanh phòng một lượt, rồi cuối cùng vẫn phải nhìn Harry. Y lắc đầu.

"Tôi không thể, Hole ạ. Tôi không thể khiến cô ấy bị liên lụy. Cô ấy nào có tội tình gì. Đến giờ, Waaler vẫn chưa biết gì về cô ấy và nơi chúng tôi sống, nhưng nếu vụ này thất bại thì thế nào hắn cũng sẽ biết. Lúc đó hắn sẽ săn đuổi cả cô ấy."

"Vậy chứ cô ấy sẽ nghĩ sao khi bị bỏ nuôi con một mình trong khi bố nó ngồi bóc lịch đến mãn đời vì tội giết bốn mạng người? Giờ anh đã ở vào thế tiến thoái lưỡng nan rồi, Sivertsen ạ. Năm mươi tám."

Sivertsen vùi mặt vào hai bàn tay.

"Mẹ kiếp…"

Khi ngẩng lên lần nữa, y thấy Harry đang chìa cái điện thoại di động về phía mình.

Y cắn môi dưới. Sau đó y cầm lấy máy, nhập số rồi áp cái điện thoại màu đỏ lên tai. Harry xem đồng hồ đeo tay. Kim giây chậm chạp nhích từng nấc. Sivertsen khẽ cựa mình vẻ bất an. Harry đếm được hai mươi giây.

"Sao rồi?"

"Có thể cô ấy đã về nhà mẹ đẻ ở Brno," Sivertsen nói.

"Thật tiếc thay. Cho anh." Harry nói, mắt vẫn nhìn đồng hồ. "Năm mươi bảy."

Anh nghe thấy tiếng điện thoại rơi xuống sàn. Khi ngước lên, anh chỉ kịp nhác thấy khuôn mặt méo mó của Sivertsen trước khi cổ anh bị một bàn tay chộp lấy. Nhanh như cắt, Harry giơ cả hai cánh tay lên. Anh đấm vào cổ

tay Sivertsen làm y phải buông ra. Tiếp theo, anh nhằm thẳng vào khuôn mặt đằng trước mà đâm thứ gì đó và thấy nó sụm xuống. Anh tiếp tục ra đòn, cảm nhận được dòng máu dinh dính nóng hổi chảy xuống kẽ ngón tay và chợt nảy ra một liên tưởng lạ lùng: dòng máu kia giống như mứt dâu mới khuấy được rưới lên những lát bánh mì ở nhà bà ngoại anh vậy. Anh giơ tay đánh tiếp, và rồi anh thấy trước mắt mình là một gã đàn ông bị còng tay, vô phương tự vệ đang cố che chắn cơ thể, nhưng điều đó thậm chí chỉ càng khiến anh thêm giận dữ. Mệt mỏi, sợ hãi và giận dữ.

"Wer ist da?Ai đó?"

Harry sững người. Anh và Sivertsen tròn mắt nhìn nhau. Không ai nói bất cứ điều gì. Cái giọng mũi kia vang lên từ trong chiếc điện thoại đang nằm lăn lóc trên sàn.

"Sven? Bist du es, Sven?Sven à? Có phải anh không, Sven?"

Harry chộp lấy máy và áp lên tai.

"Sven đang ở đây," anh chậm rãi nói. "Cô là ai?"

"Eva," một giọng phụ nữ bực bội cất lên. "Bitte, was ist passiert?Làm ơn đi, có chuyện gì vậy?"

"Beate Lønn nghe."

"Harry đây. Tôi…"

"Anh ngắt máy đi rồi gọi lại vào di động của tôi." Nói xong, cô cúp máy.

Mười giây sau, anh gọi lại cho cô thông qua cái mà anh cứ khăng

khăng là “đường dây”.

“Có chuyện gì thế?”

“Chúng ta đang bị theo dõi.”

“Sao lại thế được?”

“Ở đây chúng tôi có sử dụng gói phần mềm chống xâm nhập hệ thống và nó báo là toàn bộ các cuộc gọi và e-mail đều đang bị theo dõi bởi một bên thứ ba. Thứ này vốn là để phòng ngừa tội phạm tấn công, nhưng Bjørn bảo có vẻ như nhà cung cấp dịch vụ Internet đang ngấm ngầm làm việc đó.”

“Nghe trộm ư?”

“Không. Nhưng tất cả cuộc gọi và e-mail đều bị ghi lại hết.”

“Trò này nhất định là do Waaler và đám thuộc hạ bày ra.”

“Tôi biết. Vậy nghĩa là giờ chúng đã biết anh gọi cho tôi, và như thế tôi không còn cách nào giúp anh được nữa, Harry ạ.”

“Bạn gái của Sivertsen sẽ gửi cho cô một tấm ảnh chụp Sivertsen và Waaler gặp nhau ở Praha. Ảnh chỉ cho thấy phần lưng của Waaler và không thể dùng làm bằng chứng, nhưng tôi muốn cô xem kỹ xem có phải ảnh thật không. Cô ấy lưu ảnh trên máy tính nên có thể gửi cho cô qua e-mail. Địa chỉ e-mail của cô là gì?”

“Anh không nghe tôi nói à, Harry? Họ đang theo dõi mọi e-mail và cuộc gọi đến. Anh nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu ngay bây giờ đây, chúng tôi nhận được e-mail hoặc fax từ Praha? Tôi không làm được, Harry à. Và tôi còn phải cố bịa ra lời giải thích lọt tai cho câu hỏi vì sao anh lại gọi cho tôi, mà tôi thì đâu có được nhanh trí như anh. Chúa ơi, tôi sẽ phải nói sao với họ đây?”

“Bình tĩnh nào, Beate. Cô không cần phải nói gì hết. Tôi chưa bao giờ

gọi cho cô cả."

"Anh đang nói gì thế? Anh gọi cho tôi tất cả là ba lần mà."

"Ừ, nhưng bọn họ còn lâu mói biết. Chiếc di động tôi đang dùng là của một người bạn đổi cho."

"Vậy là anh đã lường trước được tất cả những việc này sao?"

"Không, không phải việc này. Tôi làm thế là vì điện thoại di động luôn truyền tín hiệu đến các trạm thu phát sóng và điều đó sẽ cho biết vị trí của chiếc máy. Nếu Waaler ép nhà mạng phải cố gắng lần ra tôi thông qua điện thoại di động của tôi thì tôi sẽ cho họ tha hồ vắt óc mà tìm, vì cái máy ấy giờ đang không ngừng rong ruổi khắp Oslo."

"Chuyện này tôi muốn biết càng ít càng tốt, Harry. Nhưng đừng gửi bất cứ thứ gì đến đây cho tôi. Được chứ?"

"Được."

"Tôi xin lỗi, Harry."

"Cô đã hy sinh cánh tay phải vì tôi rồi, Beate. Cô đâu cần phải xin lỗi khi muốn giữ lấy cánh tay còn lại chứ."

Anh gõ cửa. Năm lần gõ dứt khoát lên cửa phòng 303. Hy vọng âm thanh đủ lớn để bên trong nghe được giữa tiếng nhạc. Anh đợi một lát và khi đang định gõ tiếp thì anh nghe thấy nhạc bị vặn nhỏ đi cùng tiếng chân trần bước trên sàn. Cửa mở ra. Trông cô như thể vừa ngủ dậy.

"Có việc gì thế?"

Anh giơ thẻ lên, đúng ra mà nói thì đó là thẻ giả vì bây giờ anh đâu

còn là cảnh sát.

“Một lần nữa xin lỗi cô vì chuyện hôm thứ Bảy,” Harry nói. “Hy vọng cô không quá sợ hãi khi họ ập vào phòng.”

“Không sao,” cô nhăn mặt nói. “Tôi cho là các anh cũng chỉ làm nhiệm vụ của mình thôi.”

“Vâng.” Harry nhấp nhỉnh gót chân, liếc nhanh hai bên hành lang trái phải. “Một đồng nghiệp thuộc Đội Giám định Pháp y và tôi đang tìm manh mối trong phòng của Marius Veland. Chúng tôi cần gửi gấp một tài liệu nhưng laptop của tôi đột nhiên lại trục trặc. Việc này khá quan trọng. Tôi nhớ là có thấy cô lướt net hôm thứ Bảy nên tôi đang tự hỏi…”

Cô xua tay ra hiệu không cần giải thích gì thêm nữa và bật máy tính lên.

“Máy bật rồi đấy. Tôi cũng nên xin lỗi vì đã gây rắc rối cho các anh. Hy vọng anh không phật ý nếu tôi không để tâm đến chuyện đó.”

Harry ngồi xuống trước máy tính và mở chương trình e-mail lên, lấy ra một mảnh giấy rồi gõ địa chỉ e-mail của Eva Marvanova vào bằng những phím dính nhớp. Nội dung rất ngắn. *Đã sẵn sàng. Địa chỉ này.* Gửi.

Anh quay người lại trên ghế và quan sát cô gái đang ngồi trên sofa, xỏ chân vào chiếc quần jean ôm sát. Nãy giờ anh chẳng hề nhận ra cô chỉ đang mặc mỗi quần lót, chắc là vì chiếc áo phông rộng thùng thình in hình lá gai dầu đã che đi mất rồi.

“Hôm nay cô ở nhà một mình à?” anh hỏi, chủ yếu để giết thời gian trong lúc đợi Eva. Nhìn vẻ mặt cô, anh có thể thấy đó không phải câu gợi chuyện phù hợp cho lắm.

“Tôi chỉ chơi trai vào cuối tuần thôi,” cô nói, đưa một chiếc tất lên

mũi ngửi thử trước khi đi nó vào. Và rồi cô toét miệng cười khoái chí khi thấy Harry rõ ràng đã cạn lời trước câu nói của mình. Và cũng rõ ràng là Harry thấy cô nên ghé thăm nha sĩ một chuyến.

"Anh có e-mail kìa," cô nói.

Anh quay lại nhìn màn hình. Thư của Eva. Không có chữ, chỉ có một file đính kèm. Anh nhấp đúp vào đó. Màn hình bỗng nhiên đen kịt.

"Nó già rồi nên chậm lắm," cô nói, nụ cười thậm chí càng tươi hơn. "Cuối cùng rồi nó cũng lên thôi. Anh cứ đợi một lát."

Trước mặt Harry, tấm ảnh đã bắt đầu xuất hiện trên màn hình, đầu tiên là một mảng màu xanh dương, và rồi khi bầu trời đã hiện đủ thì đến lượt một bức tường xám cùng tượng đài màu xanh lục pha đen. Tiếp đó là quảng trường. Những chiếc bàn. Sven Sivertsen. Và một người đàn ông mặc áo khoác da ngồi quay lưng về phía máy ảnh. Tóc sẫm màu. Cái cổ rắn chắc. Tấm ảnh dĩ nhiên không đủ để làm bằng chứng, nhưng Harry hoàn toàn không nghi ngờ gì việc người này chính là Tom Waaler. Tuy nhiên, đó không phải là chi tiết khiến anh ngồi nhìn chằm chằm tấm ảnh.

"Ờ, anh gì này, tôi cần đi vệ sinh," cô gái nói. Harry không biết mình đã ngồi đó bao lâu. "Mà cái âm thanh chết tiệt ấy nghe rất rõ nên tôi xấu hổ lắm. Vì vậy anh làm ơn…"

Harry đứng dậy, lẩm bẩm câu cảm ơn rồi ra về.

Đang leo cầu thang từ tầng ba lên tầng bốn thì anh dừng lại.

Tấm ảnh.

Không thể là tình cờ được, về lý thuyết, đó là điều không thể.

Hay là có nhỉ?

Dù thế nào đi nữa, đó cũng không thể là sự thật. Không ai lại đi làm

cái việc như thế cả.

Không một ai.

THỨ HAI



xưng tội

Hai người đàn ông đang đứng mặt đối mặt trong nhà thờ Thánh Tông đồ Công chúa Olga có chiều cao ngang nhau. Bầu không khí ấm áp và ẩm ướt phảng phất mùi khói ngòn ngọt cùng mùi hăng của thuốc lá. Đã gần năm tuần liền mặt trời ngày nào cũng tỏa nắng chói chang trên bầu trời Oslo, mồ hôi chảy ròng ròng dưới lớp áo tunic bằng len dày cộp của Nikolai Loeb trong lúc ông đọc kinh nguyện trước khi xưng tội, "Kìa, con đã đến nơi chữa lành. Thánh linh Chúa Jesus đang hiện hữu nơi đây và sẽ lắng nghe con xưng tội."

Ông đã cố tìm mua một bộ áo tunic mỏng hơn, kiểu dáng mới mẻ hơn ở cửa hàng trên phố Welhavens, nhưng họ nói không có bộ nào dành cho linh mục Chính thống giáo Nga cả. Đọc xong kinh nguyện, ông đặt cuốn sách bên cạnh cây thánh giá trên chiếc bàn ngăn cách giữa họ. Chẳng mấy chốc, người đàn ông đứng trước mặt ông sẽ đằng hắng. Họ luôn làm vậy trước khi xưng tội, như thể những tội lỗi mắc phải đã kết thành đờm dãi trong cổ họng. Nikolai lờ mờ cảm thấy hình như ông đã từng gặp người này

trước kia rồi, nhưng ông không thể nhớ được là ở đâu. Tên anh ta cũng chẳng gợi lên điều gì với ông cả. Anh ta có vẻ hơi sửng sốt khi nhận ra rằng mình phải trực tiếp đối diện với linh mục khi xưng tội, thậm chí còn phải khai tên. Thú thực, Nikolai có cảm giác người này không xưng tên thật của mình. Có thể anh ta đến từ giáo đoàn khác. Thỉnh thoảng họ đến đây xưng tội vì nhà thờ này vừa nhỏ vừa vô danh, và không ai biết họ cả. Nikolai thường giải tội cho những thành viên của Giáo hội Na Uy danh giá. Nếu đó là mong muốn của họ, vậy thì mong muốn ấy sẽ được đáp ứng, vì lòng nhân từ của Chúa không bến bờ.

Người đàn ông đằng hắng. Nikolai nhắm mắt lại và thầm hứa sẽ thanh tẩy cho cơ thể của chính mình bằng cách tắm rửa và cho đôi tai của ông bằng nhạc Tchaikovsky ngay khi về đến nhà.

"Người ta nói rằng tà dục - cũng như nước - luôn tìm đến những nơi hạ đẳng nhất để trú ngụ, thưa cha. Nếu nhân cách ta có vết rạn, lỗ hổng hoặc thiếu sót, tà dục sẽ tìm thấy nó."

"Tất cả chúng ta đều là những tội đồ, con trai ạ. Con có tội lỗi gì cần thú nhận không?"

"Có ạ. Con đã phản bội người phụ nữ con yêu. Con đã qua lại với một người đàn bà phóng đãng. Dù không yêu cô ta nhưng con không sao cưỡng được ham muốn quay lại với cô ta."

Nikolai cố ghìm một cái ngáp. "Con nói tiếp đi."

"Con… cô ta từng là nỗi ám ảnh đối với con."

"Con nói là 'từng' ư? Nói vậy nghĩa là con đã không còn gặp cô ta nữa rồi?"

"Họ đã chết rồi."

Không chỉ lời thú nhận ấy mà ngay trong giọng nói của anh ta cũng có điều gì đó khiến Nikolai giật mình.

“ ‘Họ’ ư?”

“Cô ta có thai. Con tin là vậy.”

“Xin chia buồn với mất mát của con, con trai. Vợ con có biết chuyện này không?”

“Không ai biết gì cả.”

“Vì sao cô gái ấy lại chết?”

“Bị bắn thủng sọ, thưa cha.”

Mồ hôi trên da Nikolai Loeb đột nhiên trở nên lạnh băng. Ông nuốt khan.

“Con còn tội lỗi gì muốn thú nhận nữa không, con trai?”

“Có ạ. Có một người đàn ông. Một cảnh sát. Con đã nhìn thấy người phụ nữ con yêu tìm đến với anh ta. Con đã nghĩ đến chuyện…”

“Chuyện gì?”

“Gây tội. Tất cả chỉ có vậy, thưa cha. Giờ cha đọc kinh giải tội được chứ?”

Nhà thờ bỗng trở nên lặng phắc.

“Ta…” Nikolai ngập ngừng nói.

“Con phải đi rồi, thưa cha. Cha làm ơn…?”

Nikolai lại nhắm nghiền mắt. Rồi ông bắt đầu đọc và chỉ mở mắt ra khi đến câu “Ta giải thoát cho con khỏi mọi tội lỗi, nhân danh Cha, Con và Thánh thần.”

Ông làm dấu thánh phía trên mái đầu đang cúi xuống của người đàn ông.

"Tạ ơn cha," anh ta nói khẽ. Sau đó anh ta quay người và vội vã rời khỏi nhà thờ.

Nikolai vẫn đứng nguyên tại chỗ, lắng nghe tiếng vọng những lời lẽ đó vẫn còn văng vẳng khắp bốn bề. Giờ thì có lẽ ông đã nhớ ra được mình từng gặp anh ta ở đâu rồi. Tại sảnh nhà thờ Gamle Aker. Anh ta đã đem một Ngôi sao Bethlehem mới đến để thay thế ngôi sao bị hỏng.

Là một linh mục, Nikolai bị ràng buộc bởi lời thề giữ bí mật, và ông không có ý định phá vỡ lời thề ấy bất chấp những điều mình vừa mới nghe được. Vậy nhưng có điều gì đó bất thường trong giọng nói của người đàn ông nọ, trong cái cách anh ta nói mình đã nghĩ đến chuyện… chuyện gì nhỉ?

Nikolai đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Mây từ đâu kéo về vậy? Thời tiết oi bức thế này thì nhất định sẽ sớm có biến chuyển gì đó. Mưa. Nhưng trước hết sẽ là sấm chớp.

Ông đóng cửa lại, quỳ xuống trước bệ thờ nhỏ và bắt đầu cầu nguyện. Ông cầu nguyện bằng lòng nhiệt thành mãnh liệt mà đã lâu lắm rồi ông không cảm nhận được. Cầu xin được dẫn đường chỉ lối và ban thêm sức mạnh. Cả sự tha thứ nữa.

Lúc hai giờ, Bjørn Holm đứng ở ngưỡng cửa phòng làm việc của Beate để báo với cô rằng họ vừa phát hiện được một chi tiết và cô cần xem qua.

Cô đứng dậy, đi theo anh ta vào phòng rửa ảnh, anh ta trỏ vào một tấm ảnh vẫn còn đang treo trên dây cho khô.

"Tấm này chụp hôm thứ Hai tuần trước," Bjørn nói. "Thời điểm chụp

là năm rưỡi chiều, khoảng nửa giờ sau khi Barbara Svendsen bị giết ở quảng trường Carl Berners. Cô có thể dễ dàng đạp xe từ đó đến công viên Frogner trong thời gian ấy."

Trong ảnh có một cô gái đang mỉm cười trước đài phun nước. Bên cạnh cô ta là một phần bức tượng điêu khắc. Beate biết bức tượng này. Đó là một trong những nhóm tượng cây, tượng cô thiếu nữ đang lao mình từ trên cao xuống. Cô luôn tới đứng trước bức tượng ấy mỗi khi gia đình cô lái xe tới Oslo dạo chơi trong công viên Frogner vào Chủ nhật. Bố cô đã giải thích rằng tác phẩm của Gustav Vigeland này tượng trưng cho nỗi sợ hãi của người thiếu nữ đang lao mình trước viễn cảnh trưởng thành và làm mẹ.

Thế nhưng, hôm nay thứ khiến Beate chú ý không phải cô thiếu nữ. Mà là phần phía sau đầu của một người đàn ông ở rìa bức ảnh. Người này đang đứng trước một cái thùng rác màu xanh lục. Trên tay anh ta cầm một chiếc túi nylon màu nâu. Anh ta đang mặc áo bó màu vàng và quần cua rơ màu đen. Trên đầu anh ta đội mũ bảo hiểm đen, kính râm và bịt mặt bằng khăn.

"Gã Nhân viên Giao hàng," Beate khẽ nói.

"Có thể," Bjørn Holm nói. "Tiếc là hắn vẫn bịt mặt."

"Có thể." Câu nói ấy nghe như một tiếng vọng. Beate xòe tay ra, mắt vẫn dán vào tấm ảnh. "Kính lúp."

Holm tìm thấy chiếc kính trên bàn giữa những túi đựng dung dịch rửa ảnh và đưa nó cho cô.

Cô nhắm một mắt khi rà chiếc kính lúp qua tấm ảnh.

Bjørn Holm quan sát vị sếp của mình. Dĩ nhiên anh ta đã nghe kể nhiều chuyện về Beate Lønn hồi cô còn điều tra những vụ cướp ngân hàng, về việc cô đã ngồi một mạch mấy ngày liền trong "Nhà Đau đớn" - căn

phòng lưu trữ video kín như hũ nút - để xem băng video quay cảnh vụ cướp, kỹ đến từng khung hình, vừa xem vừa soi chi tiết dáng người, ngôn ngữ cơ thể, những đường nét khuôn mặt đằng sau những chiếc mặt nạ. Cuối cùng cô phát hiện ra danh tính của tên cướp ngân hàng vì cô đã từng trông thấy hắn trong một cuộn băng khác quay cảnh vụ cướp xảy ra ở bưu điện từ mười lăm năm trước, hồi cô còn là cô nhóc chưa dậy thì, một cuộn băng được lưu trên ổ cứng chứa đến cả triệu khuôn mặt và tất cả những vụ cướp ngân hàng từng xảy ra ở Na Uy kể từ khi hệ thống camera an ninh ra đời. Một số người nói rằng bí quyết nằm ở việc Beate sở hữu hồi hình thoi khác thường - bộ phận của não có chức năng nhận diện khuôn mặt - và đó chắc hẳn là năng khiếu thiên bẩm. Chính vì thế, Bjørn Holm không để ý đến tấm ảnh mà chỉ nhìn cặp mắt Beate Lønn đang tập trung vào tấm ảnh trước mặt cô, kiểm tra kỹ từng chi tiết theo cái cách không thể học theo được.

Nhờ vậy anh ta mới nhận thấy khuôn mặt người đàn ông đó không phải là điều Beate đang chăm chú quan sát qua kính lúp.

“Đầu gối,” cô nói. “Anh có thấy không?”

Bjørn ghé lại gần hơn.

“Sao cơ?” anh ta hỏi.

“Đầu gối bên trái. Trông như dán băng cá nhân ấy.”

“Ý cô là chúng ta phải để ý canh chừng những người dán băng cá nhân trên đầu gối trái sao?”

“Anh cứ đùa, Holm ạ. Trước khi tìm được danh tính của người trong ảnh, chúng ta phải xác định xem liệu hắn có đúng là Sát nhân Giao hàng hay không đã.”

“Và bằng cách nào cơ?”

“Đến thăm nhân vật duy nhất chúng ta biết đã từng nhìn thấy Sát nhân Giao hàng ở khoảng cách gần. Anh chuẩn bị một bản sao của bức ảnh này trong lúc tôi đi lấy xe nhé.”

Sven Sivertsen nhìn chằm chằm Harry với vẻ sửng sốt cực độ. Harry vừa giải thích cho y nghe về giả thuyết anh đặt ra, một giả thuyết không tưởng.

“Tôi thực sự không biết,” Sivertsen nói khẽ. “Tôi chưa bao giờ xem bất kỳ bức ảnh nào của các nạn nhân mà báo chí đăng tải. Cảnh sát có nhắc đến tên họ khi thẩm vấn tôi, nhưng chẳng có cái tên nào tôi thấy quen.”

“Tạm thời đây mới chỉ là giả thuyết thôi,” Harry nói. “Chúng ta vẫn chưa biết hắn có đúng là Sát nhân Giao hàng không, cần phải có bằng chứng chắc chắn.”

Sivertsen mỉm cười, nói, “Tốt nhất trước hết anh nên thuyết phục được tôi về việc anh đủ khả năng giải oan cho tôi cái đã. Sau đó tôi sẽ đồng ý để hai chúng ta xuất đầu lộ diện và anh có thể dùng bằng chứng tôi có để buộc tội Waaler.”

Harry nhún vai.

“Tôi có thể gọi điện cho sếp tôi, Bjarne Møller, nhờ ông ấy đi xe tuần tra tới và đưa hai chúng ta ra khỏi đây một cách an toàn.”

Sivertsen kiên quyết lắc đầu.

“Chắc chắn còn nhiều kẻ khác dính líu đến đường dây này, những kẻ có cấp bậc cao hơn Waaler trong ngành cảnh sát. Tôi không tin ai hết. Anh sẽ phải tìm được bằng chứng trước đã.”

Harry xòe bàn tay ra rồi nắm chặt lại. “Vẫn còn lựa chọn khác. Một lựa chọn có thể bảo vệ được cả hai chúng ta.”

“Và đó là?”

“Liên lạc với báo giới và nói cho họ những gì chúng ta biết. Về Sát nhân Giao hàng và Waaler. Khi mọi chuyện vỡ lở thì đã quá muộn màng, sẽ chẳng ai làm được gì nữa cả.”

Sivertsen tỏ vẻ ngờ vực.

“Thời gian của hai chúng ta sắp hết rồi,” Harry nói. “Hắn đang mỗi lúc một tới gần. Anh không cảm thấy à?”

Sivertsen xoa xoa cổ tay.

“Thôi được,” y nói. “Vậy thì làm đi.”

Harry thò tay vào túi quần sau, lôi ra tấm danh thiếp nhàu nhĩ. Anh do dự một giây. Có lẽ vì anh đang tính đến những hậu quả của việc mình sắp làm. Hoặc cũng có thể anh chẳng tính gì hết. Anh nhập số điện thoại cơ quan vào di động. Bên kia nhấc máy nhanh đến không ngờ.

“Roger Gjendem nghe.”

Harry có thể nghe thấy tiếng nói rì rầm, tiếng gõ bàn phím lách cách và tiếng điện thoại reo ở hậu cảnh.

“Harry Hole đây. Tôi muốn anh nghe cho thật kỹ, Gjendem. Tôi đang nắm trong tay một số thông tin về Sát nhân Giao hàng. Và đường dây buôn lậu vũ khí. Một trong những đồng nghiệp của tôi ở Sở cũng dính dáng đến đường dây đó. Anh hiểu chứ?”

“Tôi tin là vậy.”

“Tốt. Chuyện này anh được độc quyền khai thác, với điều kiện anh phải đăng lên trang web của *Aftenposten* càng sớm càng tốt.”

“Dĩ nhiên rồi. Anh đang gọi điện từ đâu vậy, thanh tra Hole?”

Gjendem có vẻ không ngạc nhiên như Harry tưởng.

“Điều đó không quan trọng. Tôi có thông tin chứng minh được Sven Sivertsen không thể là Sát nhân Giao hàng, và sĩ quan cảnh sát đứng đầu cuộc điều tra là một mắt xích trong đường dây buôn lậu vũ khí đã hoạt động tại Na Uy trong nhiều năm qua.”

“Tuyệt lắm. Nhưng tôi tin chắc anh cũng hiểu tôi không thể đăng bài chỉ dựa trên một cuộc trao đổi qua điện thoại.”

“Ý anh là sao?”

“Không tờ báo nghiêm túc nào chịu đăng lời cáo buộc một thanh tra cảnh sát có tên tuổi là kẻ buôn lậu vũ khí mà không kiểm tra độ xác thực của nguồn tin. Tôi không mảy may nghi ngờ gì về nhân cách của anh, nhưng làm sao tôi biết được anh có đang say xỉn hoặc mất trí hoặc cả hai hay không? Nếu tôi không kiểm tra đúng quy trình thì tờ báo có thể sẽ bị kiện ra tòa. Chúng ta gặp trực tiếp đi được không, thanh tra Hole? Sau đó tôi sẽ đăng tất cả những gì anh kể cho tôi nghe. Tôi hứa đấy.”

Trong khoảng lặng diễn ra sau đó, Harry nghe thấy có tiếng cười vọng vào điện thoại. Một tiếng cười rì rầm thật vô ưu.

“Anh khỏi cần nghĩ đến chuyện gọi cho báo khác làm gì - họ cũng sẽ trả lời như tôi thôi. Tin tôi đi, thanh tra.”

Harry hít một hơi thật sâu.

“Được rồi,” anh nói. “Gặp nhau tại quán Underwater trên phố Dalsbergstien. Lúc năm giờ. Anh phải đi một mình, nếu không tôi sẽ không xuất hiện. Và cấm hở ra chuyện này với bất cứ ai đấy, anh hiểu chứ?”

“Đã hiểu.”

“Hẹn gặp lại.”

Harry nhấn nút ngắt máy rồi cắn môi dưới.

“Hy vọng đó là quyết định khôn ngoan,” Sven nói.

Bjørn Holm và Beate rời khỏi đại lộ Bygdøy đông đúc rồi lập tức rẽ vào một con đường yên tĩnh, một bên là những ngôi nhà gỗ biệt lập méo mó, còn bên kia là những tòa chung cư thời thượng xây bằng gạch. Sát mép vỉa hè hai bên đỗ đầy xe ô tô của Đức.

“Đúng là khu thượng lưu,” Bjørn nói.

Xe dừng lại bên ngoài một tòa chung cư nhỏ bé sơn vàng.

Một giọng nói cất lên trong máy điện thoại nội bộ sau hai hồi chuông reo.

“Ai đấy?”

“André Clausen phải không?”

“Vâng, tôi tin là vậy.”

“Beate Lønn, cảnh sát đây. Chúng tôi vào được chứ?”

André Clausen đã chờ sẵn ở ngưỡng cửa, mặc áo choàng ngủ dài đến đùi. Ông ta vừa đưa tay gãi vết thương đóng vảy trên má vừa nửa vời cố ghìm một cái ngáp.

“Xin lỗi nhé,” ông ta nói. “Tối qua tôi về muộn quá.”

“Từ Thụy Sĩ chăng?”

“Không, tôi chỉ lên núi thôi. Mời anh chị vào.”

Phòng khách của Clausen hơi nhỏ so với quy mô bộ sưu tập đồ mỹ

nghệ mà ông ta sở hữu, và Bjørn Holm nhanh chóng xác định được rằng sở thích của Clausen thiên về phong cách Liberace hơn là phong cách tối giản. Nước chảy róc rách từ một đài phun nước trong góc, nơi đặt bức tượng nữ thần khỏa thân đang vươn người về phía những bức bích họa của nhà nguyện Sistine trên trần kiểu mái vòm.

"Trước hết, tôi muốn ông tập trung nhớ lại cái lần ông trông thấy gã Sát nhân Giao hàng tại khu lễ tân ở văn phòng luật kia," Beate nói. "Sau đó xem qua tấm ảnh này."

Clausen cầm lấy tấm ảnh và chăm chú xem nó trong lúc di ngón tay lên vết thương trên má. Bjørn Holm thì quan sát khu vực phòng khách. Anh ta nghe thấy tiếng sột soạt đằng sau một cánh cửa và tiếng chân động vật đang cào ở phía bên kia.

"Có thể," Clausen nói.

"Có thể ư?" Beate ngồi mớm trên mép ghế.

"Rất có khả năng. Trang phục giống nhau. Mũ bảo hiểm và kính râm cũng giống nữa."

"Tốt lắm. Và còn băng cá nhân trên đầu gối. Hắn có dán băng không?"

Clausen khẽ cười.

"Tôi đã nói rồi, tôi không có thói quen săm soi đàn ông kỹ thế. Nhưng nếu khiến cô vui hơn được, thì tôi có thể khẳng định phản ứng đầu tiên của tôi là đây chính là người tôi đã trông thấy. Ngoài điều đó ra thì…"

Ông ta dang hai cánh tay ra tỏ vẻ không biết.

"Cảm ơn ông," Beate nói và đứng dậy.

"Không có gì," Clausen nói, tiễn họ ra cửa và chìa tay ra. Hành động thật lạ lùng, Holm thầm nghĩ, nhưng vẫn bắt tay ông ta. Tuy nhiên, khi

Clausen chìa tay sang Beate thì cô lắc đầu với một nụ cười khẽ:

“Xin lỗi, nhưng… tay ông dính máu. Và cằm ông cũng đang chảy máu kìa.”

Clausen đưa tay sờ lên mặt.

“Đúng rồi,” ông ta cười. “Tất cả là tại Truls. Con chó của tôi. Mấy trò chúng tôi chơi hôm cuối tuần có hơi quá đà.”

Ông ta nhìn vào mắt Beate, nụ cười càng lúc càng nở rộng.

“Tạm biệt,” Beate nói.

Bjørn Holm không hiểu sao anh ta lại rùng mình khi bước ra bầu không khí nóng bức ngột ngạt lúc trước.

Klaus Torkildsen đã chĩa cả hai cái quạt trong phòng về phía mặt mình, nhưng cảm giác cứ như thể chúng chỉ thổi hơi nóng tỏa ra từ đống máy móc ngược vào anh ta vậy. Anh ta gõ những ngón tay lên lớp kính dày trên màn hình. Dưới số điện thoại nội bộ ở Kjølberggata. Người nghe vừa cúp máy. Đó là lần thứ tư trong ngày hôm nay người đó nói chuyện với thuê bao di động kia. Những cuộc gọi diễn ra trong thời gian khá ngắn.

Anh ta nhấp đúp vào số di động để tìm tên thuê bao. Một cái tên hiện lên. Anh ta lại nhấp đúp vào để xem địa chỉ và nghề nghiệp của người đó. Khi kết quả xuất hiện, Klaus ngồi ngây ra nhìn thông tin một lúc. Sau đó anh ta quay số điện thoại được dặn gọi đến khi có tin cần báo cáo.

Có người nhấc máy.

“A lô?”

“Torkildsen ở Telenor đây. Tôi đang nói chuyện với ai vậy?”

“Không cần quan tâm chuyện đó, Torkildsen. Anh có tin gì cho chúng tôi?”

Torkildsen cảm thấy hai bắp tay nhớp nháp mồ hôi như dính vào lồng ngực.

“Tôi đã kiểm tra đôi chút,” anh ta nói. “Di động của Hole không ngừng di chuyển và không thể truy dấu được vị trí. Nhưng còn một số di động khác đã gọi đến số máy nội bộ trên phố Kjølberggata vài lần.”

“Được rồi. Số đó của ai?”

“Thuê bao đăng ký dưới tên Øystein Eikeland. Nghề nghiệp khai báo là tài xế taxi.”

“Thì sao?”

Torkildsen trề môi dưới, cố thổi hơi nóng lên trên để xua đi lớp hơi nước đọng lại trên mắt kính.

“Tôi chỉ nghĩ có thể có mối liên hệ nào đó giữa chiếc điện thoại không ngừng chạy khắp thành phố và người lái taxi.”

Đầu dây bên kia im lặng.

“A lô?” Torkildsen nói.

“Đã nghe và đã hiểu,” giọng nói kia trả lời. “Cứ tiếp tục theo dõi những số máy đó đi, Torkildsen.”

Bjørn Holm và Beate vừa đặt chân vào khu lễ tân ở cơ quan trên phố Kjølberggata thì điện thoại di động của Beate đổ chuông.

Cô rút nó ra khỏi đai lưng, nhìn màn hình rồi áp lên tai bằng một động tác nhanh nhẹn.

“Harry à? Anh bảo Sivertsen kéo ống quần bên trái lên đi. Chúng tôi vừa tìm ra bức ảnh chụp một người đi xe đạp bịt mặt đứng trước đài phun nước lúc năm rưỡi ngày thứ Hai tuần trước, đầu gối có dán băng cá nhân. Trên tay hắn cầm một cái túi nylon màu nâu.”

Bjørn phải sải bước dài hơn mới theo kịp được cô đồng nghiệp nhỏ nhắn đang vội vã đi trên hành lang. Anh ta nghe thấy tiếng nói lẹt xẹt trong điện thoại.

Beate quay ngoắt vào văn phòng.

“Không có băng dán và vết thương ư? Không, tôi biết điều đó chẳng chứng minh được gì, có điều, André Clausen đã phần nào khẳng định người trong ảnh chính là người ông ta trông thấy ở Halle, Thune & Wetterlid.”

Cô ngồi xuống bàn làm việc của mình.

“Gì cơ?”

Bjørn Holm nhận thấy ba nếp nhăn hình chữ V ngược hằn sâu trên trán cô.

“Được.”

Cô bỏ điện thoại xuống rồi nhìn chằm chằm vào nó như thể không tin nổi điều mình vừa nghe có phải là sự thật hay không.

“Harry cho rằng anh ấy đã biết Sát nhân Giao hàng là ai rồi,” cô nói.

Bjørn không đáp.

“Anh kiểm tra xem phòng thí nghiệm có bận không,” cô nói. “Harry vừa giao cho chúng ta công việc mới đấy.”

“Việc gì?” Bjørn hỏi.

"Một việc rất bẩn thỉu."

Øystein Eikeland đang ngồi trong chiếc taxi tại khu vực đỗ xe dưới phố St Hanshaugen, mắt khép hờ, nhìn ra phố về phía một cô gái chân dài đang ngồi uống cà phê trên chiếc ghế ở vỉa hè bên ngoài quán Java. Tiếng điều hòa chạy ro ro đã bị tiếng nhạc phát ra từ loa át đi.

Những kẻ ác khẩu đồn rằng bài hát này là sáng tác của Gram Parsons và đã bị Keith cùng ban nhạc the Stones hớt tay trên để cho vào album *Sticky Fingers* trong thời gian họ ở Pháp. Thập niên sáu mươi đã qua và họ đang phải cố viện đến ma túy để khơi nguồn sáng tạo: *Wild Horses.*

Cửa sau bất ngờ mở ra. Øystein giật bắn mình. Người vừa vào chắc chắn đi từ đằng sau xe, ở phía công viên. Khi nhìn vào gương, anh ta trông thấy một khuôn mặt rám nắng có quai hàm rắn chắc, đeo kính râm phản quang.

"Đến hồ Maridal, bác tài." Giọng nói tuy khẽ nhưng chất uy quyền trong đó thì không thể nhầm được. "Nếu không phiền…"

"Không có gì," Øystein lẩm bẩm, vặn nhỏ nhạc và rít điếu thuốc lá lần cuối trước khi ném nó ra ngoài cửa sổ.

"Chỗ nào ở hồ Maridal?"

"Cứ lái đi. Tôi sẽ dẫn đường cho anh."

Xe chạy qua phố Ullevålsveien.

"Dự báo sắp có mưa đấy," Øystein nói.

"Tôi sẽ dẫn đường cho anh," giọng nói đó lặp lại.

Kiểu này là không có tiền boa rồi, Øystein nghĩ bụng.

Mười phút sau, xe ra khỏi khu vực dân cư và đột nhiên bốn bề toàn đồng cỏ, nông trại và hồ Maridal. Sự biến chuyển ấy tuyệt diệu đến mức có lần một du khách người Mỹ đã hỏi Øystein có phải họ đang ở trong công viên giải trí không.

"Tới ngã rẽ phía trước thì rẽ trái," giọng nói cất lên.

"Chỗ khu rừng á?" Øystein hỏi.

"Phải. Sao, sợ à?"

Ý nghĩ đó chưa từng xuất hiện trong đầu Øystein. Cho tới lúc này. Anh ta lại nhìn vào gương lần nữa, nhưng vị khách đã ngồi dịch sang phía cửa sổ nên anh ta chỉ có thể nhìn thấy nửa khuôn mặt người đó.

Øystein giảm tốc độ, xi nhan báo hiệu rồi đánh xe sang trái. Con đường đầy sỏi đá trước mặt vừa bé vừa gồ ghề, lại còn có cỏ dại mọc giữa đường.

Øystein ngần ngừ.

Hai bên đường, những cành lá xanh mướt sà xuống phản chiếu ánh đèn trông như thể đang vẫy tay mời họ đi tiếp. Øystein đạp thắng. Sỏi đá lạo xạo dưới lốp xe, và chiếc xe khựng lại.

"Xin lỗi," anh ta nói và nhìn vào gương. "Xe tôi vừa sửa khung sườn hết bốn chục ngàn và không được phép chạy trên những con đường kiểu này. Nếu anh cần thì tôi sẽ gọi xe khác cho."

Người đàn ông trên ghế sau dường như đang mỉm cười, ít ra là nửa khuôn mặt anh ta có thể quan sát được cho thấy vậy.

"Anh đang định dùng điện thoại nào để gọi hả Eikeland?" Øystein cảm thấy tóc gáy dựng đứng.

“Điện thoại của mày?” giọng nói thì thào. “Hay của Harry Hole?”

“Tôi không hiểu chính xác anh đang nói gì cả, nhưng chuyến xe kết thúc tại đây, thưa anh.”

Gã đàn ông phá lên cười.

“Thưa anh? Tao không nghĩ thế đâu, Eikeland.”

Øystein bỗng nhiên cảm thấy muốn nuốt khan một cái, nhưng cố ghìm lại.

“Nghe này, anh không cần phải trả tiền vì tôi không thể đưa anh đến được nơi cần đến. Mời anh xuống xe và đợi ở bên ngoài, tôi sẽ gọi xe khác cho anh.”

“Hồ sơ của mày cho thấy mày là kẻ khôn ngoan, Eikeland. Vì vậy chắc mày hiểu ý tao. Tao không thích cách nói cũ rích này, nhưng mọi việc diễn ra theo cách nào, dễ hay khó, đều phụ thuộc vào mày cả đấy.”

“Tôi thực sự không biết… Ái!”

Gã đàn ông táp một phát lên phía sau đầu Øystein, ngay bên trên chỗ tựa đầu, và khi Øystein chúi đầu về đằng trước theo phản xạ, anh ta ngỡ ngàng cảm thấy mắt mình đang ứa lệ. Thực ra cú đánh không đau lắm. Nó là kiểu đánh của bọn học sinh cấp hai: nhẹ thôi, chủ yếu để dằn mặt. Thế nhưng tuyến lệ của Øystein đã nhận thức được một điều mà não bộ còn chưa chịu hiểu ra. Rằng anh ta gặp rắc rối to rồi.

“Điện thoại của Harry đâu, Eikeland? Trong hộc đựng găng? Trong cốp xe? Hay có lẽ là trong túi mày?”

Øystein không đáp. Anh ta ngồi im trong lúc đưa mắt nhìn quanh để tính toán. Hai bên đều là rừng. Có điều gì đó mách bảo anh ta rằng gã đàn ông ngồi trên ghế sau có thân hình khỏe mạnh và chỉ cần vài giây là hắn sẽ

tóm được anh ta ngay. Hắn đi một mình à? Có nên bật hệ thống báo động để kết nối với những xe khác không? Lôi kéo người khác vào chuyện này liệu có phải ý hay?

“Hiểu rồi,” gã đàn ông nói. “Vậy là mày chọn cách khó. Mà mày biết sao không?” Øystein chưa kịp phản ứng thì đã cảm thấy một cánh tay chẹn vào cổ, ép chặt đầu anh ta lên phần tựa ghế. “Thực lòng tao cũng đã hy vọng thế đấy.”

Cặp kính của Øystein rơi xuống. Anh ta vươn tay về phía vô lăng nhưng không thể với tới.

“Mày mà bật báo động là tao giết,” gã đàn ông thì thào vào tai Øystein. “Tao không nói chơi đâu, Eikeland, mà tao sẽ tước đoạt mạng sống của mày theo đúng nghĩa đen đấy.”

Bất chấp sự thật rằng não bộ lúc này đang bị thiếu ôxy, thị giác, thính giác và khứu giác của Øystein Eikeland vẫn trở nên tinh tường đến lạ. Anh ta có thể nhìn thấy những mạch máu chằng chịt bên dưới mí mắt mình, ngửi thấy mùi nước hoa sau cạo râu của gã đàn ông và nghe thấy âm sắc vui sướng hơi rin rít - gần giống tiếng dây cua roa - trong giọng nói của hắn.

“Hắn đang ở đâu, Eikeland? Harry Hole đâu?”

Øystein há miệng và gã đàn ông nới lỏng tay.

“Tôi không biết anh đang nói…”

Rồi cánh tay lại trở về trên cổ anh ta, siết chặt.

“Tao hỏi lần cuối, Eikeland. Thằng bạn nát rượu của mày hiện ở đâu?”

Øystein cảm thấy cơn đau và khát vọng sống lì lợm trỗi dậy, nhưng anh ta cũng hiểu tất cả sẽ sớm kết thúc. Anh ta đã từng trải qua những chuyện kiểu này rồi. Đây chỉ là một thời kỳ, một giai đoạn xảy ra trước khi

cảm giác buông xuôi thú vị hơn nhiều ùa đến. Từng giây trôi qua thật chậm. Não bộ bắt đầu mất dần mối liên kết với các cơ quan chính. Đầu tiên là thị giác.

Thế rồi gã đàn ông lại buông tay, ôxy tràn vào trong não Øystein. Thị giác đã trở về. Cùng với cả cơn đau.

"Kiểu gì bọn tao cũng sẽ tìm ra hắn thôi," hắn nói. "Nhưng trước hay sau khi mày về chầu trời thì cho mày chọn đấy."

Øystein cảm thấy một vật vừa cứng vừa lạnh kéo rê trên thái dương mình. Sau đó lướt qua sống mũi. Øystein đã xem phim Viễn Tây không ít, nhưng anh ta chưa bao giờ nhìn thấy một khẩu súng lục 0.45 ở khoảng cách gần trước đây.

"Há miệng ra."

Chứ đừng nói là nếm thử.

"Tao sẽ đếm đến năm. Sau đó tao sẽ bắn. Gật đầu nếu mày có điều gì muốn nói với tao. Tốt nhất là trước khi tao đếm hết. Một…"

Øystein cố gắng trấn áp nỗi sợ chết. Cố gắng tự nhủ con người là giống loài có lý trí, và rằng gã đàn ông đang ngồi phía sau kia sẽ chẳng được lợi lộc gì nếu giết anh ta.

"Hai…"

Logic đúng về phía mình, Øystein thầm nghĩ. Họng súng có thứ mùi buồn nôn của kim loại và máu.

"Ba. Và khỏi lo chuyện bẩn ghế, Eikeland. Tao sẽ dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ sau khi ra tay."

Øystein cảm thấy toàn thân bắt đầu run rẩy, một phản ứng không thể kiểm soát mà xưa nay anh ta mới chỉ được chứng kiến, nó gọi cho anh ta

nhớ đến quả tên lửa trên ti vi cũng rung lên như thế, một vài giây trước khi được phóng vào khoảng không vũ trụ lạnh lẽo, trống rỗng.

“Bốn.”

Øystein gật đầu. Lia lịa và thật mạnh.

Khẩu súng biến mất.

“Điện thoại ở trong hộc để găng,” Øystein hổn hển nói. “Anh ta nói tôi phải để máy bật liên tục và không được chạm vào nếu chuông reo. Anh ta đã lấy máy của tôi.”

“Tao không quan tâm đến điện thoại,” hắn nói. “Mà tao muốn biết Hole đang ở đâu.”

“Tôi không biết. Anh ta không nói gì cả. À, có. Anh ta bảo sẽ tốt hơn cho cả hai nếu tôi không biết gì.”

“Hắn nói láo,” gã đàn ông nói.

Lời thốt ra chậm rãi và bình thản, Øystein không thể xác định được hắn đang tức hay đang vui.

“Điều đó chỉ tốt cho hắn thôi, Eikeland. Không phải cho mày.”

Họng súng lạnh lẽo chọc vào má Øystein, cảm giác chẳng khác gì một thanh sắt nung đỏ.

“Khoan đã! Harry có nói một câu. Giờ tôi nhớ ra rồi. Anh ta bảo anh ta sẽ trốn ở nhà.”

Những câu từ tuôn ra ào ào từ miệng Øystein, tưởng như chúng bị đẩy ra ngoài khi còn chưa thành hình trọn vẹn.

“Bọn tao đã tới đó tìm rồi, đồ ngu,” giọng nói đáp.

“Ý tôi không phải là căn hộ của anh ta. Mà là nhà anh ta ở Oppsal. Nơi anh ta lớn lên.”

Gã đàn ông bật cười, Øystein cảm thấy nhức nhối đau khi họng súng chọc vào lỗ mũi mình.

“Bọn tao đã theo dõi máy điện thoại của mày suốt mấy tiếng qua, Eikeland. Bọn tao biết hắn đang ở khu nào của thành phố. Và đó không phải là Oppsal. Mày đang nói dối: trắng trợn. Hay nói cách khác là: năm.”

Một tiếng bíp vang lên. Øystein nhắm nghiền mắt. Tiếng bíp vẫn không ngừng lại. Anh ta chết rồi ư? Những tiếng bíp nối tiếp nhau tạo thành một giai điệu. *Purple Rain.* Của Prince. Tiếng nhạc chuông kỹ thuật số của điện thoại di động.

“A lô, có chuyện gì?” giọng nói cất lên phía sau anh ta.

Øystein không dám mở mắt.

“Ở quán Underwater? Lúc năm giờ? Được, lập tức huy động toàn bộ nhân lực. Tao đến ngay.”

Øystein nghe thấy tiếng quần áo sột soạt sau lưng mình. Số anh ta thế là đã tận. Anh ta nghe thấy tiếng chim hót véo von bên ngoài. Âm rung cao vút tuyệt hay. Thậm chí anh ta còn không biết đó là loài chim gì. Phải chi anh ta biết được. Giờ thì anh ta sẽ chẳng bao giờ biết. Đột nhiên anh ta cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình.

Øystein rón rén mở mắt và liếc nhìn vào gương.

Một hàm răng trắng lóa phô ra, sau đó là giọng nói với âm điệu vui sướng y như lúc nãy, “Trung tâm thành phố, bác tài. Vọt lẹ đi.”

THỨ HAI



mây

Rakel giật mình choàng mở mắt. Tim cô đang đập dồn dập trong lồng ngực. Cô đã ngủ thiếp đi. Cô lắng nghe tiếng ồn ào không ngớt của đám trẻ con bơi lội ở bể bơi ngoài trời Frogner. Mùi cỏ ngai ngái vẫn còn vương lại trong niêm mạc của cô, hơi nóng phủ lên làn da lưng tựa như một tấm chăn lông vịt ấm áp. Cô vừa nằm mơ ư? Điều gì đã đánh thức cô vậy nhỉ?

Một cơn gió đột ngột ùa tới, thổi bay tấm chăn ấy đi, khiến cô nổi da gà.

Thật lạ lùng làm sao, đôi khi những giấc mơ cứ trôi khỏi tâm trí con người ta chẳng khác nào lớp xà phòng trơn tuột, cô vừa nghĩ thầm vừa xoay người lại. Chống khuỷu tay nhỏm dậy, cô đưa mắt nhìn quanh.

Một giây sau, cô đứng dậy.

“Oleg!”

Rồi cô bắt đầu chạy.

Cô tìm thấy thằng bé ở bể nhảy cầu. Nó đang ngồi trên mép bể tán gẫu

với một cậu bé, hình như trước đây cô từng gặp cậu bé này rồi. Có thể là bạn cùng lớp của Oleg.

"Con chào mẹ." Nó nheo mắt ngước nhìn cô và mỉm cười.

Rakel kéo giật cánh tay thằng bé, dù không chủ ý hành động thô bạo đến thế.

"Mẹ đã bảo con không được bỏ đi chơi mà không nói gì với mẹ rồi còn gì."

Oleg sững người và có chút xấu hổ. Cậu bạn lùi lại phía sau vài bước.

Cô buông thằng bé ra rồi thở dài và đưa mắt nhìn chằm chằm về phía đường chân trời. Bầu trời xanh trong chỉ có duy nhất một gợn mây trắng đang chỉ lên trên như thể ai đó vừa mới phóng một quả tên lửa.

"Gần năm giờ rồi. Mẹ con mình về thôi," cô nói. Giọng cô nghe thật xa xăm. "Đến giờ ăn tối rồi."

Ngồi trong ô tô trên đường về, Oleg hỏi Harry có đến không.

Rakel lắc đầu.

Trong lúc chờ đèn xanh ở ngã tư Smestad, cô gập người về phía trước, nhìn lên trời tìm gợn mây lần nữa. Nó vẫn ở yên đó, chỉ nhích lên cao hơn một chút và phần dưới đã ngả sang màu xám.

Cô đã nhớ khóa cửa lại khi hai mẹ con về đến nhà.

THỨ HAI



cuộc gặp

Roger Gjendem dừng chân bên ngoài cửa sổ quán Underwater, đăm đăm nhìn làn nước sủi tăm trong bể thủy sinh. Một hình ảnh bỗng vụt qua trước mắt. Một cậu bé bảy tuổi đang cuống cuồng bơi về phía anh ta, những sải bơi điên cuồng và vẻ hốt hoảng hiện rõ trên khuôn mặt của nó, như thể anh ta, Roger, cũng là anh trai thằng bé, là người duy nhất trên đời có thể cứu được nó vậy. Roger vừa cười vừa gọi to thằng bé, nhưng Thomas vốn không nhận ra rằng mình đang ở vùng nước nông và chỉ cần hạ chân xuống là sẽ chạm tới đáy. Có đôi lúc Roger nghĩ mình đã dạy em cách bơi trong dòng nước, nhưng dòng đời mới chính là thứ đã nhấn chìm nó.

Anh ta đứng ở cửa quán Underwater vài giây cho mắt quen dần với bóng tối. Ngoài nhân viên phục vụ quầy bar, anh ta có thể thấy trong phòng chỉ có đúng một người, một cô gái tóc đỏ đang ngồi hơi quay lưng về phía mình cùng cốc bia còn phân nửa trước mặt và điếu thuốc kẹp giữa hai ngón tay. Roger đi ra cầu thang để xuống tầng dưới và ngó nhìn. Cũng chẳng có ai. Anh ta quyết định đợi ở quầy bar tại tầng trệt. Ván sàn kêu cọt kẹt dưới

chân anh ta, khiến cô gái tóc đỏ ngước nhìn. Gương mặt cô tuy sấp bóng nhưng có điều gì đó trong dáng ngồi và điệu bộ của cô khiến anh ta cho rằng cô có diện mạo ưa nhìn. Hoặc đã từng như thế. Anh ta để ý thấy cô đặt một chiếc túi cạnh bàn. Có thể cô cũng đang đợi người nào đó.

Anh ta gọi một cốc bia rồi liếc đồng hồ đeo tay.

Anh ta đã phải đi lòng vòng quanh khu này vài lần để không có mặt trước năm giờ, như đã hẹn. Anh ta không muốn cho đối phương cảm giác anh ta quá sốt sắng - như thế sẽ dễ bị sinh nghi. Dù vậy thì ai có thể nghi ngờ một nhà báo quá sốt sắng muốn được biết thông tin biết đâu sẽ khiến cục diện vụ án chấn động nhất mùa hè thay đổi hoàn toàn cơ chứ? Nếu quả thực cuộc hẹn này là để nói về chuyện đó.

Roger đã chú ý quan sát xung quanh trong lúc lang thang trên phố. Để xem có thấy chiếc ô tô nào đỗ sai vị trí, ai đó đứng đọc báo ở góc phố hoặc một kẻ vô gia cư lăn ra ngủ trên ghế băng hay không, có lẽ vậy. Thế nhưng anh ta chẳng phát hiện được bất cứ điều gì. Bọn họ dĩ nhiên là dân chuyên nghiệp rồi. Đó là điều khiến anh ta sợ nhất. Một điều chắc chắn là họ có thể ra tay đúng như lời đe dọa mà vẫn thoát được tội. Anh ta từng nghe một đồng nghiệp trong lúc quá chén lẩm bẩm rằng nội bộ Sở Cảnh sát đang xảy ra những chuyện mà dư luận sẽ chẳng đời nào tin, dù chuyện đó có được đăng tải trên báo đi nữa, nhưng chính Roger cũng đồng tình với dư luận.

Anh ta lại xem đồng hồ đeo tay lần nữa. Bảy phút đã trôi qua.

Liệu họ có xông vào ngay khi Harry Hole xuất hiện? Họ chẳng nói gì với Roger mà chỉ yêu cầu anh ta có mặt tại chỗ hẹn và cư xử tự nhiên như thể bàn chuyện công việc bình thường. Roger uống một ngụm bia lớn nữa với hy vọng chất cồn sẽ giúp anh ta bình tĩnh lại.

Đã được mười phút rồi. Người phục vụ quầy bar đang ngồi trong góc

quầy đọc cuốn tập san du lịch.

“Anh làm ơn cho hỏi,” Roger nói.

Người phục vụ chỉ hơi ngước nhìn.

“Nãy giờ chưa có người đàn ông nào vào đây đúng không? Cao, tóc vàng và…”

“Xin lỗi,” người phục vụ nói, liếm ngón tay cái và lật sang trang. “Tôi vừa nhận ca thì anh đến. Anh hỏi cái cô ngồi kia kìa.”

Roger do dự. Anh ta uống đến khi bia chạm tới logo Ringes trên cốc thì đứng dậy.

“Xin lỗi cô…”

Người phụ nữ ngẩng lên nhìn anh ta với nụ cười gượng gạo.

“Vâng?”

Đến lúc này anh ta mới nhận ra. Khoảng tối trên khuôn mặt cô không phải do sấp bóng. Mà là những vết bầm tím. Trên trán. Trên hai gò má. Và cả trên cổ cô.

“Tôi có hẹn với một anh bạn ở đây, nhưng e rằng anh ta lại đi đâu mất rồi. Cao tầm một mét chín mươi, tóc vàng húi cua.”

“Ồ? Anh ta có trẻ không?”

“À. Khoảng ba mươi lăm tuổi, tôi nghĩ vậy. Diện mạo hơi tiều tụy.”

“Mũi đỏ ửng, mắt xanh lơ, trông vừa trẻ lại vừa già?”

Cô vẫn mỉm cười, nhưng nụ cười kín đáo đến nỗi anh ta cảm nhận được rằng nó không dành cho mình.

“Chắc là đúng anh ta đấy,” Roger ngập ngừng nói. “Anh ta…”

“Không thấy đến, chính tôi cũng đang đợi anh ta đây.”

Roger nhìn cô từ đầu đến chân. Cô cùng hội với những kẻ đó sao? Một phụ nữ khoảng ba mươi lăm tuổi, tương đối hấp dẫn, mặt mũi bầm tím? Giả thuyết này xem chừng khó có khả năng.

“Cô nghĩ anh ta có đến không?” Roger hỏi.

“Không.” Cô cầm cốc bia lên. “Người cần đến thì chẳng bao giờ đến. Còn những người khác lại cứ đến.”

Roger quay lại quầy bar. Cốc bia của anh ta đã được dọn đi. Anh ta gọi thêm cốc nữa.

Người phục vụ quầy bar bật nhạc lên. Glueciter đã cố gắng hết sức làm dịu đi phần nào bầu không khí u uất.

♪Anh đang có chiến tranh, em à. Chiến tranh với em đó. ♪

Anh ta không đến. Harry Hole không đến. Thế nghĩa là sao? Chắc chắn không phải là lỗi của Roger.

Đến năm rưỡi thì cửa mở.

Anh ta ngước lên nhìn, khấp khởi hy vọng.

Một người đàn ông mặc áo khoác da đứng đó, trợn tròn mắt nhìn anh ta chằm chằm.

Roger lắc đầu.

Người đàn ông liếc nhanh quầy bar một lượt. Gã đưa bàn tay ra dấu ngang cổ họng. Sau đó lại biến mất.

Thoạt tiên, Roger đã định chạy theo gã. Hỏi xem cử chỉ ấy của gã có nghĩa gì. Rằng vụ này tạm dừng ở đây? Hay là Thomas…? Di động của anh ta đổ chuông. Anh ta lấy máy trong túi ra nghe.

“Không đến à?” một giọng nói cất lên.

Người này không phải gã đàn ông mặc áo khoác da, lại càng chẳng

phải Harry. Nhưng giọng nói nghe quen quen.

“Giờ tôi phải làm sao?” Roger khẽ hỏi.

“Cứ ở đấy đến tám giờ,” giọng nói đáp. “Nếu hắn đến thì gọi vào số đã cho. Chúng ta phải kiên nhẫn.”

“Thomas…”

“Em trai anh sẽ bình an vô sự nếu anh làm theo yêu cầu của chúng tôi. Và không được để lộ bất cứ điều gì.”

“Tất nhiên rồi. Tôi…”

“Chúc buổi tối tốt lành, Gjendem.”

Roger cất điện thoại vào túi rồi cầm cốc bia lên uống một mạch. Khi bỏ cốc xuống, anh ta thở hổn hển. Tám giờ. Hai tiếng rưỡi nữa.

“Anh thấy tôi nói có đúng không?”

Roger ngoái nhìn. Cô gái đang đứng ngay phía sau anh ta, giơ ngón trỏ ra hiệu với nhân viên phục vụ quầy bar, khiến người đó đành miễn cưỡng đứng dậy.

“Vừa rồi cô bảo ‘những người khác’ là có ý gì?” Roger hỏi.

“Những người nào cơ?”

“Cô chẳng bảo những người khác lại cứ đến đấy thôi.”

“Đó là những người chúng ta buộc phải chấp nhận, anh bạn ạ.”

“Họ là ai?”

“Là người như anh và tôi ấy mà.”

Roger quay hẳn lại. Cách nói của cô có gì đó thật lạ. Giọng nói không cường điệu, không thành khẩn, chỉ có chút cam chịu. Qua đó anh ta còn nhận ra một điều, kiểu như sự đồng cảm. Giờ đây anh ta có thể thấy được cả những đặc điểm khác ở cô. Cặp mắt. Đôi môi đỏ. Cô gái này một thời

hẳn là cũng có nhan sắc.

“Bạn trai đánh cô à?” anh ta hỏi.

Cô ngẩng đầu và vênh mặt lên. Cô nhìn người phục vụ quầy bar đang rót bia vào cốc cho mình.

“Tôi không nghĩ việc đó có liên quan gì đến anh, anh bạn.”

Roger nhắm mắt lại một giây. Ngày hôm nay quả là lạ lùng. Một trong những ngày lạ lùng nhất. Chẳng có lý do gì để điều đó chấm dứt tại đây.

“Có thể có đấy,” anh ta đáp.

Cô quay lại, ném cho anh ta ánh mắt sắc lẻm.

Anh ta hất đầu về phía bàn của cô.

“Nhìn kích cỡ chiếc túi cô mang theo, tôi đoán anh chàng kia giờ đã thành dĩ vãng rồi. Nếu cô cần một nơi để tá túc qua đêm thì nhà tôi rất rộng và vẫn còn dư một phòng ngủ.”

“Ô, thế à?”

Giọng điệu có vẻ hờ hững nhưng anh ta lại thấy nét mặt cô thay đổi. Trở nên tò mò, dò hỏi.

“Kể từ mùa đông vừa rồi, căn nhà bỗng thành ra rộng hơn hẳn,” anh ta nói. “Tôi rất sẵn lòng mời cô uống bia nếu cô chịu bầu bạn với tôi. Tôi phải ngồi đây một lúc nữa.”

“Ừm,” cô nói. “Cùng nhau đợi thêm một lát có bao giờ sao đâu chứ.”

“Đợi một người không đến ư?”

Tiếng cười của cô nghe thật buồn, nhưng ít nhất cô cũng đã cười rồi.

Sven đang ngồi trên ghế, dõi mắt nhìn ra bãi cỏ ngoài cửa sổ.

“Lẽ ra anh nên đến thì hơn,” y nói. “Biết đâu gã nhà báo lại đưa ra quyết định trong vô thức.”

“Tôi không nghĩ vậy,” Harry nói.

Anh đang nằm trên sofa, trầm ngâm nhìn làn khói thuốc khi nó cuộn xoáy bay lên trần phòng xám xịt trên đầu họ.

“Tôi tin rằng, trong vô thức, anh ta đang cảnh báo cho tôi.”

“Chỉ vì anh gọi Waaler là ‘sĩ quan cảnh sát đứng đầu cuộc điều tra’ còn anh ta gọi hắn là ‘thanh tra’ không có nghĩa anh ta đã biết kẻ đó là Waaler. Có thể anh ta chỉ đang đoán mà thôi.”

“Anh ta lỡ lời đấy. Hoặc là điện thoại của anh ta bị theo dõi và anh ta đang cố tìm cách cảnh báo cho tôi.”

“Anh đúng là hoang tưởng, Harry.”

“Có thể, nhưng như vậy không có nghĩa…”

“… bọn chúng không truy tìm anh. Điều đó thì đúng. Chắc phải còn nhà báo nào khác anh có thể trông cậy chứ, đúng không?”

“Không ai tin được cả. Vả lại, tôi không nghĩ chúng ta nên tiếp tục gọi điện bằng chiếc di động này. Thực ra, tôi nghĩ mình nên tắt đi thì hơn. Tín hiệu điện thoại có thể bị lợi dụng để lần ra chúng ta.”

“Gì cơ? Waaler làm sao biết được anh đang dùng máy nào.”

Ánh sáng xanh trên màn hình của chiếc điện thoại di động Ericsson vụt tắt, Harry cất nó vào trong túi áo khoác của mình.

“Rõ ràng anh chưa hình dung ra Tom Waaler có thể hay không thể làm được những gì rồi, Sivertsen. Tôi và cậu bạn tài xế taxi có thỏa thuận cậu ta sẽ gọi điện cho tôi trong khoảng từ năm tới sáu giờ nếu mọi chuyện vẫn ổn.

Nhưng lúc này đã là sáu giờ mười. Anh có nghe thấy chuông điện thoại reo không?”

“Không.”

“Thế thì có thể chúng biết hết về cái máy này rồi. Hắn đang mỗi lúc một tới gần.”

Sven rên lên.

“Đã ai bảo với anh rằng anh có thói quen nhắc lại những điều chính mình đã nói chưa, Harry? Mà này, tôi thấy anh chẳng làm được gì đáng kể để cứu chúng ta thoát khỏi đống hỗn độn này cả.”

Harry thổi một bụm khói hình chữ o to tướng về phía trần nhà thay cho lời đáp.

“Tôi có cảm giác hình như anh *muốn* hắn tìm ra chúng ta thì phải. Và tất cả những chuyện bên lề khác chỉ là đang ‘diễn sâu’ mà thôi. Phải làm sao cho giống như chúng ta đang cố trốn thật kỹ để anh có thể đảm bảo hắn sẽ mắc bẫy và săn đuổi chúng ta chứ.”

“Giả thuyết thú vị đấy,” Harry lẩm bẩm.

“Chuyên gia ở Norske Møller đã xác thực mối nghi ngờ của anh,” Beate nói vào điện thoại, vẫy tay ra hiệu bảo Bjørn Holm rời khỏi phòng.

Những tiếng lách cách vọng vào khiến cô đoán Harry đang gọi bằng điện thoại công cộng.

“Cảm ơn cô đã giúp tôi,” anh nói. “Đó chính xác là điều tôi cần đấy.”

“Thật chứ?”

“Hy vọng thế.”

“Tôi vừa gọi cho Olaug Sivertsen, Harry ạ. Bà ấy lo lắm.”

“Ừm.”

“Không chỉ vì anh con trai. Bà ấy lo cho cả người khách trọ đi du lịch trên núi từ cuối tuần mà đến giờ vẫn chưa thấy về. Tôi không biết phải nói gì với bà ấy.”

“Càng ít càng tốt. Mọi chuyện sẽ sớm kết thúc thôi.”

“Anh có thể hứa chứ?”

Tràng cười của Harry nghe như tiếng lục khục khô khốc của khẩu súng máy, “Đó chính xác là điều tôi có thể hứa, đúng vậy.”

Có tiếng lạch cạch phát ra từ hệ thống điện thoại nội bộ.

“Cô có khách,” giọng mũi của nhân viên lễ tân thông báo. Mà thực ra, vì đã hơn bốn giờ rồi, vậy nên đó chắc hẳn là nữ nhân viên của công ty bảo vệ Securitas, nhưng Beate đã phát hiện ra rằng ngay cả nhân viên của Securitas cũng học được cách nói giọng mũi chỉ sau một thời gian trực ở khu lễ tân.

Beate nhấn một nút trên chiếc hộp hơi lỗi thời phía trước mặt cô.

“Cô sẽ phải bảo khách chờ một lúc đấy. Tôi đang bận.”

“Vâng, nhưng anh ta…”

Beate tắt điện thoại nội bộ đi.

“Chỉ là mấy chuyện vặt vãnh ấy mà,” cô nói.

Ngoài tiếng thở của Harry trong điện thoại vang lên lẹt xẹt, Beate còn nghe thấy được một chiếc ô tô dừng lại rồi tắt máy. Đúng lúc đó, cô chợt thấy ánh sáng chiếu vào phòng bỗng trở nên khác lạ.

“Tôi phải cúp máy đây,” Harry nói. “Thời gian ngày càng ít ỏi. Tôi có

thể gọi lại cho cô sau. Nếu tình hình diễn ra đúng như tôi hy vọng. Được chứ? Beate?”

Beate đặt ống nghe xuống. Cô đưa mắt nhìn về phía cửa ra vào.

“Sao thế?” Tom Waaler nói. “Không chào tạm biệt bạn tốt à?”

“Lễ tân không bảo anh chờ à?”

“Có, cô ta có bảo.”

Tom Waaler đóng cửa lại và kéo sợi dây để tấm rèm trắng hạ xuống trước ô cửa sổ trông ra khu văn phòng không gian mở. Sau đó anh ta đi vòng qua bàn, tới đứng cạnh ghế của cô và nhìn xuống bàn làm việc.

“Cái gì kia?” anh ta hỏi, trỏ hai mảnh lam kính bằng thủy tinh đựng mẫu vật úp vào nhau.

Hơi thở của Beate bắt đầu trở nên gấp gáp.

“Theo như phòng thí nghiệm thì đó là hạt cây.”

Anh ta đặt hờ bàn tay lên cổ cô. Cô đờ người.

“Vừa rồi có phải cô đang nói chuyện với Harry không?”

Anh ta đưa ngón tay vuốt ve da thịt cô.

“Thôi đi,” cô nói, cố hết sức để kiềm chế. “Bỏ tay ra.”

“Ô kìa. Tôi làm gì sai sao?” Waaler mỉm cười và giơ hai tay đầu hàng. “Trước đây cô từng thích thế mà, Lønn.”

“Anh muốn gì?”

“Cho cô một cơ hội. Tôi nghĩ tôi nợ cô điều đó.”

“Thế à? Cơ hội để làm gì?”

Cô nghiêng đầu sang bên, nhìn anh ta chằm chằm. Anh ta liếm môi rồi cúi xuống gần cô.

“Để cô hầu hạ. Và phục tùng. Và dâng hiến cái khe lạnh ngắt, khít khao kia.”

Cô vung tay đánh, nhưng anh ta tóm được cổ tay cô rồi bẻ ngoặt cánh tay ra sau lưng và đẩy nó lên cao, tất cả chỉ bằng một động tác. Cô thở dốc, đổ chúi về phía trước trên ghế, trán đập vào bàn. Giọng anh ta khò khè vang lên bên tai cô, “Tôi sẽ cho cô cơ hội giữ được công việc này, Lønn. Bọn tôi biết Harry đã gọi cho cô bằng điện thoại của gã tài xế taxi bạn hắn. Hắn đang ở đâu?”

Cô rên rỉ. Waaler đẩy cánh tay cô lên cao hơn.

“Tôi biết là đau,” anh ta nói. “Và tôi cũng biết cô sẽ không khai dù tôi có làm cô đau đến mức nào. Vì vậy, cái này là để thỏa mãn ham muốn của chính tôi. Và cả của cô nữa.”

Anh ta thúc háng vào mạng sườn cô. Tiếng máu chảy rần rần vang lên bên tai cô. Beate nhắm chuẩn và nhào người tới trước. Đầu cô đập vào hộp điện thoại nội bộ bằng nhựa cùng với một tiếng “rắc”.

“A lô?” một giọng mũi vang lên.

“Gọi Holm vào đây ngay,” Beate rên rỉ, má áp lên tấm lót tay.

“Được.”

Waaler ngần ngừ giây lát, rồi buông cánh tay cô ra. Beate đứng thẳng người lên.

“Đồ khốn nạn,” cô nói. “Tôi không biết anh ấy đang ở đâu. Anh ấy thậm chí còn không bao giờ vô tâm để tôi rơi vào tình thế khó khăn như thế này.”

Tom Waaler trân trân nhìn cô. Quan sát cô. Trong lúc đó, Beate chợt nhận ra một điều thật lạ. Cô không còn sợ anh ta nữa rồi. Lý trí nói với cô

rằng giờ là lúc anh ta nguy hiểm hơn bao giờ hết, thế nhưng trong mắt anh ta toát lên điều gì đó khác thường, một vẻ bất an cô chưa từng thấy trước đây. Không những thế, vừa rồi anh ta còn trở nên mất tự chủ. Điều đó chỉ diễn ra trong vài giây ngắn ngủi, nhưng đây là lần đầu tiên cô được chứng kiến anh ta mất tự chủ.

"Tôi sẽ quay lại xử lý cô sau," anh ta thì thào. "Tôi đảm bảo. Mà cô biết tôi luôn giữ lời rồi đấy."

"Chuyện gì thế này…?" Bjørn Holm lên tiếng rồi vội vã tránh sang một bên khi Tom Waaler lao vụt qua anh ta ra khỏi cửa.

THỨ HAI



mưa

Lúc này là bảy rưỡi. Mặt trời đang nhích dần về phía đỉnh Ullern, đúng trên hiên nhà ở phố Thomas Heftyes nhìn ra, bà góa Danielsen trông thấy vài đám mây trắng đã bồng bềnh dạt vào từ ngoài vịnh hẹp Oslo. Dưới phố, André Clausen và Truls đi ngang qua. Tuy không biết tên của người đàn ông hay con chó gold retriever đó, nhưng bà thường thấy họ đi dạo trên phố Gimle. Họ dừng lại chờ đèn đỏ tại ngã tư gần bãi đỗ taxi ở đại lộ Bygdøy. Bà Danielsen đoán rằng họ đang định tới công viên Frogner.

Cả chủ lẫn chó đều có vẻ bơ phờ, bà góa nghĩ thầm. Thậm chí con chó còn cần được tắm lắm rồi.

Bà nhăn mũi khi thấy con chó, đi sau chủ nửa bước, hạ mông xuống rồi đi bậy lên vỉa hè. Và khi người chủ không hề có ý định dọn dẹp hậu quả - thực ra, ông ta cứ thế lôi xềnh xệch con chó qua đường ngay khi đèn chuyển xanh - bà Danielsen đã trở nên bất bình, nhưng đồng thời lại có chút hoan hỉ. Bà bất bình vì bà là người luôn quan tâm đến lợi ích của thành phố - ừm, ít ra là lợi ích của khu này - và bà hoan hỉ vì giờ bà đã có đề tài để

viết một lá thư độc giả nữa gửi đến tờ *Aftenposten,* dạo gần đây thư bà viết chẳng có bức nào được đăng.

Bà đứng đó trừng mắt nhìn hiện trường trong lúc con chó và chủ nó, lương tâm rõ ràng cắn rứt lắm, vội vã chuồn mất trên phố Frognerveien. Vậy là bà bỗng trở thành nhân chứng bất đắc dĩ, chứng kiến cảnh một phụ nữ đi ngược chiều hối hả băng qua ngã tư trước khi đèn lại chuyển đỏ và vô tình gánh chịu hậu quả do một kẻ hoàn toàn coi thường nghĩa vụ công dân để lại. Người phụ nữ kia rõ ràng đang cố gắng bắt taxi nên không chú ý bước chân mình đang giẫm lên đâu.

Bà Danielsen khịt mũi một cái rõ to, liếc nhìn lần cuối về phía những tầng mây đang ùn ùn kéo đến rồi đi vào nhà để bắt đầu lá thư độc giả của mình.

Một đoàn tàu lướt qua tựa hơi thở dài êm ái. Olaug mở mắt và phát hiện mình đang đứng trong vườn.

Lạ thật. Bà không nhớ mình đã rời khỏi nhà lúc nào. Vậy nhưng lúc này bà đang ở đây, đứng giữa những đường ray xe lửa với hương hoa hồng và hoa tử đinh hương còn vương nơi cánh mũi. Cảm giác nhức nhối nơi thái dương vẫn chưa dịu đi, ngược lại là khác. Bà ngước nhìn. Mây đã giăng kín trời - vì thế bốn bề mới tối đen như vậy. Olaug cúi nhìn đôi chân trần của mình. Làn da trắng bệch, chằng chịt gân xanh, bàn chân của người già. Bà biết vì sao mình lại đang đứng ở đúng chỗ này rồi. Đây là nơi họ từng đứng. Ernst và Randi. Hôm ấy bà đang đứng cạnh cửa sổ trong phòng của hầu gái, ngắm nhìn họ dưới ánh tà dương bên những khóm đỗ quyên, giờ thì chúng

không còn đó nữa rồi. Mặt trời đang lặn dần, ông ta khẽ thì thầm điều gì đó bằng tiếng Đức và ngắt một bông hồng rồi gài lên tai vợ. Bà ta bật cười, dụi đầu vào cổ chồng. Thế rồi họ quay mặt về hướng Tây, vòng tay ôm lấy nhau và lặng im đứng đó. Bà ta ngả đầu lên vai chồng trong lúc họ cùng ngắm mặt trời lặn, cả ba người họ. Olaug không biết họ đang nghĩ gì, còn bà, lúc ấy bà đã nghĩ mặt trời lặn rồi ngày mai sẽ lại mọc lên thôi. Bà mới trẻ người non dạ làm sao.

Olaug vô thức ngước nhìn ô cửa sổ phòng hầu gái. Chẳng thấy Ina, chẳng thấy một Olaug trẻ tuổi, chỉ thấy mặt kính đen ngòm phản chiếu hình ảnh những đám mây mang dáng dấp của những viên bỏng ngô.

Nước mắt bà sẽ không ngừng rơi cho tới khi mùa hè khép lại. Có lẽ còn lâu hơn thế nữa. Và quãng đời còn lại sẽ bắt đầu hệt như xưa nay vẫn vậy. Kế hoạch là thế. Ai cũng cần một kế hoạch.

Chợt có thứ gì đó dịch chuyển sau lưng bà. Olaug cảnh giác ngoái nhìn. Bà cảm thấy đám cỏ mát rượi bị xéo nát khi bà xoay người bằng gót chân. Thế rồi - giữa chừng động tác đó - bà khựng lại.

Đó là một con chó.

Nó ngước nhìn bà bằng cặp mắt như đang nài xin sự tha thứ cho tội lỗi vẫn còn chưa phạm phải. Đúng lúc ấy, có một thứ bước ra từ bên dưới tán cây ăn quả và đi tới bên con chó, không một tiếng động. Là một người đàn ông. Cặp mắt anh ta vừa to vừa đen, y hệt mắt con chó. Olaug có cảm giác như thể ai đó vừa nhồi một con vật nhỏ bé vào cổ họng bà, khiến bà không sao thở nổi.

"Chúng tôi đã vào nhà nhưng không thấy bà đâu," anh ta nói, nghiêng đầu nhìn bà theo cái cách người ta vẫn thường quan sát một con côn trùng thú vị.

“Bà không biết tôi là ai đâu, bà Sivertsen, nhưng tôi đã mong được gặp bà từ lâu.”

Miệng Olaug mở ra rồi lại khép vào. Người đàn ông tiến tới gần hơn. Olaug đang nhìn qua vai anh ta, ánh mắt hướng về phía xa.

“Lạy Chúa tôi,” bà khẽ thì thầm, vươn dài hai cánh tay.

Cô chạy một mạch xuống bậc tam cấp, vừa cười vừa băng qua lối đi rải sỏi và lao vào vòng tay Olaug.

“Bà lo cho cháu lắm đấy,” Olaug nói.

“Thế ạ?” Ina đáp, giọng nói nhuốm vẻ ngỡ ngàng. “Bọn cháu chỉ ở lại căn nhà gỗ lâu hơn một chút so với dự tính thôi. Đang *là* kỳ nghỉ mà bà.”

“Ừ, ừ, dĩ nhiên rồi,” Olaug nói, ôm chặt lấy cô.

Con chó giống setter Anh quốc không thể kiềm chế trước niềm vui đoàn tụ, nó nhảy chồm lên và chống hai chân lên lưng Olaug.

“Thea!” người đàn ông ra lệnh. “Ngồi xuống!”

Thea ngoan ngoãn vâng lời.

“Còn đây là ai?” Olaug hỏi, cuối cùng cũng buông Ina ra.

“Đây là Terje Rye.” Đôi má Ina ửng lên trong ánh chiều tà. “Chồng chưa cưới của cháu ạ.”

“Ôi chao,” Olaug nói, vỗ tay hoan hỉ.

Người đàn ông chìa tay ra với một nụ cười tươi rói. Anh ta không được ưa nhìn cho lắm. Mũi hếch, tóc mỏng, hai mắt sát nhau. Nhưng bù lại, ánh mắt anh ta toát lên sự cởi mở, chính trực, và Olaug thích điều đó.

“Rất vui được gặp bà,” anh ta nói.

“Tôi cũng rất vui được gặp anh,” Olaug đáp, thầm mong bóng tối sẽ giúp bà giấu đi những giọt lệ đang lăn dài.

Toya Harang chẳng hề để ý thấy cái mùi phảng phất cho tới khi họ đi được một đoạn xa trên phố Josefines.

Cô quan sát người lái xe taxi bằng ánh mắt ngờ vực. Anh ta có nước da sẫm màu nhưng chắc chắn không phải dân châu Phi, nếu không cô đã chẳng dám lên xe rồi. Không phải cô phân biệt chủng tộc, chẳng qua số liệu thống kê khiến cô cảnh giác thôi.

Nhưng cái mùi đó là mùi gì mới được?

Cô bắt gặp người lái xe nhìn mình trong gương. Có phải cô ăn mặc khêu gợi quá? Chiếc áo cánh màu đỏ khoét sâu quá chăng? Hay cái váy xẻ đùi đi với bốt cao bồi bị ngắn quá? Cô chuyển sang nghĩ đến điều khác vui vẻ hơn. Người lái xe nhận ra cô qua những bức ảnh chình ình trên trang nhất các số báo ra ngày hôm nay. "TOYA HARANG: TÂN NỮ HOÀNG NHẠC KỊCH", dòng tít ca ngợi. Tuy nhà phê bình của tờ *Dagbladet* nhận xét cô "vụng về nhưng có sức hấp dẫn" và nói rằng vai Eliza khi còn là gái bán hoa có cách diễn thuyết phục hơn so với quý cô được giáo sư Higgins nhào nặn nên, nhưng nhìn chung tất cả các nhà phê bình đều đồng tình ở điểm khả năng ca hát và vũ đạo của cô đúng là khiến người xem phải ngả mũ bái phục. Vậy đó. Chẳng rõ Lisbeth sẽ nói sao về điều này?

"Cô đi dự tiệc à?" người lái xe hỏi.

"Gần như vậy," Toya đáp.

Bữa tiệc dành cho hai người, cô nghĩ bụng. Tôn vinh Vệ Nữ và… Gì ấy nhỉ, cái tên anh ta nhắc đến là gì? Ừm, dù sao thì Vệ Nữ chính là cô. Anh ta đã tiếp cận cô trong bữa tiệc mừng thắng lợi sau buổi diễn mở màn và thì

thầm vào tai cô rằng mình là một trong số những người thầm ái mộ cô. Sau đó anh ta mời cô ghé nhà vào tối nay. Anh ta chẳng buồn che giấu ý định của mình, lẽ ra cô nên từ chối. Để giữ gìn lễ giáo, lẽ ra cô nên từ chối mới phải.

"Thích nhỉ," người lái xe nói.

Lễ giáo và từ chối. Đến giờ cô vẫn còn ngửi thấy mùi kho thóc và bụi bặm từ đống rơm rạ, đồng thời hình dung ra cảnh chiếc thắt lưng của bố cô cắt ngang những luồng sáng chiếu qua khe hở giữa các tấm ván gỗ trong kho lúc ông ra sức đánh cho cô tỉnh ngộ. Lễ giáo và từ chối. Và cô vẫn chưa quên cảm giác khi bàn tay mẹ vuốt ve mái tóc mình trong bếp sau trận đòn, khi bà hỏi vì sao cô không thể giống như Lisbeth. Vừa thùy mị vừa thông minh. Cho đến một hôm, Toya đã giằng ra khỏi vòng tay mẹ và nói con người cô là vậy, cha nào con nấy cả thôi, và chẳng lẽ mẹ không thấy ông ta giở trò đồi bại với Lisbeth chẳng khác nào cầm thú, hay đến chuyện đó mà bà cũng không biết? Toya đã nhận thấy nét mặt mẹ biến sắc, nhưng không phải vì bà không biết điều đó là bịa đặt, mà vì giờ đây bà đã hiểu ra Toya sẽ không từ bất cứ việc gì để có thể phá hoại gia đình này. Thế rồi Toya lấy hết sức gào lên thật to rằng cô căm ghét tất cả bọn họ, bố cô từ phòng khách đi vào với tờ báo trên tay, khi nhìn vẻ mặt họ, Toya có thể nhận ra rằng họ hiểu lần này những lời cô nói không còn là bịa đặt. Giờ đây, khi họ đã ra đi, cô có còn ghét họ nữa không? Cô không biết. Không. Bây giờ cô chẳng ghét ai cả. Nhưng đó không phải lý do khiến cô đồng ý làm điều này. Cô làm vì thích. Vì nó đi ngược lại lễ giáo, vì không muốn từ chối. Và còn vì đó là trái cấm có sức hấp dẫn khôn cưỡng.

Cô trả cho tài xế hai trăm krone kèm theo một nụ cười và bảo anh ta cứ giữ lấy tiền thừa, cho dù chiếc xe bốc mùi thấy gớm. Chỉ đến khi chiếc

taxi đi rồi Toya mới hiểu vì sao anh ta cứ nhìn chằm chằm vào gương. Cái mùi đó không phải của anh ta, mà bốc ra từ người cô.

“Chết tiệt!”

Cô quệt phần đế bằng da của chiếc bốt cao bồi cao gót lên vỉa hè, để lại mấy vệt màu nâu. Cô đưa mắt tìm xem có vũng nước nào không, nhưng chẳng có nổi một vũng ở Oslo gần năm tuần nay rồi. Cuối cùng cô đành bỏ cuộc và bước tới nhấn chuông cửa.

“Ai đấy?”

“Vệ Nữ đây,” cô rủ rỉ nói.

Cô mỉm cười một mình.

“Còn đây là Pygmalion,” giọng nói đáp.

Chính là cái tên này!

Có tiếng rì rì vang lên trong ổ khóa. Toya chợt do dự một giây. Cơ hội cuối cùng để rút lui. Nhưng rồi, cô hất tóc ra sau và mở cửa.

Anh ta đang đứng ở ngưỡng cửa, tay cầm đồ uống trong lúc chờ cô.

“Có làm đúng như tôi dặn không đấy?” anh ta hỏi. “Cô không nói cho ai biết nơi cô sắp đến chứ?”

“Không, anh điên à?”

Cô đảo tròn mắt.

“Có thể,” anh ta nói, mở rộng cửa. “Cô vào đi, và nhớ chào Galatea nhé.”

Toya bật cười dù cô chẳng hiểu anh ta đang nói gì. Cô bật cười dù linh tính mách bảo một chuyện chẳng lành sắp xảy đến.

Harry tìm được chỗ đỗ xe phía dưới phố Markveien một đoạn, anh tắt máy rồi ra khỏi xe. Anh châm thuốc lá và đưa mắt dò xét xung quanh thật nhanh. Phố xá vắng tanh. Cứ như thể người người đều đã yên vị trong nhà cả rồi vậy. Những đám mây trắng thuần khiết lúc ban chiều giờ đã tản ra, tạo thành một tấm thảm màu xanh xám phủ kín bầu trời.

Anh đi dọc theo dãy nhà chi chít chữ graffiti trên mặt tiền cho đến khi dừng chân trước cổng. Điếu thuốc giờ chỉ còn trơ lại đầu lọc và anh ném nó đi. Harry nhấn chuông rồi chờ đợi. Tiết trời nồm đến nỗi hai lòng bàn tay anh đầm đìa mồ hôi. Hay đó là vì anh khiếp sợ? Anh xem đồng hồ đeo tay và ghi nhớ thời gian.

"Ai đấy?" một giọng nói cáu kỉnh vang lên.

"Chúc buổi tối tốt lành. Harry Hole đây."

Không có lời đáp.

"Cảnh sát ấy," anh nói thêm.

"Phải rồi. Xin lỗi, tôi đang mải nghĩ đến chuyện khác. Mời anh vào."

Cửa chính rung lên rì rì.

Harry chậm rãi bước lên cầu thang.

Họ đang đúng chờ anh ở cửa ra vào, cả hai người.

"Ôi không," Ruth nói. "Trời sắp sập rồi đây."

Harry đứng trên chiếu nghỉ trước mặt họ.

"Mưa ấy mà," cô nàng Trondheim Eagle chêm vào như để giải thích.

"À, ra vậy." Harry chùi hai lòng bàn tay lên quần.

"Chúng tôi có thể giúp được gì cho anh, thanh tra?"

"Các cô có thể giúp tôi bắt Sát nhân Giao hàng," Harry đáp.

Toya nằm co quắp như bào thai trong bụng mẹ ở chính giữa chiếc giường, đăm đăm nhìn chính mình trong tấm gương treo trên cửa tủ quần áo đang để mở, áp sát vào tường. Cô lắng nghe tiếng vòi sen trong phòng tắm ở tầng dưới. Anh ta đang gột sạch mùi hương của cô trên người. Toya trở mình. Cái đệm nước nhẹ nhàng lún xuống theo đường nét cơ thể cô. Cô nhìn tấm ảnh. Cả hai đều đang tươi cười nhìn vào camera. Lúc đó họ đang đi nghỉ. Chắc là ở Pháp. Cô vuốt những ngón tay lên ga giường mát rượi. Thân thể anh ta cũng lạnh lẽo. Lạnh lẽo, rắn chắc và nở nang đối với một người lớn tuổi nhường ấy. Nhất là phần mông và đùi. Anh ta nói đó là nhờ một thời anh ta từng làm vũ công. Anh ta đã luyện cơ bắp đều đặn hằng ngày suốt mười lăm năm trời. Chúng chẳng bao giờ mất đi.

Sự chú ý của Toya đột nhiên bị hút về phía cái thắt lưng đen đang lồng vào chiếc quần vứt lăn lóc trên sàn.

Mười lăm năm. Chúng chẳng bao giờ mất đi.

Cô nằm ngửa, dịch lên phía đầu giường và nghe thấy tiếng nước lõng bõng bên trong lớp đệm cao su. Nhưng từ nay về sau, mọi chuyện sẽ khác. Giờ Toya đã thông minh hơn xưa. Một cô gái ngoan. Đúng như ước nguyện của bố mẹ. Giờ cô đã trở thành Lisbeth rồi.

Toya tựa đầu vào tường và lún người xuống sâu hơn. Có thứ gì đó cù nhẹ giữa hai bả vai cô. Cảm giác như đang ở trên một con thuyền dập dềnh theo sông nước. Cô nằm đó miên man nghĩ ngợi.

Wilhelm đã hỏi cô có muốn dùng dương cụ giả trong lúc anh ta quan sát không. Cô đồng ý. Ngoan lắm. Anh ta mở hộp dụng cụ. Toya nhắm mắt

lại, vậy mà những luồng sáng - thứ ánh sáng chiếu qua khe hở giữa các tấm ván trên tường kho thóc - vẫn hiện lên đằng sau mí mắt cô. Rồi khi anh ta xuất ra trong miệng cô, cô thấy có vị của kho thóc nhưng cô không nói gì. Vậy mới thông minh.

Thật thông minh khi Wilhelm luyện cho cô cách nói và hát giống như em gái. Cố bắt chước nụ cười của nó. Wilhelm đã đưa cho thợ trang điểm tấm ảnh chụp Lisbeth và yêu cầu họ hóa trang cho Toya trông giống hệt như vậy. Điều duy nhất cô chưa học được là điệu cười của Lisbeth, vì thế Wilhelm bảo cô đừng cố nữa. Đôi lúc cô tự hỏi nỗ lực đó chẳng biết có mấy phần là để giúp cô diễn tròn vai Eliza Doolittle, và mấy phần là vì Wilhelm khát khao Lisbeth đến tuyệt vọng. Giờ cô đang ở trên giường của anh ta. Và có lẽ điều này cũng liên quan đến Lisbeth, vì anh ta và vì cả cô nữa. Wilhelm đã nói thế nào nhỉ? Tà dục luôn tìm đến những nơi hạ đẳng nhất để trú ngụ?

Thứ đó lại đang chọc vào lưng cô, cô bực bội cựa mình.

Về phần cô, nếu buộc phải hoàn toàn thành thật, Toya sẽ thú nhận cô chẳng nhung nhớ Lisbeth lắm. Nói vậy không có nghĩa cô không sửng sốt như bao người khác khi hay tin Lisbeth mất tích. Nhưng điều đó đã mở ra cho cô nhiều cơ hội mới. Toya được mời phỏng vấn, còn Xa Kéo Sợi vừa nhận được lời mời tham gia loạt chương trình ca nhạc để tưởng nhớ Lisbeth với mức cát xê hậu hĩnh. Giờ lại đến vai nữ chính trong vở *My Fair Lady* nữa chứ. Tuyệt hơn cả là ở chỗ, nó đang trên đà trở thành vở nhạc kịch ăn khách. Wilhelm đã bảo cô trong đêm công diễn rằng sắp tới cô hãy chuẩn bị tinh thần để làm người nổi tiếng. Một ngôi sao. Một nữ danh ca. Cô luồn tay xuống dưới lưng. Thứ gì cứ chọc vào người cô thế nhỉ? Một cục u. Bên dưới lớp ga trải giường. Cô ấn xuống thì nó biến mất. Sau đó nó lại trồi lên.

Phải tìm hiểu cho ra nhẽ mới được.

"Wilhelm?"

Cô định gọi to hơn để át đi tiếng vòi sen ở tầng dưới, rồi cô chợt nhớ ra Wilhelm đã nghiêm khắc yêu cầu cô để cho giọng nói được nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ xả hơi ngày hôm nay, kể từ mai cho tới hết tuần, tối nào họ cũng phải diễn. Khi cô đến, anh ta đã dặn cô tuyệt đối đừng nói gì, bất luận thế nào cũng không được lên tiếng. Thế mà lúc trước anh ta còn bảo muốn cùng cô ôn lại một vài đoạn thoại còn chưa ổn và bảo cô hóa trang thành Eliza để cảm giác được chân thật cơ đấy.

Toya gỡ lớp ga giường kéo căng ở một bên đệm nước và lật nó sang bên. Dưới đó không còn lớp ga giường nào khác, chỉ có tâm đệm cao su màu xanh dương mờ đục. Nhưng cái thứ đang nhô lên kia là gì vậy nhỉ? Cô áp tay lên đệm. Nó đó, ẩn dưới lớp cao su. Chẳng thấy được gì cả. Cô nhoài người sang bên kia, với tay bật chiếc đèn trên kệ đầu giường và xoay đèn lại sao cho ánh sáng rọi vào đúng vị trí. Cục u lại biến mất rồi. Cô đặt tay lên lớp đệm cao su và chờ đợi. Nó từ từ trồi lên, và cô nhận ra bất kể là gì đi chăng nữa thì thứ kia cũng luôn chìm xuống khi bị ấn rồi lại nổi lên. Cô bỏ tay ra.

Thoạt tiên, cô trông thấy những đường nét ẩn hiện dưới lớp cao su. Nhìn giống như dáng người nằm nghiêng vậy. Không phải *giống như.* Đúng là dáng người nằm nghiêng thật. Toya nằm bẹp xuống giường. Cô nín thở. Giờ cô cảm nhận được nó rồi. Bắt đầu từ bụng xuống tới tận ngón chân cô. Có một cơ thể hoàn chỉnh đang nằm bên trong tấm đệm. Cơ thể đó được đẩy lên bởi sức nổi của nước và bị dìm xuống dưới sức nặng của Toya, như là hai người đang cố gắng nhập vào làm một. Và có lẽ đúng là thế thật. Vì cô ngỡ như mình đang soi vào gương.

Giờ đây, cô muốn thét lên thật to. Muốn hủy hoại giọng nói này. Không muốn làm một cô gái ngoan. Hay thông minh. Cô muốn trở lại làm Toya của ngày xưa. Nhưng đó là điều không thể. Cô chỉ biết nhìn chằm chằm vào khuôn mặt tái xanh của người em gái cũng đang nhìn cô không chớp bằng cặp mắt mờ đục. Và lắng nghe tiếng *xì xì* của vòi sen, chẳng khác gì tiếng nhiễu của ti vi sau khi chương trình phát sóng đã kết thúc. Và tiếp đó là tiếng nước rỏ tong tỏng trên sàn gỗ ở cuối giường phía sau lưng cô, nói với cô rằng Wilhelm đã không còn ở trong nhà tắm nữa.

“Không thể là ông ta,” Ruth nói. “Không… không… thể nào như thế được.”

“Lần cuối tôi tới đây, cô đã bảo cô định thử trèo lên mái để nhảy sang nhà Barli nhòm trộm một tí,” Harry nói. “Và rằng cửa sân thượng nhà ông ta mở toang suốt cả mùa hè. Cô có chắc vậy không?”

“Chắc như bắp, nhưng chẳng lẽ anh không thể chỉ việc gọi điện sang đó được sao?” cô nàng Trondheim Eagle hỏi.

Harry lắc đầu.

“Làm thế sẽ khiến ông ta nghi ngờ, mà chúng tôi thì không thể liều lĩnh để ông ta trốn mất. Tôi phải bắt được ông ta trong đêm nay, nếu còn chưa quá muộn.”

“Quá muộn để làm gì?” cô nàng Trondheim Eagle hỏi, một mắt nheo lại.

“Nghe này, tất cả những gì tôi muốn nhờ hai cô chỉ là các cô làm ơn cho tôi trèo qua ban công để lên mái nhà.”

“Thực sự không còn ai khác đi cùng anh ư?” cô nàng Trondheim Eagle hỏi. “Anh không có giấy khám nhà hay gì đó à?”

Harry lắc đầu.

“Có căn cứ xác thực để nghi ngờ là đủ,” anh đáp. “Không cần giấy tờ nào cả.”

Một tiếng sấm ì ùng vang lên phía trên đầu Harry nghe đầy hăm dọa. Máng nước trên ban công được sơn màu vàng, nhưng lớp sơn đã tróc gần hết, để lộ những mảng gỉ đỏ to tướng. Harry bám cả hai tay vào đó và kéo nhẹ để thử độ chắc chắn của nó. Cái máng lỏng ra kèm theo tiếng rên rỉ, chiếc đinh ốc bật tung khỏi lớp vữa thạch cao, rơi xuống sân đánh keng một tiếng. Harry buông tay và rủa thầm. Nhưng vì chẳng còn cách nào khác nên anh đành đặt một chân lên lan can rồi đu người lên. Anh nhòm qua thành lan can. Và hít mạnh một hơi theo phản xạ. Tấm ga giường trên giá phơi đồ xoay 360 độ trông chẳng khác gì một con tem màu trắng phất phơ trong gió.

Anh cố vắt một chân lên máng nước và trèo qua. Mái nhà tuy dốc nhưng đôi bốt bền chắc Doc Martens có độ bám trên mặt ngói khá tốt, đủ để anh bước hai bước về phía đường ống nước và ôm ghì lấy nó vào lồng ngực như thể một người bạn đã lâu không gặp. Anh đứng thẳng, đưa mắt nhìn quanh. Một ánh chớp lóe lên phía khu Nesodden. Bốn bề vốn lặng gió lúc anh mới đến thì giờ gió đã đang khẽ vờn áo khoác của anh. Chợt Harry giật mình khi một bóng đen bỗng vụt qua trước mặt. Cái bóng cắt ngang khoảng không phía trên sân trung tâm. Hóa ra là một con én. Harry chỉ kịp nhác thấy nó trong lúc con chim đi tìm chỗ trú ẩn dưới mái hiên.

Harry lập cập leo lên đỉnh mái nhà, nhìn thẳng về phía mục tiêu là cột chong chóng chỉ hướng gió màu đen ở cách đó mười lăm mét, hít một hơi thật sâu rồi bắt đầu bước từng bước dọc theo gờ đỉnh mái, hai cánh tay dang ra như đang bước trên dây.

Anh đi được nửa đường thì có biến.

Harry nghe thấy tiếng gió rít, lúc đầu anh tưởng là nó bắt nguồn từ những ngọn cây dưới kia. Âm thanh mỗi lúc một lớn, cùng lúc đó, giá phơi đồ xoay 360 độ trong sân cũng bắt đầu quay tít và rít lên the thé. Anh không thể cảm nhận được gió thổi, chưa thấy gì cả. Thế rồi nó đột ngột tấn công anh. Trận hạn hán thế là đã chấm dứt. Gió thốc thẳng vào ngực anh chẳng khác nào đợt không khí ùa đến như thác lũ do tác động của một khối nước lớn thình lình ập xuống. Anh loạng choạng lùi lại một bước rồi đứng chới với trên gờ mái. Anh nghe thấy nó đang tiến nhanh về phía mình, át cả tiếng ngói khua lạch cạch. Mưa. Mưa xối xả. Mưa sầm sập trút xuống mái nhà, chưa đầy một giây đã khiến mọi thứ ướt nhẹp. Harry cố giữ thăng bằng nhưng xung quanh chẳng có gì để bấu víu, tưởng như anh đang bước đi trên xà phòng. Bỗng một bên giày trượt đi, khiến anh hốt hoảng nhào về phía cột chong chóng chỉ hướng gió. Hai cánh tay anh vươn dài về phía trước, bàn tay xòe ra. Tay phải quờ quạng trên mặt ngói hòng tìm được chỗ bám nhưng chẳng thấy gì. Trọng lực đang kéo anh xuống. Những móng tay anh cào lên mặt ngói nghe như tiếng mài lưỡi hái khi anh trượt từ trên xuống. Anh nghe thấy tiếng rít chói tai của giá phơi đồ xoay 360 độ cứ nhỏ dần, cảm thấy cái máng nước sượt qua đầu gối và biết rằng anh sắp rơi ra khỏi mái nhà. Anh vươn dài thân người trong nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng, cố khiến mình dài ra, biến bản thân thành một cột ăng ten. Cột ăng ten. Bàn tay trái của anh tóm được cây cột và bám chắc. Cái cột kim loại mềm oặt đi, bị

uốn cong và oằn cả lại. Trông nó như thể sắp rơi xuống sân cùng với anh đến nơi. Nhưng nó vẫn đứng vững.

Harry nắm chặt cây cột bằng cả hai tay và đu người lên. Anh xoay xở co được đôi chân đang đi giày có đế cao su, lấy hết sức bình sinh đạp vào bề mặt và tìm được điểm tựa. Mặc cho mưa quất vun vút vào mặt, anh lại bò lên đến đỉnh mái, ngồi giạng chân trên đó và nhẹ nhõm thở phào một hơi. Cột ăng ten bằng kim loại cong queo dưới kia giờ đang chỉ xuống đất. Tối nay ti vi nhà ai đó chắc sẽ khó mà bắt được tín hiệu của chương trình *Beat for Beat* phát lại.

Harry chờ cho tới khi mạch trong người đập chậm lại đôi chút. Sau đó anh đứng dậy và tiếp tục màn đi trên dây. Cột chong chóng chỉ hướng gió nhận về một nụ hôn.

Sân thượng nhà Barli là sân áp mái, nhờ vậy Harry chỉ cần vung chân là có thể dễ dàng đáp xuống mặt sân lát gạch đất nung màu đỏ. Chân anh tiếp đất với một tiếng "bõm", nhưng âm thanh đó đã bị nhấn chìm bởi tiếng gầm rú và ồ ồ của máng xối trên mái nhà bị ngập.

Ghế đã được cất vào nhà, chiếc bếp nướng ngoài trời đen sì nằm chết gí trong góc, nhưng cửa sân thượng đang mở hé.

Thoạt tiên, anh chỉ nghe thấy mỗi tiếng mưa rào rào trên mái ngói, nhưng khi thận trọng bước qua ngưỡng cửa và đặt chân vào phòng, anh đã có thể phát hiện ra một âm thanh khác cũng do nước gây ra. Nó xuất phát từ phòng tắm dưới nhà. Tiếng vòi sen. Cuối cùng thì may mắn cũng mỉm cười với anh đôi chút. Harry vỗ vỗ vào các túi áo khoác ướt nhẹp để tìm cái đục. Anh chỉ hy vọng sẽ bắt được Barli trong tình trạng không mảnh vải che thân, cũng chẳng có vũ khí, nhất là khi ông ta có thể vẫn còn giữ khẩu súng do Sven giao cho vào thứ Bảy tại công viên Frogner.

Harry thấy cửa phòng ngủ đang mở. Trong hộp dụng cụ đặt cạnh giường có một con dao Sami. Anh nhón chân bước tới cửa và lẻn vào phòng.

Căn phòng tối om, chỉ được chiếu sáng tù mù nhờ ngọn đèn đọc sách trên kệ đầu giường. Harry đứng ở cuối giường, ánh mắt anh chằm chằm nhìn về phía bức tường cùng ảnh chụp hai vợ chồng Lisbeth và Barli trong kỳ trăng mật trước một tòa nhà cổ kính tráng lệ với bức tượng kỵ sĩ trên lưng ngựa. Giờ Harry đã biết tấm ảnh này không phải chụp ở Pháp. Theo Sven thì một người dù chỉ được ăn học nửa vời hẳn cũng sẽ nhận ra bức tượng đó là của người anh hùng dân tộc Séc, Václav, sừng sững trước cổng Bảo tàng Quốc gia ở quảng trường Václav tại thủ đô Praha.

Mắt Harry giờ đã quen với bóng tối. Anh chuyển sự chú ý sang chiếc giường đôi và chết trân tại chỗ: anh nín thở, bất động đứng đó chẳng khác gì người tuyết. Tấm chăn lông vịt đã bị vứt xuống sàn, ga giường bị lật lên một nửa, để lộ ra tâm đệm cao su màu xanh da trời. Trên giường có một người khỏa thân đang nằm sấp, khuỷu tay chống đỡ lấy phần thân trên. Cặp mắt đang hướng về vị trí ánh sáng từ chiếc đèn đọc sách rọi lên tấm đệm xanh.

Cơn mưa trên mái gõ hồi trống cuối cùng của riêng nó trước khi đột ngột ngừng hẳn. Người nằm đó rõ ràng không nghe thấy tiếng Harry vào phòng, nhưng Harry, cũng giống như phần lớn người tuyết vào tháng Bảy, đều gặp phải một vấn đề. Toàn thân anh ướt sũng. Nước từ áo khoác anh rỏ tong tỏng xuống sàn gỗ, âm thanh vang lên chẳng khác nào tiếng sấm nổ bên tai Harry.

Thân thể đang nằm trên giường bỗng căng cứng. Rồi xoay lại. Trước hết là toàn bộ cái đầu. Sau đó là nguyên tấm thân trần truồng lồ lộ của ông

ta hiện ra.

Thứ đập vào mắt Harry trước tiên chính là cái của quý đang cương lên, đung đưa hệt như máy đánh nhịp.

“Chúa ơi! Harry đây à?”

Giọng Wilhelm Barli nghe vừa sợ hãi lại như vừa trút được gánh nặng.

THỨ HAI



cái kết hạnh phúc

"Ngủ ngon con nhé!"

Rakel thơm lên trán Oleg và dém chăn quanh mình thằng bé. Sau đó cô đi xuống nhà dưới, ngồi trong bếp ngắm mưa rơi.

Cô thích mưa lắm. Mưa làm sạch không khí, cuốn trôi đi quá khứ. Một sự khởi đầu mới. Đó là điều cô cần lúc này. Một sự khởi đầu mới.

Cô đi ra cửa chính, sờ xem cửa đã khóa chưa. Lần này là lần thứ ba cô làm vậy trong buổi tối hôm nay. Thực sự cô lo sợ điều gì mới được chứ?

Sau đó, cô bật ti vi lên.

Trên đài đang phát một chương trình ca nhạc nào đó. Có ba người cùng ngồi trên một chiếc ghế chơi dương cầm. Họ đang nhìn nhau mỉm cười. Trông như một gia đình nhỏ vậy, Rakel nghĩ thầm.

Cô giật mình khi nghe thấy tiếng sấm vang rền trong không gian.

“Anh không biết vừa rồi anh khiến tôi sợ đến thế nào đâu.”

Wilhelm Barli lắc lắc đầu, cái của quý đang dần nhỏ lại cũng theo đó mà đung đưa.

“Tôi có thể phần nào hình dung được,” Harry đáp. “Ý tôi là, vì tôi lẻn vào qua cửa sân thượng mà.”

“Không, Harry, anh thực sự không hình dung nổi đâu.”

Wilhelm nhoài người qua mép giường để nhặt tấm chăn lông vịt trên sàn và quấn nó quanh người.

“Tiếng động phát ra nghe như ông đang tắm cơ mà,” Harry nói.

Wilhelm lắc đầu và nhăn mặt.

“Không phải tôi,” ông ta nói.

“Thế thì ai?”

“Tôi có khách. Một… phụ nữ.”

Ông ta cười khẩy và chỉ vào một chiếc ghế, trên đó đang để một cái chân váy da lộn, áo ngực đen và một chiếc tất da chân cũng màu đen có thun co giãn ở cổ tất.

“Sự cô đơn khiến cánh đàn ông trở nên yếu lòng. Phải vậy không, Harry? Chúng ta kiếm tìm sự khuây khỏa từ bất cứ nguồn nào mình có thể. Có những người thì dựa vào men rượu. Những người khác…”

Wilhelm nhún vai.

“Chúng ta sẵn lòng chấp nhận sự thật là ai cũng có thể phạm sai lầm, phải không Harry? Và đúng, lương tâm tôi quả thật đang cắn rứt.”

Mắt Harry đã quen và giờ anh có thể trông thấy chúng, hai dòng lệ chảy dài trên má Wilhelm.

“Anh hứa sẽ không nói với ai chứ, Harry? Đó là một phút sa ngã.”

Harry bước tới chỗ chiếc ghế, vắt chiếc tất độc nhất lên lưng ghế rồi ngồi xuống.

“Tôi có thể nói với ai được chứ, Wilhelm? Vợ ông chắc?”

Căn phòng thình lình sáng rực khi ánh chớp vụt qua, theo sau là tiếng sấm đì đùng.

“Chẳng bao lâu nữa nó sẽ ở ngay trên đầu chúng ta,” Wilhelm nói.

“Đúng thế.” Harry đưa tay quệt cái trán ướt.

“Vậy rốt cuộc anh muốn gì?”

“Tôi nghĩ ông đã biết câu trả lời rồi, Wilhelm.”

“Dù sao thì anh cũng cứ nói đi.”

“Chúng tôi đến để đưa ông đi.”

“Không phải ‘chúng tôi’. Anh đến một mình thôi, phải không. Hoàn toàn đơn độc.”

“Điều gì khiến ông nghĩ vậy?”

“Ánh mắt anh. Ngôn ngữ cơ thể anh. Tôi có khả năng đọc vị người khác mà, Harry. Anh lẻn vào đây, định tận dụng yếu tố bất ngờ. Đó không phải là cách tấn công khi đi săn theo bầy, Harry ạ. Sao anh lại đi một mình? Những người khác đâu? Có ai biết anh đến đây không?”

“Điều đó không quan trọng. Cứ cho là tôi hành động một mình đi. Ông vẫn sẽ phải chịu sự trừng phạt vì đã giết hại bốn mạng người.”

Wilhelm đặt một ngón tay lên môi, có vẻ như đang trầm ngâm suy nghĩ trong lúc Harry kể ra từng cái tên, “Marius Veland. Camilla Loen. Lisbeth Barli. Barbara Svendsen.”

Wilhelm đưa mắt nhìn xa xăm hồi lâu. Sau đó ông ta chậm rãi gật đầu

và bỏ ngón tay ra khỏi môi.

“Làm thế nào anh biết được, hả Harry?”

“Khi tôi hiểu ra nguyên nhân. Lòng ghen tuông. Ông muốn trả thù cả hai người đó, đúng chữ? Khi ông phát hiện Lisbeth đã gặp Sven Sivertsen và họ dan díu với nhau ngay trong tuần trăng mật của ông bà tại Praha.”

Wilhelm nhắm mắt lại và ngả đầu xuống giường. Cái đệm nước phát ra tiếng lóc bóc.

“Tôi không hề biết tấm ảnh ông và Lisbeth được chụp tại Praha, cho tới khi trông thấy bức tượng đó trong một tấm ảnh khác được gửi từ Praha tới cho tôi qua e-mail vào sáng nay.”

“Và sau đó anh hiểu ra mọi chuyện?”

“Ừm, khi ý nghĩ này xuất hiện lần đầu tiên, tôi đã gạt nó đi vì cho rằng nó là một ý tưởng thật ngớ ngẩn, nhưng rồi dần dần tôi lại thấy hợp lý. Đúng hơn là hợp lý ở mức độ có thể hiểu được đối với một việc làm điên rồ. Thật hợp lý khi Sát nhân Giao hàng không phải là tên sát nhân hàng loạt gây án nhằm thỏa mãn nhục dục, mà là kẻ dàn dựng sao cho nhìn bề ngoài những vụ giết người có vẻ như xoay quanh mục đích đó. Để khiến mọi người tin rằng Sven Sivertsen chính là hung thủ. Người duy nhất có thể dàn dựng một việc như thế phải là một người chuyên nghiệp, người mà công việc và đam mê của hắn chính là vậy.”

Wilhelm mở một bên mắt.

“Nếu tôi hiểu đúng, phải chăng ý anh đang muốn nói kẻ này lên kế hoạch giết hại bốn mạng người chỉ để trả thù một người duy nhất?”

“Trong số năm nạn nhân ông nhắm tới, chỉ có ba người được lựa chọn tình cờ. Ông dàn dựng các hiện trường gây án sao cho có vẻ như họ được

chọn dựa theo các đỉnh ngẫu nhiên của ngôi sao của quỷ, nhưng thực ra, ông đã vẽ ngôi sao dựa trên hai đỉnh cố định là nhà của chính ông và nhà mẹ đẻ của Sven Sivertsen. Xảo quyệt đấy, nhưng cũng chỉ là hình học đơn giản."

"Anh có thực sự tin vào giả thuyết của mình không, Harry?"

"Sven Sivertsen chưa bao giờ nghe nói đến bất kỳ Lisbeth Barli nào cả. Nhưng ông biết sao không, Wilhelm? Anh ta lại nhớ bà nhà khá rõ khi tôi cho anh ta biết tên thời con gái của bà ấy: Lisbeth Harang."

Wilhelm im lặng không đáp.

"Điều duy nhất tôi chưa hiểu," Harry nói, "là tại sao ông lại đợi đến chừng ấy năm mới trả thù."

Wilhelm dịch người lên đầu giường.

"Cứ cho rằng tôi không hiểu điều anh đang ám chỉ là gì đi Harry. Tôi không muốn thú tội và khiến cả hai chúng ta lâm vào thế khó. Tuy nhiên, vì may mắn đang nghiêng về phía tôi khi anh chẳng thể chứng minh được bất cứ điều gì, nên tôi không ngại tán gẫu với anh một lúc. Anh biết đấy, tôi đánh giá cao những người biết lắng nghe."

Harry cựa mình trên ghế với vẻ thiếu thoải mái.

"Đúng vậy, Harry, đúng là tôi biết Lisbeth đã ngoại tình với gã đàn ông đó, nhưng chỉ đến hè này tôi mới phát hiện ra."

Trời lại bắt đầu đổ mưa phùn. Những giọt mưa thi nhau táp vào cửa sổ.

"Bà ấy đã nói với ông à?"

Wilhelm lắc đầu. "Cô ta sẽ chẳng đời nào chịu nói đâu. Cô ta xuất thân trong một gia đình không có thói quen nói chuyện thẳng thắn với nhau. Nếu

không vì sửa sang lại căn hộ thì có lẽ chuyện này sẽ chẳng bao giờ bị phơi bày. Tôi đã tìm thấy một lá thư."

"Như thế nào?"

"Bức tường ngoài ở phòng làm việc của cô ta hoàn toàn là gạch thô. Nó là bức tường nguyên bản có từ khi tòa nhà được xây dựng vào thời khắc chuyển giao thế kỷ. Tuy vững chãi đấy nhưng đến mùa đông thì hoàn toàn lạnh cóng. Tôi muốn ốp ván lại cho nó và thêm các lớp cách nhiệt ở mặt trong. Lisbeth không đồng ý. Tôi thấy điều đó thật lạ, vì cô ta là người thực tế, sinh ra và lớn lên ở một nông trang, chứ không phải típ phụ nữ đa cảm đến mức quyết giữ lại một bức tường gạch cũ. Vì vậy, một hôm, khi cô ta đi vắng, tôi đã kiểm tra bức tường. Tôi không phát hiện được bất cứ thứ gì cho tới khi đẩy bàn làm việc của cô ta sang một bên. Dù vẫn không thể thấy điều gì bất thường, nhưng tôi đã chọc thử từng viên gạch. Một viên gạch nọ hơi xê dịch chút xíu. Tôi dùng tay kéo và rồi nó long ra. Cô ta đã dùng vữa màu xám để ngụy trang những khe hở xung quanh viên gạch. Trong cái hốc đó, tôi tìm được hai lá thư. Trên bì thư có ghi tên Lisbeth Harang cùng với địa chỉ *lưu ký* mà tôi không hề biết cô ta có sở hữu. Thoạt tiên, tôi đã định không đọc và đặt lại lá thư vào lại chỗ cũ, cố coi như mình chưa từng trông thấy chúng. Nhưng tôi là kẻ yếu đuối. Tôi không làm được. *'Liebling,* em luôn ngự trị trong tâm trí tôi. Môi kề môi, da kề da, cảm giác ấy vẫn còn đây' - lá thư bắt đầu như thế đấy."

Tấm đệm phát ra tiếng róc rách.

"Những câu từ ấy chẳng khác nào đòn roi đau buốt quất vào tôi, nhưng tôi vẫn tiếp tục đọc. Thật kỳ quái, vì từng từ trong đó cứ như do chính tay tôi viết ra vậy. Sau khi bày tỏ tình yêu sâu đậm dành cho cô ta, hắn chuyển sang mô tả tương đối chi tiết những gì chúng đã làm trong

phòng khách sạn ở Praha. Nhưng những lời kể về cuộc mây mưa giữa chúng không phải là điều khiến tôi đau đớn nhất. Mà đó là khi hắn dẫn lại một điều cô ta hẳn đã nói lúc đề cập đến mối quan hệ giữa tôi và cô ta. Rằng đối với cô ta, đó chỉ là 'giải pháp thực tế cho mối quan hệ không có tình yêu'. Anh có hình dung nổi cảm giác ấy như thế nào không, Harry? Cảm giác khi anh phát hiện hóa ra người phụ nữ anh yêu không chỉ lừa dối anh, mà còn chưa bao giờ yêu anh. Không được yêu thương - đó chẳng phải là định nghĩa căn bản nhất về một cuộc đời thất bại hay sao?"

"Không," Harry đáp.

"Không ư?"

"Vui lòng kể tiếp, nếu ông không phiền."

Wilhelm nhìn Harry bằng ánh mắt thăm dò.

"Hắn gửi kèm một tấm ảnh của mình trong thư. Tôi đoán cô ta đã cầu xin hắn gửi nó. Tôi đã nhận ra hắn. Hắn chính là gã người Na Uy chúng tôi gặp trong một quán cà phê ở Perlova, một khu vực khá tệ nạn ở Praha với toàn đĩ điếm và hầu hết là nhà thổ. Hắn đang ngồi ở quầy bar khi chúng tôi bước vào quán. Tôi đã để mắt tới hắn vì trông hắn rất có phong cách quý ông từng trải, cao sang, kiểu người mẫu mà hãng Boss hay dùng. Ăn vận lịch duyệt và lớn tuổi, thực sự là thế. Nhưng sở hữu cặp mắt trẻ trung, tinh nghịch, khiến đám đàn ông phải để ý canh chừng vợ cẩn thận hơn. Bởi vậy, tôi không mấy ngạc nhiên khi một lát sau hắn đi sang bàn vợ chồng tôi, tự giới thiệu bản thân bằng tiếng Na Uy và mời chúng tôi mua một sợi dây chuyền. Tôi đã lịch sự cảm ơn hắn và từ chối, nhưng hắn vẫn rút sợi dây từ trong túi ra cho Lisbeth xem, khi trông thấy nó, dĩ nhiên cô ta liền không ngừng xuýt xoa và nói rằng mình thích nó. Mặt dây là một viên kim cương đỏ hình ngôi sao năm cánh. Tôi hỏi hắn bán ngôi sao đó bao nhiêu tiền, và

khi hắn ra một cái giá quá ư trên trời đến nỗi chỉ có thể là lời khiêu khích, tôi đã đuổi hắn đi. Hắn mỉm cười với tôi như thể vừa giành được phần thắng, ghi địa chỉ một quán cà phê khác lên một mảnh giấy và nói chúng tôi có thể đến tìm hắn tại đó vào giờ này ngày mai nếu chúng tôi đổi ý. Dĩ nhiên, hắn đưa mảnh giấy cho Lisbeth. Tôi vẫn nhớ được tâm trạng mình không tốt cho tới hết buổi sáng. Nhưng rồi tôi cũng quên hết mọi chuyện. Lisbeth có tài khiến anh quên mau lắm. Có những khi cô ta" - Wilhelm quệt một ngón tay dưới mắt - "làm được điều ấy chỉ bằng cách hiện diện bên cạnh anh."

"Ừm. Thế lá thư còn lại thì sao?"

"Đó là thư cô ta viết và rõ ràng đang cố gửi cho hắn. Trên phong bì có đóng dấu 'Hoàn lại người gửi'. Cô ta kể rằng mình đã cố tìm đủ mọi cách để liên lạc với hắn nhưng khi gọi đến số điện thoại hắn đưa thì không ai nghe máy, cả tổng đài lẫn bưu điện đều không thể tìm ra tung tích của hắn. Cô ta còn bảo mình hy vọng bằng cách nào đó lá thư này sẽ đến được với hắn và hỏi có phải hắn bất đắc dĩ mới chạy trốn khỏi Praha hay không. Có thể hắn vẫn đang phải vật lộn với những khó khăn về tài chính như hồi hắn hỏi vay tiền cô ta chăng."

Wilhelm bật cười khô khốc.

"Nếu đúng là thế thì hắn hãy cứ mạnh dạn liên lạc với cô ta, cô ta viết như vậy. Và cô ta sẽ giúp hắn lần nữa. Vì cô ta yêu hắn. Cô ta không thể nghĩ được điều gì khác - phải xa cách nhau thế này khiến cô ta như phát điên. Cô ta đã hy vọng thời gian sẽ giúp cô ta nguôi ngoai, vậy mà trái lại, cảm giác ấy cứ ngày một lan ra chẳng khác nào căn bệnh và từng xentimet trên thân thể cô ta đều đau đớn. Và có những chỗ rõ ràng là đau nhiều hơn cả, vì cô ta viết rằng những lúc cô ta để cho lão chồng - tức là tôi đây - làm

tình với mình, cô ta đều nhắm mắt lại và giả bộ người đó là hắn. Tôi đương nhiên là bị sốc. Phải, choáng váng. Nhưng lòng tôi như chết hẳn khi trông thấy ngày tháng của dấu bưu điện trên phong bì.”

Wilhelm lại nhắm nghiền mắt.

“Bức thư được gửi đi hồi tháng Hai. Năm nay.”

Lại một tia chớp nữa vụt sáng, hắt những bóng đen lên tường. Chúng vẫn lưu lại trên đó như những bóng ma ánh sáng.

“Là anh, anh sẽ xử lý thế nào?” Wilhelm hỏi.

“Hỏi đúng lắm, ông đã xử lý thế nào?”

Wilhelm mỉm cười yếu ớt.

“Giải pháp của tôi là thưởng thức pate gan ngỗng cùng với rượu vang trắng. Tôi đã rải đầy hoa hồng trên giường, rồi chúng tôi ân ái suốt đêm. Trong lúc cô ta ngủ một mạch tới sáng, tôi nằm đó ngắm cô ta. Tôi biết mình không thể sống thiếu cô ta, nhưng đồng thời tôi cũng biết rằng để có được cô ta cho riêng mình, trước hết tôi phải để mất cô ta đã.”

“Và thế là ông vạch kế hoạch cho toàn bộ câu chuyện. Vừa lên kịch bản giết vợ như thế nào, vừa đảm bảo đổ tội cho nhân tình của bà ta.”

Wilhelm nhún vai.

“Tôi bắt tay vào việc theo cách tôi vẫn làm mỗi khi dàn dựng sân khấu. Cũng như tất cả những người khác trong nghề, tôi biết mấu chốt là làm sao tạo ra được ảo giác. Phải diễn màn kịch dối trá ấy cho thuyết phục để sự thật sẽ là điều khó ai tin nổi. Mục tiêu nghe thì có vẻ khó nhằn, nhưng khi đã bước chân vào nghề này, anh sẽ nhanh chóng hiểu ra rằng đạt được điều đó còn dễ hơn so với điều ngược lại. Con người ta đã quen với việc phải nghe những lời dối trá hơn là nghe sự thật.”

"Ừm. Kể cho tôi biết ông đã làm như thế nào đi."

"Tại sao tôi lại phải mạo hiểm như thế?"

"Tôi đâu thể dùng bất kỳ điều nào ông nói để làm bằng chứng trước tòa đâu. Tôi không có nhân chứng, đã vậy còn đột nhập trái phép vào nhà ông."

"Đúng vậy, nhưng anh là người thông minh, Harry ạ. Nhỡ tôi lỡ nói ra điều gì anh có thể lợi dụng cho cuộc điều tra thì sao."

"Cũng có thể, nhưng tôi nghĩ ông sẵn lòng chấp nhận rủi ro."

"Tại sao?"

"Vì ông thực sự muốn cho tôi biết. Ông đang vô cùng khao khát được giãi bày với tôi. Được nghe chính mình nói ra điều đó."

Wilhelm Barli phá lên cười ha hả.

"Hóa ra anh tưởng anh hiểu tôi kia đấy, Harry?"

Harry lắc đầu trong lúc lục túi tìm bao thuốc lá. Nhưng vô vọng. Có thể nó đã rơi ra khi anh trượt ngã trên mái nhà.

"Tôi không hiểu ông, Wilhelm. Hay bất cứ ai trong số những người như ông. Tuy phải đối mặt với lũ sát nhân suốt mười lăm năm qua, nhưng tôi vẫn chỉ ngộ ra được một điều duy nhất: ấy là chúng luôn kiếm tìm một ai đó lắng nghe chúng tiết lộ những bí mật của mình. Ông còn nhớ lúc ở trong nhà hát ông đã bắt tôi hứa điều gì không? Đó là bắt bằng được hung thủ. Ừm, tôi đã giữ đúng lời hứa. Vì vậy chúng ta thỏa thuận thế này nhé. Ông kể tôi nghe cách thức ông gây án, tôi sẽ cho ông biết những bằng chứng chúng tôi thu được."

Wilhelm chăm chú quan sát vẻ mặt Harry. Một tay vuốt ve tấm đệm.

"Anh nói đúng, Harry. Tôi muốn nói cho anh hay. Hay chính xác hơn

là tôi muốn anh hiểu. Từ những gì tôi biết được về anh, tôi nghĩ anh đủ khả năng để tiếp nhận sự thật. Anh biết đây, tôi luôn theo sát từng bước đi của anh ngay từ khi vụ này bắt đầu."

Wilhelm bật cười khi trông thấy vẻ mặt Harry.

"Anh không biết, đúng không. Việc tìm kiếm Sven Sivertsen không ngờ lại mất nhiều thời gian hơn dự kiến," Wilhelm nói. "Tôi đã sao lại tấm ảnh được gửi đến cho Lisbeth rồi tới Praha. Tôi đã lê la khắp các quán cà phê và quán bar ở Mustek cùng Perlova, đưa tấm ảnh ra hỏi những người xung quanh xem họ có quen biết người Na Uy nào tên là Sven Sivertsen không. Nhưng chẳng thu được gì. Có điều, rõ ràng một số người biết nhiều hơn so với những gì họ sẵn lòng tiết lộ. Vậy là vài ngày sau tôi thay đổi chiến thuật. Tôi bắt đầu đi dò hỏi xem có mối nào kiếm cho tôi được vài viên kim cương đỏ không. Tôi biết thứ đó có thể mua được ở Praha này. Tôi đóng giả một nhà sưu tầm kim cương người Đan Mạch tên là Peter Sandmann và cũng nói rõ là tôi sẵn lòng trả mức giá cực kỳ hấp dẫn cho một viên kim cương đặc biệt được cắt thành hình ngôi sao năm cánh. Tôi để lại địa chỉ lưu trú và hai ngày sau, điện thoại trong phòng khách sạn của tôi đổ chuông. Tôi nhận ra hắn ngay khi nghe thấy giọng nói ở đầu dây bên kia. Tôi giấu giọng thật của mình và nói chuyện với hắn bằng tiếng Anh. Tôi bảo rằng mình đang bận thương lượng để mua một viên kim cương khác và đề nghị gọi lại cho hắn vào tối nay. Tôi hỏi hắn có số điện thoại nào chắc chắn liên hệ được hay không. Tôi có thể nhận ra từ giọng hắn rằng hắn đang cố kiềm chế để không tỏ ra quá sốt sắng và nghĩ mình có thể dễ dàng hẹn gặp hắn tại một con hẻm tối tăm nào đó ngay đêm nay. Tuy nhiên tôi ghìm lại, cũng như người thợ săn buộc phải kiềm chế bản thân khi con mồi đã lọt vào tầm ngắm nhưng vẫn cần đợi thêm cho tới khi mọi thứ đều hoàn hảo.

Anh hiểu chứ?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Tôi hiểu.”

“Hắn cho tôi số di động của mình. Ngày hôm sau tôi trở về Oslo. Mất tới một tuần để tôi thu thập những thông tin cần thiết về Sven Sivertsen. Tìm ra hắn là việc dễ dàng nhất. Có cả thảy hai mươi chín Sven Sivertsen trong hồ sơ đăng ký quốc gia, trong đó chín người ở vào độ tuổi phù hợp và chỉ một người duy nhất không có nơi ở cố định tại Na Uy. Tôi ghi lại địa chỉ gần đây nhất của người đó, tra số điện thoại qua tổng đài rồi gọi đến.

“Một bà già nghe máy. Bà ta nói Sven là con trai bà ta nhưng nhiều năm rồi hắn không sống ở nhà này nữa. Tôi nói với bà ta là tôi và vài người bạn học cũ của hắn đang cố liên lạc với các bạn để tổ chức họp lớp. Bà ta bảo hắn sống ở Praha nhưng đi công tác suốt và cũng không có địa chỉ cố định hay số điện thoại. Nhưng trên hết, bà ta nói hắn sẽ không hào hứng gặp gỡ bất cứ ai trong số bạn cũ đâu. Bà ta hỏi vừa rồi tôi nói mình tên gì? Tôi bảo hồi ấy tôi chỉ học cùng lớp với hắn trong sáu tháng nên chưa chắc hắn đã nhớ tên tôi. Mà nếu nhớ thì có thể là do hồi đó tôi vướng vào rắc rối với cảnh sát. Nghe đồn Sven cũng thế, có thật vậy không? Đến đây, giọng bà ta hơi đanh lại, bà ta nói chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi, hơn nữa, cứ xem cách đối xử của đám bạn với hắn thì Sven có nổi loạn đôi chút cũng chẳng lạ. Tôi đã thay mặt các bạn trong lớp gửi lời xin lỗi tới hắn, sau đó cúp máy và gọi điện đến tòa án. Tôi tự xưng là phóng viên và hỏi họ có thể cho tôi biết Sven Sivertsen đã bị kết án gì không. Một tiếng đồng hồ sau, tôi phần nào biết được hắn làm công việc gì ở Praha. Buôn lậu kim cương và vũ khí. Một kế hoạch bắt đầu hình thành trong đầu tôi, dựa trên những dữ kiện tôi đã biết: hắn kiếm tiền bằng cách buôn lậu, những viên kim cương hình ngôi sao năm cánh, vũ khí, địa chỉ nhà mẹ hắn. Giờ anh bắt đầu thấy được các

mối liên hệ rồi chứ?"

Harry không đáp.

"Sau đó, khi tôi gọi lại cho Sven Sivertsen thì đã ba tuần trôi qua kể từ chuyến viếng thăm Praha. Tôi dùng giọng thật trao đổi với hắn bằng tiếng Na Uy, đi thẳng vào vấn đề và nói với hắn rằng tôi đang tìm mối cung cấp vũ khí và kim cương lâu dài cho mình và tôi không muốn có bất kỳ trung gian nào dính dáng. Tôi nói tôi nghĩ mình đã tìm được đúng người: chính là hắn, Sven Sivertsen. Hắn hỏi tôi làm thế nào tôi biết được tên và số điện thoại của hắn, tôi đáp rằng sự kín tiếng của tôi cũng có thể có lợi cho hắn đấy. Tôi đề nghị hai bên tránh hỏi thêm những câu râu ria không cần thiết. Hắn đón nhận điều đó một cách không lấy gì làm vui vẻ nên cuộc nói chuyện suýt nữa chấm dứt ngay tức thì. Nhưng rồi tôi đề cập đến số tiền mình sẵn lòng chi trả để có hàng, trả trước vào một tài khoản ngân hàng tại Thụy Sĩ nếu được yêu cầu. Chúng tôi thậm chí còn có một đoạn trao đổi như phim kinh điển, trong đó hắn hỏi con số tính bằng krone à, tôi vờ ngạc nhiên đáp lại rằng tất nhiên là euro chứ. Tôi biết chỉ riêng số tiền ấy thôi cũng đã đủ xua tan mọi nghi ngờ còn sót lại về việc tôi có thể là cảnh sát. Giết một con gà như Sivertsen cần gì phải dùng đến dao mổ trâu. Hắn nói mọi chuyện đều có thể thu xếp được. Tôi hẹn sẽ sớm liên hệ lại với hắn.

"Và như thế, thời gian diễn tập cao điểm cho vở *My Fair Lady* cũng là lúc tôi hoàn tất những khâu cuối cùng cho kế hoạch của mình. Bấy nhiêu đó là đủ rồi chứ, Harry?"

Harry lắc đầu. Tiếng vòi sen chảy. Cô ta còn định ở trong phòng tắm đến bao giờ nữa?

"Tôi muốn biết chi tiết."

"Chủ yếu là cách thức thực hiện thôi," Wilhelm nói. "Những điều đó

chẳng phải khá nhàm chán sao?”

“Tôi không thấy thế.”

“Thôi được. Việc đầu tiên tôi làm là xây dựng hình tượng cho Sven Sivertsen. Điều quan trọng nhất phải làm khi giới thiệu một nhân vật đến khán giả là cho họ thấy được động cơ của hắn, khát khao và mơ ước thầm kín nhất trong hắn: tóm lại là những gì có thể tác động được đến hắn. Tôi quyết định sẽ cho Sivertsen vào vai một tên sát nhân không có bất cứ động cơ gây án nào hợp lý, ngoài việc hắn giết người theo nghi thức để thỏa mãn ham muốn nhục dục. Lựa chọn này có thể hơi phổ biến, nhưng mấu chốt ở đây là phải làm sao để nhìn bề ngoài tất cả các nạn nhân, ngoại trừ mẹ của Sivertsen, đều có vẻ được lựa chọn ngẫu nhiên. Tôi đã tìm hiểu về các sát nhân hàng loạt và phát hiện ra một số chi tiết thú vị mình chọn để áp dụng. Chẳng hạn như nỗi ám ảnh đối với mẹ, cách chọn địa điểm gây án của Jack Kẻ Phanh Thây, vốn được các điều tra viên coi là một loại mật mã. Vậy là tôi đến Sở Quy hoạch Thành phố mua một tấm bản đồ chi tiết của khu vực trung tâm Oslo, về đến nhà, tôi kẻ một đường nối từ tòa chung cư tôi ở tại Sannergata tới nhà mẹ Sven Sivertsen đang sinh sống. Dựa vào đường kẻ này, tôi vẽ một ngôi sao năm cánh thật chính xác và tìm những địa chỉ gần nhất với ba đỉnh còn lại của ngôi sao. Và phải thú thực là tôi cảm thấy một luồng adrenaline trào dâng khi đặt đầu bút chì lên bản đồ và biết rằng ở đó - ngay tại địa điểm đó - có một người đang sống và số phận của họ vừa được định đoạt trong chính khoảnh khắc ấy.

“Mấy đêm sau đó tôi vẽ ra đủ thứ ảo tưởng về việc họ có thể là ai, trông thế nào, cuộc sống trước nay ra sao. Nhưng rồi tôi nhanh chóng quên họ đi. Họ không quan trọng - họ chỉ là phông cảnh, là yếu tố phụ trợ, những vai diễn không thoại mà thôi.”

"Vật liệu xây dựng."

"Gì cơ?"

"Không có gì. Ông kể tiếp đi."

"Tôi biết những viên kim cương máu và hung khí gây án sẽ bị truy ngược về Sven Sivertsen khi hắn bị bắt. Để củng cố thêm ảo tưởng về những vụ giết người theo nghi thức, tôi gài vào đó một vài manh mối: ngón tay bị chặt đứt, khoảng thời gian năm ngày giữa các vụ, năm giờ và tầng năm."

Wilhelm mỉm cười.

"Tôi không muốn thử thách mình đặt ra quá dễ, nhưng cũng không được quá khó. Và tôi còn muốn thêm vào chút khôi hài. Những tấn bi kịch hay luôn đi kèm một chút khôi hài, Harry ạ."

Harry thầm ép bản thân phải ngồi im.

"Ông đã nhận được khẩu súng đầu tiên chỉ vài ngày trước khi giết Marius Veland. Tôi nói có đúng không?"

"Đúng. Khẩu súng được đặt trong thùng rác ở công viên Frogner theo thỏa thuận."

Harry hít một hơi thật sâu. "Cảm giác ra sao hả Wilhelm? Ông cảm thấy thế nào khi xuống tay giết người?"

Wilhelm trề môi dưới, vẻ như đang trầm ngâm nghĩ ngợi.

"Họ nói đúng, những người bảo rằng lần đầu tiên luôn là lần khó khăn nhất. Tôi lẻn vào ký túc xá sinh viên mà không gặp trở ngại gì, nhưng tôi mất nhiều thời gian hơn dự tính để dùng súng nhiệt hàn kín cái túi cao su đựng xác cậu ta. Hơn nữa, dù đã dành đến nửa đời người để nâng đỡ những vũ công ba lê khỏe mạnh người Na Uy, vậy mà chật vật lắm tôi mới vác

được cậu ta lên tầng áp mái."

Một khoảng lặng bao trùm. Harry hắng giọng.

"Và sau đó thì sao?"

"Sau đó tôi đạp xe tới công viên Frogner lấy khẩu súng và viên kim cương thứ hai. Tên con lai người Đức Sven Sivertsen quả là đúng giờ và tham lam hệt như tôi mong đợi. Kỹ thuật cài cắm để hắn xuất hiện tại công viên Frogner vào thời điểm xảy ra các vụ án mạng đúng là một chi tiết đáng giá, anh có nghĩ vậy không? Rốt cuộc thì chính hắn cũng đang thực hiện một hành vi phạm tội nên hắn sẽ chuẩn bị kỹ càng để không bị nhận diện và đảm bảo không ai biết hắn đã đi đâu. Tôi chỉ cần làm sao để khiến hắn không có được bằng chứng ngoại phạm thôi."

"Hoan hô," Harry nói và đưa một ngón tay lên quệt hai hàng lông mày ướt đẫm.

Anh có cảm giác khắp nơi toàn là hơi ẩm và nước ngưng tụ, như thể nước đang xâm nhập qua các bức tường, qua mái ở sân thượng, rồi còn cả vòi sen nữa chứ.

"Nhưng những gì ông kể với tôi nãy giờ tôi đều tự đoán ra được hết, Wilhelm ạ. Hãy nói điều gì đó tôi không biết đi. Kể cho tôi nghe về vợ ông. Ông đã làm gì bà ấy? Mấy người hàng xóm trông thấy ông chốc chốc lại xuất hiện sân thượng, vậy ông làm thế nào để đưa được vợ ra khỏi nhà và giấu bà ấy đi trước khi chúng tôi đến?"

Wilhelm mỉm cười.

"Vậy là ông không chịu tiết lộ," Harry nói.

"Để giữ lại một chút bí ẩn cho vở kịch, tác giả nên biết tiết chế, không giải thích quá nhiều."

Harry thở dài.

"Thôi được rồi, vậy ông vui lòng giải thích giùm tôi điều này. Sao ông lại phải phức tạp hóa vấn đề như thế? Sao không chỉ việc giết quách Sven Sivertsen đi là xong? Ông đã có cơ hội ra tay ở Praha kia mà. Như vậy sẽ đỡ rắc rối và an toàn hơn nhiều so với việc giết ba mạng người vô tội và cả vợ ông."

"Thứ nhất, tôi cần một kẻ chịu tội thay. Nếu Lisbeth mất tích và vụ án trở nên bế tắc, mọi người đều sẽ nghĩ tôi là thủ phạm. Vì kẻ có tội luôn là các ông chồng, phải không nào, Harry? Nhưng lý do chủ yếu khiến tôi làm vậy là vì tình yêu là một cơn khát, Harry ạ. Nó cần được uống. Nước. Cơn khát báo thù. Một cách nói khá hay, đúng không? Anh hiểu ý tôi đang nói gì mà, Harry. Cái chết không phải là cách báo thù. Nó là sự giải thoát, một cái kết hạnh phúc. Điều tôi muốn Sven Sivertsen phải gánh chịu là một bi kịch thực sự, là sự đày ải không có hồi kết. Và tôi đã đạt được mục đích. Sven Sivertsen đã trở thành một trong những linh hồn tuyệt vọng lang thang bên bờ sông Styx, còn tôi là lão lái đò Charon, người từ chối đưa hắn qua sông để đến với vương quốc của người chết. Nghe đậm chất Hy Lạp đúng không? Tôi đã ban cho hắn bản án chung thân, Harry ạ. Hắn sẽ bị lòng hận thù thiêu đốt, giống như tôi vậy. Hận mà chẳng biết hận ai, điều đó khiến anh quay sang hận bản thân, hận chính mình số khổ. Đó là những gì anh phải gánh chịu khi bị chính người anh yêu thương phản bội. Phải ngồi sau song sắt vĩnh viễn vì tội lỗi nào đó mà anh không biết rằng mình đã phạm. Anh có thể tưởng tượng ra sự trả thù nào ngọt ngào hơn thế không hả Harry?"

Harry lục túi áo để xem cái đục có còn trong đó không.

Wilhelm khẽ cười. Điều tiếp theo ông ta nói khiến Harry cảm thấy như

đã từng nghe qua.

“Anh không cần trả lời đâu, Harry. Nhìn mặt anh là tôi biết rồi.”

Harry nhắm mắt lại và lắng nghe giọng nói trầm vang của Wilhelm tiếp tục cất lên.

“Anh chẳng khác gì tôi. Niềm đam mê cũng chính là động lực thúc đẩy anh. Mà đam mê thì cũng như tà dục, luôn tìm đến…”

“… những nơi hạ đẳng nhất để trú ngụ.”

“Những nơi hạ đẳng nhất. Nhưng tôi nghĩ giờ đến lượt anh rồi, Harry. Bằng chứng mà anh nói khi nãy là gì? Đó có phải là điều mà tôi nên lo ngại không nhỉ?”

Harry lại mở mắt ra.

“Trước hết, ông phải cho tôi biết bà nhà đang ở đâu đã, Wilhelm.”

Wilhelm bật cười khẽ và đặt tay lên trái tim.

“Cô ấy ở đây này.”

“Ông nói xằng,” Harry nói.

“Nếu Pygmalion có thể đem lòng yêu Galatea, bức tượng người đàn bà ông ta chưa một lần được gặp, thì tại sao tôi lại không thể yêu bức tượng của vợ mình chứ?”

“Tôi không hiểu ông đang nói gì cả, Wilhelm.”

“Anh không cần phải hiểu, Harry ạ. Tôi biết để người khác hiểu được là rất khó.”

Trong sự im lặng bao trùm sau đó, Harry có thể nghe thấy tiếng nước chảy rào rào trong phòng tắm tầng dưới với một sức mạnh không suy suyển. Làm thế nào anh đưa được người phụ nữ đó ra khỏi căn hộ này mà vẫn kiểm soát được tình hình nhỉ?

Giọng nói trầm trầm của Wilhelm hóa thành những thanh âm nhạt nhòa.

“Sai lầm của tôi là ở chỗ tôi cứ tưởng có thể khiến bức tượng sống lại một lần nữa. Nhưng người nhận trách nhiệm này lại không chịu thấu hiểu. Ảo tưởng đó mạnh mẽ hơn thứ được gọi là thực tế.”

“Ông đang nói đến ai vậy?”

“Người thay thế. Galatea sống, Lisbeth mói. Cô ta hoảng sợ và đe dọa sẽ phá hỏng tất cả. Giờ tôi có thể nhận ra rằng mình đành phải chấp nhận sống với bức tượng vậy. Nhưng mà không sao hết.”

Harry cảm thấy có thứ gì đó đang từ từ trào lên. Một thứ lạnh lẽo bắt nguồn từ dạ dày của anh.

“Anh đã bao giờ sờ vào một bức tượng chưa, Harry? Cảm giác làn da người chết mang lại thực sự rất đặc biệt. Không ấm lắm, nhưng cũng không lạnh hẳn.”

Wilhelm vuốt ve tấm đệm màu xanh dương.

Harry có cảm giác cái lạnh khiến nội tạng anh đông cứng, như thể ai đó vừa tiêm nước đá vào người anh. Anh thấy cổ họng mình nghẹn lại khi nói, “Ông xong đời rồi, ông biết chứ?”

Wilhelm vươn người qua bên kia giường.

“Sao thế được, Harry? Tôi chỉ đóng vai người kể chuyện để kể cho anh nghe một câu chuyện thôi mà. Anh chẳng thể chứng minh được gì hết.”

Ông ta nhoài người với lấy một thứ gì đó trên kệ đầu giường. Ánh kim loại lóe sáng và cơ bắp Harry căng ra. Wilhelm giơ thứ đó lên. Một chiếc đồng hồ đeo tay.

“Giờ cũng muộn rồi đấy Harry. Chúng ta kết thúc cuộc gặp tại đây

được chú? Đừng bận tâm nếu anh ra về mà cô ta vẫn chưa rời khỏi phòng tắm.”

Harry vẫn ngồi im. “Tìm ra kẻ sát nhân mới chỉ là một nửa trong số những gì ông bắt tôi hứa thôi, Wilhelm. Nửa còn lại là tôi hãy trừng phạt hắn. Thật nặng. Và tôi nghĩ ông thật sự muốn như vậy. Một phần nào đó trong ông đang khao khát bị trừng phạt, phải vậy không?”

“Lý thuyết của Freud đã hết thời rồi, Harry ạ. Chuyến viếng thăm này cũng y như vậy.”

“Ông không muốn nghe bằng chứng trước sao?”

Wilhelm thở dài vẻ bực bội.

“Nếu sau đó anh chịu về, thì làm ơn nói đi.”

“Đáng lẽ tôi phải hiểu ra mọi chuyện khi nhận được ngón tay đeo nhẫn kim cương của Lisbeth gửi qua bưu điện. Ngón thứ ba bàn tay trái. *Vena amoris.* Bà ấy là người mà hung thủ muốn có được tình yêu. Oái oăm thay, cũng chính ngón tay này đã khiến hắn lộ tẩy.”

“Lộ tẩy…”

“Chính xác hơn là, mẫu phân nằm dưới móng tay.”

“Trong đó có lẫn máu của tôi. Đúng vậy, nhưng đó là chuyện xưa rồi, Harry ạ. Hơn nữa, tôi đã giải thích rằng chúng tôi thích…”

“Phải, và khi phát hiện ra điều này, mẫu phân đã được chúng tôi xét nghiệm cẩn thận hơn. Thường thì việc đó không mang lại nhiều kết quả cho lắm. Thức ăn mà chúng ta ăn vào sẽ mất khoảng mười hai cho tới hai mươi tư giờ để đi từ miệng tới trực tràng, trong quá trình đó, dạ dày và hệ ruột sẽ biến thức ăn thành chất thải không thể nhận biết được. Đến nỗi dù có soi dưới kính hiển vi cũng khó mà xác định nổi người ta đã ăn món gì. Thế

nhưng, có một vài thứ vẫn còn nguyên sau khi đi qua hệ tiêu hóa. Chẳng hạn như hột nho và…”

“Anh bỏ qua phần rao giảng kiến thức này đi được không, Harry?”

“Hạt. Chúng tôi đã tìm được hai cái hạt. Điều đó cũng chẳng có gì đặc biệt. Vì thế mãi đến ngày hôm nay, khi tôi phát hiện ra ai có thể là hung thủ, tôi mới nhờ phòng thí nghiệm giám định hai cái hạt kỹ hơn. Ông có biết họ tìm được gì không?”

“Tôi chịu.”

“Đó là một hạt tiểu hồi còn nguyên vẹn.”

“Thì sao?”

“Tôi đã nói chuyện với bếp trưởng nhà hàng Theatre Café. Ông đã đúng khi nói rằng đó là nhà hàng duy nhất ở Na Uy làm bánh mì tiểu hồi nguyên hạt. Rất hợp với món…”

“Cá trích,” Wilhelm nói. “Anh biết tôi thường dùng bữa ở đó. Anh đang muốn ám chỉ điều gì?”

“Lúc trước ông có nói, vào thứ Tư hôm Lisbeth mất tích, ông đã ăn món cá trích trong bữa sáng ở nhà hàng Theatre Café như thường lệ, trong khoảng từ chín đến mười giờ. Điều tôi đang tự hỏi là làm thế nào cái hạt ấy lại từ dạ dày ông chui vào dưới móng tay Lisbeth được nhỉ.”

Harry chờ để đảm bảo Wilhelm nhận thức đầy đủ những điều anh nói trước khi tiếp tục.

“Ông khai rằng Lisbeth đã rời khỏi nhà vào khoảng năm giờ. Tức là tám tiếng sau khi ông dùng bữa sáng với cá trích. Giả sử việc cuối cùng vợ chồng ông làm trước khi bà ấy ra ngoài là ân ái và bà ấy đã dùng tay để quan hệ với ông. Cho dù ruột ông có làm việc hiệu quả đến mấy đi nữa thì

cũng không thể đẩy cái hạt tiểu hồi tới trực tràng chỉ sau tám tiếng đồng hồ được. Xét về mặt y học, điều đó là bất khả thi.”

Harry nhận thấy khuôn mặt Wilhelm khẽ giật trong khi miệng há hốc lúc nghe anh thốt ra ba từ “bất khả thi”.

“Nhanh nhất cũng phải chín giờ tối thì hạt tiểu hồi mới có thể xuống tới trực tràng. Vì vậy ngón tay Lisbeth chắc chắn chỉ được đưa vào trong người ông vào buổi tối muộn hoặc đêm hôm đó, hoặc ngày hôm sau. Tức là sau khi ông trình báo bà ấy mất tích. Ông hiểu ý tôi đang muốn nói gì chứ, Wilhelm?”

Wilhelm nhìn Harry chòng chọc. Đúng hơn là nhìn về phía Harry, còn ánh mắt lại dán vào một điểm nào đó xa xôi hơn nhiều.

“Chúng tôi gọi đó là bằng chứng pháp y,” Harry nói.

“Tôi hiểu.” Wilhelm chậm rãi gật đầu. “Bằng chứng pháp y.”

“Phải.”

“Một thực tế rõ ràng, không thể chối cãi?”

“Đúng vậy.”

“Các thẩm phán và bồi thẩm đoàn khoái những thứ kiểu này lắm, phải không? Còn hay hơn cả lời nhận tội, Harry nhỉ?”

Người cảnh sát gật đầu.

“Một trò hề, Harry ạ. Với tôi, tất cả đều chỉ là trò hề. Người ta đổ xô ra sân khấu rồi lại rút về phía sau. Tôi đã sắp xếp cho hai chúng tôi xuất hiện trên sân thượng để hàng xóm trông thấy chúng tôi trước khi tôi gọi Lisbeth vào phòng ngủ, lấy khẩu súng trong hộp dụng cụ ra, và cô ta trợn tròn mắt - phải, trông hệt như trò hề - nhìn trân trối vào họng súng dài được lắp ống giảm thanh.”

Wilhelm rút tay ra từ bên dưới chiếc chăn lông vịt. Harry chầm chầm nhìn khẩu súng với khối kim loại màu đen quanh nòng, thứ đang chĩa vào mình.

“Ngồi xuống, Harry.”

Harry cảm thấy cái đục chọc vào sườn khi anh lại ngồi phịch xuống ghế.

“Cô ta hiểu nhầm ý tôi theo cách ngớ ngẩn nhất trần đời. Đáng lẽ đó sẽ là sự trừng phạt xúng đáng nhất. Để cô ta cưỡi lên tay tôi khi tôi phun chì nóng vào nơi cô ta cho hắn được thỏa mãn.”

Wilhelm đứng dậy khỏi giường, cái đệm dập dềnh và phát ra tiếng lóc bóc.

“Nhưng mấu chốt của trò hề nằm ở tốc độ, là tốc độ, vì thế tôi buộc phải nhanh chóng nói lời giã biệt.”

Ông ta đứng trước mặt Harry trong bộ dạng khỏa thân, giương súng lên.

“Tôi đã gí họng súng vào trán cô ta. Cô ta cau mày vẻ ngạc nhiên như mọi lần, những khi cô ta cảm thấy thế giới này đầy rẫy sự bất công hoặc đơn giản thật khó hiểu. Chẳng hạn như buổi tối hôm tôi kể cho cô ta nghe về vở kịch *Pygmalion* của Bernard Shaw, nguyên tác của vở *My Fair Lady.* Trong đó Eliza Doolittle không kết hôn với giáo sư Higgins, người đã dạy dỗ và giúp cô ta lột xác từ gái bán hoa trở thành một quý cô lịch thiệp. Thay vào đó, cô ta đã bỏ trốn cùng gã trai Freddy. Lisbeth rất tức giận và nói Eliza nợ ông giáo sư quá nhiều, còn Freddy thì là gã vô danh đần độn. Anh biết sao không, Harry? Tôi đã khóc khi nghe những lời ấy.”

“Ông điên rồi,” Harry khẽ nói.

"Có lẽ vậy," Wilhelm nghiêm trang đáp. "Tôi đã làm những việc táng tận lương tâm. Tôi không có khả năng kiềm chế thường thấy ở những người có động cơ bắt nguồn từ lòng oán hận. Tôi chỉ là một người đàn ông suy nghĩ đơn giản, tuân theo lời mách bảo của trái tim. Và trái tim tôi bảo hãy làm vì tình yêu, tình yêu do Chúa ban tặng cho chúng ta, biến chúng ta thành công cụ của Người. Chẳng phải các nhà tiên tri và cả Chúa Jesus đều từng bị coi là những kẻ điên hay sao, có lẽ vậy? Dĩ nhiên chúng ta đều điên cả, Harry ạ. Điên ấy, đồng thời cũng là những người sáng suốt nhất trên cõi đời này. Khi họ nói những việc tôi làm là điên rồ và chắc hẳn trái tim tôi đang mang trong mình là khiếm khuyết, thì tôi sẽ đáp rằng: Trái tim ai khiếm khuyết hơn chứ, trái tim không thể ngừng yêu, hay trái tim được trao yêu thương nhưng không thể đáp lại tình yêu ấy?"

Sau đó là một khoảng lặng kéo dài. Rồi Harry hắng giọng.

"Vậy là ông đã bắn bà ấy?"

Wilhelm chậm rãi gật đầu.

"Trên trán cô ta có một vết sưng nhỏ," ông ta nói, giọng chất chứa vẻ ngỡ ngàng. "Và một lỗ đen be bé. Y như khi ta đóng đinh vào một tấm kim loại."

"Sau đó ông giấu bà ấy đi. Ở nơi duy nhất mà ngay cả chó cảnh sát cũng không thể tìm ra bà ấy được."

"Trong căn hộ nóng lắm." Wilhelm lại dõi mắt nhìn đâu đó phía trên đầu Harry. "Có một con ruồi vo ve ở cửa sổ, và tôi đã cởi hết đồ ra cho máu khỏi dính vào. Mọi thứ đều được sắp xếp đâu ra đấy trong hộp dụng cụ. Tôi dùng kìm cắt đứt ngón giữa ở bàn tay trái của cô ta. Sau đó tôi cởi đồ cho cô ta, dùng bình xịt silicon dạng bọt nhanh chóng bịt kín lỗ đạn, vết thương trên ngón tay và các khiếu trên người cô ta. Trước đó tôi đã xả bớt một nửa

nước trong tấm đệm. Hầu như tôi không làm rớt một giọt nào khi nhét cô ta vào qua khe hở mình đã rạch trên đệm. Sau đó tôi hàn kín nó lại bằng keo dán, cao su và súng nhiệt. Mọi chuyện suôn sẻ hơn nhiều so với lần đầu tiên."

"Vậy là suốt thời gian qua bà ấy nằm ở đó? Bị chôn vùi trong chính tấm đệm nước của mình?"

"Không, không," Wilhelm nói, trầm ngâm dán mắt lên một điểm phía trên đầu Harry. "Tôi đâu có chôn cô ta. Ngược lại, tôi đặt cô ta về lại dạ con thôi. Đó là khởi đầu cho sự tái sinh của cô ta."

Harry biết mình nên thấy sợ mới phải. Bây giờ mà không sợ thì thật nguy hiểm, miệng anh đúng ra phải khô khốc và anh nên cảm thấy tim đang đập dồn dập. Đúng ra anh không nên cảm thấy cơn mệt mỏi rã rời dần dần choán lấy mình như thế này.

"Rồi ông giấu phần ngón tay cụt trong hậu môn của mình," Harry nói.

"Hừm," Wilhelm nói. "Nơi cất giấu hoàn hảo. Như tôi đã nói, tôi đã lường trước các anh sẽ dùng chó cảnh sát."

"Vẫn còn những chỗ cất giấu khác không làm lộ mùi mà, nhưng chắc hẳn việc đó mang lại cho ông niềm vui thích bệnh hoạn? Nhân tiện thì ông đã làm gì với ngón tay của Camilla Loen? Ngón tay đã bị ông cắt đứt trước khi ông giết cô ấy."

"Camilla, phải rồi…" Wilhelm gật gù mỉm cười như thể Harry vừa gọi lại một kỷ niệm vui vẻ. "Đó sẽ mãi là bí mật giữa tôi và cô ta, Harry ạ."

Wilhelm mở chốt an toàn của khẩu súng. Harry nuốt khan.

"Đưa súng cho tôi, Wilhelm. Mọi chuyện kết thúc rồi. Việc đó chẳng ích gì đâu."

“Tất nhiên là có chứ.”

“Ích gì?”

“Xưa nay vẫn vậy mà, Harry. Màn trình diễn nào cũng cần phải có một cái kết tử tế. Chắc anh không cho rằng khán giả sẽ chịu tin tôi ngoan ngoãn rút êm chứ? Chúng ta cần một đoạn kết hoành tráng, Harry ạ. Một cái kết hạnh phúc. Nếu không có được nó, tôi sẽ tự mình viết nên. Đó là…”

“Phương châm sống của ông,” Harry khẽ nói.

Wilhelm mỉm cười, gí súng vào thái dương Harry. “Tôi định nói, đó là phương châm chết của tôi cơ.”

Harry nhắm mắt lại. Anh không muốn gì hơn là được chìm vào giấc ngủ. Được trôi theo dòng sông với nước chảy êm đềm. Và sang tới bờ bên kia.

Rakel giật mình, choàng mở mắt.

Cô vừa nằm mơ thấy Harry. Họ đang ở trên một con thuyền.

Phòng ngủ chìm trong bóng tối. Có phải cô vừa nghe thấy tiếng gì đó không? Có phải đã xảy ra chuyện gì rồi?

Cô lắng nghe tiếng mưa rì rào trấn an rơi trên mái. Để đảm bảo an toàn, cô kiểm tra lại chiếc di động đang để trên kệ đầu giường xem máy đã bật chưa. Phòng khi anh gọi đến.

Cô nhắm mắt lại. Nhẹ nhàng xuôi theo dòng nước.

Harry không còn nhận biết được thời gian. Khi mở mắt, anh có cảm giác ánh sáng trong căn phòng không người dường như đổi khác, nhưng lại chẳng biết một giây hay một phút đã trôi qua.

Chiếc giường trống trơn. Wilhelm đi rồi.

Tiếng nước lại vọng đến tai anh. Tiếng mưa. Tiếng vòi sen.

Harry lảo đảo đứng dậy, nhìn chằm chằm vào tấm đệm màu xanh dương. Anh tưởng như có thứ gì đó đang bò lổm ngổm bên trong lớp áo quần của mình. Nhờ ánh sáng tỏa ra từ chiếc bàn cạnh giường, anh lờ mờ trông thấy bóng dáng một thân người bên trong tấm đệm nước. Cái mặt đã nổi lên trên, hằn lên lớp cao su tạo thành một cái khuôn thạch cao.

Anh rời khỏi phòng ngủ. Cửa sân thượng mở toang. Anh liếc về phía lan can và nhìn xuống sân, rồi bước những bước chân ướt nhẹp trên cầu thang trắng để xuống tầng dưới. Anh mở cửa phòng tắm. Một thân thể phụ nữ in bóng lên cửa sổ phía sau tấm rèm xám quây quanh khu tắm đứng. Harry kéo rèm sang bên. Cái cổ của Toya Harang gập xuống theo dòng nước, cằm gần chạm đến ngực. Một chiếc tất da chân màu đen siết lấy cổ cô ta và buộc vào đầu vời sen. Mắt cô ta nhắm nghiền, những giọt nước đọng lại trên hai hàng mi đen rợp bóng. Cái miệng mở nửa vời và chứa đầy đống màu vàng giống như bọt xốp đã cứng lại. Chất đó cũng được trét vào các lỗ mũi, tai và cái lỗ nhỏ ở thái dương.

Harry tắt vòi sen trước khi đi.

Trên cầu thang không còn ai khác.

Harry thận trọng bước từng bước. Anh có cảm giác tê liệt, như thể toàn thân đã hóa đá.

Bjarne Møller.

Anh phải gọi điện cho Bjarne Møller.

Harry đi qua sảnh trước và bước ra sân. Mưa trút xuống đầu anh nhưng anh không cảm thấy gì. Chẳng mấy chốc anh sẽ tê liệt hoàn toàn. Cái giá phơi đồ xoay 360 độ không còn rít lên nữa. Anh tránh nhìn về phía nó. Nhác thấy một bao thuốc màu vàng trên mặt sân trải nhựa, anh liền bước tới nhặt lên. Harry mở nó ra, rút lấy một điếu thuốc đưa lên miệng. Anh cố dùng bật lửa châm thuốc nhưng rồi phát hiện ra rằng đầu điếu thuốc bị ướt. Chắc hẳn nước đã ngấm vào bao.

Gọi cho Bjarne Møller. Bảo họ tới đây. Đi cùng Møller tới ký túc xá sinh viên. Thẩm vấn Sven Sivertsen tại đó. Lập tức ghi âm lại lời tố cáo của anh ta đối với Tom Waaler. Nghe Møller ra lệnh bắt giữ thanh tra Waaler. Sau đó về nhà. Về với Rakel.

Qua khóe mắt, anh có thể trông thấy cái giá phơi đồ xoay 360 độ.

Anh chửi thề, bứt điếu thuốc làm đôi, đưa phần đầu lọc lên môi và một lần nữa cố châm lửa. Sao anh lại căng thẳng như vậy chứ? Còn việc gì để làm nữa đâu. Tất cả đã chấm dứt, kết thúc rồi.

Anh quay về phía giá phơi đồ.

Nó hơi nghiêng về một bên, nhưng cái cột chống trên mặt sân trải nhựa rõ ràng mới là thứ gánh chịu hậu quả nặng nề. Trong số những sợi dây đang đỡ lấy Wilhelm Barli, chỉ có đúng một sợi bị đứt. Tay ông ta dang sang hai bên, mái tóc ướt dính vào mặt, cặp mắt ngước lên như đang cầu nguyện. Đột nhiên Harry cảm thấy cảnh tượng ấy đẹp đẽ đến lạ. Thân thể lõa lồ của ông ta được tấm ga ướt che đi phần nào, trông ông ta giống như một bức tượng đặt ở mũi chiếc thuyền buồm lớn. Wilhelm cuối cùng cũng đã có được điều mà ông ta muốn. Một cái kết hoành tráng.

Harry nhặt điện thoại di động của mình lên và nhập mã PIN. Những

ngón tay gần như không còn nghe lời anh nữa. Chúng sẽ sớm hóa đá thôi. Anh nhập số của Bjarne Møller. Anh đang định nhấn nút gọi thì cái điện thoại ré lên tiếng chuông báo. Màn hình thông báo anh có một lời nhắn trong hộp thư thoại. Thế thì sao chứ? Đây đâu phải điện thoại của Harry đâu. Anh do dự giây lát. Bản năng mách bảo anh nên gọi điện cho Møller trước. Anh nhắm mắt lại. Và nhấn nút.

Một giọng phụ nữ thông báo anh có một lời nhắn. Tiếng bíp vang lên, sau đó là vài giây im lặng. Rồi giọng nói thì thầm cất lên, "Chào Harry. Tôi đây."

Đó là Tom Waaler.

"Anh đã tắt máy di động, Harry ạ. Làm thế là không khôn ngoan chút nào. Vì tôi cần phải nói chuyện với anh, anh biết đấy."

Miệng Tom áp sát vào ống nghe tới nỗi Harry tưởng như anh ta đang đúng ngay cạnh mình.

"Xin lỗi vì phải nói thầm, nhưng chúng ta không nên làm thằng bé thức giấc, nhỉ? Anh có đoán được tôi đang ở đâu không? Tôi nghĩ là có thể. Biết đâu anh thậm chí còn mong chờ ấy chứ."

Harry rít điếu thuốc mà không hề nhận ra nó đã tắt ngúm.

"Trong này hơi tối, nhưng vẫn thấy được tấm ảnh chụp một đội tuyển bóng đá treo phía trên đầu giường. Để xem nào. Tottenham Hotspur à? Trên kệ đầu giường có một cái máy nho nhỏ. Máy điện tử GameBoy. Nghe nhé. Tôi sẽ giơ điện thoại lại gần giường thằng bé."

Anh nghe thấy tiếng thở đều đều êm ái của một cậu bé đang say ngủ trong căn nhà ốp gỗ mộc màu đen ở Holmenkollveien.

"Bọn tôi có tai mắt ở khắp nơi, Harry ạ, nên chớ có dại mà gọi điện

hoặc nói với ai đó. Cứ làm đúng như tôi yêu cầu. Gọi cho tôi vào số này. Anh mà trái lời thì thằng bé chết chắc. Anh hiểu chứ?”

Tim Harry bắt đầu bơm máu đi khắp cơ thể đã cứng đờ, rồi dần dần, cảm giác tê dại được thay thế bằng nỗi đau gần như vượt quá sức chịu đựng của anh.

THỨ HAI



ngôi sao của quỷ

Cần gạt nước phát ra tiếng động khe khẽ và các lốp xe rít lên chói tai.

Chiếc Escort trượt đi trên mặt đường ướt ở ngã tư. Harry lái với tốc độ nhanh nhất có thể, nhưng mưa đang trút rào rào như tên bắn xuống mặt đường nhựa phía trước, anh biết thực tình những rãnh còn lại trên lốp xe có cũng như không.

Anh cho xe tăng tốc, phóng qua ngã tư tiếp theo khi đèn chuyển vàng. May mà trên phố không có xe qua lại. Anh liếc nhanh đồng hồ đeo tay.

Còn mười hai phút. Đã tám phút trôi qua kể từ khi anh đứng trên khoảnh sân trung tâm ở Sannergata, tay cầm điện thoại di động và nhập số máy anh buộc phải gọi đến. Tám phút kể từ khi giọng nói đó thì thầm vào tai anh, "Đợi mãi."

Harry nói tất cả những gì cần nói, nhưng không nhịn được mà thêm vào một câu, "Mày mà chạm vào thằng bé, tao sẽ giết mày."

"Chà chà. Anh và Sivertsen đang ở đâu?"

"Không biết," Harry nói, mắt nhìn chằm chằm cái giá phơi đồ xoay 360 độ. "Mày muốn gì?"

"Chỉ muốn gặp anh thôi. Để hỏi xem vì sao anh lại phá bỏ thỏa thuận giữa chúng ta. Xem anh có điều gì bất mãn chúng ta có thể thương lượng không, vẫn chưa quá muộn đâu, Harry. Tôi sẵn lòng làm tất cả để mời được anh về đội."

"Được thôi," Harry đáp. "Gặp thì gặp. Tao sẽ đến chỗ mày."

Tom Waaler khẽ cười.

"Tôi còn muốn gặp cả Sven Sivertsen nữa. Và tốt hơn hết là tôi đến chỗ anh. Vì vậy, anh đọc địa chỉ đi. Nhanh lên."

Harry chần chừ.

"Anh đã bao giờ nghe thấy âm thanh khi cắt cổ một người chưa, Harry? Đầu tiên là tiếng kin kít khi lưỡi dao thép cứa vào da và sụn, sau đó đến tiếng khò khè như máy hút dãi ở phòng khám nha khoa. Âm thanh đó là do khí quản bị cắt đứt. Hay là thực quản nhỉ? Tôi chẳng bao giờ phân biệt được hai thứ đó với nhau."

"Ký túc xá sinh viên. Phòng 406."

"Chúa ơi. Hiện trường gây án ư? Đáng lẽ tôi phải đoán ra chứ."

"Đúng thế."

"Được rồi, nhưng nếu anh đang tính gọi cho ai đó hoặc giăng bẫy tôi, thì quên đi, Harry. Tôi sẽ đem thằng nhóc theo."

"Không! Đừng… Tom… làm ơn!"

"Làm ơn? Có phải anh vừa nói 'làm ơn' không?"

Harry không đáp.

"Tôi đã vực anh dậy từ vũng bùn, trao cho anh một cơ hội. Thế mà

anh lại âm thầm đâm sau lưng tôi, làm ơn đi. Những việc tôi làm không phải lỗi của tôi. Mà là tại anh. Hãy nhớ lấy điều đó, Harry.”

“Nghe này…”

“Hai mươi phút nữa. Để cửa mở, ngồi trên sàn ở vị trí tôi có thể trông thấy và giơ hai tay lên trên đầu.”

“Tom!”

Waaler cúp máy mất rồi.

Harry xoay mạnh vô lăng và cảm thấy các lốp xe trượt đi. Chúng trôi bồng bềnh trên mặt nước, nghiêng về một bên. Trong giây lát, anh tưởng như mình và cái xe đang lơ lửng trong một giấc mơ mà tại đó, mọi quy luật vật lý đều không hề tồn tại. Tất cả chỉ diễn ra trong một giây, nhưng chừng đó là đủ để mang lại cho Harry cảm giác được giải thoát khi mọi chuyện đã kết thúc, có muốn làm gì cũng đã muộn. Thế rồi các lốp xe lại bám xuống đường, đưa anh trở về thực tại.

Xe rẽ ngoặt vào con đường bên ngoài ký túc xá sinh viên và đỗ xịch trước cửa thoát hiểm. Harry tắt máy. Còn chín phút. Anh bước ra, đi vòng qua chiếc xe. Rồi anh mở cốp và vứt mấy chai dung dịch vệ sinh kính chắn gió vẫn còn phân nửa cùng mớ giẻ bẩn thỉu đi. Vớ lấy cuộn băng dính cách điện màu đen. Vừa đi lên cầu thang, anh vừa rút khẩu súng giắt ở cạp quần và tháo ống giảm thanh ra. Tuy chưa kiểm tra nhưng anh cho rằng một khẩu súng sản xuất tại Séc chắc sẽ chịu được cú rơi hi hữu từ trên sân thượng ở độ cao mười lăm mét xuống đất. Anh dừng lại trước cửa thang máy tầng bốn. Phần tay nắm vẫn hệt như trong trí nhớ của anh: bằng kim loại, một đầu được bịt nút gỗ đặc tròn. Chỉ đủ rộng để giấu khẩu súng không gắn ống giảm thanh nếu nó được dán băng dính vào bên trong. Anh lắp đạn vào và dùng hai đoạn băng dính để cố định khẩu súng. Nếu mọi chuyện diễn ra

theo đúng kế hoạch ngay từ đầu thì anh sẽ chẳng cần dùng đến nó. Bản lề kêu cót két khi anh mở nắp ống đổ rác bên cạnh thang máy, nhưng ống giảm thanh rơi xuống khoảng không tối đen mà không hề gây ra tiếng động nào. Còn bốn phút.

Anh mở cửa phòng 406.

Có tiếng lanh canh của sắt va vào máy sưởi.

"Tin tức tốt lành chứ?"

Giọng Sven gần như khẩn cầu. Hơi thở anh ta tỏa ra mùi hôi khi Harry tháo còng tay.

"Không," Harry đáp.

"Không ư?"

"Hắn đang trên đường tới đây cùng với Oleg."

Harry và Sven ngồi bệt trên sàn hành lang, cùng nhau đợi.

"Hắn đến muộn," Sven nói.

"Phải."

Cả hai cùng im lặng.

"Kể tên các bài hát của Iggy Pop bắt đầu bằng chữ C," Sven nói. "Anh trước."

"Anh thôi đi."

"China Girl."

"Giờ không phải lúc."

"Việc đó có ích đây. *Candy."*

"Cry For Love."

"China Girl."

"Bài này anh vừa kể rồi, Sivertsen."

"Có hai phiên bản mà."

"Cold Metal."

"Anh có sợ không, Harry?"

"Sợ muốn chết."

"Tôi cũng vậy."

"Tốt. Như thế cơ may sống sót của chúng ta sẽ cao hơn."

"Cao hơn được bao nhiêu? Mười phần trăm? Hay hai mươi…"

"Suỵt."

"Có phải cái thang máy…?" Sivertsen thì thào.

"Nó đang đi lên. Hãy hít thở chậm rãi và thật sâu."

Họ nghe thấy thang máy khựng lại với một tiếng rên rỉ khẽ. Hai giây trôi qua. Sau đó là tiếng lạch cạch của cửa lưới. Tiếng cót két kéo dài nói với Harry rằng Waaler đang thận trọng mở cửa thang máy. Tiếng lầm bầm khe khẽ. Tiếng nắp ống đổ rác mở ra. Sven ném cho Harry cái nhìn dò hỏi.

"Giơ tay lên để hắn có thể nhìn thấy," Harry thì thào.

Hai đầu còng va vào nhau lạch cạch khi họ đồng loạt giơ tay. Thế rồi cánh cửa kính đằng trước dẫn vào hành lang bật mở.

Oleg đang đi dép trong nhà, mặc áo khoác thể thao bên ngoài bộ đồ ngủ, và những hình ảnh vụt qua tâm trí của Harry. Hành lang. Đồ ngủ. Tiếng dép loẹt quẹt. Mẹ anh. Bệnh viện.

Tom Waaler đang đi ngay sau Oleg. Hai tay anh ta đút trong túi áo khoác ngắn, nhưng Harry vẫn thấy được họng súng hằn lên lớp áo da màu đen.

"Dừng lại," Waaler nói khi họ chỉ còn cách Harry và Sven khoảng năm mét.

Oleg đăm đăm nhìn Harry bằng cặp mắt viền đen, đỏ hoe. Harry trao cho thằng bé ánh nhìn anh hy vọng là sẽ toát lên vẻ kiên định, trấn an.

"Sao hai anh lại còng tay nhau vào thế kia, hả các chàng trai? Mới đó mà đã dính như sam rồi sao?"

Giọng Waaler vang vọng khắp hành lang đầy sắc lạnh. Harry nhận ra rằng Waaler đã xem qua bản danh sách họ lập trước khi triển khai chiến dịch và phát hiện được điều Harry biết từ trước. Tất cả các phòng ở tầng bốn đều không có người ở.

"Bọn tao đi đến kết luận là cả hai giờ đang cùng ngồi chung một thuyền," Harry đáp.

"Mà sao anh không ngồi trong phòng như tôi bảo?"

Waaler đảm bảo để Oleg đứng chắn giữa hai bên.

"Mày bắt bọn tao ngồi trong phòng làm gì?" Harry hỏi.

"Giờ anh không có tư cách đặt câu hỏi nữa đâu, Hole. Đi vào. Mau."

"Xin lỗi nhé, Tom."

Harry lật bàn tay bên kia không bị còng với Sven. Trong tay anh là hai chiếc chìa khóa. Một chìa của ổ khóa Yale và một chìa khác nhỏ hơn.

"Khóa cửa và khóa còng," anh nói.

Sau đó anh há to miệng, đặt hai cái chìa lên lưỡi rồi ngậm miệng lại. Anh nháy mắt với Oleg và nuốt.

Tom Waaler trố mắt kinh ngạc nhìn yết hầu của Harry đi lên rồi lại đi xuống.

“Mày sẽ phải thay đổi kế hoạch thôi, Tom ạ,” Harry hổn hển nói.

“Và kế hoạch gì mới được?”

Harry thu chân về bên dưới cơ thể, lưng vẫn dựa vào tường, anh nhổm người lên gần như đang ở tư thế đứng. Waaler rút tay ra khỏi túi áo khoác. Khẩu súng đang chĩa thẳng vào Harry. Anh nhăn mặt và vỗ hai cái lên ngực trước khi nói.

“Nhớ không, tao đã theo dõi mày mấy năm nay rồi, Tom ạ. Dần dà tao cũng hiểu ra đôi chút về cách làm việc của mày. Cách mày giết Sverre Olsen trong phòng ở nhà hắn và bố trí như thể mày làm vậy để tự vệ. Cả cách mày tái diễn điều đó trong cái lần ở những nhà kho tại bến cảng. Vì vậy tao đoán mày đã lên kế hoạch bắn cả tao và Sivertsen trong phòng, rồi dàn dựng để người khác tưởng tao đã bắn Sivertsen trước khi tao tự sát. Mày sẽ bốc hơi khỏi hiện trường, để các đồng nghiệp tìm ra tao. Chắc hẳn sẽ có mật báo vô danh cho biết có người nghe thấy tiếng súng nổ trong khu ký túc xá sinh viên chăng?”

Tom Waaler sốt ruột đưa mắt nhìn trái nhìn phải trên hành lang.

Harry tiếp tục nói, “Và lời giải thích thì quá rõ ràng rồi, đúng không? Rốt cuộc, mọi chuyện đã trở nên quá sức chịu đựng đối với Harry Hole, gã cảnh sát loạn thần nát rượu. Bị bồ đá, bị sa thải khỏi ngành, hắn bèn đi bắt cóc phạm nhân. Cơn giận thôi thúc hắn tự hủy hoại mình dẫn đến hậu quả thảm khốc. Đúng là bi kịch của một con người. Gần như - nhưng chỉ gần như thôi - khó ai có thể hiểu nổi. Chẳng phải đó là điều mày đang nghĩ tới sao?”

Waaler thoáng mỉm cười.

“Cũng không tệ, nhưng anh đã quên mất một chi tiết nhỏ về mình, đó là vì suy sụp khi bị người yêu bỏ nên nửa đêm anh đã lái xe tới nhà tình cũ, lẻn vào nhà và bắt cóc con trai cô ta. Khi tìm thấy thì thằng nhóc đã chết bên cạnh anh rồi.”

Harry cố gắng tập trung hít thở như bình thường.

“Mày thực sự cho rằng những người khác sẽ chịu tin câu chuyện đó ư? Møller? Sếp *Kripos?* Giới truyền thông?”

“Đương nhiên,” Waaler nói. “Anh không đọc báo sao? Cũng chẳng xem ti vi hả? Vụ này sẽ nổi như cồn trong vài ngày, cùng lắm là một tuần. Đây là nếu như trong khoảng thời gian đó không xảy ra chuyện gì khác. Một chuyện thật khó tin.”

Harry không đáp.

Waaler mỉm cười. “Chuyện khó tin duy nhất ở đây là anh tưởng tôi sẽ không tìm được anh.”

“Mày có chắc không?”

“Chắc cái gì?”

“Chắc rằng tao không biết mày sẽ mò ra được chỗ này.”

“Nếu vậy, là anh thì tôi đã cao chạy xa bay từ lâu rồi. Chứ bây giờ thì làm gì còn đường mà lui nữa, hả Hole.”

“Đúng thế,” Harry đáp, thò một tay vào túi áo khoác.

Waaler giương súng lên. Nhưng Harry chỉ lôi ra bao thuốc lá ướt nhẹp.

“Lúc này tao đang ở trong một cái bẫy. Vấn đề là: cái bẫy đó dành cho ai?”

Anh rút một điếu thuốc ra khỏi bao.

Cặp mắt Waaler nheo lại. “Anh nói vậy là có ý gì?”

“Hừm,” Harry nói, bứt đôi điếu thuốc và đưa phần đầu lọc lên môi, “những kỳ quốc lễ thật đáng ghét, đúng không? Chẳng bao giờ kiếm đâu ra người làm, thế nên việc gì cũng chậm trễ. Tỷ như lắp camera theo dõi tại một khu ký túc xá sinh viên. Hoặc gỡ chúng xuống chẳng hạn.”

Harry nhận thấy mí mắt gã đồng nghiệp khẽ giật. Anh ngoắc ngón cái về phía sau. “Nhìn lên góc tường bên tay phải đi Tom. Mày có trông thấy không?”

Waaler ngẩng phắt lên nhìn về phía Harry đang chỉ, rồi lại cụp mắt xuống.

“Như tao đã nói, tao biết điều gì có thể tác động đến mày, Tom ạ. Tao biết sớm muộn gì mày cũng tìm được bọn tao ở đây. Tao chỉ việc gây chút khó khăn đủ để mày không nhận ra rằng mình đang chui đầu vào bẫy. Tao đã nói chuyện rất lâu với một người quen của mày vào sáng hôm Chủ nhật. Anh ta đã ngồi lì trong xe buýt suốt từ bấy đến giờ hòng ghi lại cảnh tượng này. Vẫy chào Otto Tangen đi.”

“Anh nói láo, Harry. Tôi biết tính Tangen, và hắn chắc chắn sẽ không bao giờ có gan làm chuyện gì như thế này.”

“Tao đã bảo anh ta có toàn quyền rao bán đoạn băng. Mày cứ thử nghĩ mà xem, Tom. Đoạn băng ghi lại màn đối đầu đầy kịch tính, với sự góp mặt của kẻ được cho là Sát nhân Giao hàng, gã điều tra viên điên khùng, và tên thanh tra cảnh sát tha hóa. Các công ty truyền hình trên khắp thế giới nhất định sẽ xếp hàng mua ấy chứ.”

Harry tiến lên một bước.

“Có lẽ tốt nhất mày nên đưa tao khẩu súng trước khi khiến mọi việc thêm tồi tệ, Tom ạ.”

“Đứng yên đó, Harry,” Waaler khẽ nói, và Harry thấy họng súng quay

ngoắt, chĩa vào lưng Oleg. Anh khựng lại. Tom Waaler không còn chớp mắt nữa. Cơ hàm anh ta đang đanh lại vì tập trung. Không một ai nhúc nhích. Tòa nhà tĩnh lặng đến nỗi Harry tưởng như mình có thể nghe thấy cả âm thanh phát ra từ bốn bức tường: một dao động với bước sóng dài gần như không thể phát hiện ra nhưng lại được đôi tai anh nắm bắt dưới dạng những thay đổi rất nhỏ trong áp suất không khí. Mười giây trôi đi cùng giai điệu ngân nga của những bức tường ấy. Mười giây ngỡ như dài vô tận, trong lúc đó Waaler không hề chớp mắt lấy một lần. Có lần Øystein từng cho Harry biết lượng thông tin bộ não con người có thể xử lý trong một giây là bao nhiêu. Anh không thể nhớ được con số cụ thể, nhưng Øystein giải thích rằng điều đó đồng nghĩa một người có thể dễ dàng lướt qua toàn bộ nội dung những cuốn sách có trong thư viện với quy mô trung bình chỉ trong vòng mười giây.

Cuối cùng Waaler cũng chớp mắt và Harry nhận thấy dường như sự bình thản đã bao phủ lấy anh ta. Anh không chắc điều này nghĩa là gì, chỉ biết rằng đó có thể là điềm xấu.

"Có một điều khá thú vị trong những vụ giết người," Waaler nói, "đó là mọi người đều vô tội cho tới khi bị chứng minh là có tội. Mà tính đến thời điểm này, tôi không nghĩ có bất kỳ camera nào ở đây ghi lại được hình ảnh tôi đang làm chuyện gì phi pháp."

Anh ta bước tới chỗ Harry và Sven, kéo giật cái còng tay để Sven đứng lên. Waaler lục soát cả hai bằng cách dùng tay rảnh lần bên ngoài áo khoác và quần họ, đồng thời ánh mắt anh ta vẫn dán chặt vào Harry.

"Ngược lại, tôi chỉ đang thi hành nghĩa vụ của một cảnh sát. Đó là bắt giữ một cảnh sát vì tội bắt cóc phạm nhân trong khu tạm giam."

"Mày vừa thú tội trước camera đấy," Harry nói.

“Trước mặt anh thôi, phải,” Waaler mỉm cười. “Nhưng theo như tôi nhớ, những camera này chỉ có thể ghi hình chứ không thu được tiếng. Đây là một cuộc bắt giữ bình thường. Bắt đầu đi ra thang máy đi.”

“Vậy còn tội bắt cóc một đứa bé mười tuổi thì sao?” Harry nói. “Tangen đã chụp lại được cảnh mày gí súng vào đứa trẻ?”

“À, thằng nhóc này hả,” Waaler nói, đẩy Harry một cái mạnh đến nỗi anh loạng choạng tiến lên phía trước, lôi theo cả Sven.

“Hiển nhiên là nó đã thức dậy giữa đêm hôm khuya khoắt, lặn lội tìm đến Sở Cảnh sát mà không nói bất cứ lời nào với bà mẹ. Trước đây nó cũng từng làm vậy còn gì, đúng không? Cứ cho rằng tôi tình cờ trông thấy nó bên ngoài Sở khi đang trên đường đi tìm anh và Sven. Thằng nhóc rõ ràng cảm nhận được có chuyện không ổn. Sau khi nghe tôi giải thích, nó đã bảo muốn giúp tôi một tay. Đúng ra là chính nó đã đề nghị tôi dùng nó làm con tin để anh không dám làm chuyện gì ngu ngốc rồi hại đến chính mình, Harry ạ.”

“Một đứa con nít mười tuổi ư?” Harry rên lên. “Mày thực sự nghĩ sẽ có người tin vào điều đó hay sao?”

“Để rồi xem,” Waaler đáp. “Nào, tất cả ra đây và dừng lại trước cửa thang máy. Bất cứ ai manh động sẽ được ăn phát đạn đầu tiên.”

Waaler bước tới cửa thang máy và nhấn nút. Có tiếng ầm ì vang lên từ phía sâu bên dưới lồng thang máy.

“Ký túc xá sinh viên vắng lặng thế này trong kỳ nghỉ thật lạ, đúng không?”

Waaler mỉm cười với Sven.

“Chẳng khác gì nhà ma.”

“Thôi trò đó đi, Tom.”

Harry phải tập trung lắm mới thốt được nên lời, miệng anh như chứa toàn cát vậy.

“Quá muộn rồi. Mày phải hiểu rằng sẽ chẳng ai tin mày đâu.”

“Anh đang bắt đầu nhai lại những điều đã nói kìa, đồng nghiệp thân mến,” Harry nói, liếc về phía cây kim chỉ số tầng nghiêng nghiêng khi nó quay, rề rề hệt như kim la bàn, phía sau nắp kính.

“Họ sẽ tin, Harry ạ. Vì lý do đơn giản” - Anh ta lướt một ngón tay lên môi trên - “là sẽ chẳng ai có thể phản bác được tôi.”

Giờ Harry đã hiểu ra kế hoạch của Waaler. Thang máy. Trong thang máy không có camera. Đây sẽ là nơi mọi chuyện xảy ra. Anh không biết sau đó Waaler định sẽ giải trình thế nào - một đầu còng bung ra và Harry đã cướp lấy súng ư - nhưng anh hoàn toàn không nghi ngờ gì rằng: tất cả bọn họ đều sẽ bỏ mạng tại đây, trong thang máy này.

“Bố ơi…” Oleg ngập ngừng gọi.

“Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi, con trai,” Harry nói, gắng gượng mỉm cười.

“Đúng thế,” Waaler nói. “Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi.”

Có tiếng lách cách vang lên, tiếng kim loại va chạm. Thang máy đang lên. Harry nhìn tay nắm bằng gỗ hình tròn ở cửa thang. Anh đã dán khẩu súng sao cho có thể luồn tay qua báng súng, đặt ngón tay lên cò và bóp, tất cả diễn ra chỉ trong vòng một động tác.

Thang máy dừng lại trước mặt họ đánh thịch, khẽ nghiêng ngả.

Harry hít một hơi và vươn tay ra. Những ngón tay anh khum lại, luồn xuống dưới bề mặt tay nắm bằng gỗ. Anh mong chờ được cảm nhận khối thép lạnh lẽo, cứng đanh nơi đầu ngón tay mình. Nhưng không thấy gì.

Hoàn toàn không gì hết. Chỉ toàn gỗ. Và một mẩu băng dính bị bung.

Tom Waaler thở dài.

“E rằng tôi đã ném nó xuống ống đổ rác rồi, Harry. Anh thực sự cho rằng tôi sẽ không kiểm tra trước xem có vũ khí được giấu ở đâu không à?”

Một tay Waaler mở cánh cửa sắt, tay kia vẫn đang chĩa súng vào họ.

“Thằng nhóc vào trước.”

Harry tránh ánh mắt Oleg đang hướng về phía mình. Anh không thể đáp lại khi thằng bé nhìn anh đầy dò hỏi, hy vọng được nghe thêm lời trấn an. Thay vào đó, Harry chỉ im lặng hất đầu về phía cửa. Oleg đi vào và đứng ở trong cùng. Ánh sáng tù mù tỏa ra từ trần thang máy hắt lên những bức tường nâu giả gỗ hồng mộc, trên đó khắc chi chít những tuyên ngôn tình yêu, slogan, bộ phận nhạy cảm và cả những câu chào hỏi.

Hai chữ “Mẹ mày” hằn rõ phía trên đầu Oleg.

Phòng mai táng, Harry nghĩ thầm. Thang máy này chính là một căn phòng mai táng.

Anh đút tay không bị còng vào trong túi áo khoác. Như anh đã tỏ rõ từ trước, anh không thích thang máy. Harry giật mạnh bàn tay trái và rồi hành động đột ngột ấy khiến Sven ngã nhào về phía Waaler. Waaler quay sang Sven cùng lúc Harry giơ tay phải qua đầu. Anh nhắm chuẩn hệt như một dũng sĩ đấu bò với thanh kiếm trong tay. Anh biết mình chỉ có một nhát đâm duy nhất, và độ chuẩn xác còn quan trọng hơn cả lực đâm.

Anh bổ mạnh tay xuống.

Mũi đục xuyên qua áo khoác da với một tiếng rách toạc. Đầu kim loại cắm ngập trong lớp cơ mềm phía trên xương quai xanh bên phải, chọc thủng tĩnh mạch cảnh và đâm vào mạng lưới thần kinh ở đám rối cánh tay,

làm tê liệt các nơron vận động nối với cẳng tay. Tiếng cạch vang lên khi khẩu súng rơi xuống sàn đá và lăn xuống cầu thang. Waaler cúi nhìn vai bên phải với vẻ ngỡ ngàng. Dưới phần cán đục ngắn màu xanh lá đang nhô ra, cánh tay anh ta buông thõng xuôi theo thân người.

Hôm nay quả là một ngày vừa dài vừa khốn nạn đối với Tom Waaler. Cái sự khốn nạn ấy bắt đầu kể từ lúc anh ta thức dậy và nhận được tin Harry đã bắt cóc Sivertsen rồi chuồn mất. Và nó tiếp tục khi anh ta nhận ra truy tìm Harry không ngờ lại khó khăn hơn dự tính. Tom đã giải thích với những người khác trong nhóm rằng họ sẽ buộc phải lợi dụng thằng nhóc. Bọn họ đã từ chối với lý do việc đó quá mạo hiểm. Trong thâm tâm, anh ta luôn biết mình sẽ phải tự giải quyết nốt mấy công đoạn cuối cùng. Xưa nay vẫn vậy. Sẽ chẳng ai ngăn cản, cũng không ai chịu giúp đỡ anh ta. Lòng trung thành được đo bằng những lợi ích thu về; ở đời, ai cũng vì bản thân mình trước. Và sự khốn nạn vẫn không ngừng bám riết. Anh ta đã mất cảm giác ở cánh tay rồi. Điều duy nhất anh ta cảm nhận được là dòng chất lỏng nóng ấm chảy xuống ngực, nói với anh ta rằng có thứ gì đó chứa rất nhiều máu vừa bị chọc thủng.

Anh ta lại quay sang phía Harry, vừa kịp trông thấy khuôn mặt hắn trở nên to hơn, và ngay sau đó, trong đầu anh ta vang lên một tiếng "rắc" khi cái sọ gắn lò xo của Harry nện vào sống mũi anh ta. Harry vung tay phải lên đấm, nhưng Waaler đã xoay xở né được. Harry lao theo anh ta nhưng bị cánh tay trái của Sven Sivertsen kéo lại. Tom há miệng hít lấy hít để không khí khi anh ta cảm nhận được sự đau đớn đã giải phóng xiềng xích cho con

giận điên cuồng, sục sôi truyền vào huyết mạch mình. Anh ta lấy lại cân bằng. Theo mọi nghĩa. Anh ta áng chừng khoảng cách, ngồi thụp xuống, dùng một chân làm trụ và bật lên, xoay người tung ra cú đá thật cao bằng chân kia. Một đòn *O'ou tek* hoàn hảo, trúng thái dương Harry. Hắn ngã nghiêng về một bên, lôi cả Sven Sivertsen theo cùng.

Tom quay lại tìm súng. Nó đang nằm trên chiếu nghỉ dưới kia. Anh ta bám vào lan can và chỉ cần hai cú nhảy là đã xuống tới nơi. Cánh tay phải vẫn không chịu nghe lời anh ta. Anh ta chửi thề, nhặt súng bằng tay trái rồi chạy ngược lên trên.

Harry và Sven đã biến mất.

Anh ta quay người, vừa kịp thấy cửa thang máy đóng lại. Tom cắn chặt khẩu súng giữa hai hàm răng, giữ chặt tay nắm thang máy bằng tay trái rồi giật mạnh. Cánh tay anh ta tưởng như muốn rụng ra khỏi ổ khớp. Bị khóa mất rồi. Tom dán mặt vào ô cửa sổ hình tròn trên thang máy. Ba kẻ đó đã đóng tấm lưới lại, anh ta có thể nghe thấy những tiếng nói đầy phấn khích bên trong.

Một ngày hoàn toàn khốn nạn. Nhưng giờ tất cả sắp kết thúc rồi. Thời cơ đã chín muồi. Tom giương súng lên.

Harry thở không ra hơi và dựa lưng vào bức tường trong cùng, chờ thang máy chạy. Anh vừa đóng được cửa lưới và nhấn nút TẦNG HẦM thì cửa thang máy bắt đầu rung lên và họ nghe tiếng Waaler chửi thề phía bên kia.

"Cái thang máy chết tiệt không chịu chạy!" Sven khò khè nói. Anh ta đã khuỵu xuống bên cạnh Harry.

Thang máy giật một cái, chẳng khác gì cú nấc cụt rất to, nhưng không chạy.

“Nếu thứ đáng nguyền rủa này di chuyển với tốc độ rùa bò như thế, hắn có thể chạy xuống theo cầu thang bộ và nói ‘lại gặp nhau rồi’ khi chúng ta đến nơi cũng nên!”

“Còn lâu!” Harry lầm bầm. “Cánh cửa chắn giữa cầu thang và tầng hầm bị khóa rồi.”

Anh nhác thấy một cái bóng vụt qua ô cửa sổ tròn.

“Cẩn thận!” anh hét lớn, đẩy Oleg về phía cửa lưới.

Một tiếng động vang lên hệt như tiếng bật nút chai rượu khi viên đạn bay vút tới, găm vào lớp ván ốp giả gỗ hồng mộc phía trên đầu Harry. Anh kéo Sven lại chỗ Oleg.

Đúng lúc đó thang máy lại giật mạnh và sau một tràng cót két, nó bắt đầu chạy.

“Mẹ kiếp,” Sven thì thào.

“Chú Harry…” Oleg lên tiếng.

Choang một cái. Harry chỉ kịp nhác thấy một bàn tay siết lại thành nắm đấm giữa những khe hở của tấm lưới và ngay trên đầu Oleg trước khi anh nhắm nghiền mắt theo phản xạ trong lúc những mảnh kính vỡ rơi như mưa xuống người anh.

“Harry!”

Tiếng thét của Oleg đi xuyên qua anh. Qua tai, mũi, miệng và họng, anh đắm chìm trong âm thanh ấy. Rồi anh lại mở mắt, nhìn thẳng vào cặp mắt đang mở lớn của Oleg, miệng nó há hốc, méo xệch vì đau đớn và hoảng sợ, mái tóc đen dài của thằng bé đang bị một bàn tay lớn trắng trẻo túm

chặt. Oleg đang bị nhấc bổng khỏi sàn.

“Chú Harry!”

Hai mắt Harry đã mù. Anh mở choàng mắt nhưng không thể nhìn thấy gì cả. Chỉ thấy một màu trắng toát của nỗi hoảng sợ. Nhưng tai anh vẫn có thể nghe được. Nghe thấy tiếng thét của Sis.

“Chú Harry!”

Anh có thể nghe thấy tiếng thét của Ellen. Tiếng thét của Rakel. Tất cả mọi người đều đang hét gọi tên anh.

“Chú Harry!”

Anh nhìn vào khoảng không vô tận màu trắng khi nó từ từ chuyển mình sang màu đen. Anh bất tỉnh rồi sao? Những tiếng thét lắng dịu, tựa như những tiếng vọng xa dần. Anh bồng bềnh trôi đi. Họ nói đúng. Những lúc quan trọng thì chẳng bao giờ thấy anh đâu. Anh luôn tìm cách trốn tránh. Thu xếp va li. Mở rượu. Khóa cửa. Sợ hãi. Hóa mù. Họ lúc nào cũng đúng. Mà nếu trước đây chưa đúng thì bây giờ sẽ đúng.

“Bố ơi!”

Một bàn chân đạp trúng ngực anh. Anh lại có thể nhìn được rồi. Oleg đang bị nhấc bổng trước mặt anh, hai chân đá loạn xạ; đầu nó bị bàn tay Waaler giữ chặt. Nhưng thang máy đã ngừng chạy. Anh lập tức hiểu ra nguyên nhân. Cánh cửa lưới đã bị gạt sang bên. Harry quay sang phía Sven, người đang ngồi trên sàn cạnh anh, mắt nhìn chằm chằm như hóa đá.

“Harry!” Giọng Waaler vang lên từ bên ngoài. “Cho thang máy đi lên, nếu không tao sẽ bắn thằng nhóc.”

Harry nhổm dậy, rồi lại thụp xuống ngay tức thì. Anh đã thấy được những gì cần thấy. Cửa hành lang tầng bốn nằm cao hơn thang máy khoảng

nửa mét.

"Mày mà bắn bọn tao từ chỗ đó, Tangen nhất định sẽ ghi lại được cảnh mày giết người," Harry nói.

Anh nghe thấy tiếng cười trầm của Waaler.

"Nói xem, Harry. Nếu viện binh của bọn mày thực sự có tồn tại thì giờ này chúng đã phải xông vào lâu rồi chứ?"

"Bố ơi…" Oleg rên rỉ.

Harry nhắm mắt lại.

"Nghe này, Tom. Thang máy sẽ không chạy chừng nào cửa lưới chưa đóng hẳn. Tay mày đang thò qua khe hở, vì thế tốt nhất mày nên thả Oleg ra, như vậy chúng tao mới có thể đóng cửa lại được."

Waaler lại cười.

"Mày tưởng tao ngu sao, Harry? Cái cửa lưới chỉ cần xê dịch vài xentimet là đủ. Mày thừa sức làm được việc đó mà không cần tao phải thả thằng nhóc."

Harry nhìn Sven, nhưng chỉ nhận được ánh mắt đờ đẫn, ngơ ngác đáp lại.

"Được rồi," Harry nói. "Nhưng tay tao còn đang bị còng, nên tao sẽ cần Sven giúp. Mà lúc này hắn trông như sợ mất mật rồi."

"Sven!" Waaler gọi lớn. "Mày có nghe thấy gì không?"

Sven chỉ hơi ngẩng đầu lên.

"Mày còn nhớ Lodin không, Sven? Thằng cha tiền nhiệm của mày ở Praha ấy?"

Tiếng vọng âm vang khắp cầu thang. Sven nuốt khan.

"Mất đầu trong máy tiện, Sven ạ. Mày có muốn thử cảm giác đó

không?”

Sven lảo đảo đứng dậy. Harry túm lấy cổ áo anh ta và kéo gần về phía mình.

“Anh có biết việc anh cần làm là gì không, Sven?” anh quát vào bộ mặt tái nhợt, thất thần, đồng thời thò tay vào túi quần sau và lấy ra một chiếc chìa khóa.

“Phải kéo cửa lưới vào đúng vị trí. Anh có nghe thấy không? Giữ chặt lấy nó khi chúng ta bắt đầu hành động.”

Harry chỉ vào một trong mấy nút bấm tròn màu đen cũ mèm trên bảng điều khiển.

Sven chăm chú nhìn Harry khi anh tra chìa vào ổ khóa của chiếc còng và xoay. Sau đó anh ta gật đầu.

“Được rồi,” Harry nói lớn. “Sẵn sàng rồi. Chúng tao sẽ kéo cửa lưới vào vị trí.”

Sven đứng áp lưng vào cửa lưới. Anh ta dùng cả hai tay và đẩy sang bên phải. Waaler rên lên khi khe hở trên tấm lưới kéo theo cánh tay của anh ta. Một tiếng “cạch” khẽ vang lên khi hai tiếp điểm nằm trên sàn và cửa lưới khớp với nhau.

“Xong!” Harry la lên.

Họ chờ đợi. Harry tiến một bước qua bên kia thang máy và ngước nhìn lên. Qua khe hở hẹp giữa ô cửa sổ tròn và vai Waaler, có hai con mắt đang trừng trừng nhìn anh. Con mắt thứ nhất là mắt Waaler đang mở lớn đầy vẻ giận dữ, con mắt thứ hai là họng súng đen ngòm vô hồn.

“Cho thang máy đi lên,” Waaler nói.

“Nếu mày tha cho thằng bé,” Harry nói.

“Thỏa thuận thế đi.”

Harry chậm rãi gật đầu. Rồi anh nhấn nút.

“Tao biết rốt cuộc mày sẽ làm điều đúng đắn mà, Harry.”

“Ai cũng vậy thôi,” Harry đáp.

Anh trông thấy một bên lông mày của Waaler đột ngột cau lại. Có thể là vì anh ta vừa phát hiện ra cái còng đang treo lủng lẳng ở một bên cổ tay Harry. Có thể là vì một điều gì đó ẩn chứa trong giọng điệu của Harry. Hoặc có thể là vì anh ta cũng cảm thấy như vậy. Rằng thời cơ đã chín muồi.

Tiếng rít đáng sợ vang lên từ những sợi cáp bằng thép khi thang máy giật mạnh và bắt đầu di chuyển. Cùng lúc đó, Harry tiến nhanh về phía trước một bước và kiễng chân. “Cạch” một tiếng khô khốc, chiếc còng khóa chặt quanh cổ tay Waaler.

“Khốn…” Waaler nói.

Harry co một chân lên. Hai đầu còng bấu vào da thịt trên cổ tay họ khi cơ thể nặng chín mươi lăm cân của Harry đang kéo Waaler xuống. Waaler gồng lên cố chịu đựng, nhưng cánh tay anh ta vẫn bị kéo qua ô cửa sổ cho tới khi nó bị vai chặn lại.

Một ngày thật khốn nạn.

“Thả tao ra, mẹ kiếp!” Tom hét lên khi cầm anh ta áp chặt lên cánh cửa sắt. Anh ta cố rút cánh tay về nhưng nặng quá. Anh ta điên cuồng gào thét, nện súng rầm rầm vào cửa sắt. Mọi chuyện đúng ra không thể như thế được. Bọn chúng đang khiến mọi thứ của anh ta tan tành mây khói. Bọn

chúng đã phá hủy tòa lâu đài cát, đá cho nó nát vụn ra từng mảnh rồi giờ thì đang đứng đó cười. Nhưng chúng sẽ thấy, một ngày kia chúng sẽ thấy. Đó là lúc anh ta nhận ra. Rằng những chấn song của cánh cửa lưới đang chạm vào cẳng tay anh ta, rằng thang máy đang chạy. Nhưng không đúng chiều. Nó đi xuống. Anh ta cảm thấy cổ mình nghẹn lại khi nhận ra. Rằng anh ta sắp bị nghiền nát. Rằng thang máy giờ chẳng khác nào cái máy chém từ từ sập xuống. Rằng anh ta cũng sắp tận số rồi.

“Giữ chặt lấy cửa lưới, Sven!” Harry la lên.

Waaler buông Oleg ra, cố rút cánh tay về. Nhưng Harry nặng quá. Waaler đâm hoảng loạn. Một lần nữa anh ta cố gắng vùng vẫy trong tuyệt vọng hòng thoát ra. Và lại một lần nữa. Hai bàn chân anh ta trượt đi trên sàn trơn. Anh ta cảm thấy mặt trần bên trong buồng thang máy chạm vào vai mình. Tất cả lý trí đã rời bỏ anh ta.

“Đừng, Harry. Dừng lại.”

Anh ta định hét lên, nhưng những tiếng nấc đã khiến lời nói của anh ta nghẹn lại.

“Xin rủ lòng thương…”

ĐÊM THỨ HAI



rolex

Tích tắc, tích tắc, tích tắc.

Harry nhắm mắt ngồi đó lắng tai nghe tiếng kim giây, vừa nghe vừa nhẩm đếm. Anh ngẫm nghĩ rằng thời gian hẳn là khá chính xác vì âm thanh tích tắc đó đang phát ra từ một chiếc đồng hồ Rolex vàng.

Tích tắc, tích tắc, tích tắc.

Nếu anh đếm đúng thì đến giờ anh đã ngồi trong thang máy được mười lăm phút rồi. Mười lăm phút. Chín trăm giây đã qua kể từ khi anh nhấn nút dừng thang máy giữa tầng trệt với tầng hầm, thông báo rằng giờ họ đã an toàn và chỉ việc đợi thôi. Suốt chín trăm giây họ ngồi đó im thin thít chờ nghe. Tiếng bước chân. Những giọng nói. Tiếng cửa đóng mở. Trong lúc ấy Harry, mắt vẫn nhắm tịt, đã đếm được chín trăm tiếng tích tắc phát ra từ chiếc đồng hồ Rolex ở cổ tay của cánh tay đầy máu trên sàn thang máy, vẫn còn đeo cái còng.

Tích tắc, tích tắc, tích tắc.

Harry mở mắt ra. Anh tháo còng tay và tự hỏi giờ làm sao mở được cốp xe khi chìa khóa đã bị anh nuốt mất rồi.

"Oleg," anh thì thầm gọi và lay nhẹ vai cậu bé đang ngủ. "Chú cần cháu giúp chú một việc."

Oleg đứng dậy.

"Sao lại tháo ra?" Sven hỏi, ngước nhìn Oleg đang đứng trên hai vai Harry và tháo bóng đèn tuýp trên trần thang máy.

"Cầm lấy đi," Harry nói.

Sven giơ tay lên chỗ Oleg và đón lấy một trong hai bóng đèn.

"Thứ nhất là để mắt tôi quen dần với bóng tối trước khi tôi đi ra tầng hầm," Harry nói. "Thứ hai là để chúng ta khỏi đứng dưới ánh sáng và chớp mắt lia lịa khi cửa thang máy mở ra."

"Waaler á? Ở tầng hầm ư?" Giọng Sven đầy ngờ vực. "Thôi đi, bị như thế ai mà sống nổi."

Anh ta cầm cái đèn trỏ vào cánh tay đã trở nên tái nhợt như sáp trên sàn.

"Tưởng tượng xem hắn mất bao nhiêu máu. Và lại bị sốc nữa."

"Tôi đang cố gắng lường trước mọi tình huống có thể xảy ra thôi," Harry đáp.

Thế rồi, bốn bề chìm vào bóng tối.

Tích tắc, tích tắc, tích tắc.

Harry bước ra khỏi thang máy, nhanh chóng di chuyển sang bên rồi

ngồi thụp xuống. Anh nghe thấy tiếng cửa nhẹ nhàng khép lại phía sau lưng. Anh đợi cho tới khi nghe thấy thang máy bắt đầu chạy. Họ đã thống nhất sẽ dừng thang máy giữa tầng hầm và tầng trệt, ở đó họ sẽ được an toàn.

Harry hồi hộp lắng tai nghe. Tới giờ chưa thấy bóng ma nào xuất hiện. Anh đứng lên. Ánh sáng yếu ớt hắt vào qua ô kính trên cánh cửa ở đầu kia tầng hầm. Anh lờ mờ nhận ra hình bóng của những món đồ ngoại thất sân vườn, mấy cái tủ ngăn kéo cũ và những đầu gậy trượt tuyết sau tấm lưới kim loại. Harry mò mẫm lần đường men theo tường. Anh tìm thấy một cánh cửa và mở nó ra. Ở đây có thứ mùi ngòn ngọt của đồ phế thải. Anh đến đúng chỗ rồi. Chân anh giẫm lên những túi rác rách nát, vỏ trứng và vỏ hộp các tông đựng sữa trong lúc anh mò mẫm tìm đường trong cái nóng ngột ngạt bốc ra từ chỗ rác đang phân hủy. Khẩu súng nằm lăn lóc gần tường. Trên đó vẫn còn một trong mấy mẩu băng dính. Anh kiểm tra để chắc chắn súng có đạn trước khi quay trở ra.

Anh lom khom tiến về phía cánh cửa nơi có ánh sáng tỏa ra.

Chỉ đến khi tới gần anh mới trông thấy một bóng đen kế bên ô cửa sổ. Một khuôn mặt. Harry ngồi thụp xuống theo phản xạ trước khi nhận ra rằng người đó không thể nhìn thấy anh trong bóng tối. Anh cầm súng bằng cả hai tay, giơ ra đằng trước trong lúc rón rén tiến lên hai bước. Khuôn mặt dán chặt lên kính khiến toàn bộ ngũ quan biến dạng. Harry nhắm vào nó qua thước ngắm của khẩu súng. Đó là Tom. Cặp mắt mở lớn đang nhìn chằm chằm vào khoảng không tăm tối phía bên kia anh ta.

Tim Harry đập mạnh đến nỗi anh không thể giữ vững được thước ngắm.

Anh đợi. Mấy giây trôi qua. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra.

Thế rồi anh hạ súng xuống và đứng thẳng lên.

Anh tiến về phía ô cửa, nhìn vào cặp mắt đờ đẫn của Tom. Trên đó đã bị phủ một lớp màng trắng xanh. Harry ngoái lại, cố nhìn xuyên qua bóng tối. Thứ Tom đang nhìn, dù là gì đi nữa, giờ cũng đã đi rồi.

Harry đứng im, cảm nhận nhịp đập mạnh mẽ, bền bỉ của mạch máu trong cơ thể mình. Tích tắc, tích tắc, tích tắc, nó vang lên. Anh không rõ chúng có ý nghĩa gì. Ngoài một điều là anh vẫn còn sống, vì người đàn ông phía bên kia cánh cửa đã chết rồi. Và rằng anh có thể mở cửa, đặt tay lên làn da người đó, cảm nhận hơi ấm cơ thể đang rời bỏ anh ta, cảm nhận kết cấu da thay đổi, mất dần sức sống và cứng lại.

Harry tựa trán mình lên trán Tom Waaler. Tấm kính cửa sổ lạnh lẽo chẳng khác nào khối băng buốt giá áp vào da anh.

ĐÊM THỨ HAI



những tiếng lầm rầm

Họ dừng chờ đèn đỏ ở quảng trường Alexander Kiellands.

Những chiếc cần gạt nước không ngừng gạt sang hai bên trái phải. Chỉ một tiếng rưỡi nữa thôi, ánh hừng đông đầu tiên sẽ ló rạng, còn lúc này màn đêm vẫn ngự trị, những đám mây lơ lửng hệt như một tấm bạt xám đen phủ lên khắp thành phố.

Harry đang ngồi trên ghế sau, choàng tay quanh người Oleg.

Một người đàn ông và một phụ nữ đang lảo đảo bước trên vỉa hè vắng tanh ở phố Waldemar Thranes đi về phía ba người bọn họ.

Một tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ lúc Harry, Sven cùng Oleg rời khỏi thang máy, bước ra ngoài cơn mưa và đặt chân lên mặt đất vững chãi. Ba người tìm đến chỗ cây bạch dương cao lớn Harry từng trông thấy từ cửa sổ phòng Marius, quẳng mình xuống bãi cỏ còn khô ráo. Tại đó, Harry gọi điện đến số máy của ban biên tập *Dagbladet* trước tiên và nói chuyện với phóng viên trực ban. Xong xuôi, anh gọi cho Bjarne Møller, kể lại những

chuyện đã qua và nhờ ông truy tìm tung tích Øystein Eikeland. Cuối cùng, anh gọi đến nhà Rakel và đánh thức cô. Hai mươi phút sau, khoảng sân phía trước ký túc xá sinh viên được thắp sáng nhờ đèn chớp máy ảnh cùng ánh đèn xanh dương lấp loáng, màn "song kiếm hợp bích" hết ý của phóng viên và cảnh sát như xưa nay vẫn vậy.

Harry, Oleg và Sven ngồi dưới gốc cây bạch dương quan sát khu ký túc xá sinh viên tấp nập người ra kẻ vào.

Thế rồi Harry dụi tắt điếu thuốc.

"Vậy đấy," Sven nói.

"*Character*," Harry nói.

Sven gật đầu đáp, "Tôi quên mất vụ đó."

Sau đấy ba người đi bộ ra quảng trường, còn Bjarne Møller thì vội vã đuổi theo và lùa họ lên một trong mấy chiếc xe cảnh sát.

Trước hết, họ sẽ về Sở Cảnh sát để thẩm vấn sơ bộ, hay theo cách nói tế nhị của Møller là 'giải trình'. Khi Sven được đưa về khu tạm giam, Harry một mực yêu cầu phải có hai sĩ quan nghiệp vụ đứng gác bên ngoài xà lim của Sven hai tư trên hai tư. Møller hơi ngạc nhiên và hỏi Harry rằng anh thực sự cho là nguy cơ hắn trốn thoát cao đến thế sao. Harry lắc đầu thay cho lời đáp và Møller làm theo ý anh mà không nói thêm gì nữa.

Sau đó, họ liên lạc với đội cảnh sát mặc đồng phục và điều một xe tuần tra đưa Oleg về nhà.

Tiếng bíp của đèn giao thông vang lên xé tan bầu không khí ban đêm tĩnh mịch khi đôi nam nữ băng qua phố Uelands. Rõ ràng là người phụ nữ đã mượn áo khoác của anh chàng kia và giơ lên che đầu. Chiếc sơ mi đang mặc dính vào người anh ta và anh ta cười vang. Harry thấy anh ta có vẻ gì

đó quen quen.

Đèn chuyển sang màu xanh.

Anh nhác thấy mái tóc đỏ lấp ló bên dưới chiếc áo khoác của người phụ nữ trước khi cặp đôi kia đi khuất.

Lúc họ đi qua khu Vinderen thì đột nhiên mưa tạnh. Hệt như các tấm rèm sân khấu, những đám mây rẽ ra để vầng trăng mới tỏa sáng trên bầu trời đen thẳm phía trên vịnh hẹp Oslo.

"Cuối cùng cũng qua rồi," Møller quay lại nói từ trên ghế phụ phía trước kèm theo một nụ cười.

Harry đoán ý ông muốn nhắc đến trận mưa.

"Cuối cùng cũng qua rồi," anh nói, mắt vẫn đăm đăm nhìn vầng trăng.

"Cháu đúng là cậu bé rất dũng cảm," Møller nói, vỗ nhẹ lên đầu gối Oleg. Thằng bé nở nụ cười yếu ớt và ngước nhìn Harry.

Møller lại ngoảnh lên và chăm chú nhìn con đường phía trước.

"Cơn đau dạ dày của tôi chấm dứt rồi," ông nói. "Tan biến vào hư không."

Họ đã tìm thấy Øystein Eikeland ở chính tại nơi Sven Sivertsen được đưa tới. Khu tạm giam. Theo như biên bản của Groth "Mặt Sầu", Øystein đã bị Tom Waaler tống vào đây vì nghi ngờ anh ta lái taxi trong tình trạng say rượu. Mẫu máu của anh ta cho thấy trong đó đúng là có dấu hiệu của cồn. Khi Møller ra lệnh thả Eikeland và dẹp hết các thủ tục có liên quan, Groth "Mặt Sầu" lạ thay lại không phản đối gì. Trái lại, ông ta còn sốt sắng giúp đỡ một cách khác thường.

Rakel đang đứng chờ sẵn ở cửa khi chiếc xe cảnh sát ngoặt lên lối xe ra vào rải sỏi trước nhà cô.

Harry nhoài người qua chỗ Oleg để mở cửa xe. Và rồi Oleg nhảy ra ngoài, chạy ào về phía Rakel.

Møller và Harry ngồi trong xe nhìn hai mẹ con lặng lẽ đứng ôm nhau trên bậc tam cấp.

Bỗng dưng điện thoại của Møller đổ chuông, ông đưa máy lên nghe. Ông chỉ nói đúng hai câu “Ừ” và một câu “Rồi”, sau đó ngắt máy.

“Beate gọi. Họ vừa tìm thấy một chiếc túi đựng toàn đồ dùng cho xe đạp vứt trong thùng rác ở sân nhà Barli.”

“Ừm.”

“Tình hình sắp tới sẽ hỗn loạn phải biết,” Møller nói. “Bọn họ thể nào cũng thi nhau giành giật cậu đấy, Harry. Akersgata, NRK, TV2. Rồi còn cả báo chí nước ngoài. Cứ hình dung mà xem, đến Tây Ban Nha còn đưa tin về Sát nhân Giao hàng nữa là. Hừm, những chuyện kiểu này cậu đều đã kinh qua hết rồi, nên cậu biết nó sẽ thế nào đấy.”

“Tôi sẽ sống sót thôi.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Chúng ta còn thu được một đoạn băng ghi lại những chuyện xảy ra ở ký túc xá sinh viên đêm qua. Tôi chỉ thắc mắc là làm sao Tangen có thể lắp đặt hệ thống ghi hình trong xe buýt của anh ta vào chiều Chủ nhật rồi lại quên tắt đi và cứ thế nhảy tàu về nhà ở Honetoss được nhỉ.”

Møller chăm chú quan sát vẻ mặt Harry, nhưng anh vẫn không có biểu hiện gì.

“Và trên hết, chả hiểu may mắn thế nào mà anh ta lại vừa xóa ổ cứng để có đủ dung lượng lưu băng ghi hình của mấy ngày qua. Đúng là quá kỳ lạ ấy chứ. Gần như có thể cho rằng tất cả đều đã được chuẩn bị từ trước

vậy.”

“Gần như thế,” Harry lẩm bẩm.

“Tới đây sẽ có cuộc điều tra trong nội bộ Sở. Tôi đã liên lạc với Cơ quan Điều tra Đặc biệt và báo cho họ biết những hoạt động của Waaler. Chúng ta sẽ không loại trừ khả năng vụ này có thể gây tổn hại đến toàn ngành. Tôi sẽ họp buổi đầu tiên với họ vào ngày mai. Chúng ta sẽ xử lý tới cùng vấn đề này, Harry ạ.”

“Tốt thôi, sếp.”

“Tốt thôi? Cậu có vẻ không tin tưởng lắm nhỉ.”

“Thế sếp có tin không?”

“Sao lại không?”

“Vì làm sao biết được một người có đáng tin hay không, dù người đó có là sếp đi nữa.”

Møller chớp mắt hai lần nhưng không thể thốt ra câu trả lời, ông liếc một cái về phía viên cảnh sát đang ngồi sau tay lái.

“Sếp chờ một lát được chứ?”

Harry ra khỏi xe. Rakel buông Oleg ra, thằng bé chạy biến vào trong nhà.

Cô khoanh tay trước ngực, ánh mắt dán vào chiếc sơ mi của anh khi anh đứng trước mặt cô.

“Người anh ướt hết rồi,” cô nói.

“À, trời mưa thì…”

“… sẽ bị ướt.” Cô mỉm cười buồn bã và áp lòng bàn tay lên má anh.

“Mọi chuyện đã qua cả rồi chứ?” cô thì thầm.

“Tạm thời đã qua.”

Cô nhắm mắt lại, nhoài người về phía trước. Anh ôm lấy cô trong vòng tay.

“Thằng bé sẽ vượt qua được thôi,” anh nói.

“Em biết. Nó nói nó không sợ gì cả. Vì có anh ở bên rồi.”

“Ừm.”

“Còn anh thì sao?”

“Anh ổn.”

“Có thật không? Tất cả đã kết thúc rồi chứ?”

“Kết thúc rồi.” Anh lẩm nhẩm đáp lại trên mái tóc của cô. “Hôm nay là ngày làm việc cuối cùng.”

“Vậy thì tốt,” cô nói.

Anh có thể cảm nhận được cơ thể cô áp sát vào anh hơn, lấp đầy tất cả những khoảng trống nhỏ giữa hai người.

“Tuần sau anh bắt đầu công việc mới. Sẽ tốt đẹp cả thôi.”

“Công việc bạn anh xin hộ ấy à?” cô hỏi, đặt tay lên cổ anh.

“Ừ.” Mùi hương của cô lấp đầy tâm trí anh. “Øystein. Em còn nhớ cậu ta chứ?”

“Anh chàng lái taxi phải không?”

“Phải. Thứ Ba sẽ có buổi thi lấy bằng lái taxi. Đợt vừa rồi ngày nào anh cũng chăm chỉ ‘cày’ tên đường phố Oslo lắm.”

Cô bật cười và hôn lên môi anh.

“Em nghĩ sao?” anh hỏi.

“Em nghĩ anh đúng là điên.”

Tiếng cười của cô róc rách trong tai anh tựa như dòng suối nhỏ. Anh

lau đi một giọt lệ vương trên má cô.

“Giờ anh phải đi rồi,” anh nói.

Cô cố mỉm cười, nhưng Harry nhận thấy cô lực bất tòng tâm.

“Em làm sao vượt qua được đây,” cô thốt lên trước khi những tiếng nấc khiến giọng cô run rẩy.

“Em sẽ làm được thôi,” Harry nói.

“Em làm sao vượt qua… khi không có anh.”

“Không đúng,” Harry nói, kéo cô lại gần. “Em hoàn toàn có thể xoay xở được rất tốt dù không có anh. Câu hỏi đặt ra ở đây là: liệu em có vượt qua được khi ở bên anh không?”

“Đó là điều anh muốn hỏi ư?” Cô thì thầm.

“Anh biết em sẽ phải suy nghĩ về việc này.”

“Anh chẳng biết gì hết.”

“Cứ suy nghĩ đi đã, Rakel.”

Cô ngả đầu ra sau, anh đặt tay lên đường cong ở sống lưng cô. Cô chăm chú quan sát khuôn mặt anh. Kiếm tìm sự thay đổi, Harry nghĩ thầm.

“Đừng đi, Harry.”

“Anh sắp có buổi họp. Nếu em thích, đầu giờ sáng mai anh sẽ ghé qua. Chúng ta có thể…”

“Có thể sao?”

“Anh không biết. Anh chẳng có kế hoạch nào. Hoặc ý tưởng nào. Như vậy không sao chứ?”

Cô mỉm cười.

“Như vậy thật tuyệt vời.”

Anh nhìn môi cô. Do dự giây lát. Rồi anh hôn cô, sau đó rời đi.

“Ở đây sao?” viên cảnh sát ngồi sau tay lái hỏi, mắt nhìn vào gương. “Chỗ này không đóng cửa à?”

“Từ mười hai giờ đến ba giờ sáng vào những ngày thường,” Harry nói.

Tài xế cho xe tấp vào lề đường bên ngoài quán Boxer.

“Sếp có vào cùng không?”

Møller lắc đầu.

“Ông ấy muốn nói chuyện riêng với cậu.”

Quán đã ngừng phục vụ từ lâu và những vị khách cuối cùng đang rậm rịch rời khỏi quầy bar.

Vị sếp *Kripos* vẫn ngồi đúng chiếc bàn trong buổi gặp lần trước. Hai hốc mắt sâu thẳm của ông ta khuất trong bóng tối. Cốc bia trước mặt ông ta đã gần cạn. Ông ta mở miệng nói, “Chúc mừng cậu, Harry.”

Harry lách người vào qua khoảng trống giữa bàn và chiếc ghế dài.

“Làm tốt lắm. Nhưng cậu nhất định phải cho tôi biết làm thế nào cậu đoán ra Sven Sivertsen không phải là Sát nhân Giao hàng.”

“Tôi có xem một tấm ảnh chụp Sivertsen ở Praha và nhớ ra mình đã từng trông thấy tấm ảnh chụp Wilhelm và Lisbeth cũng tại địa điểm đó. Trên hết, bên Pháp y đã khám nghiệm mẫu phân dưới…”

Giám đốc Sở nhoài người qua bàn, đặt tay lên cánh tay Harry. Hơi thở ông ta có mùi bia và thuốc lá.

“Tôi không hỏi bằng chứng, Harry. Mà tôi muốn nói đến ý nghĩ của

cậu. Mối nghi ngờ của cậu. Bất cứ điều gì đã giúp cậu liên hệ những manh mối thu được với hung thủ thực sự. Khoảnh khắc xuất thần ấy xảy ra khi nào? Cái gì đã khiến cậu hình thành suy nghĩ đó?"

Harry nhún vai. "Sếp có thể nghĩ tới tất cả những kiểu suy nghĩ đó mọi lúc mọi nơi mà. Nhưng…"

"Nhưng sao?"

"Mọi tình tiết ăn khớp hoàn hảo quá."

"Ý cậu là gì?"

Harry gãi cằm. "Sếp có biết Duke Ellington từng yêu cầu người chỉnh dây đàn dương cầm đừng chỉnh cao độ đến mức hoàn hảo không?"

"Không."

"Khi đàn dương cầm được chính đến độ hoàn hảo thì nhạc sẽ không hay. Thực ra cũng không có gì sai cả, chỉ là nó sẽ phần nào mất đi sự ấm áp và cảm giác chân thật thôi."

Harry chọc một mẩu vecni sắp bung ra trên mặt bàn.

"Sát nhân Giao hàng đã gửi đến cho chúng ta một mật mã hoàn hảo, cho chúng ta biết địa điểm và thời gian gây án. Nhưng lại giấu nhẹm đi nguyên nhân. Bằng cách đó, hắn khiến chúng ta tập trung vào những việc hắn làm thay vì động cơ của hắn. Người thợ săn nào cũng biết rằng nếu muốn nhìn thấy được con mồi trong bóng tối thì không nên dồn toàn bộ sự tập trung vào nó, mà phải là những thứ xung quanh. Khi tôi ngừng chú trọng tới các dữ kiện thực tế thì đó cũng là lúc tôi nghe thấy."

"Nghe thấy?"

"Phải. Tôi có thể nghe thấy cái gọi là giết người hàng loạt này sao mà hoàn hảo quá. Nghe thì rất đúng, nhưng lại không thật. Các vụ án đi theo

một công thức cố định đến từng chi tiết, chúng đưa ra cho chúng ta cách giải thích thuyết phục như với bất kỳ một lời nói dối nào, nhưng lại khó mà hợp lý nếu là một sự thật."

"Và cậu đã nhận ra điều đó?"

"Không, nhưng tôi ngừng suy nghĩ thiển cận và thế là tầm nhìn của tôi trở nên rõ ràng hơn."

Vị sếp *Kripos* gật đầu, vẫn dán mắt xuống cốc bia mà ông ta không ngừng xoay đi xoay lại giữa hai bàn tay đặt trên bàn. Âm thanh ấy nghe như tiếng đá mài giữa không gian tĩnh lặng gần như không một bóng người của quán bar.

Ông ta hắng giọng.

"Tôi đã sai trong chuyện Tom Waaler, Harry. Và tôi xin lỗi."

Harry không đáp.

"Điều tôi muốn nói với cậu là tôi đã không ký đơn sa thải cậu. Tôi muốn cậu tiếp tục làm việc. Tôi muốn cậu biết rằng tôi tin tưởng ở cậu. Tin tưởng tuyệt đối, không một chút do dự. Và tôi hy vọng, Harry à…"

Ông ta ngẩng đầu lên và một cái hé mở - mang dáng dấp nụ cười - xuất hiện ở nửa dưới khuôn mặt ông ta.

"… rằng tôi cũng nhận được điều đó từ cậu."

"Tôi phải suy nghĩ đã," Harry nói.

Cái hé mở khép lại.

"Về công việc ấy mà," anh nói thêm.

Vị sếp *Kripos* lại cười. Lần này nụ cười đã lan tỏa trong ánh mắt ông ta.

"Tất nhiên rồi. Để tôi mời cậu một cốc bia, Harry. Họ đóng cửa rồi

nhưng chỉ khi tôi nói vậy thôi."

"Tôi nghiện rượu mà."

Vị sếp *Kripos* chợt ngẩn ra trong giây lát. Rồi ông ta bật cười khẽ.

"Xin lỗi. Tôi vô ý quá. Nhưng còn một chuyện này nữa, Harry. Cậu đã…"

Harry chờ đợi trong lúc chiếc cốc xoay thêm một vòng nữa.

"Cậu đã nghĩ xem mình sẽ trình bày vụ này như thế nào chưa?"

"Trình bày ư?"

"Phải. Trong báo cáo. Với báo chí. Họ sẽ muốn phỏng vấn cậu. Và họ sẽ săm soi đến tận chân tơ kẽ tóc toàn bộ ngành nếu vụ Waaler buôn lậu vũ khí bị lộ ra. Vì lý do đó, điều tối quan trọng là cậu không được nói…"

Harry lục tìm bao thuốc lá trong lúc Giám đốc Sở loay hoay tìm từ để diễn đạt.

"… Cậu không nên cho họ phiên bản dễ gây nhiều hiểu lầm," cuối cùng ông ta cũng nói.

Harry hé môi thành một nụ cười nhạt và nhìn điếu thuốc cuối cùng của mình.

Vị sếp *Kripos* đã nghĩ xong, quyết định uống nốt chỗ bia và đưa mu bàn tay lên quệt miệng.

"Anh ta có nói gì không?"

Harry nhướn một bên lông mày. "Ý sếp muốn nói đến Waaler?"

"Phải. Trước khi chết, anh ta có nói gì không? Bất cứ điều gì về đồng bọn của anh ta? Còn ai khác có liên quan?"

Harry quyết định để dành điếu thuốc cuối cùng. "Không, anh ta không nói điều gì cả. Một điều cũng không."

“Thật đáng tiếc.” Vị sếp *Kripos* quan sát anh với vẻ vô cảm. “Vậy còn những đoạn băng ghi hình thu được thì sao? Chúng có tiết lộ được bất cứ chi tiết nào đại loại như thế không?”

Harry nhìn thẳng vào cặp mắt xanh dương của sếp *Kripos*. Theo như anh biết, ông ta đã cống hiến cả đời mình cho ngành cảnh sát. Mũi ông ta sắc lẻm như lưỡi rìu, cặp môi đã mỏng lại hơi dẩu, bàn tay vừa to vừa thô kệch. Ông ta đã góp phần tạo nên nền tảng của ngành: một khối đá granite vững chãi mà rắn chắc.

“Ai biết được?” Harry đáp. “Dù sao cũng có gì đáng lo đâu. Vì với vụ này, câu chuyện được đưa ra ánh sáng sẽ là phiên bản không dễ gây” - Harry cuối cùng cũng cạy được mẩu vecni khô - “hiểu lầm.”

Đúng lúc đó, đèn trong quán bar bắt đầu nhấp nháy.

Harry đứng dậy.

Hai người nhìn nhau.

“Có cần đi nhờ xe tôi không?” sếp *Kripos* hỏi.

Harry lắc đầu.

“Tôi sẽ đi dạo một lát.”

Vị sếp *Kripos* bắt tay Harry thật chặt và thật lâu. Đang trên đường ra cửa thì Harry bỗng dừng bước và ngoái lại.

“Mà sếp này, Waaler đúng là có nói một câu.”

Hai hàng lông mày trắng của sếp *Kripos* cau lại.

“Vậy sao?” ông ta thận trọng hỏi.

“Phải. Anh ta xin tôi rủ lòng thương.”

Harry đi đường tắt qua nghĩa trang Our Saviour. Mưa đang tí tách rơi qua những tàng cây. Những giọt nước va đập vào tán lá ở tầng dưới với những tiếng thở dài êm ái trước khi chúng chạm xuống mặt đất rồi bị mặt đất thèm khát nuốt trọn. Anh bước trên lối đi giữa những ngôi mộ và nghe thấy tiếng người chết đang lầm rầm trò chuyện. Harry đứng lại, lắng tai nghe. Phía trước mặt anh là nhà thờ Gamle Aker, tối om và say ngủ. Đâu đó vang lên âm thanh rất khẽ, ướt át của lưỡi và má chạm nhau. Anh chọn ngã rẽ bên trái, đi qua cổng và tiến về phía đồi Telthus.

Khi về đến căn hộ của mình, Harry cởi đồ, đi vào phòng tắm và xả nước nóng. Hơi nước ngưng tụ chảy dọc theo bức tường và anh cứ đứng đó cho tới khi da đỏ ửng, đau rát. Rồi anh đi vào phòng ngủ. Nước dần bay hơi, anh không lau khô người mà cú thế nằm lên giường. Anh nhắm mắt lại và chờ đợi. Đợi cơn buồn ngủ kéo đến. Hoặc là những hình ảnh. Thứ gì tới trước cũng được.

Thế nhưng, thứ tìm đến với anh lại là những tiếng lầm rầm.

Anh lắng nghe.

Họ đang thì thào chuyện gì vậy?

Họ đang lên kế hoạch gì?

Họ đang giao tiếp bằng mật mã.

Anh ngồi dậy. Tựa đầu vào tường và cảm nhận vết khắc hình ngôi sao của quỷ hằn lên phía sau đầu.

Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Chẳng bao lâu nữa trời bên ngoài sẽ sáng.

Harry đứng lên, đi ra hành lang. Anh lục các túi áo khoác và tìm thấy điếu thuốc cuối cùng, ngắt bỏ đầu thuốc rồi châm lửa. Sau đó, anh ngồi trên chiếc ghế tựa lưng cao ở phòng khách, đợi trời sáng.

Ánh trăng rọi vào trong căn phòng.

Anh nghĩ về Tom Waaler trong ánh nhìn xa xăm vào khoảng không vô tận. Về người đàn ông anh đã nói chuyện tại khu phố cổ ở Oslo sau cuộc đối thoại với Waaler bên ngoài căng tin trên sân thượng Sở Cảnh sát. Tìm được người này cũng dễ thôi, vì anh ta vẫn giữ biệt danh ngày xưa và vẫn làm ở cửa hàng của gia đình.

"Tom Brun hả?" người đàn ông ở sau quầy thu ngân ốp gạch đã đáp lại như vậy và lùa tay qua mái tóc bóng nhờn. "Phải, đúng là tôi còn nhớ cậu ta. Kể cũng tội nghiệp. Ở nhà toàn bị bố đánh. Bố cậu ta là thợ hồ nhưng không có công ăn việc làm. Rượu chè be bét. Bạn ư? Không, tôi với Tom Brun chả phải bạn bè gì sất. Đúng, tôi chính là Solo đây. Đi du lịch xuyên châu Âu bằng vé tàu Inter-rail ư?"

Người đàn ông bật cười.

"Nơi xa nhất tôi từng đi tàu tới là ngay dưới vùng bờ biển, phía Nam Oslo. Thực sự tôi không nghĩ Tom Brun có nhiều bạn lắm. Tôi nhớ hồi đó cậu ta là đứa ngoan ngoãn, típ con trai sẵn lòng dẫn người già qua đường, hơi giống kiểu Hướng đạo sinh nam ấy. Nhưng cậu ta cũng kỳ lạ. Có điều gì đó khá đáng ngờ trong cái chết của bố cậu ta. Một vụ tai nạn rất quái dị, kiểu đấy."

Harry quệt ngón áp út lên mặt bàn nhẵn mịn. Anh cảm thấy những hạt li ti dính vào da và biết rằng đó là lớp bụi vàng rơi ra từ chiếc đục. Ánh đèn đỏ nhấp nháy trên máy trả lời tự động của anh. Chắc là lại nhà báo đây mà. Sáng nay mọi chuyện sẽ bắt đầu. Harry đưa đầu ngón tay lên lưỡi. Anh nếm thấy vị đắng. Là vữa. Anh nhớ ra lớp bụi này bắt nguồn từ mảng tường phía trên cửa ra vào phòng 406, nơi Wilhelm Barli đã khắc hình ngôi sao của quỷ. Harry tặc lưỡi một cái. Thợ hồ hẳn đã sử dụng một hỗn hợp vữa lạ, vì

thấp thoáng trong đó còn có một vị khác. Ngòn ngọt. Không, tanh tanh mới đúng. Vị của trứng.

HẾT

Kristiania là tên gọi cũ của thủ đô Oslo trong giai đoạn 1877-1925.

Jericho là thành cổ nằm gần Bờ Tây sông Jordan.

Do Na Uy ở gần Cực Bắc nên vào mùa hè, ngày sẽ rất dài. Trong giai đoạn giữa hè, phải gần mười giờ tối mặt trời mới lặn.

Speed là loại amphetamine làm thuốc uống để tạo cảm giác khỏe và hứng khởi.

Imovane là loại thuốc an thần dùng để điều trị chứng rối loạn giấc ngủ.

Rohypnol là loại thuốc an thần mạnh, làm tê liệt hệ thần kinh trung ương, được sử dụng như một loại thuốc trước khi gây mê và thuốc điều trị ngắn hạn cho chứng mất ngủ. Đặc biệt đây được coi là "thuốc xâm hại tình dục" khiến nạn nhân mất khả năng chống cự về thể chất hay tình dục.

Eliza Doolittle là nhân vật trong vở nhạc kịch *My Fair Lady* (được xây dựng dựa trên vở kịch *Pygmalion* của nhà văn George Bernard Shaw). Vở kịch kể về việc giáo sư ngôn ngữ học Henry Higgins rèn luyện cho cô gái bán hoa nghèo Eliza Doolittle từ một cô gái nói năng bỗ bã trở thành người phụ nữ có phong thái chuẩn mực của giới quý tộc Anh.

Bức màn sắt là một biên giới vật lý lẫn tư tưởng mang tính biểu tượng chia cắt châu Âu thành hai khu vực riêng rẽ từ cuối Thế Chiến II vào năm 1945 đến cuối cuộc Chiến tranh Lạnh vào năm 1991, trong đó nổi bật nhất là Bức tường Berlin.

Arnfinn Nesset sinh ngày 25 tháng Mười năm 1936, làm việc tại Viện dưỡng lão Orkdal Valley. Khi bị bắt, Nesset khai nhận đã sử dụng một loại

chất giãn cơ là Curacit để tiêm cho 27 nạn nhân từ năm 1977 đến năm 1980, tuy nhiên con số chính xác là bao nhiêu thì chính hắn cũng không rõ do hắn còn làm việc tại một vài nơi khác nữa, cơ quan điều tra đưa ra danh sách nạn nhân lên đến 62 người. Ngày 11 tháng Ba năm 1983, Nesset bị tuyên án 21 năm tù (mức cao nhất của khung hình phạt) vì tội sát hại 22 người. Sau khi được phóng thích vào năm 2004, Nesset sống ẩn dật tại Na Uy dưới một cái tên khác. (Theo *Bách khoa thư về sát nhân hàng loạt,* nhà xuất bản Facts on File, 2006.)

Đơn vị phụ trách hậu cần, đi lại trên bộ.

Wehrmacht hay Lực lượng Vệ quốc là tên chung của các lực lượng quân đội của Đức Quốc xã trong giai đoạn 1935-1945.

Henry Lee Lucas (1936-2001) và Ottis Elwood Toole (1947-1996) là đôi tình nhân giết người hàng loạt đã khủng bố nước Mỹ trong thập niên 1960 và 1970. Họ thường lang thang từ bang này sang bang khác để tìm những người phụ nữ đi nhờ và bắt về hành hạ. Từ trẻ nhỏ tới người già, bất kể ai không may làm cho hai kẻ bệnh hoạn này thấy thích thì người đó sẽ bị hãm hiếp và giết chết. Cả hai đều đã chết trong tù do những nguyên nhân rất tự nhiên là trụy tim (Lucas) và suy gan (Toole).

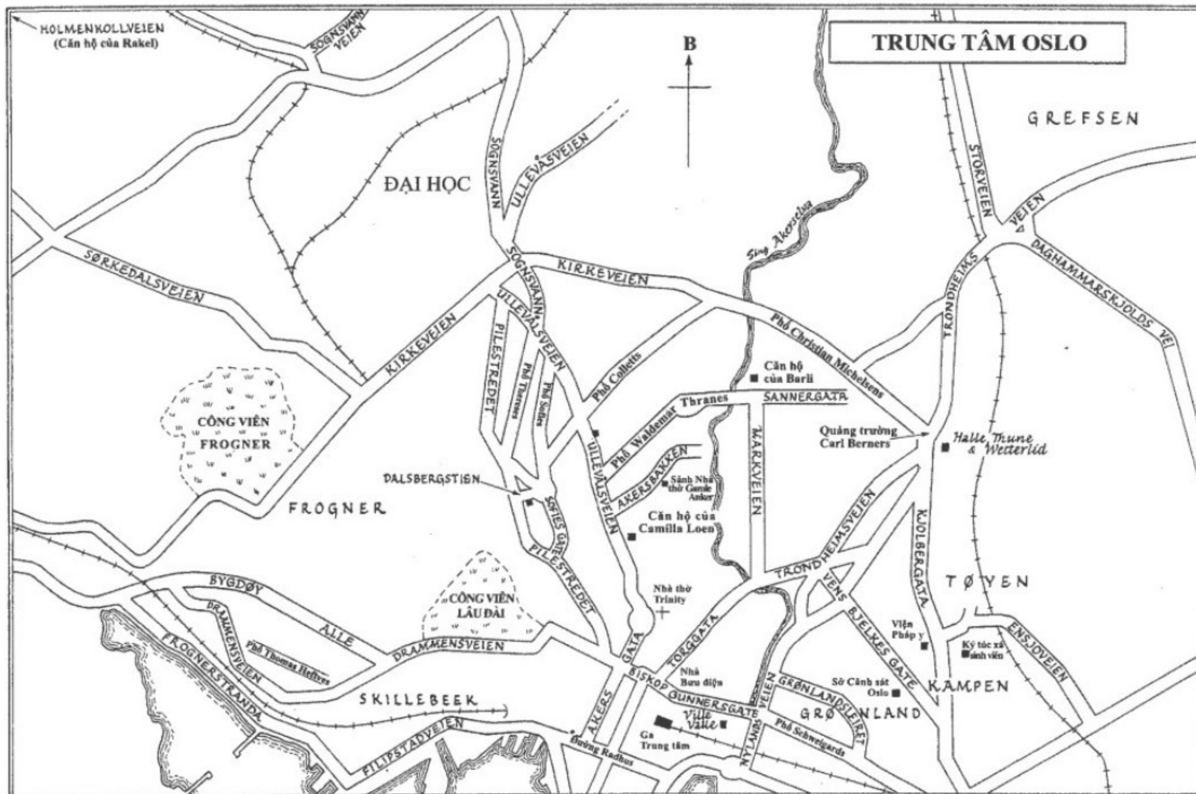
“Drag queen” là từ dùng để chỉ những nghệ sĩ nam ăn mặc, trang điểm như phụ nữ để biểu diễn trên sân khấu.

Khải tượng hay sự hiện thấy có nghĩa là sự nhìn thấy và nghe thấy những điều Chúa bày tỏ cho con người khi người đó đang trong tình trạng tỉnh thức.

LSD (Lysergic acid diethylamide) là một loại ma túy, một trong những chất gây ảo giác mạnh nhất được biết đến hiện nay. Chỉ cần sử dụng 1 -3µg/1 kg cân nặng là đủ để gây ảo giác, loạn thần mức độ trung bình.

Loo Lid có nghĩa là “nắp bồn cầu”.

Tạm dịch là: *Sau tủ sau tủ sau tủ của bà.* Đây là câu thơ trong bài thơ “Så rart” (tạm dịch: Thật lạ) dành cho thiếu nhi của nhà thơ Inger Hagerup (1905-1985) - một tác giả, nhà viết kịch và nhà thơ người Na Uy. Bà được coi là một trong những nhà thơ Na Uy vĩ đại nhất thế kỷ hai mươi.



Trong bản gốc, Harry gọi bà Sivertsen là Fru Sivertsen”, “fru”là từ xưng hô đối với phụ nữ đã có chồng. Bà Sivertsen đã sửa lại thành “frøken”, nghĩa là người phụ nữ chưa có chồng.

Sodom là tên thành phố nổi tiếng trụy lạc trong Kinh Thánh Cựu ước.

Bộ đếm Geiger là phát minh của hai nhà vật lý người Đức Hans Geiger và Walther Muller. Đây là công cụ được dùng để phát hiện và đo bức xạ ion hóa, sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng như đo liều bức xạ, bảo vệ phóng

xạ, vật lý thực nghiệm và công nghiệp hạt nhân.

Iggy và The Stooges là một ban nhạc rock của Mỹ được thành lập tại Ann Arbor, Michigan vào năm 1967 bởi ca sĩ Iggy Pop, guitarist Ron Asheton, tay trống Scott Asheton và tay bass Dave Alexander.

Nguyên văn: Turning Japanese, tên một bài hát nổi tiếng thế giới được phát hành bởi ban nhạc người Anh the Vapors năm 1980. Lời bài hát mô tả về nhân vật kể bị tách rời khỏi người phụ nữ anh ta yêu và chỉ mải bận tâm tới những bức ảnh của cô ấy.

Wladziu Valentino Liberace (1919-1987) là một thần đồng piano, ca sĩ và diễn viên người Mỹ. Ông là ngôi sao của các buổi hòa nhạc, truyền hình và thu âm trực tiếp. Lối sống hào hoa quá mức cả trên sân khấu và đời thực đã mang lại cho ông biệt danh “Mr. Showmanship”.

Lưu ký là dịch vụ mà bưu điện giữ thư cho đến khi người nhận tự đến nhận.